

TÀI LIỆU PHÂN TÍCH CHUYÊN SÂU CÁC TÁC PHẨM VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI HIỆU QUẢ NLVH

PHƯƠNG PHÁP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 1

Nội dung bài học:

- Phân tích đề
- Tìm ý bám sát vấn đề nghị luận
- Cách viết mở đoạn, kết đoạn
- Luyện tập: Viết đoạn văn về 7 câu thơ đầu bài thơ Đồng chí

I. HÌNH THỨC ĐOẠN VĂN

Một đoạn văn được tính từ chỗ lùi đầu dòng viết hoa đến chỗ chấm xuống dòng.

Lưu ý:

- Lùi đầu dòng rõ ràng
- Không xuống dòng

II. NỘI DUNG

Bước 1: Phân tích đề (1 phút - gạch chân vào đề)

nhằm triển khai các luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận.

II. PHƯƠNG PHÁP CHUNG

Mỗi phần thân đoạn đều gồm 2 phần chính: phân tích dẫn chứng và đánh giá. Có thể hình dung qua sơ đồ sau:

THÂN ĐOẠN

Phần 1: Phân tích dẫn chứng

Phần 2: Đánh giá

Dẫn chứng: hình thức – ý nghĩa
- bình luận mở rộng

Dẫn chứng: hình thức – ý nghĩa
- bình luận mở rộng

Dẫn chứng: hình thức – ý nghĩa
- bình luận mở rộng

Dẫn chứng: hình thức – ý nghĩa
- bình luận mở rộng

1. Phần 1: Phân tích dẫn chứng (bắt buộc, quan trọng nhất)

- Nội dung:

I. Niềm xúc động của tác giả khi đứng trước lăng Bác (khó 1)

- Khổ thơ đầu tiên là những cảm xúc của VP khi đứng trước lăng Bác, từ đó thể hiện sự thành kính của nhà thơ với Bác.

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

- Từ mình đất miền nam mấy chục năm khỏi lửa, nhà thơ Viễn Phương mới hành hương ra thăm miền Bắc. Cầu đầu gần đi như một lời thông báo nhưng chất chứa biết bao nỗi niềm, đây là lời người con ở phương xa lâu ngày mới được về thăm người cha già kính yêu. Có lẽ bởi vậy mà trong niềm sâu thẳm dâng lên nỗi xúc động nghẹn ngào.
- Cách xưng hô "con- Bác" quen thuộc mang đậm chất Nam Bộ gợi tình cảm ruột thịt gần gũi nhà thơ với Bác, nhà thơ giống như một đứa con đi xa lâu ngày trở lại thăm người cha già. Chính cách xưng hô ấy đã kéo gần lại khoảng cách xa vời giữa Nam với Bắc xóa nhòa đi cách biệt giữa thời gian trước sau, địa vị thấp cao, sự cách biệt giữa âm dương cách trở. Và tình cảm ấy có lẽ không chỉ của riêng nhà thơ Viễn Phương mà là của bao người Việt Nam khi nghĩ về Bác, khi viết về Bác.
- Liên hệ: Nhà thơ Tố Hữu cũng từng viết:
Con nghe Bác tường nghe lời non nước

GÓC NHÌN MỚI VỀ VĂN HỌC



CHUYÊN ĐỀ I: PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

A. Mẹo phương pháp viết NLVH nhanh cho học sinh khá giỏi

PHƯƠNG PHÁP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 1

Nội dung bài học:

- Phân tích đề
- Tìm ý bám sát vấn đề nghị luận
- Cách viết mở đoạn, kết đoạn
- Luyện tập: Viết đoạn văn về 7 câu thơ đầu bài thơ Đồng chí

I. HÌNH THỨC ĐOẠN VĂN

Một đoạn văn được tính từ chỗ lùi đầu dòng viết hoa đến chỗ chấm xuống dòng.

Lưu ý:

- Lùi đầu dòng rõ ràng
- Không xuống dòng

II. NỘI DUNG

Bước 1: Phân tích đề (1 phút - gạch chân vào đề)

- Đọc kĩ đề để xác định được:
 - + Vấn đề nghị luận
 - + Phạm vi dẫn chứng
 - + Kiểu đoạn văn
 - + Dung lượng (khoảng bao nhiêu câu/dòng/trang giấy)
 - + Yêu cầu Tiếng Việt đi kèm

VD: Viết đoạn văn (khoảng 12 - 15 câu) theo cách lập luận tổng - phân - hợp nêu cảm nhận của em về những tín hiệu giao mùa trong khổ thơ thứ nhất bài “Sang thu” (Hữu Thỉnh). Trong đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập tình thái (gạch chân để chỉ rõ)
=> Phân tích đề:

- Vấn đề nghị luận: những tín hiệu giao mùa

- Phạm vi dẫn chứng: khổ thơ thứ nhất bài “Sang thu”
- Kiểu đoạn văn: Tổng - phân - hợp
- Dung lượng: đoạn văn khoảng 12 - 15 câu
- Yêu cầu Tiếng Việt đi kèm: Trong đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập tình thái (gạch chân để chỉ rõ)

1

VD: Nhà văn Nguyễn Quang Sáng trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” đã diễn tả rất xúc động tình thương cha của nhân vật bé Thu khi cô bé nhận ông Sáu là cha trước khi ông Sáu phải lên đường. Bằng một đoạn văn (khoảng 12 - 15 câu) theo cách lập luận diễn dịch, em hãy nêu cảm nhận về tình cảm ấy của bé Thu. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép.

=> Phân tích đề:

- Vấn đề nghị luận: tình thương cha của bé Thu
- Phạm vi phân tích: cảnh chia tay trước khi ông Sáu lên đường
- Kiểu đoạn văn: diễn dịch
- Dung lượng: 12 - 15 câu
- Yêu cầu Tiếng Việt: sử dụng câu ghép

Lưu ý: Cùng 1 phạm vi dẫn chứng nhưng vấn đề nghị luận có thể khác nhau, khiến cho định hướng làm bài cũng khác nhau. Vì vậy **KHÔNG ĐƯỢC CHỦ QUAN** mà **PHẢI ĐỌC THẬT KỸ ĐỀ** để xác định đúng vấn đề nghị luận.

Bước 2: Lập ý (2 phút - gạch đầu dòng các từ khóa ra nháp)

- Huy động kiến thức nền về đối tượng cần nghị luận
- Bám sát yêu cầu đề bài, gạch ra các ý chính trong thân đoạn (có thể đặt những câu hỏi “là gì?”, “như thế nào?”, “thể hiện qua đâu?” để tìm ra ý chính)
- Bước này làm ra nháp, bằng các gạch đầu dòng và từ khóa. Các từ khóa cần ghi là:
 - + Nội dung chính của mỗi phần nhỏ trong đoạn thơ/đoạn trích văn xuôi cần phân tích
 - + Tên biện pháp tu từ + tác dụng

- + Đánh giá sau mỗi ý phân tích (thường là các tính từ)
- + Tình cảm, suy nghĩ của tác giả đã gửi gắm
- + Đặc sắc nghệ thuật: nhịp thơ, thể thơ, hình ảnh thơ, nhịp điệu trong văn² xuôi, giọng văn, ngôn ngữ...
- + Dẫn chứng liên hệ mở rộng nếu có và vị trí muốn liên hệ

VD: Từ đề bài xác định được:

- Vấn đề nghị luận: **những tín hiệu giao mùa**
- Phạm vi phân tích: khổ 1 bài “Sang thu”.

=> Các ý chính là:

- Tín hiệu 1: hương ổi => đi liền với “bỗng”, “phả” => mùi hương đặc trưng của làng quê, giản dị, nồng nàn. Liên hệ “Gió thổi mùa thu hương cốm mới” - hương cốm
- Tín hiệu 2: gió se => đặc trưng của mùa thu xứ Bắc, làm sáng đậm hơn mùi hương ổi
- Tín hiệu 3: sương => Nhân hóa “chùng chình”, cố ý chậm lại, giăng mắc => không gian mơ hồ
- Tác giả giật mình, bồi hồi => vui, say sưa, tinh tế
- Đánh giá: nhiều giác quan, sinh động, gần gũi, tinh tế.
- Nghệ thuật: thể thơ 5 chữ, hình ảnh mộc mạc, nhẹ nhàng

VD: Từ đề bài xác định được:

- **Vấn đề nghị luận: vẻ đẹp (nội dung + nghệ thuật) của khổ thơ**
- Phạm vi phân tích: khổ 1 bài “Sang thu”.

=> Các ý chính là:

- Nội dung:
 - + “Bỗng” đặt đầu câu => bất ngờ, đột ngột, giật mình bởi hương ổi thân quen. Liên hệ chia sẻ của Hữu Thỉnh
 - + Hương ổi là tín hiệu đầu, nồng nàn, bao trùm không gian => đánh thức giác quan, sự cảm nhận
 - + Hương ổi trong gió se + động từ “phả” => sánh đậm, không gian đặc trưng làng quê xứ Bắc
 - + Sương giăng mắc, nhân quá qua “chùng

	chình” => gọi hình, gọi cảm => tinh tế
--	---

	+ cảm giác mơ hồ, say sưa cùng thiên nhiên => “hình như”: không chắc chắn => Thu về trong mọi giác quan - Nghệ thuật: + thể thơ 5 chữ đơn giản, gần gũi + Ngôn ngữ thơ tinh tế + Hình ảnh mộc mạc, sinh động
--	---

Lưu ý: Mỗi vấn đề nghị luận khác nhau sẽ có dàn ý khác nhau, cần bám sát vào vấn đề để xác định các ý chính và từ ngữ chủ đề xuyên suốt đoạn văn cần viết.

Bước 3: Viết đoạn văn (tối đa 40 phút - viết cẩn thận, sạch sẽ)

* **Bám sát kiểu đoạn văn mà đề yêu cầu:** Dưới đây là bố cục các kiểu đoạn văn thường gặp:

	Diễn dịch	Tổng - phân - hợp	Quy nạp
Mở đoạn	Câu chủ đề	Câu chủ đề	Câu giới thiệu (không nêu vấn đề)
Thân đoạn	Lí lẽ + dẫn chứng	Lí lẽ + dẫn chứng	Lí lẽ + dẫn chứng
Kết đoạn	Câu gợi mở/cảm xúc (không chốt lại vấn đề)	Câu chủ đề	Câu chủ đề

* **Phương pháp viết MỞ ĐOẠN (1 - 2 câu => chuẩn bị trước khi đi thi)**

1. **Đoạn văn diễn dịch và tổng - phân - hợp:** mở đoạn phải nêu được câu chủ đề

- a. **Mở đoạn trực tiếp:** Nêu vấn đề và phạm vi dẫn chứng (câu chủ đề)
- **Công thức:** **Trong tác phẩm** + tên tác phẩm, + tên tác giả + **đã ghi dấu ấn đậm nét/khó phai trong lòng bạn đọc khi miêu tả/điển tả/... thành công/một cách tinh tế/...** + vấn đề nghị luận qua + phạm vi dẫn chứng.
 - **VD:** Mở đoạn cho đề bài ở VD1:
Trong thi phẩm “Sang thu”, nhà thơ Hữu Thỉnh đã ghi dấu ấn đậm nét trong lòng bạn đọc khi diễn tả một cách tinh tế những tín hiệu giao mùa qua khổ thơ đầu tiên.
 - **VD:** Mở đoạn cho đề bài: Bằng 1 đoạn văn diễn dịch, nêu cảm nhận của em về nhân vật bé Thu trong buổi chia tay trước khi ông Sáu lên đường làm nhiệm vụ.
Trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà”, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã ghi dấu ấn khó phai trong lòng bạn đọc khi diễn tả một cách xúc động về nhân vật bé Thu trong buổi chia tay trước khi ông Sáu lên đường làm nhiệm vụ.
- b. **Mở đoạn gián tiếp:** Dẫn dắt + nêu vấn đề và phạm vi dẫn chứng (câu chủ đề)
- **Cách 1:** Dẫn dắt từ phong cách nghệ thuật của tác giả
 - + Công thức: **Trong nền văn học hiện đại/trung đại Việt Nam**, + tên tác giả + điểm đáng lưu ý về tác giả (PCNT). **Tiêu biểu cho phong cách độc đáo/ấn tượng ấy chính là thi phẩm/truyện ngắn/...** + tên tác phẩm => Câu chủ đề.
 - + VD: Trong nền văn học hiện đại Việt Nam, Phạm Tiến Duật có giọng thơ sôi nổi, trẻ trung, pha chút ngang tàng mà sâu sắc, những trang thơ như “ngọn lửa đèn” của cả một thế hệ nhà thơ thời chống Mỹ. Tiêu biểu cho phong cách độc đáo ấy chính là thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” => Câu chủ đề
 - **Cách 2:** Dẫn dắt từ đề tài
 - + Công thức: **Viết về** + đề tài, **như** + 2 đến 3 tác giả, tác phẩm về đề tài đó và đặc điểm nổi bật, **thì** + tác giả chính cùng đặc điểm nổi bật của tác phẩm => Câu chủ đề.

+ VD: Nếu như nhắc đến mùa thu trong thi ca, người ta hay nhớ đến những sắc, những hương đặc trưng như sắc vàng phai trong thơ Xuân Diệu: “Đây mùa thu tới, mùa thu tới / Với áo mơ phai dệt lá vàng”, hay như hương cốm nồng nàn trong thơ Nguyễn Đình Thi: “Sáng mát trong như sáng năm xưa / Gió thổi mùa thu hương cốm mới”; thì tín hiệu bắt đầu mùa thu trong thơ Hữu Thỉnh lại là hương ổi chín trong làn gió se.
=> Câu chủ đề

- Cách 3: Dẫn dắt từ nhận định

+ Công thức: Tên tác giả của nhận định + đã từng viết/đã từng nói rằng/ đã từng tâm niệm rằng/...: “Trích dẫn nhận định”. Nhận định này khiến chúng ta nhớ về + tác giả hoặc tác phẩm + điểm liên quan với nhận định
=> Câu chủ đề

+ VD: Nhà thơ Đỗ Trung Lai đã từng nói: sáng tác của Phạm Tiến Duật là “Một góc bảo tàng tươi sống về Trường Sơn thời chống Mỹ”. Nhận định này khiến chúng ta nhớ về thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” - “một góc bảo tàng tươi sống” về những người lính lái xe Trường Sơn. => Câu chủ đề

2. Đoạn văn quy nạp: mở đoạn không nêu câu chủ đề, không khái quát nội dung toàn đoạn

- Công thức 1: Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân.

+ Tên nhà thơ + cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế + trích thơ.

VD: Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. Nhà thơ Chính Hữu cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế: “Quê hương anh nước mặn đồng chua /.../ Đồng chí”.

- Công thức 2: Nếu phải chọn ra ý nghĩa cao cả nhất của văn chương trong

đời sống thì đó là việc văn chương đã cống hiến cho cuộc đời này những câu chuyện đẹp đẽ, những nhân vật gần gũi mà ấn tượng cùng bao suy ngẫm sâu xa trong tâm hồn các nghệ sĩ. + Tên nhà văn + cũng đã viết lên/xây dựng những trang văn / nhân vật ý nghĩa như thế + trích dẫn chứng (trong phạm vi đề bài).

VD: Nếu phải chọn ra ý nghĩa cao cả nhất của văn chương trong đời sống thì đó là việc văn chương đã cống hiến cho cuộc đời này những câu chuyện đẹp đẽ, những nhân vật gần gũi mà ấn tượng cùng bao suy ngẫm sâu xa trong tâm hồn các nghệ sĩ. Nhà văn Lê Minh Khuê cũng đã viết lên những trang văn ý nghĩa như thế: “Việc của chúng tôi là ngồi đây... “những con quỷ mắt đen”.

- Tự do: Dẫn dắt từ những thông tin liên quan đến tác phẩm

VD: Mở đoạn cho đoạn văn quy nạp phân tích nhân vật bé Thu khi từ biệt cha: Từ một câu chuyện của cô giao liên trên đường công tác, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã xúc động viết nên truyện ngắn “Chiếc lược ngà”. Trong những trang văn ấy, ta bắt gặp một bé Thu ương ngạnh, gan lì, ngỡ như không bao giờ chịu nhận ông Sáu là ba, nhưng cuối cùng em đã cất tiếng gọi “Ba...a...a...” ngay tại thời khắc éo le nhất...

Lưu ý: Cách viết mở đoạn áp dụng cho mọi đề bài:

- Bước 1: Dùng câu dẫn sau:

- + *Thơ:* Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân.
- + *Văn xuôi:* Nếu phải chọn ra ý nghĩa cao cả nhất của văn chương trong đời sống thì đó là việc văn chương đã cống hiến cho cuộc đời này những câu chuyện đẹp đẽ, những nhân vật gần gũi mà ấn tượng cùng bao suy ngẫm sâu xa trong tâm hồn các nghệ sĩ.

- Bước 2: Tùy vào kiểu đoạn văn để viết câu chủ đề hoặc giới thiệu dẫn chứng

*** Phương pháp viết KẾT ĐOẠN (1-2 câu, chuẩn bị trước khi thi)**

1. Đoạn văn tổng phân hợp, quy nạp: kết đoạn phải nêu được câu chủ đề

- Công thức: **Như vậy/Tóm lại, bằng** + đặc sắc nghệ thuật của đối tượng phân tích, + tên tác giả + **đã khắc họa thành công** + vấn đề nghị luận, **để lại trong lòng bạn đọc những ấn tượng thật khó phai mờ.**
- VD: Đoạn văn quy nạp phân tích cảnh ra khơi trong 2 khổ đầu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” (Huy Cận).

Như vậy, bằng những hình ảnh tráng lệ, những so sánh kì vĩ, độc đáo, tác giả Huy Cận đã khắc họa thành công cảnh ra khơi trong hai khổ thơ đầu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”, để lại trong lòng bạn đọc những ấn tượng khó phai mờ.

2. Đoạn văn diễn dịch: Kết đoạn không nêu câu chủ đề, không tổng kết lại nội dung toàn đoạn.

- Gợi ý:
 - + Sử dụng câu cảm thán bộc lộ cảm xúc cá nhân của mình.
 - + Sử dụng nhận định về tác giả, tác phẩm.
- VD: Đoạn văn diễn dịch phân tích cảnh ra khơi trong 2 khổ đầu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” (Huy Cận).

Những câu thơ của Huy Cận như một bức tranh thật kì vĩ và ấn tượng biết bao!

III. LUYỆN TẬP

Đề bài: Bằng một đoạn văn tổng hợp - phân tích - tổng hợp khoảng 12 - 15 câu, em hãy phân tích những cơ sở hình thành tình đồng chí trong 7 câu thơ đầu bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu).

Bước 1: Phân tích đề (gạch chân)

- Vấn đề nghị luận: cơ sở hình thành tình đồng chí.
- Phạm vi dẫn chứng: 7 câu đầu bài thơ “Đồng chí”
- Kiểu đoạn văn: tổng - phân - hợp
- Dung lượng: 12 - 15 câu (tối đa chỉ được lên đến 18 câu)
- Yêu cầu Tiếng Việt: không có

Bước 2: Lập ý

- Cơ sở: sự tương đồng 8
- Tương đồng về nguồn gốc xuất thân => đôi “quê hương anh” - “làng tôi” => miền quê nghèo, nông dân mặc áo lính
- Tương đồng về lí tưởng, lòng yêu nước => từ xa lạ, cùng nhập ngũ để chiến đấu bảo vệ quê hương
- Tương đồng về nhiệm vụ, hoàn cảnh sống: điệp + hoán dụ => gắn bó, chia ngọt sẻ bùi để hoàn thành nhiệm vụ
- * liên hệ: “Giá từng thước đất”

=> Tình đồng chí được hình thành, là một quá trình

- “Đồng chí” + dấu chấm than đứng tách riêng => nốt lặng, dồn nén cảm xúc, kết đọng và gợi mở.

=> Tác giả thấu hiểu, trân trọng

- Nghệ thuật: lời thơ giản dị, xúc động

Bước 3: Viết đoạn văn

Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. Nhà thơ Chính Hữu cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế viết về cơ sở hình thành tình đồng chí đồng đội giữa những người lính cách mạng: “*Quê hương anh nước mặn đồng chua /.../ Đồng chí*”. Tình đồng chí được xây dựng dựa trên ở sở những điểm chung giữa những con người từ xa lạ trở nên thân quen và thành tri kỉ. Trước tiên là điểm chung về hoàn cảnh xuất thân. Người lính buổi đầu kháng Pháp đều ra đi từ những vùng quê nghèo, là những người nông dân nơi “*nước mặn đồng chua*” hoặc ở chốn “*đất cày lên sỏi đá*”. “*Quê hương anh*” và “*làng tôi*” ấy tuy cách xa nhau nhưng trong kết cấu câu thơ song hành, thủ pháp đối đã cho thấy sự soi chiếu để rồi nhận ra những tương đồng trong cảnh ngộ của bao người lính. Phải chăng chính nguồn gốc xuất thân của các anh đã làm nên bệ phóng cho tình đồng chí? Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, gần gũi như lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, chia sẻ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nông dân chân lấm tay bùn, nhưng “*tự phương trời*” họ về đây không phải do cái nghèo đói xô đẩy, mà do họ có một lí tưởng chung, cùng một

mục đích cao cả. Và đã từ khi nào các anh trở thành tri kỉ của nhau: “Súng bên súng, đầu sát bên đầu / Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. “Súng bên súng”, đầu sát bên đầu” và “đêm rét chung chăn” là biện pháp điệp, là hình ảnh hoán dụ diễn tả sự cùng chung chí hướng, ý hợp tâm đầu của đôi bạn tâm giao, của đôi “tri kỉ”. Chia ngọt sẻ bùi mới “thành đôi tri kỉ”. Hiểu bạn như hiểu mình mới thành “đôi tri kỉ”. Qua cảm nhận và tấm lòng của một người lính làm thơ như Chính Hữu, tình đồng chí vẫn luôn sáng trong, gắn bó và giản dị như thế: “Đồng đội ta/ là hớp nước uống chung/ Năm cơm bẻ nửa/ Là chia nhau một trưa nắng, một chiều mưa/ Chia khắp anh em một mẩu tin nhà/ Chia nhau đứng trong chiến hào chật hẹp/ Chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết.” (“Giá từng thước đất”). Bạn chiến đấu thành tri kỉ, về sau trở thành đồng chí! Đó là cả một quá trình, từ “anh” - “tôi” xa lạ, thành “anh với tôi” rồi là “đôi tri kỉ” và cuối cùng trở thành “đồng chí”. “Đồng chí!” - hai tiếng vang lên cùng dấu chấm than như một nốt lặng trong nhịp thơ, như lắng đọng lại tất cả, diễn tả niềm tự hào xúc động ngân nga mãi trong lòng. Xúc động khi nghĩ về một tình bạn đẹp. Tự hào về mối tình đồng chí cao cả thiêng liêng, cùng chung lí tưởng chiến đấu vì quê hương, đất nước. Như vậy, bằng giọng điệu thủ thỉ tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ, nhà thơ Chính Hữu đã khắc họa một cách xúc động và đầy trân trọng về cơ sở hình thành tình đồng chí qua bảy câu thơ đầu của thi phẩm “Đồng chí”, để lại bao ấn tượng khó phai trong lòng bạn đọc.

Phân tích bài viết mẫu:

Phần	Lập ý	Diễn đạt hoàn chỉnh trong đoạn
Mở đoạn	Dẫn dắt	Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân.
	Nêu vấn đề	Nhà thơ Chính Hữu cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế viết về cơ sở hình thành tình đồng chí đồng đội

		<i>giữa những người lính cách mạng</i>
--	--	--

	Phạm vi phân tích	<i>“Quê hương anh nước mặn đồng chua /.../ Đồng chí”.</i>
Thân đoạn	Cơ sở: sự tương đồng	<i>Tình đồng chí được xây dựng dựa trên ở sở những điểm chung giữa những con người từ xa lạ trở nên thân quen và thành tri kỉ.</i>
	Tương đồng về nguồn gốc xuất thân => đối “quê hương anh” - “làng tôi” => miền quê nghèo, nông dân mặc áo lính	<i>Trước tiên là điểm chung về hoàn cảnh xuất thân. Người lính buổi đầu kháng Pháp đều ra đi từ những vùng quê nghèo, là những người nông dân nơi “nước mặn đồng chua” hoặc ở chốn “đất cày lên sỏi đá”. “Quê hương anh” và “làng tôi” ấy tuy cách xa nhau nhưng trong kết cấu câu thơ song hành, thủ pháp đối đã cho thấy sự soi chiếu để rồi nhận ra những tương đồng trong cảnh ngộ của bao người lính. Phải chăng chính nguồn gốc xuất thân của các anh đã làm nên bộ phận cho tình đồng chí?</i>
	Tương đồng về lí tưởng, lòng yêu nước => từ xa lạ, cùng nhập ngũ để chiến đấu bảo vệ quê hương	<i>Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, gần gũi như lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, chia sẻ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nông dân chân lấm tay bùn, nhưng “tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo đói xô đẩy, mà do họ có một lí tưởng chung, cùng một mục đích cao cả.</i>
	Tương đồng về nhiệm vụ, hoàn cảnh sống: điệp + hoán dụ => gắn bó, chia ngọt sẻ bùi để hoàn thành nhiệm vụ * liên hệ: “Giá	<i>Và đã từ khi nào các anh trở thành tri kỉ của nhau: “Súng bên súng, đầu sát bên đầu / Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. “Súng bên súng”, đầu sát bên đầu” và “đêm rét chung chăn” là biện pháp điệp, là hình ảnh hoán dụ diễn tả sự cùng chung chí hướng, ý hợp tâm đầu của đôi bạn tâm giao, của đôi “tri kỉ”. Chia ngọt sẻ bùi mới “thành đôi tri kỉ”. Hiểu bạn như hiểu mình mới thành “đôi tri kỉ”. Qua cảm nhận và tấm lòng của một người lính làm thơ như Chính Hữu, tình đồng chí vẫn</i>

	từng thước đất”	<i>luôn sáng trong, gần bó và giản dị như thế: “Đồng đội ta/ là hộp nước uống chung/ Năm cơm bẻ nửa/ Là chia nhau một trưa nắng, một chiều mưa/ Chia khắp anh em một mẫu tin nhà/ Chia nhau đứng trong chiến hào chật hẹp/ Chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết.” (“Giá từng thước đất”).</i>
	=> Tình đồng chí được hình thành, là một quá trình	<i>Bạn chiến đấu thành tri kỉ, về sau trở thành đồng chí! Đó là cả một quá trình, từ “anh” - “tôi” xa lạ, thành “anh với tôi” rồi là “đôi tri kỉ” và cuối cùng trở thành “đồng chí”.</i>
	“Đồng chí” + dấu chấm than đứng tách riêng => nốt lặng, dồn nén cảm xúc, kết đọng và gọi mở.	<i>“Đồng chí!” - hai tiếng vang lên cùng dấu chấm than như một nốt lặng trong nhịp thơ, như lắng đọng lại tất cả, diễn tả niềm tự hào xúc động ngân nga mãi trong lòng. Xúc động khi nghĩ về một tình bạn đẹp. Tự hào về mối tình đồng chí cao cả thiêng liêng, cùng chung lí tưởng chiến đấu vì quê hương, đất nước.</i>
Kết đoạn	=> Tác giả thấu hiểu, trân trọng	<i>Như vậy, bằng giọng điệu thủ thỉ tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ, nhà thơ Chính Hữu đã khắc họa một cách xúc động và đầy trân trọng về cơ sở</i>
	Nghệ thuật: lời thơ giản dị, xúc động	<i>hình thành tình đồng chí qua bảy câu thơ đầu của thi phẩm “Đồng chí”, để lại bao ấn tượng khó phai trong lòng bạn đọc.</i>

PHƯƠNG PHÁP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 2

Nội dung bài học:

- *Phương pháp viết thân đoạn phân tích thơ*
- *Luyện tập: Viết đoạn văn về cảnh ra khơi trong “Đoàn thuyền đánh cá”*

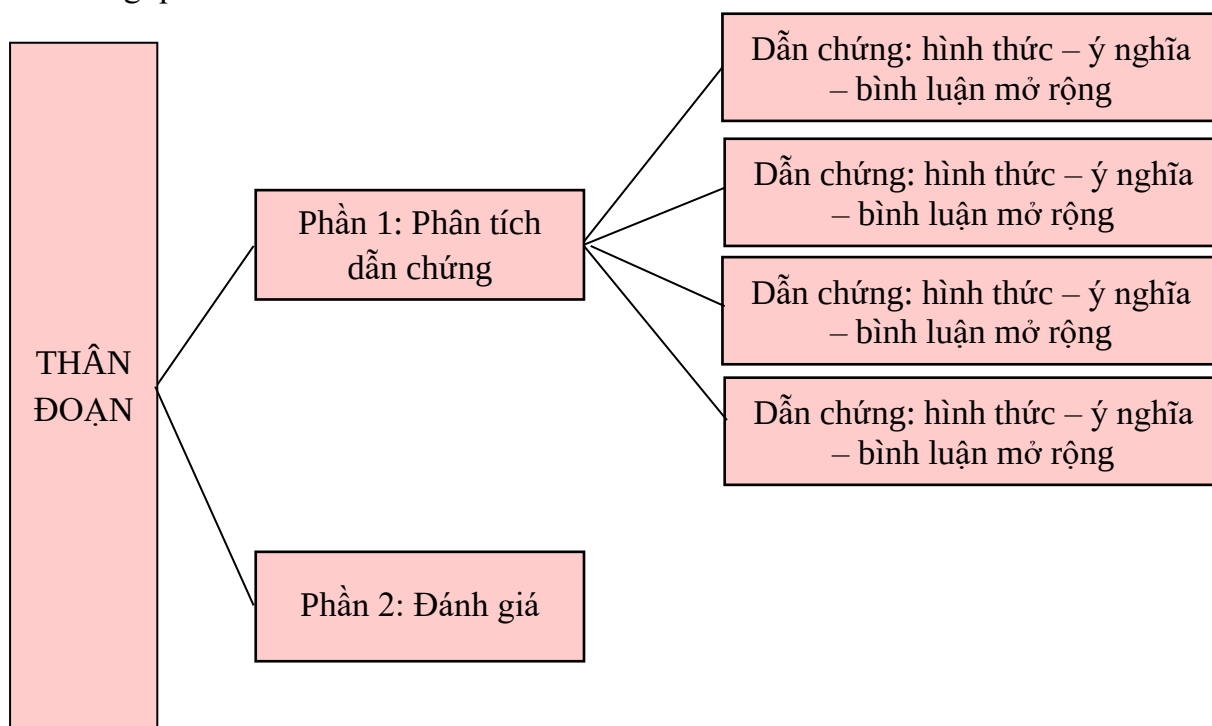
* PHƯƠNG PHÁP VIẾT THÂN ĐOẠN

I. YÊU CẦU

- Thân đoạn là phần áp dụng kiến thức nền về tác phẩm để phân tích, vì vậy để viết tốt thân đoạn, em cần nắm chắc kiến thức nền về tác giả, tác phẩm.
- Thân đoạn trong tất cả các đoạn văn (tổng phân hợp, diễn dịch, quy nạp) đều nhằm triển khai các luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận.

II. PHƯƠNG PHÁP CHUNG

Mỗi phần thân đoạn đều gồm 2 phần chính: phân tích dẫn chứng và đánh giá. Có thể hình dung qua sơ đồ sau:



1. Phần 1: Phân tích dẫn chứng (bắt buộc, quan trọng nhất)

- Nội dung:
 - + Lần lượt phân tích các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, đặc điểm nhân vật... để làm rõ vấn đề nghị luận.

- + Áp dụng kiến thức nền về phân tích mỗi khổ thơ / nhân vật / chi tiết / hình ảnh...
- Diễn đạt:
 - + Giữa các ý phân tích cần có sự liên kết, chuyển ý khéo léo.
 - + Bám sát vào vấn đề nghị luận để diễn đạt: lặp lại từ ngữ chủ đề, phân tích mỗi dẫn chứng đều hướng đến làm rõ vấn đề chung.
 - + Không dùng nhiều câu quá dài, nên sử dụng linh hoạt các câu ngắn, dài khác nhau trong đoạn văn để tránh bị lủng củng.
- 2. **Phần 2: Đánh giá (không bắt buộc nhưng nên có để đoạn văn có chiều sâu)**
 - + Đánh giá về tài năng, tấm lòng của tác giả
 - + Liên hệ, mở rộng về phong cách của tác giả, hoặc nêu nhận định, hoặc liên hệ với các tác phẩm khác cùng đề tài...

III. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

1. Đoạn văn phân tích/ cảm nhận THƠ

a. Phần 1: Phân tích dẫn chứng

Mỗi dẫn chứng có 3 bước phân tích, có thể trình bày theo 2 cách sau:

Cách 1	Cách 2
- Bước 1: Giới thiệu dẫn chứng (Vị trí câu thơ, nội dung chính) - Bước 2: Trích dẫn chứng - Bước 3: Phân tích dẫn chứng (Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ, lí giải các hình ảnh, bình luận mở rộng về dẫn chứng...) VD: Phân tích dẫn chứng “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. => Phân tích: <i>Nhà thơ Huy Cận đã miêu tả hình ảnh những cánh buồm no gió đang đưa thuyền tiến ra khơi: “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Đây không chỉ là hình ảnh</i>	- Bước 1: Giới thiệu dẫn chứng (Vị trí câu thơ, nội dung chính) - Bước 2: Phân tích dẫn chứng (Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ, lí giải các hình ảnh, bình luận mở rộng về dẫn chứng...) - Bước 3: Trích dẫn chứng VD: Phân tích dẫn chứng “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. => Phân tích: <i>Nhà thơ Huy Cận đã miêu tả hình ảnh những cánh buồm no gió đang đưa thuyền tiến ra khơi. Không chỉ có gió biển mà còn có tiếng hát say mê, khí thế đã thổi</i>

thực mà còn là hình ảnh ẩn dụ cho tiếng hát của con người có sức mạnh làm căng cánh bướm. Tiếng hát đã đưa tâm vóc của con người sánh ngang tầm vũ trụ, tiếng hát chan chứa niềm tin yêu, lạc quan, tiếng hát nhịp nhàng của bài ca lao động.	căng cánh bướm. Chính tiếng hát đã đưa tâm vóc của con người sánh ngang tầm vũ trụ, tiếng hát chan chứa niềm tin yêu, lạc quan, tiếng hát nhịp nhàng của bài ca lao động. Điều đó đã được thể hiện tinh tế qua phép ẩn dụ trong câu thơ: “Câu hát căng bướm cùng gió khơi”.
VD: Phân tích 2 câu thơ: “Bỗng nhận ra hương ổi / Phả vào trong gió se”. => Phân tích: Tác giả Hữu Thỉnh đã chọn hương ổi là tín hiệu đầu tiên gọi mùa thu về: “Bỗng nhận ra hương ổi / Phả vào trong gió se”. Bằng các từ “bỗng”, “phả”, nhà thơ đã diễn tả trạng thái của mình cũng như đặc điểm của hương ổi đầu thu. Mùi hương ấy được tác giả giật mình nhận ra, tưởng như một mùi hương thân quen lắm mà sao ở đây lại có sức lay động lạ kì.	VD: Phân tích 2 câu thơ: “Bỗng nhận ra hương ổi / Phả vào trong gió se”. => Phân tích: Tác giả Hữu Thỉnh đã chọn hương ổi là tín hiệu đầu tiên gọi mùa thu về. Đó là một mùi hương thân quen, đặc trưng cho làng quê Bắc Bộ Việt Nam, nhưng trong không khí giao mùa, nó lại khiến tác giả giật mình và ngỡ ngàng nhận ra: “Bỗng nhận ra hương ổi / Phả vào trong gió se”.
Lưu ý: Sử dụng linh hoạt CẢ HAI CÁCH trong 1 đoạn văn.	

Hướng dẫn chi tiết cách phân tích dẫn chứng:

* Cách phân tích tác dụng của biện pháp tu từ

- Công thức 1: Bằng việc sử dụng + tên biện pháp + từ ngữ thể hiện, + tên tác giả + đã đem đến cho bạn đọc những hình dung mờ mờ/sâu sắc về + đối tượng phân tích.
- Công thức 2: Tên tác giả + đã khéo léo/tài tình sử dụng + tên biện pháp + để đem đến những hình ảnh độc đáo về + đối tượng phân tích,
- Công thức 3: Biện pháp + từ ngữ thể hiện + đã khắc họa về hình ảnh + đối tượng phân tích.

VD: Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa”.

- Công thức 1: Bằng việc sử dụng biện pháp so sánh “mặt trời” như “hòn lửa”, nhà thơ Huy Cận đã đem đến cho bạn đọc những hình dung mới mẻ về cảnh biển lúc hoàng hôn.
- Công thức 2: Nhà thơ Huy Cận đã khéo léo sử dụng biện pháp so sánh “mặt trời” như “hòn lửa”, để đem đến những hình ảnh độc đáo, tráng lệ, về cảnh biển lúc hoàng hôn.
- Công thức 3: Biện pháp nhân hóa qua hình ảnh “mặt trời” như “hòn lửa” đã khắc họa thật sinh động và lung linh về cảnh biển lúc hoàng hôn.

VD: Phân tích tác dụng của biện pháp điệp cấu trúc trong khổ thơ: “Ta làm con chim hót / Ta làm một cảnh hoa / Ta nhập vào hòa ca / Một nốt trầm xao xuyến”.

- Công thức 1: Bằng việc sử dụng biện pháp điệp cấu trúc qua từ “ta làm”, “ta nhập”, Thanh Hải đã đem đến cho bạn đọc những hình dung mới mẻ và cụ thể về ước nguyện muốn hiến dâng cho cuộc đời.
- Công thức 2: Nhà thơ Thanh Hải đã khéo léo sử dụng biện pháp điệp cấu trúc ở từ “ta làm”, “ta nhập” để đem đến những hình ảnh độc đáo, cụ thể về ước nguyện muốn hiến dâng cho cuộc đời.
- Công thức 3: Biện pháp điệp cấu trúc qua từ “ta làm”, “ta nhập” đã khắc họa thật cụ thể và sinh động về ước nguyện muốn hiến dâng của tác giả.

Lưu ý:

- + Sử dụng linh hoạt các công thức đối với những biện pháp tu từ khác nhau.
- + Khi có nhiều biện pháp tu từ trong cùng 1 câu thơ, có thể chọn 1 trong 2 cách sau:
 - Cách 1: Lần lượt phân tích tác dụng, ý nghĩa của từng biện pháp.
 - Cách 2: Nêu hàng loạt tên biện pháp sau đó trình bày ý nghĩa chung của tất cả các biện pháp đó.
- + Trên đây là những công thức viết cơ bản giúp em dễ áp dụng nhất, bên cạnh đó em nên luyện viết nhiều để có thêm những cách viết khác sáng tạo và phong phú hơn.

* Cách bình luận mở rộng về dẫn chứng

* Cách 1: Gắn dẫn chứng với hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm

VD: Phân tích bức tranh mùa xuân trong khổ đầu bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”.

=> Sau khi phân tích xong vẻ đẹp của bông hoa tím, của tiếng chim chiền chiện, em có thể bình luận mở rộng gắn với hoàn cảnh sáng tác của bài thơ như sau: *Vào những ngày cuối đời, phải ở trong không khí ngột ngạt của bệnh viện mà tác giả Thanh Hải vẫn có thể cảm nhận được sâu sắc bức tranh mùa xuân thiên nhiên phía bên ngoài kia. Với bông hoa lục bình đậm màu sắc xứ Huế, rồi bầu trời cao vợi vợi vang vọng tiếng chim, dòng sông xanh biếc êm đềm. Tất cả cho ta thấy được một Thanh Hải giàu tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống.*

* Cách 2: Gắn dẫn chứng với phong cách sáng tác của tác giả

VD: Phân tích khung cảnh thiên nhiên trong khổ thơ đầu trong bài “Sang thu”.

=> Sau khi phân tích xong về “hương ổi”, em có thể bình luận mở rộng như sau: *Với một chất thơ mang đậm hồn quê Việt Nam, sự mộc mạc, dân dã nhưng vô cùng tinh tế, Hữu Thỉnh đã mở ra trước mắt người đọc một bức tranh sang thu mà nét vẽ đầu tiên là hương ổi nồng nàn, xao xuyến lòng người.*

VD: Phân tích dẫn chứng “Mặt trời xuống biển như hòn lửa / Sóng đã cài then đêm sập cửa”.

=> Sau khi phân tích xong về biện pháp so sánh, nhân hóa để thấy được cảnh biển hoàng hôn tráng lệ, rực rỡ, em có thể bình luận mở rộng dựa vào quá trình sáng tác, phong cách sáng tác của Huy Cận như sau: *Cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ trong thơ Huy Cận vẫn được tiếp nối nhưng mang một sắc thái lung linh, rực rỡ đến lạ kì, khác hẳn với nỗi buồn sâu thẳm đẫm cảnh vật như trong những sáng tác của ông giai đoạn trước cách mạng. Đó là tất yếu bởi cuộc sống đang căng tràn niềm say mê, hứng khởi như bước sang một trang mới, không lẽ nào thi nhân lại ôm mãi một nỗi sầu lẻ loi. Cảnh biển hoàng hôn đã lay động tâm hồn và trái tim người nghệ sĩ đang thiết tha yêu đời, bởi vậy mà được tái hiện vô cùng sinh động, rực rỡ, lung linh.*

* Cách 3: Sử dụng câu cảm thán ngắn gọn để bộc lộ cảm xúc cá nhân về dẫn chứng.

Lưu ý: Bình luận mở rộng về dẫn chứng là để tạo điểm nhấn, trọng tâm cho đoạn văn. Vì vậy, nên bình luận có chọn lọc, không phải từ ngữ nào, hình ảnh nào cũng bình luận mở rộng.

*** Cách chuyển ý, liên kết các ý phân tích (bí kíp: tổng kết ý trước, giới thiệu ý sau)**

- Cách 1: Sử dụng từ ngữ liên kết như: Bên cạnh đó..., Không chỉ vậy....., Tuy nhiên....
- Cách 2: Sử dụng câu liên kết như: Không những / Không chỉ... mà còn..., Tuy.... nhưng....
- Cách 3: Tùy vào mạch văn để liên kết sao cho phù hợp

b. Phần 2: Đánh giá

- Tùy vào vấn đề nghị luận để chọn khía cạnh đánh giá.
- Có 1 số khía cạnh đánh giá phổ biến là:
 - + Phong cách, tài năng của tác giả
 - + Đề tài sáng tác
 - + Tinh thần, tấm lòng của tác giả
 - + Trích dẫn nhận định về tác giả hoặc tác phẩm

Lưu ý: Phần đánh giá nếu có thì nên viết trong 1 - 3 câu.

*** LUYỆN TẬP**

Đề bài: Bằng một đoạn văn quy nạp khoảng 12 - 15 câu, em hãy phân tích cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong khổ thơ đầu của thi phẩm “Đoàn thuyền đánh cá” (Huy Cận).

Phân tích đề (gạch chân trong đề)

- Vấn đề nghị luận: cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi
- Phạm vi phân tích: hai khổ thơ đầu của thi phẩm “Đoàn thuyền đánh cá” (Huy Cận)
- Kiểu đoạn văn: quy nạp
- Dung lượng: khoảng 12 - 15 câu
- Yêu cầu Tiếng Việt: không có

Lập ý

- Cảnh hoàng hôn.
 - + so sánh “mặt trời xuống biển” ví như “hòn lửa” => màu sắc đỏ rực và hình dạng tròn đầy của mặt trời, mở ra khung cảnh hoàng hôn rực rỡ, tráng lệ.
 - + nhân hóa: vũ trụ như ngôi nhà lớn với màn đêm là cánh cửa còn sóng biển là then cài.
 - + liên hệ vũ trụ ca
- Người: Giữa lúc vũ trụ nghỉ ngơi thì, con người bắt đầu hoạt động => tư thế làm chủ:
 - + “lại” => công việc thường xuyên, đối lập với thiên nhiên
 - + Ẩn dụ: “Câu hát căng buồm” => câu hát cũng như có sức mạnh góp gió căng buồm đẩy con thuyền ra khơi => khí thế hồ hởi của người lao động trong buổi xuất quân.

=> Bức tranh sinh động, cảm hứng hứng vui tươi, lạc quan, hứng khởi

Bài làm

Đến với bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của tác giả Huy Cận, bạn đọc được cảm nhận bao vẻ đẹp tráng lệ của một vũ trụ ca mới, tràn đầy niềm tin yêu và hứng khởi: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa /.. / Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Cảnh hoàng hôn trên biển được miêu tả bằng một hình tượng độc đáo: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa / Sóng đã cài then đêm sập cửa”. Với sự liên tưởng so sánh thú vị, Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật kì vĩ, tráng lệ như thần thoại. Mặt trời được ví như “hòn lửa” đang lặn dần vào lòng biển, nhuộm một sắc đỏ cam rực rỡ trên nền trời mênh mông. Ở đó, vũ trụ được nhân hóa là một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những con sóng hiền hoà gối đầu nhau chạy ngang trên biển như những chiếc then cài cửa. Phác họa được một bức tranh phong cảnh kì diệu như thế hẳn nhà thơ phải có cặp mắt thần và trái tim nhạy cảm. Cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ trong thơ Huy Cận vẫn được tiếp nối nhưng mang một sắc thái lung linh, rực rỡ đến lạ kì, khác hẳn với nỗi buồn sâu thẳm đắm cảnh vật như trong những sáng tác của ông giai đoạn trước cách

mạng. Cảnh biển hoàng hôn đã lay động tâm hồn và trái tim người nghệ sĩ đang thiết tha yêu đời, bởi vậy mà được tái hiện vô cùng sinh động, rục rờ. Biển đã giữ lấy mặt trời trong lòng mình khi “sóng cài then” và “đêm sập cửa”. Chính trong ngôi nhà biển ấy mà công việc đánh cá sẽ diễn ra: “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi / Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Giữa lúc vũ trụ, đất trời chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi thì ngược lại, con người bắt đầu hoạt động. Sự đối lập này đã làm nổi bật tư thế lao động của con người trước biển cả, một tư thế làm chủ, lồng lộng giữa biển trời quê hương. Nhịp thơ nhanh, mạnh như một quyết định dứt khoát. Từ “lại” vừa biểu thị sự lặp lại tuần tự, thường nhật, liên tục mỗi ngày của công việc lao động, vừa biểu thị ý so sánh ngược chiều với câu trên: đất trời vào đêm nghỉ ngơi mà con người bắt đầu lao động, một công việc lao động không ít vất vả. Cùng với đó, ý thơ “câu hát căng buồm cùng gió khơi” đã miêu tả sinh động một hình ảnh thực về những cánh buồm no gió đang đưa thuyền ra khơi và cũng là hình ảnh ẩn dụ cho tiếng hát của con người có sức mạnh làm căng cánh buồm. Câu hát là niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi, làm giàu cho Tổ quốc. Tiếng hát đã đưa tâm vóc của con người sánh ngang tầm vũ trụ, tiếng hát chan chứa niềm tin yêu của buổi xuất quân khí thế, tiếng hát nhịp nhàng của bài ca lao động. Bức tranh đoàn thuyền đánh cá ra khơi không hề tĩnh lặng mà luôn có sự vận động trong niềm lạc quan và hân hoan vô bờ. Như vậy, bằng những hình ảnh tráng lệ, những so sánh kì vĩ, độc đáo, tác giả Huy Cận đã khắc họa thành công cảnh ra khơi trong khổ thơ đầu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”, để lại trong lòng bạn đọc những ấn tượng khó phai mờ.

Phân tích đoạn văn mẫu

Mở đoạn	Dẫn dắt, giới thiệu, không nêu vấn đề nghị luận	Đến với bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của tác giả Huy Cận, bạn đọc được cảm nhận bao vẻ đẹp tráng lệ của một vũ trụ ca mới, tràn đầy niềm tin yêu và hứng khởi: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa /.. / Câu hát căng buồm cùng gió khơi”.
------------	---	---

Thân đoạn	- Cảnh hoàng hôn:	Cảnh hoàng hôn trên biển được miêu tả bằng một hình tượng độc đáo: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa / Sóng đã cài then đêm sập cửa”.
	+ so sánh “mặt trời xuống biển” ví như “hòn lửa” => màu sắc đỏ rực và hình dạng tròn đầy của mặt trời, mở ra khung cảnh hoàng hôn rực rỡ, tráng lệ.	Với sự liên tưởng so sánh thú vị, Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật kì vĩ, tráng lệ như thần thoại. Mặt trời được ví như “hòn lửa” đang lặn dần vào lòng biển, nhuộm một sắc đỏ cam rực rỡ trên nền trời mênh mông.
	+ nhân hóa: vũ trụ như ngôi nhà lớn với màn đêm là cánh cửa còn sóng biển là then cài.	Ở đó, vũ trụ được nhân hóa là một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những con sóng hiền hoà gối đầu nhau chạy ngang trên biển như những chiếc then cài cửa.
	+ liên hệ vũ trụ ca	Phác họa được một bức tranh phong cảnh kì diệu như thể hẳn nhà thơ phải có cặp mắt thần và trái tim nhạy cảm. Cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ trong thơ Huy Cận vẫn được tiếp nối nhưng mang một sắc thái lung linh, rực rỡ đến lạ kì, khác hẳn với nỗi buồn sầu thấm đẫm cảnh vật như trong những sáng tác của ông giai đoạn trước cách mạng. Cảnh biển hoàng hôn đã lay động tâm hồn và trái tim người nghệ sĩ đang thiết tha yêu đời, bởi vậy mà được tái hiện vô cùng sinh động, rực rỡ. Biển đã giữ lấy mặt trời trong lòng mình khi “sóng cài then” và “đêm sập cửa”.

- Người: Giữa lúc vũ trụ nghỉ ngơi thì, con người bắt đầu hoạt động => tư thế làm chủ:	Chính trong ngôi nhà biển ấy mà công việc đánh cá sẽ diễn ra: “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi / Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Giữa lúc vũ trụ, đất trời chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi thì ngược lại, con người bắt đầu hoạt động. Sự đối lập này đã làm nổi bật tư thế lao động của con người trước biển cả, một tư thế làm chủ, lồng lộng giữa biển trời quê hương.
+ “lại” => công việc thường xuyên, đối lập với thiên nhiên	Nhịp thơ nhanh, mạnh như một quyết định dứt khoát. Từ “lại” vừa biểu thị sự lặp lại tuần tự, thường nhật, liên tục mỗi ngày của công việc lao động, vừa biểu thị ý so sánh ngược chiều với câu trên: đất trời vào đêm nghỉ ngơi mà con người bắt đầu lao động, một công việc lao động không ít vất vả.
+ Ẩn dụ: “Câu hát căng buồm” => câu hát cũng như có sức mạnh góp gió căng buồm đẩy con thuyền ra khơi => khí thế hồ hởi của người lao động trong buổi xuất quân.	Cùng với đó, ý thơ “câu hát căng buồm cùng gió khơi” đã miêu tả sinh động một hình ảnh thực về những cánh buồm no gió đang đưa thuyền ra khơi và cũng là hình ảnh ẩn dụ cho tiếng hát của con người có sức mạnh làm căng cánh buồm. Câu hát là niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi, làm giàu cho Tổ quốc. Tiếng hát đã đưa tầm vóc của con người sánh ngang tầm vũ trụ, tiếng hát chan chứa niềm tin yêu của buổi xuất quân khí thế, tiếng hát nhịp nhàng của bài ca lao động.
=> Bức tranh sinh động, cảm hứng hứng vui tươi, lạc quan phấn	Bức tranh đoàn thuyền đánh cá ra khơi không hề tĩnh lặng mà luôn có sự vận động trong niềm lạc quan và hân hoan vô bờ.

	khởi	
Kết đoạn	Tổng kết lại vấn đề	Như vậy, bằng những hình ảnh tráng lệ, những so sánh kì vĩ, độc đáo, tác giả Huy Cận đã khắc họa thành công cảnh ra khơi trong khổ thơ đầu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”, để lại trong lòng bạn đọc những ấn tượng khó phai mờ.

PHƯƠNG PHÁP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 3

Nội dung bài học:

- *Phương pháp viết thân đoạn phân tích văn xuôi*
- *Luyện tập viết đoạn văn về nỗi nhớ làng của nhân vật ông HAI trong trích đoạn thuộc tác phẩm “Làng” (Kim Lân)*

* HƯỚNG DẪN CHI TIẾT CÁCH VIẾT THÂN ĐOẠN

Đoạn văn phân tích/cảm nhận nhân vật, trích đoạn, chi tiết... VĂN XUÔI

1. Luận điểm 1: Phân tích dẫn chứng

a. Phân tích nhân vật:

- Lần lượt nêu và phân tích các đặc điểm về nhân vật tùy theo khía cạnh mà đề bài hỏi: hoàn cảnh sống, phẩm chất, tính cách, diễn biến tâm lí
- Phẩm chất:
 - + Dẫn chứng 1
 - + Dẫn chứng 2
 - + Dẫn chứng 3...

b. Phân tích đoạn trích

- Dựa vào những câu văn trong đoạn trích để phân tích, khai thác ý nghĩa các biện pháp tu từ, các từ ngữ miêu tả, lời thoại, cách xưng hô, ngôi kể, nhịp điệu câu văn...
- Ý nghĩa đoạn trích:
 - + Dẫn chứng 1
 - + Dẫn chứng 2
 - + Dẫn chứng 3

*** Cách phân tích dẫn chứng**

- 3 bước cơ bản:
 - + Bước 1: Giới thiệu dẫn chứng (Vị trí đoạn trích, nội dung chính, gọi tên nhân vật)
 - + Bước 2: Trích dẫn chứng
 - + Bước 3: Phân tích dẫn chứng (Phân tích ý nghĩa của dẫn chứng, bình luận mở rộng về dẫn chứng...)

- Dẫn chứng trong tác phẩm văn xuôi là những từ ngữ miêu tả, câu văn miêu tả, lời thoại trong tác phẩm, vì vậy việc trích và phân tích dẫn chứng có 2 cách sau:

Cách 1: Trích dẫn chứng riêng biệt	Cách 2: Lồng ghép dẫn chứng vào lời văn của mình.
Công thức 1: Đối tượng phân tích + được khắc họa rõ nét thông qua các hình ảnh/từ ngữ: “...trích dẫn chứng...” Công thức 2: Chắc hẳn phải thấu hiểu và tâm huyết lắm, + tên tác giả + mới tái hiện thành công + đối tượng phân tích + qua các hình ảnh/từ ngữ: “...trích dẫn chứng...” VD: Phân tích tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai => Công thức 1: <i>Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai được khắc họa rõ nét thông qua những lần khoe của ông: “làng ông nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh”, “đường trong làng toàn lát đá xanh, trời mưa trời gió tha hồ đi khắp đầu làng cuối xóm, bùn không dính đến gót chân”, “tháng năm ngày mười phơi rơm, phơi thóc thì tốt thượng hạng, không có lấy một hạt thóc đất”...</i> => Công thức 2: <i>Chắc hẳn phải thấu hiểu và tâm huyết lắm, nhà văn Kim Lân mới khắc họa thật cảm động về nỗi day dứt để rồi đi đến quyết định dứt khoát trong tư tưởng của ông Hai: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.</i>	Không có công thức nhất định, linh hoạt trong quá trình diễn đạt. VD: Phân tích tình yêu làng, yêu nước của ông Hai trong trích đoạn ông Hai đều đặn hàng ngày đến phòng thông tin nghe đọc báo. => Phân tích: <i>Tất cả những tin ấy khiến “ruột gan ông lão cứ như múa cả lên, vui quá”.</i> <i>Niềm vui của ông Hai là niềm vui của một con người biết gắn bó tình cảm của mình với vận mệnh của toàn dân tộc. Đó là niềm vui mộc mạc của một tấm lòng yêu nước chân thành.</i>

Lưu ý:

- Không kể quá nhiều
- Sử dụng linh hoạt các cách, các công thức trong 1 đoạn văn
- Cách ghi nhớ dẫn chứng văn xuôi:

- + Học thuộc lòng toàn bộ cả câu văn, đoạn văn => áp dụng cho lời thoại của nhân vật hoặc các câu văn đặc biệt ấn tượng trong tác phẩm.
- + Nhớ theo từ ngữ nổi bật, nghĩa là chỉ chọn nhớ 1 số từ ngữ mà tác giả miêu tả về nhân vật để đưa vào bài viết. => áp dụng cho đặc điểm của nhân vật, các chi tiết trong truyện....

*** Cách bình luận mở rộng về dẫn chứng**

- **Cách 1:** Đặt dẫn chứng vào cốt truyện để bình luận

VD: Cảm nhận về những suy nghĩ và hành động đẹp của nhân vật anh thanh niên.

=> Sau khi trích dẫn và phân tích về những dẫn chứng cụ thể trong tác phẩm xong, em có thể bình luận mở rộng như sau: *Chỉ bằng một số chi tiết và cũng chỉ trong một khoảng thời gian ngắn của mạch truyện, tác giả đã khắc họa được chân dung nhân vật anh thanh niên với những vẻ đẹp về suy nghĩ và hành động thật đáng khâm phục.* Trong VD trên, dẫn chứng về những suy nghĩ đẹp và hành động đẹp của anh thanh niên đã được bình luận mở rộng khi gắn với cốt truyện là một cuộc trò chuyện ngắn ngủi, tình cờ nhưng giàu ý nghĩa giữa 3 con người.

- **Cách 2:** Gắn dẫn chứng với mục đích của tác giả

VD: Cảm nhận về những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật anh thanh niên.

=> Em có thể bình luận mở rộng về dẫn chứng anh thanh niên chu đáo biết quan tâm đến mọi người, anh biếu vợ bác lái xe củ tam thất... như sau: *Sự chu đáo, chân thành ấy đã làm hoàn thiện hơn bức chân dung của một con người trẻ tuổi, trẻ lòng, tốt bụng và giàu nhiệt huyết, những chân dung con người mà nhà văn Nguyễn Thành Long đã dụng công xây dựng để truyền cảm hứng tới tâm hồn bạn đọc.*

Trong VD trên, dẫn chứng về sự chu đáo của anh thanh niên đã được bình luận mở rộng dựa trên việc gắn với mục đích của tác giả là xây dựng chân dung những con người trẻ tuổi mà nhiệt tình cống hiến trong cuộc sống.

a. Luận điểm 2: Đánh giá

- Tùy vào vấn đề nghị luận để chọn khía cạnh đánh giá.
- Có 1 số khía cạnh đánh giá phổ biến là:
 - + Phong cách, tài năng của tác giả
 - + Đề tài sáng tác
 - + Tinh thần, tấm lòng của tác giả
 - + Trích dẫn nhận định về tác giả hoặc tác phẩm

26

Lưu ý: Phần đánh giá nếu có thì nên viết từ 1 – 3 câu

LUYỆN TẬP

Đề bài: Bằng một đoạn văn tổng - phân - hợp khoảng 15 câu, em hãy nêu cảm nhận về tình cảm của nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau:

“Ông nằm vật trên giường vắt tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ồ, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hỏng, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khurót lăm. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.”

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2015)

Bước 1: Phân tích đề (gạch chân trong đề)

Bước 2: Lập ý:

- khái quát: tình cảm dành cho làng, nỗi nhớ làng
- luôn nghĩ và nhớ về làng: điệp từ “lại” - lại nghĩ, lại muốn, nhớ làng, nhớ cái làng => khát khao về làng, nỗi nhớ làng bao trùm.
- nhớ về những kỉ niệm ở làng: liệt kê => thước phim quay chậm
- vui sướng nghĩ về làng: chao ôi => đi sâu về phong cách của Kim Lân
- nghệ thuật:
 - + độc thoại nội tâm => quan tâm thường trực => yêu làng và tinh thần kháng chiến sâu sắc
 - + dù là ngôi thứ ba nhưng có sự nhập tâm vào nhân vật để phát biểu cảm xúc => bày tỏ nỗi niềm tự nhiên, chân thành.

=> Kim Lân thấu hiểu, chất văn mộc mạc, đôn hậu.

Bài làm

27

Qua một trích đoạn ngắn trong tác phẩm “Làng”, nhà văn Kim Lân đã thể hiện rất thành công tâm trạng vui sướng, tự hào của ông Hai khi ở nơi tản cư và nghĩ về làng chợ Dầu của mình. Ở nơi tản cư, ông Hai nhớ làng da diết. Bằng những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, nhà văn Kim Lân đã làm rõ tâm trạng ấy của ông Hai. Phép điệp “lại nghĩ”, “lại muốn”, “nhớ làng”, “nhớ cái làng” diễn tả chân thực nỗi nhớ làng, khao khát trở về làng của ông Hai, cho thấy sự gắn bó và tình yêu làng của ông. Bên cạnh đó, để làm rõ những kỉ niệm của ông Hai về những ngày tham gia kháng chiến ở làng, tác giả đã sử dụng nghệ thuật liệt kê: “cũng hát hò, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc”, “đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá”. Mọi thứ như một thước phim quay chậm, hiện lên rõ nét trong tâm trí ông, cho thấy nỗi nhớ làng của ông thật đậm sâu, nồng nàn, tha thiết. Tác giả sử dụng thành phần biệt lập cảm thán “ồ”, câu cảm thán “Chao ôi!” đồng thời những từ đó là lời của người dẫn truyện đã thể hiện rõ cảm xúc vui sướng của nhân vật ông Hai khi nghĩ về làng, tâm trạng ấy như thể hiện rõ trên gương mặt ông khiến người ngoài cũng dễ dàng nhận ra. Ông luôn nhớ ngày còn ở làng, cùng với anh em tham gia vào công việc kháng chiến làm cho ông lại náo nức vui sướng. Phải hãnh diện và tự hào lắm, ông Hai mới không nguôi nỗi nhớ về làng như vậy. Và cũng phải yêu cái làng chợ Dầu nhiều lắm, ông Hai mới để cho cái làng cứ quanh quẩn mãi trong tâm trí của ông như thế. Từ sự thấu hiểu của một cây bút “một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy của đời sống nông thôn”, nhà văn Kim Lân đã diễn tả thành công tình cảm chân thành mà rất đổi thiêng liêng của ông Hai dành cho làng của mình, hay cũng chính là thứ tình cảm đáng trọng của những người nông dân Việt Nam - tình yêu làng, yêu nước. Dưới ngòi bút của tác giả Kim Lân, đoạn trích gây ấn tượng bởi ngôn ngữ độc thoại nội tâm: “Ồ, sao mà độ ấy vui thế”, “Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khurót lắm”, đã miêu tả chân thực, sinh động sự quan tâm thường trực tới chuyện làng của ông Hai, qua đó cho thấy tình yêu làng và tinh thần kháng chiến của ông Hai thật sâu sắc. Cái hay của nhà văn là ở cách sử dụng ngôi kể, dù là ngôi thứ ba nhưng có sự nhập tâm vào nhân vật để phát biểu cảm xúc, để bày tỏ nỗi niềm một cách rất tự nhiên, chân thành, tạo nên sợi dây đồng cảm, thấu hiểu nơi

bạn đọc. Tóm lại, với việc sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật liệt kê, điệp ngữ, ngôn ngữ độc thoại nội tâm,...đoạn văn đã diễn tả sâu sắc tình yêu làng của ông Hai trong hoàn cảnh phải xa làng đi tản cư, để lại những rung cảm thiết tha trong mỗi chúng ta về những điều bình dị mà thiêng liêng quá đỗi .

Phân tích đoạn văn mẫu:

Phần	Lập ý	Diễn đạt hoàn chỉnh
Mở đoạn	Nêu vấn đề nghị luận + phạm vi phân tích	<i>Qua một trích đoạn ngắn trong tác phẩm “Làng”, nhà văn Kim Lân đã thể hiện rất thành công tâm trạng vui sướng, tự hào của ông Hai khi ở nơi tản cư và nghĩ về làng chợ Dầu của mình.</i>
Thân đoạn	- khái quát: tình cảm dành cho làng, nỗi nhớ làng	<i>Ở nơi tản cư, ông Hai nhớ làng da diết. Bằng những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, nhà văn Kim Lân đã làm rõ tâm trạng của ông Hai ở nơi tản cư.</i>
	- luôn nghĩ và nhớ về làng: điệp từ “lại” - lại nghĩ, lại muốn, nhớ làng, nhớ cái làng => khát khao về làng, nỗi nhớ làng bao trùm.	<i>Phép điệp “lại nghĩ”, “lại muốn”, “nhớ làng”, “nhớ cái làng” diễn tả chân thực nỗi nhớ làng, khao khát trở về làng của ông Hai, cho thấy sự gắn bó và tình yêu làng của ông.</i>

	- nhớ về những kỉ niệm ở làng: liệt kê => thước phim quay chậm	<i>Bên cạnh đó, để làm rõ những kỉ niệm của ông Hai về những ngày tham gia kháng chiến ở làng, tác giả đã sử dụng nghệ thuật liệt kê: “cũng hát hồng, bông phènng, cũng đào, cũng cuốc”, “đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá”. Mọi thứ như một thước phim quay chậm, hiện lên rõ nét trong tâm trí ông, cho thấy nỗi nhớ làng của ông thật đậm sâu, nồng nàn, tha thiết.</i>
	- vui sướng nghĩ về làng: chao ôi => đi sâu về phong cách của KL	<i>Tác giả sử dụng thành phần biệt lập cảm thán “ô”, câu cảm thán “Chao ôi!” đồng thời những từ đó là lời của người dẫn truyện đã thể hiện rõ cảm xúc vui sướng của nhân vật ông Hai khi nghĩ về làng, tâm trạng ấy như thể hiện rõ trên gương mặt ông khiến người ngoài cũng dễ dàng nhận ra. Ông luôn nhớ ngày còn ở làng, ông cùng với anh em tham gia vào công việc kháng chiến làm cho ông lại náo nức vui sướng. Phải hãnh diện và tự hào lắm, ông Hai mới không nguôi nỗi nhớ về</i>
		<i>làng như vậy. Và cũng phải yêu cái làng chợ Dầu nhiều lắm, ông Hai mới để cho cái làng cứ quanh quẩn mãi trong tâm trí của ông như thế. Từ sự thấu hiểu của một cây bút “một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy của đời sống nông thôn”, nhà văn Kim Lân đã diễn tả thành công tình cảm chân thành mà rất đổi thiêng liêng của ông Hai dành cho làng của mình, hay cũng chính là thứ tình cảm đáng trọng của những người nông dân Việt Nam - tình yêu làng, yêu nước.</i>

	- nghệ thuật: + độc thoại nội tâm => quan tâm thường trực => yêu làng và tinh thần kháng chiến sâu sắc. + dù là ngôi thứ ba nhưng có sự nhập tâm vào nhân vật để phát biểu cảm xúc => bày tỏ nỗi niềm tự nhiên, chân thành.	<i>Dưới ngòi bút của tác giả Kim Lân, đoạn trích gây ấn tượng bởi ngôn ngữ độc thoại nội tâm: “Ồ, sao mà độ ấy vui thế”, “Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khurót lắm”, đã miêu tả chân thực, sinh động sự quan tâm thường trực tới chuyện làng của ông Hai, qua đó cho thấy tình yêu làng và tinh thần kháng chiến của ông Hai thật sâu sắc. Cái hay của nhà văn là ở cách sử dụng ngôi kể, dù là ngôi thứ ba nhưng có sự nhập tâm vào nhân vật để phát biểu cảm xúc, để bày tỏ nỗi niềm một cách rất tự nhiên, chân thành, tạo nên sợi dây đồng cảm, thấu hiểu nơi bạn đọc.</i>
Kết đoạn	Tổng kết lại vấn đề	<i>Tóm lại, với việc sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật liệt kê, điệp ngữ, ngôn ngữ độc thoại nội tâm, ...đoạn văn đã diễn tả sâu sắc tình yêu làng của ông Hai trong hoàn cảnh phải xa làng đi tản cư, để lại những rung cảm thiết tha trong mỗi chúng ta về những điều bình dị mà thiêng liêng quá đỗi.</i>

PHƯƠNG PHÁP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 4

Nội dung bài học:

- *Phương pháp viết đoạn văn đúng, đủ, sâu, hay*
- *Luyện tập viết đoạn văn về khổ cuối bài thơ “Ánh trăng”*

Phương pháp viết đoạn văn đúng - đủ - sâu - hay

Yêu cầu	Cách thực hiện
Đoạn văn phân tích/cảm nhận đúng và đủ so với yêu cầu đề bài	- Ở bước phân tích đề: + Phải xác định đúng vấn đề nghị luận, tuyệt đối không được chủ quan, chỉ nhìn vào đoạn thơ, đoạn văn mà vội vàng viết bài. + Gạch chân đủ tất cả các yêu cầu được nêu trong đề bài về: • kiểu đoạn văn (diễn dịch / quy nạp / tổng phân hợp) • yêu cầu Tiếng Việt đi kèm - Ở bước lập ý: chú ý tập trung vào phạm vi phân tích, không đưa ra những ý thừa, không liên quan, cũng không được nhìn nhận sơ sài về đoạn thơ, đoạn văn cần phân tích để rồi đưa thiếu ý. - Ở bước viết bài: + Mở đoạn và kết đoạn viết đúng theo kiểu đoạn văn yêu cầu. + Thân đoạn: Bám sát vấn đề nghị luận để có cách diễn đạt đúng, tập trung vào đối tượng cần phân tích. + Biết lặp lại những từ ngữ chủ đề có trong vấn đề nghị luận.

	+ Luôn luôn kết hợp giữa việc trích dẫn chứng và phân tích, không được chỉ phân tích theo kiểu liệt kê, diễn giải máy móc, diễn xuôi, xa rời dẫn chứng.
Đoạn văn đi sâu làm rõ vấn đề, hay và ấn tượng về cách diễn đạt	- Ở bước lập ý: + Đánh dấu vào phần mà mình muốn liên hệ mở rộng, ghi lại ra nháp đoạn thơ/nhận định mà mình sử dụng. + Trong khuôn khổ 1 đoạn văn, chỉ nên chọn 1 ý chính nhất để đi sâu và liên hệ mở rộng. Ý chính nhất là ý thể hiện rõ nhất nội dung của vấn đề nghị luận. - Ở bước viết bài: + Có cách diễn đạt trôi chảy, sáng tạo: ● Viết đúng ngữ pháp (câu phải có đủ chủ ngữ, vị ngữ). ● Không lặp từ, bằng cách sử dụng những từ đồng nghĩa. VD: tác phẩm - thi phẩm - bài thơ - trang thơ.../ tác giả - nhà thơ - thi nhân - thi sĩ - người cầm bút.../ bạn đọc - độc giả - người yêu thơ - người tiếp nhận... ● Có sự liên kết giữa các ý phân tích (như đã hướng dẫn trong tài liệu trước) ● Không dùng quá nhiều câu dài gây lủng củng, “bí bách” cho đoạn văn. Nên đan xen những câu văn ngắn dài khác nhau, những câu cảm thán ngắn gọn, những câu hỏi tu từ (hỏi nhưng thực chất là để khẳng định. VD: “Phải chăng nhà thơ đã....) để tạo âm hưởng, nhịp điệu cho đoạn văn của mình. ● Dùng nhiều hơn những câu văn ví von, dùng những hình ảnh so sánh, vận dụng điệp từ, điệp

	cấu trúc trong đoạn văn của mình. (Đọc lại toàn bộ tài liệu viết mẫu để học hỏi cách viết này) + Khi liên hệ mở rộng: chỉ dùng 1 đến 2 câu để đảm bảo dung lượng đoạn văn. • Nêu đầy đủ được đoạn thơ/nhận định dùng để liên hệ, mở rộng • Phân tích ngắn gọn nội dung của dẫn chứng liên hệ đó, chỉ ra khía cạnh tương đồng hoặc khác biệt với đối tượng chính đang phân tích. Từ đó khẳng định giá trị, ý nghĩa của đối tượng chính. • Tuyệt đối không được chỉ nêu ra để đẩy mà không bình luận, phân tích về dẫn chứng liên hệ mở rộng.
Lưu ý: <i>Hãy luôn nhớ rằng: Đoạn văn hay nhất là đoạn văn do chính em viết ra, bày tỏ được rõ ràng những cảm nhận, đánh giá của em về đối tượng mà đề bài hỏi, bộc lộ được cá tính viết văn của em. Vậy nên, hãy cứ tự do, sáng tạo, áp dụng linh hoạt những phương pháp nêu trên, viết thật nhiều và đọc thật nhiều để trau dồi cách viết của mình nhé!</i>	

Luyện tập

Đề bài: Nhà thơ Nguyễn Duy đã gửi gắm bài học sâu sắc trong khổ cuối bài thơ “Ánh trăng”. Hãy cảm nhận về bài học đó bằng 01 đoạn văn quy nạp khoảng 15 câu, trong đó có sử dụng câu chứa thành phần biệt lập.

Bước 1: Phân tích đề (gạch chân trong đề)

Bước 2: Lập ý

- Bài học về sự đổi thay của con người trong hiện tại:
 - + Đối lập trăng - người

- + Trăng: phụ từ “cứ” + “tròn vành vạnh” => luôn luôn vẹn nguyên, chung thủy => quá khứ nghĩa tình
- + con người: vô tình, bội bạc
- Bài học về đạo lí uống nước nhớ nguồn:
 - + chuyển từ vàng trắng sang ánh trăng => sự soi tỏ, thấu suốt, giúp con người tỉnh ngộ
 - + nhân hóa “im phăng phắc” => cái nhìn nghiêm khắc, bao dung
 - + “giật mình”:
 - trạng thái ngỡ ngàng nhận ra
 - hối hận
 - ăn năn tự trách
 - sửa đổi, tự nhắc nhở bản thân và mọi người

=> Liên hệ về phong cách sáng tác của Nguyễn Duy

- Nghệ thuật: nhân hóa, thể thơ 5 chữ => bài học thấm thía

Bước 3: Viết bài:

Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. Nhà thơ Nguyễn Duy cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế trong thi phẩm “Ánh trăng”: “Trăng cứ tròn vành vạnh /.../ đủ cho ta giật mình”. Sau những ân tình để rồi bị quên lãng, trăng vẫn vẹn nguyên một vẻ tròn đầy, đối lập với những khuyết thiếu nơi tâm can con người, đem đến bài học đầu tiên về sự đổi thay, bội bạc của con người trong hiện tại: “Trăng cứ tròn vành vạnh / Kể chi người vô tình”. Phụ từ “cứ” kết hợp với cụm tính từ “tròn vành vạnh” đã diễn tả vàng trắng vẫn luôn tròn đầy, tỏa sáng giữa thiên nhiên bao la, không hề thay đổi. Bên cạnh đó, vàng trắng còn tượng trưng cho vẻ đẹp của quá khứ nghĩa tình, vẫn trọn vẹn mặc cho con người thay đổi, vô tình. Từ hình ảnh vàng trắng, đến hai câu cuối bài, nhà thơ đã dùng ánh trăng để soi tỏ hiện thực: “Ánh trăng im phăng phắc/đủ cho ta giật mình”. Vàng trắng là người bạn hiền, ánh trăng chính là tình cảm của

người bạn ấy. Ánh trăng ngụ ý cho sự soi tỏ phần lương tri còn tăm tối trong mỗi người. Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” gợi đến một cái nhìn nghiêm khắc song cũng đầy bao dung độ lượng. Sự im lặng khiến cho nhân vật trữ tình “giật mình” thức tỉnh. Từ “giật mình” chính là một sự sáng tạo của Nguyễn Duy trong ý thơ. Giật mình là cảm giác tâm lý của một người biết suy nghĩ chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, nông nổi trong cách sống. Giật mình là để nhớ lại quá khứ, để ăn năn tự trách, tự thấy cần phải thay đổi. Giật mình cũng là để tự nhắc nhở bản thân phải trân trọng những gì đã qua để làm bước đệm cho hiện tại và tương lai phía trước. **Có lẽ**, đó cũng là cái giật mình của mỗi chúng ta. Trang thơ Nguyễn Duy vẫn luôn khiến ta thôn thức bởi những điều bình dị nhưng sâu sắc, thấm thía. Đọc thơ Nguyễn Duy, người ta như được thấu hiểu và nhìn nhận về phần lương tri giàu tình cảm còn âm ỉ ấm nồng nơi trái tim: “Tôi đi lính lâu không về quê ngoại / dòng sông xưa vẫn bên lở bên bồi/khi tôi biết thương bà thì đã muộn/bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi (Đò Lèn). Ở đây, Nguyễn Duy cũng chọn một bài học thấm thía để kết thúc cho câu chuyện tự sự bằng thơ mang tên “Ánh trăng” của mình. Như vậy, bằng nghệ thuật nhân hóa cùng với thể thơ năm chữ, Nguyễn Duy đã cho chúng ta một bài học sâu sắc về lẽ sống: sự chung thủy, biết ơn quá khứ, ân nghĩa thủy chung là một lối sống đẹp đáng để chúng ta suy ngẫm.

Phân tích đoạn văn mẫu:

Phần	Ý chính	Diễn đạt hoàn chỉnh
Mở đoạn	- Dẫn dắt, giới thiệu dẫn chứng	Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. Nhà thơ Nguyễn Duy cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế trong thi phẩm “Ánh trăng”:

		“Trăng cứ tròn vành vạnh /.../ đủ cho ta giât mình”.
Thân đoạn	- Bài học về sự đổi thay của con người trong hiện tại: + Đổi lập trăng - người + Trăng: phụ từ “cứ” + “tròn vành vạnh” => luôn luôn vẹn nguyên, chung thủy => quá khứ nghĩa tình + con người: vô tình, bội bạc	Sau những ân tình để rồi bị quên lãng, trăng vẫn vẹn nguyên một vẻ tròn đầy, đối lập với những khuyết thiếu nơi tâm can con người, đem đến bài học đầu tiên về sự đổi thay, bội bạc của con người trong hiện tại: “Trăng cứ tròn vành vạnh / Kể chi người vô tình”. Phụ từ “cứ” kết hợp với cụm tính từ “tròn vành vạnh” đã diễn tả vàng trăng vẫn luôn tròn đầy, tỏa sáng giữa thiên nhiên bao la, không hề thay đổi. Bên cạnh đó, vàng trăng còn tượng trưng cho vẻ đẹp của quá khứ nghĩa tình, vẫn trọn vẹn mặc cho con người thay đổi, vô tình.
	- Bài học về đạo lí uống nước nhớ nguồn: + chuyển từ vàng trăng sang ánh trăng => sự soi tỏ, thấu suốt, giúp con người tỉnh ngộ + nhân hóa “im phăng phắc” =>	Từ hình ảnh vàng trăng, đến hai câu cuối bài, nhà thơ đã dùng ánh trăng để soi tỏ hiện thực, nhắc nhở ta về đạo lí sống ân nghĩa thủy chung: “Ánh trăng im phăng phắc/đủ cho ta giât mình”. Vàng trăng là người bạn hiền, ánh trăng chính là tình cảm của người bạn ấy. Ánh trăng ngụ ý cho sự soi tỏ phần lương tri còn tăm tối trong mỗi người. Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” gợi đến một cái nhìn nghiêm khắc song cũng đầy bao dung độ lượng. Sự

	cái nhìn nghiêm khắc, bao dung + “giật mình”: • trạng thái ngỡ ngàng nhận ra • hối hận • ăn năn tự trách • sửa đổi, tự nhắc nhở bản thân và mọi người	im lặng khiến cho nhân vật trữ tình “giật mình” thức tỉnh. Từ “giật mình” chính là một sự sáng tạo của Nguyễn Duy trong ý thơ. Giật mình là cảm giác tâm lí của một người biết suy nghĩ chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, nông nổi trong cách sống. Giật mình là để nhớ lại quá khứ, để ăn năn tự trách, tự thấy cần phải thay đổi. Giật mình cũng là để tự nhắc nhở bản thân phải trân trọng những gì đã qua để làm bước đệm cho hiện tại và tương lai phía trước. <u>Có lẽ</u> , đó cũng là cái giật mình của mỗi chúng ta.
	(dùng thành phần biệt lập)	
	=> Liên hệ về phong cách sáng tác của Nguyễn Duy	Trang thơ Nguyễn Duy vẫn luôn khiến ta thổn thức bởi những điều bình dị nhưng sâu sắc, thấm thía. Đọc thơ Nguyễn Duy, người ta như được thấu hiểu và nhìn nhận về phần lương tri giàu tình cảm còn âm ỉ ấm nồng nơi trái tim: “Tôi đi lính lâu không về quê ngoại / dòng sông xưa vẫn bên lở bên bồi/khi tôi biết thương bà thì đã muộn/bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi (Đò Lèn). Ở đây, Nguyễn Duy cũng chọn một bài học thấm thía để kết thúc cho câu chuyện tự sự bằng thơ mang tên “Ánh trăng” của mình.

	- Nghệ thuật: nhân hóa, thể thơ 5 chữ => bài học	Như vậy, bằng nghệ thuật nhân hóa cùng với thể thơ năm chữ, Nguyễn Duy đã cho chúng ta một bài học sâu sắc về lẽ sống: sự chung thủy, biết ơn quá khứ, ân nghĩa thủy chung là một lối sống đẹp đáng để chúng ta suy ngẫm.
Kết đoạn	thấm thía - Tổng kết vấn đề	

PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 1

Nội dung bài học:

- *Phân tích đề, tìm ý*
- *Phương pháp viết mở bài*
- *Phương pháp viết kết bài*
- *Luyện tập bài văn về “Viếng lăng Bác”*

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Có 4 dạng đề nghị luận văn học thường gặp:

- Dạng 1: Phân tích / Cảm nhận => Dạng đề cơ bản nhất.

VD: Cảm nhận của em về hình ảnh người lính lái xe trong ba khổ thơ cuối thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật).

- Dạng 2: Chứng minh nhận định => Dạng đề hay gặp trong đề thi học sinh giỏi, thi chuyên

VD: Qua bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh, hãy làm sáng tỏ ý kiến: “Sang thu của Hữu Thỉnh không chỉ có hình ảnh đất trời nên thơ mà còn có hình tượng con người trước những biến chuyển của cuộc đời ở thời khắc giao mùa”.

- Dạng 3: So sánh văn học

VD: So sánh hình ảnh người lính cách mạng ở bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu) và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật).

- Dạng 4: Liên hệ

VD: Cảm nhận của em về hai khổ thơ sau: “Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Ta nhập vào hoa ca

Một nốt trầm xao xuyến

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc

(Trích “Mùa xuân nho nhỏ”- Thanh Hải)

Từ đó liên hệ với tinh thần cống hiến của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn thành Long) để làm rõ vẻ đẹp của những con người cống hiến tự nguyện và lặng lẽ cho cuộc đời chung.

Lưu ý: *Dạng 1 là dạng cơ bản nhất, là tiền đề để làm được tất cả các dạng còn lại, cũng là dạng đề thi vào 10 của các tỉnh thành. Bởi vậy những phương pháp dưới đây sẽ tập trung giúp học sinh làm thành thạo dạng 1 (dạng đề phân tích, cảm nhận).*

II. CÁC BƯỚC LÀM BÀI DẠNG ĐỀ PHÂN TÍCH, CẢM NHẬN

1. Bước 1: Phân tích đề (2 phút - gạch chân vào đề)

a. Cách làm: Gạch chân vào đề:

- Vấn đề nghị luận: đề bài yêu cầu làm rõ điều gì? (thường nằm sau chữ “về...”, “cảm nhận của em về...”, “phân tích về...”)
- Phạm vi phân tích: những khổ thơ nào, đoạn trích nào, nhân vật nào... cần phân tích

VD: Cảm nhận của em về khúc tâm tình của người cha qua đoạn thơ.

“Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục.

*Con ơi tuy thô sơ da thịt Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.”*

(Nói với con – Y Phương, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục 2015)

=> Vấn đề nghị luận: khúc tâm tình của người cha

=> Phạm vi phân tích: đoạn thơ được trích trong đề (14 câu thơ cuối bài)

b. Mục đích của bước làm này

- Để xác định những gì cần nêu trong Mở bài và Kết bài
- Định hướng hệ thống luận điểm trong Thân bài
- Xác định được những từ khóa cần nhắc lại nhiều lần trong quá trình viết (những từ chủ đề trong vấn đề nghị luận)

2. Bước 2: Lập ý (5 phút - Ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề)

a. Cách làm:

- Dàn ý cơ bản của dạng đề phân tích:

Phần	Nội dung
Mở bài	Dẫn dắt + Đặt vấn đề
Thân bài	Luận điểm 1: Khái quát Luận điểm 2: Phân tích, làm sáng tỏ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật Luận điểm 3: Khái quát vấn đề
Kết bài	Khẳng định lại vấn đề + Cảm nhận của bản thân

- Ở bước này cần ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề những luận điểm trong THÂN BÀI:

+ LD 1: Khái quát

- Tác giả: Cuộc đời, sự nghiệp, phong cách sáng tác (những thông tin chưa nêu ở mở bài)
- Tác phẩm: Hoàn cảnh sáng tác, nội dung chính, đối với thơ thì

khái

quát thêm về mạch cảm xúc, đối với truyện thì khái quát thêm về tình huống truyện.

- Vấn đề nghị luận: Vị trí trong tác phẩm, nội dung chính

+ LĐ 2: Phân tích, cảm nhận (Dựa vào vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích để xây dựng hệ thống luận cứ. Trả lời những câu hỏi từ khái quát đến cụ thể để lập ý, huy động kiến thức nền đã được học):

- Câu hỏi 1 - Khái quát: Vấn đề nghị luận được thể hiện với những đặc điểm chính nào? Phạm vi phân tích được chia thành mấy phần? Nội dung chính của từng phần là gì? => Từ đó lập ra các luận cứ
- Câu hỏi 2 - Cụ thể: Trong mỗi luận cứ có các ý nhỏ nào? Trong mỗi luận cứ, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng là gì? Các hình ảnh có ý nghĩa như thế nào? Nếu là truyện/nhân vật thì có những nét tính cách gì, suy nghĩ, hành động ra sao?... => Từ đó lập ra các ý nhỏ trong mỗi luận cứ
- Đánh dấu vào những ý muốn liên hệ mở rộng hoặc đi sâu phân tích

+ LĐ 3: Đánh giá

- Đặc sắc nội dung, nghệ thuật của vấn đề nghị luận
- Tài năng, tấm lòng của tác giả
- Liên hệ bản thân (nếu có)

VD: Cảm nhận của em về tình cảm của tác giả Viễn Phương thể hiện trong hai khổ thơ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác”.

=> Vấn đề nghị luận: tình cảm của tác giả Viễn Phương

=> Phạm vi phân tích: hai khổ thơ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác”.

=> Lập ý:

LĐ 1: Khái quát

- Viễn Phương:

+ cây bút tiêu biểu của nền văn nghệ kháng chiến

- + chất thơ mộc mạc, giản dị, chân thành, giàu cảm xúc, tình cảm và lòng biết ơn đối với quê hương, đất nước.
- “Viếng lăng Bác”: 44
 - + 1976
 - + Nhà thơ ra thăm lăng Bác
 - + Sau khi nước nhà thống nhất
- 2 khổ đầu: tình cảm của tác giả khi đến lăng và khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác

LD 2: Phân tích

- Luận cứ 1: Niềm xúc động, tình cảm thân thương, kính trọng khi đến lăng Bác
 - + xưng hô “con” - “Bác” + “miền Nam” => tình cảm kính yêu, trù mến, thiêng liêng
(Liên hệ về cách xưng hô đặc biệt giữ nhân dân và Chủ tịch HCM)
 - + “thăm” => nói giảm nói tránh
 - + hàng tre:
 - tả thực: khung cảnh ngoài lăng
 - ẩn dụ: con người VN kiên cường, bền bỉ trước “bão táp mưa sa”
 - Ôi! => câu cảm thán bộc lộ trực tiếp cảm xúc
- Luận cứ 2: Tấm lòng thành kính, tiếc thương khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác:
 - + Nghệ thuật sóng đôi, ẩn dụ: “mặt trời đi qua trên lăng” + “mặt trời trong lăng”
 - mặt trời của tự nhiên, đem lại hơi ấm, ánh sáng, sự sống cho muôn loài.
 - mặt trời trong lăng ẩn dụ chỉ Bác Hồ - người đã soi đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam => ca ngợi sự vĩ đại, công lao to lớn của Bác + bày tỏ lòng tôn kính, tự hào, biết ơn vô hạn đối với Bác
 - + Mặt trời “rất đỏ” => trái tim tràn đầy nhiệt huyết cách mạng, giàu lòng yêu nước, thương dân của Người => mặt trời tự nhiên dường như cũng đang ngày ngày chiêm ngưỡng mặt trời của dân tộc.

+ Điệp từ “ngày ngày” => tiếp nối thời gian liên tục, tạo nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng.

+ Hình ảnh ẩn dụ “kết tràng hoa”

- tả thực (những bông hoa tươi thắm kết thành tràng hoa dâng lên 45 Người).
- biểu tượng => mỗi người con đang xếp hàng vào lăng viếng Bác mỗi ngày là một bông hoa ngát thơm, họ xếp thành hàng dài tựa những tràng hoa, dòng người đó vào lăng viếng Bác với tấm lòng thành kính, dâng lên Người những gì tốt đẹp nhất.

+ “Bảy mươi chín mùa xuân” chỉ bảy mươi chín năm cuộc đời Bác, một cuộc đời đẹp như những mùa xuân và chính Người đã làm ra mùa xuân cho đất nước, dân tộc. Biên độ câu thơ kéo dài thành chín chữ sâu lắng, âm điệu câu thơ thì mượt mà, giàu hình ảnh và sâu sắc hơn.

LĐ 3: Đánh giá:

- Nội dung đoạn thơ
- Nghệ thuật của 2 đoạn thơ

b. Mục đích của bước làm này

- Giúp người viết xây dựng được hệ thống luận điểm chặt chẽ, khi viết không bị thiếu ý, thừa ý, quên ý.
- Làm chủ thời gian khi viết, chủ động căn giờ để hoàn thành bài.

Lưu ý: Tùy vào khả năng làm chủ kiến thức mà bước 2 này em có thể làm một cách cụ thể hay khái quát:

- + Nếu đã nắm chắc kiến thức rồi thì chỉ cần ghi lại những ý chính
- + Nếu chưa nắm chắc kiến thức thì cần ghi chi tiết hơn nội dung của từng ý
- + Chỉ ghi những từ khóa chính, không ghi cả câu dài dòng gây mất thời gian.

3. Bước 3: Viết bài (65 đến 70 phút - trình bày sạch sẽ, cẩn thận)

Trình tự viết: Viết lần lượt từng phần MB, TB, KB theo dàn ý cơ bản đã nêu ở bước 2

4. Bước 4: Đọc lại bài (3 phút - nếu còn thời gian)

- Chú ý đọc lại những câu mở đoạn, kết đoạn xem đã viết đúng, rõ ràng chưa.
- Soát lỗi chính tả.
- Nếu có lỗi cần sửa thì gạch đi sửa lại thật sạch sẽ.

46

III. PHƯƠNG PHÁP VIẾT TỪNG PHẦN NHỎ TRONG BÀI VIẾT

Tại đây hướng dẫn phương pháp viết từng phần nhỏ trong bài viết theo trình tự:

- **Mở bài + Kết bài**
- **Thân bài: LĐ 1 + LĐ 3**
- **Thân bài: LĐ 2: Phân tích thơ**
- **Thân bài: LĐ 2: Phân tích văn xuôi**
- **Cách liên hệ mở rộng, tạo điểm nhấn trong bài viết**

1. PHƯƠNG PHÁP VIẾT MỞ BÀI (5 phút)

a. Cấu trúc

Mở bài = Dẫn dắt + Nêu vấn đề và phạm vi phân

tích Trong đó:

- + Dẫn dắt là phần không bắt buộc nhưng nên có để mở bài hay và ấn tượng => Phần được sáng tạo linh hoạt, có thể chuẩn bị trước khi đi thi.
- + Nêu vấn đề và phạm vi phân tích là phần **BẮT BUỘC** phải nêu đúng và đủ => Phần cố định, phụ thuộc vào từng đề bài khác nhau.

b. Cách viết

* **Mở bài trực tiếp**: giới thiệu tác giả, tác phẩm => Nêu vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích.

VD: Viễn Phương là một cây bút tiêu biểu của nền văn nghệ kháng chiến. Thơ ông mộc mạc, giản dị, giàu cảm xúc, thể hiện sâu sắc tình cảm, lòng biết ơn đối với quê hương, đất nước. Tiêu biểu trong sự nghiệp sáng tác của Viễn Phương phải kể tới đó là thi phẩm “Viếng lăng Bác”. Bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc về tình cảm kính yêu, tha thiết của tác giả qua hai khổ thơ đầu: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác /.../ Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.”

=> **Nhận xét: Cách viết này nhanh, đảm bảo đúng, đủ, nhưng không ấn tượng.**

* **Mở bài gián tiếp:** Dẫn dắt từ đề tài/phong cách sáng tác/nhận định/cảm nhận cá nhân... + Nêu vấn đề và phạm vi phân tích

Dưới đây là một số cách dẫn dắt:

47

- Cách 1: Dẫn dắt từ đề tài sáng tác

+ Trình tự viết: Nêu tên đề tài => dẫn ra khoảng 2 đến 3 tác phẩm thuộc đề tài đó => Dẫn vào tác phẩm => Dẫn vào vấn đề cần nghị luận

+ Công thức: Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, + tên đề tài + không biết tự bao giờ đã trở thành cội nguồn sáng tác cho biết bao người nghệ sĩ. Chúng ta từng biết tới...+ trích dẫn 2 - 3 tác phẩm, tác giả tiêu biểu viết về đề tài đó. Và khi đến với những sáng tác của + tên tác giả, chúng ta lại thêm một lần nữa được nhìn về một tác phẩm nổi bật thuộc đề tài này đó là + tên tác phẩm => Nêu vấn đề cần nghị luận.

Hoặc: Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, + tên đề tài + không biết tự bao giờ đã trở thành cội nguồn sáng tác cho biết bao người nghệ sĩ. Và + tên tác giả + là một trong những cây bút tiêu biểu sáng tác về đề tài này. Tên tác phẩm + của ông/bà + đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bằng những trang thơ/trang văn đậm màu sắc + đặc điểm của đề tài trong tác phẩm của họ => Nêu vấn đề

+ VD: Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, **đề tài người lính** không biết tự bao giờ đã trở thành cội nguồn sáng tác cho biết bao người nghệ sĩ. Và **Phạm Tiến Duật** là một trong những cây bút tiêu biểu sáng tác về đề tài này. **Thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật** đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bằng những **trang thơ** đậm màu sắc **trẻ trung, sôi nổi, ngang tàng mà sâu sắc**. => Nêu vấn đề

- Cách 2: Dẫn dắt từ phong cách sáng tác của tác giả

+ Trình tự viết: Đi sâu vào phong cách của tác giả => Tác phẩm => Nêu vấn đề

+ Công thức: Mỗi người nghệ sĩ trong quá trình sáng tác đều có một chất giọng của riêng mình. Nếu + 1 số tác giả và phong cách tương ứng + thì + tác giả chính + lại ghi dấu ấn trên thi đàn/văn đàn bằng chất giọng + phong cách của tác giả chính. Tên tác phẩm + chính là kết tinh của phong cách ấy. => nêu vấn đề.

48

+ Ví dụ: *Mỗi người nghệ sĩ trong quá trình sáng tác đều có một chất giọng của riêng mình. Nếu **Kim Lân có chất văn giản dị, chân chất, mộc mạc khi viết về người nông dân của làng quê Bắc Bộ** thì **Nguyễn Quang Sáng** lại ghi dấu ấn trên văn đàn bằng chất giọng **đôn hậu, hào sảng đặc trưng cho người nông dân Nam Bộ**. Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” chính là kết tinh cho phong cách độc đáo ấy của Nguyễn Quang Sáng.* => nêu vấn đề.

- Cách 3: Dẫn dắt từ nhận định, đoạn thơ có nội dung phù hợp

+ Trình tự: Trích nhận định/ đoạn thơ => Khái quát nội dung của nhận định/đoạn thơ đó => Nêu tác giả tác phẩm => Nêu vấn đề

+ Công thức 1 (Nhận định): “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự giải bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà). Phải chăng tác phẩm nghệ thuật chính là cầu nối để tác giả bộc lộ cảm xúc và người đọc từ đó được đồng cảm, thấu hiểu và sẻ chia. Tác giả + cũng đã mượn trang thơ/trang văn + tên tác phẩm + để bộc lộ/gửi gắm những tâm tư, tình cảm của mình về + nội dung chính của tác phẩm => Nêu vấn đề nghị luận

=> Cách này dùng cho các tác phẩm thơ và văn xuôi giàu tình cảm, cảm xúc như “Đồng chí”, “Bếp lửa”, “Ánh trăng”, “Mùa xuân nho nhỏ”, “Viếng Lăng Bác”, “Sang thu”, “Nói với con”, “Làng”, “Chiếc lược ngà”...

VD: “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự giải bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà). Phải chăng tác phẩm nghệ thuật chính là cầu nối để tác giả bộc lộ cảm xúc và người đọc từ

đó được đồng cảm, thấu hiểu và sẻ chia. **Nhà thơ Bằng Việt** cũng đã mượn **trang thơ “Bếp lửa”** để gửi gắm những tâm tư, tình cảm của mình về **tình bà cháu hay rộng hơn là tình yêu đối với gia đình, với quê hương, xứ sở**. => **Nêu vấn đề nghị luận**.

- + Công thức 2 (nhận định): “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra” (Andecxen). Tên tác giả + cũng đã xuất phát từ những kỉ niệm / giá trị thực trong đời sống để rồi viết lên một câu chuyện đẹp mang tên + tên tác phẩm. Tác phẩm đã gây ấn tượng trong lòng bạn đọc bởi + nội dung đặc sắc của tác phẩm. => **Nêu vấn đề**.

=> Cách này áp dụng cho các tác phẩm truyện

VD: “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra” (Andecxen). **Nhà văn Nguyễn Thành Long** cũng đã xuất phát từ những giá trị thực trong đời sống để rồi viết lên một câu chuyện đẹp mang tên **“Lặng lẽ Sa Pa”**. Tác phẩm đã gây ấn tượng trong lòng bạn đọc bởi **vẻ đẹp phẩm chất của những con người trẻ tuổi, trẻ lòng luôn biết suy nghĩ và cống hiến cho Tổ quốc**. => **Nêu vấn đề**.

- + Công thức 3 (đoạn thơ): Tôi vẫn còn nhớ nhà thơ Chế Lan Viên từng viết :

“Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt
Như mẹ cha ta như vợ như chồng
Ôi Tổ quốc nếu cần ta chết
Cho mỗi ngôi nhà ngọn núi con sông”

Lịch sử vẻ vang của dân tộc được làm nên từ những thế hệ đã hi sinh xương máu vì bình yên “cho mỗi ngôi nhà ngọn núi con sông” của Tổ quốc như thế. Họ không chỉ sống mãi trong lòng dân tộc mà còn sáng mãi trên những trang văn, trang thơ bất hủ. Tên tác phẩm và tác giả + cũng đã khắc họa một cách chân thực và đầy tự hào về những người chiến sĩ anh dũng ấy. => **Nêu vấn đề**.

=> Cách này dùng cho các tác phẩm viết về đề tài người lính

VD: Tôi vẫn còn nhớ nhà thơ Chế Lan Viên từng viết:

“Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt

Như mẹ cha ta như vợ như chồng

Ôi Tổ quốc nếu cần ta chết

Cho mỗi ngôi nhà ngọn núi con sông”

50

Lịch sử vẻ vang của dân tộc được làm nên từ những thế hệ đã hi sinh xương máu vì bình yên “cho mỗi ngôi nhà ngọn núi con sông” của Tổ quốc như thế. Họ không chỉ sống mãi trong lòng dân tộc mà còn sáng mãi trên những trang văn, trang thơ bất hủ. **Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê** cũng đã khắc họa một cách chân thực và đầy tự hào về những **nữ thanh niên xung phong** dũng cảm ấy. => *Nêu vấn đề.*

- Cách 4: Dẫn dắt từ cảm nhận cá nhân, có lòng ghép kiến thức lí luận văn học

+ Trình tự viết: Nêu suy nghĩ cá nhân về giá trị của văn chương => Dẫn ra tác giả tác phẩm => Nêu vấn đề.

+ Công thức: Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. => Tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận

Hoặc: Nếu phải chọn ra ý nghĩa cao cả nhất của văn chương trong đời sống thì đó là việc văn chương đã cống hiến cho cuộc đời này những câu chuyện đẹp đẽ, những nhân vật gần gũi mà ấn tượng cùng bao suy ngẫm sâu xa trong tâm hồn các nghệ sĩ.

+ Một số cách dẫn dắt khác:

1. Dostoevski đã từng viết khi lý giải về động lực cầm bút của mình:

“Tôi hãy còn một trái tim, một dòng máu nóng để yêu thương, cảm thông và chia sẻ.” Còn R.Targo – nhà thơ vĩ đại của Ấn Độ lại bày tỏ mong muốn sau khi từ giã cõi đời được nhắn nhủ lại một lời: “Tôi đã từng yêu”. Có phải bởi những nhà văn, nhà thơ vĩ đại – họ chính là những con người đã sống, đã yêu hết mình và thấm thía hơn ai hết giá trị của cuộc sống. Chính điều này đã khiến cho tác phẩm của bất

cứ nhà thơ nhà văn nào khi viết đều dường như muốn thoát ra hết chính mình, một tác phẩm đã viết, phải viết bằng cả lý trí, tâm hồn, cả trái tim và lòng dũng cảm. (Tác phẩm) là một trong số những bài thơ như thế. Nó được viết ra bởi những thấm thía về (đề tài) của + (Tác giả) + (Dẫn vào vấn đề cần nghị luận).

- 2 Trên đỉnh núi Odenzơ kỳ diệu, nơi có những vòm hoa thạch thảo tím tím, mơ màng, Andecxen đã nhặt lấy những hạt giống trên luống đất của người dân cày mà dệt lên những bài ca bất tận. Những phù sa của một dòng sông Mixixipi miền Tây nước Mỹ đã bồi đắp cho những trang văn của Mác Tuên để rồi đến tận bây giờ, hơi ấm và chất mặn nồng của con người miền Tây vẫn gây ra những ám ảnh, gọi cho ta nhớ về những chuyến phiêu lưu, những cuộc đời ưa mạo hiểm. Có thể thấy, thành công của mỗi người nghệ sĩ đều phải bắt nguồn từ việc anh ta buộc chặt trái tim mình với cuộc đời và nếu được, xin hãy đem tâm hồn mình trao về một miền đất. Có phải vì thế mà (tên tác giả) đã ... (Dẫn vào bài thơ và vấn đề nghị luận).
- 3 Nếu phải tìm bản nhạc hay nhất, có lẽ tôi sẽ chọn văn chương. Bởi chỉ khi đến với văn chương, người nghệ sĩ mới được tự do để trái tim dẫn dắt, được thể hiện quan niệm của chính mình và rồi mang đến cho người đọc biết bao giai điệu cảm xúc với nhiều cung bậc. Và tác giả... đã để tác phẩm của mình là nốt ngân đầy sáng tạo trong bản hòa tấu của văn học, đặc biệt là đoạn trích...

Lưu ý: Để có 1 MỞ BÀI hay:

- 5 phút/1 mở bài, có thể chuẩn bị trước khi đi thi
- Nêu ĐÚNG VÀ ĐỦ vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích. Hãy gạch chân vấn đề cần nghị luận trong đề bài để nhớ phải đưa vào trong MB. Trích đoạn thơ, đoạn văn cần phân tích hoặc nêu vị trí trích đoạn đó trong tác phẩm.
- Dẫn dắt để có MB gián tiếp:
 - + Nếu dùng nhận định để dẫn dắt: sử dụng chính những từ khóa trong nhận định để nêu về tác giả hoặc tác phẩm cần phân tích. Phân tích

- + Nếu dùng đoạn thơ để dẫn dắt: trích thơ xong cần có 1, 2 câu nêu cảm nhận về nội dung của đoạn thơ đó, sau đó dẫn dắt đến vấn đề nghị luận.
- + Nếu dẫn dắt từ đề tài: khẳng định sự phổ biến của đề tài đó, nêu về một vài tác giả và tác phẩm cùng đề tài, chỉ ra tác giả, tác phẩm cần phân tích là một điểm sáng trong mảng đề tài đó.
- Một số từ, cụm từ, cấu trúc câu dùng để dẫn dắt:
 - + Trong nền văn học Việt Nam hiện đại...
 - + thật vậy, quả thật,... => khi muốn khẳng định
 - + tuy nhiên, trái ngược với điều đó... => khi đưa ra đối tượng trái ngược
 - + Trong đó không thể không kể tới..., Tiêu biểu trong đó phải kể tới...
 - + Bên cạnh đó..., không chỉ vậy...
 - + Điều này được thể hiện rõ qua... => khi nêu phạm vi phân tích
 - + nhà thơ, thi sĩ, thi nhân, tác giả, người cầm bút, ngòi bút..., tác phẩm, thi phẩm, bài thơ, trang thơ..., độc giả, bạn đọc, người yêu thơ, người tiếp nhận...=> sử dụng linh hoạt để tránh lặp từ

2. PHƯƠNG PHÁP VIẾT KẾT BÀI (5 phút)

a. Cấu trúc

Kết bài = Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích + Liên hệ, mở rộng Trong đó:

- + Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích là phần **BẮT BUỘC** phải nêu => Là phần cố định, phụ thuộc vào đề bài.
- + Liên hệ mở rộng là phần không bắt buộc nhưng nên có để tạo sự cân xứng với mở bài
=> Là phần sáng tạo linh hoạt, tùy theo mở bài để có cách viết tương ứng.

b. Cách viết

* Cách viết phần Tổng kết vấn đề và phạm vi phân tích:

- Trình tự viết: Tổng kết đặc sắc nghệ thuật của dẫn chứng vừa phân tích => Khẳng định nội dung chính của vấn đề nghị luận.
- Công thức (Câu tổng kết): Tóm lại, bằng + đặc sắc nghệ thuật của dẫn chứng vừa phân tích trong bài, tên tác giả + đã tái hiện / khắc họa thành công + vấn đề nghị luận.

* Cách viết liên hệ mở rộng:

- Cách 1: Mở rộng về đề tài

+ Công thức: Câu tổng kết => Đọc những trang thơ/trang văn ấy, ta lại càng thêm trân quý tình cảm/tâm lòng/tài năng của một cây bút xuất sắc viết về + tên đề tài, góp phần làm nên diện mạo nền văn học Việt Nam phong phú và vô cùng sâu sắc.

+ VD: Tóm lại, bằng **giọng thơ trẻ trung, phóng khoáng, hình ảnh thơ chân thực mà đầy lạc quan, tếu táo, vui tươi, nhà thơ Phạm Tiến Duật đã khắc họa thành công hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn qua bốn khổ thơ đầu của thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”**.
Đọc những trang thơ ấy, ta lại càng thêm trân quý tài năng của một cây bút xuất sắc viết về **đề tài người lính cách mạng**, góp phần làm nên diện mạo nền văn học Việt Nam phong phú và vô cùng sâu sắc.

- Cách 2: Mở rộng về phong cách sáng tác

+ Công thức: Câu tổng kết => Phạm vi phân tích + chính là một điểm sáng cho phong cách + điểm đáng chú ý về phong cách của tác giả. Những giá trị/ trang thơ/ trang văn ấy sẽ luôn sống mãi với thời gian và ghi dấu ấn không thể phai mờ trong trái tim bạn đọc.

+ VD: Như vậy, bằng **nghệ thuật miêu tả tâm lí tài tình, sắc sảo, nhà văn Kim Lân đã khắc họa thành công tình yêu làng, yêu nước của ông Hai trong phân đoạn khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. Một phân đoạn nhỏ trong truyện ngắn “Làng” chính là điểm sáng cho phong cách viết văn giản dị, chân chất, mộc mạc của Kim Lân, của một cây bút “một**

lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy của đời sống nông thôn”. Những ***trang văn*** ấy sẽ luôn sống mãi với thời gian và ghi dấu ấn không thể phai mờ trong trái tim bạn đọc.

- Cách 3: Mở rộng về nhận định / đoạn thơ

+ Công thức (nhận định tương ứng với công thức 1 trong cách 3 phần mở bài): Câu tổng kết => Trang thơ ấy không chỉ là tiếng lòng thiết tha, sự giải bày và gửi gắm tâm tư của + tên tác giả + mà còn là sợi dây kết nối những tâm hồn đồng điệu, là khúc ca sẽ mãi ngân lên. Đúng như quy luật tồn tại và giá trị bất hủ của thơ ca bao đời nay: “Từ bao giờ cho đến bây giờ, từ Hômerơ cho đến Kinh thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế” (Hoài Thanh).

=> Cách này dùng cho những bài thơ giàu tình cảm.

+ VD: Bằng ***thể thơ năm chữ giản dị, hình ảnh thơ trong sáng, gần gũi, nhà thơ Thanh Hải đã bộc lộ tâm nguyện muốn hiến dâng những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời qua ba khổ thơ cuối thi phẩm “Mùa xuân nho nhỏ”***. Trang thơ ấy không chỉ là tiếng lòng thiết tha, sự giải bày và gửi gắm tâm tư của **Thanh Hải** mà còn là sợi dây kết nối những tâm hồn đồng điệu, là khúc ca sẽ mãi ngân lên. Đúng như quy luật tồn tại và giá trị bất hủ của thơ ca bao đời nay: “Từ bao giờ cho đến bây giờ, từ Hômerơ cho đến Kinh thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế” (Hoài Thanh).

- Cách 4: Mở rộng về cảm xúc, ấn tượng cá nhân (khẳng định sức sống lâu bền của những tác phẩm có giá trị) => không có công thức, linh hoạt và sáng tạo tùy theo sở thích cá nhân.

- Đủ 2 phần: khẳng định lại vấn đề nghị luận và liên hệ mở rộng:
 - + Khẳng định lại vấn đề là phần bắt buộc phải có
 - + Liên hệ mở rộng không bắt buộc và tùy vào sở thích, khả năng của mỗi người
- Dung lượng tương xứng với MB, không để tình trạng đầu voi đuôi chuột
- Nên viết theo cấu trúc “ĐẦU CUỐI TƯƠNG ỨNG” với MB. MB dẫn dắt từ đâu thì KB tổng kết tại đó:
 - + MB dẫn dắt từ đề tài, chủ đề thì KB cũng tổng kết về đề tài, chủ đề ấy
 - + MB dẫn dắt từ đoạn thơ hay nhận định thì KB cũng kết lại bằng đoạn thơ hay nhận định tương tự
 - + ...
- Câu kết và đặc biệt là những chữ cuối cùng nên có thanh điệu trầm, nhẹ để tạo sự lắng đọng.

LUYỆN TẬP

Đề bài: Cảm nhận của em về tình cảm của tác giả Viễn Phương thể hiện trong hai khổ thơ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác”.

Bước 1: Phân tích đề

- Vấn đề nghị luận: tình cảm của tác giả Viễn Phương
- Phạm vi phân tích: hai khổ thơ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác”.

Bước 2: Lập ý

LĐ 1: Khái quát

- Viễn Phương:
 - + cây bút tiêu biểu của nền văn nghệ kháng chiến
 - + chất thơ mộc mạc, giản dị, chân thành, giàu cảm xúc, tình cảm và lòng biết ơn đối với quê hương, đất nước.
- “Viếng lăng Bác”:

- + 1976, Nhà thơ ra thăm lăng Bác, Sau khi nước nhà thống nhất
- + Bài thơ thể hiện tấm lòng, tình cảm, sự thành kính, biết ơn đối với Bác⁵⁶
- 2 khổ đầu: tình cảm của tác giả khi đến lăng và khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác

LD 2: Phân tích

- Luận cứ 1: Niềm xúc động, tình cảm thân thương, kính trọng khi đến lăng Bác (khổ 1)
 - + xưng hô “con” - “Bác” + “miền Nam” => tình cảm kính yêu, trù mến, thiêng liêng
 - (Liên hệ về cách xưng hô đặc biệt giữ nhân dân và Chủ tịch HCM)
 - + “thăm” => nói giảm nói tránh
 - + hàng tre:
 - tả thực: khung cảnh ngoài lăng
 - ẩn dụ: con người VN kiên cường, bền bỉ trước “bão táp mưa sa”
 - Ôi! => câu cảm thán bộc lộ trực tiếp cảm xúc
- Luận cứ 2: Tấm lòng thành kính, tiếc thương khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác (khổ 2):
 - + Nghệ thuật sóng đôi, ẩn dụ: “mặt trời đi qua trên lăng” + “mặt trời trong lăng”
 - mặt trời của tự nhiên, đem lại hơi ấm, ánh sáng, sự sống cho muôn loài.
 - mặt trời trong lăng ẩn dụ chỉ Bác Hồ - người đã soi đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam => ca ngợi sự vĩ đại, công lao to lớn của Bác + bày tỏ lòng tôn kính, tự hào, biết ơn vô hạn đối với Bác
 - + Mặt trời “rất đỏ” => trái tim tràn đầy nhiệt huyết cách mạng, giàu lòng yêu nước, thương dân của Người => mặt trời tự nhiên dường như cũng đang ngày ngày chiêm ngưỡng mặt trời của dân tộc.
 - + Điệp từ “ngày ngày” => tiếp nối thời gian liên tục, tạo nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng.
 - + Hình ảnh ẩn dụ “kết tràng hoa”

- tả thực (những bông hoa tươi thắm kết thành tràng hoa dâng lên Người).
 - biểu tượng => mỗi người con đang xếp hàng vào lăng viếng Bác⁵⁷ mỗi ngày là một bông hoa ngát thơm, họ xếp thành hàng dài tựa những tràng hoa, dòng người đổ vào lăng viếng Bác với tấm lòng thành kính, dâng lên Người những gì tốt đẹp nhất.
- + “Bảy mươi chín mùa xuân” chỉ bảy mươi chín năm cuộc đời Bác, một cuộc đời đẹp như những mùa xuân và chính Người đã làm ra mùa xuân cho đất nước, dân tộc. Biên độ câu thơ kéo dài thành chín chữ sâu lắng, âm điệu câu thơ thì mượt mà, giàu hình ảnh và sâu sắc hơn.

LD 3: Đánh giá:

- Nội dung đoạn thơ
- Nghệ thuật của 2 đoạn thơ

*Chú thích

Màu chữ	Nội dung	Cách sử dụng
Chữ màu đen	kiến thức nền => không thể thiếu trong bài	phải nắm chắc
Chữ màu đỏ	dẫn dắt, liên kết câu, đoạn văn => tùy từng bài, có nhiều cách khác nhau	học hỏi, áp dụng, sáng tạo thêm
Chữ màu xanh	liên hệ, mở rộng => tùy từng bài, nguồn tham khảo phong phú	học hỏi, áp dụng, sáng tạo thêm

Bài làm

Mở bài: Dẫn dắt + nêu vấn đề và phạm vi phân tích

Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. Nhà thơ Viễn Phương cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế khi bộc lộ tình cảm, cảm xúc, tấm lòng thành kính vô hạn đối với Bác Hồ kính yêu trong thi phẩm “Viếng lăng Bác”. Đặc biệt, hai khổ thơ đầu của thi phẩm này đã thể hiện một cách xúc động tình cảm của tác giả Viễn Phương khi đứng trước lăng và khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng.

58

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”

Thân bài:

LĐ 1: Khái quát

Những vần thơ thật giản dị và xúc động, bồi hồi, thể hiện niềm cảm xúc dâng trào của tác giả Viễn Phương. Nhắc đến nhà thơ Viễn Phương là nhắc đến một thi sĩ với hồn thơ nhẹ nhàng, man mác, giản dị. Thơ ông lay động lòng người bởi sự tinh tế trong cách diễn đạt cảm xúc, hình ảnh thơ mộc mạc mà sâu sắc. Bởi “Viễn Phương là một con người rất đa mang, rất nặng lòng với quá khứ, với cách mạng, quá khứ đấu tranh của dân tộc lẫn vào sâu sắc với thơ anh, với hồn anh, với đời anh” (Nhà văn, nhà báo Mai Văn Tạo). Bài thơ “Viếng lăng Bác” được sáng tác năm 1976 khi đất nước đã thống nhất, lăng Bác được khánh thành và tác giả được vào thăm lăng Bác. Bằng tình cảm chân thành, bình dị của một người con miền Nam cùng cảm xúc nồng ấm, thiết tha, nhà thơ Viễn Phương đã sáng tác bài thơ này như một sự tinh động của một quả chín tròn mọng, ngọt ngào, như sự tươi tắn ngát hương của một đóa hoa đẹp hay như màu xanh thắm và độ rần rori, thẳng thắn của loài tre quê hương giàu phẩm chất trước nỗi niềm xúc động và thành kính vô hạn đối với Bác. Mạch cảm xúc được bắt đầu và tiếp nối theo trình tự cuộc vào lăng viếng Bác. Cứ như thế, hai khổ thơ đầu vang lên thể hiện tình cảm của tác giả khi đến lăng và khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác.

LĐ 2: Phân tích

- **Luận cứ 1: Niềm xúc động, tình cảm thân thương, kính trọng khi đến lăng Bác (khổ 1)**

Trước tiên, những vần thơ bình dị, thiết tha đều đặn, từ tốn vang lên như chất chứa cả một niềm mong mỏi, chân thành của nhà thơ Viễn Phương khi đến lăng Bác:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng
Bác Đã thấy trong sương hàng tre
bát ngát Ôi! Hàng tre xanh xanh
Việt Nam Bao táp mưa sa đứng
thẳng hàng.”

59

Trong dòng thơ đầu tiên cất lên, cụm từ “ở miền Nam” như thông báo cho Bác biết rằng người con ấy đến từ một nơi rất xa xôi – miền Nam – mảnh đất anh hùng suốt mấy chục năm trời chiến đấu gian khổ chỉ mong có ngày giành được độc lập, thống nhất, mảnh đất mà Bác vẫn luôn đau đáu một nỗi nhớ một niềm mong. Động từ “thăm” cũng như một sự nói giảm nói tránh hay mặt khác còn là sự đấu tranh, đối lập giữa lí trí và thể xác. Dù nhà thơ không muốn tin Bác đã mất rồi nhưng sự thật hiện tại vẫn là thế. Cách xưng hô của tác giả trong câu thơ đầu tiên này càng khiến cho ta xúc động. Đó là cách xưng hô “Con” – “Bác” rất gần gũi, thân thương của người dân Nam Bộ. Dường như nó đã xóa tan đi mọi khoảng cách giữa một vị lãnh tụ vĩ đại và một công dân. Bởi vì trong thâm tâm mọi người, Bác là người thân trong gia đình, là vị lãnh tụ vĩ đại nhưng thân tình và giản dị biết bao:

“Nơi đây sống một người tóc bạc
Người không con mà có triệu con
Nhân dân ta gọi Người là Bác
Cả đời Người là của nước non”

(“Quê hương Việt Bắc” - Nguyễn Đình Thi)

Tiếp đến lăng Bác, hình ảnh đầu tiên tác giả Viễn Phương bắt gặp sau làn sương sớm mai là hàng tre xanh bát ngát, thấp thoáng bóng dáng quen thuộc của làng quê: “Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát”. Thật giản dị xiết bao khi che chở và canh giữ cho giấc ngủ ngàn thu của vị Cha già dân tộc lại chính là những gì gần gũi và thân thuộc nhất. Phải chăng chính điều đó đã khiến trái tim của người con miền Nam lần đầu đến viếng lăng Bác phải xúc động nghẹn ngào. Khổ thơ đầu tiên này tác giả Viễn Phương đã dùng đến ba câu thơ để tập trung khắc họa hình ảnh hàng tre - một hình ảnh không chỉ tả thực không gian bên ngoài lăng Bác mà còn ẩn chứa bao ý nghĩa sâu xa. Từ cảm thán “Ôi” biểu thị bao niềm xúc động tự hào của tác giả. Và, cái “bát ngát”, “xanh xanh” trải khắp không gian kia còn là cái “bát ngát”, mệnh mệnh của cảm xúc con

người. “Hàng tre xanh xanh” mộc mạc nhưng “bão táp mưa sa đứng thẳng hàng” đã nhấn mạnh sức sống bền bỉ của tre xanh hay cũng chính là của dân tộc Việt Nam dù trải qua bao khó khăn gian khổ trong hai cuộc kháng chiến trường kì. Bằng nghệ thuật ẩn dụ tinh tế, nhà thơ Viễn Phương đã gọi lên tinh thần đoàn kết, kiên cường, bền bỉ của dân tộc Việt Nam luôn sẵn sàng bên Bác thực hiện lí tưởng cao cả qua hình ảnh hàng tre. **Hàng tre nơi lăng Bác, hàng tre trong thơ Viễn Phương thân thuộc mà thiêng liêng đến thế!**

Luận cứ 2: Tấm lòng thành kính, tiếc thương khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác (khổ 2):

Từ những hàng tre thẳng hàng ngày ngày canh giấc ngủ cho Bác, nhà thơ khắc họa những hình ảnh nơi lăng Bác và cùng với đó là cảm xúc tiếc thương dâng trào khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”

Theo vòng quay tuần hoàn của tạo hóa, ngày ngày có một mặt trời đi qua trên lăng, chợt ngỡ ngàng cúi mình chiêm ngưỡng những ánh sáng chói lọi, rực rỡ, đỏ một màu chứa chan tình thương của một mặt trời bình yên, thanh thản trong lăng kia tỏa ra. Với nghệ thuật ẩn dụ đặc sắc, cách xây dựng hình ảnh sóng đôi thật tự nhiên, Viễn Phương đã khéo léo ví Bác như một mặt trời rạng rỡ, đỏ rực. Một ngày qua, ông được chiêm ngưỡng hai ánh mặt trời tỏa sáng ngời ngời, rực rỡ cả một không gian, chứa chan dòng chảy thành kính vô tận của hàng vạn con người: Mặt trời vũ trụ – Mặt trời chân lí. Mặt trời của vũ trụ ngày ngày chiếu sáng, sưởi ấm cho thế gian, để hoa nở rộ, để trái chín cành, để người người hớn hở làm việc, để chim trời cất lên những khúc nhạc tươi vui. Thế nhưng luồng ánh sáng rực rỡ vĩnh viễn của vũ trụ cũng im lặng thao thức trước một mặt trời của chân lý cao cả – Bác Hồ. Bác xuất hiện như vầng thái dương dần nhô lên giữa rừng núi xa xăm, xua tan đi bóng đêm mù mịt tăm tối bao trùm, quét sạch hơi đông lạnh lẽo, đón đau, bẻ gãy đi mọi cùm gông, xiềng xích. **Dưới hơi ấm của chân lý bừng chói rực rỡ, những đời nô lệ câm lặng lại ngào ngạt nở hoa, để mỗi kiếp người lại hăm hở, sung sướng được trọn vẹn làm người.** Trái tim Bác như

vẫn luôn “rất đỏ” một tình yêu mênh mông, vô tận. **Bóng hình Bác lòng lòng được
chấp cánh bát ngát bay lên đã che chở, dẫn dắt cho cả dân tộc vượt qua tăm tối đêm
trường để đến với một nền tự do huy hoàng, rạng rỡ:**

“Bác ơi, tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông, mọi kiếp người!”

(Tố Hữu)

**Đề rồi giờ đây, tại chôn Người yên nghỉ, ngày ngày là dòng người đi trong thương
nhớ.** Qua những vần thơ của Viễn Phương, điệp từ “ngày ngày” tiếp tục vang lên
nhằm thể hiện sự tiếp nối thời gian liên tục, tạo nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng cho đoạn
thơ:

“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”

Đây là một hình ảnh tả thực diễn tả dòng người đi trong nỗi xúc động, bồi hồi trong
lòng tiếc thương kính cẩn. Nhưng bên cạnh đó, đây cũng là một hình ảnh ẩn dụ đẹp,
một sự sáng tạo của nhà thơ. Cuộc đời của mỗi chúng ta đã nở hoa dưới ánh sáng của
Bác. Những bông hoa tươi thắm đó đang dâng lên Người những gì đẹp nhất. Đó cũng
là sự tri ân của dân tộc đối với Bác. Biên độ câu thơ của Viễn Phương đến đây được
kéo dài thành chín chữ đầy sâu lắng, như một sự ngân dài của tấm lòng thành kính,
tiếc thương. “Bảy mươi chín mùa xuân” là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng
trưng cho bảy mươi chín năm cuộc đời của Bác. Con người bảy mươi chín mùa xuân
ấy đã sống một cuộc đời đẹp như những mùa xuân, đã làm nên bao mùa xuân đẹp cho
đất nước, cho dân tộc. **Đúng như những vần thơ mà Tố Hữu đã ngợi ca tấm lòng vĩ đại
của Bác dành cho đất nước, dành cho nhân dân:**

“Bác để tình thương cho chúng con
Một đời thanh bạch, chẳng vàng son
Mong manh áo vải hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.”

LĐ 3: Đánh giá

Bài thơ “Viếng lăng Bác” hay cụ thể là hai khổ thơ trên được ra đời khi Viễn
Phương lần đầu tiên đến thăm lăng Bác và cũng là lần đầu tiên được trực tiếp đứng
bên Người. Dòng cảm xúc bởi vậy mà trào dâng xúc động, thiết tha nghẹn ngào và
chất chứa trong từng vần thơ. Đặc sắc của hai khổ thơ là sự kết hợp khéo léo giữa chất

tự sự và trữ tình, ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc, đậm chất Nam Bộ, cách sử dụng những hình ảnh thơ chân thực gợi nhiều trường liên tưởng như hàng tre bát ngát “bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”, hình ảnh “mặt trời trong lăng rất đỏ”, hình ảnh dòng người “kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”... **Trải qua bao dòng chảy thời gian, những vần thơ ấy vẫn chạm đến trái tim người đọc bởi nội dung và nghệ thuật đặc sắc, đã bày tỏ niềm xúc động cùng lòng biết ơn sâu sắc đến Bác - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam.**

Kết bài:

Đã có rất nhiều áng văn thơ bất hủ viết về Bác, về sự nghiệp cách mạng sáng ngời của Người, “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương xứng đáng góp mặt trong những tác phẩm thi ca xuất sắc nhất viết về Bác. Bằng tình cảm trân trọng, kính yêu của người con miền Nam, Viễn Phương đã nói lên tình cảm của hàng triệu con người Việt Nam dành cho vị cha già dân tộc, tình cảm của tác giả được bộc lộ đầy xao xuyến, nghẹn ngào trong hai khổ thơ đầu của thi phẩm. **Bác sẽ luôn là mặt trời sáng nhất, ấm áp nhất trong trái tim mỗi con người Việt Nam. Hình ảnh về Bác, về sự nghiệp và cuộc đời của Bác đâu chỉ gây xúc động cho Viễn Phương, cho con người, dân tộc Việt Nam mà còn truyền cảm hứng cho rất nhiều người dân, dân tộc trên thế giới. Đúng như nhà thơ người Cu Ba từng viết: “Hồ Chí Minh - tên người là cả một miền thơ”.**

PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 2

Nội dung bài học:

63

- *Xác lập luận điểm trong thân bài*
- *Phương pháp viết LD khái quát tác giả tác phẩm*
- *Phương pháp viết LD đánh giá*
- *Luyện tập viết bài văn về “Mùa xuân nho nhỏ”*

III. PHƯƠNG PHÁP VIẾT TỪNG PHẦN NHỎ TRONG BÀI VĂN (tiếp nối tài liệu Bài văn buổi 1)

3. PHƯƠNG PHÁP VIẾT THÂN BÀI

*** Yêu cầu:**

- Thân bài phải có hệ thống luận điểm rõ ràng, đầy đủ 3 luận điểm chính:
 - + LD 1: Khái quát (1 đoạn văn)
 - + LD 2: Phân tích (nhiều đoạn văn, mỗi đoạn tương ứng với 1 luận cứ)
 - + LD 3: Đánh giá (1 đoạn văn)
- Thân bài gồm nhiều đoạn văn, mỗi đoạn làm rõ một nội dung nhất định (1 luận điểm hoặc 1 luận cứ).
- Luận điểm quan trọng nhất là luận điểm phân tích

*** Cách viết:**

a. Phương pháp viết LD 1: Khái quát (5 phút)

- Yêu cầu:
 - + Khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận để người đọc có cái nhìn về tổng thể, tạo tiền đề dẫn dắt sang luận điểm phân tích.
 - + Không gộp với mở bài.
- Trình tự viết:
 - + Khái quát về tác giả:
 - Cuộc đời

- Sự nghiệp sáng tác: sáng tác trong thời kì nào, đề tài, phong cách sáng tác
- + Khái quát về tác phẩm:
 - Hoàn cảnh sáng tác: năm ra đời, hoàn cảnh riêng của tác giả, 64
hoàn cảnh chung của đất nước.
 - Ý nghĩa nhan đề (Nếu có)
 - Nếu là tác phẩm thơ thì khái quát về mạch cảm xúc
 - Nếu là tác phẩm truyện thì khái quát về tình huống truyện
- + Nêu nhận định về tác giả tác phẩm (nếu có)
- + Khái quát về vấn đề nghị luận: nội dung chính, phạm vi phân tích
- **Ví dụ:** LD khái quát cho đề bài: Cảm nhận của em về tâm nguyện của tác giả Thanh Hải thể hiện trong ba khổ thơ cuối của thi phẩm “Mùa xuân nho nhỏ”.

Yêu cầu	Ý chính	Viết hoàn chỉnh
Khái quát về tác giả Thanh Hải	- Cuộc đời: gắn bó với xứ Huế - Sự nghiệp: + Đề tài: quê hương + Phong cách: trong sáng, bình dị, giàu âm điệu, nhạc điệu	Nhà thơ Thanh Hải với cả cuộc đời từ khi sinh ra, lớn lên, sống và chiến đấu đều gắn bó tha thiết với quê hương xứ Huế, đã sáng tác nên nhiều thi phẩm đặc sắc, thể hiện phong cách thơ trong sáng, giản dị, giàu âm điệu, nhạc điệu. Qua

Khái quát về tác phẩm “Mùa xuân nho nhỏ”	- Hoàn cảnh: 1980, nhà thơ đang trong những ngày cuối đời, đất nước vừa trải qua chiến tranh - Nhan đề giàu ý nghĩa biểu tượng - Mạch cảm xúc: đi từ cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên => mùa xuân đất nước => ước nguyện hiến dâng => lời ngợi ca quê hương đất nước	những vần thơ ấy, “Người đọc tìm thấy ở ông sự kết hợp giữ chất trí tuệ và cảm xúc, giữa lòng khát khao lí tưởng với những tình cảm riêng tư của con người” (Nguyễn Đăng Mạnh). “Mùa xuân nho nhỏ” là một thi phẩm đặc sắc của Thanh Hải. Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt, tháng 11 năm 1980, khi đó tác giả đang nằm trên giường bệnh chiến đấu với căn bệnh quái ác. Đất nước ta lúc bấy giờ vừa bước ra khỏi chiến tranh, còn đó là biết bao khó khăn và thử thách. Tuy nhiên, từ nhan đề cho đến những hình ảnh thơ, “Mùa xuân nho nhỏ” đều tràn đầy niềm tin và sự lạc quan. Mạch cảm xúc đi từ những rung động
Nhận định về tác giả,	“Người đọc tìm thấy ở ông sự kết hợp giữ chất trí tuệ và cảm xúc, giữa lòng khát khao lí tưởng với những tình cảm riêng tư của con người” (Nguyễn Đăng Mạnh)	thiết tha trước mùa xuân của thiên nhiên đến phút lắng lòng cảm nhận một mùa xuân đất nước để rồi bộc lộ mãnh liệt một ước nguyện chân thành và cuối cùng kết đọng nơi những vần thơ ngợi ca quê hương đất nước. Đặc biệt, ba khổ thơ cuối bài đã bộc lộ tâm nguyện rất đỗi chân thành mà vô cùng sâu sắc của tác giả Thanh Hải, ông mong muốn được cống hiến những gì tốt đẹp nhất để cùng với mọi người làm nên mùa xuân lớn của dân tộc.
tác phẩm	xúc, giữa lòng khát khao lí tưởng với những tình cảm riêng tư của con người” (Nguyễn Đăng Mạnh)	
Vấn đề nghị luận	3 khổ thơ cuối bộc lộ tâm nguyện của tác giả muốn cống hiến cho cuộc đời chung.	

b Phương pháp viết LD 3: Đánh giá (5 phút)

- Yêu cầu:
 - + Đánh giá tổng quan về vấn đề nghị luận, phạm vi phân tích và mở rộng ra là những cảm nhận, đánh giá cá nhân về tác giả, tác phẩm.
 - + Không gộp với kết bài.
- Trình tự viết:
 - + Đánh giá cơ bản
 - Nội dung: Khẳng định nội dung chính mà đề bài yêu cầu làm rõ (vấn đề nghị luận).
 - Nghệ thuật: Khẳng định những đặc sắc nghệ thuật của dẫn chứng đã phân tích (nên đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho những đặc sắc nghệ thuật đó).
 - Nếu là thơ thì đánh giá về thể thơ, hình ảnh thơ, nhịp điệu, các biện pháp tu từ, giọng điệu...
 - Nếu là văn xuôi thì đánh giá về ngôn ngữ truyện, tình huống truyện, ngôi kể, nghệ thuật xây dựng nhân vật...
 - + Đánh giá nâng cao:
 - Khẳng định về phong cách sáng tác/tấm lòng/tài năng của tác giả.
 - Cảm nhận cá nhân về vấn đề nghị luận (nếu có)
 - Nêu nhận định hoặc liên hệ mở rộng với các tác phẩm khác cùng đề tài hoặc cùng giai đoạn sáng tác (nếu có)
 - Rút ra bài học nhận thức và hành động (nếu vấn đề nghị luận có thể liên hệ tới cuộc sống ngày nay, những phẩm chất đáng quý, truyền thống dân tộc cần phát huy...)
- **Ví dụ:** LĐ đánh giá cho đề bài: Cảm nhận của em về tâm nguyện của tác giả Thanh Hải thể hiện trong ba khổ thơ cuối của thi phẩm “Mùa xuân nho nhỏ”.

Yêu cầu	Ý chính	Viết hoàn chỉnh
Đánh giá cơ bản	- Nội dung: tâm nguyện chân thành, tha thiết của tác giả mong muốn được hiến dâng những gì tốt đẹp nhất	Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” hay cụ thể là ba khổ thơ trên ra đời khi Thanh Hải sắp vĩnh biệt cuộc đời nhưng những vần thơ ấy vẫn ngập tràn cảm xúc chân

	cho cuộc đời chung và lời ngợi ca quê hương đất nước bằng điệu dân ca xứ Huế ngọt ngào. Đó là một tâm nguyện giản dị nhưng rất đáng trân trọng. - Nghệ thuật: + Thể thơ năm chữ giản dị + Nhịp thơ nhẹ nhàng, xao xuyên + Sự kết hợp độc đáo giữa các biện pháp điệp từ, ẩn dụ, những hình ảnh thơ đẹp, trong sáng giàu ý nghĩa như “con chim hót”, “một cảnh hoa”, “một nốt trầm xao xuyến”, “một mùa xuân nho nhỏ”...	thành, tha thiết, thể hiện khát vọng mãnh liệt mong muốn được hiến dâng những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời và ngợi ca quê hương đất nước bằng điệu dân ca xứ Huế bình dị, ngọt ngào. Đặc sắc của đoạn thơ là thể thơ năm chữ giản dị, nhịp thơ nhẹ nhàng, xao xuyến, sự kết hợp độc đáo giữa các biện pháp điệp từ, ẩn dụ, những hình ảnh thơ đẹp, trong sáng giàu ý nghĩa như “con chim hót”, “một cảnh hoa”, “một nốt trầm xao xuyên”, “một mùa xuân nho nhỏ”... Ba khổ thơ đã gieo vào lòng người đọc những rung động thiết tha, truyền cho người đọc niềm lạc quan, yêu đời, khát khao cống hiến vì những giá trị đẹp để chung cho cộng đồng. Đúng như Lê Khánh Mai đã từng nhận xét: “Nhà thơ Thanh Hải đã gửi lại cho đời “Một mùa xuân nho nhỏ”, “một nốt trầm xao xuyên”,
--	---	---

Đánh giá nâng cao	- Tấm lòng tự nguyện tha thiết của tác giả rất đáng ngưỡng mộ. - Tâm nguyện của tác giả truyền cảm hứng tốt đẹp đến với mỗi chúng ta: lạc quan, yêu đời, khát khao cống hiến. - Nhận định: “Nhà thơ Thanh Hải đã gửi lại cho đời “Một mùa xuân nho nhỏ”, “một nốt trầm xao xuyến”, nhưng đó là mùa xuân còn mãi như ngọn lửa nhỏ sẽ mãi nhen lên, đó là một nốt trầm cứ vang ngân không dứt.” (Lê Khánh Mai)	nhưng đó là mùa xuân còn mãi như ngọn lửa nhỏ sẽ mãi nhen lên, đó là một nốt trầm cứ vang ngân không dứt.”
------------------------------	--	--

LUYỆN TẬP

Đề bài: *Cảm nhận của em về tâm nguyện của tác giả Thanh Hải thể hiện trong ba khổ thơ cuối của thi phẩm “Mùa xuân nho nhỏ”.*

Phân tích đề: gạch chân trong đề:

- Vấn đề nghị luận: tâm nguyện của tác giả Thanh Hải
- Phạm vi phân tích: 3 khổ cuối của “Mùa xuân nho nhỏ”

Lập ý:

LĐ 1: Khái quát

(như trong ví dụ trên)

LĐ 2: Phân tích

- Luyện cú 1: Tâm nguyện của tác giả mong muốn được hòa nhập, được cống hiến thật giản dị mà thiêng liêng: (khổ 4)
 - + Phép điệp cấu trúc: “Ta làm”, “Ta nhập” => khát vọng mãnh liệt, cháy bỏng.
 - + Hình ảnh tự nhiên, giản dị: “con chim hót”, “một cành hoa”, “một nốt trầm” gợi ước nguyện cống hiến khiêm nhường, thầm lặng. => mong muốn được sống có ích là một lẽ tự nhiên trong cuộc đời => lẽ sống chân thành.
 - Làm con chim hót giữa muôn ngàn tiếng chim vô tư, cất tiếng hót tự nhiên thật đẹp dâng cho đời.
 - Làm một cành hoa giữa vườn hoa rực rỡ sắc xuân cống hiến sắc hương.
 - Làm một nốt trầm trong bản hòa ca muôn điệu, xao xuyến lòng người.
 - + Sự chuyển đổi địa từ nhân xưng “tôi” (ở khổ đầu) sang “ta” (khổ 4) => phù hợp với sự chuyển biến của cảm xúc và tư tưởng trong bài thơ:
 - Tạo được sắc thái trang trọng, thiêng liêng của một lời ước nguyện, bày tỏ điều tâm niệm tha thiết như một khát vọng dâng hiến những giá trị tinh túy của đời mình cho cuộc đời chung.
 - Khát khao của cái “ta” chung => Sống có ích, sống cống hiến không chỉ là khát vọng của riêng một mình nhà thơ mà còn là của

hiều người, của chung cộng đồng, nhân dân, đất nước.

- Mở rộng về ước nguyện cống hiến trong bài hát “Tự nguyện”

- Luận cứ 2: Tâm nguyện cống hiến một cách khiêm nhường và không kể thời gian, tuổi tác (khổ 5)

+ “mùa xuân nho nhỏ”: ẩn dụ, gắn liền với quan niệm sống và cống hiến cho cộng đồng. Đồng thời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ muốn đóng góp những gì nhỏ bé nhưng tốt đẹp nhất vào mùa xuân của đất nước.

+ Khát vọng cống hiến vượt qua không gian và thời gian:

- Đảo ngữ “lặng lẽ” + từ “nho nhỏ” ở câu trên => nhấn mạnh thái độ cống hiến một cách tự nguyện, âm thầm, khiêm nhường.
- Phép điệp “dù là” + biện pháp hoán dụ “tuổi hai mươi” (chỉ tuổi trẻ) - “khi tóc bạc” (chỉ tuổi già) => khẳng định ước nguyện cống hiến suốt cuộc đời, trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện.

- Luận cứ 3: Tâm nguyện ca ngợi vẻ đẹp tình người của đất nước qua điệu dân ca của quê hương xứ Huế (khổ cuối)

+ Câu “Nam ai” là khúc nhạc buồn thương, da diết để gọi con đường đầy hi sinh, gian khổ mà đất nước đã đi qua.

+ Câu “Nam bình” là khúc nhạc êm ái, dịu ngọt để gọi mùa xuân hiện tại với cuộc sống thanh bình, no ấm.

+ “Nhịp phách tiền” là điệu nhạc rộn ràng để khép lại bài thơ, đó là giai điệu của cuộc sống mới, sức sống mới của dân tộc.

=> Âm hưởng dân ca Huế ngọt ngào, tha thiết. (Liên hệ nhận định về tình yêu với mảnh đất tác giả sinh ra)

+ Điệp ngữ “nước non ngàn dặm” kết hợp gieo vần bằng “bình, mình, tình” đã tạo một âm hưởng nhẹ nhàng như câu hò xứ Huế.

+ “Ngàn dặm” ở đây là một con số tượng trưng cho sự rộng lớn, bao la => của đất nước Việt Nam và tình cảm Việt Nam

=> Con người Việt Nam trọng tình cảm, luôn sống trọn vẹn với những giá trị truyền thống của dân tộc. “Ngàn dặm” ở đây là một con số tượng trưng

cho sự rộng lớn, bao la. Hình ảnh “nước non ngàn dặm” ấy đã trở thành một mệnh mông, vô bờ của tình nghĩa Việt Nam.

=> Khúc hát mà thi sĩ cất lên bày tỏ sự biết ơn của mình đối với quê hương đất nước.

LĐ 3: Đánh giá

(như trong ví dụ trên)

70

Chú thích:

Màu chữ	Nội dung	Cách sử dụng
Chữ màu đen	kiến thức nền => không thể thiếu trong bài	phải nắm chắc
Chữ màu đỏ	dẫn dắt, liên kết câu, đoạn văn => tùy từng bài, có nhiều cách khác nhau	học hỏi, áp dụng, sáng tạo thêm
Chữ màu xanh	liên hệ, mở rộng => tùy từng bài, nguồn tham khảo phong phú	học hỏi, áp dụng, sáng tạo thêm

Bài làm

Mở bài:

“Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự giải bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà). Phải chăng tác phẩm nghệ thuật chính là cầu nối để tác giả bộc lộ cảm xúc và người đọc từ đó được đồng cảm, thấu hiểu, sẻ chia. Nhà thơ Thanh Hải cũng đã mượn trang thơ “Mùa xuân nho nhỏ” để bộc lộ những tình cảm thiết tha, chân thành, về mong muốn được hiến dâng một cách tự nguyện cho cuộc sống chung. Đặc biệt, ba khổ thơ cuối bài đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc về tâm nguyện cao cả ấy của tác giả:

*“Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc*

Mùa xuân ta xin hát

Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền xứ Huế

Thân bài:

71

LĐ 1: Khái quát

Những vần thơ giản dị mà xúc động lòng người, đưa ta đến chân trời của những thanh âm trong trẻo trong trái tim người thi sĩ Thanh Hải. Nhà thơ Thanh Hải với cả cuộc đời từ khi sinh ra, lớn lên, sống và chiến đấu đều gắn bó tha thiết với quê hương xứ Huế, đã sáng tác nên nhiều thi phẩm đặc sắc, thể hiện phong cách thơ trong sáng, giản dị, giàu âm điệu, nhạc điệu. Qua những vần thơ ấy, “Người đọc tìm thấy ở ông sự kết hợp giữ chất trí tuệ và cảm xúc, giữa lòng khát khao lí tưởng với những tình cảm riêng tư của con người” (Nguyễn Đăng Mạnh). “Mùa xuân nho nhỏ” là một thi phẩm đặc sắc của Thanh Hải. Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt, tháng 11 năm 1980, khi đó tác giả đang nằm trên giường bệnh chiến đấu với căn bệnh quái ác. Đất nước ta lúc bấy giờ vừa bước ra khỏi chiến tranh, còn đó là biết bao khó khăn và thử thách. Tuy nhiên, từ nhan đề cho đến những hình ảnh thơ, “Mùa xuân nho nhỏ” đều tràn đầy niềm tin và sự lạc quan. Mạch cảm xúc đi từ những rung động thiết tha trước mùa xuân của thiên nhiên đến phút lắng lòng cảm nhận một mùa xuân đất nước để rồi bộc lộ mãnh liệt một ước nguyện chân thành và cuối cùng kết đọng nơi những vần thơ ngợi ca quê hương đất nước. Đặc biệt, ba khổ thơ cuối bài đã bộc lộ tâm nguyện rất đổi chân thành mà vô cùng sâu sắc của tác giả Thanh Hải, ông mong muốn được cống hiến những gì tốt đẹp nhất để cùng với mọi người làm nên mùa xuân lớn của dân tộc.

LĐ 2: Phân tích

- **Luận cứ 1: Tâm nguyện của tác giả mong muốn được hòa nhập, được cống hiến thật giản dị mà thiêng liêng: (khổ 4)**

Trước tiên, khổ thơ thứ tư của “Mùa xuân nho nhỏ” đã bày tỏ trực tiếp tâm niệm muốn hiến dâng của tác giả:

“Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.”

Nếu ở đầu bài thơ tác giả miêu tả những hình ảnh tô điểm thêm cho mùa xuân là âm thanh náo nức vang trời của tiếng chim chiến chiến và sắc màu tím biếc dịu dàng của cánh lục bình nhỏ trên sông thì ở đây tứ thơ được lặp lại, tạo ra sự đối xứng chặt chẽ.

Tác giả mong muốn được làm bông hoa toả ngát hương, con chim mang tiếng hót và⁷² nốt trầm xao xuyến để hiến dâng nhưng không làm mất đi nét riêng của mỗi người.

Ước nguyện của nhà thơ là được hòa nhập, được cống hiến, một cách thật giản dị mà rất đời thường. Phép điệp cấu trúc: “Ta làm”, “Ta nhập” thể hiện khát vọng mãnh liệt, cháy bỏng, mong muốn được cống hiến. Lựa chọn hình ảnh tự nhiên, giản dị: “con chim hót”, “một cành hoa”, “một nốt trầm”, Thanh Hải mong muốn gọi lên ước nguyện cống hiến cháy bỏng nhưng khiêm nhường, thâm lặng. Qua đó, người đọc thấu hiểu hơn về một lẽ sống tích cực: mong muốn được sống có ích là một lẽ tự nhiên trong cuộc đời, cũng giống như con chim thì phải hót, bông hoa thì bung nở ngát hương, nốt nhạc trầm tạo âm điệu cho bản hòa ca. Bên cạnh đó, đại từ “ta” ở khổ thơ này như một sự mở rộng về tư tưởng, nhân rộng thêm khát khao cống hiến trong mọi người. Cái “ta” ấy vừa tạo được sắc thái trang trọng, thiêng liêng của một lời ước nguyện, vừa khẳng định tính cộng đồng, một cái “ta” chung cùng chọn cách sống có ích, sống cống hiến vì đất nước thân yêu:

“Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng
Nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương
Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm
Là người, tôi sẽ chết cho quê hương”

(Ca khúc “Tự nguyện” - Trương Quốc Khánh)

Đó thực sự là lời tâm niệm chân thành, tha thiết, khiêm nhường của các tác giả, của chúng ta.

- ***Luận cứ 2: Tâm nguyện cống hiến một cách khiêm nhường và không kể thời gian, tuổi tác (khổ 5)***

Một khát khao được cống hiến phần tinh túy nhất của mình làm đẹp thêm mùa xuân của quê hương, xứ sở mà không bị giới hạn bởi thời gian, tuổi tác, khát khao ấy, tâm nguyện ấy xứng đáng được trân trọng và ngợi ca:

“Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.”

“Mùa xuân nho nhỏ” là một sáng tạo bất ngờ, độc đáo mà tự nhiên, hợp lý của nhà thơ, bởi mùa xuân vốn là một khái niệm chỉ thời gian trừu tượng nhưng ở đây “mùa 73 xuân” lại có khối, có hình, một hình hài nho nhỏ thật xinh xắn. “Mùa xuân” ẩn dụ cho những gì tươi đẹp nhất, tinh túy nhất của cuộc đời mỗi người. Nhưng chỉ “nho nhỏ” và “lặng lẽ” thôi, “mùa xuân” của muôn triệu người ấy đang dâng hiến và làm nên mùa xuân rực rỡ của đất nước. Sự cống hiến ấy sẽ còn duy trì mãi, trong mọi hoàn cảnh và điều kiện, không quản những cách trở, khó khăn. Điệp từ “dù là” đặt ở đầu hai câu thơ liên tiếp có ý nghĩa khẳng định cho khát vọng dâng hiến miệt mài, không mệt mỏi của tác giả. Ý thơ được nhấn mạnh làm cho người đọc xúc động không chỉ trước một giọng thơ ấm áp mà còn xúc động trước lời tâm sự chân thành của một con người đã đi qua hai cuộc kháng chiến, đã cống hiến trọn cuộc đời mình cho đất nước và giờ đây, trước lúc đi xa, con người ấy vẫn tha thiết được sống đẹp, sống có ích với tất cả sức sống tươi trẻ của mình cho cuộc đời chung. Ước nguyện thiết tha, cháy bỏng của nhà thơ được viết trước khi ông trở về với cát bụi nhưng không chút băn khoăn, than thở về bệnh tật, không một chút suy nghĩ riêng tư cho bản thân mình mà chỉ “lặng lẽ, cháy bỏng một khát khao dâng hiến”. Bức thông điệp mà Thanh Hải gửi lại cho cuộc đời đã trở thành một tiếng lòng chung cho tất cả mọi người.

- ***Luận cứ 3: Tâm nguyện ca ngợi vẻ đẹp tình người của đất nước qua điệu dân ca của quê hương xứ Huế (khổ cuối)***

Khổ thơ cuối đã kết thúc bài thơ và cũng là kết thúc cho tâm nguyện của tác giả trong âm điệu nhẹ nhàng êm ả như giọng hò xứ Huế:

“Mùa xuân - ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế.”

Cảm xúc thơ có lẽ đến khổ thơ trước đã trọn vẹn, nhưng nhà thơ vẫn muốn kết bài bằng những âm thanh, những hình ảnh của quê hương xứ Huế. Bởi “Trong cả bài thơ

về đất nước thiêng liêng, bao giờ cũng sẽ thấp thoáng thấy hình ảnh này hay hình ảnh kia của vùng đất mà tác giả sinh ra. Điều đó không làm cho chủ đề của bài thơ bị bó hẹp mà trái lại, điều đó làm cho bài thơ trở nên đa diết hơn, thực hơn, gần gũi hơn và gần bó hơn. Người nào không yêu vùng đất sinh ra mình thì làm sao có thể có tình yêu trọn vẹn với quê hương bao la!” (Nguyễn Quang Thiều). Nam ai, Nam bình của xứ Huế có giai điệu buồn thương và dịu dàng, đa diết. Nhà thơ muốn giã biệt mọi người bằng lời ca xứ sở. Mở mắt nhìn thấy màu tím Huế, lắng tai nghe âm thanh thiên nhiên của Huế, lắng lòng lại trong không gian văn hóa Huế. Dù ở trên mảnh đất “nước non ngàn dặm” hay ở bất cứ đâu cũng đẹp, cũng gắn liền với tình cảm con người. Và ở đây, trong những dòng thơ cuối của “Mùa xuân nho nhỏ” này, bằng điệp ngữ “nước non ngàn dặm” kết hợp gieo vần bằng “bình”, “mình”, “tình”, nhà thơ Thanh Hải đã tạo một âm hưởng nhẹ nhàng như câu hò xứ Huế cứ ngân dài ngân mãi rồi lắng đọng lại trong lòng chúng ta những cảm xúc chân thành, ru hồn người đọc trên con đò xứ Huế êm ả trôi nhẹ trên sông Hương rồi khép lại trong âm hưởng rộn ràng, xao động của “nhịp phách tiền” đầy xao xuyến. Như vậy, xuyên suốt bài thơ không chỉ là hình tượng mùa xuân từ tiếng chim chiền chiện đến nốt nhạc trầm xao xuyến mà đến đây còn là khúc ca ẩn tượng của một bài ca không dứt, một bài ca yêu cuộc sống và đó cũng là khúc hát mà thi sĩ cất lên bày tỏ sự biết ơn của mình đối với quê hương đất nước. “Mùa xuân nho nhỏ” đã được nhạc sĩ Trần Hoàn, một người bạn của Thanh Hải, cũng là một người con của xứ Huế phổ nhạc trở thành một bài hát, một khúc ca xuân xúc động còn mãi với thời gian.

LĐ 3: Đánh giá

Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” hay cụ thể là ba khổ thơ trên ra đời khi Thanh Hải sắp vĩnh biệt cuộc đời nhưng những vần thơ ấy vẫn ngập tràn cảm xúc chân thành, tha thiết, thể hiện khát vọng mãnh liệt mong muốn được hiến dâng những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời và ngợi ca quê hương đất nước bằng điệu dân ca xứ Huế bình dị, ngọt ngào. Đặc sắc của đoạn thơ là thể thơ năm chữ giản dị, nhịp thơ nhẹ nhàng, xao xuyến, sự kết hợp độc đáo giữa các biện pháp điệp từ, ẩn dụ, những hình ảnh thơ đẹp, trong sáng giàu ý nghĩa như “con chim hót”, “một cánh hoa”, “một nốt trầm xao xuyến”, “một mùa xuân nho nhỏ”... Ba khổ thơ đã gieo vào lòng người đọc những rung động thiết tha, truyền cho người đọc niềm lạc quan, yêu đời, khát khao cống hiến

vì những giá trị đẹp để chung cho cộng đồng. Đúng như Lê Khánh Mai đã từng nhận xét: “Nhà thơ Thanh Hải đã gửi lại cho đời “Một mùa xuân nho nhỏ”, “một nốt trầm xao xuyến”, nhưng đó là mùa xuân còn mãi như ngọn lửa nhỏ sẽ mãi nhen lên, đó là một nốt trầm cứ vang ngân không dứt.”

Kết bài:

Như vậy, bằng thể thơ năm chữ giản dị, hình ảnh thơ trong sáng, gần gũi, nhà thơ Thanh Hải đã bộc lộ tâm nguyện muốn hiến dâng những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời qua ba khổ thơ cuối thi phẩm “Mùa xuân nho nhỏ”. **Trang thơ ấy không chỉ là tiếng lòng thiết tha, sự giải bày và gửi gắm tâm tư của Thanh Hải mà còn là sợi dây kết nối những tâm hồn đồng điệu, là khúc ca sẽ mãi ngân lên.** Đúng như quy luật tồn tại và giá trị bất hủ của thơ ca bao đời nay: “Từ bao giờ cho đến bây giờ, từ Hômerơ cho đến Kinh thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế” (Hoài Thanh).

PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 3

Nội dung bài học:

- Phương pháp phân tích thơ
- Phương pháp phân tích văn xuôi
- Luyện tập viết bài văn về “Lặng lẽ Sa Pa”

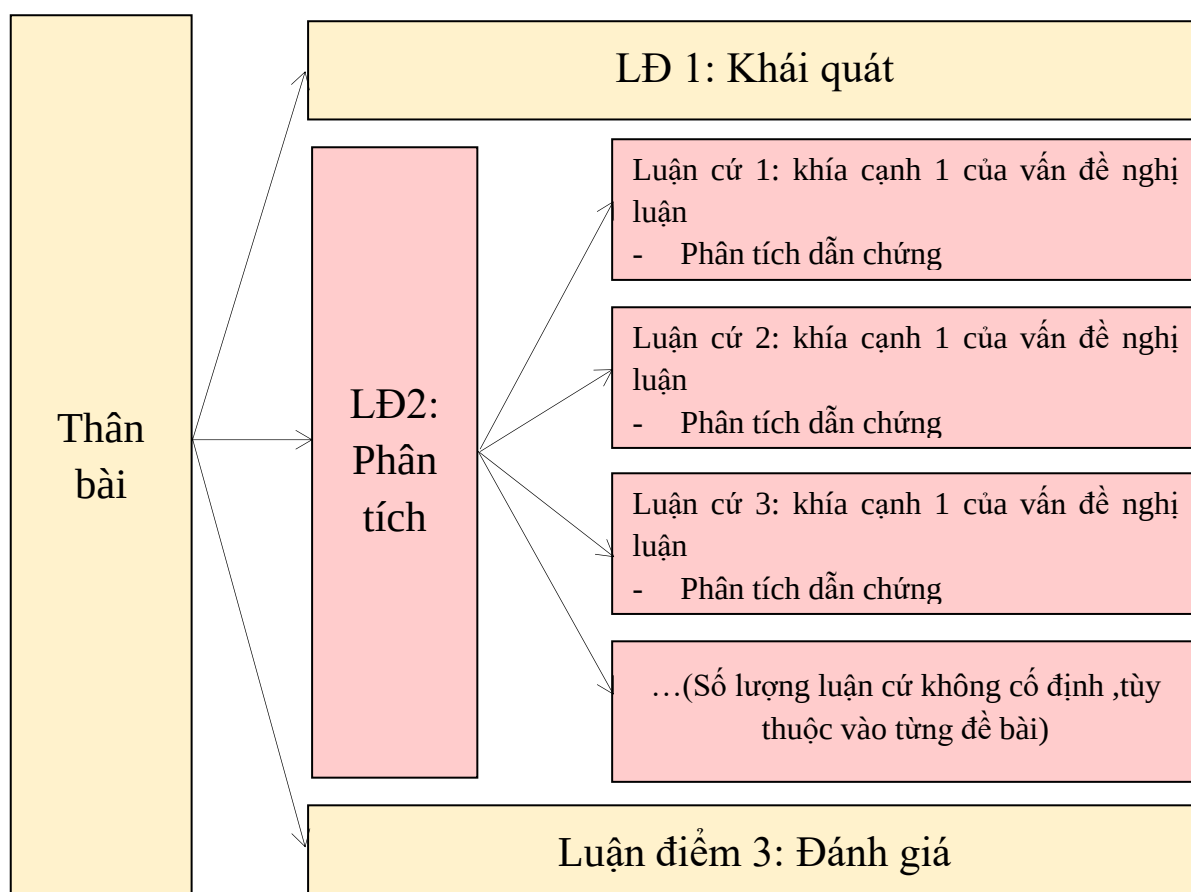
III. PHƯƠNG PHÁP VIẾT TỪNG PHẦN NHỎ TRONG BÀI VĂN

3. PHƯƠNG PHÁP VIẾT THÂN BÀI

- Phương pháp viết LD 1: Khái quát*
- Phương pháp viết LD 3: Đánh giá*
- (Tiếp nối tài liệu bài văn phần 2) Phương pháp viết LD 2: Phân tích*

Tổng quan:

- LD phân tích là luận điểm quan trọng nhất trong bài, gồm nhiều luận cứ được đưa ra để làm rõ vấn đề nghị luận. Có thể hình dung về cấu trúc LD 2 như sau:



- LD phân tích gồm nhiều đoạn văn, mỗi đoạn văn tương ứng với 1 luận cứ.
- Cần tập trung tối đa thời gian để viết luận điểm này, khoảng 50 - 60 phút / 75 phút cho bài văn nghị luận xã hội.
- Luận điểm phân tích có cách viết khác nhau giữa phân tích thơ và phân tích văn xuôi. Bởi vậy ở đây chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu phương pháp phân tích thơ và phương pháp phân tích văn xuôi.

Chi tiết:

* PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THƠ

1. Xác lập luận cứ khi phân tích thơ

- Những đề bài phân tích thơ thường sẽ yêu cầu phân tích/cảm nhận/làm rõ về một đoạn thơ, hoặc về tình cảm, cảm xúc của tác giả, hoặc về một nội dung nổi bật nào đó trong đoạn thơ. Vì vậy phân tích thơ KHÔNG PHẢI LÀ “BÊ NGUYÊN XI” KIẾN THỨC NỀN ĐƯỢC HỌC VÀO MỌI ĐỀ BÀI, cần xác định rõ vấn đề nghị luận để xác lập những luận cứ phân tích cho phù hợp.

VD: Đề bài yêu cầu phân tích hình ảnh con người lao động trong khổ thơ:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

=> Những luận cứ phân tích phải nhằm làm rõ hình ảnh con người lao động (bắt đầu công việc khi thiên nhiên nghỉ ngơi, khí thế hăng say phơi phới), chứ không được lạc đề sang phân tích hình ảnh thiên nhiên quá nhiều.

- Trả lời các câu hỏi từ khái quát đến cụ thể để xác lập hệ thống luận cứ và nội dung chính trong từng luận cứ:
 - + Câu hỏi 1 - Khái quát: Vấn đề nghị luận được thể hiện với những đặc điểm chính nào? Phạm vi phân tích được chia thành mấy phần? Nội dung chính của từng phần là gì? => Từ đó lập ra các luận cứ.

VD: Vấn đề nghị luận là vẻ đẹp của hình tượng người lính lái xe trong 4 khổ thơ đầu “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.

=> Vẻ đẹp của hình tượng người lính lái xe trong 4 khổ đầu gồm 2 ý chính: tư thế ung dung, lạc quan (khổ 1+2), tinh thần dũng cảm, coi thường gian khổ (khổ 3 + 4) => Có 2 luận cứ chính.

+ Câu hỏi 2 - Cụ thể: Trong mỗi luận cứ có các ý nhỏ nào? Trong mỗi luận cứ, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng là gì? Các hình ảnh thơ có ý nghĩa như thế nào? => Từ đó lập ra các ý nhỏ trong mỗi luận cứ

VD: Xét luận cứ 1 trong VD trên: Tư thế ung dung, lạc quan của người lính (khổ 1 + 2)

=> Trong khổ 1, 2 có những ý nhỏ là: (gắn với các biện pháp tu từ và những hình ảnh thơ giàu ý nghĩa)

- 2 câu đầu khổ 1: Câu văn đậm chất tự sự, như kết cấu hỏi đáp, giải thích do bom đạn nên những chiếc xe không có kính => Cách trả lời đầy ngạo nghệ, lạc quan của các anh về lí do những chiếc xe không kính.
- 2 câu cuối khổ 1: đảo ngữ “ung dung” + điệp ngữ “nhìn” + nhịp thơ 2/2/2 => tư thế ung dung, sự tập trung cao độ
- khổ 2: điệp từ “nhìn” + biện pháp liệt kê + so sánh “như sa như ùa vào buồng lái” => người lính trần trụi đối diện với tất cả hiện thực khốc liệt của chiến trường => chiến thắng khó khăn bằng sự hiên ngang như thách thức tất cả
- hình ảnh “con đường chạy thẳng vào tim”: con đường ra chiến trận và con đường của lí tưởng yêu nước

- Đánh dấu vào những ý muốn liên hệ mở rộng trong bài. Việc này sẽ giúp chúng ta khi làm bài không bị quên dẫn chứng liên hệ và hình dung được tổng quan bài viết xem vị trí liên hệ mở rộng đã phù hợp hay chưa.

2. Cách viết từng luận cứ (từng đoạn văn)

- Mỗi luận cứ tương ứng với 1 đoạn văn, không nên gộp tất cả các luận cứ thành 1 đoạn văn dài.
- Trong mỗi luận cứ đều đi từ việc phân tích các dẫn chứng thơ để làm rõ vấn đề nghị luận. Một dẫn chứng có thể là 1 câu thơ, hoặc 2 câu thơ, hoặc 1 hình ảnh thơ, hoặc 1 biện pháp tu từ..., tùy vào hệ thống ý nhỏ ta xác lập được khi lập ý.
- Cách phân tích dẫn chứng thơ và bình luận mở rộng về dẫn chứng đã được hướng dẫn chi tiết khi học về **PHƯƠNG PHÁP VIẾT THÂN ĐOẠN PHÂN TÍCH THƠ (tài liệu đoạn văn phần 2)**, học sinh xem lại để nắm rõ cách làm. Dưới đây là những cách khái quát:

+ Cách phân tích tác dụng của biện pháp tu từ (linh hoạt những công thức sau):

- Công thức 1: Bằng việc sử dụng + tên biện pháp + từ ngữ thể hiện, + tên tác giả + đã đem đến cho bạn đọc những hình dung mở mẽ/sâu sắc về + đối tượng phân tích.
- Công thức 2: Tên tác giả + đã khéo léo/tài tình sử dụng + tên biện pháp + để đem đến những hình ảnh độc đáo về + đối tượng phân tích.
- Công thức 3: Biện pháp + từ ngữ thể hiện + đã khắc họa về hình ảnh + đối tượng phân tích.

+ Cách bình luận mở rộng về dẫn chứng (linh hoạt những cách sau):

- Cách 1: Gắn dẫn chứng với hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm
- Cách 2: Gắn dẫn chứng với phong cách sáng tác của tác giả
- Cách 3: Sử dụng câu cảm thán ngắn gọn để bộc lộ cảm xúc cá nhân về dẫn chứng

* PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH VĂN XUÔI

1. Xác lập luận cứ khi phân tích văn xuôi

- Những đề bài phân tích thơ thường sẽ yêu cầu phân tích/cảm nhận/làm rõ về một nhân vật, hoặc một phẩm chất của nhân vật, hoặc một đoạn trích, hoặc về một nội dung nổi bật nào đó trong đoạn trích.... Vì vậy phân tích văn xuôi **KHÔNG PHẢI LÀ**

“BÊ NGUYÊN XI” KIẾN THỨC NÊN ĐƯỢC HỌC VÀO MỌI ĐỀ BÀI, cần xác định rõ vấn đề nghị luận để xác lập những luận cứ phân tích cho phù hợp.

VD: Đề bài yêu cầu phân tích phẩm chất của anh thanh niên trong đoạn trích:

“Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi.... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.”

=> Khi phân tích đoạn trích, ta cần làm rõ phẩm chất: trách nhiệm trong công việc của anh thanh niên, chứ không phải tập trung vào hoàn cảnh sống và làm việc nhiều khó khăn, gian khổ của anh trong đoạn trích.

- Trả lời các câu hỏi từ khái quát đến cụ thể để xác lập hệ thống luận cứ và nội dung chính trong từng luận cứ:

+ Câu hỏi 1 - Khái quát: Vấn đề nghị luận được thể hiện với những đặc điểm chính nào? Nhân vật gồm những nét tính cách, phẩm chất nào? / Phạm vi phân tích được chia thành mấy phần? Nội dung chính của từng phần là gì? => Từ đó lập ra các luận cứ.

VD: Vấn đề nghị luận là phẩm chất của anh thanh niên trong đoạn trích: *“Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi.... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.”*

=> phẩm chất của anh thanh niên trong đoạn trích là:

- có tình yêu, sự nhiệt huyết, đam mê trong công việc khi hiểu được những việc cần làm, có trình độ chuyên môn, hiểu được ý nghĩa, vai trò của công việc mình đang làm. (dẫn chứng từ đầu đoạn trích đến chỗ anh giới thiệu xong các loại máy móc)
- có trách nhiệm cao trong công việc khi luôn tuân thủ đúng giờ giấc, dù gian khổ thế nào cũng hoàn thành nhiệm vụ (dẫn chứng từ đoạn “công việc nói chung dễ... đến hết đoạn trích)
- sự lạc quan, yêu đời, khiêm tốn khi kể về công việc của mình bằng thái độ vui vẻ, niềm nở, tự nhận thấy công việc mình làm là

đơn giản.

=> Vậy sẽ có 3 luận cứ chính cho đề bài này.

- + Câu hỏi 2 - Cụ thể: Trong mỗi luận cứ có các ý nhỏ nào? Trong mỗi luận
cứ, tác giả sử dụng cách miêu tả, ngôn ngữ truyện ra sao? Tính cách
nhân vật được biểu hiện qua hành động, lời nói, suy nghĩ gì? Cách tác
giả kể chuyện có gì đặc biệt? => Từ đó lập ra các ý nhỏ trong mỗi luận
cứ

VD: Xét luận cứ 1 trong VD trên: có trách nhiệm cao trong công việc
khi luôn tuân thủ đúng giờ ốp, dù gian khổ thế nào cũng hoàn thành
nhiệm vụ (dẫn chứng từ đoạn “công việc nói chung dễ... đến hết đoạn
trích). Trong những dẫn chứng đó có những ý nhỏ sau:

- 4 khung giờ ốp là những khung giờ trong cả một ngày, cả ban ngày và ban đêm => công việc vất vả nhưng anh thanh niên vẫn cho rằng đơn giản.
- những lần ghi và báo về lúc 1h sáng => rét buốt, thời tiết khắc nghiệt
=> nhưng anh vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ
- anh thanh niên kể chuyện tự nhiên, không hề kể lể, than vãn
=> Trong luận cứ này có 3 ý nhỏ

- Đánh dấu vào những ý muốn liên hệ mở rộng trong bài. Việc này sẽ giúp chúng ta khi làm bài không bị quên dẫn chứng liên hệ và hình dung được tổng quan bài viết xem vị trí liên hệ mở rộng đã phù hợp hay chưa.

2. Cách viết từng luận cứ (từng đoạn văn)

- Mỗi luận cứ tương ứng với 1 đoạn văn, không nên gộp tất cả các luận cứ thành 1 đoạn văn dài.
- Trong mỗi luận cứ đều đi từ việc phân tích các dẫn chứng trong tác phẩm/đoạn trích văn xuôi để làm rõ vấn đề nghị luận. Một dẫn chứng có thể là 1 hành động của nhân vật, hoặc 1 lời nói của nhân vật, hoặc 1 biểu hiện của diễn biến tâm trạng, hoặc 1 chi tiết văn xuôi..., tùy vào hệ thống ý nhỏ ta xác lập được khi lập ý.
- Cách phân tích dẫn chứng văn xuôi và bình luận mở rộng về dẫn chứng đã được

hướng dẫn chi tiết khi học về **PHƯƠNG PHÁP VIẾT THÂN ĐOẠN PHÂN TÍCH VĂN XUÔI (tài liệu đoạn văn phần 3)**, học sinh xem lại để nắm rõ cách làm. Dưới đây là những cách khái quát:

+ Cách phân tích dẫn chứng: 3 bước cơ bản:

- Bước 1: Giới thiệu dẫn chứng (Vị trí đoạn trích, nội dung chính, gọi tên nhân vật)
- Bước 2: Trích dẫn chứng
- Bước 3: Phân tích dẫn chứng (Phân tích ý nghĩa của dẫn chứng, bình luận mở rộng về dẫn chứng...)

+ Dẫn chứng trong tác phẩm văn xuôi là những từ ngữ miêu tả, câu văn miêu tả, lời thoại trong tác phẩm, vì vậy việc trích và phân tích dẫn chứng có 2 cách sau:

- Cách 1: Trích dẫn chứng riêng biệt
- Cách 2: Lồng ghép dẫn chứng vào lời văn của mình.

+ Cách bình luận mở rộng về dẫn chứng:

- Cách 1: Đặt dẫn chứng vào cốt truyện để bình luận
- Cách 2: Gắn dẫn chứng với mục đích của tác giả
- Cách 3: Gắn dẫn chứng với hoàn cảnh ra đời của tác phẩm
- Cách 4: Gắn dẫn chứng với phong cách sáng tác của tác giả

*** MỘT SỐ LƯU Ý VỀ DIỄN ĐẠT TRONG LD PHÂN TÍCH (áp dụng cho cả phân tích thơ và phân tích văn xuôi)**

Lưu ý	Cách diễn đạt
Có thể chia nhiều luận cứ (nhiều đoạn văn) khi phân tích nhưng cần phù hợp.	- Không được chia luận cứ quá lắt nhắt, cũng không được gộp tất cả thành một đoạn văn quá dài. - Cách chia luận cứ cần phù hợp với vấn đề nghị luận, không phải hoàn toàn giống với kiến thức nền được học.

Diễn đạt mạch lạc, thể hiện rõ hệ thống luận cứ khi phân tích.	- Đầu đoạn văn (đầu mỗi luận cứ) nên viết rõ câu chủ đề nêu lên nội dung chính của luận cứ. - Cuối đoạn văn có thể tổng kết lại nội dung của cả đoạn bằng 1 hoặc 2 câu văn.
Chuyển ý linh hoạt, mềm mại.	- Bí kíp: tổng kết ý trước, giới thiệu ý sau - Cách 1: Sử dụng từ ngữ liên kết như: Bên cạnh đó..., Không chỉ vậy....., Tuy nhiên.... - Cách 2: Sử dụng câu liên kết như: Không những / Không chỉ... mà còn..., Tuy.... nhưng.... - Cách 3: Tùy vào mạch văn để liên kết sao cho phù hợp
Lặp lại những từ ngữ chủ đề để bài viết luôn đi đúng hướng	- Khi phân tích dẫn chứng cần chỉ ra nội dung của dẫn chứng đó nhằm làm rõ vấn đề nghị luận. - Những từ ngữ chủ đề được xuất hiện trong vấn đề nghị luận (VD: Vấn đề nghị luận là phẩm chất cao đẹp của anh thanh niên => từ ngữ chủ đề là: phẩm chất, cao đẹp, anh thanh niên => khi phân tích những dẫn chứng về anh thanh niên thì cần chỉ rõ dẫn chứng đó thể hiện phẩm chất gì của anh? Phẩm chất ấy cao đẹp ra sao?)
Giọng văn phân tích phù hợp với âm hưởng của tác phẩm	- Mỗi tác phẩm có một âm hưởng riêng, có thể nhẹ nhàng, sâu lắng, có thể tha thiết khôn nguôi, có thể hùng tráng, trẻ trung, có thể chân chất mộc mạc... - Sử dụng những từ ngữ phù hợp với bối cảnh trong tác phẩm (VD: bối cảnh của tác phẩm “Làng” là những năm kháng chiến chống Pháp ở vùng quê Bắc Bộ => khi phân tích có thể dùng những từ ngữ như “cái làng”, “cụ Hồ”, “bọn Tây”... giống như ngôn ngữ của những người nông dân lúc bấy giờ).

	- Sử dụng các kiểu câu hợp với âm hưởng của tác phẩm (VD: phân tích “Bếp lửa” - 1 bài thơ có âm hưởng da diết, xúc động thì có thể sử dụng nhiều câu cảm thán để bài viết giàu cảm xúc hơn. Khi phân tích “Những ngôi sao xa xôi” - 1 tác phẩm có âm hưởng hào hùng, mạnh mẽ, hiên ngang thì có thể dùng nhiều câu trần thuật mang tính khẳng định chắc chắn, mạnh mẽ, hùng hồn). 84 - Học tập chính cách viết của các tác giả. VD: tác giả Thanh Hải dùng nhiều biện pháp điệp từ trong “Mùa xuân nho nhỏ” thì khi phân tích ta cũng sử dụng nhiều điệp từ, điệp ngữ để làm rõ cảm xúc của Thanh Hải. Tác giả Nguyễn Quang Sáng nhập vai vào bác Ba để miêu tả về bé Thu và ông Sáu thì ta cũng mượn những đánh giá, suy nghĩ, cảm nhận của bác Ba để phân tích làm rõ 2 nhân vật chính của truyện.
--	---

Diễn đạt sáng tạo, ấn tượng	- Viết đúng ngữ pháp (câu phải có đủ chủ ngữ, vị ngữ). - Không lặp từ, bằng cách sử dụng những từ đồng nghĩa. VD: tác phẩm - thi phẩm - bài thơ - trang thơ.../ tác giả - nhà thơ - thi nhân - thi sĩ - người cầm bút.../ bạn đọc - độc giả - người yêu thơ - người tiếp nhận... - Không dùng quá nhiều câu dài gây lủng củng, “bí bách”. Nên đan xen những câu văn ngắn dài khác nhau, những câu cảm thán ngắn gọn, những câu hỏi tu từ (hỏi nhưng thực chất là để khẳng định. VD: “Phải chăng nhà thơ đã....) để tạo âm hưởng, nhịp điệu cho đoạn văn của mình. - Dùng nhiều hơn những câu văn ví von, dùng những hình ảnh so sánh, vận dụng điệp từ, điệp cấu trúc trong đoạn văn của mình. (Đọc lại toàn bộ tài liệu viết mẫu để học hỏi cách viết này).
-----------------------------	---

B. Phương pháp làm các dạng đề, ôn thi học sinh giỏi

PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 4

Nội dung bài học:

- *Phương pháp làm các dạng đề thường gặp trong ôn thi hsg*
- *Cách viết nâng cao, tạo điểm nhấn cho bài viết*
- *Luyện tập viết bài văn về “Sang thu”*

I. CÁC PHƯƠNG PHÁP LÀM CÁC DẠNG ĐỀ THƯỜNG GẶP TRONG BÀI HSG

1. . Dạng đề phân tích, chứng minh, bình luận 1 nhận định lý luận văn học qua tác phẩm cụ thể.

VD:

- Trong văn bản “Tiếng nói của văn nghệ” của Nguyễn Đình Thi cho rằng “Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng...”. Em hiểu thế nào về ý kiến trên ? Hãy phân tích “ánh sáng riêng” mà truyện ngắn “lặng lẽ SaPa” của Nguyễn Thành Long đã “rọi vào” tâm hồn em.
 - Có ý kiến cho rằng: “ Nhà văn chân chính là người mở đường dẫn đến xứ sở của cái đẹp”. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua tác phẩm “đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.
- a. Mở bài:** Mở bài cho một bài làm văn nghị luận học sinh giỏi có rất nhiều cách(tham khảo tài liệu bài văn phần 1 và file 100 công thức mở bài cô tặng) nhưng phải đảm bảo các ý về phong cách tác giả, hoàn cảnh sáng tác ,xuất xứ và đặc biệt phải nêu được vấn đề nghị luận
- Câu dẫn dắt chung vào bài nghị luận (tài liệu bài văn phần 1)
 - Dẫn dắt và nêu nhận định cần bàn luận vào bài. Trích dẫn nhận định trực tiếp cần bàn luận vào bài làm
 - Nêu khái quát phong cách nghệ thuật của tác giả.(Linh hoạt từng đề để có thể nêu hay không sao cho hợp lý)
 - Nêu hoàn cảnh sáng tác, vị trí của tác phẩm (linh hoạt từng đề để có thể nêu hay không sao cho hợp lý)
- b. Thân bài:** Đối với một bài văn nghị luận văn học sinh giỏi thì bài văn sẽ chia làm 2 phần:Một là bàn luận về lý thuyết của nhận định lý luận . Hai là bàn luận thông qua

phần tác phẩm được đề yêu cầu hoặc do chúng ta chọn .

- **Phần bàn luận lý thuyết về nhận định lý luận:** Phần này cũng nhiều các đề bàn luận, song có thể triển khai gồm các ý sau:
 - Giải thích nhận định lý luận văn học (*trả lời câu hỏi là gì*). Khi làm đọc kỹ đề để giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng và khái quát nội dung của nhận định
 - Nêu biểu hiện của nhận định đó được thể hiện ở những phương diện khía cạnh nào trong chính thể tác phẩm (*trả lời câu hỏi như thế nào*). Khi làm nêu thêm dẫn chứng ở các tác phẩm
 - Nêu vai trò của nhận định đó đối với chính thể tác phẩm hoặc đối với các phương diện, khía cạnh của lý luận văn học (*trả lời câu hỏi vì sao*). Khi làm nêu thêm dẫn chứng ở các tác phẩm
- **Phần bàn luận cụ thể, chi tiết về nhận định thông qua tác phẩm:** Phần này trực tiếp bàn luận, phân tích, chứng minh tác phẩm cụ thể mà đề yêu cầu nên tùy theo đề mà có các luận điểm cho hợp lý.
 - Phân tích chứng minh, bình luận nhận định theo các luận điểm
 - Khái quát, nhận định lại vấn đề đã bàn luận
 - Nêu những thành công về nghệ thuật trong tác phẩm (*Nếu vấn đề nhận định bàn luận về nghệ thuật thì không cần làm bước này*)
 - Liên hệ, mở rộng vấn đề với các tác phẩm cùng vấn đề đang bàn luận
- c. **Kết bài :** (*Xem thêm gợi ý ở tài liệu bài văn phần 1*)
 - Khái quát, nhận định lại vấn đề đã bàn luận
 - Bài học nhận thức và hành động cho bản thân

2. **Dạng đề phân tích, chứng minh, bình luận 1 nhận định lý luận văn học qua tác phẩm tự chọn (dạng đề trải nghiệm văn học)**

VD:

- Bàn về vai trò, chức năng của văn học, có nhận định cho rằng: *Văn học không chỉ tái hiện mà còn tái tạo cuộc sống*. Bằng những trải nghiệm văn học, em hãy bình luận nhận định trên
 - Nhà phê bình người Nga Bêlinxki viết: *Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để yêu tả nó không phải là tiếng hét khổ đau hay lời ca tụng hoan nếu không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó*. Bằng hiểu biết về văn học em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên .
- a. **Mở bài:** Mở bài cho một bài làm văn nghị luận học sinh giỏi có rất nhiều

cách(tham khảo tài liệu bài văn phần 1 và file 100 công thức mở bài cô tặng) nhưng phải đảm bảo các ý về phong cách tác giả, hoàn cảnh sáng tác ,xuất xứ và đặc biệt phải nêu được vấn đề nghị luận

- Câu dẫn dắt chung vào bài nghị luận (tài liệu bài văn phần 1)
- Dẫn dắt và nêu nhận định cần bàn luận vào bài. Trích dẫn nhận định trực tiếp cần bàn luận vào bài làm
- Nêu khái quát phong cách nghệ thuật của tác giả.(Linh hoạt từng đề để có thể nêu hay không sao cho hợp lý. Ở dạng này nên đưa luôn phần này vào thân bài)
- Nêu hoàn cảnh sáng tác, vị trí của tác phẩm (linh hoạt từng đề để có thể nêu hay không sao cho hợp lý)

d. **Thân bài:** Đối với một bài văn nghị văn học sinh giỏi thì bài văn sẽ chia làm 2 phần:Một là bàn luận về lý thuyết của nhận định lý luận . Hai là bàn luận thông qua phần tác phẩm được đề yêu cầu hoặc do chúng ta chọn .

- **Phần bàn luận lý thuyết về nhận định lý luận:** Phần này cũng nhiều cách để bàn luận, song có thể triển khai gồm các ý sau:
 - Giải thích nhận định lý luận văn học (trả lời câu hỏi là gì). Khi làm đọc kỹ đề để giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng và khái quát nội dung của nhận định
 - Nêu biểu hiện của nhận định đó được thể hiện ở những phương diện khía cạnh nào trong chính thể tác phẩm (trả lời câu hỏi như thế nào). Khi làm nêu thêm dẫn chứng ở các tác phẩm
 - Nêu vai trò của nhận định đó đối với chính thể tác phẩm hoặc đối với các phương diện, khía cạnh của lý luận văn học(trả lời câu hỏi vì sao). Khi làm nêu thêm dẫn chứng ở các tác phẩm
- **Phần bàn luận cụ thể ,chi tiết về nhận định thông qua tác phẩm:** Phần này trực tiếp bàn luận,phân tích , chứng minh tác phẩm cụ thể mà đề yêu cầu nên tùy theo đề mà có các luận điểm cho hợp lý.Đây là dạng đề trải nghiệm nên chọn từ 2 tác phẩm trở lên (cũng không nên chọn nhiều mà vừa đủ). Khi phân tích bình luận,chứng minh cho nhận định nên chọn lọc các luận điểm sao cho hợp lý ,tiêu biểu của từng tác phẩm ,tránh sa đà,lan man
 - Phân tích chứng minh,bình luận nhận định theo các luận điểm trong mỗi tác phẩm
 - Khái quát, nhận định lại vấn đề đã bàn luận
 - Nêu những thành công về nghệ thuật trong tác phẩm (Nếu vấn đề nhận định bàn luận về nghệ thuật thì không cần làm bước này)

- Liên hệ, mở rộng vấn đề với các tác phẩm cùng vấn đề đang bàn luận

e. **Kết bài** : (Xem thêm gợi ý ở tài liệu bài văn phần 1)

- Khái quát, nhận định lại vấn đề đã bàn luận
- Bài học nhận thức và hành động cho bản thân

3. **Dạng đề so sánh qua 2 nhân vật, 2 tác phẩm qua 1 nhận định lý luận văn học**

VD:

- *Thế giới được tạo lập không phải một lần, mà mỗi lần người nghệ sĩ đọc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập.*(Mác-xen Pruts). Em hiểu thế nào về ý kiến trên?Hãy cảm nhận những thế giới khác do người nghệ sĩ tạo ra qua hệ thống thi ảnh độc đáo trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật và “Đồng chí” của Chính Hữu.
- Nguyễn Minh Châu đã từng khẳng định: *Trong đời sống văn học ,những nhà văn có tài năng người thì đóng góp vào 1 cách viết, người thì đóng góp vào cách sử dụng ngôn ngữ ,có người lại chỉ cho ta thấy được những thứ rất nhỏ bé,đặc sắc mà giàu giá trị.Những trên tất cả,anh ta phải cho người đọc hiểu được tiếng nói riêng của anh ta trong 1 vấn đề mà nhiều người đang quan tâm đến.* Qua nhân vật Vũ Nương (trong *Chuyện người con gái Nam Xương*- Nguyễn Dữ) và nhân vật Thúy Kiều (trong *Đoạn trường tân thanh*-Nguyễn Du) em hãy làm sáng tỏ nhận định trên

a. **Mở bài:** Mở bài cho một bài làm văn nghị luận học sinh giỏi có rất nhiều cách(*tham khảo tài liệu bài văn phần 1 và file 100 công thức mở bài cô tặng*) nhưng phải đảm bảo các ý về phong cách tác giả, hoàn cảnh sáng tác ,xuất xứ và đặc biệt phải nêu được vấn đề nghị luận

- Câu dẫn dắt chung vào bài nghị luận (*tài liệu bài văn phần 1*)
- Dẫn dắt và nêu nhận định cần bàn luận vào bài. Trích dẫn nhận định trực tiếp cần bàn luận vào bài làm
- Nêu khái quát phong cách nghệ thuật của tác giả.(*Linh hoạt từng đề để có thể nêu hay không sao cho hợp lý. Ở dạng này nên đưa luôn phần này vào thân bài theo từng tác phẩm*)
- Nêu hoàn cảnh sáng tác, vị trí của tác phẩm (*linh hoạt từng đề để có thể nêu hay không sao cho hợp lý. Ở dạng này nên đưa luôn phần này vào thân bài theo từng tác phẩm*)

b. **Thân bài:** Đối với một bài văn nghị văn học sinh giỏi thì bài văn sẽ chia làm 2

phần: Một là bàn luận về lý thuyết của nhận định lý luận. Hai là bàn luận thông qua phần tác phẩm được đề yêu cầu hoặc do chúng ta chọn.

- **Phần bàn luận lý thuyết về nhận định lý luận:** Phần này cũng nhiều cách để bàn luận, song có thể triển khai gồm các ý sau:
 - Giải thích nhận định lý luận văn học (*trả lời câu hỏi là gì*). Khi làm đọc kỹ đề để giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng và khái quát nội dung của nhận định
 - Nêu biểu hiện của nhận định đó được thể hiện ở những phương diện khía cạnh nào trong chính thể tác phẩm (*trả lời câu hỏi như thế nào*). Khi làm nêu thêm dẫn chứng ở các tác phẩm.
 - Nêu vai trò của nhận định đó đối với chính thể tác phẩm hoặc đối với các phương diện, khía cạnh của lý luận văn học (*trả lời câu hỏi vì sao*). Khi làm nêu thêm dẫn chứng ở các tác phẩm.
- **Phần bàn luận cụ thể, chi tiết về nhận định thông qua tác phẩm:** Phần này trực tiếp bàn luận, phân tích, chứng minh tác phẩm cụ thể mà đề yêu cầu nên tùy theo đề mà có các luận điểm cho hợp lý. Đây là dạng đề so sánh nên khi phân tích bình luận, chứng minh cho nhận định nên chọn lọc các luận điểm sao cho hợp lý, tiêu biểu của từng tác phẩm, tránh sa đà, lan man.
 - Phân tích chứng minh bình luận tác phẩm 1: Tùy theo đề để ta phân tích, chứng minh, bình luận nhận định theo các luận điểm hợp lý. Nên làm ngắn gọn, trọng tâm, logic, không ôm đồm, lan man.
 - Phân tích chứng minh bình luận tác phẩm 2: Tùy theo đề để ta phân tích, chứng minh, bình luận nhận định theo các luận điểm hợp lý. Nên làm ngắn gọn, trọng tâm, logic, không ôm đồm, lan man.
- **Nhận xét, đánh giá điểm giống và khác nhau về nội dung và nghệ thuật**
 - Về nội dung
 - Về nghệ thuật
- **Khái quát, nhận định lại vấn đề đã bàn luận**
- **Liên hệ, mở rộng vấn đề với tác phẩm cùng vấn đề đang bàn luận** (xem lại phần tổng hợp nhận định và liên hệ).
- c. **Kết bài:** (xem lại phần tài liệu bài văn phần 1)
 - Khái quát, nhận định lại vấn đề đã bàn luận
 - Bài học nhận thức và hành động cho bản thân

4. **Dạng đề phân tích, chứng minh, bình luận 2 nhận định về 1 tác phẩm/nhiều tác phẩm**

VD:

- Nhà văn Nguyễn Minh Châu khẳng định: *Văn học bao giờ cũng trả lời những câu hỏi của ngày hôm nay, bao giờ cũng đối thoại với người đương thời về những vấn đề cấp bách của cuộc sống.* Còn nhà văn Ý, Claudio lại viết: *Văn học không quan tâm đến câu hỏi do nhà văn mang lại mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra và những câu hỏi này rộng lớn hơn bất kỳ câu trả lời cận kề nào.* Hãy bình luận chứng minh ý kiến trên.
- Marcel Proust quan niệm: *Thế giới được tạo lập không phải 1 lần, mà mỗi lần người nghệ sĩ đọc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập.* Tô Hoài cho rằng: *Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời.* Bằng trải nghiệm văn học của bản thân, anh chị hãy bình luận nhận định trên.
- a. **Mở bài:** Mở bài cho một bài làm văn nghị luận học sinh giỏi có rất nhiều cách (tham khảo tài liệu bài văn phần 1 và file 100 công thức mở bài cô tặng) nhưng phải đảm bảo các ý về phong cách tác giả, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ và đặc biệt phải nêu được vấn đề nghị luận
 - Câu dẫn dắt chung vào bài nghị luận (tài liệu bài văn phần 1)
 - Dẫn dắt và nêu nhận định cần bàn luận vào bài. Trích dẫn nhận định trực tiếp cần bàn luận vào bài làm
 - Nêu khái quát phong cách nghệ thuật của tác giả. (Linh hoạt từng đề để có thể nêu hay không sao cho hợp lý. Ở phần này nên đưa luôn vào phần thân bài theo từng tác phẩm)
 - Nêu hoàn cảnh sáng tác, vị trí của tác phẩm (linh hoạt từng đề để có thể nêu hay không sao cho hợp lý. Ở phần này nên đưa luôn vào phần thân bài theo từng tác phẩm)
- b. **Thân bài:** Đối với một bài văn nghị luận văn học sinh giỏi thì bài văn sẽ chia làm 2 phần: Một là bàn luận về lý thuyết của nhận định lý luận. Hai là bàn luận thông qua phân tác phẩm được đề yêu cầu hoặc do chúng ta chọn.
 - **Phần bàn luận lý thuyết về nhận định lý luận:** Tùy vào 2 nhận định tương quan hay đối lập mà ta có thể triển khai phần này theo cách tách hay gộp nhận định nhưng đảm bảo các ý sau:
 - Giải thích nhận định lý luận văn học (trả lời câu hỏi là gì). Khi làm đọc kỹ đề để giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng và khái quát nội dung của nhận định.

- Nêu biểu hiện của nhận định đó được thể hiện ở những phương diện khía cạnh nào trong chính thể tác phẩm (*trả lời câu hỏi như thế nào*). Khi làm nêu thêm dẫn chứng ở các tác phẩm
- Nêu vai trò của nhận định đó đối với chính thể tác phẩm hoặc đối với các phương diện, khía cạnh của lý luận văn học (*trả lời câu hỏi vì sao*). Khi làm nêu thêm dẫn chứng ở các tác phẩm.
- **Phần bàn luận cụ thể, chi tiết về nhận định thông qua tác phẩm:** Phần này trực tiếp bàn luận, phân tích, chứng minh tác phẩm cụ thể mà đề yêu cầu nên tùy theo đề mà có các luận điểm cho hợp lý. Khi phân tích, bình luận, chứng minh cho nhận định nên chọn lọc luận điểm hợp lý, tiêu biểu của từng tác phẩm tránh sa đà, lan man.
- Phân tích chứng minh bình luận tác phẩm 1: Tùy theo đề để ta phân tích, chứng minh, bình luận nhận định theo các luận điểm hợp lý. Nên làm ngắn gọn, trọng tâm, logic, không ôm đồm, lan man.
- Phân tích chứng minh bình luận tác phẩm 2: Tùy theo đề để ta phân tích, chứng minh, bình luận nhận định theo các luận điểm hợp lý. Nên làm ngắn gọn, trọng tâm, logic, không ôm đồm, lan man.
- **Khái quát, nhận định lại vấn đề đã bàn luận**
- **Nêu những thành công về nghệ thuật** (Nếu nhận định về nghệ thuật thì không làm luận điểm này)
- **Liên hệ, mở rộng vấn đề với các tác phẩm cùng vấn đề đang bàn luận**
- c. **Kết bài :** (*Xem thêm gợi ý ở tài liệu bài văn phần 1*)
 - Khái quát, nhận định lại vấn đề đã bàn luận
 - Bài học nhận thức và hành động cho bản thân

90

Lưu ý: Dạng đề này có tới 2 nhận định nên có thể tương quan nhau hoặc đối lập trái chiều nên đọc kỹ đề để linh hoạt cách làm tách riêng/gộp hay song hành cho hợp lý

II. CÁCH VIẾT NÂNG CAO, TẠO ĐIỂM NHẤN CHO BÀI VIẾT

1. Cách viết liên hệ mở rộng

a. Dẫn chứng để liên hệ mở rộng

- Nhận định về tác giả, tác phẩm
- Đoạn thơ trong tác phẩm khác nhưng của cùng tác giả đang phân tích
- Đoạn thơ trong tác phẩm khác của tác giả khác nhưng cùng đề tài
- Chi tiết/nhân vật trong tác phẩm khác cùng đề tài, đặc điểm

Xem tài liệu về nhận định, đoạn thơ liên hệ về từng tác phẩm trong phần TỔNG HỢP⁹¹
NHỮNG NHẬN ĐỊNH VỀ TÁC GIẢ TÁC PHẨM LỚP 9

b. Cách diễn đạt khi liên hệ mở rộng

- Đối với bài viết phân tích thơ, khi liên hệ mở rộng cần chú ý:
 - + Trích đúng ngữ liệu liên hệ: đoạn thơ và tên tác giả, nhận định và tên tác giả
 - + Mỗi khổ thơ trong các tác phẩm hãy sưu tầm thêm ít nhất 1 đoạn thơ cùng chủ đề để liên hệ khi cần thiết
 - + Nắm được nội dung cơ bản của ngữ liệu liên hệ, sử dụng để dẫn dắt và liên kết trong bài viết. Sử dụng chính những từ khóa trong dẫn chứng để dẫn dắt tạo sự liên kết.
- Đối với bài viết phân tích văn xuôi: Sử dụng chủ yếu là nhận định
- Liên hệ, mở rộng có thể sử dụng ở bất cứ phần nào của bài viết
- Không được quá lạm dụng kiến thức liên hệ, không liên hệ quá nhiều gây loãng bài viết. Cần nhớ: mục đích của liên hệ là để làm nổi bật vấn đề chính.

2. Cách đưa lí luận văn học vào bài viết

a. Lí luận văn học là gì?

- Lý luận văn học, hiểu một cách đơn giản là bộ môn nghiên cứu văn học ở bình diện khái quát, nhằm tìm ra những quy luật chung nhất về văn học. Kiến thức lý luận văn học sẽ giúp chúng ta trả lời các câu hỏi khái quát ví dụ như: Văn học bắt nguồn từ đâu? Một tác phẩm văn học do những yếu tố nào tạo thành? Văn học được sáng tác và được tiếp nhận như thế nào? Văn học sinh ra để làm gì?..
- Ở mức độ trường phổ thông, trước nay chúng ta vẫn lĩnh hội tri thức lý luận văn

học ở mức độ cơ bản. Những tri thức này sẽ là nền tảng để học sinh tiếp tục nghiên cứu sâu hơn ở các bậc học cao hơn. Sau đây là một số chủ đề thường gặp:

Đặc trưng văn học	Lý giải những đặc điểm chung nhất của văn học, trả lời các câu hỏi như văn học bắt nguồn từ đâu, đối tượng chủ yếu của văn học là gì, tác phẩm văn học được cấu trúc như thế nào, phương thức phản ánh của văn học là gì...
Chức năng văn học	Trả lời cho câu hỏi: văn học tồn tại nhằm mục đích gì? Văn học phục vụ thế nào cho đời sống của con người?
Nhà văn và quá trình sáng tác	Khái quát quy luật sáng tạo nên tác phẩm văn học, những điều kiện về tài năng, phẩm chất, nhân cách của người viết...
Đặc trưng ngôn từ nghệ thuật	Khái quát các đặc điểm về chất liệu của văn học – ngôn từ nghệ thuật.
Đặc trưng thể loại	Khái quát các đặc trưng về nội dung và nghệ thuật của những thể loại văn học thường gặp như thơ, tự sự (cụ thể là truyện ngắn, tiểu thuyết), hiện tượng tương tác giữa các thể loại.
Tiếp nhận văn học	Khái quát các đặc điểm của quá trình đọc, hiểu và chiếm lĩnh tác phẩm văn học.

b. Cách đưa lí luận văn học vào bài viết

- Cách 1: Sử dụng những nhận định lí luận văn học => cách thường gặp, đơn giản hơn
- Cách 2: Sử dụng những lí lẽ của bản thân, tự bàn luận về những vấn đề lí luận văn học

=> cách khó hơn, đòi hỏi kiến thức lí luận vững và cách diễn đạt logic

=> Cần sử dụng linh hoạt, kết hợp cả 2 cách trên trong bài viết với những vị trí và cách viết như sau:

Vị trí	Cách viết	Ví dụ
Mở bài	Sử dụng được cả hai cách - Cách 1 để phần dẫn dắt tạo ấn tượng - Cách 2 để khẳng định giá trị, ý nghĩa của tác phẩm, tài năng của tác giả	<i>Một tác phẩm văn học chỉ thực sự có giá trị khi nó cất lên tiếng nói của con người, ca ngợi và bảo vệ con người. Bởi thế Nam Cao từng nói: “Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp sống lầm than”. Văn chương là vậy, nó vẫn luôn đẹp một cách đặc biệt nhất. Phải chăng chính vì thế mà các nhà thơ, nhà văn luôn tạo ra những nét riêng cho mình bằng việc xây dựng lên những hình tượng nhân vật độc đáo chở nặng tâm tư của tác giả. Điều đó được thể hiện rõ qua nhân vật ông Hai trong tác phẩm “Làng” của nhà văn Kim Lân. Sự tinh tế, độc đáo trong nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật của nhà văn Kim Lân đã góp phần chấp cánh cho tác phẩm vút bay trên bầu trời văn đàn dân tộc.</i>
Thân bài	LĐ 1: Khái quát Kết hợp cả 2 cách để khái quát về phong cách tác giả hoặc hoàn cảnh ra đời, giá trị nội dung của tác phẩm.	- Khi viết về hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm: Lao động của nhà văn là một hoạt động tinh thần đầy khổ luyện. Để có những tác phẩm thơ hay nhà văn phải lăn lộn với đời. Nói như Nam Cao “Hãy sống đã rồi mới viết” còn thi sĩ Xuân Diệu “Hãy biết ơn vị muối của đời để thơ có thêm chất mặn”. Nếu không có những năm tháng....(Chính cuộc đời cơ cực, sớm vào đời sớm của Kim Lân, những trải nghiệm của ông trong những năm tháng đói khổ mà

	người dân Việt Nam hay còn gọi là nạn đói, hiện thực ấy chính là chất liệu để Kim Lân viết lên tác phẩm “Vợ nhặt”; Chính những ngày tháng cùng bộ đội lên giải phóng Tây Bắc, những trải nghiệm ấy đã giúp nhà thơ có chất liệu hiện thực để viết lên tập “Tây Bắc”.)
LĐ 2: Phân tích - Phân tích thơ: Dùng kết hợp cả 2 cách để đi sâu khẳng định nét đặc sắc của câu thơ, sự tinh tế, tài năng và phong cách của tác giả.	- Khi phân tích khổ 1 trong “Mùa xuân nho nhỏ”: Bàn về tính nhạc trong thơ tác giả Trần Thiện Thanh cho rằng: “Thi nhân phổ nhạc cho thơ, tiếng thơ vang ngân trong không gian, tạo thành các “bước sóng” gõ cửa tâm hồn độc giả. Ở đoạn thơ trên Thanh Hải đã vô cùng khéo léo, linh hoạt trong cách ngắt nhịp thơ 2/3, 3/2 đan xen khiến người cảm thấy mình đang đứng trước một khúc nhạc chứ không chỉ đứng trước một bài thơ đơn thuần. Việc sử dụng những hình ảnh giàu tính tạo hình và biểu tượng: dòng sông xanh, bông hoa tím, tiếng chim ngân vang thể hiện cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả trước cảnh đất trời xứ Huế vào xuân, mong muốn hoá vào thiên nhiên đất trời trong tâm tưởng giữa mùa đông giá lạnh khiến ta vô cùng khâm phục. Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân đất trời thể hiện qua cái nhìn trù mến với cảnh vật, trong những lời bộc lộ trực tiếp như lời trò chuyện với thiên nhiên “ơi, hót chi... mà...” làm cho câu thơ như trải dài, ngân vang khắp khoảng trời xứ Huế....

	- Phân tích văn xuôi: + Phân tích hình tượng nhân vật + Nêu tình cảm của tác giả đối với nhân vật + Ý nghĩa của hình tượng nhân vật	- Khi phân tích hình tượng nhân vật: <i>Có ai đó từng nói qua thân phận một con người, một cuộc đời, một cảnh ngộ, văn học có khả năng khái quát được cả xã hội “qua một giọt nước thấy được đại dương”, “một vân gỗ thấy cuộc đời trăm năm thảo mộc”,... Sức nặng của hình tượng nghệ thuật là khả năng khái quát. Qua nhân vật.....</i> - Khi nêu tình cảm của tác giả đối với nhân vật: <i>Văn học là một loại hình nghệ thuật vừa phản ánh khách thể, vừa bộc lộ chủ thể hiện thực đi vào văn học không lạnh lùng khái quát mà thấm đẫm cảm xúc của người nghệ sĩ. Vì vậy đằng sau đối tượng miêu tả bao giờ cũng bắt gặp một ánh mắt, một cách nhìn của nhà văn. ; “Một nhà văn chân chính phải là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”. Tình cảm của tác giả.... cũng vậy....</i> - Khi viết về ý nghĩa hình tượng nhân vật: <i>Nếu thơ tôn trọng mạch chạy cảm xúc của nhân vật trữ tình, thì với truyện nhân vật là phương tiện quan trọng nhất để nhà văn khái quát hiện thực, gửi gắm ý đồ tư tưởng của mình. Không phải ngẫu nhiên tên tuổi nhân văn thường gắn với tên nhân vật. Như Chí Phèo - Nam Cao, Tràng - Kim Lân, Mị - Tô Hoài...</i>
--	---	---

Kết bài	Sử dụng được cả hai cách	<i>Thơ ca, vẫn mãi ngàn đời là mảnh đất hiện thực phì nhiêu, những vần thơ mới nở rộ cánh hoa thơm ngát để hiến dâng hương sắc cho đời.</i> <i>“Thơ phản ánh hiện thực cuộc sống mà hiện thực ấy đã được ủ thành men và bốc lên đằm say” (Lưu Trọng Lư) bằng “một tâm hồn, một trí tuệ” sâu sắc. Với Chính Hữu thơ giống như dòng sông soi bóng cuộc đời, len vào tâm hồn con người những mạch nguồn cảm xúc dạt dào chảy mãi không thôi. Bài thơ “Đồng chí” đã làm sống lại một thời khổ cực của cha anh ta, làm sống lại chiến tranh ác liệt. Bài thơ khơi gợi lại những kỉ niệm đẹp, những tình cảm tha thiết gắn bó yêu thương mà chỉ có những người đã từng là lính mới có thể hiểu và cảm nhận hết được.</i>
Lưu ý: Không lạm dụng kiến thức lí luận văn học khiến bài văn lan man, dài dòng.		

I. LUYỆN TẬP

Đề bài: Phân tích bức tranh thiên lúc chuyển mùa trong bài thơ “Sang thu”. Từ đó nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ Hữu Thỉnh.

Bài làm

*“Sáng mát trong như sáng năm xưa
 Gió thổi mùa thu hương cốm mới
 Tôi nhớ những ngày thu đã xa
 Sáng chớm lạnh trong lòng
 Hà Nội Những phố dài xao xác hơi may”*
 (“Đất nước” - Nguyễn Đình Thi)

Thu sang với Nguyễn Đình Thi là chút nhớ nhung về hương vị thuở xưa - hương cốm trong những ngày Hà Nội chớm lạnh. Với Sao Mai, là “lá biếc trở vàng băng khuâng”. Riêng Hữu Thỉnh, ông nhận thấy “thu đã về” qua hương ổi ngọt thanh. Trước thời khắc chuyển mùa, ông chẳng giấu nổi sự ngỡ ngàng của mình và cũng chính từ đó mà “Sang thu” được ra đời. Qua bài thơ ta thấy được vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên lúc chuyển mùa đầy tinh tế cùng vẻ đẹp tâm hồn của Hữu Thỉnh.

“Sang thu” được viết vào mùa thu năm 1977 được in trong tập “Từ chiến hào đến thành phố” (1991). “Đây là một trong những mùa thu đầu tiên của người lính vừa bước ra khỏi chiến tranh. Suốt ngày người lính trong thời chiến phải đối diện với tiếng súng nổ, tiếng bom rơi, tiếng động cơ phản lực: Chính vì vậy mà có lúc nào đó không phải nghe những âm thanh ấy thì quả là quý giá vô cùng.” (nhà thơ Hữu Thỉnh chia sẻ). Ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt của đất nước và cũng là khoảng thời gian tâm hồn tác giả có dịp được lắng sâu suy ngẫm, tiếng thơ “Sang thu” cất lên đã đánh thức những cảm giác nơi bạn đọc về thiên nhiên, tạo vật lúc giao mùa, cùng với đó là sự thấu hiểu, đồng cảm với những chiêm nghiệm của nhà thơ.

Bức tranh thiên nhiên lúc chuyển mùa hiện lên trong trang thơ Hữu Thỉnh trước tiên ở những tín hiệu thiên nhiên quen thuộc mà đầy tinh tế:

“Bỗng nhận ra hương
ổi Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về”

Hữu Thỉnh đã mang đến cho người đọc một cảm giác bất ngờ ngay dòng thơ đầu tiên. “Bỗng” là bất chợt có pha chút ngỡ ngàng. Bởi thứ mà tác giả nhận ra trong khoảnh khắc mơ hồ, phảng phất khi thu sang lại chính là một mùi hương quen thuộc quá - hương ổi - một mùi hương gợi nhớ đến tuổi ấu thơ, gợi nhớ đến buổi chiều vàng với một dòng thanh bình, một con đò lững lờ trôi, những đàn trâu bò no cỏ giỡn đùa nhau và những đứa trẻ ẩn hiện trong triền ổi chín vàng ven sông. Nó giống như mùi bờ bãi, mùi con trẻ, xộc thẳng vào những miền thơ ấu thân thiết trong tâm hồn chúng ta, mùi hương đơn sơ ấy lại trở thành chiếc chìa khóa vàng mở vào tâm hồn chúng ta. Cảm giác “bỗng nhận ra” báo cho chúng ta biết rằng trước khi nhận ra hương ổi ấy, con

người đang sống trong một cuộc sống hoàn toàn khác, mà theo nhà thơ đó là “cuộc sống thường nhật trơ lì cảm xúc với bao nhiêu lo toan đời thường”. Khác hẳn với Trần Nguyên Soái trong “Thu chín”:

“Cúc vàng, na mở mắt chơi
Lựu dôn dốt ngọt, lả lơi chuỗi
vàng Nho, lê căng nét mịn màng
Cam, dưa hấu ngọt cho nàng mời anh.”

Với Hữu Thỉnh, hương ổi thanh thanh dịu dịu kia, nào có gì sánh bằng. Hương ổi trong gió đầu mùa se lạnh chính là sứ giả của mùa thu, nó đến và “phả vào trong gió se”, một làn hương ngào ngạt, sánh đậm, lan tỏa khắp không gian. Hai câu thơ ngắn gọn mà có cả gió, cả hương. Tác giả lựa chọn làn “gió se” - gió heo may đặc trưng của mùa thu đất Bắc, làm tín hiệu thứ hai cho khoảnh khắc giao mùa. Đó là một thứ gió khô và thoáng chút se lạnh. Làn “gió se” ấy đã làm dịu đi cái nắng oi ả, gay gắt của mùa hạ và khiến cho làn “hương ổi” như sánh lại và trở nên ngọt ngào hơn. Sau làn gió se lạnh mang theo hương ổi chín là làn sương mỏng giăng mắc, nhẹ nhàng, chuyển động chậm chậm nơi đường thôn ngõ xóm. Cảm nhận của tác giả đã có sự thay đổi từ khứu giác, xúc giác sang cảm nhận bằng thị giác. Thi nhân trong phút giao cảm với thiên nhiên như thấy rõ được làn sương mỏng đang “chùng chình qua ngõ”. Nghệ thuật nhân hóa qua từ láy “chùng chình” đã gợi lên dáng vẻ lảng đãng như đợi chờ, cố ý chậm lại đầy lưu luyến của màn sương. Màn sương thu hình như cũng muốn tận hưởng trọn vẹn hương thơm ngọt ngào và cái lành lạnh đầu thu, nên nó còn đang “chùng chình” chưa muốn tan đi. Hai chữ “chùng chình” đã diễn tả rất nên thơ bước đi chậm chậm khi trở về của mùa thu, hồ hởi mà luôn tạo nên sự mơ hồ và mông lung nhất, “chùng chình” còn là sự cố ý muốn làm chậm lại, rung rinh, lay động. Sương thu rung rinh lay động, hay là sự rung động trong tâm hồn Hữu Thỉnh? Để rồi tác giả đã giật mình, bối rối: “Hình như thu đã về”. Nếu như từ “bỗng” bộc lộ cảm xúc ngạc nhiên của tác giả khi mùa thu về thì từ “hình như” lại thể hiện sự phỏng đoán một cách mơ hồ, man mác. Qua đó, có thể thấy bức tranh thiên nhiên trong bài thơ “Sang thu” đẹp một cách giản dị mà tinh tế, bức tranh có cả sắc cả hương, có cả cảnh cả tình.

Có lẽ mùa thu đã sang, là mùa thu của đất trời và mùa thu của lòng người mê mẩn, nhiều tâm trạng. Sau phút giây ngỡ ngàng và khê mừng vui, tác giả lấy lại được cái điềm đạm vốn có để tiếp tục ngắm nhìn thiên nhiên đất trời hiện rõ ra từng đường nét, hình khối:

*“Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang
thu”*

Nét độc đáo của bài thơ nằm ở sự chuyển đổi tầm nhìn từ trong vườn ra ngoài ngõ rồi mở rộng ra không gian bao la bên ngoài với sông nước, với bầu trời cao rộng. Dòng sông dường như cố ý trôi một cách chậm chạp, thanh thản, nhẹ nhàng gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh mùa thu: “Sông được lúc dềnh dàng”. Con sông được nhân hóa như đang được nghỉ ngơi sau một mùa hạ vất vả với bão giông. Đối lập với đó, những cánh chim đã bắt đầu vội vã, gấp gáp làm tổ, tha mồi chuẩn bị cho mùa đông rét mướt hoặc bay về phương Nam tránh rét. Phút suy tư của tác giả dần bộc lộ qua lớp nghĩa biểu tượng của hai hình ảnh đang trong trạng thái đối lập này. Dòng sông được miêu tả với từ “được lúc dềnh dàng” gợi ta liên tưởng đến hình ảnh những con người đã đi qua thời chiến, trải qua lửa đạn giờ đang được sống chậm lại, đến lúc được nghỉ ngơi. Bên cạnh đó, những đàn chim được miêu tả với từ “bắt đầu” gợi ta liên tưởng đến những người lính bước ra từ trong chiến tranh. Họ cứ ngỡ đã đến lúc được nghỉ ngơi, song lại chính là lúc họ bắt đầu phải “vội vã”, tất bật trong những lo toan của cuộc sống mới. Hai tâm trạng trái ngược nhau của con người khi bước từ chiến tranh sang hòa bình được tác giả khéo léo gửi gắm qua những biểu hiện của thiên nhiên. Nét chấm phá độc đáo trong bức tranh thu gợi nhiều suy tưởng cho người đọc chắc hẳn ở hai câu thơ sau: “Có đám mây mùa hạ / Vắt nửa mình sang thu.” Sự quan sát tinh tế của tác giả đã hội tụ lại ở hình ảnh đám mây mùa hạ “vắt nửa mình sang thu”. Đám mây mùa hạ được nhân hóa rất đẹp gợi hình dung mây mỏng như dải lụa treo trên bầu trời, nửa nghiêng về mùa hạ, nửa nghiêng về mùa thu. Đám mây được cảm nhận tinh tế tựa như giữa mùa hạ và mùa thu vẫn có một ranh giới mơ hồ, quyến luyến nào đó. Mùa hạ chưa thật đi qua và mùa thu đã chớm về. Cảnh sắc chuyển mùa hiện lên vừa

sinh động vừa mơ hồ đã thể hiện cảm xúc say sưa của một tâm hồn giao cảm với thiên nhiên. Phải chăng thế giới cảm xúc trong Hữu Thỉnh vẫn luôn say sưa như thế để rồi cứ mãi khiến bạn đọc ta vẫn vương nơi những vần thơ nhẹ nhàng, những hình ảnh thơ gần gũi mà tinh tế lắm, như cái “vắt nửa mình” của đám mây bước sang thu, hay như buổi chiều thu thật nhẹ nhưng cũng thật gọn để “bước sang sông”:

*“nắng thu đang trái đầy
đã trắng non mùi bưởi
bên cầu con ghé đợi
cả chiều thu sang sông.”*

(“Chiều sông Thương” - Hữu Thỉnh)

Phải là một người yêu mùa thu, yêu thiên nhiên và giàu suy tư, chiêm nghiệm thì thi sĩ mới có môi giao cảm sâu sắc ấy. Hữu Thỉnh từng tâm niệm: “Thơ là kinh nghiệm sống”. Trong khổ thơ cuối, từ cảm nhận về mùa thu, nhà thơ đã hướng vào bề sâu tâm tưởng. Bức tranh thiên nhiên từ đó mà thêm sâu sắc và ý vị hơn “Vẫn còn bao nhiêu nắng Đã voi dần con mưa Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.”

Nghệ thuật đối qua hình ảnh “vẫn còn” - “voi dần”; “nắng” - “mưa” đã tái hiện sự vận động trái chiều của hai hiện tượng thiên nhiên nắng và mưa, chúng vận hành theo quy luật và có thể dự báo. Tác giả đã mượn những hiện tượng thiên nhiên quen thuộc, dễ nắm bắt để cụ thể hóa khoảnh khắc giao mùa. Bước chân của nắng thu như hiện hình giữ đất trời qua hàng loạt từ ngữ chỉ mức độ, ước lượng được sắp xếp theo trình tự giảm dần: “vẫn còn”, “bao nhiêu”, “voi”, “bớt”, mùa hạ quả thực đang nhạt dần và những dấu hiệu của mùa thu ngày một đậm nét hơn. Không gay gắt đỏ lửa như nắng hạ, nắng thu dịu dịu trong lành. Không sầm sập trút nước như mưa hè, mưa thu thưa thớt. Sấm cũng không rền vang, bất ngờ mà ít đi, nhỏ hơn. Những tiếng sấm bất ngờ gắn với những suy ngẫm về cuộc đời, lẽ sống. Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa “hàng cây đứng tuổi” vừa tả thực những cây cổ thụ lâu năm, vừa gợi tả bước đi sang thu của hồn người, đời người. Vẻ điềm tĩnh của cây trước sấm sét, trước nắng mưa phải chăng là ẩn dụ chỉ sự từng trải, chín chắn của con người sau những bão giông. Khi con người đã trải nghiệm nhiều thì càng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời. Đó là nét độc đáo trong cách nhìn, cách cảm,

cách nghĩ của tác giả về thiên nhiên, về đời người trước những thăng trầm của đời sống. Từ sự suy tư của nhà thơ và sâu xa hơn là niềm tin tưởng, lạc quan, ta hình dung về một đất nước Việt Nam đã trải qua bao thăng trầm của thời gian. Một đất nước đã đi qua cả một thời kì dài của chiến tranh gian khổ, nhà thơ tin rằng đất nước ấy sẽ vững vàng trước biến thiên của lịch sử, trước những tác động của ngoại cảnh. Cũng giống như niềm tin mãnh liệt của thi sĩ Thanh Hải đặt để nơi tương lai của đất nước:

*“Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước”*

(“Mùa xuân nho
nhỏ”)

Quả thực, lắng sâu trong tâm hồn thi sĩ Hữu Thỉnh là sự đồng cảm về bài học nhân sinh trong cuộc đời mỗi con người. Phải chăng mùa thu đã đem đến một bài học cho tác giả và giờ đây, ông truyền lại cho chúng ta. Trong một bài phỏng vấn, Hữu Thỉnh giải thích: “Sấm là những khó khăn thử thách mà dân tộc Việt Nam đã trải qua hai cuộc chiến tranh ác liệt chống Pháp

và chống Mỹ còn hàng cây là hình ảnh của đất nước, dân tộc vững vàng vượt qua thử thách. Chúng ta không còn sợ bất cứ thế lực nào, vững vàng vươn lên phía trước trong công việc xây dựng đất nước”. Và, “Sang thu” chính là thu thiên nhiên, thu con người, thu đất nước.

“Sang thu” là “tiếng lòng” của Hữu Thỉnh khi “hạ qua thu tới”. Và đó cũng chính là thi phẩm thể hiện rõ nhất cái hay cái đẹp của người con đất dừa Tam Dương. Hữu Thỉnh là thế! Cả một đời nhiều gian truân vất vả biết bao sóng gió thăng trầm, thế nhưng ông vẫn gọi “thơ là tiếng lòng” coi “thơ là vũ khí đặc lực” và ông nghĩ “cái lộc lớn nhất mà cuộc đời ban tặng, chính là thơ”. Vẻ đẹp tâm hồn Hữu Thỉnh thể hiện qua cách ông khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên lúc giao mùa. Thiên nhiên sang thu với những hình ảnh giản dị, mộc mạc như hương ổi chín, làn gió se, dòng sông, đàn chim, hàng cây... được tác giả cảm nhận một cách say sưa, bằng tất cả những giác quan và bằng cả bề sâu tâm hồn. Từ hiện tượng quen thuộc trong tự nhiên: “Sấm cũng bớt bất ngờ / Trên hàng cây đứng tuổi” mà liên tưởng và chiêm nghiệm tới quy luật trong đời

người: những người trưởng thành, giàu kinh nghiệm sẽ có khả năng bình tĩnh đối diện với bão táp phong ba trong cuộc sống; thì quả thật phải là một tâm hồn giàu trải nghiệm và tinh tế lắm. “**Thơ Hữu Thỉnh nghiêng về những suy tư và dày đặc những câu hỏi. Đó là lí do khiến thơ Hữu Thỉnh mang cái nhìn chiêm nghiệm về cuộc đời. Mặt khác, đã từng trải qua cuộc chiến tranh gian khổ, ác liệt nên thơ Hữu Thỉnh là sự thăng hoa của kinh nghiệm sống, là sự ngân vọng của những kỉ niệm sâu sắc về một thời bom đạn.**” (ThS. Hà Thị Anh)

“Sang thu” của Hữu Thỉnh là một bài thơ đặc sắc viết về thời khắc giao mùa từ cuối hạ sang đầu thu. Bài thơ là một bức tranh đẹp, mới mẻ, thơ mộng, êm dịu về thời khắc chuyển mùa từ cuối hạ sang đầu thu. Đặc sắc của thi phẩm là sự phát hiện và chọn lọc cũng như khắc họa được những hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm, đặc sắc về thời điểm giao mùa từ cuối hạ sang đầu thu ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Sáng tạo trong việc sử dụng những từ ngữ như: “bỗng”, “nhận”, “phả”, “hình như”, phép nhân hóa, phép ẩn dụ, bài thơ “Sang thu” đã thể hiện cảm nhận tinh tế và tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc băng khuâng của nhà thơ khi nhận ra những tín hiệu báo thu sang. Đồng thời, bài thơ cũng bộc lộ những suy ngẫm sâu sắc mang tính triết lí về con người và cuộc đời để làm nên cái tôi trữ tình sâu sắc và giàu chiêm nghiệm.

Hemingway từng nói: “**Một tác phẩm hay là một tác phẩm tuân theo nguyên lý “tảng băng trôi” một phần chìm, bảy phần nổi.** Và “**Sang thu**” chính là một thi phẩm như thế. Cả bài thơ đều là hình ảnh thơ giản dị, không trau chuốt mà giàu sức gợi cảm. Hữu Thỉnh đã thành công miêu tả bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa tuyệt đẹp của đất nước: nhẹ nhàng, êm dịu, trong sáng và nên thơ. Thông qua bài thơ, tác giả thể hiện những triết lí về cuộc đời qua những gì giản đơn, nhỏ bé của cuộc sống. Tất cả tạo nên đặc sắc cho bức tranh giao mùa hiem có của thiên nhiên Việt Nam. Qua đó giúp người đọc có những cảm xúc đọng đầy, có thêm những suy ngẫm sâu xa và tinh tế về đời sống đang xoay vần và đầy biến động.

CHUYÊN ĐỀ II: TUYỂN TẬP NHẬN ĐỊNH, LIÊN HỆ THEO TỪNG VĂN BẢN HỌC SINH CẦN NẮM CHẮC, HỌC THUỘC LÒNG.

STT	Tác phẩm	Nhận định, liên hệ mở rộng	
		Tác giả	Tác phẩm
1	ĐỒNG CHÍ	- “Chính Hữu đã tạo cho mình một giọng thơ, một phong cách thơ riêng, chất giọng và phong cách đó không thể hoà lẫn vào bất kì một giọng thơ nào khác, kể cả những tác giả quân đội. (Ngô Vĩnh Bình) - “Cái tài và cái tình trong thơ Chính Hữu khiến những vần thơ đậm màu bộ đội và màu giai cấp vượt qua cả chiến tuyến.” (Thùy An) - “Chính Hữu là một nhà thơ tài năng, có cảm hứng sáng tác độc đáo mà sâu sắc, chặt chẽ, cẩn thận trong từng con chữ, từng ý, từng vần. Ông sáng tác hơi ít nhưng lại tinh. Trong thơ ông có tư tưởng triết học mà không phải nhà thơ nào cũng có.” (Nhà văn Hồ Phương)	-Liên hệ với cái lạnh của rừng hoang: “Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế/Gió qua rừng, Đèo Khế gió sang. (Tố Hữu) -Liên hệ tinh thần chiến đấu của người lính: “Người ra đi đầu không ngoảnh lại Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.” (Nguyễn Đình Thi) -Liên hệ với tình đồng chí, đồng đội: “Ba thằng quặp chặt gió lửa vào đầu?/ Nửa đêm sương gọi mái đầu/ Chòi cao phản phật mấy tàu lá khô.” (Lê Kim)
2	BT TTXK K	- “Thơ ông mang hơi thở của cả một thời đại nhưng bằng một khí phách ngang tàng, chất bụi bặm và kiêu bạc của người lính thời chống Mỹ. Thơ ông có sức mạnh của cả một	“Quê hương anh nước mặn đồng chua/ Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá/ Anh với tôi đôi người xa lạ/ Từ phương trời chẳng hẹn quen nhau.”

		<i>binh đoàn trùng trùng ra trận.”</i> (Nguyễn Văn Thọ) -“<i>Sáng tác của Phạm Tiến Duật là “Một góc bảo tàng tươi sống về Trường Sơn thời chống Mỹ.”</i> (Đỗ Trung Lai) -“<i>Tôi gắn bó máu thịt với Trường Sơn và có thể nói Trường Sơn đã đẻ ra nhà thơ Phạm Tiến Duật. Trước đây, bây giờ và sau này nếu tôi viết được chút gì neo lại trong lòng bạn đọc chính là nhờ những năm tháng ở Trường Sơn.”</i> (Phạm Tiến Duật)	(Chính Hữu) -“<i>Đoàn giải phóng quân một lần ra đi/ Nào có sá chi đâu ngày trở về/Ra đi ra đi bảo tồn sông núi/Ra đi ra đi thà chết chớ lùi.</i>” (Phan Huỳnh Điểu) -“<i>Khi lên xe ta chưa quen nhau Lúc xuống xe ta đã thành bè bạn.</i>” (Phạm Tiến Duật) -“<i>Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước Mà lòng phơi phới dậy tương lai.</i>” (Tố Hữu)
3	ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ	-“<i>Huy Cận có năng lực cảm nhận cuộc sống thật đặc biệt, có thể nghe được từ những biểu hiện tinh vi của tạo vật đến những biến đổi lớn lao trong vũ trụ vô cùng vô tận. Đây là nhà thơ có “cái nghiêng tai kì diệu”.</i> (Xuân Diệu) -“<i>Bài thơ của tôi là một cuộc chạy đua giữa con người và thiên nhiên, và con người đã chiến thắng. Tôi coi đây là khúc tráng ca, ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ, với niềm vui.</i>” (Huy Cận) -“<i>Con người sống trong xã hội và sống trong vũ trụ....là thành viên của vũ trụ. Đó là hai cực của cuộc</i>	-Đoàn thuyền người dân chài lên đường trong cảnh bình minh đẹp nhất: <i>“Khi trời trong, gió nhẹ sớm mai hồng Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.”</i> (Tế Hanh) -Vẻ đẹp khỏe khoắn của những con thuyền khi ra khơi: <i>“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã/ Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang/ Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng/Rướn thân trắng bao la thâu góp gió..”</i> (Tế Hanh)

		<i>sống, hai cực của tư tưởng, hai cực của nhà thơ”.</i> (Huy Cận)	-Sự trù phú, giàu đẹp của đất nước: <i>“Trời xanh đây là của chúng ta/Núi rừng đây là của chúng ta/Những cánh đồng thơm ngát/những ngả đường bát ngát/ Những dòng sông đỏ nặng phù sa.”</i>
4	ÁNH TRĂNG	-“Nguyễn Duy muốn đứng giữa hôm nay và nhìn lại hôm qua từ tâm trạng riêng, tiếng thơ anh như một lời cảnh tỉnh, lời nhắc nhở (...). Không chỉ qua thể thơ, giọng điệu mà chất dân gian của thơ Nguyễn Duy ngấm trong cả cách cảm, lối nghĩ, trong quá trình “dàn dựng” hình tượng thơ. Tất cả cái đó vừa rất dân tộc, rất truyền thống lại khá hiện đại, khá mới.” (Lê Quang Hưng)	-Liên hệ với sự thay đổi hoàn cảnh sống tác động đến suy nghĩ của con người: <i>“Mình về thành thị xa xôi/ Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng/ Phố đông còn nhớ bản làng/ Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng.”</i> -Liên hệ với sự lãng quên quá khứ của người lính sau thời bình: <i>“Khéo trách người sao quá vội vàng/Bỏ lại bao kỉ niệm quá khứ/Khéo trách người sao quá phù phàng/Lãng quên những yêu thương tình tự.”</i>
5	BẾP LỬA	-“Ở Bằng Việt, cái sôi nổi, rạo rực của tuổi trẻ vừa như được nén lại, đồng thời lại được nêu lên bởi suy nghĩ... Một tâm hồn nhiều suy nghĩ, rung động tinh tế, một chủ nghĩa trữ tình xao động, bồi hồi, khi đậm đà, duyên dáng, khi âm vang, sâu thẳm.” (Lê Đình Kỵ)	-Liên hệ với kỉ niệm tuổi thơ bên bà: <i>“Tiếng gà trưa/Mang bao nhiêu hạnh phúc/Đêm cháu về nằm mơ/Giấc ngủ hồng sắc trứng.”</i> (Xuân Quỳnh) -Liên hệ với tình yêu quê hương đất nước:

		- “Chất thơ hào hoa mà đậm thắm, tinh tế mà hồn nhiên, hào sảng mà trẻ trung, tươi mới mà gợi cảm, ấm áp và trí tuệ” chính là nguồn nhiệt năng tỏa sáng từ “Bếp lửa” đến với những trang thơ ngày nay của Bằng Việt.” (Trần Quang Quý)	“Quê hương mỗi người chỉ một Như là chỉ một mẹ thôi Quê hương nếu ai không nhớ Sẽ không lớn nổi thành người..” (Nguyễn Trung Quân)
6	SANG THU	- “Thơ Hữu Thỉnh nghiêng về những suy tư và dày đặc những câu hỏi. Đó là lí do khiến thơ Hữu Thỉnh mang cái nhìn chiêm nghiệm về cuộc đời. Mặt khác, đã từng trải qua cuộc chiến tranh gian khổ, ác liệt nên thơ Hữu Thỉnh là sự thăng hoa của kinh nghiệm sống, là sự ngậm ngùi của những kỉ niệm sâu sắc về một thời bom đạn.” (Hà Thị Anh)	-Liên hệ với sự giao mùa: “Thế là thu đã chớm sang/Trên cành lá biếc trở vàng bâng khuâng.” (Sao Mai) -Liên hệ với đặc trưng của mùa thu: “Sáng mát trong như sáng năm xưa Gió thổi mùa thu hương cốm mới.” (Nguyễn Đình Thi)
7	VIẾNG LĂNG BÁC	- “Viễn Phương là một con người rất đa mang, rất nặng lòng với quá khứ, với cách mạng, quá khứ đấu tranh của dân tộc lẫn vào sâu sắc với thơ anh, với hồn anh, với đời anh.” (Trần Thanh Đạm) - “Thơ Viễn Phương nên nã, thì thâm, man mác, bâng khuâng, day dứt, không gút mắt, câu kỳ, kênh kiệu, khoa ngôn. Hình ảnh nào trong đời sống anh cũng tìm thấy chất thơ.”	-Niềm tiếc thương vô hạn của dân tộc với vị cha già kính yêu: “Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa/Đời tuôn nước mắt trời tuôn mưa.” (Tố Hữu) -Liên hệ với hình ảnh hàng tre xanh bên lăng Bác: “Bão bùng thân bọc lấy thân/ Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm./Thương nhau tre chẳng ở riêng/Lũy thành từ đó mà nên hồi

		(Mai Văn Tạo)	người.” (Nguyễn Duy)
8	MÙA XUÂN NHỎ	-“<i>Thanh Hải chưa phải là một nhà thơ lớn. Nhưng một khi tiếng nói của cách mạng vút lên được thành thơ thì đâu chưa phải một nhà thơ lớn vẫn rất quý.</i>” (Hoàng Trung Thông) -“<i>Nhà thơ Thanh Hải đã gửi lại cho đời “Một mùa xuân nho nhỏ”, “một nốt trầm xao xuyến”, nhưng đó là mùa xuân còn mãi như ngọn lửa nhỏ sẽ mãi nhen lên, đó là một nốt trầm cứ vang ngân không dứt.</i>” (Lê Khánh Mai)	-Liên hệ với hình ảnh thiên nhiên đất trời lúc vào thu: “<i>Mặt trời lên càng tỏ/ Bông lúa chín thêm vàng/ Sương treo trên đầu cỏ/ Sương lại càng long lanh/ Bay vút tận trời xanh/ Chiến chiến cao tiếng hát.</i>” (Trần Hữu Thung) -Liên hệ với tinh thần tự nguyện, dâng hiến vì quê hương: “<i>Nửa mái đầu chớm bạc/ Còn gì cho quê hương/ Thân xin làm chiếc lá/ Thân xin làm hạt sương.</i>” (Viễn Phương)
9	NÓI VỚI CON	-“<i>Thơ Y Phương như một bức tranh thổ cẩm đan dệt nhiều màu sắc khác nhau, phong phú và đa dạng nhưng trong đó có một màu sắc chủ đạo, âm điệu chính là bản sắc dân tộc rất đậm nét và độc đáo. Nét độc đáo nằm ở cả nội dung và hình thức. Với Y Phương, thơ của dân tộc Tày nói riêng và thơ Việt Nam nói chung có thêm một giọng điệu mới, một phong cách mới.</i>”	-Bản sắc quê hương đậm đà trong thơ Y Phương: “<i>Nàng về già gạo Cao Bằng/ Để anh gánh nước Cao Bằng về ngâm/Nước Cao Bằng ngâm thì trắng gạo.</i>” (Dân ca) -Liên hệ với câu thơ “Con đường cho những tấm lòng”: “<i>Gập ghềnh xuống biển lên non/ Con đường tình nghĩa ai còn nhớ, chẳng?</i>”

			(Ca dao)
10	LÀNG	-“Chỉ với ba truyện “Vợ nhặt”, “Làng”, “Con chó xấu xí”, Kim Lân đã có thể dàng hoàng ngôi vào chiếu trên trong làng văn Việt Nam.” - “Khi viết về nạn đói, người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm. Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng vào tương lai. Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người.” (Kim Lân)	-“Có thể nói linh hồn của truyện ngắn Làng là nhân vật ông Hai. Kim Lân đã đưa vào văn học một bức chân dung sống động, đẹp một vẻ riêng về người nông dân Việt Nam những ngày đầu kháng chiến, những con người bình thường và những điều tốt đẹp của họ-lòng yêu làng, yêu nước-được khơi dậy và hoàn thiện để ngày càng đẹp đẽ.” (Trịnh Bích Ba) -“Truyện ngắn này không phải viết về đời sống nơi tản cư mà viết về tình cảm của con người với làng xóm, quê hương. Truyện viết về chính những người dân làng tôi.Tôi yêu ngôi làng của tôi và không tin dân làng tôi có thể đi theo giặc Pháp. Tôi viết truyện ngắn Làng như thể để khẳng định niềm tin của mình và minh oan cho làng tôi.” (Kim Lân)
11	LẶNG LỄ SAPA	-“Mỗi truyện ngắn của Nguyễn Thành Long tương tự một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chất ra. Ta thường gặp ở Nguyễn Thành Long những nhận xét nhỏ nhỏ như nhắc khẽ người đọc”	-“Tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ và hi sinh nhưng

		(Tô Hoài)	<i>cũng thật trong sáng, đẹp đẽ. Từ hình ảnh những con người ấy gợi lên cho ta những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, của lao động tự giác, về con người và về nghệ thuật.”</i>
12	CHIẾC LƯỢC NGÀ	<i>-“Nguyễn Quang Sáng có tài kể chuyện. Bằng một lối văn mộc mạc, anh cứ thủ thỉ kể hết cuộc tình này đến cuộc tình khác như một người nông dân Nam Bộ kể chuyện đời xưa và chuyện tiểu lâm. Ấy vậy mà với những trang viết mộc mạc này, Nguyễn Quang Sáng đã chạm tới những rung động vi diệu của tình yêu.”</i> (Phan Đắc Lập) <i>-“Trong sự nghiệp văn chương, Nguyễn Quang Sáng là một trong những nhà văn xuất sắc của Việt Nam.”</i> (Nguyễn Quang Thiều)	<i>-“Tác phẩm thuộc loại truyện đọc đã thấy hay, khơi dậy trong ta những tình cảm cao đẹp.”</i> <i>-“Trong các chuyện tôi thích Chiếc lược ngà nhất, vì lối viết đơn giản như kể chuyện, thật tình, đầm chất Nam Bộ. Nhân vật trong các truyện đều gần gũi, giản dị, sống phóng khoáng, rất anh hùng mà cũng rất đời thường.”</i> (Phan Đông Thúc)
12	NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI	<i>-“Tôi hay để ý những tình huống ghê gớm trong cuộc sống, để dẫn đến làm thế nào giải quyết một tâm thế của đời sống, làm cho người ta tha thứ nhau, rồi người ta sống hòa bình hơn, và người ta thương yêu nhau hơn. Đây là ý của tôi.”</i> (Lê Minh Khuê)	<i>-“O du kích nhỏ giương cao súng/Thằng Mỹ lênh khênh bước cúi đầu/Ra thế to gan hơn béo bụng/Anh hùng đâu cứ phải mày râu/”</i> (Tố Hữu) 110 <i>-“Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường/ Để cứu con đường đêm</i>

			<i>đẩy khỏi bị thương/Cho đoàn xe kịp giờ ra trận/Em đã lấy tình yêu Tổ quốc mình thấp lên ngọn lửa/Đánh lạc hướng thù. Hứng lấy luồng bom..”</i> (Lâm Thị Mỹ Dạ)
13	TRUYỆ N KIỀU	- “<i>Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn..”</i> (Chế Lan Viên) - “<i>Nguyễn Du vĩ đại vì Nguyễn Du là nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa.”</i> (Nguyễn Lộc)	- “<i>Thúy Kiều không còn là con người bình thường mà phải là một nhân cách, một thước đo, một nguyên lý sống để mọi giá trị thực hay giả của đời sống đối chiếu với nó hay soi mình vào đó sẽ bộc lộ tất cả những bản chất tuyệt vời, cao đẹp hay bỉ ổi, xấu xa không thể nguy trang, che dấu được.”</i> (Nguyễn Lộc)

CHUYÊN ĐỀ III : BÌNH GIẢNG HIỂU SÂU HƠN VỀ CHUYÊN ĐỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC *(Tham khảo thêm)*

111

LÝ LUẬN VĂN HỌC PHẦN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. TÁC PHẨM VĂN HỌC

5. Khái niệm

- Tác phẩm văn học là một công trình nghệ thuật ngôn từ do một cá nhân hay một tập thể sáng tạo nên nhằm thể hiện những khái quát về cuộc sống, con người và biểu hiện tâm tư, tình cảm, thái độ của chủ thể trước thực tại bằng hình tượng nghệ thuật.
- Tác phẩm văn học bao giờ cũng là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan,
- Tác phẩm văn học không phải là một sản phẩm cố định. Nó mang tính lịch sử, đa nghĩa, nó có sự biến đổi về văn bản và có sự khác nhau trong cảm thụ của người đọc ở từng giai đoạn lịch sử khác nhau,

2. Tác phẩm văn học là một hệ thống chỉnh thể

Tính chỉnh thể của tác phẩm văn học được xem xét chủ yếu trong mối quan hệ giữa nội dung và hình thức,

Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học có quan hệ mật thiết như tâm hồn và thể xác:

- Nội dung bao gồm: Đề tài, chủ đề, tư tưởng chủ đạo được biểu hiện qua nhân vật.
- Hình thức: Ngôn ngữ, kết cấu, thể loại.

3. Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học

a. Nội dung của tác phẩm văn học

*** Khái niệm**

- Nội dung của tác phẩm bắt nguồn từ mối quan hệ giữa văn học và hiện thực. Đó là mối quan hệ nhất định của con người đối với hiện tượng đời sống được phản ánh. Đó vừa là cuộc sống được ý thức, vừa là đánh giá cảm xúc đối với cuộc sống đó.
- Nội dung của tác phẩm văn học là một hiện tượng của đời sống được khai thác bằng nghệ thuật, được chiếu sáng bởi lý tưởng của tác giả, được xuyên suốt bằng vòng tư tưởng của tác giả. (Gilaiép)

*** Các khái niệm thuộc về nội dung**

- Đề tài là phạm vi cuộc sống được nhà văn lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản.

Ví dụ: “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố viết về đề tài người nông dân,

- Chủ đề: Là nội dung cuộc sống được nhận xét trong tác phẩm,

Ví dụ: “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố có chủ đề: Miêu tả nỗi thống khổ của người nông dân dưới chế độ siêu cao thuế nặng của bọn thực dân và phe phong kiến địa chủ. Đồng thời miêu tả mâu thuẫn giữa nông dân với bọn cường hào, quan lại Chủ đề không lệ thuộc vào độ dài ngắn của văn bản và mỗi văn bản có thể có nhiều chủ đề

- Tư tưởng chủ đề: Là thái độ, tư tưởng, tình cảm của nhà văn đối với cuộc sống, con người được thể hiện trong tác phẩm. Ví dụ: “Tắt đèn” thể hiện sự cảm thông, chia sẻ sâu sắc và gắn bó máu thịt với người nông dân của Ngô Tất Tố, trong thời tác phẩm thể hiện thái độ của nhà văn Với bọn què lì lại, địa chủ
- Cảm ứng nghệ thuật, Là tình cảm chủ yếu của văn bản. Đó là những trạng thái tâm hồn, cảm xúc được thể hiện đậm đà, nhuần nhuyễn trong văn bản. Ví dụ: “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố có cảm hứng yêu thương, căm giận.

b. Hình thức tác phẩm

*** Khái niệm**

- Hình thức là sự biểu hiện của nội dung, là cách thể hiện nội dung,
- Hình thức được xây dựng dựa trên chất liệu là ngôn ngữ đời sống kết hợp với sự sáng tạo độc đáo của nhà văn
- Hình thức của tác phẩm văn học được xây dựng bằng sự tổng hợp sinh động của một hệ thống những phương tiện thể hiện nhằm diễn đạt cả về bên ngoài lẫn tổ chức bên trong của nội dung tác phẩm trong một quan hệ chính thể thống nhất

*** Các khái niệm về hình thức của tác phẩm văn học**

- Ngôn từ: Là yếu tố thứ nhất của văn bản văn học. Nhờ ngôn từ tạo nên chi tiết, hình ảnh, nhân vật trong văn bản. Ngôn từ hiện diện trong câu, hình ảnh, giọng điệu và mang tính cá thể. Có ngôn từ tài hoa của Nguyễn Tuân, trong sáng, tinh tế của Nguyễn Thành Long; chân quê của Kim Lân...
- Kết cấu: Là sắp xếp, tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa. Bất kể văn bản văn học nào cũng đều phải có một kết cấu nhất định. Kết cấu phải phù hợp với nội dung.
 - + Có kết cấu hoành tráng với nội dung.
 - + Có kết cấu đầy bất ngờ của truyện cười.
 - + Có kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tùy bút, tạp văn.
- Thể loại: Là quy tắc tổ chức hình thức văn bản sao cho phù hợp với nội dung văn bản.
- Ví dụ: Diễn tả cảm xúc cả thể loại thứ, kể diễn biến, mối quan hệ của cuộc sống, con người có thể loại truyện: Miêu tả xung đột gay gắt có thể loại kịch; Thể hiện suy nghĩ trước cuộc sống, con người có thể loại kí.

4. Ý nghĩa quan trọng của nội dung và hình thức tác phẩm văn học

Văn bài văn học có sự thống nhất cao giữa nội dung và hình thức, nội dung tư tưởng cao đẹp và hình thức nghệ thuật hoàn mỹ. Đây là ý nghĩa vô cùng quan trọng và cũng là tiêu chuẩn để đánh giá một tác phẩm.

- Trong quá trình phân tích, ta không chỉ chú trọng nội dung mà bỏ rơi hình thức. Phân tích bao giờ cũng phải kết hợp giữa nội dung và hình thức. Trong đời sống văn chương có những văn bản đạt nội dung coi nhẹ hình thức và ngược lại. Chúng ta cần biết điều này khi tìm hiểu và phân tích văn bản.

5, Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức tác phẩm văn học

- Nội dung và hình thức vốn là một phạm trù triết học có liên quan đến mọi hiện tượng trọng, đời sống. Hình thức tất yếu phải là hình thức của một nội dung nhất định và nội dung bao giờ cũng là nội dung được thể hiện qua một hình thức. Không thể có cái này mà không có cái kia hoặc ngược lại. Tác phẩm nghệ thuật là một hiện tượng, xã hội, cho nên trong những tác phẩm nghệ thuật có giá trị, nội dung và hình thức luôn luôn thống nhất khăng khít với nhau.

- Nói về một tác phẩm có giá trị, Biêlinxki cho rằng: *Trong tác phẩm nghệ thuật, tư tưởng và hình thức phải hòa hợp với nhau một cách hữu cơ như tâm hồn và thể xác, nếu hủy diệt hình thức thì cũng có nghĩa là hủy diệt tư tưởng và ngược lại cũng vậy. Ở tại chỗ khác, ông viết Khi hình thức là biểu hiện của nội dung thì nó gắn chặt với nội dung tới mức tách nội dung khỏi hình thức, có nghĩa là tiêu diệt hình thức.*

- Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức được biểu hiện ở 2 mặt: Nội dung quyết định hình thức và hình thức phù hợp nội dung.

Trong tác phẩm văn học, nội dung và hình thức bao giờ cũng thống nhất hữu cơ, biện chứng với nhau. Nói như Bi-ê-lin-xki: "Nội dung và hình thức gắn bó như tâm hồn với thể xác". Sự gắn bó này là kết quả sáng tạo chứa đựng tài năng và tâm huyết của nhà văn. Và những tác phẩm văn học có giá trị lớn thì cũng chứng tỏ sự thống nhất cao độ giữa nội dung và hình thức. Nhà văn Nga, Lê -ô-nôp khẳng định: *"Tác phẩm nghệ thuật đích thực bao giờ cũng là một phát minh về hình thức và là một khám phá về nội dung"*

+ Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức thể hiện ở mọi phương diện của tác phẩm văn học: ¹¹⁴Ngữ âm, từ vựng, cú pháp, nhân vật, kết cấu, thể loại... (sở từ trong văn Nam Cao, từ chỉ cảm giác trong văn Thạch Lam).

- Trong quan hệ nội dung-hình thức ở tác phẩm văn học thì nội dung bao giờ cũng quyết định hình thức, quyết định sự lựa chọn phương tiện, phương thức sáng tạo tác phẩm. Tất

cả những yếu tố hình thức như ngôn ngữ kết cấu, thể loại...đều nhằm phục vụ tốt nhất cho chức năng bộc lộ sinh động và sâu sắc của nội dung tác phẩm.

- Tuy nhiên, hình thức cũng có tính độc lập nhất định. Nó tác động trở lại với nội dung.

Nó đòi hỏi nhà văn phải có sự tìm tòi, trăn trở để sáng tạo nên những gì có giá trị nghệ thuật cao nhất. Và một khi tìm được phương tiện và phương thức phù hợp nhất thì những phương tiện, phương thức này phát huy tối đa giá trị của chúng và mang lại giá trị vô giá cho tác phẩm.

- Như vậy, một tác phẩm văn học có đứng vững được trong lòng người hay không chính là nhờ tài năng và phẩm chất của người nghệ sĩ. Phải qua bàn tay nhào nặn tài hoa của nhà văn, mỗi tác phẩm mới thực sự là một công trình sáng tạo nghệ thuật. Sáng tạo nghệ thuật là một thứ sáng tạo tinh thần. Nó không sản xuất theo dây chuyền công nghệ mà phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người nghệ sĩ. Người nghệ sĩ là người quyết định sự ra đời của tác phẩm. Và tác phẩm văn học là một công trình sáng tạo nghệ thuật chỉ khi lao động của nghệ sĩ đúng là lao động sáng tạo. Nhà văn có vai trò quan trọng trong quy trình sáng tạo. Mỗi nhà văn là một thế giới khác nhau, tạo nên sự phong phú cho nền văn học, cho sự đa dạng của các cá tính nghệ thuật.

- Quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn là quá trình công phu bởi nó đòi hỏi nhiều trí lực, tâm huyết của người nghệ sĩ. Đó là công việc không chỉ đổ mồ hôi mà thậm chí còn đổ cả máu và nước mắt. Có người nghệ sĩ cả đời chung đúc để viết một tác phẩm nhưng cũng có người chỉ trong một khoảnh khắc một tác phẩm ra đời. Sự sáng tạo trong văn chương không cho phép người nghệ sĩ chân chính dẫm lên đường mòn hay đi theo con đường của người khác, Nam Cao đã từng nói: *“Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có (Đời Thừa). Văn học nằm ngoài những định luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết”* (Sêđrin). Tác phẩm văn học đã ghi nhận những sáng tạo của người nghệ sĩ và khẳng định nó bằng những giá trị bất tử của mình.

II. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Văn học là gì?

- Văn học là hình thái ý thức xã hội, môn nghệ thuật nhưng khác với các ngành khác nhờ đặc trưng chất liệu sáng tác văn học: ngôn từ. Ngôn ngữ văn học có tính hình tượng, được

sắp xếp theo một tổ chức nhất định để ngôn từ phát huy giá trị của nó, đồng thời có tính chuẩn mực (Hàm súc và cô đọng, đa nghĩa, biểu cảm).

- Ngôn ngữ văn học tạo nên tác phẩm và gây hiệu quả thẩm mỹ cho văn bản. Nhưng, giá trị của ngôn từ chỉ đạt giá trị tối đa khi nó được dùng đúng chỗ, đúng văn cảnh.

- Văn học là gì? Là bộ môn nghệ thuật, lấy con người làm đối tượng nhận thức trung tâm, lấy hình tượng làm phương thức biểu đạt nội dung và lấy ngôn từ làm chất liệu xây dựng hình tượng.

2. Đặc trưng của tác phẩm văn học

a. Tác phẩm văn học là bức tranh sinh động về đời sống và con người. Qua bức tranh đó, người viết luôn muốn gửi gắm những tình cảm, tư tưởng và thể hiện thái độ của mình trước cuộc sống

Văn học nhận thức, phản ánh đời sống theo quy luật của cái đẹp nhằm thỏa mãn những nhu cầu về tình cảm vô cùng phong phú của con người. Dù các tác phẩm không trực tiếp miêu tả con người (như ngụ ngôn...) nhưng con người vẫn là trung tâm mà văn học hướng tới. Tác phẩm văn học là sự kết hợp giữa khách quan hiện thực đời sống và chủ quan (tình cảm người viết). Nhà văn không chỉ tái hiện lại những chi tiết của đời sống mà mình mắt thấy tai nghe, mà qua đó còn muốn nói một điều gì mới mẻ, lớn lao hơn. Cái đẹp của nghệ thuật trước hết nằm ở hiện thực được phản ánh. Điều thu hút độc giả chính là sự chân thật. Sự chân thật ấy nằm ở đời sống vì độc giả chỉ tin vào những điều có thực và gần với cuộc đời họ mà thôi. *Một nhà văn không thành thực không bao giờ là nhà văn có giá trị. Nhưng không phải cứ thành thực là trở nên nghệ sĩ. Nhưng nghệ sĩ không thành thực chỉ là một người thợ khéo tay thôi* (Thạch Lam). Dù văn học phản ánh hiện thực nhưng nó không phải là *bản sao chép nô lệ hiện thực*. Nhà văn không phải là *một thám cuộc đời hay là tên hề lóc cóc chạy theo đuổi đời sống*. Qua những điều mình mắt thấy tai nghe, nhà văn còn thâm nhập, cắt nghĩa hiện thực theo cách của riêng mình, từ đó nâng lên thành những giá trị có tính chất phổ quát. *Thế giới nứt làm đôi, vết nứt xuyên qua con tim nhà thơ. Nỗi đau ấy, khi đến với chúng ta đã nhuộm máu” người nghệ sĩ*. Cái độc giả cần không phải là hiện thực được phản ánh một cách xuôi chiều, khách quan (vì ai sống trong thời đó cũng biết cả rồi) mà từ tác phẩm của nhà văn, họ muốn hiểu thêm bản chất của thời đại mà họ đang sống và những tư tưởng, triết lý được nhà văn chắt lọc và tổng hợp nên từ cuộc sống này. Những tác phẩm lớn không chỉ đem cho ta cái nhìn khái quát về thời cuộc mà còn cho ta hiểu thêm về lẽ đời, về con người, về xã hội mà ta đang sống.

Những tác phẩm ấy khiến độc giả phải nghiền ngẫm, suy nghĩ để thấu hiểu những điều mà nhà văn viết trong đó, từ đó tác phẩm mới neo lại trong trái tim người đọc. Từ những yêu ghét, ngợi ca hay phê phán của bản thân về thời đại, nhà văn cũng làm cho người đọc đồng cảm, có những suy nghĩ giống mình. Hơn cả trách nhiệm nhà văn, họ còn mang trách nhiệm cứu rỗi con người. Chính những điều họ viết sẽ đem con người đến với những chân trời mới, bầu trời của chân-thiện-mỹ, để cho độc giả biết ước mơ, từ đó mà sống cao đẹp hơn, tương lai nhân loại cũng nhờ đó mà thêm tươi sáng.

b. Văn học-nghệ thuật ngôn từ

Nói đến văn học là nói đến quy luật của tình cảm, của con tim. Ở những tác phẩm thơ, tư tưởng và tình cảm được biểu hiện trực tiếp trong tác phẩm. Đối với các tác phẩm truyện thì điều đó được ẩn giấu đi dưới các hình thái ở ngôn ngữ, tức biểu hiện gián tiếp. Ngôn từ tồn tại ở hai dạng: nói và viết. Văn học vì thế cũng tồn tại dưới hai dạng: văn học dân gian và văn học viết.

**** Phân biệt được***

- **Ngôn ngữ đời sống:** của quần chúng, dùng trong sinh hoạt để nhận và phát thông tin.
- **Ngôn ngữ văn học:** là ngôn ngữ quần chúng nhưng được cách điệu hóa nhằm tạo ra ý nghĩa thẩm mỹ

**** Vì sao văn học là nghệ thuật của ngôn từ***

Mỗi bộ môn nghệ thuật đều có một chất liệu riêng tạo nên đặc trưng của hình tượng. Nếu âm nhạc dùng âm thanh, hội họa dùng đường nét và màu sắc, điêu khắc dùng mảng khối thì văn học chọn ngôn từ làm chất liệu

Ngôn từ văn học vốn không như ngôn từ ta hay dùng trong sinh hoạt hằng ngày. Ngôn ngữ đời sống dùng trong lao động và sinh hoạt hằng ngày là chủ yếu, có tác dụng nhận và phát thông tin nên người ta thường đơn giản ngôn từ đến mức tối đa sao cho người nghe dễ hiểu, dễ tiếp thu là được. Ngôn từ văn học vốn bắt nguồn từ ngôn ngữ của quần chúng lao động nhưng nó lại không dùng một cách đơn giản như lời nói thông thường. Từ lời nói thô mộc thông thường, chỉ có ý nghĩa thông báo nhất thời, nhà văn đã nhào nặn và tái tạo lại nó, khoác cho nó tấm áo mới. Bấy giờ, lời nói bình thường trở thành ngôn ngữ nghệ thuật, có tác dụng thể hiện cái vô cùng, vô tận của cuộc đời tâm hồn con người một cách hình tượng. Nó gợi dậy những cảm xúc nơi độc giả, cho ta cảm giác mới mẻ và trong ngần. Mỗi từ, mỗi câu như kêu gọi một cái gì lớn hơn, tràn ra ngoài nó, tạo dựng ý ngoài lời, hình thành một chỉnh thể hình tượng mới mẻ. Ta có thể lấy ví dụ sau:

Người lên ngựa, kẻ chia bào

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san

Hai chữ “lên ngựa”, “chia bào” vốn là những từ gọi những hành động thường nhật khi hai người gắn bó thân thiết mà phải xa nhau. Nhưng trong câu thơ của cụ Nguyễn Du, những chữ ấy đảm nhận một nhiệm vụ mới. Nó không chỉ gọi hành động đơn thuần mà nó còn gọi cả sự lưu luyến, bịn rịn, muốn níu kéo cho khoảnh khắc bên nhau dài thêm chút nữa, tức nổi lòng đầy tâm sự của nhân vật trong phút chia tay.

Mặt khác, sở dĩ nói văn học là nghệ thuật ngôn từ là vì đó là cách dụng từ ngữ đầy nghệ thuật của nhà văn. Ngôn từ văn học mang tính tổ chức cao để khi đọc lên, độc giả có thể cảm nhận được cuộc sống và nổi lòng người viết, từ đó tác phẩm nằm lại ở trong tim độc giả. Ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội nhưng việc dùng nó thế nào cho hợp lý là chuyện cá nhân nhà văn:

Phải tốn phí ngàn cân quặng chữ

Chỉ thu về một chữ mà thôi

Những chữ ấy làm cho rung động

Triệu trái tim trong hàng triệu năm dài

Từ hàng vạn ngôn từ, nhà văn chứ không phải ai khác, sẽ ngồi gạn lọc lại nó. Vì không phải ngôn từ nào cũng hay, cũng phù hợp với văn cảnh, đúng người, đúng việc mà nhà văn định miêu tả. Do đó, nó buộc nhà văn phải lựa chọn từ ngữ để nó phục vụ ý đồ của mình. Trong lao động nghệ thuật, nhà văn thực sự là *phụ chữ*. Gia Bảo đời Đường Ba năm chỉ làm được hai câu thơ. Nguyễn Tuân-nhà văn được coi là *kho từ vựng khổng lồ*, ấy thế mà cũng có lúc ngồi thâu đêm bên chiếc bàn trong vẻ tuyệt vọng thấy nguyên rửa bề lữ chữa nghĩa, nó cứ hè nhau rồi mình. *Mình bỗng chốc thành kẻ cùng đường bên sông chữ quạnh vắng thê lương*¹¹⁸. Nhà văn Tô Hoài kể chuyện có lần ông muốn mô tả sự mệt nhọc của con người khi làm việc dưới trời nóng bức. Đã có nhiều cách diễn đạt về chuyện “đổ mồ hôi” này, nào là: mồ hôi nhễ nhại, mồ hôi ướt đầm, mồ hôi như tắm... Thế rồi một hôm, nhà văn nghe một bà nông dân thốt lên: *Nóng gì mà nóng khiếp! Mồ hôi mẹ mồ hôi con ở đâu mà tuôn ra lắm thế này!*. Ông mừng như bắt được vàng vì vừa tìm ra một hình ảnh mới thật hay và đầy ý nghĩa. Vài dẫn chứng trên cho thấy rằng mỗi từ, mỗi chữ trong tác phẩm đều được nhà văn chọn lựa và cân nhắc hết sức kĩ càng để nó phát huy hiệu quả cao nhất. Nhà văn lao tâm khổ trí hàng năm trời chỉ để chọn ra một chữ cho hợp với tác

phẩm của mình. Người viết phải tinh ý và dùng chữ một cách thật nghệ thuật và thần tình, tác phẩm mới có thể đạt đến cảnh giới cao nhất.

c. Đặc điểm của ngôn từ văn học

+ *Tính chính xác và tinh luyện*

Trong đời sống cũng như trong văn học, chính xác là yếu tố rất quan trọng trong việc dùng ngôn ngữ. Để diễn tả cho ra được đúng và chính xác cái thần của người và việc thì từng câu từng chữ cũng phải thật chính xác, chi tiết và cụ thể. Qua cách lựa chọn từ ngữ, ta còn thấy được tài năng của nhà văn: gọi đúng tên, đúng bản chất đối tượng. Mỗi từ trong văn học là duy nhất, không có từ nào thay thế. Dù đối tượng anh viết là ai đi nữa thì cũng chỉ có một từ để nói. Các nhà văn lớn đều là những bậc thầy trong việc dùng từ, chẳng hạn như Nguyễn Du. Nguyễn Du “giết” Mã Giám Sinh bằng chữ “tót”.

Ghế trên ngai tót sỗ sàng

Chữ “tót” đã phơi bày một cách đầy đủ, rõ nét bản chất giả dối, vô học của Mã Giám Sinh. Nếu chữ “tót” đưa Kim Trọng lên đến đỉnh của bậc tài tử giai nhân thì chữ “tót” lại đìm Mã Giám Sinh xuống tận cùng của sự thô bỉ. Nguyễn Trãi viết:

Đêm thanh hóp nguyệt nghiêng chén

Ngày vắng xem hoa, bợ cây

Nhưng, có người lại đọc “bợ” thành “bẻ”. Bao nhiêu đó cũng đủ làm thay đổi toàn bộ ý nghĩa câu thơ rồi. Chữ “bợ” mới gọi đúng phong thái của người anh hùng nhưng có trái tim nghệ sĩ. Nguyễn Trãi yêu thiên nhiên. Ngày ngày, ông bợ hoa vì hoa là cái đẹp mong manh và yếu ớt, cần nâng đỡ. Chữ bợ gọi cốt cách thanh cao của nhà hiền triết, còn dùng bẻ thì vô tình dầy ải thơ Nguyễn Trãi vào chôn trần tục đầy thô bạo. Ấy mới thấy, ngôn từ trong văn học đòi hỏi tính chính xác cao độ, đòi hỏi cả người đọc lẫn người viết sự nhạy cảm, tinh tế.

119

* *Tính hàm súc và đa nghĩa*

Điều này làm nên ý tại ngôn ngoại, tạo dư ba cho tác phẩm. Ngôn từ trong văn học phải cô đọng, nén chặt ý tối đa tạo sức nặng, độ thừa và nhiều lượng ngữ nghĩa.

Từ ngữ tiếng Việt vốn có khả năng chuyển nghĩa tạo nghĩa mới hay do tu từ nên ngôn từ văn học cũng có tính đa nghĩa. Văn bản văn học, do đó, nó cũng có tính đa nghĩa. Chẳng hạn bài Thề non nước của Tản Đà. Một mặt, đó là bức tranh non nước tang thương, một trái núi đứng chờ vợ bên cạnh dòng sông đã cạn. Mặt khác, bài thơ còn là

câu chuyện của hai người tình đã thề nguyên chung thủy, hiện tại chia phôi và ngày mai gán bó.

- “*Ngắn gọn là bà chị của thiên tài*” (Sê khốp).

- “*Ý hết mà lời dùng, ấy là lời rất mừng trong thiên hạ. Những lời dùng mà ý chưa hết lại càng hay tuyệt*” (Lê Quý Đôn)

- “*Công phu của thơ là ở ngoài thơ*”

*** *Tình hình tượng***

Tình hình tượng là quan trọng nhất. Tính hình tượng biểu hiện ở việc làm sống dậy hiện thực trong tâm trí độc giả, tái hiện được trạng thái, truyền được động tác hoặc sự vận động của con người, cảnh vật và toàn bộ thế giới mà tác phẩm nói tới. Ngoài ra, nó còn biểu hiện ở sự nắm bắt những cái mơ hồ, mong manh, vô hình chứ không chỉ dừng lại ở những cái hữu hình.

Cơ sở từ trong nội dung của lời nói nghệ thuật nằm ở tính hình tượng. Nhà văn viết ra những câu chữ ấy, không chỉ để giải tỏa tâm sự mà còn thể hiện tư tưởng, tình cảm của giai cấp mình, tầng lớp mình. Lời nói tuy là của chủ thể sáng tạo nhưng lại mang tầm vóc khái quát là ở chỗ đó. *Nhà văn đại diện cho giai cấp, thế hệ mình đang sống, thay họ cất tiếng nói.*

Mặt khác, trong văn học, sức mạnh của lời nói nằm ở tầm khái quát của chủ thể hình tượng, ở khả năng đại diện cho tư tưởng, tình cảm, lương tâm của thời đại chứ không phải phụ thuộc vào địa vị xã hội của nhà văn. *Từ phương trời của một người mà thành phương trời của nhiều người*, tác phẩm từ đó trường tồn mãi với thời gian.

*** *Tính biểu cảm***

Nghệ thuật nói bằng thứ tiếng duy nhất: thứ tiếng của cảm xúc. Bản chất người nghệ sĩ là giải tình cảm và nhạy bén trước cuộc đời. “Khi tôi viết là tôi đau ở đâu đó trong ¹²⁰ người” (Raspuchin). Chính Hữu trong những đêm dài thao thức triền miên, lòng bồn chồn, không ngủ được thì ông viết. Do đó, ngôn từ văn học mang tính biểu cảm. Nó biểu hiện ở nhiều dạng thức khác nhau: gián tiếp hay trực tiếp, có hình ảnh hay chỉ là thuần túy, rõ nhất là khi nhấn mạnh những cảm xúc nội tâm.

Tóm lại, trong văn chương, chữ nghĩa là quan trọng nhất. Không gì bảo vệ uy tín của nhà văn bằng chính tác phẩm của ông ta. Không có nhà văn nào viết xong tác phẩm mà lại đến từng độc giả giảng giải, chỉ ra ý đồ nghệ thuật cả. Chỉ có chữ nghĩa mới có thể cho

biết ông ta định nói gì. Từ chữ nghĩa mà ta nhận ra được hiện thực, tài năng, tâm tính và cả thái độ của nhà văn trước hiện thực mà ông ta miêu tả

3. Hình tượng văn học

a. Khái niệm

Hình tượng “là phương thức chiếm lĩnh, thể hiện và tái tạo đời sống theo quy luật của nghệ thuật”. (Từ điển Văn học).

Khác với khoa học, nghệ sĩ không diễn đạt trực tiếp ý nghĩ và tình cảm bằng khái niệm trừu tượng, bằng định lý hay công thức mà bằng hình tượng, tức làm sống lại một cách cụ thể và gợi cảm những sự việc, hiện tượng của đời sống, làm cho ta suy nghĩ về tính cách, số phận, tình đời, tình người.

Hình tượng nghệ thuật là phương thức giao tiếp đặc biệt giữa nhà văn và độc giả. Hình tượng là thế giới sống do nhà văn tạo ra bằng sức gợi ngôn từ. Gợi là hình tượng vì một mặt, nó cũng sống động y và hấp dẫn như thật, nhưng mặt khác nó chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng con người, nó không phải là sự thật trăm phần trăm. Nhưng, thật sai lầm nếu chỉ quan niệm hình tượng nghệ thuật chỉ là phản quang đơn thuần của đời sống. Hình tượng, một mặt nó vừa mang tính khách quan, mặt khác vừa mang tính chủ quan của nghệ sĩ. Hình tượng không chỉ là thế giới đời sống, mà còn là thế giới biết nói”. Thông qua các chi tiết, nhân vật trong tác phẩm, nhà văn muốn đối thoại với độc giả về quan niệm nhân sinh nào đó. *Hình tượng là kết tinh của những ấn tượng sâu sắc về cuộc đời làm nhà văn day dứt. Anh viết ra để nói to, để chia sẻ với mọi người. Hình tượng, như thế nó gắn liền với quan điểm, lý tưởng và khát vọng của nhà văn.* Cuộc sống và con người được miêu tả trong văn học, vừa giống cái đã có và hiện có, vừa là cái có thể và cần có.

Đặc điểm cơ bản của hình tượng:

- Gắn liền với đời sống.
- Có sự thống nhất giữa hai mặt: Khách quan và chủ quan, lý trí và tình cảm.
- Vừa khái quát, vừa cụ thể.

121

b. Tính “phi vật thể” của hình tượng văn học

Âm nhạc dùng âm thanh, hội họa dùng đường nét, điêu khắc dùng mảng khối để xây dựng hình tượng. Những chất liệu đó đều mang tính “vật chất”, tức có thể nhìn, nghe, cảm nhận được bằng giác quan, nó khác với ngôn từ của văn. Ngôn từ tồn tại trong trí óc, không thể sờ, thấy, hay cảm nhận bằng những cách thông thường, mà buộc độc giả phải thâm nhập, cảm nhận và tưởng tượng như mình đang sống chung với hình tượng. Độc giả buộc

phải nhập cuộc, đau nỗi đau của người trong cuộc thì mới có thể cảm nhận rõ những gì mà nhà văn viết ra.

Nhờ dùng chất liệu ngôn từ mà bức tranh đời sống không bị hạn chế về không gian, thời gian. Những gì tinh vi, sâu lắng,, nhưng cũng thật nhiệt thành vui tươi hay ngay cả tâm trạng sâu thẳm của con người, đều có thể mô tả trực quan, sinh động bằng từ ngữ. Văn học có thể “họa” lại tâm trạng của người thanh niên khi tiếp nhận ánh sáng của Đảng (Bài thơ về tiểu đội xe không kính), hay mô tả phong thái ung dung, đường hoàng, tự tin của người chiến sĩ Cách mạng khi trèo đèo lội suối:

Chưa cần rửa lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi

Nhưng hội họa lại bất lực trước điều đó. Thông qua trí tưởng tượng, độc giả có thể tái tạo lại hình tượng cuộc sống, con người. *Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc là vì thế.*

*** Tổng kết**

- Hình tượng nghệ thuật:

+ Nghĩa rộng: Toàn bộ những gì nhà văn tái hiện, miêu tả trong tác phẩm.

+ Nghĩa hẹp: Đặc điểm hay phẩm chất của một sự việc hay nhân vật được nhà văn tập trung thể hiện (hình tượng Tổ quốc, hình tượng người mẹ, hình tượng người anh hùng...)

- Hình tượng nghệ thuật vừa mang tính khái quát, vừa mang những nét cụ thể, cá biệt. Do đó, vừa phản ánh bản chất đời sống, nó vừa hiện lên y như thật.

- Hình tượng văn học là thước đo giá trị tài năng của nhà văn và là tiêu chí đánh giá giá trị của mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ văn học.

Một nhà văn không thành thực không bao giờ là nhà văn có giá trị. Nhưng không phải cứ thành thực là trở nên nghệ sĩ. Những nghệ sĩ không thành thực chỉ là một người thợ khéo tay thôi (Thạch Lam). 122

III. BẢN CHẤT CỦA VĂN HỌC

1. Văn chương bao giờ cũng phải bắt nguồn từ cuộc sống

- Grandi từng khẳng định: Không có nghệ thuật nào là không hiện thực. Cuộc sống là nơi bắt đầu và là nơi đi tới của văn chương. Hơn bất cứ một loại hình nghệ thuật nào, văn học gắn chặt với hiện thực cuộc sống và hút mật ngọt từ nguồn sống dồi dào đó. Ai đó đã từng ví văn học và cuộc sống như thần Ăngtê và Đất Mẹ. Thần trở nên vô địch khi đặt hai chân

lên Đất Mẹ cũng như văn học chỉ cường tráng và dũng mãnh khi gắn liền với hiện thực đời sống. Đầu tiên và trên hết, văn chương đòi hỏi tác phẩm nghệ thuật chất hiện thực.

- Hiện thực xã hội là mảnh đất sống của văn chương, là chất mật làm nên tính chân thực, tính tự nhiên, tính đúng đắn, tính thực tế của tác phẩm văn học. Một tác phẩm có giá trị hiện thực bao giờ cũng giúp người ta nhận thức được tính quy luật của hiện thực và chân lý đời sống.

- hững tác phẩm kinh điển bao giờ chở đi được những tư tưởng lớn của thời đại trên đôi cánh của hiện thực cuộc sống. Cánh diều văn học dù bay cao bay xa đến đâu vẫn gắn với mảnh đất cuộc sống bằng sợi dây hiện thực mỏng manh mà vô cùng bền chắc.

- Lê Quý Đôn từng nói: *“Trong bụng không có ba vạn quyển sách, trong mắt không có cảnh núi sông kỳ lạ của thiên hạ thì không thể làm thơ được”* chính là khẳng định vai trò của hiện thực cuộc sống đối với thơ nói riêng và văn học nói chung. Nếu văn chương tách rời khỏi dòng chảy cuộc đời sẽ không thể vươn tới giá trị đích thực của nó, không còn là nghệ thuật vị nhân sinh được nữa. Chế Lan Viên đã từng thăm thía vấn đề này:

Tôi đóng cửa phòng văn hì hục viết

Nắng trôi đi oan uổng biết bao ngày

Văn chương của người nghệ sĩ sẽ có gì nếu nó không mang dáng dấp cuộc đời? Có chăng chỉ là những dòng chữ rời rạc bị bẻ vụn mà thôi. Song có phải người nghệ sĩ phản ánh toàn bộ những biến đổi, những sự việc của nhân tình thế thái vào tác phẩm thì tác phẩm sẽ trở thành kiệt tác? Thành tác phẩm chân chính giữa cuộc đời? Không phải như vậy.

2. Văn chương cần phải có sự sáng tạo

123

Bởi sáng tạo là quy luật đặc thù của văn học, là điều kiện tiên quyết của văn học. Theo Tề Bạch Thạch: *“Nghệ thuật vừa giống vừa không giống với cuộc đời. Nếu hoàn toàn giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật mi đời. Còn nếu hoàn toàn không giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật dối đời”*. Nghệ thuật thường vừa hư vừa thực, vừa hiện thực vừa lãng mạn, vừa bình thường vừa phi thường. Mỗi tác phẩm văn học, mỗi nhân vật, mỗi câu chữ trong tác phẩm phải tạo được sự bất ngờ, lý thú đối với người đọc.

** Chú ý: Trong sáng tạo văn học, nhà văn luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi văn học không chỉ phản ánh đời sống mà còn biểu hiện thế giới quan của nhà văn: Văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Tất cả những gì hiện diện trong sáng tác của nhà văn dường như đều được lọc qua lăng kính chủ quan của họ.*

IV. CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC (Sức mạnh của văn chương)

Có rất nhiều tiêu chí phân biệt sự khác nhau giữa văn học và các môn khoa học khác. Nhưng có lẽ M. Gorki đã từng nói rất đúng đặc thù của bộ môn: “Văn học là nhân học”. Văn học là khoa học, khám phá thế giới tâm hồn, tính cách con người, văn học có chức năng riêng, biểu hiện trên ba mặt chính: Nhận thức-giáo dục-thẩm mỹ.

1. Chức năng nhận thức

Văn học có chức năng khám phá những quy luật khách quan của đời sống xã hội và đời sống tâm hồn của con người. Nó có khả năng đáp ứng nhu cầu của con người muốn hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình. Không phải ngẫu nhiên đã có người cho rằng: “Văn học là cuốn sách giáo khoa của đời sống”. Chính cuốn sách ấy đã thể hiện một cách tinh tế và sắc sảo từng đổi thay, từng bước vận động của xã hội. Nó tựa như “chiếc chìa khóa vàng mở ra muôn cánh cửa bí ẩn, đưa con người tới ngưỡng cửa mới của sự hiểu biết thế giới xung quanh”

2. Chức năng giáo dục

- Nghệ thuật là hình thái đặc trưng, hình thành từ những tìm tòi, khám phá của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống. Nghệ thuật mang đến cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về xã hội, thể hiện những quan điểm của người nghệ sĩ, từ đó tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận.

- Chính vì vậy, nghệ thuật luôn ẩn chứa sứ mệnh cao cả và thiêng liêng, góp phần làm đẹp cho cuộc đời. Tố Hữu đã từng phát biểu: Nghệ thuật là câu trả lời đầy thẩm mỹ¹²⁴ cho con người; thay đổi, cải thiện thế giới tinh thần của con người, nâng con người lên. Còn Nguyên Ngọc thì khẳng định: *Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người.*

3. Chức năng thẩm mỹ

- Văn học đem đến cho con người những cảm nhận chân thực, sâu sắc và tinh tế nhất. Nghệ thuật sáng tạo trên nguyên tắc cái đẹp, vì thế không thể thoát khỏi quy luật của cái đẹp.

- Văn học luôn khai thác cái đẹp ở nhiều góc độ: Thiên nhiên, đất nước, con người, con người, dân tộc. Giá trị thẩm mỹ của tác phẩm ẩn chứa cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Nó đem đến cho người đọc cảm nhận, rung cảm về những nét đẹp giản dị, gần gũi

cả cuộc đời thường lẫn những nét đẹp tượng trưng, mới lạ. Cách thức xây dựng ngôn từ của mỗi nhà văn, nhà thơ cũng đem lại nét đẹp cho tác phẩm. Ta vẫn yêu biết bao cái sắc Huế trong những vần thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Oi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

Khung cảnh mùa xuân dần dần được hiện ra với một vẻ đẹp thật bình dị, đơn sơ nhưng cũng không kém phần nên thơ và sâu sắc. Ở đây, mùa xuân của Thanh Hải đến với ta không rực rỡ kiêu sa với cảnh đào Hà Nội, với những nụ mai vàng đang phô trương sắc thắm, mà chỉ đơn giản là một bông hoa tím đang mọc lên giữa dòng sông nước xanh như lọc. Cảnh hoa nghiêng mình xuống mặt nước tựa như gương ấy để nổi bật lên trên một khung trời được in bóng dưới lòng sông, với màu sắc thật nhẹ, thật hài hòa mà cũng rất dễ thương, Thanh Hải đã tạo nên cho bức tranh mùa xuân của mình một nét gì đó vô cùng độc đáo. Và bức tranh ấy lại càng được đẹp hơn, có "hồn" khi cái màu tím kia được nhà thơ tô đậm lên thành "tím biếc". Gam màu ấy đã được tô vẽ vào bức tranh thật khéo léo, tài tình, làm cho người đọc chúng ta có thể hình dung ra ngay trước mắt cả một bông hoa tím biếc, thật nhỏ, thật xinh, nhưng dường như cũng có đủ khả năng để nhuộm tím cả bầu trời, cả không gian mùa xuân đang căng tràn sức sống. Cái màu tím ấy lan ra, chơi vơi, và khẽ lay động theo những ngọn gió xuân đang thổi lên từ lòng sông xanh mát rượi. Cảnh vật mùa xuân trong bài thơ có lẽ cũng bình dị, giản đơn, và thâm trầm, tĩnh lặng như vùng đất miền Trung quê hương tác giả. Xứ Huế vốn nổi tiếng mộng mơ với núi Ngự sông Hương, với những điệu hò mái nhì mái đẩy, giờ lại càng thêm xinh đẹp dưới ngòi bút tô vẽ của nhà thơ...

Vẻ đẹp của con người và thiên nhiên với bao đường nét kỳ thú như vậy đã trở thành một đặc trưng cho những cảm hứng của thơ ca lãng mạn đầu thế kỷ XX.

4. Mối quan hệ giữa các chức năng văn

học

. Bên cạnh việc chuyển tải nội dung thẩm mỹ, tác phẩm nghệ thuật còn tác động đến nhận thức của con người, đánh thức

những tình cảm, cảm xúc, bản năng của con người, khơi dậy sức sống và niềm tin yêu, hy vọng vào thế giới ấy.

Một tác phẩm dù lớn hay nhỏ đều ẩn chứa những giá trị nhận thức riêng biệt. Một Phạm Tiến Duật nồng nàn, tươi trẻ với những bước chân vội vàng, vui tươi, một Nguyễn Thành Long nhẹ nhàng, bay bổng, mẫn mạn nhưng cũng rất đời hiện thực; một Thanh Hải yêu đời, yêu cuộc sống đến tha thiết...nhưng đành phải ra đi từ biệt thế giới này. Những nhà thơ Mới mỗi người một vẻ, một sắc thái nhưng đã hòa cùng dòng chảy của văn học, mang đến những cảm nhận mới lạ, tinh tế, tác động mạnh mẽ tới tri giác, đánh thức những bản năng khát yêu, khát sống trong mỗi con người. Còn dòng văn học hiện thực lại tác động vào con người theo những hình tượng nhân vật. Một chị Dậu giàu đức hi sinh đã kiên cường đấu tranh với kẻ thống trị để bảo vệ gia đình; một Lão Hạc bước ra từ những trang văn buồn bã tang thương ẩn chứa nhiều đớn đau của Nam Cao, một Sở Khanh với bộ mặt “chó đẩu” của xã hội...

Tất cả đã tác động lên người đọc nhận thức đầy đủ, phong phú về xã hội. Từ đó khơi dậy ý thức đấu tranh giai cấp để giành lại quyền sống, ý thức cải tạo xã hội và ý thức về giá trị con người.

Trên hành trình kiếm tìm, vươn tới nghệ thuật, mỗi người nghệ sĩ tìm cho mình một định nghĩa, một chuẩn mực để đánh giá văn chương, nghệ thuật. Có người cho rằng giá trị cao nhất của văn chương là vì con người. Có người lại quý văn chương ở sự đồng điệu tri âm: “Thơ ca giúp ta đi từ chân trời một người đến với chân trời triệu người”. Còn có người lại coi văn chương nghệ thuật là “một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người trong sạch và phong phú thêm” (Thạch Lam). Nguyên Ngọc cũng từng khẳng định: “nghệ thuật là phương thức tồn tại của con người”... Tất cả những quan điểm các nhà nghệ sĩ đã giúp cho chúng ta nhận ra văn học là một yêu cầu thiết yếu, một nhu cầu không thể thiếu của con người. Ta tự hỏi con người sẽ sống như thế nào nếu mai kia chẳng còn văn chương? Có lẽ tâm hồn con người sẽ khô cằn, chai sạn lắm bởi văn chương cho ta được là **CON NGƯỜI** với hai chữ viết hoa, với đầy đủ những ý nghĩa cao đẹp. “Văn chương giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật”. Văn chương nâng con người lớn dậy, thanh lọc tâm hồn con người. Bởi vậy, hành trình đến với văn chương là hành trình kiếm tìm, vươn tới. “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự

hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. Xét đến cùng, hành trình của một tác phẩm văn chương là hướng con người đến con đường **CHÂN-THIỆN-MỸ**.

Một tác phẩm văn chương đích thực bao giờ cũng là sự hòa quyện của chức năng. Chức năng thẩm mỹ là đặc trưng của nghệ thuật. Chức năng giáo dục là nhiệm vụ của nghệ thuật. Chức năng nhận thức là bản chất của văn chương.

Ba chức năng của văn chương có quan hệ khăng khít và xuyên thấu vào nhau để cùng tác động vào con người. Chức năng này đồng thời biểu hiện chức năng kia và ngược lại.

V. CON NGƯỜI TRONG VĂN HỌC

1. Đối tượng phản ánh của văn học

a. Đối tượng trung tâm của văn học là con người

Theo M. Gorki, “văn học là nhân học” có nghĩa là: Văn học là khoa học về con người. Trong bất kỳ thời đại nào, con người vẫn trở thành đối tượng trung tâm của văn học. Các-Mác cũng đã từng nói: “Lấy con người làm đối tượng miêu tả chủ yếu, văn học có được một điểm tựa để nhìn ra toàn thế giới”.

b. Những phương diện phản ánh con người trong văn học

** Con người tính cách*

- Ta biết rằng, con người trong văn học là con người được nhận thức với toàn bộ tính tổng hợp, toàn vẹn và sinh động trong các mối quan hệ đời sống phong phú, phức tạp nhất. Nó khác với con người sinh học, khác với con người tâm lý.

-Con người trong văn học là con người tính cách: Cả con người cá nhân và con người xã hội, cả con người sinh lý và tâm lý, con người ý thức và vô thức.

- Ta bắt gặp một Lão Hạc tưởng như gàn dở nhưng lại sâu sắc biết bao; một Chí Phèo mất trí nhưng lại tinh táo nhất làng Vũ Đại, một anh Chàng ngật ngưỡng “thỉnh thoảng ngửa mặt lên trời cười hềnh hếch” nhưng đầy nhân hậu, yêu thương, quên sự sống đang bên bờ vực thẳm để đón nhận một con người.... Tất cả điều đó khiến con người trong văn học trở nên vô cùng sinh động và hấp dẫn.

** Con người tâm trạng*

- Điều đặc biệt, con người trong văn học có khả năng cảm nhận được những gì vô cùng tinh tế, phức tạp trong đời sống và trong thế giới tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của chính con người.

- Tiếng thở dài chua chát, đắng cay từ nhân vật Thúy Kiều của Nguyễn Du được cất lên là từ sự thấu cảm trước thân phận làm lẽ của kiếp người phụ nữ trong xã hội phong kiến; Tiếng thét đớn đau của Chị Dậu cuối truyện “Tắt đèn” là kết quả của bao đắng cay, bao uất hận ở người nông dân trước cách mạng bị tước đi quyền làm người.

- Tất cả những con người ấy trong văn học là biểu hiện cao nhất cho những nỗi đau, niềm khát khao và sự mạnh mẽ của con người trong cuộc sống. Bất chợt, ta tự hỏi, nếu không có những con người trong văn học ấy thì liệu nhân loại có tiến bộ như ngày nay chăng?

2. Hình tượng văn học

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định, đại ý: Văn học bao giờ cũng phải trả lời câu hỏi: Viết cho ai? Viết để làm gì? Thực chất, mục đích cuối cùng của văn học là viết cho con người nhằm giúp con người nhận thức, khám phá đời sống, khái quát những vấn đề, những quy luật cơ bản của đời sống.

- Nhưng khác với các hình thái ý thức khác, tất cả những gì văn học cần khái quát đều phải thông qua việc mô tả, khắc họa những nhân vật điển hình:

+ Hình tượng Thúy Kiều là điển hình cho nỗi áp bức, khổ đau, một xã hội phong kiến¹²⁸ Việt Nam thối nát, mục ruỗng, bất công, cán cân công lý bị đảo lộn bởi con ông, cháu cha, chế độ phong kiến nam quyền cổ hủ.

+ Hình tượng Chị Dậu là điển hình cho nỗi thống khổ của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám.

+ Hình tượng nhân vật lão Hạc phải đau đớn, khổ sở, từng ngày, từng giờ mong ngóng chờ tin con về, tủi thẹn, uất ức đến phải hi sinh người bạn quý giá nhất của mình rồi hi sinh cả mạng sống như hành động tự trừng phạt bản thân hay đó cũng chính là hành động tố cáo lên án xã hội đương thời..... Như vậy, hình tượng văn học là một phương thức đặc thù trong phản ánh của văn chương. Hình tượng văn học vừa mang đặc trưng cụ thể, cá biệt vừa mang tính khái quát, vừa phải có tính thẩm mỹ cao. Bởi Theo Bê-lin-xki: “Cái đẹp là

điều kiện không thể thiếu của nghệ thuật. Nếu thiếu cái đẹp thì sẽ không có và không thể có nghệ thuật”.

- Hình tượng lời cuốn người đọc trước hết phải đẹp, phải mang tính thẩm mỹ thật sự. Và nó phải chứa đựng nhiều nội dung đời sống và ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

- Ý nghĩa mà hình tượng mang lại cho người đọc bao giờ cũng vượt ra ngoài những gì mà nó mô tả trực tiếp, vượt qua không gian, thời gian, thời đại,... Những hình tượng văn học tiêu biểu thường không đầy” về ý nghĩa. Nó giống như “tảng băng trôi”, chỉ có 1 phần nổi, 7 phần chìm.

Tóm lại, văn học luôn là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt bởi nó hướng tới một đối tượng nhận thức riêng, mang nội dung nhận thức riêng và sử dụng một phương thức khám phá đời sống riêng. “Văn học là loại hình nghệ thuật sáng tạo bằng ngôn từ, phản ánh đời sống xã hội và thể hiện sự nhận thức, sáng tạo của con người” (Từ điển thuật ngữ văn học).

VI. THIÊN CHỨC CỦA NHÀ VĂN

1. Thế nào là thiên chức của nhà văn?

- Bản chất của Thiên chức là cực kỳ ích kỷ (bây giờ người ta hay dùng cặp chữ ích kỷ với cái nghĩa biểu tượng cho một cái xấu nào đó, thì không phải, ích kỷ là sự thêm vào, sự vun đắp cho một cái rường mối của một đối tượng). Thì Thiên chức hết sức ích kỷ, nó gìn giữ hết sức khắt khe cái bản tính của nó, và nó, khi đã rơi sáng vào một ai, thì nó sống bền vững trong tâm hồn, trong não bộ và trong trái tim, trong cái nhìn, trong cái nghe, trong cảm xúc của người đó. Chẳng những thế, nó còn có một nội lực cực kỳ mãnh liệt, là nó bảo vệ khát khao, sáng suốt cho người nó đã rơi sáng, để chỉ thực hiện hướng tới một điều duy nhất thôi là *gìn giữ sự trong sáng tuyệt đối, thanh danh tuyệt đối của bản chất của nó*, và nữa là của bản thể người đó.

- Các cụ ta xưa khi thấy một người tài năng, những sản phẩm của người đó làm ra đều tuyệt vời, thì các cụ chiêm ngưỡng, rồi chỉ rất vắn tắt mà rằng: “Cái tài của anh ta là giới cho”. Vậy là đủ. Xin được thí dụ về một người mà thiên chức nhà văn đã âm thầm chọn, suốt một đời anh ấy làm lũ sống với thật sự sống, rồi trải qua đủ mọi công việc, và hễ làm bất cứ công việc gì, thì cũng tận tụy mà làm, không một mảy may toan tính so đo. Thế rồi có một đận, người ấy được cử làm chân thư ký cho một ông như kiểu ông chủ.

Khi biết sự thể, thì đám chúng bạn anh ta thổi vào tai anh ta rằng: “Ông đang là một ông thầy, thầy giáo, thầy giáo cấp ba hẳn hoi, thì hơi đâu phải đi hầu hạ ai, dẫu hầu hạ một ông bố tướng thì vẫn cứ là hầu hạ châu báu gì”. *Thế rồi từ hồi nào thế lực ấy vẫn rọi sáng mà vẫn ẩn mặt*. Kết cuộc, anh ấy nhận công việc mới và cặm cụi, tận tụy mà làm.

- Vậy, Thiên chức nhà văn khi rọi vào anh ấy cái ánh sáng mà mắt thường (mắt của các thịt) không nhìn thấy. Và cái thiên chức ấy cứ thế ở nguyên đấy trong thế giới nội tâm, nó ngự trị, nó dẫn dắt. Rồi đến một ngày anh ta cầm lấy một cái bút không phải cái bút của công việc thường ngày, mà là ngòi bút của sự sáng tạo, thì bỗng nhiên một truyện ngắn đích thị là văn chương, chói chang và vô cùng đáng yêu, hiện ra tràn đầy trên mấy trang giấy (khổ giấy 5 hào 2 là khổ của trang giấy vẫn quen miệng được nói đến vào thời những năm 60 của thế kỷ 20).

- Thế là từ đây, thiên chức nhà văn mở toang cho chảy tràn ra toàn thế giới nội tâm của anh ấy một dòng mới, khởi đầu thôi mà đã cuộn cuộn, đó là thiên chức văn chương. Cũng cần nói thêm, đó chính là thiên chức nhà văn, bấy giờ mới khởi đầu từ từ mớm chân ga của một cỗ xe thiêng liêng, đó là cỗ xe của thiên chức nhà văn. Tại sao cái cỗ xe thiêng liêng đó, lại chỉ mới mớm chân ga thôi? Vâng, là bởi thiên chức nhà văn đã tỏ tường vô cùng cuộc lữ hành của con đường văn chương nó ra sao? Nó dài lắm! Đúng!

- Nó gập ghềnh đầy đèo dốc? Đúng! Nó chênh vênh và gian truân? Đúng! Thế rồi, chả có lẽ nó không có cái đích đến của nó? Không! Đây là con đường duy nhất không có đích đến. Tại sao? Bởi nó không có toan tính nào cả. Bởi nó là như nhiên và tự nhiên kia mà.¹³⁰ Ô hay! Sao người đời, chưa chi đã thích bứt phá đến thế. Rồi cả lo lắng rằng sẽ bất cập. Bây giờ xin trở lại nội dung thiên chức nhà văn như đã nói ở trên kia.

- Trước hết, thiên chức nhà văn đã rọi sáng vào não bộ, vào con tim, vào mọi hệ tầng của cảm xúc, vào tất cả các chiều kích của nghĩ suy của anh ấy là cái ánh sáng gì thế? Vâng, cái ánh sáng này nó có danh phận, chẳng những vậy, danh phận của nó còn rất lớn, không giới hạn, đó là thiên chức văn chương (không gọi là văn học, chỉ trong nhà trường, khi văn đem vào để học thì gọi là văn học)

2. Bản tính của thiên chức nhà văn

- Khi anh ấy đã được thiên chức nhà văn lựa chọn để rọi sáng vào cái ánh sáng có danh phận là thiên chức văn chương, thì điều tuyệt đối quan hệ là cuộc đời anh ấy phải là một cuộc đời sống thật, thật sự sống thật. Vì sao thiên chức văn chương lại đòi hỏi khắt khe,

đến thế, làm khó cho anh ấy người được rọi sáng cái danh phận đến thế. Là vì ở đời này, người ta sống giả nhiều, sống cho qua quýt, sống hời hợt để chỉ cốt sao hết được lợi lộc. Người ta cũng hay gọi kiểu sống giả đó là sống thực dụng. Ai họ cũng làm thân, nhưng chỉ làm thân khi thấy người đó sẽ đem lại cho họ những lợi lộc. Thiên chức văn chương cực kỳ căm ghét cái hạng người sống như vậy. Sống thật, cũng còn có một nghĩa lớn khác là *sống kỹ, sống kỹ lưỡng*. Hãy sống thật để được nhìn thấy tỏ tường mọi con người đang ở bên anh ấy, quanh anh ấy trong cái đời sống này. Và chỉ có sống thật, thì khi anh ấy nhìn thấy một ai đó, khi anh ấy quan hệ với một ai đó, đầu tính cách người đó ra sao. Người đó đang bị những người xung quanh cười chê, Giễu cợt và báng bỏ vì những cái gì đó mà người đó đã và đang tỏ ra; thì với anh ấy, anh ấy lại thấy người đó thật ra không phải thế, chẳng những vậy, người đó còn đáng yêu kia, còn dễ thương kia.

- Ngược lại, ai đó đang được người đời xung quanh ái mộ, ca tụng, rất có cảm tình, cả sự tung hô, thì anh ấy lại nhìn thấy cái rất đáng dè chừng, rất đáng ghét, và thậm chí kẻ đó có thể gây tội ác, kẻ đó rất giỏi biến cái độc ác ra cái thiện lành; còn anh ấy, anh ấy đã có hoàn hảo một mô hình về cái kẻ giả trá này. Tất cả những biểu thị ở trên đây, chỉ có được khi anh ấy luôn luôn, từng phút, từng giờ, từng ngày và năm tháng anh ấy *đã sống rất thật, thật sự sống thật và sống kỹ*. Ngoài đời, là con người, là quan hệ người với người.¹³¹ Nhưng trong tiểu thuyết, trong truyện ngắn thì họ trọn vẹn là những thân phận nhân vật. *Vậy thiên chức văn chương* đã làm cái việc là dựng nên một xã hội thu nhỏ lại trên từng trang giấy là từng trang đời của mối quan hệ các nhân vật. Thiên chức văn chương đến trước, rồi năm năm tháng tháng nó ngự trị trong con người anh ấy, để rồi nó tận tụy chăm chút, xây nên, đắp nên, gây dựng nên một toà nhà, đó là toà của thiên chức nhà văn. Vậy nên, khi thiên chức văn chương làm nên được như vậy, để cho cái toà nhà tương lai kia, thời nó không thể nào lại đem vào cái của xấu (văn đạo, văn nhạt, văn xơ cứng, văn ôi thiu, văn ác và văn giả v.v.) để làm nguyên vật liệu cho toà nhà thiêng liêng đó được.

- Vậy kết quả của một cuộc sống thật sự, sống kỹ là vô cùng hệ trọng. Trong thiên chức văn chương, là khi bên trong con người anh ấy đã có nguy nga cái toà của thiên chức nhà văn rồi, thì tác phẩm của anh ấy chỉ mong làm sao, khi đọc đến, thời bất cứ với bạn đọc nào, tâm thế của họ ra sao, nhãn quan của họ ra sao, cảm xúc của họ ra sao, nghĩ suy của họ nữa, ra sao; thời họ sẽ thu nhận được những gì mà tác phẩm ấy bày tỏ. Và đây, cũng là một bản tính nữa vô cùng bức thiết của thiên chức văn chương. Chứ nếu đọc một tác phẩm văn chương nào đó, mà lại ai cũng hiểu và cảm như ai thì đó là một tác phẩm chết,

và tác hại của nó là làm cho đời sống đơn điệu, cùn mòn, tẻ nhạt, thậm chí tẻ liệt nữa. Có một lần, tôi hỏi nhà văn Kim Lân, lúc tôi và nhà văn Kim Lân đang trà nước ở nhà anh. Tôi hỏi: “Anh ạ, thế thì cái đáng sợ nhất, hãi hùng nhất là ai cũng nghĩ cũng cảm như ai về một tác phẩm, vậy cái gì gây ra hậu quả tai hại này hở anh?” Nhà văn Kim Lân nói ngay: “Thì cái “anh” *lý luận*, mà người ta hay gọi là lý luận văn học ấy, nó đấy?” Tôi lại hỏi: “Vì sao lại là *lý luận* văn học gây ra cái điều ghê gớm này ạ”. Nhà văn Kim Lân đáp chát tôi luôn và lời ông tuôn ra như suối chảy: “Thì cái mục đích cuối cùng của cái “anh” này, là nó rất muốn ai ai cũng chỉ nghĩ có một đường về tác phẩm đó thôi. Nhất là lại đem dạy trong nhà trường.

- Đáng lẽ phải dạy làm sao, gợi ý làm sao, mà thầy giáo gọi được ra trong tâm khảm học trò, mỗi em có nói được ra cái cảm của riêng mỗi trò, cái nghĩ suy của riêng mỗi trò, về tác phẩm văn chương đó chứ. Đằng này, thì các thầy cô giáo lại dạy cho học trò, 40 trò, 50 trò nói ra như nhau thì hỏng rồi. Cũng là vì họ lười đấy thôi. Cái mục tiêu cao cả duy nhất của *thiên chức văn chương* mà *thiên chức nhà văn* với *danh phận sang trọng và cao thượng* là làm cho cuộc đời đã đáng sống còn đáng sống hơn nữa. Cũng bởi thế, *thiên chức văn chương* với *thiên chức nhà văn* đang chủ đạo trong một con người nào đó, thì³² không thể, và không bao giờ sản ra một tác phẩm *văn chương trung bình*, bởi đối với *thiên chức văn chương* thì sự trung bình có trong tác phẩm văn chương chính là của giả, là sự giả lộng hành. Khôn thay, ở đời này đang vào cái thời mà cái gì cái gì người ta cũng làm giả được. Sự *trung bình*, thói thường, bao giờ cũng đi sau một cái tặc lưỡi, rằng: “Quả thật cuốn sách đó chỉ ở mức *trung bình*”.

- Nhưng thôi, có còn hơn không? Vâng, với *thiên chức văn chương* của *thiên chức nhà văn* thì tuyệt nhiên không thể có điều này, bởi vì như anh ấy đã có *thiên chức văn chương* và *thiên chức nhà văn* trong con người mình, não bộ của mình, con tim của mình và danh dự của mình, thì tự khắc anh ấy sẽ biết ngay rằng, rất lố bịch, rất hôi hám, thói tha, thậm trí dễ tiện ngay trong khi anh ấy sáng tác một tác phẩm. Và ngòi bút của anh ấy sẽ thẳng thừng gạch xóa đi ngay cái đoạn văn, và từng câu văn giả, câu văn nhạt, câu văn vớ vẩn và vô tích sự. Nên tác phẩm *văn chương trung bình* chỉ có ở những ngòi bút mà trong người cầm cái ngòi bút ấy *không có thiên chức văn chương* và *thiên chức nhà văn tể trị*. Khôn nổi, *văn chương* và thơ ca nữa, là cái thứ ai cũng tưởng rằng hễ mình cầm bút mà viết thì chắc chắn là đạt được ngay. Vậy tác phẩm *văn chương trung bình* bao giờ cũng được tạo ra bởi sự giả hoạt và giả trá. Thế nên, nếu tôi không nhầm, thì Các Mác khi

bàn đến văn học nghệ thuật, ông đã nói như sau: “*Sự trung bình trong văn học nghệ thuật là một tội ác, không thể chấp nhận được!*”

Ngoài văn chương và nghệ thuật ra, và cũng chỉ có văn chương nghệ thuật thôi, còn thì ở đời này *cái sự trung bình* nhiều khi cũng *hết sức là cần thiết*. Chứ mà lại cái gì cũng quá đi với *cái sự trung bình*, thì có khi là nguy to. Tí như thời tiết, thôi xin ông giới cứ cho *thời tiết trung bình*, một vừa hai phải thôi. Chứ mà quá đi, rồi lại hay bị cắt điện nữa, thì khổ dân lắm lắm.

VII. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHỆ SĨ (Lý giải vấn đề trong đề thi luôn có phần này)

1. Yêu cầu thứ nhất: Người nghệ sĩ phải luôn sáng tạo, tìm tòi những đề tài mới, hình thức mới

- Nam Cao đã từng khẳng định: “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có”¹³³ Shê-khốp cũng cho rằng: “Nếu nhà văn không có một lối đi riêng của mình thì người đó chẳng bao giờ là nhà văn”.

- Người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo phải là người trinh sát, với chiếc cần ăng ten nhanh nhạy để nhận mọi tín hiệu, mọi làn sóng, phải biết tổng hợp, đánh giá, phân tích để phát đi một tiếng nói duy nhất, đúng đắn, sâu sắc. Mỗi bài thơ, câu văn đều là kết quả quá trình sáng tạo độc đáo của người nghệ sĩ sau khi đã công phu chọn lựa và nhào nặn chất liệu hiện thực. Do vậy, khi một nhà văn mới xuất hiện, câu hỏi của chúng ta về anh ta là: Anh ta là thế nào? Liệu anh ta có thể đem lại cho chúng ta điều gì mới mẻ trong cách nhìn cuộc sống?

=> *Như vậy sáng tạo là yếu tố then chốt quyết định sự sống còn của nhà văn trong quy luật phát triển chung của văn học.*

2. Yêu cầu thứ hai: Người nghệ sĩ phải biết rung cảm trước cuộc đời

- Tâm hồn nhạy cảm là sự thể hiện trái tim giàu tình cảm của nhà văn. Đó là lúc nhà văn thâm nhập vào đối tượng với một con tim nóng hổi, chuyển hóa cái đối tượng khách quan thành cái chủ quan đến mức “tưởng như chính mình sinh ra cái khách quan ấy”. Kể từ đó, khi viết, họ dùng cái vốn bản thân sống sâu nhất để cảm nhận cuộc đời.

- Tình cảm là yếu tố quyết định sự sinh thành, giá trị và tầm cỡ của tác phẩm nghệ thuật. Khi Lê Quý Đôn khẳng định: “Thơ khởi phát từ trong lòng người” là có ý nói tình cảm quyết định đến sự sinh thành của thơ. Ngô Thì Nhậm thì nhấn mạnh: “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”, nghĩa là tình cảm quyết định đến chất lượng thơ. Còn Nguyễn Đình Thi lại đúc kết: “Hình ảnh trong thơ phải là hình ảnh thực, nảy sinh trong tâm hồn ta khi ta đứng trước trước cảnh huống, một trạng thái nào đó”.

=> Như vậy, gốc của văn chương nói chung, tác phẩm nói riêng là tình cảm, nghĩa là người nghệ sĩ phải biết rung cảm trước hiện thực của đời sống thì mới sáng tạo nên nghệ thuật.

3. Yêu cầu thứ ba: Nhà văn phải có phong cách riêng

Bởi đặc trưng của văn học là hoạt động sáng tạo có tính chất có thể. Nếu cá tính nhà văn mờ nhạt, không tạo được tiếng nói riêng, giọng điệu riêng thì đó là sự tụt sập trong văn chương.

134

- Phong cách chính là nhà văn phải đem lại một tiếng nói mới cho văn học, đó là sự độc đáo mà đa dạng, bền vững mà luôn đổi mới. Đặc biệt, nó phải có tính chất thẩm mỹ, nghĩa là đem lại cho người đọc sự hưởng thụ thẩm mỹ dồi dào. Phong cách không chỉ là dấu hiệu trưởng thành của một nhà văn mà khi đã nở rộ thì nó còn là bằng chứng của một nền văn học đã trưởng thành.

- Nhà văn Tuocghenhev khẳng định: *Cái quan trọng trong tài năng văn học là tiếng nói của mình, là cái giọng riêng biệt của chính mình không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kỳ một người nào khác.* Nguyễn Tuân cũng từng nhấn mạnh: *Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy, nó đòi hỏi phải có phong cách, tức là phải có nét gì đó rất mới, rất riêng thể hiện trong tác phẩm của mình.* Cùng quan điểm ấy, nhà văn Lê-ô-nốp viết: *Không có tiếng nói riêng, không mang lại những điều mới mẻ cho văn chương mà chỉ biết dậm theo đường mòn thì tác phẩm nghệ thuật sẽ chết.*

- Phong cách nghệ thuật có cội nguồn từ cá tính sáng tạo của nhà văn. Cá tính sáng tạo là sự hợp thành của những yếu tố như thế giới quan, tâm lí, khí chất, cá tính sinh hoạt... Phong cách của nhà văn cũng mang dấu ấn của dân tộc và thời đại.

- Có thể nhận ra phong cách của nhà văn trong tác phẩm. Có bao nhiêu yếu tố phẩm thì có bấy nhiêu chỗ cho phong cách nhà văn thể hiện. Cụ thể:

- + Qua cái nhìn, cách cảm thụ giàu tính khám phá nghệ thuật, đối với cuộc đời.
 - + Qua giọng điệu riêng, gắn liền với cảm hứng sáng tác.
 - + Nét riêng trong sự lựa chọn, xử lý đề tài, xác định chủ đề, xác định đối tượng miêu tả...
 - + Tính thống nhất, ổn định trong cách sử dụng các phương thức và phương tiện nghệ thuật.
- Các biểu hiện của phong cách văn học không tồn tại tách rời mà bao hàm lẫn nhau hay tồn tại thông qua nhau. Tất cả tạo thành một nguyên tắc xuyên suốt trong việc xây dựng hình thức nghệ thuật, đem lại cho hiện tượng văn học một tính chỉnh thể toàn vẹn.
 - Thời gian cứ trôi đi lặng lẽ mà vô tình nhưng thời gian cũng chính là thứ nước rửa ảnh làm nổi bật lên những tác phẩm hay, độc đáo. Có một nữ văn sĩ từng nói đại ý rằng: “Sẽ không bao giờ chúng ta gặp lại mình như chiều nay”. Cũng như một triết gia từng đúc rút: “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”. Mỗi khoảnh khắc trôi đi không bao giờ trở lại. Sẽ chẳng bao giờ ta gặp lại một Nam Cao, một Nguyễn Tuân, Kim Lân hay Thanh Hải,...thứ hai trên cõi đời này nữa. Bởi lẽ văn chương không bao giờ là sự lặp lại và mỗi nhà văn có một tạng riêng, một phong, cách riêng.

Mỗi công dân có một dạng vân tay

Mỗi nghệ sĩ thứ thiệt đều có một dạng vân chữ

Không trộn lẫn

(Lê Đạt)

- **Mở rộng:** Vấn đề phong cách còn được biểu hiện qua “cái nhìn” của mỗi người nghệ sĩ trước cuộc đời. “Đừng cho tôi đề tài, hãy cho tôi đôi mắt”. Đôi mắt nhìn đời khác nhau sẽ đem lại những trang văn khác nhau và mang đậm cá tính sáng tạo. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề về cái nhìn, mà rộng hơn là vấn đề về phong cách nghệ thuật nhà văn.
- “Phong cách nghệ thuật nhà văn là sự độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện về con người và cuộc đời thể hiện qua hình nghệ thuật độc đáo và những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn sáng tạo của cá nhân người nghệ sĩ được thể hiện trong tác phẩm”.
- Phong cách chính là vấn đề cái nhìn. Mỗi nhà văn phải có cách nhìn mới mẻ, độc đáo, cách cảm thụ giàu tính khám phá và phát hiện đối với cuộc đời. Cuộc sống này có gì

khác biệt đâu? Từ xưa đến nay, vẫn bốn mùa không thay đổi, vẫn là những vấn đề bức thiết mang tính quy luật về cuộc sống và con người. Thế nhưng, mỗi nhà văn lại tìm thấy trong cái cũ kĩ, quen thuộc ấy những khía cạnh, những góc khuất chưa ai nhìn thấy, hoặc có thấy nhưng không để ý và giả lơ đi.

-Cuộc đời qua con mắt của nhà văn lúc nào cũng chứa nhiều điều bí ẩn mãi mãi không khám phá hết. Đó chính là ý thức nghệ thuật của nhà văn chân chính. Họ không bao giờ cho phép bản thân sống lặp lại, sống nhạt nhòa, viết hời hợt và nhìn đời thờ ơ, hờ hững. Những người cầm bút chân chính mang đến cho người đọc mỗi lần đọc tác phẩm của họ là mỗi lần mở ra trước mắt thêm những điều khác lạ hơn, mới mẻ hơn. 136

- Thế nhưng, không phải ai cũng có con mắt nhìn đời mới mẻ và không phải đời mới nào cũng tạo nên phong cách nghệ thuật. Bất cứ điều gì, việc gì cũng phải đạt đến một độ “chín”, một độ “trưởng thành” nhất định. Thời 30-45, chúng ta chứng kiến sự xuất hiện của hàng loạt những tên tuổi với những tác phẩm thực sự có giá trị. Với thơ, nói như Hoài Thanh đó là một thời đại trong thi ca”, một thời mà mỗi vần thơ vang lên chứa đựng những nỗi niềm khắc khoải riêng, những thanh âm không thể nào xóa nhòa. *Chưa bao giờ ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên và thiết tha, rạo rức, băn khoăn như Xuân Diệu.* (Hoài Thanh).

- Mỗi nhà thơ góp một phần “rất riêng dù rất nhỏ” vào nền văn học dân tộc, tạo nên những thi phẩm thăng hoa về cảm xúc và in dấu ấn sâu đậm vào lòng người. Điều đặc biệt chính là mỗi người mang trong mình một cái nhìn mới mẻ về con người và cuộc đời. Không còn nhiều khuôn phép hay ước lệ, thơ Mới đạt đến đỉnh cao trong việc phá vỡ mọi nguyên tắc lâu đời của thơ xưa. Họ nhìn và cảm nhận mọi thứ khác hẳn với người xưa, họ mang đôi mắt đầy khám phá quan sát xung quanh.

- Lưu Trọng Lư đã từng nhận xét: Các cụ ta ưa những màu đỏ choét, ta lại ra những màu xanh nhạt. Các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đứng ngo. *Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi, ta thì ta cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là là sự hôn nhân nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi, cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu.*

- Đó không phải là thay đổi cách nhìn sẽ thay đổi cách viết, cách sử dụng ngôn ngữ và biểu lộ cảm xúc hay sao? Mà tất cả những điều đó góp phần tạo nên phong cách, tạo nên sự khác biệt trong sáng tạo nghệ thuật.

- Cuộc đời và phong cách nhà văn đặt ra vấn đề muôn thuở cho người cầm bút. Rằng anh phải làm như thế nào để khác biệt, để người đời sau nhớ tới mình. Văn chương kị nhất sự lặp lại. Anh không được phép lặp lại người khác hay lặp lại chính mình. Mỗi lần anh viết là mỗi lần anh mở ra cho người đọc một cách nhìn mới mẻ, mang tính khám phá về cuộc đời và con người. Đó là thiên sứ, là trách nhiệm của người cầm bút trong việc sáng tạo nghệ thuật.

VIII. PHONG CÁCH SÁNG TÁC-CÁ TÍNH SÁNG TẠO CỦA NHÀ VĂN

1. Khái niệm phong cách sáng tác

Phong cách sáng tác (phong cách nghệ thuật) là một phạm trù thẩm mỹ, chỉ sự thống nhất tương đối ổn định của hệ thống hình tượng, của các phương tiện biểu hiện nghệ thuật, nói lên cái nhìn độc đáo trong sáng tác của một nhà văn, trong tác phẩm riêng lẻ, trong trào lưu văn học hay văn học dân tộc. (Trong nghĩa rộng: Phong cách là nguyên tắc xuyên suốt trong việc xây dựng hình thức nghệ thuật, đem lại cho tác phẩm một tính chỉnh thể có thể cảm nhận được, một giọng điệu và một sắc thái thống nhất). (“Từ điển thuật ngữ văn học”-Lê Bá Hán-Trần Đình Sử-Nguyễn Khắc Phi đồng chủ biên, NXB Giáo dục, 2004. Tr. 255, 255),

2. Đặc điểm của phong cách nghệ thuật

a. Phong cách chính là con người nhà văn

Nhà văn Pháp Buy phong nói: Phong cách ấy là con người. Nó hình thành từ thế giới quan, nhân sinh quan, chiều sâu và sự phong phú của tâm hồn, của vốn sống, sở thích, cá tính cũng như biệt tài trong sử dụng cách hình thức, phương tiện nghệ thuật của nhà văn.

Ví dụ: Nguyễn Tuân là người nhìn đời bằng nhãn quan của cái tôi kiêu bạc, đầy tự hào, tự tin, tự trọng, cùng với lòng ngưỡng mộ cái đẹp trong đời. Nguyễn Tuân là người từng trải, đi nhiều, biết rộng, sống phóng khoáng, thích tự do, thích thú với những cảm giác mãnh liệt trong cuộc sống... Những yếu tố ấy trong con người nhà văn bộc lộ ra thành một phong cách nghệ thuật: Độc đáo, tài hoa và uyên bác. Nét phong cách này khá nhất quán trong cả hai giai đoạn sáng tác trước và sau cách mạng tháng Tám.

b. Phong cách nghệ thuật không đơn thuần chỉ là những nét lặp đi lặp lại thành quen thuộc của nhà văn. Đó phải là sự lặp lại một cách hệ thống, thống nhất cách cảm nhận độc đáo về thế giới và hệ thống bút pháp nghệ thuật phù hợp với cách cảm nhận ấy

- Cho nên, không phải bất kỳ nhà văn nào cũng có phong cách, tạo được phong cách. Phong cách thường được tạo nên bởi một cây bút sâu sắc trên nhiều phương diện: Thế giới quan, nhân sinh quan, vốn sống, kinh nghiệm tài năng về nghệ thuật và có bản lĩnh.¹³⁸
- Cái nét riêng (ở cách cảm nhận độc đáo về thế giới hệ thống bút pháp nghệ thuật phù hợp với cách cảm nhận) ấy thể hiện nổi bật, có giá trị và khá nhất quán trong hầu hết các tác phẩm của họ, lặp đi lặp lại làm cho người đọc nhận ra sự khác biệt với tác phẩm của các nhà văn khác.
- Chẳng hạn, giữa Kim Lân và Nam Cao, Thanh Hải và Huy Cận , Nguyễn Tuân và Nguyễn Minh Châu...

c. Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Phong cách là nét riêng không trùng lặp

- Sự thật có thể là một, nhưng cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ của nhà văn phải có màu sắc khác nhau và độc đáo. L. Tôn Xtoi nói: "Khi ta đọc hoặc quan sát một tác phẩm văn học nghệ thuật của một tác giả mới, thì câu hỏi chủ yếu nảy ra trong lòng chúng ta bao giờ cũng là như sau: Nào, anh ta là con người thế nào đây nhỉ? Anh ta có gì khác với tất cả những người mà tôi đã biết, và anh ta có thể nói cho tôi thêm một điều gì mới mẻ về việc vẫn phải nhìn cuộc sống của chúng ta như thế nào?" (L.Tônxtôi toàn tập).
- Ví dụ: Cùng thể hiện khả năng trào phúng, hai nhà văn cùng thời Lê Minh Khuê và Nguyễn Thành Long vẫn tạo được những phong cách khác nhau:
 - + Lê Minh Khuê miêu tả tâm lý tinh tế đã để cho nhân vật được bộc lộ tận cùng những cảm giác chiến trận, phô bày dòng tâm tư, suy nghĩ từ đó tỏa sáng vẻ đẹp thế giới nội tâm phong phú: dũng cảm, hồn nhiên, tinh nghịch, trong sáng... nhưng cũng không kém phần sâu sa của nhân vật bởi cách kể truyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động trẻ trung đã góp phần không nhỏ trong việc khắc họa thành công vẻ đẹp của nhân vật
 - + Nguyễn Thành Long lối văn kể chuyện nhẹ nhàng ,tự nhiên giàu chất trữ tình,chân dung nhân vật được hiện lên qua khoảnh khắc ngắn ngủi ,được khắc họa qua nhiều điểm nhìn của các nhân vật khác để sáng ngời lên vẻ đẹp tâm hồn bên trong....

d. Phong cách nghệ thuật là sự ổn định, nhất quán (*đương nhiên không phải tuyệt đối*)

- Ví dụ: Nguyễn Tuân, trải qua hai thời kỳ sáng tác, có những chuyển biến về tư tưởng sáng tác khá rõ nét, nhưng vẫn giữ một phong cách độc đáo, tài hoa, uyên bác. Có khác:

+ Trước cách mạng: Ông ưa viết theo cách ngông, nổi loạn chống lại cái tầm thường, 139 phạm tục ở đời. Cái Đẹp nhiều khi phóng túng.

+ Còn sau cách mạng: Ông ta viết theo cách tự tin, tự hào, tự trọng về tài năng và bản lĩnh của mình. Cái Đẹp vẫn được đặt trong tư thế thử thách gai góc nhưng bình dị, chân thực hơn.

e. Phong cách nghệ thuật biểu hiện rất phong phú, đa dạng. Điều này tùy thuộc vào tài năng, sở trường của mỗi nhà văn.

- Có thể biểu hiện ở việc chọn đề tài: Có nhà văn chỉ thích đề tài nông thôn, có người lại ưa và chỉ chọn đề tài thành thị, có người thích những hiện thực mang tính chất nhẹ nhàng, giản dị, thâm trầm, cũng có người lại thích khai thác những chuyện dữ dội, đau đớn, ám ảnh mãnh liệt đối với con người...

- Có thể biểu hiện ở việc chọn thể loại: Mỗi nhà văn chỉ viết thành công nhất ở một thể loại, thể loại ấy chính là phong cách của họ.

- Có thể biểu hiện ở sự vận dụng ngôn ngữ: Có nhà văn ưa dùng thứ văn nhẹ nhàng, êm đềm, sâu lắng, nhưng có người lại luôn tỉnh táo, sắc lạnh đến tàn nhẫn, có người ưa lối nói dí dỏm mà thâm thúy, người lại thích lối nói sắc sảo, dữ dội, sâu cay...

- Có thể biểu hiện ở giọng điệu: Có nhà văn thường tạo nên một giọng điệu tâm tình, ngọt ngào, ân nghĩa; trong khi người khác lại thành công với *giọng điệu* trầm đắm chất triết luận...

- Có thể biểu hiện ở cách xây dựng hình tượng nhân vật trung tâm: Kiểu nhân vật chân dung-Nguyễn Tuân; kiểu nhân vật tâm lý-Kim Lân, kiểu nhân vật cảm giác- Lê Minh Khuê, (trong sáng tác trong những năm 1945- 1975), kiểu nhân vật CON-NGƯỜI-Nguyễn Quang Sáng...).

f. Phong cách nghệ thuật là nét riêng, đậm tính cá thể, nhưng phải có liên hệ mật thiết với hệ thống chung các phong cách của một thời đại văn học

- Ví dụ: Phong cách của các nhà, Thế Lữ, Chế Lan Viên, Huy Cận... trước cách mạng tháng Tám đều nằm trong phong cách lãng mạn của trào lưu Thơ mới lãng mạn Việt Nam 1932-1945. *Đồng thời, phong cách nghệ thuật chỉ có giá trị khi nó thực sự cống hiến cho sự tồn tại và phát triển phong phú, đa dạng của văn học dân tộc nói chung.*

h. Phong cách sáng tác chịu ảnh hưởng của những phương diện tinh thần khác nhau như tâm lý, khí chất, cá tính của người sáng tác. Đồng thời, nó cũng mang dấu ấn của dân tộc và thời đại

Mỗi một thời đại lịch sử và thời đại văn học tương ứng có thể tạo ra những phong cách sáng tác mang đặc trưng riêng:

- Chẳng hạn phong cách Hồ Xuân Hương trong thời Trung đại còn nặng nề ý thức hệ phong kiến, văn học chịu ảnh hưởng sâu sắc của quan điểm phi ngã;
- Phong cách Nguyễn Tuân trong thời Pháp thuộc, phát triển một khuynh hướng văn học-văn học lãng mạn, bộc lộ đầy đủ, sâu sắc cái tôi nghệ sĩ tài hoa, phóng khoáng, cảm quan sắc nhọn phong phú;
- Phong cách nghệ thuật Nguyễn Duy có sự kết hợp hài hòa giữa cái duyên dáng, trữ tình với chất thể sự đậm đặc, nhiều bài là tiếng nói khẳng khái, bộc trực, đầy ngang tàn mà trầm tĩnh, giàu chiêm nghiệm và mang tinh thần công dân sâu sắc.
- Phong cách nghệ thuật Y Phương: Mang tính chất thơ trữ tình sâu sắc, đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn; giọng điệu tâm tình ngọt ngào tha thiết, đậm đà tính dân tộc

3. Vai trò của phong cách sáng tạo nhà văn

- Là một trong những điều kiện quan trọng để đánh giá vị trí, tài năng của nghệ sĩ. Một nhà văn lớn phải là nhà văn có phong cách.
- Thể hiện bản chất của văn chương: Hoạt động sáng tạo.

IX. TIẾP NHẬN VĂN HỌC: CUỘC SỐNG-NHÀ VĂN-TÁC PHẨM-NGƯỜI ĐỌC

1. Khái niệm

- Theo từ điển thuật ngữ văn học: *Tiếp nhận văn học là quá trình chiếm lĩnh các giá trị tư tưởng, thẩm mỹ của tác phẩm văn học, bắt đầu từ cảm thụ văn bản ngôn từ, hình tượng nghệ thuật, tình cảm, quan niệm nghệ thuật, tài năng của nhà văn... đến sản phẩm sau khi đọc: Cách hiểu, ấn tượng, trí nhớ, ảnh hưởng trong hoạt động sáng tạo bản dịch*

- Theo SGK Ngữ văn 12, tập 2: *Tiếp nhận văn học là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bằng ngôn ngữ, lắng nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn văn hóa và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa của từng câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tượng, nhân vật, dõi theo diễn biến của câu chuyện, làm cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút. Như vậy, tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thành thế giới nghệ thuật theo tâm trí mình.*

2. Tính chất tiếp nhận văn học

a. Tiếp nhận là giai đoạn cuối cùng của quá trình sáng tác

- Nếu ví tác phẩm nghệ thuật là đứa con tinh thần của nhà văn, nhà văn phải thai nghén, mang nặng đẻ đau thì hoàn thành văn bản tác phẩm chỉ ứng với lúc đứa con được sinh ra, đứa con chào đời. Còn sự sống, cuộc đời, số phận của nó như thế nào là chưa nói đến. Số phận đứa con sẽ được định đoạt như thế nào là tùy thuộc vào nó và xã hội chung quanh. Số phận của tác phẩm nghệ thuật như thế nào là tùy thuộc vào nó và người tiếp nhận nó. Chỉ đến khi được người đọc tiếp nhận thì hoạt động sáng tạo nghệ thuật mới hoàn tất. Một tác phẩm nghệ thuật được viết xong nhưng nằm im trong ngăn kéo của nhà văn hoặc không được ai đoái hoài tới thì chưa phải là tác phẩm nghệ thuật thực sự. Sơ đồ của quá trình sáng tác-giao tiếp của văn chương như sau: *Cuộc sống-Nhà văn-Tác phẩm-Bạn đọc*.

- Đây là giai đoạn văn bản tác phẩm thoát ly khỏi nhà văn để tồn tại một cách độc lập trong xã hội, trong từng người đọc.

b. Tiếp nhận văn học là một quá trình giao tiếp

- Tiếp nhận văn học là một quá trình giao tiếp. Sự giao tiếp giữa tác giả và người tiếp nhận là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ, cảm thông. Bao giờ người viết cũng mong người đọc hiểu mình, cảm nhận những điều mình muốn gửi gắm, ký thác.

c. Tính khách quan của tiếp nhận văn học

- Tiếp nhận văn chương là một hoạt động xã hội-lịch sử, mang tính khách quan. Tác phẩm sau khi thoát ly khỏi nhà văn thì nó trở thành một hiện tượng tinh thần, một khách

thể tinh thần tồn tại một cách khách quan đối với người đọc. Người đọc tiếp nhận nó là một kiểu phản ánh, nhận thức thế giới.

- Có thể nói tác phẩm nghệ thuật gồm có hai phần, phần cứng và phần mềm. Phần cứng là văn bản, là sự khái quát đời sống, là một hệ thống ý nghĩa, tiếp nhận phụ thuộc vào các tương quan đời sống xã hội, phụ thuộc vào lòng người đọc. Phần cứng tạo ra cơ sở khách quan của tiếp nhận. Trong phần cứng này, có nhiều phương diện để tạo ra tính khách quan cho tiếp nhận văn chương.

- Chính cơ sở khách quan của việc tiếp nhận tác phẩm đã tạo ra ấn tượng chung đồng nhất ở mọi người đọc. Phần cứng của tác phẩm tạo ra phần nội dung tương đồng bất biến từ tác giả đến mọi người đọc. Rõ ràng là, độc giả hay khán giả sau khi cùng xem xong một tác phẩm nghệ thuật nào đó đều có một ấn tượng chung về một nhân vật nào đó.

d. Tính chủ quan của tiếp nhận văn học

- Trong tính giao tiếp giữa tác phẩm và độc giả, cần chú ý tính chất cá thể hóa, tính chủ động, tích cực của người tiếp nhận. Ở đây, năng lực, thị hiếu, sở thích cá nhân đóng vai trò rất quan trọng, tùy theo lứa tuổi già hay trẻ, trình độ học vấn cao hay thấp, kinh nghiệm nhiều hay ít mà có kết quả tiếp nhận cụ thể, riêng biệt cho mỗi người. Thậm chí cùng một người, lúc nhỏ đọc tác phẩm ấy đánh giá khác, sau lớn lên đánh giá khác, về già lại đánh giá khác. Hơn thế, người đọc khi đến với tác phẩm văn học có nhiều tâm trạng vui buồn khác nhau, có trình độ văn hóa khác nhau, có thái độ định kiến hoặc vô tư, phóng khoáng khác nhau.

- Tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị hiếu thẩm mỹ càng làm cho sự tiếp nhận văn học mang đậm nét cá nhân và chính sự chủ động của người tiếp nhận đã làm tăng thêm sức sống của tác phẩm. Nhưng khẳng định tính chủ quan của tiếp nhận không có nghĩa là người đọc hoàn toàn tự do muốn hiểu văn bản thế nào cũng được.

e. Tính khuynh hướng xã hội của tiếp nhận văn học

- Tiếp nhận văn chương tuy mang dấu ấn cá nhân sâu sắc nhưng chưa bao giờ là hoạt động thoát ly khỏi điều kiện lịch sử xã hội. Hoạt động nghệ thuật luôn luôn là hoạt động mang tính khuynh hướng xã hội mạnh mẽ. Khuynh hướng xã hội, đời sống thực tế sẽ chi phối mạnh mẽ đến quá trình tiếp nhận văn chương của mỗi cá nhân. Mỗi cá nhân đến với tác phẩm không chỉ đem đến cho nó cái tôi mà còn cái ta nữa.

- Sau khi nhà văn hoàn tất văn bản tác phẩm thì, tác phẩm nghệ thuật bắt đầu trôi nổi trong dòng đời và đón nhận số phận lịch sử của mình. Có tác phẩm vừa mới ra đời, liền được người đọc vô vấp áp iu, nhưng sau đó bị lãng quên. Có tác phẩm, lúc mới ra đời thì bị hắt hủi, lãng quên nhưng sau đó lại được nâng niu trân trọng. Có tác phẩm đời sống của nó êm ả hoặc sáng chói lâu dài, có tác phẩm mờ mờ ảo ảo. Có tác phẩm cùng trong một thời đại nhưng bạn đọc, người ghét, kẻ yếu, người khen, kẻ chê.

- Hiện tượng có những tác phẩm nào đấy mà số phận của nó sự thăng trầm qua các thời đại thì không phải lúc thăng là do công chúng thời đại đó thông minh còn lúc trầm là do công chúng thời đại đó dốt nát. Điều chính yếu là do xu hướng tư tưởng thời đại tác động đến. Việc tiếp nhận Thơ mới ở ta chẳng hạn. Khi phong trào Thơ mới ra đời, người đọc rầm rộ đón nhận, nhất là thanh niên, nhưng sau đó, khi đất nước tiến hành cuộc sống chiến chống Pháp, Mĩ thì Thơ mới đã trở nên cũ. Vì nó làm ủy mị con người kiên cường xông pha lửa đạn. Ngày nay, đất nước hoà bình xây dựng, người ta lại tiếp nhận Thơ mới như là nó vẫn mới. Đúng như Kravchenko nói: *Mỗi thời đại riêng thường thích hợp với những sắc điệu khác nhau trong tác phẩm nghệ thuật với những phương diện khác nhau của khái quát hình tượng của nó.*

3. Người đọc trong quá trình tiếp nhận văn học

a. Vai trò của người đọc

- Lấy mối quan hệ tác giả-tác phẩm-bạn đọc làm căn cốt, xưa nay có nhiều ý kiến khác nhau về yếu tố trung tâm của hoạt động văn học. Trước đây, có một quan niệm đã trở thành quán tính trong nghiên cứu phê bình: lấy tác giả cùng cá tính sáng tạo làm trung tâm. Nó xem nhẹ vai trò của bạn đọc và quá trình tiếp nhận. Ý tưởng của nghệ sĩ là nòng cốt, là chỉ dẫn của Chúa để soi đường cho những tín đồ văn chương mãi miết đi tìm chân lý. Tiếp nhận được xem như một nỗ lực phóng chiếu tinh thần nghệ sĩ vào tác phẩm, truy tìm ánh xạ tâm hồn nhà văn trong bề mặt ngôn ngữ, văn bản.

- Theo đó, phê bình cố gắng lần tìm theo lối người viết đã đi để dựng lại một tác phẩm văn học duy nhất trong ý đồ sáng tạo. Hướng nghiên cứu phổ biến và lí tưởng một thời là tiếp cận trực tiếp với tác giả, khai thác địa đồ nhà văn đã phác thảo, lý giải tác phẩm bằng chỉ dẫn trực tiếp. Vấn đề đặt ra: Làm cách nào để tìm hiểu các tác phẩm khuyết danh, 144 sáng tác của các nhà văn không đồng thời với chúng ta hay nhà văn đã mất? Nếu tác giả

không để lại bất kì chỉ dẫn nào ngoài văn bản thì có nghĩa chiếc chìa khóa đi vào văn bản mãi mãi bị vùi lấp.

- Xem tác phẩm văn học-như một quá trình, các nhà nghiên cứu đã phục nguyên vai trò của bạn đọc. *Khi tác phẩm kết thúc thì cuộc sống của nó mới bắt đầu.* Với lý thuyết tiếp nhận, khi tác phẩm kết thúc đó chỉ là sự kết thúc của văn bản. Văn bản nghệ thuật chỉ là xác chữ, kí tự. Người đọc nó đã trút bỏ đời sống ký tự, hiện lên đời sống hình sắc. Người đọc huy động cảm giác, trí tưởng tượng để cảm nhận tác phẩm khiến tác phẩm sống trong sự đọc. Người viết và người đọc như là đối tượng song sinh, tác phẩm viết ra phải có người đọc mới hình thành sự đối thoại.

- Ngay từ xưa, Hêghen trong Triết học tinh thần đã yêu cầu việc xem xét tác phẩm trong hệ thống “tác giả-tác phẩm-người đọc” vì ông cho rằng sự tồn tại của tác phẩm chỉ tồn tại trong ba yếu tố quan hệ hữu cơ với nhau ấy thôi. Còn người Trung Quốc xưa, lại cho rằng tác phẩm tồn tại trong lòng của người tri kỷ chứ không trên trang giấy; vì thế việc viết văn là việc của tấm lòng. Chính vì thế, tác phẩm chỉ thực sự tồn tại khi người ta ý thức được về nó mà thôi. Người đọc là người cứu tác phẩm ra khỏi hầm mộ của sách, giúp nó sống lại và bước đi giữa cuộc đời và hồn người. Tác phẩm tái sinh trong lòng bạn đọc. Vì thế, mỗi tác phẩm là một tiếng mời gọi tha thiết tấm lòng bạn đọc đến với mình, tri âm với mình để mình có được một đời sống mới. Sức sống của tác phẩm không nằm ở lời ra lệnh của nhà binh hay truyền giáo của tu sĩ mà nằm ở trường nhìn, trường cảm của từng cá nhân đọc khác nhau.

- Trong quá trình tiếp nhận, độc giả có vai trò đồng sáng tạo. Tác phẩm là một bộ mã, nhà văn là người kĩ mã, bạn đọc giải mã. Ở Việt Nam, quan niệm về quá trình tiếp nhận và vai trò của bạn đọc đã được thấu thị qua những lăng kính khoa học đáng tin cậy. Dễ dàng nhận thấy những luận điểm đó khá gần gũi với nhận định của J.Paul.Sartre. Tác phẩm văn học như con quay kì lạ, chỉ có thể xuất hiện trong vận động. *Muốn làm cho nó xuất hiện, cần phải có một hoạt động cụ thể là sự đọc. Và tác phẩm văn học chỉ kéo dài chừng nào sự đọc còn có thể tiếp tục. Ngoài sự đọc ra, nó chỉ còn là những vệt đen trên giấy trắng.*

b, Các loại hình người đọc

- Thứ nhất là người đọc tiêu thụ. Đây thường là loại người đọc đọc ngẫu nhiên cốt truyện, ham thích tình huống éo le gay cấn, nhiều khúc mắc cạm bẫy. Loại này đọc lướt nhanh vào giờ nhàn rỗi, tìm thú giải trí, có những đánh giá dễ dãi.

- Thứ hai là, loại đọc điểm sách. Loại người này có ý thức tìm ở văn chương những thông tin mới về cuộc sống, đạo đức...để thông báo cho độc giả của các báo.

- Thứ ba là loại người đọc chuyên nghiệp-những người giảng dạy nghiên cứu phê bình ở các trung tâm nghiên cứu.

- Thứ tư là những người sáng tác-nhà văn, nhà thơ đọc theo cảm hứng bất chợt hoặc để tham gia viết những trang phê bình ngẫu hứng.

c. Có nhiều cách đọc trong tiếp nhận văn học

Cách đọc kiểu tri âm: Là tiếp nhận tác phẩm theo đúng ý đồ của tác giả. Sự cắt nghĩa và hiểu tác phẩm ở người đọc trùng khít với ý định của tác giả ký gửi vào tác phẩm từ giữa ý đồ tác giả, ý đồ của người lý giải nằm trong cùng một vòng tròn đồng tâm. Tri âm là biểu hiện tốt cùng của sự hiểu biết, cảm thông lẫn nhau.

- Cách đọc kiểu ký thác: Là sự tiếp nhận mà người đọc mượn tác phẩm để biểu lộ nỗi lòng của mình đối với cuộc đời. Do đó, tác phẩm văn chương được coi như là một phương tiện để người đọc giải bày tấm lòng, gửi gắm những quan niệm nhân sinh, những cảm xúc về thế cuộc hoặc những vấn đề bức thiết của cuộc sống mà trong một chừng mực nào đó người đọc không có điều kiện để nói ra một cách trực diện.

Tiếp nhận theo kiểu tri âm và ký thác gặp nhau ở tính đồng cảm giữa tác phẩm và bạn đọc.

4. Quá trình tiếp nhận văn học

a. Tái hiện để mà tái tạo

-Các bộ môn nghệ thuật khác, chất liệu là vật chất, cho nên hình tượng của nó là trực tiếp. Họa sĩ vẽ một bức tranh, nhạc sĩ tấu một khúc nhạc, ta nghe thấy ngay. Văn học là nghệ thuật của ngôn từ, chất liệu của nó chỉ là ký hiệu của vật chất, cho nên hình ảnh của nó là gián tiếp. Nghĩa là nó phải kinh qua sự tưởng tượng của người đọc ngay giây phút đầu tiên của quá trình thưởng thức tiếp nhận, một điều hầu như không đặt ra với một số bộ môn nghệ thuật khác. Mà đã nói đến tưởng tượng là tất yếu sẽ kèm theo một thuộc¹⁴⁶

tính tất yếu là sự sáng tạo. Sự sáng tạo trong sự tiếp nhận của độc giả văn học được nhấn mạnh hơn so với công chúng một số bộ môn khác là vì vậy.

- Trước hết là phải tái tạo lại hình tượng. Trong khi đọc tác phẩm văn học, độc giả vừa bám vào sự mô tả trong văn bản, vừa liên tưởng với loại người tương tự ngoài đời, đồng thời cũng dựa vào cảm nghĩ và lý giải của mình, mà hình dung, tưởng tượng về nhân vật nào đó. Kết quả là mỗi người mỗi khác. Một nghìn bạn đọc, thì có một nghìn Hamlet như người phương Tây thường nói. Hình dung mỗi người mỗi khác, cũng có nghĩa là không giống sự hình dung với chính tác giả.

- Hai là thay đổi lại theo tình cảm khác. Tác phẩm văn học thành công nào cũng chan chứa tình cảm, đủ các sắc thái vui, buồn, giận, thương, vv... tất nhiên trong đó sẽ nổi lên một trạng thái tình cảm chủ đạo. Nhưng người đọc thường chỉ thích và nhớ nhất những trạng thái tình cảm nào phù hợp với sự xúc động thường ngày của bản thân.

- Ba là giải thích theo quan niệm khác. Khi một bạn đọc, nhất là các nhà khoa học đã có một quan niệm riêng về con người và thế giới, thậm chí đã hình thành một chủ thuyết thì tất nhiên họ thường giải thích lại mọi việc trên đời, nhất là đối với những kiệt tác văn học nghệ thuật vì đây là-những bức tranh nhân sinh thu gọn.

Tuy vậy, những kỷ niệm đọc, đọc một cách xúc động của một thời, vẫn sống mãi, và sẽ tham gia vào hiệu quả tiếp nhận của những lần đọc sau. Bởi vì khi đọc lại một tác phẩm mà ta xúc động trong thời gian qua, thì bao nhiêu không khí cảnh huống của thời ấy cũng đồng thời sống lại. Đó là lý do giải thích vì sao nhiều tác phẩm, bao nhiêu câu chuyện, bao nhiêu câu thơ, chẳng hạn trong sách giáo khoa, mà ta tiếp xúc thời thơ ấu, ngẫm ra cũng bình thường thôi, nhưng nay đọc lại vẫn thấy thú vị.

b. Lý giải và ngộ nhận

- Như trên đã nói, có thể thấy sự tiếp nhận bạn đọc, vừa có khả năng lý giải đúng, nhưng cũng có khả năng ngộ nhận ý đồ của tác giả.

- Nhưng không phải tất cả những hiểu sai, ngộ nhận ý đồ của tác giả đều hồng cả. Ở đây cần phân biệt chính ngộ với phản ngộ. Chính ngộ, tuy không phù hợp với ý đồ tác giả nhưng vẫn có căn cứ trong tác phẩm. Điều đó chỉ ít có thể giải thích bằng đặc trưng của nghệ thuật,

c. Trạng thái thông thường mà tốt đẹp trong mối quan hệ giữa sáng tác và tiếp nhận

- Nói thông thường tức là bàn đến hai cực. Tác phẩm phải nói những gì buộc công chúng phải ngẫm nghĩ mới hiểu, khi hiểu rồi mới cảm thấy mở mang, thú vị. Đây không hề mà cũng không nên là những thứ khó hiểu đến mức không thể nào hiểu được, hoặc cố hiểu ra rồi, thì thấy cầu kì, rỗng tuếch, vô vị. Hấp dẫn nhưng hiểu được. Hiểu được nhưng phải hấp dẫn. Đó là biện chứng trong phẩm chất của tác phẩm, nhìn từ phía tiếp nhận.

- Tương ứng với tác phẩm nói trên, trong sáng tác, công chúng phải làm sao cho động cơ, tâm thế, tựu trung lại là có một tầm đón tổng hợp trong từng trường hợp cụ thể, có thể không rơi vào tình trạng-phản ngộ, hoặc thậm chí-vô cảm. Tóm lại, sự diễn biến thông thường mà tốt đẹp của sự tiếp nhận những tác phẩm đích thực là văn học, bao giờ cũng được một tầm đón không chứa đựng mầm mống của sự phản ngộ và kết thúc bằng sự mở rộng và nâng cao của chính tầm đón ấy.

5. Ý nghĩa của tiếp nhận văn học

a. Đồng cảm

- Đồng cảm theo nghĩa rộng, chỉ những xúc động tương đồng hoặc gần gũi của bạn đọc những giai cấp, dân tộc, thời đại khác nhau đối với cùng một tác phẩm. Nhưng theo nghĩa trực diện ở đây, chỉ sự xúc động của bạn đọc đối với những tư tưởng, tình cảm lý tưởng và nguyện vọng được bộc lộ trực tiếp qua số phận của nhân vật hay nhân tình thế thái nói chung trong tác phẩm, khiến cho họ yêu ghét những gì mà chính tác giả yêu ghét. Đồng cảm cũng có thể mang những sắc thái nội dung khác nhau.

- Trước hết là sự đồng cảm về tư tưởng quan niệm, ở đây có sự tương thông về tư tưởng quan niệm giữa tác phẩm và người đọc. Mác đã nhiều lần trích dẫn câu sau đây về tác dụng của đồng tiền trong một vở kịch của Sếch-xpia: “Vàng, chỉ cần một chút thôi, là có thể đổi trắng thay đen, xấu thành đẹp, sai thành đúng, để tiện thành cao quý, tên hèn nhát thành dũng sĩ, mục nát thành đầy sức sống. Ôi tên lừa bịp lấp lánh sáng này”. Điều này chứng tỏ một sự đồng cảm giữa Các Mác với Sếch-xpia.

- Lại có sự đồng cảm trực tiếp ngay về tình cảm. Điều này thường xảy ra vì sự tương đồng về tình cảm giữa người đọc và nhân vật,

148

b. Thanh lọc: Nếu đồng cảm là người đọc đồng cảm với nội dung tác phẩm thì trong thanh lọc, người đọc chịu sự tác động trở lại đối với chính tâm hồn mình,

c. Bùng tỉnh: Trên cơ sở của sự đồng cảm và thanh lọc, nếu người đọc tiếp tục suy ngẫm, kết hợp chân lý của tác phẩm, liên hệ với thể thái nhân tình, bỗng nhận ra một khía cạnh nào đó về triết lý có ý vị nhân sinh, thì đó là bùng tỉnh.

d. Ghi tạc: Ghi tạc tức là ghi lòng tạc dạ, nhớ đời. Nhưng đây không hề là một cấp độ cao hơn, mà chỉ là chiều sâu hơn. Cũng có thể chỉ là đồng cảm thanh lọc và bùng tỉnh đó thôi, nhưng vì xúc động mãnh liệt, để lại xúc động sâu sắc mai không phai mờ, thì đó là ghi tạc. Tất nhiên đa đồng cảm, thanh lọc, bùng tỉnh, thì cũng không thể chóng quên, nhưng ghi tạc thì lâu bền hơn.

X. THƠ VÀ ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ THƠ, SỨC PHẢN ÁNH CỦA THƠ

1. Khái niệm: Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu.

2. Đặc trưng của thời

a. Tính nhạc

- Văn là họa, bởi vậy đi vào thế giới văn chương cũng là đặt chân vào một thế giới tràn đầy đường nét, rực rỡ sắc màu, đẹp và sinh động như chính cuộc đời thực tại. Nhưng làm nên thơ văn không chỉ có họa mà còn là nhạc. Âm nhạc với những thanh âm, giai điệu, tiết tấu,...luôn có khả năng cuốn hút, gọi dậy những cảm xúc trong lòng người. Nhưng nhạc tính không chỉ thuộc quyền sở hữu của âm thanh mà còn ở trong thơ văn như một phần đặc biệt.

- Đọc thơ, ta luôn cảm nhận được một sự réo rắt gọi lên từ câu chữ âm văn. Từ xưa đến nay, các nghệ sĩ đã khai thác các đặc tính này góp phần không nhỏ vào việc chuyển tải nhịp điệu của cảm xúc và ảnh hưởng trực tiếp đến thính giác độc giả. Thế giới âm thanh vì thế mà thả sức ủa vào khuôn khổ của câu từ chật hẹp. Thế giới âm thanh cũng là sự biểu đạt khả rõ nét thế giới tâm hồn và nhịp cảm xúc của chính người nghệ sĩ. *Thơ ca* là nhạc của tâm hồn (Vôn-te). Vậy thì tiếp cận thế giới tràn đầy âm thanh, khuôn nhạc trong mỗi tác phẩm văn chương cũng là một cách tiếp cận, nắm bắt những cảm xúc mà nhà thơ, nhà văn mang lại. Bên cạnh hội họa, âm nhạc vì thế mà đem một sức gọi, một linh hồn cho các tác phẩm văn chương. Văn có họa nhưng trong văn cũng đầy nét nhạc.

“Thi trung hữu nhạc”.

- Thơ trữ tình phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Tính nhạc được coi là đặc trưng chủ yếu mang tính loại biệt rõ nét của ngôn ngữ thơ ca.

- Sự cân đối là sự tương xứng hài hoà giữa các dòng thơ. Sự hài hoà đó có thể là hình ảnh, là âm thanh, chẳng hạn:

"Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử

Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi".

(Nguyễn Bình Khiêm).

Sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ thể hiện ở cách hoà âm, ở sự thay đổi độ cao giữa hai nhóm thanh điệu. Xuân Diệu với hai dòng thơ toàn vận dụng vần bằng đã biểu hiện được cảm xúc lâng lâng, bay bổng theo tiếng đàn du dương, nhẹ êm:

"Sương nương theo trăng ngừng lưng trời

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi".

Chính Tố Hữu đã có lần nói đến giá trị ngữ âm của từ “xôn xao” trong câu thơ “Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa”. (Mẹ Tom). Đó đâu chỉ là âm vang của tự nhiên mà là âm vang của tâm hồn. Cái làm nên âm vang đó chính là âm thanh, âm thanh của từ “xôn xao” đã cùng với nghĩa của nó làm nên điều kỳ diệu ấy. Sự trầm bổng của ngôn ngữ còn thể hiện ở nhịp điệu:

Sen tàn/cúc lại nở hoa

Sầu dài/ngày ngắn/đông đã sang xuân.

Dòng thơ cắt theo nhịp 2/4 và 2/2/4 đều đặn như nhịp chuyển vần đều đặn của tháng năm bốn mùa...Nhịp thơ ở đây là nhịp của cảm xúc, cảm nhận. Như vậy, âm thanh, nhịp điệu trong thơ không đơn thuần là hình thức mà là những yếu tố góp phần biểu hiện những khía cạnh tinh vi của đời sống tình cảm con người.

150

- Sự trùng điệp của ngôn ngữ thơ thể hiện ở sự dùng vần, điệp từ, ngữ và điệp cú. Chúng có tác dụng như một phương tiện kết dính các dòng thơ lại với nhau thành một đơn vị thống nhất, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho trí nhớ vừa tạo nên vẻ đẹp trùng điệp cho ngôn ngữ thơ:

*"Lầu mưa xuống, thêm lan mưa xuống
Mưa xuống lầu, mưa xuống thêm lan
Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn
Nước non rả rích giọt đàn mưa xuân*

(Tiếng đàn mưa"- Bích Khê).

Lối điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ở đây vừa diễn tả được hình ảnh cơn mưa của đất trời vừa tạo nên một ấn tượng vương vấn không dứt trong lòng người. Như vậy, nhạc điệu trong thơ là một đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thơ.

b. Tính hàm súc (Vẻ đẹp ngôn từ)

- Ngôn ngữ thơ ca không phải là vẻ đẹp của đồ trang sức hay trò chơi phù phiếm mà là vẻ đẹp tỏa ra từ tâm hồn và ánh lên từ cuộc sống thông qua sự mài giũa và tinh luyện của nhà thơ. Xuất phát từ một yêu cầu rất quan trọng đối với văn học là phải phản ánh hiện thực một cách chân thực, vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca cũng được hình thành từ sự trong sáng và chính xác. Đó chính là khả năng biểu hiện đúng điều thì nhân muốn nói, miêu tả đúng cái mà tác giả cần tái hiện.

- Đọc tác phẩm “Đồng chí” tuy không xuất hiện cái “nghèo đói” nhưng ta vẫn gặp rất nhiều khái niệm chỉ cái “nghèo đói”:

*Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”*

Có lẽ ta ít bắt gặp trong thơ ca kháng chiến chống Pháp (1946-1954) những thi phẩm nói về cái khó khăn, thiếu thốn. Có một thời người ta phê phán Chính Hữu “Buồn đau, u sầu” mà ít ai để ý đến những giá trị đích thực của bài thơ.

151

Những khái niệm về cái thiếu thốn mà thi nhân sử dụng cho ta cảm nhận được những gì tác giả muốn miêu tả về hiện thực. Hơn nữa, mỗi lần sử dụng khái niệm này, tác giả đều cho ta thấy sự điêu luyện trong việc dùng ngôn ngữ. Hình ảnh người lính “ Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới” nhưng tựa như vẫn đang làm nhiệm vụ canh gác giữa đất trời. Với những chàng trai ấy “sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc”. Bởi vậy, cái chết

đổi với họ là sự trở về nơi bắt đầu để chuẩn bị cho một con đường mới. Cụm từ “tay nắm lấy bàn tay” nhẹ nhàng, thiêng liêng, trân trọng.

- Đọc tác phẩm “Bếp lửa” của Bằng Bằng Việt tác giả đã đưa người đọc đến với những kỉ niệm về bà không chỉ là những tháng ngày dẫu gian nan nhưng êm đềm vì có bà bên cạnh. Cũng có lúc đau buồn đến tuyệt vọng:

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:
Bố ở chiến khu bố còn việc bố
Mày viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!*

Chiến tranh- một danh từ bình thường nhưng sức công phá của nó thì khốc liệt vô cùng, nó gây ra đau khổ cho bao người, bao nhà. Và hai bà cháu Bằng Việt cũng trở thành một nạn nhân của chiến tranh: gia đình bị chia cắt, nhà bị giặc đốt cháy rụi, phải sống tản cư... cuộc sống càng khó khăn, cảnh ngộ càng ngặt nghèo, nghị lực của bà càng bền vững, tấm lòng của bà càng menh mông. Qua đó, ta thấy hiện lên một người bà cần cù, nhẫn nại và giàu đức hi sinh. Dù cho ngôi nhà, túp lều tranh của hai bà cháu đã bị đốt nhẵn, nơi nương thân của hai bà cháu nay đã không còn, bà dù có đau khổ thế nào cũng không dám nói ra vì sợ làm đứa cháu bé bỏng của mình lo buồn. Bà cứng rắn, dắt cháu vượt qua mọi khó khăn. Bà không muốn đứa con đang bận việc nước phải lo lắng chuyện nhà. Điều đó ta có thể thấy rõ qua lời dặn của bà: "Mày có viết thư chớ kể này kể nọ / Cứ báo nhà vẫn được bình yên!". Lời dặn của bà nôm na giản dị nhưng chất chứa biết bao tình. Gian khổ, thiếu thốn, bao nỗi nhớ thương con bà đều phải nén vào trong lòng để yên lòng người nơi tiền tuyến.¹³² Hình ảnh người bà không chỉ còn là người bà của riêng cháu mà còn là một biểu tượng rõ nét cho những người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh, thương con quý cháu. Một câu chuyện cổ tích thật cảm động thiêng liêng cao cả giữa ngoài đời thực đã đi vào trang thơ như bức tượng đài bất diệt về tình bà cháu, tình người, tình đời....đó chẳng phải là sức mạnh của thơ hay sao ?

- Nhà văn Hê-minh-uê đã từng đưa ra nguyên lý “Tảng băng trôi”. Tác phẩm văn chương phải là “một tảng băng trôi” bảy phần chìm, một phần nổi. Người nghệ sĩ không phải là cái loa phát thanh cho ý tưởng của mình mà nói lên bằng ngôn từ có nhiều sức gợi. Lời

chật mà ý rộng, lời đã hết mà ý khôn cùng. Đây là cách dùng từ sao cho “đắt” nhất, phù hợp nhất.

- Khi xưa Nguyễn Du đã “giết chết” biết bao nhân vật chính nhờ tính hàm súc của ngôn ngữ thơ ca. Chỉ bằng một từ, mỗi nhân vật chỉ cần một từ thôi, Nguyễn Du đã cho ta thấy được bản chất nhân vật. Viết về Mã Giám Sinh, Nguyễn Du chỉ bằng một từ đã cho người đọc thấy được sự vô học của một kẻ đội lốt thư sinh:

“Ghế trên ngòai tốt số sàng”

Chữ “tốt” đắt giá ấy đã làm đậm nét bản chất của Mã Giám Sinh. Thế là bao công sức trau chuốt về hình thức của Mã Giám Sinh đã đổ sông đổ bể.

- Họa sĩ Van Gốc đã để lại cho nhân loại yêu nghệ thuật bức họa “Hoa hướng dương”. Chất liệu hội họa và tài năng nghệ thuật đã giúp ông làm điều đó. Nhưng hội họa không thể vẽ được hình ảnh “sao trời, cánh chim” sà xuống nô đùa với con người nhưng trong thơ Phạm Tiến Duật: “Như sao như ủa vào buồng lái”. Ánh sao, con chim ở đây không phải là vô tri giữa chặng đường đang chuyển động. Ta bắt gặp ở câu thơ Phạm Tiến Duật một linh hồn của ánh sao, của cánh chim bé bỏng như đang làm duyên trên trên chặng đường giải phóng miền Nam phía trước.

- “Ngắm trăng” của Bác Hồ, ai cũng trầm trồ ngạc nhiên trước sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên vượt lên trên cả hoàn cảnh khó khăn để đến với nhau trong mỗi giao tình thẩm thiết:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

153

(Hồ Chí Minh)

- Tính hòa nhập của từ cũng tạo nên vẻ đẹp cho ngôn ngữ thơ ca: Phải chăng một tác phẩm văn chương vượt qua sự băng hoại của thời gian là tác phẩm luôn làm nảy sinh nhiều cách hiểu.

- Tiếng khóc của Nguyễn Du trong “Độc Tiểu Thanh kí” liệu có phải chỉ tiếng khóc cho nàng Tiểu Thanh tài hoa-bạc mệnh? Không phải! Đằng sau tiếng khóc ấy là tiếng khóc cho mình, cho những người “cùng hội cùng thuyền” như Tiểu Thanh của Nguyễn Du. Tiếng khóc tự thương mình ấy khiến Nguyễn Du vượt qua thời gian trở thành nhà nhân đạo chủ nghĩa trong văn học trung đại.

- Trong chữ “mùa xuân” trong bài thơ “mùa xuân nho nhỏ” của tác giả Thanh Hải cũng không chỉ là một mùa xuân đơn thuần của thiên nhiên mà còn là mùa xuân, nhịp thở của đất nước, của nhân dân lúc bấy giờ:

Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng.

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ.

Tất cả như hối hả

Tất cả như xô xao...

Thanh Hải đã vẽ lên một bức tranh mùa xuân đất nước tuyệt đẹp với sức xuân phơi phới, từ đó làm nổi bật lên sức sống mãnh liệt của đất nước. Nhà thơ Thanh Hải đã cảm nhận và tái hiện khung cảnh mùa xuân của đất nước qua hai hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng là "người cầm súng" và "người ra đồng". Sức xuân nảy nở nơi những con người chiến đấu và lao động – hai mẫu người gắn liền với chiều dài lịch sử phát triển của đất nước. Họ là những con người cụ thể, những con người làm nên lịch sử với hai nhiệm vụ cơ bản của đất nước ta trong suốt quá trình phát triển lâu dài: chiến đấu và sản xuất, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Điệp ngữ “mùa xuân” không chỉ gọi tả khung cảnh thiên nhiên đất trời lúc vào xuân mà còn thể hiện được sức sống, sức trẻ tràn đầy của đất nước sau chiến tranh. Mùa xuân đến mang đến tiếng gọi của những cố gắng mới và hi vọng mới, mang đến tiếng gọi của đất nước, của quê hương đang trên đà đổi thay, phát triển. Những tiếng gọi lặng lẽ tới từ mùa xuân làm thức dậy con người, làm trái tim con người như bùng lên rạng rỡ trong không khí sôi nổi của đất nước, của muôn cây cỏ đã đi theo người lính vào chiến trường, sát kề vai, đã cùng người lao động hăng say ngoài đồng ruộng. Mùa xuân không những chấp thêm đôi cánh sức mạnh cho con người mà còn chuẩn bị cho con người những “lộc” non tươi mới, căng tràn nhựa sống. “Lộc” là nhánh non chồi biếc của cỏ cây trong mùa¹⁵⁴ xuân. “Lộc” không chỉ là hình ảnh tả thực mà còn mang ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng. Đối với người chiến sĩ, “lộc” là cành lá ngụy trang che mắt quân thù trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đầy cam go và ác liệt. Đối với người nông dân “một nắng hai sương”, “lộc” là những mầm xuân tươi non trải dài trên ruộng đồng bát ngát, báo hiệu một mùa bội thu. Nhưng đặc biệt hơn cả, “lộc” là sức sống, là tuổi trẻ, sức thanh xuân tươi mới đầy mơ ước, lí tưởng, đầy những hoài bão và khát vọng cống hiến của tuổi trẻ, sôi nổi trong mỗi tâm hồn con người – tâm hồn của người lính dũng cảm, kiên cường nơi lửa đạn bom rơi – tâm hồn của người nông dân cần cù, hăng say tăng gia sản xuất. “Lộc” chính là thành quả hôm nay và niềm tin, hi vọng ngày mai. Phải chăng mùa xuân của đất trời đọng lại trong lộc non đã theo người cầm súng và người ra đồng, hay chính họ đã đem mùa xuân đến cho mọi miền của Tổ quốc thân yêu?

- Ngôn ngữ thơ ca là ngôn ngữ có nhịp điệu, không có nhịp điệu thì không thành thơ. Người ta thường nói thơ là tình cảm, là tiếng nói của trái tim. Do đó, ngôn ngữ thơ ca có tác dụng gợi cảm đặc biệt. Ngôn ngữ thơ ca là ngôn ngữ có nhịp điệu, không có nhịp điệu thì không thành thơ. Ta dễ hiểu vì sao rất nhiều bài thơ đã được phổ nhạc nhịp điệu của bài thơ “Quê hương” là nhịp điệu của những âm thanh, hình ảnh làng quê chân chất, cũng là nhịp điệu tiếng lòng của tác giả Đỗ Trung Quân viết về quê hương yêu dấu:

*Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông*

*Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm*

*Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người...*

- Nhịp điệu của “Tây Tiến là (chương trình lớp 12, giáo viên giới thiệu sơ qua nếu đưa vào bài giảng) là nhịp điệu của một khúc nhạc quân hành một thời binh lửa: “Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm”. Nhịp điệu trong “Việt Bắc” là nhịp điệu của tiếng lòng sâu nặng, gắn bó của kẻ ở-người đi, của tình quân-dân thắm thiết: *Mình về mình có nhớ ta- Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng-Mình về mình có nhớ không-Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn,*

- Ngôn ngữ thơ ca không đối lập với ngôn ngữ toàn dân. Nó tiếp thu tinh hoa của ngôn ngữ thường nhật không ngừng nâng cao, làm giàu thêm ngôn ngữ toàn dân. Vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca tựa như cô bé Lọ Lem trong truyện cổ tích. Lúc đi dự hội thì như một nàng tiên đầy duyên dáng nhưng thường ngày lại tất bật với những giặt giũ áo quần, người vương mùi hành, mùi khoai mới gọt. Ngôn ngữ thơ ca không đối lập với ngôn ngữ toàn

dân. Nó tiếp thu tinh hoa của ngôn ngữ thường nhật không ngừng nâng cao, làm giàu thêm ngôn ngữ toàn dân.

-Chính vì vậy, nhà thơ không ngừng sáng tạo như người thợ tài năng gọt giũa, nhào luyện để tạo nên giá trị về nghệ thuật ngôn từ.

- Tạo hóa tạo cho con người ngôn ngữ để sáng tạo thơ ca. Từ những lời hát trong bài ca lao động của người nguyên thủy, những lời cầu nguyện, mong ước điều tốt lành cho mùa màng đến lời niệm chú, có thể coi như hình thức đầu tiên của thơ. Trải qua thời gian, vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca ngày càng phát triển và hoàn thiện tựa như những nguồn nước mát trong nảy sinh từ cội nguồn sáng tạo sâu thẳm vô tận của con người.

- Nếu ngôn ngữ văn xuôi tự sự là ngôn ngữ của cuộc sống đời thường, nó chấp nhận mọi lớp từ, mọi biến thái, mọi chiều kích, thậm chí cả sự xô bồ, phồn tạp đến cực độ để tái hiện bộ mặt cuộc sống, tâm lý con người trong sự sâu rộng, đa chiều vốn có của nó thì ngôn ngữ thơ lại mang nặng tính “đặc tuyển”. Là thể loại có một dung lượng ngôn ngữ hạn chế nhất trong các loại tác phẩm văn học, nhưng thơ lại có tham vọng chiếm lĩnh thế giới. Nói như Ogiêrôp: Bài thơ là một lượng thông tin lớn nhất trong một diện tích ngôn ngữ nhỏ nhất. Bởi thế, Maiacôpxki gọi lao động nghệ thuật ngôn từ của nhà thơ là “*trả chữ với với giá cắt cổ*”

Nhà thơ trả chữ với giá cắt cổ

Như khai thác chất hiếm radium

Lấy một gam phải mất hàng bao công lực

156

Lấy một chữ phải mất hàng tấn quặng ngôn từ

Như vậy, tính hàm súc được hiểu là khả năng của ngôn ngữ có thể miêu tả mọi hiện tượng của cuộc sống một cách cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý, ý tại ngôn ngoại.

-Định lượng số tiếng trong thơ cũng là tiền đề tạo ra sự xuất hiện với một mật độ dày đặc các phương tiện nghệ thuật trong thơ so với văn xuôi. Nhiều lúc, trong một bài thơ, có thể thấy xuất hiện cùng một lúc các phương tiện tu từ khác nhau, như ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá, tượng trưng, điệp từ, điệp ngữ.

c. Tính truyền cảm

- Phải chăng, từ bao giờ người ta luôn bằng lòng với việc quan niệm: Thi sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp và chỉ đi tìm cái đẹp? Thơ luôn bắt nguồn từ một men say, một tia chớp lóe sáng, một mạch nước ngầm âm ỉ từ bao giờ? Vì thế thi sĩ Hàn Mặc Tử cũng từng tự nhận xét “Tôi làm thơ? Nghĩa là tôi mất trí. Tôi phát điên”. Với ai kia, thơ tôn sùng nghệ thuật trong sự thăng hoa của cảm xúc. Với ai kia, thơ là sự say đắm trong một thế giới vô thức-thế giới của thi sĩ.

Sinh ra từ tâm hồn và trái tim con người, thơ đã trở thành tri âm của nhân loại từ bao thế kỷ qua. Thơ là một phần của thế giới nội tâm của đời sống tâm linh con người. Yêu thơ và coi thơ như người bạn tri kỷ của mình, người ta đã tìm cho thơ nhiều cách lý giải, định nghĩa. Ai đó đã từng coi thơ là “rượu của quý sa tăng”, “thơ là địa hạt huyền bí và thần thánh”. Cũng có người cho rằng “thơ là lửa”, “thơ là sự sung mãn của tình cảm mãnh liệt” (Balzac).

- Nói đến Thơ, người đọc không quên thơ là cảm xúc, là tâm hồn. Trong thơ, “tình là gốc” (Bạch Cư Dị), thơ phải sinh ra từ sự thôi thúc mạnh mẽ của tâm hồn. Đồng thời, cảm xúc trong thơ ở dạng tính chất chọn lọc. Ngôn ngữ thơ hàm súc và đa nghĩa:

“Thơ là rượu của thế gian” (Huy Tru). Thơ thăng hoa và xuất thần từ đồng tài liệu thực tế, như một thanh kim loại sáng bóng được gạn ra từ hàng tấn quặng ủ trong lòng đất bao nhiêu tháng năm...

- Cây không thể thiếu gốc, thơ ca cũng không thể thiếu được cốt tủy của riêng mình. Người cho thơ cái gốc cũng như kẻ đang ươm mầm hạt giống của sự sống, cần phải có tâm hồn dạt dào, trù phú để thơ đâm chồi, bám rễ. Thơ ca là sản phẩm của cảm xúc con người, chính vì thế mà tâm hồn người viết có trong, có sáng, có phong phú dạt dào thì mới tạo nên được những bài thơ hay. Tâm hồn con người ta không đơn thuần chỉ là những cảm xúc yêu, ghét, giận hờn, nó còn là cảm quan, cách đánh giá và cái nhìn của mỗi người vào cuộc sống này. Đặc biệt hơn nữa đối với người nghệ sĩ, đó còn là nơi khởi sự, xuất phát của mỗi tác phẩm mà mình viết ra, là nền tảng để tạo nên cái gốc vững chắc cho một tác phẩm nghệ thuật của mình. Khởi sự từ tâm hồn cũng đồng thời là nơi soi chiếu và phản ánh tâm hồn nghệ sĩ đến với người đọc, thơ ca đòi hỏi một nền tảng vững chắc bắt rễ từ cảm xúc chân thực, khách quan nhất của người làm thơ.

- Người làm thơ không phải chỉ để cho mình đọc mà là để tìm sự đồng cảm giữa những người tri âm tri ngộ. Vì thế mà những vần thơ có nổi bật, có bay cao, bay xa mới dễ dàng

tìm được tri kỷ. Và người làm thơ phải gửi vào đó tầm nhìn cao rộng, để bài thơ vượt qua bước chuyển thời gian, năm tháng để trường tồn và bất tử.

- Người làm thơ càng có tầm nhìn bao quát hướng ra sự sống và biết thu hẹp, soi chiếu, chắt lọc điểm nhìn của mình vào những sự kiện nổi bật giữa bộn bề cuộc sống thì tác phẩm nghệ thuật của họ càng có giá trị. Giữa cuộc sống bộn bề, có rất nhiều sự việc diễn ra muôn hình vạn trạng. Người tầm thường sẽ nhận tất cả những gì có thể và cố gắng ghi nhớ tất cả. Nhưng thơ ca không cần những thứ hỗn độn, xô bồ như thế. Tầm nhìn để đưa thơ vượt lên phải có sự dịch chuyển, điều chỉnh linh hoạt, biết mở ra khi cần thiết và biết thu hẹp lại để quay cận cảnh, để soi chiếu từng kiếp người. Có như vậy, văn thơ mới trở nên sâu sắc, ý nghĩa và có sức lay động tâm hồn người đọc.

- Như Sê-khốp đã nói: *Nhà văn chân chính là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy*. Mỗi tác phẩm thơ, đằng sau ngôn từ, hình ảnh, nội dung đều phải song song tồn tại giá trị hiện thực và nhân đạo thì mới có sức sống lâu dài giữa cuộc sống. Thứ thơ hay bằng lời lẽ nhưng vô cảm, lạnh lẽo chứng tỏ người làm thơ không đặt mình vào trong cuộc sống, để cảm nhận được tất cả cay đắng, ngọt bùi, niềm vui và nước mắt. *Thơ phát sinh từ trong lòng người* (Lê Quý Đôn). Quy luật của thể giới nội tâm chiếu ứng với những vòng sáng cảm xúc chân thực, điển hình và mãnh liệt dội lên trên câu chữ. Người xưa nói thơ ra đậm không ưa nồng, nhưng là cái đậm sau khi đã nồng, thơ ưa phát không ưa xảo, nhưng là cái phác sau khi xảo. Bởi vậy, tình sâu là sức đẩy bòn chứa bên trong để tạo hồn cốt cho ngôn từ và cái thần của người làm thơ.

- Dòng chảy cuộc đời ngàn năm xưa vẫn thế, chỉ có những rung động sâu xa mới trả lại¹⁵⁸ cho chữ vẻ đẹp mới mẻ, độc đáo như lần đầu. Cái tâm là điểm sáng trung tâm khơi cho ý thức trong thơ. Phải chú trọng đến quy cách nhưng làm thơ gốc phải là tình cảm (Cao Bá Quát). Sáng tạo nghệ thuật xuất phát từ chân tâm thực ý thì nhà thơ mới có thể nối liền những tư tưởng cảm xúc của mình trong một từ “thơ” muôn đời. TÂM SÁNG-TÌNH SÂU chính là mạch ngầm gắn kết một trái tim với triệu tâm hồn. Sức đồng cảm quảng đại và mãnh liệt của thơ cũng là ở chỗ đó.

d. Tình họa trong thơ

- Người xưa thường nói “Thi trung hữu họa”. Đó chính là khẳng định mối quan hệ giữa văn chương và hội họa. Hội họa lấy những đường nét thô sơ hay uyển chuyển, những gam màu đậm nhạt, sáng tối khác nhau để mô tả hiện thực đời sống. Bởi thế, nó có khả

năng tác động mạnh mẽ đến thị giác người xem, mở được cửa sổ tâm hồn con người. Hội họa có ưu thế trong việc đem lại những cảm xúc thẩm mỹ mới mẻ, tinh tế. Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng, nó đòi hỏi phải tái hiện được bức tranh đời sống giàu có và sinh động. Nhưng ngôn ngữ văn chương lại mang tính phi vật thể. Vì vậy, muốn tác động trực quan đến người đọc, ngôn ngữ ấy phải giàu có về hình ảnh, phong phú về màu sắc, đường nét. Và những yếu tố trên đã tạo ra chất hội họa trong văn, làm hiển hiện trước mắt người đọc bức tranh tươi đẹp về cuộc sống. Những lúc ấy, nhà văn giống như người nghệ sĩ tài ba đem ngôn ngữ, những đường nét và gam màu tinh tế để vẽ nên những tuyệt tác bằng ngôn từ. .

- Sự kết hợp giữa họa và văn đã làm thỏa mãn cả con mắt và cái tâm của người thưởng thức. Mới hay sự kết hợp ấy đôi khi nâng cả họa cả văn lên đến đỉnh cao. Chất họa đi vào văn chương qua bàn tay sáng tạo của người nghệ sĩ được thể hiện bằng những bút pháp riêng như chấm phá, phác họa, điểm nhãn, tả cảnh ngụ tình...tạo nên sự sống động cho tác phẩm.

e. Tính hiện thực

- Cũng như văn học, thơ ca phản ánh cuộc sống bằng hình tượng. Nhưng hình tượng trong thơ không phải được xây nên từ óc quan sát, chiều sâu nhận thức, tư duy logic của lý trí, mà nó gắn với cảm xúc, với tâm hồn. .

- Thí sinh ra từ tình cảm. *Thơ là người thư kí trung thành của những trái tim* (Đuybralay). Đến với thơ, tâm hồn ta phải được chan hòa trong thế giới cảm xúc. Thơ là cơn gió. Tâm hồn ta là mặt nước phẳng lặng và bình yên. Cơn gió thơ có đủ mạnh để làm mặt nước tâm hồn ta xao động, đó mới thực sự là thơ. Nhưng thơ đâu phải chỉ có thế.... .

- Hơn 2000 năm trước, Trang Tử đã có một triết lý rất hay về biển cả: *Biển cả là nơi mà tất cả các nguồn nước trên thế gian này đều đi ra từ đó nhưng nó không vui, và nó cũng là nơi đón nhận tất cả các nguồn nước nhưng nó không đầy*. Văn học cũng như những nguồn nước, đều đi ra từ biển cả cuộc đời. Hàng ngày, tiếng sóng thủy triều vẫn âm vang chuyên chở sóng biển đời thường đến với trang thơ. Những sự chuyên chở ấy có bao giờ ngừng nghỉ, cũng như mảnh đất hiện thực có bao giờ vui đi, khi người nghệ sĩ đến đó để chở nắng gió cuộc đời tươi mát muôn cây. Thơ ca phải gắn mình vào nguồn mạch cuộc sống và nhịp nối giữa thơ với cuộc đời chính là tâm hồn, trí tuệ nhà thơ,

- Người, làm thơ, bình thơ xưa và nay đã bộc lộ rất nhiều quan niệm về thơ. Có người cho thơ là “thần hứng” (Platon), là “ngọn lửa thần”, là “con điên loạn thần thánh”, “thơ là sự tuôn trào bộc phá những tình cảm mãnh liệt”. Thơ ca không phải thuộc về một cõi huyền nhiệm, mông lung, diệu vợi; thơ ca lại càng không phải là “một thứ nghề chơi”, là trò đùa cảm hứng. Thơ gần gũi và thân thiết biết bao, thơ gắn với cuộc đời ta đang sống, thơ phản ánh cuộc đời theo quy luật văn chương.

- Cuộc sống bao giờ cũng là nguồn cảm hứng mênh mông bất tận của tâm hồn người nghệ sĩ. Thơ ca nói riêng và nghệ thuật nói chung bao giờ cũng đi ra từ cuộc đời, cũng lớn lên từ hiện thực và rồi từ đó cánh diều nghệ thuật sẽ nhờ gió đời mà cất cánh bay cao. Sẽ “chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép” (Chế Lan Viên); “Sẽ chẳng có thơ khi người làm thơ không tìm được sợi dây giao cảm đối với cuộc đời, không tìm đến những cánh đồng phì nhiêu để từ đấy hạt giống thơ ca được ươm trồng, nảy nở”. Lục Du đời Tống người đã viết hàng trăm câu thơ, lúc sắp mất đã tâm sự với con, lời tâm sự của một hồn thơ đi trọn cuộc đời mới hiểu cái lẽ “công phu của thơ là ở ngoài thơ”.

- Sức nặng của những trang thơ chính từ cuộc đời đầy nắng gió ngoài kia. Nhà thơ phải đến đó để viết lên từ thứ mực được chưng cất từ chính cuộc sống. Gắn với cuộc sống, đây là đặc trưng thẩm mỹ của văn học, của tác phẩm văn chương mà nhịp nối là nhà văn. Cuộc sống với những hiện tượng phong phú, phức tạp vừa là đối tượng hướng tới, vừa là nguồn mạch nuôi dưỡng văn học. Quay lưng lại với cuộc sống, mãi mê với chuyện đúc chữ, luyện câu, mọi giá trị văn chương chỉ còn là kỹ xảo.

160

- Cuộc sống mênh mông vô tận sẽ là nơi cung cấp chất liệu cho Thơ. Cuộc sống với hơi thở ấm nóng sẽ tô điểm cho những câu thơ, cho nghệ thuật: *Hãy nhặt lấy chữ đời mà góp nên trang*. (Chế Lan Viên). Thơ ca khơi nguồn từ cuộc sống nên thơ bao giờ cũng chứa đựng bóng hình cuộc đời, bóng dáng con người. Thơ mang trong mình những buồn vui đau khổ, rạo rực đắm say. Thơ nói riêng và văn chương nói chung sẽ làm nên nhịp cầu nối trái tim trở về với trái tim, đưa tâm hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu. Thơ ca là cuộc đời nhưng thơ ca không là những trang giấy in nguyên vẹn bóng hình cuộc sống.

f. Sự sáng tạo trong thơ

- Bản chất của lao động nghệ thuật là sáng tạo, một sự lao động miệt mài không ngừng nghỉ. Văn chương sẽ ra sao nếu tác phẩm này là bản sao của tác phẩm kia? Nếu mỗi người nghệ sĩ đều bằng lòng với những điều có sẵn? Câu chữ mòn sáo, lời văn đơn điệu,

quen nhám? Ấy là cái chết của nghệ thuật, cái chết của người nghệ sĩ trong mỗi nhà văn. Bởi “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những ai biết đào sâu, tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”. (Nam Cao)

- Khi tìm đến yêu cầu sáng tạo đối với nghệ thuật, đã có người băn khoăn tự hỏi: Văn học cùng bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, vậy tại sao không có sự gặp gỡ, trùng lặp? Thật vậy, cuộc đời là lạch ngậm nơi dòng sông văn chương bắt nước. Thế nhưng hiện thực ấy được chảy qua bầu cảm xúc mãnh liệt của mỗi nhà thơ, nhà văn.

Mỗi người nghệ sĩ là một tiểu vũ trụ, tác phẩm văn học là sự phản ánh tiểu vũ trụ ấy. Vì vậy, không có những tác phẩm “song sinh” dù tâm hồn anh cùng đồng điệu, tri kỷ với tâm hồn tôi.

- Mặt khác, người đọc tìm đến với văn học nói chung, thơ ca nói riêng để đắm mình trong vẻ đẹp của sự sáng tạo. Có ai yêu những áng thơ mòn cũ, quen nhám; có ai nhớ những vần điệu nhạt nhẽo, sáo rỗng. Không đi theo con đường sáng tạo, nhà thơ sẽ chỉ còn lại một mình giữa sự thờ ơ, quên lãng của người đọc. Như thế, cuộc đời cầm bút của anh trở nên vô nghĩa. Bởi “điều còn lại đối với mỗi nhà văn chính là cái giọng nói riêng của mình”. Yêu cầu về sáng tạo ấy gợi nhắc trong lòng người đọc nỗi nhớ khôn nguôi về những nhà thơ đã dành trọn cuộc đời mình cho văn chương, nghệ thuật, 161

- Chợt nhớ tới chủ nghĩa đề tài một thuở, nhà văn, nhà thơ hát chung khúc hát, không có giọng điệu riêng, ấn tượng riêng. Chính vì vậy, những tác phẩm ấy nhanh chóng ra đi trong cảm nhận của người đọc như một làn gió mỏng manh thoáng qua. Như vậy, mỗi người nghệ sĩ trong quá trình cầm bút cần phải tạo được tiếng nói riêng, âm sắc riêng. Nó đòi hỏi anh phải miệt mài trên con đường sáng tạo, không ngừng nghỉ, không lùi bước.

Một âm vang tha thiết, đặc sắc giữa cõi văn chương, ấy là sức sống của anh, là ấn tượng của anh trong lòng người đọc muôn đời.

-Văn học là một trong những hình thái nghệ thuật phản ánh đời sống. Nếu các nhà khoa học lấy mục đích cuối cùng của việc nghiên cứu là nhằm đạt tới chân lý khách quan biểu thị qua những định lý, định luật mang tính khuôn mẫu, là nguyên tắc chung...thì các nhà văn lại phải tìm trong hiện thực cuộc sống bộn bề những vấn đề cá biệt mang tính bản chất và phản ánh vào trong tác phẩm thông qua những hình thức nghệ thuật riêng với quan điểm của riêng mình.

- Tác phẩm văn học khi được viết ra bằng ngôn từ nghệ thuật nhất thiết phải thể hiện được cách nhìn về hiện thực riêng, những tìm tòi về nghệ thuật riêng của người nghệ sĩ. Hình ảnh cuộc sống trong tác phẩm là hình ảnh của hiện thực đã đi qua một tâm hồn, một cá thể và dấu ấn cá thể in vào trong đó “càng độc đáo càng hay”. Xuân Diệu đã nói: *Chỉ có những tâm hồn đồng điệu chứ không thể có những con người là phiên bản của nhau. Bởi vậy, sáng tác văn học, một thí sản xuất “đặc biệt và cá thể” nhất quyết không thể tạo ra những tác phẩm giống nhau như khuôn đúc.*

- Giọng nói riêng của nhà văn có thể hiểu là một tâm tư tình cảm riêng, một thái độ sống, cách nhìn, cách đánh giá về hiện thực cuộc sống riêng được biểu hiện trong tác phẩm bằng hình thức nghệ thuật phù hợp. Cuộc sống phong phú muôn màu muôn vẻ luôn ẩn chứa nhiều điều bí ẩn, chứa nhiều điều bí mật, kỳ diệu cần được khám phá. Bề dày lịch sử văn học thế giới đã được tạo dựng hàng loạt những khám phá riêng ấy. Song điều đó không có nghĩa người nghệ sĩ được phép lùi bước trong sáng tạo. Viên Mai cho rằng: “Làm thơ quý nhất là lật đổ cái án cũ mới hay”. Điều Viên Mai cho rằng “quý nhất” ấy thực chất cần thiết với văn học nói chung, nào phải chỉ riêng thơ ca. Chỉ có điều: với tư 162 cách là loại hình nghệ thuật phản ánh cuộc sống bằng phương thức trữ tình, yêu cầu “lật đổ cái án cũ” với thơ ca được đề cao hơn hết thảy.

- Người nghệ sĩ phải có một con mắt tinh sắc, một tâm hồn nhạy cảm và một tài năng đã đến độ chín để gửi vào trong tác phẩm giọng nói riêng của mình. Anh có thể học tập, tiếp thu tinh hoa trong tác phẩm của các nhà văn lớp trước nhưng phải trên cơ sở sự sáng tạo. Nói như M. Gorki: *Các anh hãy học tập tất cả những nhà văn có phong cách điều luyện, nhưng các anh hãy tìm lấy nốt nhạc lời ca cho riêng mình.*

- Người nghệ sĩ không được phép lười biếng hay bất chước mà phải luôn trong tâm thế tìm tòi, sáng tạo. Tất nhiên điều đó không có nghĩa nhà văn được phép tìm tòi theo hướng cực đoan, viết những điều không ai hiểu được.

Để thơ trở thành thơ, để nghệ thuật trở thành nghệ thuật, người làm thơ phải luôn ý thức: sáng tạo cái độc đáo. Không ai đòi hỏi khuôn mẫu cho nghệ thuật, cũng không ai dạy nhà thơ phải phản ánh thế này, xúc động thế kia. Đây là công việc của nhà làm thơ. “Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể”. Bởi vì mỗi tâm hồn là một “vương quốc riêng”, mỗi bài thơ là một đứa con tinh thần riêng của người nghệ sĩ, thật khó tìm thấy sự trùng lặp trong sáng tạo. Bởi “tâm thường là cái

chết của nghệ thuật”, sự lặp lại tẻ nhạt là cái chết của thơ ca. Độc đáo luôn là yêu cầu muôn đời của văn chương nghệ thuật.

XI. NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Khái niệm

- Nhân vật văn học là con người được nhà văn miêu tả trong tác phẩm bằng phương tiện văn học. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

- Nhân vật văn học có thể là con người có tên (như , Thúy Vân, Thúy Kiều, Từ Hải, Kim Trọng, ông Hai, ông Sáu, bé Thu...), có thể là những người không có tên (như thằng bán tơ, viên quan, mụ chủ nhà, anh thanh niên, ông họa sĩ, cô kĩ sư...) hay có thể là một đại từ nhân xưng nào đó (như một số nhân vật xưng tôi trong các truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình-ta trong ca dao...). Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi trên 2 phương diện: số lượng: hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng: Dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỷ, đồ vật...nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của con người,

- Nhân vật là một hiện tượng nghệ thuật có tính ước lệ, có những dấu hiệu để nhận biết: Tên gọi, những dấu hiệu về tiểu sử, nghề nghiệp, những đặc điểm riêng. Những dấu hiệu đó thường được giới thiệu ngay từ đầu và thông thường, sự phát triển về sau của nhân vật gắn bó mật thiết với những giới thiệu ban đầu đó. Việc giới thiệu Thúy Vân, Thúy Kiều khác nhau dường như cũng báo trước về số phận của mỗi người sau này:

Vân xem trang trọng khác với

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước lọc, tuyết nhường màu da.

Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn

Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Hay việc giới thiệu Hoạn Thư:

Ở ăn thì nét cũng hay,

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

Gắn liền với những suy nghĩ, nói năng, hành động trong quá trình phát triển về sau của nhân vật.

- Nhân vật văn học không giống với các nhân vật thuộc các loại hình nghệ thuật khác. Ở đây, nhân vật văn học được thể hiện bằng chất liệu riêng là ngôn từ. Vì vậy, nhân vật văn học đòi hỏi người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng, liên tưởng để dựng lại một con người hoàn chỉnh trong tất cả các mối quan hệ của nó.

2. Vai trò của nhân vật trong tác phẩm

- Nhân vật văn học có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời. Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có mục đích gắn liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập đến trong tác phẩm. Vì vậy, tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm, bên cạnh việc xác định những nét tính cách của nó, cần nhận ra những vấn đề của hiện thực và quan niệm của nhà văn mà nhân vật muốn thể hiện. Chẳng hạn, khi nhắc đến một nhân vật, nhất là các nhân vật chính, người ta thường nghĩ đến các vấn đề gắn liền với nhân vật đó. Gắn liền với Kiều là thân phận của người phụ nữ có tài sắc trong xã hội cũ. Gắn liền với Kim Trọng là vấn đề tình yêu và ước mơ vươn tới hạnh phúc. Gắn liền với Từ Hải là vấn đề đấu tranh để thực hiện khát vọng tự do, công lí... Trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ, nhân vật Vũ Nương hiện lên với một người phụ nữ hiền thực nết na, tư dung tốt đẹp nhưng phải sống một cuộc đời lênh đênh, vất vả, đau thương tàn khốc, cuộc đấu tranh giữ dội giữa mạng sống và danh dự giữa trái tim và lý trí của người phụ nữ trong xã hội xưa. Đằng sau nhiều nhân vật trong truyện cổ tích là vấn đề đấu tranh giữa thiện và ác, tốt và xấu, giàu và nghèo, những ước mơ tốt đẹp của con người.

- Do nhân vật có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời cho nên trong quá trình mô tả nhân vật, nhà văn có quyền lựa chọn những chi tiết, yếu tố mà họ cho là cần thiết bộc lộ được quan niệm của mình về con người và cuộc sống. Chính vì vậy, không nên đồng nhất nhân vật văn học với con người trong cuộc đời. Khi phân tích, nghiên cứu nhân vật, việc đối chiếu, so sánh

có thể cần thiết để hiểu rõ thêm về nhân vật, nhất là những nhân vật có nguyên mẫu ngoài cuộc đời nhưng cũng cần luôn luôn nhớ rằng nhân vật văn học là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo gắn liền với ý đồ tư tưởng của nhà văn trong việc nêu lên những vấn đề của hiện thực cuộc sống. Bê tông Brecht cho rằng: *Các nhân vật của tác phẩm nghệ thuật không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả.*

3. Phân loại nhân vật văn học

Nhân vật văn học là một hiện tượng hết sức đa dạng. Những nhân vật được xây dựng thành công từ xưa đến nay bao giờ cũng là những sáng tạo độc đáo, không lặp lại. Tuy nhiên, xét về mặt nội dung tư tưởng, kết cấu, chất lượng miêu tả..., có thể thấy những hiện tượng lặp đi lặp lại tạo thành các loại nhân vật khác nhau. Để nắm bắt được thế giới nhân vật đa dạng, phong phú, có thể tiến hành phân loại chúng ở nhiều góc độ khác nhau.¹⁶⁵

a. Từ góc độ nội dung, phẩm chất nhân vật: Có thể nói đến các loại nhân vật chính diện (nhân vật tích cực), nhân vật phản diện (nhân vật tiêu cực).

- **Nhân vật chính diện là nhân vật đại diện cho lực lượng chính nghĩa trong xã hội, cho cái thiện, cái tiến bộ.** Khi nhân vật chính diện được xây dựng với những phẩm chất hoàn hảo, có tính chất tiêu biểu cho tinh hoa của một giai cấp, một dân tộc, một thời đại, mang những mầm mống lí tưởng trong cuộc sống...có thể được coi là nhân vật lí tưởng. Ở đây, cũng cần phân biệt nhân vật lí tưởng với nhân vật lí tưởng hóa. Loại nhân vật sau là loại nhân vật được tổ hồng, hoàn toàn theo chủ quan của nhà văn. Đi đây, nhà văn đã vi phạm tính chân thực của sự thể hiện.

- **Nhân vật phản diện là nhân vật đại diện cho lực lượng phi nghĩa, cho cái ác, cái lạc hậu, phản động, cần bị lên án.** Trong quá trình phát triển của văn học, trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, việc xây dựng các loại nhân vật trên cũng khác nhau. Nếu như trong thần thoại chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa nhân vật chính diện và nhân vật phản diện thì trong truyện cổ tích, các truyện thơ Nôm, các nhân vật thường được xây dựng thành 2 tuyến rõ rệt có tính chất đối kháng quyết liệt. Ở đây, hẳn là nhân vật chính diện thường tập trung những đức tính tốt đẹp còn nhân vật phản diện thì hoàn toàn ngược lại. Trong văn học hiện đại, nhiều khi khó phân biệt đâu là nhân vật chính diện, đâu là nhân vật phản diện. Việc miêu tả này phù hợp với quan niệm cho rằng hiện thực nói chung và con người nói riêng không phải chỉ mang một phẩm chất thẩm mĩ mà bao hàm nhiều

phẩm chất thẩm mỹ khác nhau, cái nhìn của chủ thể đối với sự vật nhiều chiều, phức hợp chứ không đơn điệu... Những nhân vật như chị Dậu, lão Hạc, ông Hai... là những nhân vật có bản chất tốt nhưng đó không phải là phẩm chất duy nhất của nhân vật. Bakhtin cho rằng: *cần phải thống nhất trong bản thân mình vừa các đặc điểm chính diện lẫn phản diện, vừa cái tâm thường lẫn cái cao cả, vừa cái buồn cười lẫn cái nghiêm túc*. Chính vì vậy, ở đây, sự phân biệt chính diện, phản diện chỉ có ý nghĩa tương đối. Khi đặt nhân vật vào loại nào để nghiên cứu, cần phải xét khuynh hướng chủ đạo của nó đồng thời phải chú ý đến các khuynh hướng, phẩm chất thẩm mỹ khác nữa. Trong giai đoạn trước, những nhân vật như Kiều, Hoạn Thư, Thúc Sinh cũng được Nguyễn Du miêu tả ở nhiều góc độ, với nhiều phẩm chất khác nhau chứ không phải chỉ có một phẩm chất chính diện hoặc phản diện.

b. Từ góc độ kết cấu: Xem xét chức năng và vị trí của nhân vật trong tác phẩm, có thể chia thành các loại nhân vật: nhân vật chính, nhân vật trung tâm, nhân vật phụ.

- **Nhân vật chính là nhân vật giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức và triển khai tác phẩm.** Ở đây, nhà văn thường tập trung miêu tả, khắc họa tỉ mỉ từ ngoại hình, nội tâm, quá trình phát triển tính cách của nhân vật. Qua nhân vật chính, nhà văn thường nêu lên những vấn đề và những mâu thuẫn cơ bản trong tác phẩm và từ đó giải quyết vấn đề, bộc lộ cảm hứng tư tưởng và tình điệu thẩm mỹ.

Nhân vật chính có thể có nhiều hoặc ít tùy theo dung lượng hiện thực và những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. Với những tác phẩm lớn có nhiều nhân vật chính thì nhân vật chính quan trọng nhất xuyên suốt toàn bộ tác phẩm được gọi là nhân vật trung tâm. Trong không ít trường hợp, nhà văn dùng tên nhân vật trung tâm để đặt tên cho tác phẩm. Ví dụ: Đông Ki sốt của Cervantes, Anna Karenina của L. Tônxtôi, A.Q chính truyện của Lỗ Tấn, Truyện Kiều của Nguyễn Du...

- Trừ một hoặc một số nhân vật chính, những **nhân vật còn lại đều là những nhân vật phụ ở các cấp độ khác nhau. Đó là những nhân vật giữ vị trí thứ yếu** so với nhân vật chính trong quá trình diễn biến của cốt truyện, của việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Nhân vật phụ phải góp phần hỗ trợ, bổ sung cho nhân vật chính nhưng không được làm mờ nhạt nhân vật chính. Có nhiều nhân vật phụ vẫn được các nhà văn miêu tả đậm nét, có cuộc đời và tính cách riêng, cùng với những nhân vật khác tạo nên một bức tranh đời sống sinh động và hoàn chỉnh.

c. Từ góc độ thể loại. Có thể phân thành các nhân vật: nhân vật trữ tình, nhân vật tự sự và nhân vật kịch.

d. Từ góc độ chất lượng miêu tả: Có thể phân thành các loại: nhân vật, tính cách, điển hình.

- **Nhân vật là những con người nói chung được miêu tả trong tác phẩm.** Nhà văn có thể chỉ mới nêu lên một vài chi tiết về ngôn ngữ, cử chỉ, hành động cũng có thể miêu tả kĩ và đậm nét.

- **Tính cách là nhân vật được khắc họa với một chiều sâu bên trong.** Nó như một điểm quy tụ mà từ đó có thể giải thích được mọi biểu hiện muôn màu, muôn vẻ sinh động bên ngoài của nhân vật. ¹⁶⁷

- **Điển hình là tính cách đã đạt đến độ thực sâu sắc, là sự thống nhất giữa cái chung và cái riêng,** cái khái quát và cái cá thể. Nói một cách nghiêm ngặt, thuật ngữ này chỉ được áp dụng từ chủ nghĩa hiện thực phê phán trở về sau.

- Ngoài những loại nhân vật được trình bày, có thể nêu lên một số khái niệm khác về nhân vật qua các trào lưu văn học khác nhau, chẳng hạn, khái niệm nhân vật bé nhỏ trong văn học hiện thực phê phán, khái niệm nhân vật-con vật người trong chủ nghĩa tự nhiên, nhân vật-phi nhân vật trong các trào lưu văn học hiện đại chủ nghĩa ở phương Tây.

4. Một số biện pháp xây dựng nhân vật

- Để xây dựng thành công một nhân vật văn học, nhà văn phải có khả năng đồng cảm, phát hiện những đặc điểm bền vững ở nhân vật. Điều này đòi hỏi nhà văn phải hiểu đời và hiểu người. Nhưng có một điều không kém phần quan trọng là nhà văn phải miêu tả, khắc họa nhân vật ấy sao cho có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với người đọc. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến những biện pháp xây dựng nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Có nhiều biện pháp khác nhau trong việc xây dựng nhân vật. Vì đây chỉ xét một số biện pháp chung, chủ yếu nhất: Miêu tả nhân vật qua ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ và hành động.

a. Qua ngoại hình

- Ngoại hình là dáng vẻ bên ngoài của nhân vật bao gồm y phục, cử chỉ, tác phong, diện mạo... Đây là yếu tố quan trọng góp phần cá tính hóa nhân vật.

- Nếu như văn học cổ thường xây dựng ngoại hình nhân vật với những chi tiết ước lệ, tượng trưng thì văn học hiện đại thường đòi hỏi những chi tiết chân thực và cụ thể sinh động. M. Gorki khuyên các nhà văn phải xây dựng nhân vật của mình đúng như những con người sống và phải tìm thấy, nêu lên, nhấn mạnh những nét riêng độc đáo, tiêu biểu trong dáng điệu, nét mặt, nụ cười, khóe mắt...của nhân vật.

- Ngoại hình nhân vật cần góp phần biểu hiện nội tâm. Đây cũng chính là sự thống nhất giữa cái bên ngoài và cái bên trong của nhân vật. Vì vậy, khi tính cách, đời sống bên trong của nhân vật thay đổi, nhiều nét bên ngoài của nhân vật cũng thay đổi theo.

168

- Khi xây dựng ngoại hình nhân vật, nhà văn cần thể hiện những nét riêng biệt, cụ thể của nhân vật nhưng qua đó, người đọc có thể nắm bắt được những đặc điểm chung của những người cùng nghề nghiệp, tầng lớp, thời đại...Những nhân vật thành công trong văn học từ xưa đến nay cho thấy nhà văn bao giờ cũng chọn lựa công phu những nét tiêu biểu nhất để khắc họa nhân vật

b. Qua biểu hiện nội tâm

- Khái niệm nội tâm nhằm chỉ toàn bộ những biểu hiện thuộc cuộc sống bên trong của nhân vật. Đó là những tâm trạng, những suy nghĩ, những phản ứng tâm lý...của nhân vật trước những cảnh ngộ, những tình huống mà nó gặp phải trong cuộc đời.

- Trong quá trình phát triển của lịch sử văn học, việc thể hiện nhân vật qua nội tâm ngày càng có vai trò quan trọng. Trong văn học Việt Nam, so với các giai đoạn trước, truyện Kiều của Nguyễn Du đã đạt được những thành tựu rực rỡ. Tác phẩm chứng tỏ Nguyễn Du có khả năng nắm bắt một cách tài tình những ý nghĩ, tình cảm sâu kín của nhân vật và diễn tả nó một cách sinh động.

- Sự biểu hiện hợp lý và sâu sắc nội tâm góp phần rất lớn tạo nên sức sống của nhân vật. Nói như L. Tônxtôi: *“Mục đích chính của nghệ thuật...là nói lên sự thật về tâm hồn con người, nói lên những điều bí ẩn không thể diễn tả bằng ngôn ngữ thông thường được”*. Để làm được điều đó, nhà văn phải hiểu sâu sắc cuộc sống và con người, nắm bắt được những biểu hiện và diễn biến dù nhỏ nhất nhất đời sống bên trong của nhân vật.

c. Qua ngôn ngữ nhân vật

- Khái niệm ngôn ngữ nhân vật nhằm chỉ những lời nói của nhân vật trong tác phẩm. Lời nói đó phản ánh kinh nghiệm sống cá nhân, trình độ văn hóa, tư tưởng, tâm lý, thị hiếu.

Đằng sau mỗi câu nói của mỗi con người đều có lịch sử riêng của nó. Sedrin cho rằng: *Từ cửa miệng một người nói ra không hề có lấy một câu nào mà lại không thể truy nguyên đến cái hoàn cảnh đã khiến cho nó xuất hiện. Trong cuộc sống, không thể có những hành động, những câu nói mà đằng sau lại không có một lịch sử riêng. Quả là trong cuộc sống không thể có những người nói hoàn toàn giống nhau, vì vậy nhà văn cần phát hiện những nét riêng của ngôn ngữ nhân vật để thể hiện trong tác phẩm.*

- Trong các tác phẩm tự sự nói chung, lời nói của nhân vật thường chiếm tỉ lệ ít hơn so với ngôn ngữ người kể chuyện nhưng lại có khả năng thể hiện sinh động và kêu gọi cho người đọc hình dung về bản chất, tính cách của nhân vật.

- Trong các trào lưu văn học hiện thực, việc cá thể hóa nhân vật qua ngôn ngữ nhân vật được nhà văn đặc biệt quan tâm và được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, nhà văn có thể để cho nhân vật lặp đi lặp lại nhiều lần một số từ hoặc một số câu mà nhân vật thích (Biết rồi, khổ lắm, nói mãi của cụ cố Hồng trong số đó của Vũ Trọng Phụng), có thể để nhân vật sử dụng một số từ địa phương, từ nước ngoài, cách phát âm sai...nhưng dù sử dụng cách nào, ngôn ngữ của nhân vật cũng phải có sự chọn lọc nhằm đạt đến sự thống nhất giữa cá thể hóa và khái quát hóa, đồng thời cũng phải phù hợp với hoàn cảnh và tính cách của nhân vật.

d. Qua hành động nhân vật

- Hành động nhân vật là khái niệm nhằm chỉ các việc làm của nhân vật. Đây là phương diện đặc biệt quan trọng để thể hiện tính cách nhân vật vì việc làm của mỗi người là căn cứ quan trọng có ý nghĩa quyết định nói lên tư cách, lý tưởng, phẩm chất cũng như những đặc điểm thuộc về thế giới tinh thần của người đó. Hơn nữa, trong các tác phẩm tự sự, tính cách nhân vật không phải ngay từ đầu đã được hình thành trọn vẹn. Chính hành động có tác dụng bộc lộ quá trình phát triển của tính cách và thúc đẩy sự diễn biến của hệ thống cốt truyện...Thông qua các mối quan hệ, sự đối xử giữa các nhân vật trong những tình huống khác nhau, người đọc có thể xác định được những đặc điểm, bản chất của nhân vật.

- Thông thường, khi miêu tả hành động nhân vật, nhà văn thường kết hợp với những biểu hiện nội tâm tương ứng vì đằng sau mỗi hành động, bao giờ cũng có một tâm trạng hoặc một động cơ nào đó. Dùng nội tâm để lý giải hành động, sử dụng hành động để làm sáng tỏ nội tâm là một hiện tượng phổ biến trong việc miêu tả nhân vật.

- Trên đây là những biện pháp chung nhất trong việc xây dựng nhân vật. Ngoài những biện pháp trên, nhà văn còn có thể khắc họa nhân vật thông qua việc đánh giá của các nhân vật khác trong tác phẩm, thông qua việc mô tả đồ dùng, nhà cửa, môi trường xã hội, thiên nhiên mà nhân vật sinh sống. Ở những tác phẩm tự sự, ngôn ngữ người kể chuyện là một yếu tố rất quan trọng trong việc bộc lộ, miêu tả và đánh giá nhân vật.

-Việc phân biệt các biện pháp xây dựng nhân vật như trên chỉ có tính chất tương đối. Trong thực tế, các biện pháp này nhiều khi không tách rời mà gắn bó chặt chẽ với nhau. Vì vậy, nhiều khi rất khó chỉ ra các biện pháp xây dựng nhân vật dưới một hình thức thuần túy và độc lập. Một điều cũng cần lưu ý là, nắm bắt các biện pháp trên đây cũng chỉ là nhằm mục đích hiểu một cách đầy đủ và chính xác về nhân vật trong tác phẩm văn học

XII. TÌNH HUỐNG TRUYỆN

1. Khái niệm. Để tiếp cận tình huống truyện, không thể không nhìn nhận trên những khía cạnh căn bản sau đây:

- **Về bản thể:** *Tình huống truyện, xét đến cùng, là một sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn sáng tạo trong tác phẩm theo lối lạ hóa.* Nói “lạ hoá” có nghĩa là:

+ Nhà văn đã làm sống dậy trong sự kiện ấy một tinh thể bất thường của quan hệ đời sống (quan hệ giữa các nhân vật tham gia vào sự kiện, hoặc giữa nhân vật với ngoại giới).

+ Tại sự kiện ấy bản chất của nhân vật hiện hình sắc nét.

+ Tại sự kiện ấy ý tưởng của tác giả cũng bộc lộ trọn vẹn.

Từ đó có thể đúc kết: Tình huống là một sự kiện đặc biệt trong đó *chứa đựng một tình thế bất thường của quan hệ đời sống.*

- **Về hình tượng:** Tình huống cần khu biệt với hai khái niệm giáp ranh: *Đỉnh điểm và hoàn cảnh điển hình.*

+ So với “đỉnh điểm”, tình huống truyện vừa có điểm tương đồng vừa có điểm dị biệt. Đỉnh điểm là một khâu của hệ thống cốt truyện. Nó chỉ được coi là “đỉnh điểm” trong quan hệ với các khâu còn lại *như giới thiệu, thắt nút, phát triển và cởi nút.* Nó là cái “đỉnh chót” của hàng loạt sự kiện và biến cố dệt nên cốt truyện. Còn “tình huống” lại là

cái sự kiện bao trùm lên toàn bộ một tác phẩm truyện ngắn. Trong tình huống dường như có đủ các khâu của cốt truyện nhưng dưới dạng đã được nén lại.

+ So với “hoàn cảnh điển hình”, tình huống truyện vừa rộng hơn vừa hẹp hơn. Rộng về diện hoạt động. Nếu “hoàn cảnh điển hình” là khái niệm chỉ nhất thiết tồn tại trong một phạm trù văn học là “văn học hiện thực”, thì “tình huống truyện”, với tư cách là hạt nhân của một thể loại, lại có mặt ở mọi phạm trù văn học. Còn hẹp về qui mô. “Hoàn cảnh điển hình” thường được tạo dựng từ hàng loạt sự kiện với một khung cảnh xã hội rộng dài, thì tình huống chỉ là một “khoảnh khắc”, một “lát cắt”, thu tóm vào khuôn khổ một sự kiện nhỏ và trọn vẹn nào thôi. Nếu nhìn từ tương quan với hoàn cảnh cũng có thể định nghĩa: *Tình huống là sự cô đặc của một hoàn cảnh điển hình nào đó.*

- **Về vai trò:** Tình huống là hạt nhân của cấu trúc thể loại truyện ngắn. Nghĩa là nó quyết định đến sự sống còn của một truyện ngắn. Hãy nhìn vào hai dạng biến động cơ bản về quy mô của truyện ngắn:

+ *Dạng mở rộng:* Khi một truyện ngắn có đến hai sự kiện “tranh nhau” đóng vai trò hạt nhân, vai trò quán xuyên, thì truyện ngắn đang “vươn vai” thành truyện dài;

+ *Dạng giản lược:* Khi một truyện ngắn co mình lại trong một số chữ hạn định để thành truyện cực ngắn, truyện mini, thì có thể thấy các thành tố khác của truyện như nhân vật, cảnh vật, lời trần thuật có thể giảm thiểu đến kiệt cùng, còn cái mà nó quyết giữ chính là tình huống. Mất “tình huống” nó có thể thành tản văn, thành tùy bút, thành thơ văn xuôi, thành kí, nghĩa là thành gì gì khác...chứ quyết không thể còn là truyện ngắn. Mất tình huống tức là mất tính cách truyện ngắn. Vì thế mà có thể thấy vai trò của nó trong hai tương quan sau:

+ *Với văn bản truyện ngắn:* Nó là nhân tố tổ chức của thiên truyện. Tức là nó bao trùm và chi phối các thành tố khác như nhân vật, cảnh vật, bố cục, kết cấu, lời trần thuật... Nhìn ở chiều ngược lại, những thành tố kia xung quanh để làm sống dậy cái tình huống này. Diện mạo của một truyện ngắn, xét đến cùng, là do tình huống quyết định.

+ *Với người viết truyện ngắn:* Tạo được một tình huống đặc sắc, xem như đã có một tiền đề khá chắc chắn cho thành công của tác phẩm. Nghĩa là, để làm nên một truyện ngắn đầy đặn, người viết còn phải lo nhiều khâu khác như dựng người, dựng cảnh, lo tâm lý, lo đối thoại như thế nào nữa. Nhưng lo được tình huống rồi thì coi như đã có một hứa hẹn tin cậy. Sáng tạo tình huống truyện là phần việc cốt yếu của lao động truyện ngắn vậy.

Từ đó có thể rút ra phương pháp luận đối với người đọc truyện ngắn là: Bước vào một truyện ngắn cần phải nắm được giá trị của các bình diện nghệ thuật cấu thành cái thực thể sinh động là truyện ngắn. Nhưng nếu chưa nắm được tình huống thì coi như chưa nắm được chiếc chìa khóa vàng để mở vào thế giới bí ẩn của truyện ngắn ấy.

2. Phân loại. Từ quan niệm về tình huống, có thể có cách phân loại truyện ngắn sau đây:

a. Về tính chất: Có thể thấy truyện ngắn có ba dạng chính, bởi chứa đựng ba dạng tình huống truyện căn bản:

- **Tình huống hành động.** Là loại sự kiện đặc biệt mà trong đó nhân vật bị đẩy tới một tình thế (thường là éo le) chỉ có thể giải quyết bằng hành động. Tình huống này thường hướng tới một kiểu nhân vật: *Nhân vật hành động*. Tức là loại nhân vật chủ yếu được hiện lên bằng hệ thống hành vi, hành động của nó, các bình diện khác ít được quan tâm. Do đó, nó quyết định đến diện mạo của toàn truyện: *Truyện ngắn giàu kịch tính*. Thậm chí mỗi thiên truyện, ở dạng rõ nét nhất, có thể coi như một màn kịch, một vở kịch ngắn trong y phục văn xuôi (Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan là một trường hợp tiêu biểu).

- **Tình huống tâm trạng.** Đó là sự kiện đặc biệt của đời sống mà ở đó nhân vật rơi vào một tình thế làm nảy sinh một biến động nào đó trong thế giới tình cảm. Tình huống này thường dẫn tới một kiểu nhân vật là: *Con người tình cảm*. Nghĩa là kiểu nhân vật được hiện lên chủ yếu bằng thế giới nội cảm của nó, nhà văn tạo dựng nên hình tượng nhân vật chủ yếu bằng một hệ thống chất liệu là cảm giác, cảm xúc với các phức hợp khác nhau của chúng. Còn các khía cạnh khác (như ngoại hình, hành động, lý tính...) ít được quan tâm. Và vì thế, nó quyết định đến diện mạo của toàn truyện: *Truyện ngắn trữ tình*. (Truyện ngắn Thanh Tịnh... , nhất là Thạch Lam nghiêng về dạng này)

- **Tình huống nhận thức.** Đó là sự kiện đặc biệt của đời sống mà tại đó nhân vật được đẩy tới một tình thế bất thường: Đối mặt với một bài học nhận thức, bật lên một vấn đề (về nhân sinh, về nghệ thuật) cần phải vỡ lẽ, giác ngộ. Kiểu nhân vật của dạng tình huống này đương nhiên là: *Nhân vật tư tưởng*. Nghĩa là kiểu nhân vật được khai thác chủ yếu ở đời sống nhận thức lý tính của nó. Chất liệu cơ bản để dệt nên nhân vật là hệ thống những quan sát, phân tích, suy lý, đúc kết, chiêm nghiệm, toan tính v.v...Mà trường hợp đậm đặc nhất là mỗi nhân vật giống như một tư tưởng được nhân vật hoá vậy. Diện mạo của loại truyện ngắn này cũng đương nhiên là *ngiên về triết luận* (Nhiều truyện ngắn

của Nam Cao(Lão Hạc), và của Kim Lân ở giai đoạn sau này có lẽ nghiêng về kiểu ấy). Cần lưu ý, ở những trường hợp cực đoan, nó có thể là truyện ngắn luận đề.

Cũng cần phải lưu ý rằng: Sự phân loại này là tương đối. Trong thực tế các dạng ấy đều ít nhiều có tính pha tạp chứ không hoàn toàn “thuần chủng” như mô tả. Việc nhận diện chỉ dựa vào sự nổi trội của yếu tố nào đó.

b. Về số lượng: Có thể thấy truyện ngắn có hai loại:

- *Truyện một tình huống.* Cả truyện ngắn chỉ xoay quanh có một tình huống duy nhất bao trùm. Có thể nói đây là loại truyện ngắn điển hình.
- *Truyện ngắn nhiều tình huống.* Cả thiên truyện được dệt từ nhiều tình huống. Tuy nhiên, trong đó, chúng cũng phân vai thành chính-phụ (nghĩa là có cái nào đó là chủ chốt) chứ không phải tất cả đều ngang hàng nhau, theo lối dàn đều. Đây là dạng truyện ngắn không thật điển hình. Chúng thường có dáng dấp của một truyện dài thu nhỏ, hơn là một truyện ngắn thực thụ (trong chương trình cấp hai, có thể ví dụ: Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ, Lão Hạc của Nam Cao, Tức nước vỡ bờ(trích trong Trong Tắt đèn) của Ngô Tất Tố....)

Từ chỗ coi tình huống là hạt nhân của cấu trúc thể loại truyện ngắn, có thể thấy: Thực ra, chỉ có Truyện ngắn và Truyện dài. Không có cái gọi là Truyện vừa. Bởi việc phân định ra Truyện vừa chỉ dựa vào có một tiêu chí rất phụ là độ dài trung bình của văn bản truyện mà thôi.

3. Phương pháp tiếp cận tình huống

Từ những nội dung lí thuyết trình bày trên đây, ít nhất có thể rút ra những ý nghĩa phương pháp luận đối với việc tiếp cận sau: Với người đọc, bước vào một truyện ngắn tuy không thể bỏ qua việc phân tích tìm hiểu các thành tố khác cấu thành cái thực thể sinh động là truyện ngắn (*như nhân vật, cảnh vật, cốt truyện, kết cấu, ngôn ngữ.*), nhưng nếu chưa nắm được *tình huống* thì coi như chưa nắm được chiếc chìa khóa quan trọng nhất để mở vào thế giới bí ẩn của truyện ngắn ấy. Đọc vào truyện ngắn thì điều tối quan trọng là phải đọc cho ra tình huống truyện của nó.

Có thể hình dung về quy trình tiếp cận tình huống với các bước chính như sau:

Bước 1. Xác định tình huống truyện:

- **Đặt câu hỏi:** Sự kiện nào bao trùm và chi phối toàn bộ thiên truyện này? Hay Sự kiện\ bao trùm nào đã giúp tác giả dựng lên toàn bộ truyện ngắn này?

- **Tổng hợp các tình tiết:** Lướt qua những tình tiết chính và xác định: Một trong các tình tiết ấy đóng vai trò bao trùm, chi phối quán xuyên toàn truyện, hay chúng chỉ là những thành tố nối kết với nhau để làm thành một sự kiện lớn hơn, sự kiện ấy mới trùm lên tất cả? Đáng chú ý nhất ở đây là cái tình thế bất thường nào đó mà chúng chứa đựng.

- **Tìm tên gọi để định danh:** Đây là khâu khá then chốt, chưa tìm được tên thích hợp thì xem như tình huống vẫn còn nằm ngoài tầm tay của ta vậy.

Bước 2: Phân tích tình huống. Cần tiến hành phân tích các bình diện cơ bản sau đây

- Diện mạo của tình huống (bình diện không gian)
- Diễn biến của tình huống (bình diện thời gian)
- Mối liên kết của tình huống với các khâu khác của tác phẩm (chi phối đến tổ chức hình thức của văn bản nghệ thuật truyện ngắn)

Bước 3: Rút ra ý nghĩa của tình huống: Tức là rút ra cái thông điệp thẩm mỹ mà tình huống chứa đựng

- **Về quan niệm:** Toát lên quan niệm gì về nhân sinh, thẩm mỹ

- **Về cảm xúc:** Chứa đựng cảm xúc chủ đạo gì

- **Ví dụ minh họa:**

+Loại truyện ngắn điển hình với một tình huống. Có thể phân tích 3 ví dụ:

Ví dụ 1: “Làng” của Kim Lân: Tình huống hành động-kiểu nhân vật hành động-truyện ngắn giàu kịch tính.

Ví dụ 2:”Bến quê” của Nguyễn Minh Châu: Tình huống tâm trạng-kiểu nhân vật tình cảm-dạng truyện ngắn trữ tình;

Ví dụ 3: “Lão Hạc” của Nam Cao: Tình huống nhận thức-kiểu nhân vật tư tưởng-dạng truyện ngắn triết luận.

+Loại truyện không thật điển hình: Với nhiều tình huống. Phân tích hai ví dụ.

. Ví dụ 1: Truyện ngắn “Lặng lẽ SaPa” của Nguyễn Thành Long

. Ví dụ 2: Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê

XIII. CHI TIẾT TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Chi tiết nghệ thuật là gì?

- Chi tiết là một từ ngữ quen thuộc trong giao tiếp hằng ngày. Theo Từ điển Tiếng Việt thì **chi tiết** là: phần rất nhỏ, điểm nhỏ trong nội dung sự việc hoặc hiện tượng (Ví dụ kể rành rọt từng chi tiết). Chi tiết là phần riêng rẽ hoặc đơn giản nhất của chúng có thể tháo lắp được (Ví dụ chi tiết máy).

Như vậy trong đời sống hằng ngày từ “chi tiết” được hiểu và dùng như một thành tố, một bộ phận nhỏ của một sự việc, tổng thể. Chi tiết được hiểu như là một thành phần thuộc về cấu tạo.

-Trong văn học, theo cuốn “Từ điển thuật ngữ văn học”, các tác giả cho chi tiết nghệ thuật là: “các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng”. Sách giáo khoa ngữ văn 11-Nâng cao cho rằng tiết nghệ thuật là những biểu hiện cụ thể, lắm khi nhỏ nhặt, nhưng lại cho thấy tính cách nhân vật và diễn biến quan hệ của chúng, đồng thời cũng biểu hiện sự quan sát và nghệ thuật kể chuyện của tác giả. Do đó chi tiết rất quan trọng đối với nhân vật, vừa tạo ra sức hấp dẫn, thú vị vừa bộc lộ ý nghĩa của chúng”.

Như vậy chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Sức chinh phục của hình tượng nghệ thuật là ở sự truyền cảm thi góp phần quyết định tạo ra sức truyền cảm hấp dẫn lôi cuốn người đọc là nhờ chi tiết.

2. Đặc điểm và vai trò của chi tiết trong tác phẩm tự sự

a. Tính tạo hình của chi tiết nghệ thuật

- Hình tượng nghệ thuật cụ thể, gợi cảm, sống động nhờ các chi tiết về môi trường, phong cảnh chân dung, nội thất, cử chỉ, phản ứng nội tâm, hành vi lời nói. Trong tác phẩm tự sự chi tiết có khả năng gợi ra hình ảnh về sự vật, cảnh vật, con người...đặc biệt là vai trò khắc họa tính cách nhân vật. Nhà văn sử dụng rất nhiều chi tiết-những nét cụ thể để miêu tả ngoại hình, nội tâm, hành động của nhân vật, cũng như cảnh vật, sự kiện có liên quan đến nhân vật đó. Đan dệt hàng loạt các chi tiết với nhau mới có được một bức tranh bằng ngôn ngữ có thể tạo nên một ấn tượng tương đối xác định về nhân vật.

- Ví dụ:

+ Chi tiết cảnh vật trong *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê cho người đọc hiện ra với một hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh, ví dụ như: cây bị tước khô cháy, Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn, hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháykhông khí bàng hoàng thần kinh căng như chảo,...nơi mà thân chết luôn rình rập....đã làm nổi bật lên vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong Nho ,Thao,Phương Định với bao phẩm chất tốt đẹp:lý tưởng sống cao cả, lạc quan,dũng cảm,hồn nhiên,giàu mơ mộng,vượt lên trên hiện thực cuộc sống.

+ Trong truyện ngắn Chiếc lược ngà thì chiếc lược ấy đã tô đậm tình phụ tử thiêng liêng bất diệt, là niềm tin của ông Sáu dành cho bác Ba, là cầu nối giữa quá khứ và mai sau... từ đó làm nổi bật lên vẻ đẹp của nhân vật ông Sáu

+ Trong “Làng” của Kim Lân ông Hai được khắc họa bằng những chi tiết về ngoại hình, hành động,cử chỉ,ngôn ngữ của nhân

+ Anh thanh niên hiện lên với vẻ đẹp thật cao cả qua những lời nói, tâm tư, tính cách của anh khi nói chuyện từ đó hiểu được chiều sâu của nhân vật

- Không chỉ gợi ra hình ảnh về sự vật, khắc họa tính cách nhân vật mà chi tiết nghệ thuật còn có vai trò cá biệt hoá nhân vật. Nhờ những chi tiết đắt giá sắc nét được tạo nên bởi tài năng của nhà văn mà các nhân vật văn học trở thành những gương mặt “quen mà lạ”, “con người này” không hề trộn lẫn mặc dù xuất hiện giữa đám đông cùng loại. Điều là những người nông dân nhưng chị Dậu khác hẳn với Lão Hạc. Tú Bà cũng rất khác với Nghị Quế mặc dù đều là điển hình cho bọn cường hào ác bá.

b. Chi tiết gắn với quan niệm nghệ thuật về con người

- Trong truyện cổ tích nhân vật được xây dựng theo kiểu chức năng theo hai tuyến thiện ác. Nhân vật không có tâm lý chỉ có chi tiết hành động thực hiện hai chức năng đó. Thạch Sanh với chi tiết trừ hung diệt bạo liên tiếp thể hiện sức sống dẻo dai mãnh liệt của cái thiện. Kết lại tác phẩm với hành động Lý Thông đi cướp công,xảo trá là sự trừng phạt đích đáng của cái thiện với cái ác qua đó thể hiện mơ ước của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện trong cuộc đấu tranh giành và giữ hạnh phúc.

- Con người văn học trung đại được quan niệm như con người siêu cá thể. Tư tưởng và hành động cũng như cách ứng xử của con người đều theo khuôn mẫu, quy ước chung bởi bị chi phối của thi pháp nặng về tính quy phạm, ước lệ và tính phi ngã. Con người được

đặt trong những mối quan hệ cơ bản (tam cương), những đức tính chủ yếu trong hệ thống đạo đức của nho giáo (ngũ thường) chi phối đời sống tình cảm của con người. Khi nội tâm có sự giống nhau thì không có bí ẩn để khám phá.

- Do vậy lựa chọn những chi tiết thể hiện tâm lý chủ yếu bằng những chi tiết ngoại hiện như ngôn ngữ, hành động. Điều đó lí giải vì sao Kiều cứ nhất định phải bằng hành động bán mình chuộc cha mới là có hiếu. Nhân vật Vũ Nương với những chi tiết hành động và ngôn ngữ thể hiện vẻ đẹp “công dung ngôn hạnh” của người phụ nữ trung đại. Nhân vật Tử Văn khẳng khái nóng nảy, thấy chuyện bất bằng không tha cũng được khắc hoạ với các chi tiết hành động và ngôn ngữ. Đặc biệt là chi tiết Tử Văn đốt đền tà của viên Bách hộ họ Thôi.

- Văn học hiện đại những năm (1930-1945): Ở mỗi nhà văn có sự thức tỉnh về ý thức cá nhân, họ đã đi vào khám phá đời sống cá nhân mỗi con người, trong đó mỗi cá nhân là một tiểu vũ trụ chứa đầy bí mật có cử chỉ, ngôn ngữ, đời sống nội tâm riêng. Nam Cao thuộc lớp nhà văn ấy, ông đã hướng ngòi bút vào khai thác thế giới nội tâm-chỗ tinh vi huyền diệu nhất của con người...Nam Cao đã miêu tả tâm lí nhân vật bằng rất nhiều thủ pháp với những chi tiết vô cùng đặc sắc. Những trang văn miêu tả sự gàn dở, đáng thương, quẩn quại của Lão Hạc khi nghĩ về con, nghĩ về người bạn thân thiết nhất của mình(cậu vàng) được xem là thành công nhất kết tinh cho biệt tài phân tích tâm lí đạt đến trình độ bậc thầy ở Nam Cao là nhờ những chi tiết khơi sâu vào nội tâm nhân vật.

- Văn học giai đoạn 1945-1954: Với quan niệm con người riêng-chung, con người nhỏ bé bất hạnh trong xã hội cũ được đổi đời trong xã hội mới. Hạnh phúc của họ tìm thấy trong hạnh phúc chung của dân tộc. Xuất phát từ quan niệm này nên số phận của nhân vật có khác so với nhân vật trong văn xuôi hiện thực phê phán (1930-1945) là do cách lựa chọn chi tiết kết thúc khác nhau. Kết thúc của “Làng” là tin làng chợ Dầu được tin cải chính, không theo tây mà đứng cầm bắt khuất cùng chung tay đánh giặc, bảo vệ quê hương thống nhất đất nước, sáng lên ngọn lửa “diệt thù” trong lòng mỗi người dân Việt Nam lúc bấy giờ và ông Hai vẫn sẽ tự hào về nơi mình sinh ra tiếp tục cái sở thích đi khoe về làng.

- Văn học kháng chiến (1945-1975): Với quan niệm con người mang tính sử thi, tạo dáng đứng hào hùng vào lịch sử do vậy việc lựa chọn chi tiết để xây dựng nhân vật cũng khác, nhà văn chọn những chi tiết để lý tưởng hoá nhân vật, nhân vật toả ánh hào quang, họ

đẹp mọi phương diện trong chiến đấu và trong cả đời thường. Trong truyện “Những ngôi sao xa xôi” những cô thiếu nữ tuổi mới mười tám đôi mươi vừa bước ra thời học sinh lãng mạn hồn nhiên vào chiến trường với một khí thế hào hùng dũng cảm “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/mà lòng phơi phới dậy tương lai*” các cô mang trong mình vẻ một ngoại hình lý tưởng, một nhan sắc rất mộng mơ con gái nhưng đồng thời rất kiên cường, lớn lao, có lý tưởng sống cao đẹp, bất khuất kiên trung....nguyện hi sinh đời mình cho tổ quốc. Các cô đẹp ở mọi phương diện và nhà văn cũng đã lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để khắc họa vẻ đẹp lý tưởng ấy.

b. Với bản chất sáng tạo, chi tiết có vai trò biểu lộ tư tưởng, chủ đề tác phẩm

- Chi tiết nghệ thuật trong văn xuôi không chỉ có trị tạo hình mà nó còn có một đặc điểm vô cùng quan trọng nữa, đó là bản chất sáng tạo, khái quát, biểu hiện của nó, khả năng nói nhiều bản thân nó. Tùy theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật trở thành tiêu điểm, hội tụ tư tưởng của tác giả trong tác phẩm. Tuy ngắn gọn cô đúc, nhưng chi tiết nghệ thuật lại chứa đựng một chiều sâu ý nghĩa khôn cùng mà dường như ta khơi mãi cũng

CHUYÊN ĐỀ IV: TUYỂN CHỌN NHỮNG NHẬN ĐỊNH LÝ LUẬN VĂN HỌC HAY, SÂU SẮC.

179

I. MỘT SỐ QUAN NIỆM NHẬN ĐỊNH VỀ VĂN HỌC

- Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng. (Charles DuBos)

- Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (Nam Cao-“Trăng sáng”).
- Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bề nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động. Thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người. Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thực sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian. (LLVH)
- Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học (Tổ Hữu)
- Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên. (Puskin)
- Văn học là nhân học (Gorki) .
- Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư. (Lê Ngọc Trà)
- Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người. (Nguyễn Văn Siêu).
- Văn học thực chất là cuộc đời. Văn học sẽ không là gì cả nếu không vì cuộc đời mà có. Cuộc đời là nơi xuất phát và cũng là nơi đi tới của văn học. (Tổ Hữu)
- Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy đòi hỏi người sáng tạo phải có phong cách nổi bật, tức là có cái gì rất riêng mới lạ trong phong cách của mình. (Văn học 12 nhận định)
- Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư. (Lê Ngọc Trà).
- Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý. (M.Gorki)
- Những cuộc chiến qua đi, những trang lịch sử của từng dân tộc được sang trang, các chiến tuyến có thể được dựng lên hay san bằng. Nhưng những tác phẩm đi xuyên qua mọi thời đại, mọi nền văn hóa hoặc ngôn ngữ cuối cùng vẫn nằm ở tính

nhân bản của nó. Có thể màu sắc, quốc kỳ, ngôn ngữ hay màu da chúng ta khác nhau. Nhưng máu chúng ta đều có màu đỏ, nhịp tim đều giống nhau. Văn học cuối cùng là viết về trái tim con người. Maxim Malien)

- Cảm động lòng người trước hết không gì bằng tình cảm và tình cảm là cái gốc của văn chương. (Bạch Cư Dị)
- Nói nghệ thuật tức là nói đến sự cao cả của tâm hồn. Đẹp tức là một cái gì cao cả. Đã nói đẹp là nói cao cả. Có khi nhà văn miêu tả một cái nhìn rất xấu, một tội ác, một tên giết người nhưng cách nhìn, cách miêu tả phải cao cả. (Nguyễn Đình Thi)
- Không có gì nghệ thuật hơn bản thân lòng yêu quý con người. (Van Gốc)
- Văn chương bắt hủ cỗ kim đều viết bằng huyết lệ. (Lâm Ngữ Đường)
- Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người. (Đặng Thai Mai)
- Cuộc sống còn tuyệt vời biết bao trong thực tế và trên trang sách. Nhưng cuộc sống cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn niềm sầu buồn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời. (“Nhật ký của Nguyễn Văn Thạc”)
- Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái chuôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng máu nóng của mình cho nhân loại (leptonxtoi)
- Tôi khuyên bạn nên đọc truyện cổ tích... thơ ngụ ngôn, các tuyển tập ca dao... Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích... Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa...Hãy đi sâu vào những tác phẩm của nhân dân, nó trong lành như nguồn nước ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra. (M. Gorki)
- Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên Trái Đất. (Béc-tôn trích)
- Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra. (Andecxen)
- Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng với tôi muốn tiểu thuyết là thực sự ở đời. (Vũ Trọng Phụng)

- Văn chương có loại đáng thờ và không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chuyên chú ở văn chương. Loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người. (Nguyễn Văn Siêu)
- Con hãy lắng nghe nỗi buồn của cành cây héo khô, của chim muông què quặt, của hành tinh lạnh ngắt. Nhưng trước hết con hãy lắng nghe nỗi buồn của con người. (Nadimetlicmet)
- Nhà văn đương đại Italia Claudio Magris viết rằng: Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này, luôn luôn rộng hơn bất kỳ một câu trả lời cặn kẽ nào.
- Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. (L. Tônxtôi)
- Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một
- Cái đẹp là cuộc sống. (Secnusepxki)
- Những kết luận khoa học như những thỏi vàng chỉ lưu hành trong một phạm vi nhỏ hẹp. Còn tri thức từ những tác phẩm văn chương như những đồng tiền nhỏ dễ dàng trao thông len lỏi đến với người ta.
- Như một hạt giống vô hình, tư tưởng gieo vào tâm hồn nghệ sĩ và từ mảnh đời màu mỡ ấy nó triển khai thành một hình thức xác định, thành các hình nghệ thuật đầy vẻ đẹp và sức sống. (Belinski)
- Đối tượng mà anh muốn nói đến dù là cái gì cũng chỉ có 1 tí để biểu hiện nó. (Môpat xăng-Pháp)
- Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư, (Lê Ngọc Trà)
- Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người. (M. Gorki) . (Einstein)

II. MỘT SỐ QUAN NIỆM NHẬN ĐỊNH VỀ NHÀ VĂN

- Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả...Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ. (Sê khốp)
- Trước hết là các nghệ sĩ lớn, sau đó mới đến các nhà khoa học, họ xứng đáng hơn ai hết được hưởng sự kính của con người.
- Giống như ngọn lửa thần bốc lên từ những cành khô, tài năng bắt nguồn từ những tình cảm mạnh mẽ nhất của con người. (Rasun Gazatop)
- Nhà văn phải là nhà thư ký trung thành của thời đại. (Banlzac)

- Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác, cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp. (Ai-ma-tốp)
- Nhà văn là người cho máu. (Nữ văn sĩ Pháp Elsa Trisolet)
- Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy. (Sê-Khốp)
- Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng. (M. Gorki)
- Nhà văn phải là người đi tìm găng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người. (Nguyễn Minh Châu)
- Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giác cho những con người bị cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hắt hủi và đọa đầy đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực. (Nguyễn Minh Châu)
- Một nhà văn thiên tài là người muốn cảm nhận mọi vẻ đẹp man mác của vũ trụ. (Thạch Lam).
- Nhà văn phải “đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy mọi vang động của đời”.
- Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. (Nam Cao)
- Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay...Cũng cùng 1 vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để ở chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp. (Nguyễn Tuân)
- Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình. (Ivan Tuốc ghê nhép).
- Nền đất ẩm, chiều manh, trang giấy trắng
Anh khi sinh bao nhiêu vật cho đời

Nên anh chết như chuyển đi dài hạn
Bởi họ sống thay anh có mặt giữa muôn đời.

(Đào Cánh)

- Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại. (Đặng Thai Mai)
- Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là 1 nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp 1 cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình-nghĩa là trở thành nhà thơ. (Rasun Gamzatop).
- Với Thạch Lam: Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn.
- Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp. (Pautopxki)
- Trong tác phẩm “Theo giòng”, Thạch Lam viết: Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc 1 bài học trông nhìn và thưởng thức.
- Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kỳ tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình. (Ivan Tuốc Ghê Nhiếp)
- Cuộc bể dâu mà con người nhìn thấy trong văn thơ dân tộc là máu trong trái tim¹⁸⁴ của người nghệ sĩ. (Tố Hữu)
- Hãy đập vào tim anh-Thiên tài là nơi đó. (A.De Muiytxe)
- Có những đêm không ngủ, mắt rực cháy và thổn thức, lòng tràn ngập nhớ nhung...Khi đó tôi viết. (Lecmontop)
- Tôi thu thập hình tượng cũng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng sáu lần xích đạo trong một năm ba tháng và đậu lên bảy triệu bông hoa để làm nên một gam mật. (P.Povlenko)

- Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang. (Chế Lan Viên)
- Một nhà nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo trong cốt tủy. (Sê khốp)
- Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp. (Ai ma tập)
- Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn. (Thạch Lam)
- Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức. (Thạch Lam)
- Nhà văn là người cho máu. (Enxai Toriote)
- Văn học là nhân học. (Gorki)
- Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng. (M.Gorki)

III. MỘT SỐ QUAN NIỆM, NHẬN ĐỊNH VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC

- Mỗi tác phẩm nghệ thuật phải là một phát minh về hình thức và khám phá mới về nội dung (Leonit Leonop)
- L.Tôn-xi khẳng định: Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, tước mơ cháy bỏng vì 1 xã hội công bằng, bình đẳng bác ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vượt lên trên những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại.
- Giá trị của 1 tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các bậc tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên cũng là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm lớn. (Nguyễn Khải)
- Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm. (Paxtopxki)
- Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn của ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng nội tâm, như sự dẫn dắt và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật. (Aimatop)

- Phải đẩy tới chóp đỉnh cao của mâu thuẫn thì sự sống nhiều hình mới về ra. (Heghen)
- Trong tác phẩm Đồi thừa Nam Cao cho rằng: Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình...Nó làm cho người gần người hơn.
- Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng hét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó. (Belinski)
- Mỗi tác phẩm đều có ít nhiều nhà văn. (Thạch Lam)

IV. MỘT SỐ QUAN NIỆM, NHẬN ĐỊNH VỀ GIÁ TRỊ CỦA VĂN HỌC

- Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn (M.L.Kalinine)
- Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khi giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú thêm. (Thạch Lam)
- Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý. (M. Gorki)
- Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lý giải cuộc sống. 186 (Giooc-giơ Duy-a-men).
- Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người. (Đề thi HSG văn toàn quốc bảng B năm 1996)
- Một tác phẩm thật giá trị phải vượt lên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho tất cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi, nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bằng... Nó làm cho người gần người hơn. (“Đồi thừa”-Nam Cao)
- Tôi muốn tác phẩm của tôi giúp mọi người trở nên tốt, có tâm hồn thuần khiết, tôi muốn chúng góp phần gợi dậy tình yêu con người, đồng loại và ý muốn đấu tranh mãnh liệt cho những lí tưởng của chủ nghĩa nhân đạo và sự tiến bộ của loài người. (Sô-Lô- Khôp)

- Nếu truyện Kiều là một dòng sông thì thơ chữ Hán là những con suối nhỏ, tất cả đều đổ vào đại dương mệnh mông là chủ nghĩa nhân đạo của nhà thơ. (Nguyễn Đăng Mạnh)
- Văn chương phải là thế trận đuổi nghìn quân giặc. (Trần Thái Tông)
- Thanh nam châm thu hút mọi thế hệ vẫn là cái cao thượng, cái đẹp và cái nhân đạo của lòng người. (Xê-Lê-Khốp)
- Cốt lõi của lòng nhân đạo là lòng yêu thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người. (Hoài Chân)
- Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm. (Hoài Thanh)
- Tư tưởng nhân đạo xuyên suốt văn học từ xưa đến nay. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là “tình thương, lòng thương người”. (Lê Trí Viễn).
- Nghệ thuật là sự vươn tới, sự níu giữ mãi mãi. Cái cốt lõi của nghệ thuật là tính nhân đạo. (Nguyễn Ngọc)
- Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người. (M. Gorki)
- Nói tới giá trị nhân đạo là nói tới thái độ của người nghệ sĩ dành cho con người mà hạt nhân căn bản là lòng yêu thương con con người. (Từ điển văn học) 187
- Văn hoá nghệ thuật là 1 mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy. (Hồ Chí Minh)

V. QUAN NIỆM VỀ MỐI QUAN HỆ NHÀ VĂN-ĐỘC GIẢ

- Người sáng tác là nhà văn, người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả. (M.Gorki)
- Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình. (LLVH)
- Bạn ơi hãy suy nghĩ bằng trái tim và hãy đọc cảm xúc bằng lý trí. (Phôngtan)

VI. MỘT SỐ QUAN NIỆM VỀ PHONG CÁCH NHÀ VĂN

- Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy nó đòi hỏi phải có phong cách, tức là phải có nét gì đó rất mới, rất riêng thể hiện trong tác phẩm của mình. (Nguyễn Tuân)
- Làm người thì không có cái tôi...nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi. (Viên Mai)
- Điều còn lại đối với mỗi nhà văn chính là giọng nói của riêng mình.
- Không có tiếng nói riêng không mang lại những điều mới mẻ cho văn chương mà chỉ biết dẫm theo đường mòn thì tác phẩm nghệ thuật sẽ chết. (Leonit Lêonop)
- Nếu một tác giả không có lối đi riêng của mình thì người đó sẽ không bao giờ là nhà văn học được. (T. Sê-khốp)
- Nếu như Nguyễn Công Hoan đời là mảnh ghép của những nghịch cảnh, với Thạch Lam đời là miếng vải có lỗ thông, những vết ố, nhưng vẫn nguyên vẹn, thì với Nam Cao, cuộc đời là tấm áo cũ bị xé rách tả tơi từ cái làng Vũ Đại đến mỗi gia đình, mỗi số phận.
- Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc. (Phương Lưu)

VII. MỘT SỐ QUAN NIỆM VỀ TÌNH HUỐNG TRUYỆN

- Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người. (Nguyễn Minh Châu)
- Tình huống là lát cắt của thân cây mà qua đó ta thấy được trăm năm đời thảo mộc. Tình huống là sự kiện mà tại sự kiện đó tính cách của con người được bộc lộ. Tình huống là một khoảnh khắc của dòng chảy đời sống mà qua khoảnh khắc thấy được vĩnh viễn, qua giọt nước thấy được đại dương. Tình huống là một sự kiện đặc biệt trong đời sống, là kết quả của mối quan hệ đời sống nên nó éo le và nghịch cảnh,

VIII. NHẬN ĐỊNH CỦA CÁC TÁC GIẢ NỔI TIẾNG VỀ VĂN HỌC

- Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi, Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang. (Chế Lan Viên)
- Tôi thu thập hình tượng cũng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng sáu lần xích đạo trong một năm ba tháng và đậu lên bảy triệu bông hoa để làm nên một gam mật. (P.Povlenko)
- Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm. (Pauxtopxki)

- Những câu thơ lấp lánh như những tấm huy chương. (Pon-Valeri)
- Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học. (Tô Hữu)
- Nhà văn là người cho máu. (Enza Toriole)
- Thơ là bà chúa của nghệ thuật. (Xuân Diệu)
- Văn học là nhân học. (Gorki)
- Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng. (M.Gorki)
- Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc. (Phương Lưu)
- Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình. (Sách Lý luận văn học)
- Phải đẩy tới chóp đỉnh cao của mâu thuẫn thì sự sống nhiều hình mới về ra. (Heghen)
- Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng nội tâm, như sự dẫn dắt và ánh sáng của hương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật. (Aimatop)
- Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người. (Nguyễn Minh Châu)
- Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bẽ nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một ca cho thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động. Thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người... Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thực sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân

vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian. (LLVH)

- Mỗi tác phẩm nghệ thuật là một phát minh về một hình thức, một khám phá mới về nội dung. (Leonit Leonop)
- Thơ là tiếng nói của tri âm. (Tố Hữu)
- Cái đẹp là cuộc sống. (Seongsepxki)
- Giọng ca buồn là thích hợp nhất cho thơ ca. (Etga Pô)
- Thơ ca phải say mới thích. (Tố Hữu)
- Bạn ơi hãy suy nghĩ bằng trái tim. Và hãy đọc cảm xúc bằng lý trí. (Phôn-tan)
- Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết là thực sự ở đời. (Vũ Trọng Phụng)
- Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả.
- Hãy đập vào tim anh-Thiên tài là nơi đó. (A.De Muytxe)
- Từ bao giờ cho đến bây giờ, từ Homero đến kinh thi, đến ca dao Việt Nam thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của 190 loài người cho đến ngày tận thế. (Hoài Thanh)

- Thơ chính là tâm hồn. (M.Gorki) 190
- Văn chương phải là thế trận đuổi nghìn quân giặc. (Trần Thái Tông)
- Do tình sinh ý, do ý sinh chữ, bởi cái này mà có cái kia cũng là thế cả. (Bùi Dương Lịch)
- Trước hết là các nghệ sĩ lớn, sau đó mới đến các nhà khoa học, họ xứng đáng hơn ai hết được hưởng sự kính trọng của con người. (Einstein)
- Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhứt nhối của tôi. (Nguyễn Hồng)
- Mỗi tác phẩm đều có ít nhiều nhà văn. (Thạch Lam)
- Nền đất ẩm, chiếu manh, trang giấy trắng
Anh khi sinh bao nhiêu vật cho đời
Nên anh chết như chuyến đi dài hạn
Bởi họ sống thay anh có mặt giữa muôn đời
(Đào Cánh)

- Nếu tác giả không có lối nói riêng của mình thì người đó không bao giờ là nhà văn cả. Nếu anh ta không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ. (Sekhop)
- Thơ là thơ, đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng. (Sóng Hồng)
- Có những đêm không ngủ, mắt rục cháy và thổn thức, lòng tràn ngập nhớ nhung. Khi đó tôi viết. (Lecmontop)
- Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sôi sục dâng lên trong lòng thì tôi viết. (Nekratxtop)
- Mỗi khi có gì chất chứa trong lòng, không nói ra, không chịu được thì lại cần thấy làm thơ. (Tố Hữu)
- Thi sĩ không phải là Người, nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ... (Chế Lan Viên)
- Thơ là tiếng lòng. (Diệp Tiếp)
- Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên. Puskin)
- Đau đớn thay cho những kiếp sống muốn cất cánh bay cao nhưng lại bị cùm áo ghi sát đất. (Sóng Mòn-Nam Cao)
- Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại. (Đặng Thai Mai)
- Trong “Thi nhân Việt Nam”, Hoài Thanh nhận định: Từ bao giờ đến bây giờ, từ Homero đến kinh thi đến ca dao việt nam, thơ vẫn là 1 sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế.
- Tố Hữu nói: Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy.
- Nói như Maiacopxki: Làm thơ là cân 1 phần nghìn milligram quặng chữ
- Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tâm hồn, do đó không giản đơn mà cũng không thần bí, thiêng liêng... Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn

tinh thần nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái mà nhỏ nhen, độc hại,

- Nhà thơ Lưu Trọng Lư cho rằng: Một câu thơ hay là 1 câu thơ có sức gợi.
- Văn học 12 nhận định: Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy đòi hỏi người sáng tạo phải có phong cách nổi bật, tức là có cái gì rất riêng mới lạ trong phong cách của mình,
- L.Tôn-x-tôi khẳng định: Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì 1 xã hội công bằng, bình đẳng bác ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vất vả kiên cật những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại. Với Thạch Lam thì: Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt đẹp trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn.
- Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư. (Lê Ngọc Trà)

IX. NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC HAY VỀ LÝ LUẬN, TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

- Nhà văn Nga M.Gorky có nói: Nghệ sĩ là con người biết khai thác những ấn tượng riêng-chủ quan-của mình, tìm thấy trong những ấn tượng đó cái có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng ấy có được hình thức riêng. 192
- L.Tonatoi: Trong một nhân tài thì một phần mười là thiên bẩm và chín phần mười là nước mắt và mồ hôi.
- Trong bài “Ngoại cảnh văn chương”, Hoài Thanh viết: Nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này, nhưng thế giới này trong con mắt nhà văn phải có một hình sắc riêng. (“Bình luận văn chương”-Hoài Thanh, NXB Giáo dục, 1998, trang 54)
- Cái đáng quý nhất ở ngòi bút Nam Cao là niềm tin sâu sắc ở bản chất tốt đẹp của người lao động.
- Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (Nam Cao-“Trăng sáng”, 1943).
- Nhà văn Sê-khốp có viết: Nhà văn chân chính trước hết phải là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy.
- Theo Lê-ô-nốp: Mỗi tác phẩm phải là một phát hiện về hình thức và khám phá về nội dung.

- Quan niệm của J.Paul. Sartre: Tác phẩm văn học như con quay kì lạ, chỉ có thể xuất hiện trong vận động. Muốn làm cho nó xuất hiện, cần phải có một hoạt động cụ thể là sự đọc. Và tác phẩm văn học chỉ kéo dài chừng nào sự đọc còn có thể tiếp tục. Ngoài sự đọc ra, nó chỉ còn là những vệt đen trên giấy trắng.
- Bàn về truyện ngắn có ý kiến cho rằng: Qua một nỗi lòng, một cảnh ngộ, một sự việc của nhân vật, nhà văn muốn đối thoại với bạn đọc một vấn đề nhân sinh.
- Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giác cho những người cùng đường tuyệt lộ bị cái ác hoặc số phận đen đui dồn đến chân tường, để bênh vực cho những người không còn ai bênh vực. (Nguyễn Minh Châu)
- Nhà văn sáng tạo nhân vật để gửi gắm tư tưởng, tình cảm và quan niệm của mình về cuộc đời.
- Điều đặc sắc là khi miêu tả người nông dân lưu manh hoá, Nam Cao không hề bôi nhọ nông dân, mà trái lại đã đi sâu vào nội tâm nhân vật để phát hiện và khẳng định nhân phẩm của họ bị xã hội cướp mất cả nhân hình lẫn nhân tính.
- Bàn về ngôn ngữ trong thơ, Nguyễn Đình Thi viết: Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, tỏa ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là sức gợi ấy.
- Hà Minh Đức nhận xét: Thơ luôn giữ được phẩm chất đẹp và sức sống thanh xuân của mình nhờ ở sự sáng tạo.
- Tác giả Nguyễn Tuân viết về thơ như sau: Thơ là ảnh, là nhân ảnh, thơ cũng ở loại cụ thể hữu hình. Nhưng nó khác với cái cụ thể của văn. Cũng mọc lên từ cái đồng tài liệu thực tế, nhưng từ một cái hữu hình nó thức dậy được những vô hình bao la, từ một cái điểm nhất định mà nó mở được ra một cái diện không gian thời gian trong đó nhịp mãi lên một tấm lòng sứ điệp.
- Từ một điểm nhất định, thơ “mở được ra một cái diện không gian thời gian trong đó nhịp mãi lên một tấm lòng sứ điệp”.
- Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nói: Thích một bài thơ thực chất là thích một con người đồng điệu.
- Nhận xét về ngôn ngữ thơ trữ tình, sách Văn học 11 có viết:...Thơ trữ tình “có một kiểu ngôn ngữ đặc biệt khác hẳn ngôn ngữ hàng ngày và ngôn ngữ văn xuôi nói

chung. Nó được tổ chức một cách khác thường để biểu hiện được các sắc thái tinh vi của tư tưởng, tình cảm.

- Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh từng nhận xét: Thơ không cần nhiều từ ngữ. Nó cũng không quan tâm đến hình xác của sự sống. Nó chỉ cần cảm nhận và truyền đi 1 chút linh hồn của cảnh vật thông qua linh hồn thi sĩ.
- Cổ nhân “Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ”.
- M.Gorki nói; văn học “giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý”.
- “Thơ Tú Xương đi bằng cả hai chân hiện thực và trữ tình, mà cái chân hiện thực ở người Tú Xương chỉ là một cẳng chân trái. Tú Xương lấy cái chân phải trữ tình mà khiến cái chân trái tả thực”. (“Thời và thơ Tú Xương”-Nguyễn Tuân)
- “Nam Cao lạnh lùng quá, kéo mép lên mới nở được một nụ cười khó nhọc (...) thật ra mặt anh ta lạnh nhưng lòng anh ta sôi nổi”. (Nhận xét của nhà văn Tô Hoài)
- Con người Nam Cao mảnh khảnh, thư sinh, ăn nói ôn tồn nhiều khi đến rụt rè, ~~194~~ rồi lúc lại đỏ mặt mà kỳ thực mang trong lòng một sự phản kháng mãnh liệt. (Nguyễn Đình Thi)
- Nam Cao “biến mình thành kẹp chả dưới tay mình, tự đem mình ra quạt dưới than hồng”. (Nguyễn Minh Châu)
- Nam Cao thường lấy bản thân mình ra để mà kiểm nghiệm. (Nguyễn Minh Châu)
- Năm năm cho một sự nghiệp không lẫn với ai, năm năm trung thành với hướng đi không nghiêng ngả...năm năm cày xới để tự biếm họa, tự khẳng định, để có Nam Cao như hiện nay ta có. (GS Phong Lê)
- Dù viết về đề tài nào, truyện của Nam Cao cũng thể hiện một tư tưởng chung: Nỗi băn khoăn đến đau đớn trước thực trạng con người bị hủy hoại về nhân phẩm do cuộc sống đói nghèo đẩy tới. (?)
- Viết về người trí thức tiểu tư sản nghèo, Nam Cao đã mạnh dạn phân tích và mổ xẻ tất cả, không né tránh như Thạch Lam; không cực đoan, phiến diện như Vũ Trọng Phụng, cũng không thi vị hóa như Nhất Linh, Khái Hưng, ngòi bút của Nam Cao luôn luôn tinh táo đúng mực. (Hà Minh Đức)
- Nam Cao đã mạnh dạn đi theo một lối đi riêng, nghĩa là không đếm xỉa gì đến sở thích của độc giả. Nhưng tài năng của ông đã đem đến cho văn chương một lối văn

mới sâu xa, chua chát và tàn nhẫn, thứ tàn nhẫn của con người biết tin ở tài năng của mình, thiên chức của mình. (Hà Minh Đức)

- Trong các trang truyện của Nam Cao, trang nào cũng có những nhân vật chính hoặc phụ đang đối diện với cái chỗ kiệt cùng với đời sống con người để rồi từ đó bắt buộc người ta phải bộc lộ mình ra, trước hết là tâm lí, nhân cách rồi tiếp đến sau cùng là cái nỗi đau khôn nguôi của con người. (Nguyễn Minh Châu)
- Trong văn xuôi trước cách mạng, chưa có ai có được ngòi bút sắc sảo, gân guốc soi mói như của Nam Cao. (Nhà văn Lê Đình Kỳ)
- Về Vũ Trọng Phụng và “Số đỏ”:
 - Lưu Trọng Lư nhận xét về con người Vũ Trọng Phụng: “Trên trang viết Vũ Trọng Phụng sắc sảo bao nhiêu thì trong cuộc đời VTP càng chân thành bấy nhiêu. Con người ấy không giết quả một con muỗi. Nhưng thật kì diệu, văn chương của con người ấy làm cho kẻ trọc phú phải giật mình, kẻ trưởng giả phải cúi kinh”.
 - Đọc “Số đỏ” nhiều nhà nghiên cứu nhận xét: “Đây là cái bị của người chết, cái hại của xã hội, cái vô phúc của gia đình giàu sang lắm tiền nhiều của những thiếu tình người”.
- Bút chiến với nhóm Tự lực văn đoàn: Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời. (Vũ Trọng Phụng)
- Nhận định về “chất thép” trong thơ Hồ Chí Minh: “Khi Bác nói trong thơ có thép ta cũng cần tìm hiểu thế nào là thép trong thơ. Có lẽ phải hiểu 1 cách rất linh hoạt mới đúng. Không phải cứ nói chuyện thép, lên giọng thép mới có tinh thần thép”.
- Ý kiến về văn chương: “Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người”. (Nguyễn văn Siêu)
- Văn hoá nghệ thuật là 1 mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy. (Hồ Chí Minh)
- Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo 1 vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có. (Nam Cao-“Đời thừa”)
- Nguyễn Tuân: Văn chương trước hết phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật.

- Rasun Gamzatốp: Giống như ngọn lửa bốc lên từ những cảnh khô, tài năng bắt nguồn từ những tình cảm mạnh mẽ của con người.
- Thí sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù, từ nụ cười trong sáng hay từ những giọt nước mắt đắng cay. (Trích trong “Đaghextan của tôi”)
- Lecmôn tôp: Có những đêm không ngủ, mắt rực sáng và thần thức, lòng ngập tràn nhớ nhung...khi đó tôi viết.
- Nekratxốp: Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sục sôi dâng lên trong lòng thì tôi viết.
- Tố Hữu: Mỗi khi có cái gì chất chứa trong lòng, không nói ra không chịu được thì lại thấy cần làm thơ.
- Bielinski: Nhà thơ, ngay cả các nhà thơ vĩ đại nhất cũng phải đồng thời là những nhà tư tưởng.
- Gorki: Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả.
- Đặng Thai Mai: Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống-trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống của thời đại, đã sâu sắc cảm thấy mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối tủi hờ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, sức sống của những tác phẩm vĩ đại.

X. NHỮNG NHẬN ĐỊNH VỀ VĂN XUÔI

- Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm. (Hoài Thanh)
- Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khi giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn... (“Theo dòng”, Thạch Lam)
- Một nhà nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo trong cốt tuỷ. (Sê-khốp)
- Nhà văn phải là người thư kí trung thành của thời đại. (Ban-dắc)
- Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng. (Charles DuBos)
- Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp. (Ai-ma-tốp)

- Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý. (M. Go-rơ-ki)
- Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (“Trăng sáng”, Nam Cao)
- Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người. (Nguyễn Văn Siêu)
- Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên trái đất. (Béc-tôn trích)
- Một nhà văn thiên tài là người muốn cảm nhận mọi vẻ đẹp man mác của vũ trụ197 (Thạch Lam)
- Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân. (Nam Cao)
- Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay...Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp... (Nguyễn Tuân)
- Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các bậc tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên cũng là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm lớn. (Nguyễn Khải)
- Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và khám phá mới về nội dung. (Lê- Ô-nít Lê-6-nốp)
- Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kỳ tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình. (Ivan Tuốc-ghe-nhép)
- Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả...Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ. (Se-khốp)
- Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là

đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình-nghĩa là trở thành nhà thơ. (Rasun Gamzatop)

- Đối với con người, sự thực đôi khi nghiệt ngã, nhưng bao giờ cũng dũng cảm cũng cổ trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người. (Sô-lô- khốp)
- Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn. (M. L. Kalinine)
- Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải cuộc sống. (Gioóc-giơ Duy-a-men)
- Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này, luôn luôn rộng hơn bất kì một câu trả lời cặn kẽ nào. (Claudio Magris-Nhà văn Ý)
- Một tác phẩm nghệ thuật phải là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, trước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng bác ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại. (L. Tôn-xtôi)
- Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn. (Thạch Lam)
- Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức. (Thạch Lam)
- Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư. (Lê Ngọc Trà)
- Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. (Nam Cao)
- Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. (“Đời thừa”, Nam Cao)

- Tôi khuyên các bạn nên đọc truyện cổ tích...thơ ngụ ngôn, các tuyển tập ca dao...Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hoà cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích... Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị của sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa... Hãy đi sâu vào sáng tác của nhân dân, nó trong lành như nước nguồn ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra...(M. Go-rơ-ki)
- Thi sĩ là một con chim sơn ca ngồi trong bóng tối hát lên những tiếng êm dịu để làm vui cho sự cô độc của chính mình. (Selly) 199
- Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra, (An-đéc-xen)
- Văn học, nghệ thuật là công cụ để hiểu biết, để khám phá, để sáng tạo thực tại xã hội. (Phạm Văn Đồng)
- Tin tưởng nhân đạo xuyên suốt văn học từ xưa đến nay. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là “tình thương, lòng thương người”. (Lê Trí Viễn)
- Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú những tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người. (Đặng Thai Mai)
- Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm. (Pautopxki)
- Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học. (Tố Hữu)
- Nhà văn là người cho máu. (Enxatriole)
- Văn học là nhân học. (M. Go-rơ-ki)
- Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng. (M. Go-rơ-ki)
- Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc. (Phương Lưu)
- Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình. (Sách Lí luận văn học)

- Phải đẩy tới chóp đỉnh cao của mâu thuẫn thì sự sống nhiều hình mới về ra. (Hê-ghen)
- Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng nội tâm, như sự dẫn dắt và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật. (Ai-ma-tốp)
- Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ 200 nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người. (Nguyễn Minh Châu)
- Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt, nông cạn. Nhà văn không bẽ nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động... Thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người. Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thực sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian... (Sách “Lí luận văn học”)
- Các ông muốn tiêu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiêu thuyết là thực sự ở đời. (Vũ Trọng Phụng)
- Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả. (M. Go-ro-ki)
- Trước hết là các nghệ sĩ lớn, sau đó mới đến các nhà khoa học, họ xứng đáng hơn ai hết được hưởng sự kính trọng của con người. (Einstein)
- Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhức nhối của tôi. (Nguyễn Hồng)
- Mỗi tác phẩm đều có ít nhiều nhà văn. (Thạch Lam)
- Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên. (Pu-skin)
- Đau đớn thay cho những kiếp sống muốn cất cánh bay cao nhưng lại bị cơm áo ghi sát đất... (“Sống mòn”, Nam Cao)

- Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại. (Đặng Thai Mai)
- Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy đòi hỏi người sáng tạo phải có 201 phong cách nổi bật, tức là có cái gì rất riêng mới lạ trong phong cách của mình. (Sách Văn học 12)
- Đồng tiền lăn tròn trên lưng con người. Đồng tiền làm cho trái hoá phải, đen hoá trắng và người đàn bà góa phụ trở thành cô dâu mới. (Giá trị của đồng tiền trong Truyện Kiều, Sếch-xpia)
- Yếu tố đầu tiên của văn học là ngôn ngữ, công cụ chủ yếu của nó và cùng với các sự kiện, các hiện tượng của cuộc sống là chất liệu của văn học. (M. Go-rơ-ki)
- Ngôn ngữ của tác phẩm phải gãy gọn, chính xác, từ ngữ phải được chọn lọc kỹ càng. Chính các tác giả cổ điển đã viết bằng một ngôn ngữ như vậy, đã kể tục nhau trau dồi nó từ thế kỷ này sang thế kỷ khác. (M. Go-rơ-ki)
- Ngôn ngữ nhân dân là “tiếng nói nguyên liệu” còn ngôn ngữ văn học là “tiếng nói đã được bàn tay thợ nhào luyện. (M. Go-rơ-ki)
- Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng hét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó. (Bielinski)
- Cuộc sống còn tuyệt vời biết bao trong thực tế và trên trang sách. Nhưng cuộc sống cũng bị thăm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn niềm sầu buồn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời. (Trích trong Nhật kí của Nguyễn Văn Thạc)
- Tôi hãy còn một trái tim, một dòng máu nóng để yêu thương, cảm thông và chia sẻ. (Đô-xtôi-ép-xki)
- “Điều duy nhất có giá trị trong cuộc đời chính là những dấu ấn của tình yêu mà chúng ta đã để lại phía sau khi ra đi” (Albert Schweitzer)
- Nhà văn phải là người đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người. (Nguyễn Minh Châu)

- Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giắc cho những con người bị cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hất hủi và đọa đầy đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực. (Nguyễn Minh Châu)
- Cảm động lòng người trước hết không gì bằng tình cảm và tình cảm là cái gốc của văn chương. (Bạch Cư Dị)
- Những cuộc chiến qua đi, những trang lịch sử của từng dân tộc được sang trang, các chiến tuyến có thể được dựng lên hay san bằng. Nhưng những tác phẩm đi xuyên qua mọi thời đại, mọi nền văn hoá hoặc ngôn ngữ cuối cùng vẫn nằm ở tính nhân bản của nó. Có thể màu sắc, quốc kỳ, ngôn ngữ hay màu da chúng ta khác nhau. Nhưng máu chúng ta đều có màu đỏ, nhịp tim đều giống nhau. Văn học cuối cùng là viết về trái tim con người. (Maxim Malien)
- Tôi muốn tác phẩm của tôi giúp mọi người trở nên tốt, có tâm hồn thuần khiết, tôi muốn chúng góp phần gợi dậy tình yêu con người, đồng loại và ý muốn đấu tranh mãnh liệt cho những lí tưởng của chủ nghĩa nhân đạo và sự tiến bộ của loài người. (Sô-lô- khốp)
- Nói tới giá trị nhân đạo là nói tới thái độ của người nghệ sĩ dành cho con người mà hạt nhân căn bản là lòng yêu thương con con người. (Từ điển văn học)
- Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. (L, Tôn-xtôi)
- Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người. (Đặng Thai Mai)
- Tư tưởng nhân đạo xuyên suốt văn học từ xưa đến nay, Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là tình thương, lòng thương người. (Lê Trí Viễn)
- Thanh nam châm thu hút mọi thế hệ vẫn là cái cao thượng, cái đẹp và cá nhân đạo của lòng người. (Sê-khốp)
- Cốt lõi của lòng nhân đạo là lòng yêu thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người. (Hoài Chân)

- Nếu như cảm hứng nhận bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm. (Hoài Thanh)
- Nghệ thuật là sự vươn tới, sự níu giữ mãi mãi. Cái cốt lõi của nghệ thuật là tính nhân đạo. (Nguyễn Ngọc)
- Nói nghệ thuật tức là nói đến sự cao cả của tâm hồn. Đẹp tức là một cái gì cao cả. Đã nói đẹp là nói cao cả. Có khi nhà văn miêu tả một cái nhìn rất xấu, một tội ác, một tên giết người nhưng cách nhìn, cách miêu tả phải cao cả. (Nguyễn Đình Thi)
- Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng. (Charles DuBos)
- Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp. (Ai-ma-tốp)
- Một nhà văn thiên tài là người muốn cảm nhận mọi vẻ đẹp man mác của vũ trụ. (Thạch Lam)
- Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả...Nếu anh không có giọng riêng, anh khó trở thành nhà văn thực thụ. (Se-khốp)
- Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn. (M. L. Kalinine)
- Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình. (Sách “Lí luận văn học”)
- Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người. (Nguyễn Minh Châu)
- Nếu như Nguyễn Công Hoan đời là mảnh ghép của những nghịch cảnh, với Thạch Lam đời là miếng vải có lỗ thủng, những vết ô, nhưng vẫn nguyên vẹn, thì với Nam Cao, cuộc đời là tấm áo cũ bị xé rách tả tơi từ cái làng Vũ Đại đến mỗi gia đình, mỗi số phận. (Nguyễn Tuân)
- Văn chương trước hết phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật. (Nguyễn Tuân)

- Như một hạt giống vô hình, tư tưởng gieo vào tâm hồn nghệ sĩ và từ mảnh đời màu mỡ ấy nó triển khai thành một hình thức xác định, thành các hình tượng nghệ thuật đầy vẻ đẹp và sức sống. (Billinski)
- Tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sĩ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người chung quanh mình. Cầm giữ cái tình yêu ấy trong mình, nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống. (Nguyễn Minh Châu)
- Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người. Mỗi tác phẩm văn học chỉ là một lát cắt, một tờ biên bản của một chặng đời sống con người ta, trên con đường dài dang dặc đi đến cõi hoàn thiện. (Nguyễn Minh Châu)
- Một tác phẩm nghệ thuật chân chính không bao giờ kết thúc ở trang cuối cùng. (Con tàu trắng, Ai-ma-tốp)
- Văn học nằm ngoài các định luật của sự băng hoại. Chi mình nó không thừa nhận cái chết. (Sê-đrin, Nga)
- Văn học là tấm gương lớn di chuyển dọc theo đường đời. (Xtăng-đan)
- Một chữ tình để duy trì thế giới/Một chữ tài để tô điểm càn khôn. (Trương Trào, Trung Quốc)
- Người làm văn tình cảm rung động mà phát ra lời, người xem văn phải rẽ văn để thâm nhập vào tác phẩm. (“Văn tâm điêu long”, Lưu Hiệp)
- Văn học là phương thức tồn tại của con người, giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật, hay thành ông Thánh vô duyên, vô bổ. Văn học là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người. Cái cốt lõi của văn học là tính nhân đạo. (Nguyễn Ngọc)
- Tác phẩm văn học sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả... nếu nó không là tiếng thét khổ đau hay là lời ca tụng hân hoan; nếu nó không đặt ra những câu hỏi và không trả lời những câu hỏi ấy. (Billinski)
- Mọi lý thuyết chỉ là màu xám, chỉ cây đời mãi mãi xanh tươi. (Gót)
- Văn học đối với tôi là một hiện tượng đẹp đẽ nhất trên thế giới. (Pau-tốp-xki)

- Chỉ có tác phẩm nghệ thuật nào truyền đạt cho mọi người những tình cảm mới mà họ chưa từng thể nghiệm thì mới là tác phẩm nghệ thuật đích thực. (Lép-Tôn-xtôi)
- Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy. (Hồ Chí Minh)

XI. NHỮNG NHẬN ĐỊNH VỀ THƠ CA

- Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi 205
Còn một nửa cho mùa thu làm lấy
Cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá
Nó không là anh nhưng nó là mùa,
(Trích “Sổ tay thơ”, Chế Lan Viên)
- Thi ca là một tôn giáo không kỳ vọng. (Jean Cocteau)
- Thơ ca làm cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời trở thành bất tử. (Selly)
- Thơ là rượu của thế gian. (Huy Trục)
- Trong tâm hồn con người đều có cái van mà chỉ có thơ ca mới mở được. (Nhécôraxốp)
- Trên đời, có những thứ chỉ giải quyết được bằng thơ. (Maiacốpski)
- Niềm vui của nhà thơ chân chính là niềm vui của người mở đường vào cái đẹp, của người biết đi tới tương lai. (Pautốpski)
- Nhà thơ trả chữ với giá cắt cổ
Như khai thác chất hiếm radium
Lấy một gam phải mất một năm lao lực
Lấy một chữ phải mất một tấn quặng ngôn từ. (Maiacốpski)
- Nhà thơ, ngay cả các nhà thơ vĩ đại nhất cũng phải đồng thời là những nhà tư tưởng, (Biêlinxki)
- Thơ là sự sung mãn của tình cảm mãnh liệt. (Ban-dắc)
- Thơ là chuyện đồng điệu. (Tố Hữu)
- Thơ là tiếng gọi đàn. (Xuân Diệu)
- Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp. (Sóng Hồng)
- Thơ sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù, từ nụ cười trong sáng hay những giọt nước mắt cay đắng. (Rasun Gamzatop)
- Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm. (Voltaire)
- Thơ là viên kim cương lấp lánh dưới ánh mặt trời. (Sóng Hồng)

- Thơ là thần hứng. (Platon)
- Thơ là ngọn lửa thần. (Đécgiavin)
- Thơ ca là niềm vui cao cả nhất mà loài người đã tạo ra cho mình. (Các-Mác)
- Thơ, trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật. (Biblinski)
- Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và²⁰⁶ phần đầu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy. (Phạm Văn Đồng)
- Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy. (Tổ Hữu)
- Làm thơ là cần một phần nghìn miligram quặng chữ. (Maiacôpxki)
- Một câu thơ hay là một câu thơ có sức gợi. (Luu Trọng Lư)
- Thơ là một bức hoạ để cảm nhận thay vì để ngắm. (Leonar DeVinci)
- Để trong lòng là chí, ngụ ra ý là thơ. Người có sâu, cạn cho nên thơ có mờ có tỏ, rộng hẹp khác nhau. Người làm thơ không ngoài lấy trung hậu làm gốc, ý nghĩa phải hàm súc, lời thơ phải giản dị. (Nguyễn Cư Trinh)
- Giống như ngọn lửa thần bốc lên từ trong cảnh khô, tài năng bắt nguồn từ những tình cảm mạnh mẽ nhất của con người. (Rasun Gamzatốp)
- Thơ là người thư kí chân thành của trái tim. (Đuy Blây)
- An-đéc-xen đã lượm lặt những hạt tro trên luống đất của những người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp lều, từ đó lớn lên và nảy nở những đóa hoa thơ đẹp, chúng an ủi trái tim của những người cùng khổ. (Pautopxki)
- Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng... Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần, nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái mà nhỏ nhen, độc hại...(Phương Lựu)
- Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang. (Chế Lan Viên)
- Tôi thu thập hình tượng cũng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng sáu lần xích đạo trong một năm ba tháng và đậu lên bảy triệu bông hoa để làm nên một gam mật. (Pô-len-kô)
- Những câu thơ lấp lánh như những tám huy chương. (Pon-Valeri)
- Thơ là bà chúa của nghệ thuật. (Xuân Diệu)
- Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thí sản xuất đặc biệt và cá thể. Anh phải đi sâu vào tâm hồn cá biệt của anh để nói cái to tát của xã hội, cái tốt đẹp

của chế độ, để tránh cái khô khan, nhạt nhẽo, anh phải có cá tính, anh phải trau dồi cái độc đáo mà công chúng rất đòi hỏi. Nhưng đồng thời anh phải đấu tranh để cái việc sự sáng tạo ấy không trở thành anh hùng chủ nghĩa. (Xuân Diệu)

- Thơ là tiếng nói của tri âm (Tố Hữu)
- Cái đẹp là cuộc sống (Séc-nu-sép-xki)
- Giọng ca buồn là thích hợp nhất cho thơ ca. (Etga P6)
- Thơ ca phải say mới thích. (Tố Hữu)
- Bạn ơi hãy suy nghĩ bằng trái tim. Và hãy đọc cảm xúc bằng lý trí. (Phontan)
- Hãy đập vào tim anh, thiên tài là nơi đó. (A. De Muýt-xê)
- Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần. (Ngô Thì Nhậm)
- Thơ chính là tâm hồn của con người. (M. Go-rơ-ki)
- Văn chương phải là thế trận đuổi nghìn quân giặc. (Trần Thái Tông).
- Do tình sinh ý, do ý sinh chữ, bởi cái này mà có cái kia cũng là thế cả. (Bùi Dương Lịch)
- Nền đất ẩm, chiếu manh, trang giấy trắng
Anh khi sinh bao nhiêu vật cho đời
Nên anh chết như chuyển đi dài hạn
Bởi họ sống thay anh có mặt giữa muôn đời.
(Đào Cánh)
- Thơ là thơ, đồng thời là hoạ, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng. (Sóng Hồng)
- Có những đêm không ngủ, mắt rực cháy và thổn thức, lòng tràn ngập nhớ nhung. Khi đó tôi viết. (Léc-môn-tốp)
- Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sôi sục dâng lên trong lòng thì Mỗi khi có gì chất chứa trong lòng, không nói ra, không chịu được thì lại cần thấy làm thơ. (Tố Hữu)
- Thi sĩ không phải là người, nó là người mơ, người say, người điên. Nó là tiên, là ma, là quỷ...(Chế Lan Viên)
- Thơ là tiếng lòng (Diệp Tiệp)
- Thơ ca, nếu không có người tôi đã mồ côi. (Rasun Gamzatop)
- Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc cũng thấm thía ngậm ngùi. (Mộng Liên Đường chủ nhân)

- Nhịp điệu của câu thơ là nhịp điệu của sóng gió và cũng là nhịp điệu náo nức xôn xao và biết bao sung sướng êm ái trong lòng người trở về quê cũ, nơi đã nuôi mình. (Tố Hữu)
- Đối tượng mà anh muốn nói đến dù là cái gì cũng chỉ có một từ để biểu hiện nó. (Mô-pat-xăng-Pháp)
- Trong ba bài thơ, bài này mang cái hồn của cảnh vật mùa cà, thanh, cái trong, cái nhẹ, cái cao. Mang cái thần của cảnh mùa thu, Cái hồn, cái thần của cảnh mùa thu là nằm ở trong bầu trời, ở trên trời thu. (Nhận xét về “Thu vịnh”, Xuân Diệu)
- Bài thơ “Thu vịnh” có thần hơn hết nhưng ta vẫn phải công nhận bài “Thu điếu” là điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam. (Xuân Diệu)
- Con hãy lắng nghe nỗi buồn của cành cây héo khô, của chim muông què quặt, của hành tinh lạnh ngắt. Nhưng trước hết con hãy lắng nghe nỗi buồn của con người. (Na- dim Hít-mét)
- Không có gì nghệ thuật hơn bản thân lòng yêu quý con người. (Van-gốc)
- Văn chương bắt hủ cổ kim đều viết bằng huyết lệ. (Lâm Ngữ Đường)
- Cuộc bể dâu mà con người nhìn thấy trong văn thơ dân tộc là máu trong trái tim của người nghệ sĩ. (Tố Hữu)
- Nếu “Truyện Kiều” là một dòng sông thì thơ chữ Hán là những con suối nhỏ, tất cả đều đổ vào đại dương mệnh mông là chủ nghĩa nhân đạo của nhà thơ. (Nguyễn Đăng Mạnh) Cuộc sống là cánh đồng màu mỡ để cho thơ bén rễ sinh sôi. (Pu-skin) Thơ hay là thơ giản dị, xúc động và ám ảnh. Để đạt được một lúc ba điều ấy đối với các thi sĩ vẫn còn là điều bí mật. (Trần Đăng Khoa)
- Cốt lõi của lòng nhân đạo là lòng yêu thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người. (Hoài Chân)
- Nhà văn phải: "đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy mọi vang động của cuộc đời". (Nam Cao)
- Tất cả trong con người? Tất cả vì con người! Con người! Tiếng ấy thật kì diệu! Tiếng ấy vang lên kiêu hãnh và hùng tráng xiết bao! (M. Go-rơ-ki)
- Làm người thì không có cái tôi nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi. (Viên Mai)
- Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một ngọt. (Pô-len-kô)
- Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật

Một giọt mật thành, đòi vạn chuyển ong bay

Nay rừng nhân non Đoài, mai vườn cam xứ Bắc

Ngọt mật ở đồng bằng mà hút nhĩ tận miền Tây. (Chế Lan Viên)

- Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần. (Ngô Thì Nhậm)
- Khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ. (Ta-go)
- Thơ là hiện thực, thơ là cuộc đời, thơ còn là thơ nữa. (Xuân Diệu)
- Câu thơ hay là câu thơ có khả năng đánh thức bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người. (Chu Văn Sơn)
- Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa từ từ ngữ. (Lời Tựa tập thơ “Trung Hoa Cổ kim hoàn ca tập”)
- Mỗi chữ phải là hạt ngọc buông xuống trang bản thảo. Hạt ngọc mới nhất của mình tìm được do phong cách riêng của mình mà có. (Tô Hoài)
- Thơ là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, của nhịp thở con tim. Xưa nay thơ vẫn là cuộc đời, là lương tri, là tiếng gọi con người hãy quay về bản chất thực của mình để vươn lên cái chân, thiện, mỹ, tới tầm cao của khát vọng sống, tới tầm cao của giá trị sống. (Hoài Thanh)
- Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong. (Ta-go)
- Thơ cần có hình cho người ta thấy, có ý cho người ta nghĩ, và có tình để rung động trái tim. (Chế Lan Viên)
- Nhạc là cỗ xe chở hồn thi phẩm. (Hoàng Cầm)
- Sự truyền đạt lại một trạng thái thơ đòi hỏi phải dựa vào dây toàn bộ cảm xúc là điều khác với sự truyền đạt lại một tư tưởng. (P.Valéri, Pháp)
- Thơ là từ trái tim đi rồi trở về với trái tim. (Ngô Giang Tiệp, đời Thanh Trung Quốc)
- Thơ hay là thơ giản dị, xúc động, ám ảnh. Để đạt được một lúc ba điều ấy đối với các thi sĩ vẫn là điều bí mật. (Trần Đăng Khoa)
- Thế nào là thơ? Đó không chỉ là nghệ thuật, đó còn là sự giải thoát của lòng tôi. (La- mác-tin, Pháp)
- Thơ đối với cuộc sống như người phụ nữ đối với gia đình. Cái để người ta làm quen ban đầu là nhan sắc, nhưng cái để sống với nhau lâu dài là đức hạnh. (Xuân Quỳnh)

- Thơ khởi sự từ tâm hồn, vượt lên bằng tầm nhìn, và đọng lại nhờ tấm lòng người viết. (Hoàng Minh Châu)
- Thơ là đôi cánh nâng tôi bay
Thơ là vũ khí trong trận đánh
(Rasun Gamzatop)
- Nhà thơ như người thợ lặn đang sục tìm những vực sâu kín nhất của tâm thức mình những vật liệu cao quý sẽ kết tinh lại khi bàn tay anh mang chúng ra ánh sáng.
(Reverdy)
- Từ bao giờ đến bây giờ, từ Hô-me-rơ đến Kinh Thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người, và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế. (“Thi nhân Việt Nam”, Hoài Thanh)
- Thơ là ảnh, là nhân ảnh, thơ cũng ở loại cụ thể hữu hình. Nhưng nó khác với cái cụ thể của văn. Cùng mọc lên từ cái đồng tài liệu thực tế, nhưng từ một cái hữu hình nó thức dậy được những vô hình bao la, từ một điểm nhất định mà nó mở được ra một cái diện không gian thời gian, trong đó nhịp mãi lên một tấm lòng sứ điệp.
(Nguyễn Tuân)
- Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, tỏa ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động dậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy. (Nguyễn Đình Thi)
- Thơ phát khởi trong lòng người ta. (Lê Quý Đôn)

Luyện đề: Vẽ đẹp hình tượng Quang Trung trong hội XIV “Hoàng Lê nhất thống trị”

I. Giới thiệu chung

1. Xuất xứ: cùng tên “Hoàng Lê nhất thống trị”
2. Vị trí: Hồi XIV
3. Hoàn cảnh
 - Thế kỉ XVIII: chế độ phong kiến Việt Nam rối ren, khủng hoảng, mục ruỗng.
 - Triều Lê Trịnh: Vua Lê khoanh tay rủ áo, Chúa Trịnh ngang ngược lộng hành.
 - Trước tình hình đó, Quang Trung kéo quân ra Bắc, Lê Chiêu Thống Sợ vương quyền nên đã cầu viện nhà Thanh được họa ngoại xâm. Quang Trung lần ra Bắc lần hai dẹp tan quân Thanh, bẻ lũ Lê Trịnh thu non sông về một mối.
4. Chủ đề: Qua cuộc hành quân đánh thù trong giấc ngoài, đoạn trích đã phản ánh sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh, sự ê chề của vua Lê Chiêu Thống và ca ngợi đề cao vẻ đẹp của Nguyễn Huệ.

I. Vẻ đẹp của Quang Trung

1. Trước hết ta nhận thấy Quang Trung là một vị tướng, vị vua yêu nước, mạnh mẽ, quyết đoán, anh minh, sáng suốt.

- Là người đã từng đánh Nam, dẹp Bắc thống nhất đất nước nên ngay khi nhận được tin cấp báo quân Thanh đã xâm lược nước ta “Bắc Bình Vương tiếp được tin báo, giận lắm định họp các tướng sĩ định thân chinh cầm quân đi ngay”.

⇒ Chỉ hành động đó ta đã nhận ra sự căm thù quân xâm lược, tình cảm yêu nước của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ) không hề nao núng trước sức mạnh của giặc.

- Nhưng bình tân nghe lời các tướng sĩ ông đã cho đắp đàn ở núi Bân, tế cáo trời đất lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung. Tự mình đốc suất đại binh cả thủy lẫn bộ cùng ra đi”. Và ông còn gặp hỏi người cộng sĩ Nguyễn Thiếp về việc đánh giặc và nhận được câu trả lời “Chúa công ra đi lần này không quá mười ngày quân Thanh sẽ bị dẹp tan”.

- Cho thấy Quang Trung là vị tướng rất cẩn trọng, sáng suốt, biết nghe theo lẽ phải để đánh đuổi quân xâm lược. Trên đường ra Bắc để đánh quân Thanh ông còn:

- Tuyển thêm quân lính “cứ ba suất định lấy một người, chưa mấy lúc đã được hơn một vạn quân tinh nhuệ.”, mở cuộc duyệt binh lớn để tăng thêm sức mạnh, thanh thế và uy tín của nghĩa quân.

- Và trong buổi duyệt binh ông đã đọc lời phủ dụ. Trong lời phủ dụ ông đã khẳng định chủ quyền của dân tộc, lên án hành động xâm lược của kẻ thù. Ông cũng nhắc lại truyền thống đánh giặc của dân tộc từ xa xưa, kêu gọi quân lính đồng tâm hiệp lực đánh giặc, ra kỷ luật nghiêm minh trong nghĩa quân.

⇒ Lời phủ dụ có thể coi như một bài cáo, một bài hịch, một bản tuyên ngôn về độc lập chủ quyền của dân tộc có tác dụng kích thích lòng người đánh giặc bảo vệ đất nước.

- Lòng yêu nước, sự mạnh mẽ, quyết đoán và sáng suốt của Quang Trung còn thể hiện trong việc dùng người thể hiện qua cách xử lý các tướng sĩ. Khi đến Tam Điệp gặp Sở và Lân “đều mang gươm trên lưng mà xin chịu tội” và theo quân luật thì “quân thua chém tướng” nhưng ông đã xử trí vừa có tình vừa có lý. Đối với ông không có luật nào trái được nhân tâm. Ông rất hiểu sở trường, sở đoản của các tướng sĩ, khen chê đúng người đúng việc. Vì vậy mà tha tội, ban thưởng cho họ để họ lập công chuộc tội.

⇒ Cách dùng người của ông thể hiện sự khôn khéo, tầm nhìn xa trông rộng, đánh vào nhân tâm con người để giúp cho đất nước.

- Tầm nhìn xa trông rộng còn được thể hiện khi Quang Trung định sẵn kế hoạch hành quân đánh giặc và dự trước tình hình “Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tính đánh đã có sẵn, chẳng qua mười ngày có thể đuổi được nhà Thanh”, ông còn định kế hoạch ngoại giao sau khi đánh quân Thanh. Ông mở tiệc cho quân ăn tết trước “Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối ba mươi tết lập tức lên đường, hẹn ngày mừng bảy năm mới thì vào Thăng Long mở tiệc ăn mừng.”

→ Cuộc chiến còn chưa xảy ra nhưng đã bàn tới vấn đề hậu chiến. Ông đã nhìn thấy từ rất sớm, ngay từ khi mới khởi binh đã biết trước sẽ thắng, qua mười ngày đuổi được giặc, hẹn ngày vào Thăng Long ăn mừng chiến thắng, lại tính cả hậu chiến, một mặt giao hoà với nhà Thanh, mặt khác tích cực nuôi dưỡng lực lượng xây dựng đất nước giàu mạnh để bảo vệ hoà bình lâu dài. Trong lời nói của nhà vua có cái điềm đạm, ung dung của một người đã tiên liệu và hoàn toàn tự tin vào sự tiên liệu sắp đặt của mình. Lời bàn này cho thấy vua Quang Trung hoàn toàn tin chắc vào sự chiến thắng của mình. ²¹³

2. *Quang Trung còn là một vị tướng tài thể hiện trong trận đại phá quân Thanh.*

- Để có thể hành quân thần tốc tiến ra Bắc, Quang Trung đã có cách chỉ huy rất đặc biệt: Ngày hai lăm tháng Chạp bắt đầu xuất quân ở Phú Xuân (Huế) ngày hai chín đã ra đến

Nghệ An, vượt khoảng 300km đường núi, qua đèo một tuần lễ sau đã ra đến Tam Điệp. Vậy mà đêm ba mươi tết đã lập tức lên đường, định kế hoạch chỉ trong bảy ngày vào ăn tết ở Thăng Long (thực tế mừng năm tết đã tới). Có sách còn nói Quang Trung còn sử dụng cả biện pháp cang, võng: Cứ hai người khiêng thì một người được nằm nghỉ, luân phiên nhau suốt đêm ngày.

→ Hành quân xa như vậy mà tất cả đều đi bộ thông thường quân đội sẽ mệt mỏi rồi nhưng nghĩa quân Tây Sơn vẫn quần áo chỉnh tề. Đó là cái tài tổ chức của người cầm quân.

- Tài cầm quân của Quang Trung được đặc biệt thể hiện trong các trận đánh:

- Trận Phú Xuyên và Hà Hồi: Cho bắt gọn quân do thám, đánh vào ban đêm. Nửa đêm lặng lẽ vây kín làng Hà Hồi, bác loa truyền gọi quân lính dạ ran.
□ Bí mật bất ngờ bảo đảm thắng lợi nhưng không gây thương vong. Cách đánh thông minh dẫn đến chiến thắng giòn giã.
- Đặc biệt trận Ngọc Hồi: Đánh công phu nhất, dùng nhiều cách đánh tấn công phía trước, nghi binh phía sau: Mũi tấn công chính do vua Quang Trung đốc thúc, dùng ván ghép có rom cấp nước phủ kín che trước, quân lính theo sau tiến sát ỏn giặc đánh giáp lá cà. Trước đó một toán quan theo bờ đê Yên Duyên kéo lên làm nghi binh ở phía đông.

→ Táo bạo quyết liệt không cho kẻ thù có đường sống mang lại chiến thắng giòn giã nhất (các mũi phụ bao vây đường rút quân của quán Thanh, cho voi giày đạp).

- Kết quả: Chiếm thành Thăng Long. Kẻ thù đại bại quân Thanh bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết.

→ Có thể nói cảnh tấn công đồn Ngọc Hồi vô cùng hùng tráng. Trên nền của súng đạn, của khói lửa mù trời là hình ảnh “vua Quang Trung cưỡi voi đốc thúc” cùng với ban quân xông trận. Mỗi cảnh xung trận là một vẻ đẹp khác nhau nhưng đều tập trung khắc họa hình ảnh vua Quang Trung như là linh hồn của nghĩa quân Tây Sơn, Quang Trung hiện lên trong các trận chiến thật lắm liệt. Một vị tổng chỉ huy quyết đoán phương lược, tự mình xông pha nơi khói lửa.

- Có cuốn sử sách ghi: “Khi vào tới Thăng Long, tấm áo bào màu đỏ đi sạm đen khói súng”. Hình ảnh người Anh hùng có tính cách quả cảm, có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, có tài dùng binh, là người tổ chức và là linh hồn của chiến công vĩ đại. Các tác giả là người trung thành với nhà Lê và từng có ý định chống lại Tây Sơn nhưng trước tài năng, đức độ

của Quang Trung họ không thể không viết lời trân trọng và ngợi ca. Không chỉ toả sáng trong bảo vệ tổ quốc và hình ảnh của Quang Trung còn toả sáng trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Điều này đã được công chúa Ngọc Hân (vợ ông) ghi lại:

Mà nay áo vải cờ đào

Giúp dân xây dựng biết bao công trình

- Chi tiết Quang Trung đã mất đột ngột khi tuổi đời còn rất trẻ để lại bao dự định, khát khao với đất nước còn dang dở.

III. Đánh giá khái quát

1. Nghệ thuật:

- Lời văn hào hùng mạnh mẽ
- Ngòi bút miêu tả sinh động

2. Nội dung: Tác giả đã tái hiện hình ảnh Nguyễn Huệ (Quang Trung) là một vị tướng, vị vua yêu nước, mạnh mẽ, quyết đoán, anh minh, sáng suốt và là một vị tướng tài.

3. Mở rộng: Quang Trung là hình ảnh sáng ngời, biểu tượng cho tinh thần và sức mạnh quật cường, cho ý chí độc lập tự chủ của dân tộc Việt Nam. Hình ảnh ấy mãi khắc ghi trong chúng ta niềm tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc ta và lòng biết ơn sâu sắc về người con ưu tú của cả dân tộc. Thời gian trôi qua đã mấy trăm năm.

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

215

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Nguyễn Dữ sống ở thế kỉ XVI, thời kì xã hội phong kiến Việt Nam suy tàn nên ông chỉ làm quan một thời gian ngắn rồi về quê ở ẩn, sống cuộc đời thanh bần.

- Tác phẩm “Truyền kì mạn lục” (ghi chép những điều tản mạn vẫn được lưu truyền trong dân gian) ra đời trong thời gian này. “Chuyện người con gái Nam Xương” là một

trong hai mươi truyện của tác phẩm này. Truyện là một áng văn hay, thành công về nghệ thuật dựng truyện, miêu tả nhân vật, kết hợp giữa tự sự và trữ tình.

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ:

- Truyền kì mạn lục (Ghi chép lại những chuyện li kì vẫn còn lưu truyền tả mạn trong dân gian).
- Tác phẩm được ngợi ca là một áng thiên cổ kì bút.
- Áng văn hay của bậc đại gia.

b. Hoàn cảnh: Thời kỳ XVI-Lê Mạc (Mạc Đăng Dung hay Mạc Thái Tổ)

- Đất nước sạch bóng quân thù.
- Nội bộ chế độ phong kiến bắt đầu lục đục gây nên chiến tranh, đẩy nhân dân vào vòng lưu ly oan khổ.

→ Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ đã góp phần phản ánh hiện thực đó.

c. Chủ đề: Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, chuyện đã thể hiện niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.

B. Luyện đề

Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật, nội dung nghị luận

- Giới thiệu khái quát nội dung của Truyền kì mạn lục và nhấn mạnh vào hình ảnh người phụ nữ trong tác phẩm
- Khẳng định Chuyện người con gái Nam Xương là một trong những tác phẩm tiêu biểu, đặc sắc viết về người phụ nữ... 216
- Giới thiệu nhân vật Vũ Nương và khái quát đặc điểm: Vũ Nương là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết nhưng nàng phải chịu một số phận, cuộc đời đầy oan khổ, oan trái.

II. Cảm nhận

1. Giới thiệu chung về tác phẩm (Phần A)

2. Giới thiệu sơ lược về nhân vật: Vũ Nương là nhân vật chính, là linh hồn của tác phẩm, thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm. Nàng hiện lên là một người phụ nữ đẹp toàn diện

từ ngoại hình đến tính nết “tính đã thủy mị nét na lại thêm tự dung tốt đẹp”. Nàng kết hôn cùng Trương Sinh - người cùng làng có tính đa nghi. Về làm vợ, trong cuộc sống gia đình, Vũ Nương luôn nâng niu, vun vén cho hạnh phúc gia đình, thủy chung trọn vẹn với chồng, hiếu thảo với mẹ chồng, yêu thương chăm sóc con, đầy lòng tự trọng. Thế nhưng cuộc đời của nàng lại nhiều bất hạnh, khổ đau, oan trái. Có thể nói, viết về Vũ Nương, Nguyễn Dữ đã gửi gắm tấm lòng yêu thương, trân trọng vẻ đẹp phẩm chất của nàng đồng thời thể hiện niềm cảm thương số phận, cuộc đời của nàng.

3. Vũ Nương là người đẹp người đẹp nết

a. Đẹp người

- Dẫn dắt: Nhan sắc người phụ nữ là vẻ đẹp dễ gợi nguồn cảm hứng cho người nghệ sĩ. Nguyễn Dữ không phải là ngoại lệ. Trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương, Nguyễn Dữ không dài lời mà chỉ ngắn gọn bằng bốn chữ “tự dung tốt đẹp” để nói về nhan sắc của người con gái Nam Xương.
- Nhan sắc trời phú cho nàng đã khiến chàng Trương sinh lòng cảm mến mà xin mẹ những “trăm lạng vàng” để cùng nàng kết tóc se tơ, được làm chủ bông hoa quý.
- Sau này, dưới cung nước của Linh Phi, nàng chỉ “điểm qua son phấn” mà vẫn hiện lên muôn phần lộng lẫy khiến Phan Lang để ý, để tâm. Để Vũ Nương nổi bật giữa các nàng tiên là Nguyễn Dữ đã tôn vinh con người trần thế, đó chính là biểu hiện của tinh thần ngòi bút nhà văn.

b. Đẹp nết

✚ Với chồng, nàng là người vợ nết na, thủy mị, thủy chung.

- Lúc Trương Sinh ở nhà: biết tình chồng đa nghi hay ghen nên nàng hết sức “giữ gìn khuôn phép” để vợ chồng không phải “thất hòa”. Nàng luôn biết cách cư xử nhún nhường sao cho cuộc sống vợ chồng trong ấm ngoài êm”, gia đình được sống yên²¹⁷ vui, hạnh phúc. Chỉ một chi tiết nhỏ thôi nhưng cũng đủ thấy bao nhiêu nâng niu gượng nhẹ với thái độ tích cực vun vén cho hạnh phúc gia đình của Vũ Nương.
- Khi Trương Sinh đi lính
 - Phút biệt ly: Nàng nâng chén rượu tiễn chồng và nói cùng chàng những lời tha thiết: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm, trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi.”
 - ⇒ Qua chi tiết trên, Vũ Nương hiện lên là người không màng danh lợi bởi có lẽ

nàng hiểu lợi cùng danh tựa áng phù vân, nay có mai không, nay còn mai hết và nàng luôn lo lắng và xem sự bình an của Trương Sinh mới là quý giá. Trong lời nói của nàng, người đọc còn nhận thấy tình yêu thương chồng, nỗi nhớ mong tha thiết của ng vợ trẻ, thấu hiểu những nỗi gian lao, vất vả của chồng nơi chiến trận “Chi e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn giao lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng...” Lời của nàng không chỉ làm yên lòng ng ra trận mà còn khiến cho tất cả mọi người đều xúc động. Đó là những lời ân tình thấm thiết.

- Trong những ngày xa cách
 - Không nguôi thương nhớ: “Ngày qua tháng lại, thoát đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”. Câu văn biền ngẫu, nhịp chậm, kết hợp với hình ảnh ước lệ tượng trưng “bướm lượn đầy vườn” (tượng trưng cho cảnh vui mùa xuân), “mây che kín núi” (tượng trưng cho cảnh buồn mùa đông) giúp Nguyễn Dữ diễn tả nỗi buồn nhớ, ngóng trông khắc khoải giăng mắc khắp thời gian và không gian của người cô phụ.
 - Mở rộng: Đó là tấm lòng thủy chung son sắt của người phụ nữ xưa có chồng đi chinh chiến. Như nàng Tô Thị vì chờ đợi chồng cứ ngày này sang tháng khác mà hoá đá Vọng Phu. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phục trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

Nhớ chàng đằng đẳng đường lên bằng trời

Trời thăm thăm xa vời khôn thấu

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong

218

⇒ Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông nỗi khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung nhớ đợi chờ chồng của nàng.

- Phải chăng cũng vì quá nhớ thương chồng mà đêm đêm “Mỗi khi phòng không chiếc

bóng, nàng trở bóng mình trên tường và bảo đó là cha Đản”: Chi tiết này, Nguyễn Dữ thăm nói với ta rằng Vũ Nương và Trương Sinh kể chón cuồng quê người nơi gió cát, xa mặt mà chẳng cách lòng, vẫn gắn bó với nhau như hình bóng, như chim liền cánh như cây liền cành.

- Trong những tháng ngày xa cách, Vũ Nương luôn thủy chung, son thắm: Xa cách 3

năm không “bén gót” đến những nơi “ngõ liễu tường hoa”, chẳng màng “tô điểm phần”, “giữ ngọc gìn vàng”, “trộn đạo phu thê”, “vẹn tình chung thủy”.

- Khi Trường Sinh đi lính trở về, bị nghi oan là thất tiết, hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ, không một lời ca thán, phàn nàn kẻ khổ, Vũ Nương vẫn chỉ dùng những lời lẽ tha thiết, chân thành để giải bày mình oan mong chồng hiểu rõ tấm lòng mình cố gắng cứu vãn hạnh phúc gia đình. Việc sáng tạo thêm các lời thoại của Vũ Nương là cách để nhà văn ca ngợi phẩm chất của Vũ Nương.
- Nàng nhắc đến thân phận mình “vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu”, nhắc đến tình nghĩa vợ chồng “sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi và động việc lửa binh”, khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng của mình “Cách biệt ba năm giữ gìn một tiếng. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nét hư thân như lời chàng nói”.
- Vũ Nương vốn dĩ không làm gì sai, không làm việc gì có lỗi với Trường Sinh, vậy nàng nhún nhường nhẫn nhịn vì cái gì? Còn không phải nàng sợ sẽ mất đi hạnh phúc gia đình “thú vui nghi gia nghi thất” bấy lâu nay vun đắp hay sao? Còn không phải tấm lòng thủy chung của nàng bấy lâu giữ gìn bị chà đạp hay sao? Tấm lòng nàng chính là tấm lòng của người vợ đảm đang, khôn khéo, thủy mị nét na một lòng yêu thương chồng con thủy chung son sắt.

✚ Với mẹ chồng, nàng là nàng dâu hiếu thuận

- Khi mẹ muộn phiền, nàng “ngọt ngào khuyên lơn”.
- Khi mẹ trong cảnh “nước hết chuông rền, số cùng khí kiệt”, nàng lo lắng thuốc thang, lễ bái thần phật.
- Khi mẹ khuất núi, nàng lo ma chay chu tất.

⇒ Với mẹ chồng, Vũ Nương chu toàn cả việc âm lẫn việc dương, cả khi sống lúc thác, cả việc đạo lẫn việc đời, cả thân lẫn tâm, vẹn đạo làm dâu. Tấm lòng của nàng với mẹ chồng được chính bà ghi nhận “Trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ”. Lời trăng trối của mẹ chồng trước lúc lâm chung là lời đánh giá khách quan nhất, không chỉ khẳng định, tôn thêm vẻ đẹp đức hạnh của Vũ Nương, khẳng định mối quan hệ tốt đẹp của mẹ chồng nàng dâu, mà còn thể hiện cái nhìn mới mẻ của Nguyễn Dữ so với xã hội phong kiến đương thời. Tấm chân tình của Vũ Nương đã xóa đi khoảng cách trong mối

quan hệ mẹ chồng nàng dâu vốn đầy những định kiến, khó có thể dung hòa trong xã hội phong kiến. Những gì xuất phát từ trái tim thường sẽ đến được với trái tim, và tình yêu thương chân thành của Vũ Nương không chỉ lay động tâm tư của mẹ chồng mà còn làm cảm động tâm lòng của Nguyễn Dữ để những áng văn cất lên những lời ngợi ca trân trọng.

✚ Với con, Vũ Nương là người mẹ rất mực thương con. Mỗi khi dỗ dành con, nàng thường trở bóng mình trên tường và bảo với con là “cha Đản”. Lời dỗ dành của nàng không chỉ cho con qua cơn hờn khóc mà con muốn còn không thấy thiếu vắng tình phụ tử: Xa mà cũng như gần, lạnh mà vẫn ấm. Nhưng đó cũng là khởi đầu cho nỗi oan ức, cuộc đời bi thảm của nàng sau này.

✚ Với Vũ Nương, Linh Phi là ân nhân nên nàng sống rất có trước có sau, có tình có nghĩa, dù biết rằng không gì quý bằng “thú vui nghi gia nghi thất” nhưng vì đã nhận được ơn đức Linh Phi nên nàng không thể trở về để trở thành kẻ vong ân bội nghĩa.

✚ Với bản thân, Vũ Nương là người tự trọng, sống tình nghĩa, vị tha.

- Khi chồng đi vắng, nàng hết sức giữ gìn để giữ trọn thanh danh, khỏi mang tiếng “nhuốc nhơ”, “bay buộc”.
- Khi bị nghi oan là thất tiết, khi mọi con đường sống khép lại, Vũ Nương đã phải gieo mình xuống dòng sông Hoàng Giang để tự vẫn. Có lẽ ở nàng, sự sống không phải không đáng quý nhưng danh tiết con người còn đáng quý hơn. Vũ Nương ý thức rất rõ về phẩm giá của mình. Hành động trẫm mình của Vũ Nương là hành động quyết liệt, hi sinh cuộc sống để bảo toàn danh dự - có nỗi thất vọng đắng cay nhưng có sự chỉ đạo của lý trí “tắm gội chay sạch”, không phải hành động bột phát trong cơn nóng giận.
- Trước khi trẫm mình nàng đó than với trời đất “Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mi. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối dẫu xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ”.

⇒ Lời than như một lời cầu nguyện xin thần sông chứng giám cho nỗi oan khuất và tiết giá trong sạch của người con gái đức hạnh nết na. Lời than của Vũ

Nương có lẽ đã thấu đến trời xanh, làm cảm động đất trời mà rẽ nước để nàng xuống thủy cung sống một cuộc đời khác.

- Sau này, khi đã thành tiên nữ nơi tiên giới, nàng vẫn đau đáu một niềm oan cũ hờn xưa nên quyết trở về để chồng lập đàn minh oan chiêu tuyết, để khỏi cảnh bia mộ tiếng đời nhuốc nhơ. Câu nói của nàng với Phan Lang “Tôi tất tìm về có ngày và chi tiết nàng gửi Phan Lang chiếc thoa vàng cùng lời nhắn Trường Sinh lập đàn giải oan đã thể hiện niềm khao khát được trả lại danh dự, được rửa sạch nỗi oan của nàng.
- Vũ Nương may mắn được Linh Phi cứu mạng, sống nơi làng mây cung nước nhưng nàng vẫn luôn nặng lòng với gia đình, quê hương. Trong cuộc trò chuyện với Phan Lang, lúc đầu Vũ Nương tỏ ý không muốn trở về dương thế nhưng khi nghe Phan Lang nói “nhà cửa tiên nhân của nương tử cây cối thành rừng, phần mộ tiên nhân của nương tử, có gai rộp mắt” thì nàng lại “ứa nước mắt” và quả quyết sẽ có ngày trở về. Rõ ràng cuộc sống nơi thủy cung dù đủ đầy nhưng nàng vẫn không nguôi nhớ gia đình vẫn tha thiết với chồng con, khao khát được trở về. Câu nói của Phan Lang đã khơi dậy những gì thiêng liêng nhất trong tâm hồn nàng: đó là quê hương là gia đình là phần mộ tổ tiên, là chồng con, những người nàng đã từng gắn bó và yêu mến.
- Ôn ai chẳng một chút quên. Với Linh Phi – ân nhân đã cứu giúp nàng, cho nàng một cuộc sống thứ hai trong nơi làng mây cung nước, nàng luôn cảm ơn đức của Linh Phi”, “thề sống chết cũng không bỏ”.

⇒ Có thể nói, việc sáng tạo thêm phần kết của câu chuyện với những yếu tố kì ảo, Nguyễn Dữ đã hoàn thiện thêm nét đẹp phẩm chất của Vũ Nương, dù sống trong cảnh ngộ nào, người phụ nữ nết na, hiền dịu đoan trang ấy vẫn ngời sáng những phẩm chất tốt đẹp.

→ Đánh giá luận điểm: Như vậy dưới ngòi bút của Nguyễn Dữ, Vũ Nương hiện lên với thật nhiều những phẩm chất tốt đẹp. Có thể nói, cả trong ba tư cách một người vợ, một người con, một người mẹ, Vũ Nương đều nêu cao phẩm hạnh của ng phụ nữ Vũ Nương: đảm đang, yêu thương con, thủy chung với chồng, hiếu thảo với mẹ chồng, sống tình nghĩa, vị tha. Vẻ đẹp của Vũ Nương là vẻ đẹp lí tưởng tiêu biểu cho vẻ đẹp của người phụ nữ xưa “công, dung, ngôn hạnh” và cũng đúng như phần đầu truyện tác giả giới thiệu “thùy mị, nết na”. Nàng là khuôn vàng thước ngọc về phẩm hạnh theo quan niệm đạo đức phong kiến.

- Mở rộng tới vẻ đẹp của Kiều: Ví dụ: Đó cũng là vẻ đẹp của nàng Kiều... Vũ Nương

không phải là trang liệt nữ như Ý Lan, nàng đẹp một vẻ đẹp của ng phụ nữ xưa trong cuộc sống gia đình. Viết những dòng như vậy về Vũ Nương là tác giả bày tỏ thái độ trân trọng, ngợi ca, bênh vực người phụ nữ. Cảm hứng nhân văn hướng về con người, nâng niu, trân quý người phụ nữ khiến một ng phụ nữ bình dân như Vũ Nương từ cuộc đời bước vào trang sách trở nên đẹp vô ngần.

4. Vũ Nương là người có số phận bạc mệnh, khổ đau, bất hạnh

- Dẫn dắt: Xưa nay, thường những người phụ nữ má hồng thường đa truân, Vũ Nương là người như thế.

a. Vũ Nương là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán

- Trong cuộc hôn nhân: Cuộc hôn nhân của nàng ít nhiều có tính chất gả bán vì thế Vũ Nương xuất giá theo chồng để trọn đạo làm con.
- Trong cuộc sống: Trương Sinh đa nghi cả ghen, phòng ngừa quá mức nên nàng không có tự do, làm dâu nhà hào phú dầu “mưa không đến mặt, nắng chẳng đến đầu” nhưng phận nàng cũng chẳng khác chi “chim lồng cá chậu”.
- Nỗi niềm Vũ Nương cũng là nỗi niềm của muôn người phụ nữ đương thời đã từng được thể hiện trong những câu ca thấm đẫm nước mắt:

“Bây giờ em đã có chồng,

Như chim vào lồng, như cá cắn câu.

Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,

Chim vào lồng biết thuở nào ra.

222

b. Vũ Nương là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa

- Vì “động việc lửa binh” mà nàng phải xa chồng khi hạnh phúc lứa đôi vừa chớm khi “hương lửa đương nồng”.
- Trương Sinh đi vào nơi trận mạc, gió cát mà người xưa đã nói “cổ lai chinh chiến, kỳ nhân hồi” – nơi sự sống và cái chết chỉ là gang tấc mong manh nên nàng không những chần đốn gổi chiếc mà còn sống trong lo lắng, không yên.
- Trương Sinh - trụ cột gia đình vắng bóng nên nàng phải ghé vai mà phải toan lo đại sự, nàng không được làm bóng liễu dựa bóng tùng quân. Xa chồng chưa đầy tuần nàng sinh nở, một mình vượt cạn chăm sóc con thơ, nuôi con một mình. Mẹ già đau ốm, một tay nàng phụng dưỡng, chăm sóc, cúng lễ ma chay đại sự. Bao nhiêu gánh nặng gia đình dồn lên đôi vai nhỏ bé của nàng. Như “trăm dâu đổ đầu tằm”, nàng một mình cực nhọc đảm đương.

- Ba năm sau, Trương Sinh mãn hạn lính trở về, những tưởng vợ chồng con cái được sum họp nhưng không ngờ từ đây lại bắt đầu nỗi đau khổ tột cùng của cuộc đời nàng. Chưa được hưởng niềm vui đoàn tụ, nàng đã bị nghi ngờ là thất tiết. Nghe lời nói vu vơ của con trẻ “Đêm nào cũng có người đàn ông đến. Mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả”. Trương Sinh đã “đinh ninh là vợ hư” về nhà “la um lên cho hả giận”.
 - Người phụ nữ như Vũ Nương cả đời sống cho chồng cho con, hết lòng vun vén cho hạnh gia đình, đau khổ chờ chồng đến mòn mỏi giờ lại bị nghi oan thất tiết, có nỗi đau nào hơn thế, có tình cảnh nào trớ trêu hơn thế.
 - ✓ Nàng cố phân trần thanh minh: nhắc đến hoàn cảnh nghèo khó của mình “con kẻ khó được nương tựa nhà giàu” để Trương Sinh hiểu cuộc hôn nhân với chàng là điều may mắn sao nàng có thể lừa dối chàng được.
 - ✓ Nàng khẳng định sự chung thủy tấm lòng trong trắng của mình “ba năm giữ gìn một tiết, tô son điểm phấn tương đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót đâu có sự mất nét hư thân như lời chàng nói” để chàng tin tưởng đừng vu oan cho nàng như thế.
 - ✓ Ý Người phụ nữ ấy đang cố thanh minh để hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ. Nhưng trong xã hội xưa tiếng nói của họ đâu có giá trị gì, họ đâu²²³ có quyền thanh minh, đâu có quyền quyết định ngay cả đến tính mạng của mình. Bấy nhiêu lời nói cũng chẳng khiến Trương Sinh động tâm, Trương Sinh vẫn không hề lay chuyển, mắng nhiếc đánh đập nàng rồi đuổi đi. Số phận sao trớ trêu với nàng như vậy. Ba năm chờ chồng tưởng đến hóa đá, ba năm phụng dưỡng mẹ chồng, cái nàng nhận được ngày chồng trở về lại chỉ là những mắng nhiếc và đòn roi.
 - ✓ Người phụ nữ ấy không được nói lên tiếng nói đòi sự công bằng cho mình, không được biết sự thật “nàng gạn hỏi chuyện kia do ai nói nhưng chàng không nói”, cũng không được bảo vệ “họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng cũng không được”. Mỗi lúc nàng lại càng bị dồn đẩy vào đường cùng không lối thoát mà kẻ bức tử nàng lại hoàn toàn vô can.
 - Nàng nói trong tiếng khóc (trích lời thoại thứ 2). Lời văn viết ra như có máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy. Từng nhịp văn như tiếng khóc nghẹn ngào của nhân vật hay cũng chính là của nhà văn trước số phận bi kịch con người.

Những câu văn biền ngẫu chia tách thành nhiều vế đối xứng nhịp nhàng càng tô đậm thêm nỗi đau đớn, tuyệt vọng của Vũ Nương khi gả tan vỡ.

⇒ Vậy là hạnh phúc nàng gìn giữ bao năm đã tan tành theo mây khói. Cuộc đời nàng khác gì một thiên bạc mệnh. Nàng sống chẳng phụ ai để rồi lại bị chồng phụ bạc. Muốn sống cũng không được, Trương Sinh hay chính xã hội phong kiến đã tước đi quyền sống, quyền hạnh phúc của nàng? Cùng đường tột độ, nàng đã phải gieo mình xuống dòng Hoàng Giang dẫu lòng không muốn.

- Lời thân của nàng trước khi chết như nhát dao cứa vào lòng người đọc nhói đau về nỗi thâm trầm của kiếp người phụ nữ xưa (trích lời than trước khi chết). Lời than cũng là lời nguyện mong trời đất chứng giám cho sự trong sạch của mình. Cái chết của nàng như lời tố cáo xã hội phong kiến đã đẩy ng phụ nữ vào bước đường cùng, trào lên niềm cảm thương của tác giả - Vũ Nương tự vẫn nhưng không chết, nàng được Linh Phi cứu và sống cuộc sống tiện giới dưới thủy cung nhưng bản tính chưa được hóa giải mà “thú vui nghi gia nghi thất” – hạnh phúc nơi trần thế - mãi mãi nàng không thể thực hiện được. Sau này nhờ chồng giải oan, Vũ Nương được minh oan trở về nhưng nàng trở lại mà không thể ở lại, nàng trở về để mãi mãi ra đi, nàng tái ngộ để biệt ly mãi mãi.
- Cách giải quyết tuy tiêu cực nhưng thể hiện quyết liệt ý chí muốn tự minh oan của người phụ nữ bị dồn đến bước đường cùng. Khi gặp lại Phan Lang, nàng đã thổ lộ nỗi lòng “ngựa Hồ gầm gió Bắc, chim Việt đậu cành Nam tôi tất có ngày phải tìm về”, cho thấy lòng nàng vẫn luôn nhớ Trương Sinh. Tấm lòng thủy chung son sắt là phẩm chất của Vũ Nương nói riêng và của người phụ nữ Việt Nam nói chung. Từ nhân vật Vũ Nương làm ta chợt nhớ đến bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương.

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

- Sáng tạo thêm kết thúc của câu chuyện với những chi tiết kì ảo, Nguyễn Du đã tô thêm màu bị kịch cho bức tranh số phận người phụ nữ thế lương âm thầm trong xã hội đương thời. Vũ Nương trở về được minh oan nhưng tất cả chỉ là chút an ủi cho ng bạc mệnh, nàng vẫn xa cách ở giữa dòng bơi nàng và chồng con vẫn âm dương chia

lìa đôi ngả, hạnh phúc đã vĩnh viễn rời xa.

- Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sực tỉnh giấc mơ giấc mơ về những người phụ nữ đức hạnh vẹn toàn. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được người phụ nữ. Đây là giấc mơ mà cũng là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về giữ gìn hạnh phúc gia đình.

➔ **Đánh giá luận điểm:** Mặc dù mượn cốt truyện từ truyện cổ tích “Vợ chàng Trương nhưng bằng lối kể sáng tạo, nhà văn Nguyễn Dữ đã kể một cách xúc động về cuộc đời thương tâm đầy bi kịch và oan trái của Vũ Nương. Bi kịch của Vũ Nương là bi kịch của biết bao người phụ nữ trong xã hội xưa. Họ là nạn nhân của chiến tranh, của chế độ nam quyền độc đoán của chế độ trọng nam khinh nữ, của xã hội đồng tiền coi rẻ thân phận con người.

- Mở rộng: Đó là hình ảnh của nàng Thị Kính (Quan Âm Thị Kính) phải chịu nỗi oan giết chồng mà không có cách nào thanh minh, là hình ảnh của nàng Kiều (Truyện Kiều - Nguyễn Du) với cuộc đời 15 năm lưu lạc chịu bao đau khổ... 225
- Liên hệ thêm trong ca dao, trong “Chinh phụ ngâm khúc”: Cuộc đời họ gắn liền với hai chữ bạc mệnh đúng như đại thi hào Nguyễn Du đã từng viết: “Đau đớn thay phận đàn bà/ Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung” Kể về số phận bi kịch của họ, Nguyễn Dữ cũng như các tác giả đã bày tỏ niềm cảm thương xót xa cho số phận của người con gái thủy mị mệnh bạc.

III. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

- Đặt nhân vật vào nhiều hoàn cảnh khác nhau, nhiều mối quan hệ khác nhau như một khối rubic nhiều màu để xoay, mỗi mặt một vẻ đẹp nhân vật lại được tỏa sáng.
- Tình tiết sắp xếp khéo léo, chi tiết sau kịch tính hơn chi tiết trước đây mâu thuẫn truyền và bi kịch của nhân vật lên cao trào.
- Chi tiết chiếc bóng khéo léo được giấu xuống phần cuối câu chuyện đã làm tròn sứ mệnh của mình trong việc thắt nút và mở nút cho câu chuyện.
- Yếu tố kì ảo được đưa vào trong câu chuyện như một phương thức nghệ thuật để phản ánh hiện thực và bày tỏ tâm lòng nhân đạo của nhà văn.

- Đặc sắc nhất có lẽ phải kể đến tài năng viết đoạn đối thoại và lời tự bạch của nhân vật. Với lời độc thoại ấy, nhân vật hiện lên là con người cảm nghĩ chứ không còn là con người hành động.
- Ngôn ngữ trau chuốt, tinh tế, các điển tích, hình ảnh ước lệ tượng trưng, câu văn biến ngẫu tạo sức hấp dẫn đặc biệt trong việc thể hiện tâm tư khiến người đọc không thể rời trang sách.

2. Nội dung

- Với tất cả các yếu tố nghệ thuật trên, Nguyễn Dữ đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Vũ Nương - một người phụ nữ đẹp người đẹp nết, hiền thực dịu dàng, yêu chồng thương con tha thiết, sống tình nghĩa vị tha... nhưng cuộc đời nàng là một bi kịch đau xót. Vẻ đẹp của nàng là khuôn vàng thước ngọc cho vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, bi kịch của nàng là bi kịch chung của số phận phụ nữ đương thời.
- Qua nhân vật Vũ Nương, tác giả thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm: ca ngợi trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ đồng thời cất lên tiếng nói cảm thương xót xa cho thân phận con người. Tiếng nói ấy có ý nghĩa mở đầu cho cảm hứng nhân đạo trong các sáng tác văn chương sau này. Nói tiếp tiếng lòng thương cảm ấy, Nguyễn Gia Thiều cho nơi ra đời “Cung oán ngâm khúc” viết về nỗi khổ của của ng in cung cấm, Đoàn Thị Điểm với “Chinh phụ ngâm” cảm thương cho nỗi lòng của người chinh phụ có chồng đi chinh chiến, Nguyễn Du dành hẳn 3254 câu lục bát để viết về cuộc đời chìm nổi lênhên của Kiều.
- “Nhưng chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”, chính sự quan tâm đến thân phận con người, sự trân trọng ngợi ca vẻ đẹp con người, sự đồng cảm thương xót với bi kịch con người đã tạo nên áng thiên cổ kì bút” và sức sống lâu bền cho tác phẩm.
- Tác phẩm khơi dậy trong mỗi chúng ta niềm thương cảm, lòng trắc ẩn trước số phận con người, ý thức trân trọng gìn giữ hạnh phúc gia đình, đặc biệt tác phẩm còn cho ta nhận vai trò của niềm tin trong hạnh phúc gia đình: ở đâu có niềm tin ở đó có hạnh phúc. (Bài học do mỗi người cảm nhận)

C. Tham khảo một số đề bài sau

1. Cảm nhận của em về số phận oan trái của nhân vật Vũ Nương qua *Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ*.
2. Cảm nhận của em về vẻ đẹp nhân vật Vũ Nương qua *Chuyện người con gái Nam*

Xương của Nguyễn Dữ. Từ đó nêu suy nghĩ của em về vai trò người phụ nữ trong xã hội ngày nay.

3. “Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết đầy thương cảm của Vũ Nương. Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ đã thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ”. Phân tích nhân vật Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ để làm sáng tỏ nhận định trên.

4. “*Một người nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy*” (Chekhov). Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ hãy làm sáng tỏ ý kiến.

5. “*Nhân vật là linh hồn của truyện ngắn*”. Hãy phân tích nhân vật Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ để làm sáng tỏ nhận định trên. 6. Có ý kiến cho rằng “*Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ không chỉ ngợi ca vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ trong xã hội xưa mà còn là tấm lòng cảm thương cho số phận bạc mệnh của họ*”. Phân tích nhân vật Vũ Nương trong *Chuyện người con gái*²²⁷ *Nam Xương* của Nguyễn Dữ để làm sáng tỏ nhận định trên.

7. Phân tích giá trị nhân đạo qua trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ để làm sáng tỏ nhận định trên.

8. Có ý kiến cho rằng “*Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ không chỉ là tấm lòng cảm thương cho số phận bạc mệnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến mà còn ngợi ca vẻ đẹp truyền thống của họ*”. Phân tích nhân vật Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ để làm sáng tỏ nhận định trên. 9. “*Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm*” (Lép tôn –xtôi). Phân tích tình cảm Nguyễn Dữ đối với vẻ đẹp nhân vật Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương*. 10. Phân tích đoạn văn sau: “*Vũ Thị Thiết... cha mẹ đẻ mình*”.

11. Truyện cổ tích vợ chàng Trương kết thúc ở chi tiết Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của vợ và lập đàn giải oan. Em hãy kể lại kết thúc mà Nguyễn Dữ sáng tạo trong *Chuyện người con gái Nam Xương*. Nêu suy nghĩ của em về cách kết thúc đó.

12. “*Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm*” (Lép tôn –xtôi). Phân tích tình cảm Nguyễn Dữ đối với số phận nhân vật Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương*.

13. “*Một chi tiết đắt giá ngoài ý nghĩa là một chi tiết chân thực còn cần đạt tới ý nghĩa tượng trưng, hàm chứa một cách nhìn, một cách đánh giá và năng lực tưởng tượng của*

nhà văn về cuộc sống và con người” (Bùi Việt Thắng, Truyện ngắn những vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại) Qua việc cảm nhận chi tiết “*chiếc bóng*” trong tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*” và chi tiết “*vết thẹo*” trong tác phẩm “*Chiếc lược ngà*”, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

14. Trong tập tiểu luận Trang giấy trước đèn của nhà văn Nguyễn Minh Châu từng viết: “*Nhà văn tồn tại ở trên đời có lẽ trước hết là để làm công việc như kẻ nâng giắc cho những người cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui dồn đến chân tường, để bênh vực cho những con người không còn ai để bênh vực*”. Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* -Nguyễn Dữ, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

15. Ý nghĩa nghệ thuật kì ảo hoang đường

Gợi ý

1. Mở bài

“Chuyện người con gái Nam Xương” là truyện thứ 16, có nguồn gốc từ một truyện cổ tích²²⁸ Việt Nam có tên là “Vợ chàng Trương”. So với truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, “Chuyện người con gái Nam Xương” phức tạp hơn về tình tiết và sâu sắc hơn về cảm hứng nhân văn, trong đó, các chi tiết kì ảo cũng góp phần thể hiện nội dung ý nghĩa truyện vô cùng đặc sắc.

2. Thân bài

Yếu tố kì ảo không có trong toàn bộ câu chuyện mà chỉ hiện lên tập trung, đậm nét trong cái kết mới mà Nguyễn Dữ sáng tạo nên. Các chi tiết kì ảo trong truyện làm cho tác phẩm trở nên li kì, hấp dẫn hơn:

Tuyển truyện về Phan Lang với các chi tiết về Linh phi, thủy cung, cuộc gặp gỡ của Phan Lang và Vũ Nương, hình ảnh Vũ Nương đi kiệu hoa hiện về trên bến Hoàng Giang... là những sáng tạo của Nguyễn Dữ So với cốt truyện dân gian Vợ chàng Trương. Những chi tiết này làm cho câu chuyện trở nên lung linh kì ảo, tạo nên sự tò mò hấp dẫn cho người đọc. Cách kết cấu này cũng phức tạp và hấp dẫn hơn cách kết cấu của truyện cổ tích.

Nguyễn Dữ đã thành công trong việc sử dụng, sắp xếp hài hòa giữa yếu tố kì ảo và hiện thực. Các yếu tố kì ảo được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh, về thời điểm lịch sử, nhân vật và sự kiện lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mỹ nhân, về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau

khi nàng mất... làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

Các chi tiết kì ảo làm tăng thêm giá trị hiện thực và nhân đạo cho tác phẩm:

Hình ảnh thủy cung nguy nga tráng lệ tượng trưng cho một thế giới tuyệt mỹ, hạnh phúc mà người phụ nữ nét na, giàu phẩm hạnh được sống xứng đáng. Chi tiết này thể hiện ước mơ thầm kín của Nguyễn Dữ trong việc “tích thiện phùng thiện”: Vũ Nương ở biển, chịu đau khổ tủi nhục nhưng rồi sẽ được đền đáp xứng đáng. Chi tiết này cũng giúp hoàn thiện tính cách của Vũ Nương, làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của nàng: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.

Cách kết thúc truyện (Vũ Nương hiện về đẹp lộng lẫy, huyền ảo rồi biến mất, thể hiện ước mơ về công bằng của người phụ nữ và cũng là của chính tác giả: Vũ Nương được giải oan, sống trong nhung lụa giàu có và được bắt tử nơi thủy cung.

Chi tiết kì ảo cuối truyện làm cho người đọc nghĩ về một cái kết có hậu nhưng thực ra nó ẩn chứa bị kịch bên trong. Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia hai đôi ngả, hạnh phúc dĩ vãng viễn rời xa. Hạnh phúc gia đình, thiên chức làm mẹ của Vũ Nương đã mãi mãi bị tước đoạt. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta; sự tỉnh giấc mơ để trở về cõi thực, rằng Vũ Nương không thể trở về” hưởng hạnh/ phúc nơi dương gian được nữa. Sự ân hận muộn màng của người chồng hay đả] trảng giải oan đều không cứu vãn được hạnh phúc cho người phụ nữ. Đây là lò cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về giữ gìn hạnh phúc gia đình.

*** Nhân xét, đánh giá**

Nguyễn Dữ đã sáng tạo các yếu tố kì ảo để giải oan cho Vũ Nương, thể hiện ước mơ công bằng cho người bất hạnh, đồng thời làm hoàn thiện thêm vẻ đẹp trong nhân cách của Vũ Nương.

Các chi tiết này cũng tăng thêm tính chất bị thương cho câu chuyện: Vũ Nương chỉ có thể được giải oan chứ không thể trở về sống hạnh phúc với chồng, nàng cũng mãi mãi không thể gặp con. Nàng chỉ có thể tìm thấy hạnh phúc ở thế giới bên kia chứ không có trong đời thực. Cách kết thúc truyện đã phơi bày hiện thực và thể hiện nỗi xót xa, đau đớn của Nguyễn Dữ khi hiểu được bi kịch của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Chế độ nam quyền, thói hồ đồ của người chồng trong gia đình, chiến tranh phi nghĩa của các tập đoàn phong kiến... đã gây ra bi kịch cho người phụ nữ.

Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, có sự kết hợp giữa tự sự và biểu cảm trong lời nói của Vũ Nương khi dặn dò chồng, nỗi nhớ khi xa chồng, lời minh oan và tuyệt vọng đầy xót xa cay đắng của nàng...) cùng với việc sử dụng nhiều điển tích, điển cố, thành ngữ... làm nên một áng văn xuôi tự sự giàu cảm xúc, giàu hình ảnh, sống mãi với thời gian.

Tuy có những phẩm chất tâm hồn đáng quý nhưng Vũ Nương đã phải chịu một số phận cay đắng, oan nghiệt. Nghịch lí ấy tự nó đã là tiếng nói tố cáo xã hội phong kiến bất công phi lý đương thời chà đạp lên hạnh phúc của con người.

Xây dựng hình tượng Vũ Nương, một mặt nhà văn ngợi ca những phẩm chất tâm hồn đáng quý của người phụ nữ, mặt khác thể hiện thái độ cảm thông thương xót cho số phận bất hạnh của họ và cực lực lên án xã hội phong kiến đương thời bất công, phi lý chà đạp, rẻ rúng con người đặc biệt là người phụ nữ.

230

3. Kết bài

Các chi tiết kì ảo không những đã phủ một lớp mờ lên câu chuyện, giúp cho nhà văn dễ dàng thể hiện nội dung mà còn thể hiện sâu sắc tấm lòng yêu thương con người, bệnh vực thân phận người phụ nữ và mong muốn họ có được một cuộc sống tốt đẹp của nhà văn. Bởi thế, Chuyện người con gái Nam Xương giống như một sự phản kháng của nhà văn đối với thực tại xã hội đương thời.

I. Tác giả: Nguyễn Du**1. Cuộc đời**

- Nguyễn Du sinh ra trong một gia đình có truyền thống học hành và nhiều đời làm quan.
- Cuộc đời ông gắn liền với những thăng trầm của xã hội phong kiến cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX và bị ảnh hưởng rất nhiều từ những sự kiện lịch sử xã hội lúc bấy giờ.
- Bản thân Nguyễn Du có một vốn sống rất hiểu biết, phong phú và tài năng tuyệt vời. Bên cạnh đó, ông có một trái tim nhân hậu, giàu lòng yêu thương.

2. Sự nghiệp văn chương

- Giỏi cả về lĩnh vực chữ Hán và chữ Nôm.
- Giỏi cả sáng tác và phê bình nhưng nổi trội nhất vẫn là thơ ca.

II. Tác phẩm: Truyện Kiều**1. Nguồn gốc**

- Dựa trên cốt truyện Kim Vân Kiều Truyện do tác giả Thanh Tâm Tài Nhân của Trung Quốc sáng tác.
- Tuy nhiên, Nguyễn Du đã thay đổi rất nhiều chi tiết để tạo thành tác phẩm của riêng mình mang nhiều ý nghĩa và hơi thở của thời đại.

2. Ý nghĩa nhan đề

- Nghĩa đen: Đoạn trường tân thanh có nghĩa là tiếng kêu mới đứt ruột lòng người.
- Nghĩa bóng: Viết những điều trông thấy. Đoạn trường ở đây được dùng với nghĩa

ẩn dụ cho nỗi đau thương vô hạn tưởng như ai cắt đứt ruột mình ra từng khúc.

- 3 Đoạn trường tân thanh trong đời sống người dân trung đại: Ngay từ khi ra đời, Truyện Kiều đã trở nên không thể thiếu trong đời sống văn hoá của người dân trung đại. Người Việt Nam dùng tác phẩm của Nguyễn Du vào các sinh hoạt văn hoá khác nhau:

- Vịnh Kiều
- Đố Kiều
- Lầy Kiều
- Bói Kiều

232

4. Giá trị của “Truyện Kiều”

a. Giá trị nội dung

❖ Giá trị hiện thực

- Truyện Kiều có thể coi là một bức tranh hiện thực thu nhỏ về xã hội phong kiến Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII – đầu nửa thế kỉ XIX đầy những bất công, thối nát.
- Truyện phản ánh một cách chân thực bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị phong kiến và các thế lực hắc ám chà đạp lên quyền sống của con người.
 - Hình ảnh của quan lại và giai cấp thống trị: từ quan lớn đến quan bé, từ quan ông đến quan bà đều chung bản chất tham lam và vô lương tâm độc ác.
 - Ví dụ như tên quan xử kiện nhà Vương ông “Có ba trăm lạng việc này mới xuôi”
 - Tên quan xử kiện nhà Thúc ông rất vô lí được thể hiện qua hai câu thơ “Một là cứ phép gia hình/ Hai là lại cứ lầu xanh khó về”
 - Mẹ con Hoạn Thư đại diện cho tầng lớp quan bà cũng rất xảo quyệt “Bề ngoài thon thót nói cười/ Mà trong nham hiểm giết người không dao”.
 - Hồ Tôn Hiến tên quan to nhất trong “Truyện Kiều” được giới thiệu rất trang trọng “kinh luân gồm tài” nhưng thực chất lại là kẻ bất tài, tráo trở, độc ác, phải dựa vào váy đàn bà “Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình”
 - Các thế lực hắc ám trong xã hội như Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh là những kẻ tâng tặn lương tâm, sẵn sàng chà đạp lên nhân phẩm và số phận của người lương thiện vì đồng tiền, đồng tiền có thể làm đổi trắng thay đen. Đồng tiền trong Truyện Kiều không còn là phương tiện sống mà đã trở thành mục đích sống. Truyện phản ánh chân thực số phận của những con người bị áp lực, đặc

biệt là số phận của người phụ nữ thông qua nhân vật Thuý Kiều.

❖ Giá trị nhân đạo

- Cảm thương trước số phận bi kịch của con người, đặc biệt là người phụ nữ, từ đó lên án tố cáo chế độ phong kiến bất công, tàn bạo đã vùi dập, chà đạp con người.
- Trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp nhan sắc và vẻ đẹp tài năng của con người và vẻ đẹp phẩm hạnh.
- Khẳng định, đề cao khát vọng chân chính của con người
 - Khát vọng tự do công lý thể hiện qua hình tượng anh hùng Từ Hải “tài cao chí lớn”..²³³
 - Khát vọng tự do trong tình yêu thể hiện ở việc xây dựng mối tình Kim Kiều.

b. Giá trị nghệ thuật

- Ngôn ngữ
 - Kết hợp ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học. Ngôn ngữ trong “Truyện Kiều” không chỉ có chức năng biểu đạt, mà còn có chức năng thẩm mỹ.
 - Ngôn ngữ kể chuyện có ba hình thức
 - Trực tiếp (lời của nhân vật)
 - Gián tiếp (lời của tác giả)
 - Nửa trực tiếp (lời của tác giả nhưng mang suy nghĩ, giọng điệu của nhân vật)
 - Trong “Truyện Kiều”, Nguyễn Du sử dụng thể thơ dân tộc để sáng tác.
 - Tác giả sử dụng nhuần nhuyễn và sáng tạo ca dao dân ca.
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật
 - Nguyễn Du khắc họa nhân vật chủ yếu qua phương thức tự sự kết hợp miêu tả nhưng chỉ vài nét chấm phá mỗi nhân vật trong “Truyện Kiều” để nhân vật hiện lên như một bức chân dung thật sống động,
 - Đặt nhân vật chính diện, Nguyễn Du chủ yếu sử dụng phương pháp:
 - Ước lệ tượng trưng: lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm chủ mực cho vẻ đẹp của con người,
 - Bút pháp lí tưởng hoá
 - Bút pháp tả thực để lột tả bản chất
 - Tả cảnh ngụ tình để miêu tả nội tâm của nhân vật (chỉ dùng cho nhân vật chính diện)
 - Sử dụng ngôn ngữ độc thoại, độc thoại nội tâm để miêu tả nội tâm của nhân

CHỊ EM THUÝ KIỀU

234

A. Kiến thức cơ bản

1. Xuất xứ: Đoạn trường tân thanh (Truyện Kiều)
2. Vị trí: Phần 1 “Gặp gỡ và đính ước”
3. Chủ đề
 - Đoạn thơ là bức hoạ chân dung của hai nàng Kiều nữ
 - Qua đó thể hiện niềm trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của con người, tiên cảm số phận của người con gái má hồng mệnh bạc

B. Luyện tập

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của Kiều

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận
- II. Giới thiệu chung về đoạn trích
- III. Cảm nhận về đẹp của nàng Kiều

1. Nhan sắc

- a. Nhan sắc được ngợi ca gián tiếp qua nhan sắc của Vân

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

- Hai chữ “trang trọng” đặt giữa dòng thơ gợi vẻ đẹp trang trọng cao sang quý phái ít người sánh kịp của Thuý Vân, một vẻ đẹp khiến nhiều người phải chiêm ngưỡng, ngắm nhìn “xem”.
- Khi miêu tả Thuý Vân tác giả dùng từ “xem” rất tế nhị, “xem” còn là sự đánh giá của người miêu tả về sắc đẹp của Thuý Vân. Sắc đẹp ấy đạt đến độ “khác vời”, hai chữ khác vời mang đậm nét dấu ấn chủ quan của người viết thể hiện cái đẹp khó lòng nói hết, cái đẹp của nhan sắc và có cả cái đẹp ngoài nhan sắc. Nhưng để cụ thể hóa, cũng là để cá biệt hóa vẻ đẹp của Thuý Vân, chúng ta phải đọc đến các câu thơ tiếp theo

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

- Vẫn là bút pháp ước lệ tượng trưng với những hình ảnh quen thuộc: trăng, hoa, tuyết, ngọc, mây; kết hợp với nghệ thuật ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, nói quá qua các từ “thua, nhường, cười thốt”, nhà thơ đã lấy những báu vật tinh khôi nhất của đất trời để so sánh²³⁵ với vẻ đẹp của Vân, tô điểm, bồi đắp thêm vẻ đẹp của nàng. Có cái Thúy Vân bằng, có cái Thúy Vân hơn.
- Khuôn mặt nàng đầy đặn, tròn trịa, tươi sáng như vàng trắng rằm, nét lông mày cong, thanh tú đậm như con ngài. Hiện diện trên khuôn mặt tươi sáng ấy là nụ cười tươi thắm như hoa, giọng nói trong và quý như ngọc. Hay là phải chăng “ngọc thốt” ở đây là để chỉ những lời nói của nàng quý giá và đáng trân trọng như ngọc ngà? Một từ “thốt” “thôi mà có thể giúp ta nhận ra vẻ dịu dàng, hiền thực hiếm thấy của Thúy Vân. Thật là tài tình! Không những thế, nàng còn sở hữu cả một mái tóc đen óng mượt hơn mây và làn da mịn màng, trắng hơn cả tuyết. Quả là một vẻ đẹp hoàn hảo, cao sang, quý phái! Sắc đẹp của Thúy Vân sinh ngang với những nét kiều diễm, sáng trong của trăng hoa, ngọc vàng, mây tuyết,... toàn những báu vật tinh khôi, trong trẻo của đất trời. Chỉ thoáng nhìn hình dáng, thoáng nghe Vân chuyện trò, chúng ta cũng dễ dàng cảm nhận được tất cả sự dịu dàng, đoan trang của một cô gái khuê các.
- Nhưng ước lệ, lý tưởng hóa không làm cho nhân vật trở thành khuôn mẫu chung chung, mờ nhạt. Bằng tài hoa của mình, Nguyễn Du đã cá thể hóa nhân vật khiến chân dung nhân vật trở nên sinh động có hồn. Miêu tả Vân bên cạnh những khuôn mẫu quen thuộc: hoa cười, ngọc thốt, khuôn trăng, mày ngài... những công thức ước lệ thường thấy, những từ Hán Việt mang sắc thái trang trọng, Nguyễn Du đưa vào đó những từ thuần Việt nôm na nhưng nội hàm đa nghĩa. Các từ “đầy đặn, nở nang” như những định ngữ bổ sung cụ thể hóa hơn và đẹp của nàng. Đầy đặn, nở nang không chỉ miêu tả vẻ đẹp tràn đầy sức sống về hình dáng mà còn hàm chứa sự đầy đặn viên mãn của cuộc đời Thúy Vân!
- Có thể nói vẻ đẹp của Thúy Vân là vẻ đẹp lí tưởng - một vẻ đẹp không những sánh ngang mà còn vươn lên trên cả những nét kiều diễm, sáng trong của hoa lá, ngọc ngà, mây tuyết - những báu vật tinh khôi, trong trẻo của đất trời. Và vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu của Vân khiến cho thiên nhiên phải nghiêng mình thán phục “mây thua,

tuyệt nhường”.

- Nghệ thuật nhân hóa được sử dụng thật đắt. Dựng lên hình ảnh của Thúy Vân với một vẻ đẹp phúc hậu, quý phái khiến thiên nhiên, tạo vật cũng phải “thua” phải “nhường”, nhà thơ đã giúp ta nhận đây là một vẻ đẹp có được sự hòa hợp, êm đềm với thế giới chung quanh. Thêm vào đó là giọng thơ nhẹ nhàng mà nên có lẽ Thúy Vân là hiện thân của cuộc đời yên ả, ấm êm.²³⁶
- Từ những thông điệp nghệ thuật trên nhà thơ đã dự cảm về một cuộc sống bình lặng, suôn sẻ, hạnh phúc trong tương lai. Tả chân dung mà gợi được cả số phận nhân vật, ngòi bút của Nguyễn Du mới tài hoa làm sao! Cái tài hoa ấy phải chăng một phần Nguyễn Du ảnh hưởng từ quan niệm của Khổng Tử: Con người là sự tương giao, tương hợp giữa khí âm và khí dương, là tiểu vũ trụ trong cái đại vũ trụ là thiên nhiên tài đất. Nên ai hoà hợp được với thiên nhiên thì sống an nhàn, không hoà hợp được với thiên nhiên thì không tránh khỏi sự truân chuyên, vất vả.

⇒ Như vậy, chỉ với bốn câu thơ ngắn gọn nhưng bằng nét vẽ tài hoa qua các biện pháp nhân hoá, so sánh, đặc biệt là bút pháp ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã họa lên bức chân dung Thúy Vân đẹp cao sang quý phái sánh ngang với thiên nhiên. Hơn thế, bức chân dung của Thúy Vân mang tính cách số phận, một vẻ đẹp viên mãn, tròn đầy đã báo trước lên một cuộc đời êm đềm, được tạo hóa yêu chiều, xuôi chèo mát mái. Đó chính là điều kì diệu trong cách miêu tả của Nguyễn Du, vừa miêu tả ngoại hình vừa giúp người đọc cảm nhận được tính cách số phận của nhân vật; tả hình dáng bên ngoài mà dự đoán số phận con người, đây chính là biện pháp nhân hoá ngoại hình nhân vật... Ấn sâu mỗi câu thơ là thái độ trân trọng, ngợi ca của tư dành cho nhân vật. Đó là biểu hiện cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du khi hướng tới con người

b. Vẻ đẹp trực tiếp

- Dẫn: Vẻ đẹp của Vân tưởng đã là tận mỹ nhưng bằng thủ pháp vẽ mây nảy trăng (họa vân hiển nguyệt) ở đoạn thơ sau Nguyễn Du còn cho ta thấy Kiều mới đích là một nhan sắc khuynh thành.

Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

- Vẻ đẹp của Kiều được gói gọn trong bốn chữ “sắc sảo, mặn mà”. Hai từ láy đặt liền nhau trong câu thơ đã giúp người đọc có những cảm nhận đầu tiên về vẻ đẹp của Kiều
- một vẻ đẹp không chỉ có nhan sắc rực rỡ long lanh, kiều sa mà còn lấp lánh ánh sắc tinh anh của trí tuệ, sự nồng nàn đậm thấm của tâm hồn, tình cảm. 237

⇒ Rõ ràng chưa miêu tả gì nhiều song chỉ bằng một vài tính từ giàu sức gợi, nghệ thuật so sánh người đọc dường như đã bị mê cuốn bởi những lời thơ giới thiệu về nàng Kiều.

- Miêu tả Thúy Kiều, tác giả tiếp tục sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng để gợi nên nhan sắc của một tuyệt thế giai nhân:

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

- Khi miêu tả sắc đẹp của Thúy Kiều, ngòi bút của Nguyễn Du không tả cụ thể chi tiết như Thúy Vân mà thị nhân chuyển sang miêu tả chấm phá khái quát cốt nêu bật cái thần trong vẻ đẹp của nhân vật
- Tác giả chọn riêng và tập trung khắc họa vẻ đẹp của đôi mắt qua hình ảnh “làn thu thủy”. Mượn “làn thu thủy để nói về đôi mắt giai nhân giúp ta hình dung đôi mắt ấy trong trẻo, tươi sáng, sâu thẳm, long lanh, “đáy nước in trời”. Người xưa có câu: “Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn” nên hình ảnh thơ còn gợi về tâm hồn sáng trong, sâu thẳm, đa sầu đa cảm.
- Đôi mắt thẳm sâu ấy ẩn dưới “nét xuân sơn”. “Nét xuân sơn” là nét núi mùa xuân. Núi mùa xuân khác núi mùa đông tuyết trắng một màu, thê lương, lạnh lẽo, cũng không giống núi mùa thu: tàn phai, héo úa, mông lung một màu khói sương mà núi mùa xuân: khí trời ấm áp, tiết trời trong trẻo nên núi xanh trong sắc, thanh trong nét. Có lẽ vì thế mà câu thơ gợi ra nét mày thiếu nữ thanh tú, trẻ trung. Hình ảnh thơ còn xa xôi gợi về cái đẹp thanh tân, tươi mới của người con gái đang độ xuân thì.
- Có thể nói, khi tả Kiều, Nguyễn Du đã điểm nhãn, vẽ hồn cho nhân vật gợi lên vẻ đẹp của một giai nhân tuyệt sắc. Nhan sắc của nàng tuyệt mỹ đến nỗi “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
- Thêm một lần nữa thiên nhiên được sử dụng để nói về vẻ đẹp của người thiếu nữ. Nguyễn Du đã chọn hai hình ảnh đẹp và duyên dáng nhất trong thiên nhiên để tô đậm thêm vẻ đẹp nàng Kiều – “hoa, liễu”. “Hoa” và “liễu” là những thị liệu thường thấy trong văn chương trung đại. Lấy vẻ đẹp của liễu của hoa để tả vẻ đẹp của con người

không có gì mới lạ nhưng điều sáng tạo của cụ Nguyễn Du là hoa vốn rực rỡ bao sắc màu, ngào ngạt hương thơm, vậy mà trước nét đậm thắm của Kiều cũng phải nảy sinh lòng ghen ghét, đố kị. Liễu xanh tươi, thướt tha, yếu điệu sang cũng phải hờn trước nét yếu điệu, dịu dàng của Kiều. Cái thắm ấy là thắm của làn môi, đôi má hay cái chính thắm của nhan sắc, cái xanh ấy của đôi mắt, mái tóc hay của tuổi trẻ? Nhưng dù hiểu theo cách nào, câu thơ với những từ mang nội hàm đa nghĩa, bút pháp ước lệ tượng trưng và nghệ thuật nhân hóa cũng giúp ta cảm nhận được vẻ đẹp sống động, trẻ trung, yếu điệu, thực nữ, dịu dàng và tuổi xuân tràn đầy của nàng Kiều.

⇒ Nghệ thuật tiêu đối “hoa liễu, ghen hờn, thua thắm, kém xanh” cùng nhịp 4/4 trong câu thơ khiến lời thơ mang tính khẳng định, nhấn mạnh và ngợi ca vẻ đẹp nàng Kiều cùng bao cảm xúc yêu thương của Nguyễn Du dành cho nàng. Có lẽ vì yêu mến nàng Kiều quá mà Nguyễn Du đã dành cho nàng những lời ngợi ca đầy sự ngưỡng mộ:

Một bài nghiêng nước nghiêng thành

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai

- Thành ngữ “nghiêng nước nghiêng thành” như một đường viền làm nổi bật bức chân dung nàng Kiều, Thành ngữ này bắt nguồn từ điển tích Trung Hoa (xưa có nhiều mỹ nhân làm anh hùng phải siêu lòng dẫn đến mất nước). So sánh vẻ đẹp của Kiều như vậy là Nguyễn Du đã nâng vẻ đẹp của Kiều lên ngang tầm của những mỹ nhân xưa. Đôi mắt nàng một khi nhĩ ai có thể làm cho người ta say mê đến nỗi mất thành, mất nước, gây nên cảnh khuynh thành đảo quốc.

⇒ Rõ ràng chỉ cần dùng một thành ngữ thôi chẳng cần nhiều ngôn từ hoa mỹ, Nguyễn Du cũng đã cực tả vẻ đẹp của Kiều - một trang quốc sắc thiên hương. Liệu với vẻ đẹp “nghiêng nước nghiêng thành” ấy, Kiều sẽ phải sống thế nào trong bể đời vốn “Thiên địa phong trần, hồng nhan đa truân”.

- Bút pháp miêu tả của Nguyễn Du tài hoa ở chỗ ông không chỉ miêu tả ngoại hình để thể hiện tính cách mà còn thông qua đó dự đoán số phận, cuộc đời nhân vật. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Du dùng cặp từ “thua, nhường” để miêu tả Thúy Vân và các từ “ghen, hờn” để miêu tả Thúy Kiều. Ảnh hưởng, tác động của nét đẹp hai Kiều với tạo hóa lại đi theo hai hướng khác nhau. Tả Vân, câu thơ thanh thản bao nhiêu thì khi tả Kiều, câu chữ Tố Như lại trở trở bấy nhiêu. Người đọc không khỏi lo lắng cho vẻ đẹp vượt ngưỡng của Kiều sẽ gieo xuống cuộc đời nàng những bất hạnh. Cái nhan

sắc rực rỡ, lộng lẫy, kiêu sa đến thiên nhiên cũng phải ghen ghét đố kỵ thì sao tránh khỏi sau này người ta sẽ đày đoạ Kiều vào bể khổ trầm luân đầy truân chuyên. Ngay đầu “Truyện Kiều”, Nguyễn Du cũng từng nói “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”. Phải chăng quan niệm ấy đã thấm sâu vào Nguyễn Du để ông dự cảm về cuộc đời Kiều không ổn định?

- Như vậy, chỉ mới vài nét vẽ đầu tiên, tác giả đã giúp ta thấu hiểu tấm lòng ưu ái sâu sắc bao la của nhà thơ cùng tấm lòng nhân đạo Nguyễn Du: ông yêu thương, nâng niu tất cả. Có điều, với Thúy Kiều là cả một sự yêu thương, nâng niu đầy băn khoăn, lo lắng so với Thúy Vân. Thật vậy, trong Truyện Kiều, có lúc Nguyễn Du đi để sư bà Tam Hợp đạo cô đoán định tương lai bất ổn của Kiều qua lời thơ:

*Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong
Vây nên những chốn thông dong,
Ở không yên chỗ ngồi không vững vàng.*

- Chuyện thể thái, nhân tình cũng thật sâu sắc trong cách nhìn, cách cảm của Nguyễn Du. Và với tấm lòng ngợi ca, yêu mến nhân vật của mình, Nguyễn Du còn khẳng định Kiều là một cô gái “sắc đành đòi một, tài đành họa hai”. Trong thế gian này, nhan sắc như Kiều chỉ có một, còn tài năng họa ra may lắm mới có đến người thứ hai.
⇒ Như vậy, chỉ với bốn câu thơ ngắn gọn với bút pháp ước lệ tượng trưng kết hợp các biện pháp nghệ thuật... Nguyễn Du đã họa lên trước mắt chúng ta bức chân dung của một trang quốc sắc thiên hương. Thông qua bức chân dung nàng Kiều, ta có thể thấy được ngòi bút miêu tả điêu luyện của đại thi hào Nguyễn Du, ông chỉ gọi chứ không miêu tả chi tiết nhưng lại giúp người đọc cảm nhận một cách sâu sắc vẻ đẹp “mười phân vẹn mười” của Kiều. Ẩn đằng sau những lời thơ, những nét vẽ tài hoa ấy là cả một tấm lòng ngợi ca, trân trọng vẻ đẹp của con người của nhà nhân đạo chủ nghĩa Nguyễn Du.

2. Tài năng

- Dẫn: Tài năng của Kiều được khắc họa qua sáu câu thơ

*Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm*

Cung thương lâu bạc ngũ âm

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương

Khúc nhà tay lựa nên chương

Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân

1. Thể thơ: 6/8, nhịp nhanh, giọng thơ sôi nổi, thiết tha, tràn đầy say mê, hào hứng khi Nguyễn Du ca tụng Thúy Kiều.

2. Hình ảnh

- “Thi” là làm thơ, “họa” là vẽ tranh, “ca ngâm” là hát xướng, “cung thương”, ngũ âm” là “cung thương giốc chảy vũ”; hồ cầm” là đàn nguyệt, nhạc cụ cổ; “thiên bạc mệnh” là một bài thơ nói về nỗi bạc mệnh, giới về nhạc họa, khổ bản nhạc thành bài hát “Bạc mệnh oán”, vừa đàn vừa hát, gọi nỗi ai oán của kẻ bạc mệnh:

“Rằng hay thì thật là hay

Nghe ra ngâm đặng nuốt cay thế nào?

⇒ Tất cả những hình ảnh ấy gợi ra một tài năng thiên bẩm, phong phú; một trí tuệ sắc sảo; một tâm hồn nhạy cảm, thấm sâu.

c. Ngôn ngữ

- Cách sử dụng từ tài tình “thông minh”, “nghề”, “đu mùi”, “lầu”, “lựa”, “não nhân” đã đậm tô một tài đàn trác tuyệt, điêu luyện, tuyệt kỹ, vô tiền khoáng hậu của đệ nhất danh cầm; tài năng của Kiều khiến nàng như là tinh hoa của trời đất, nàng là thiên địa tú chung khiến nàng không chỉ là mỹ nữ mà còn là tài nữ khiến bao kẻ trước nàng không chỉ đắm sắc mà còn mộ tài.
- Tiếng đàn của Kiều khiến cho Kim Trọng phải “ngơ ngẩn sầu”, khiến cho Mã Giám Sinh “mặt nồng một vẻ một ưa”, khiến Trúc Sinh trên tiệc cũng phải “tan nát lòng”, khiến Hoạn Thư cũng phải “ngươi lửa hờn ghen” đã gợi ra sức lay động của tiếng đàn chính là Nguyễn Du đã ca ngợi vẻ đẹp tài đàn của tài nữ. Mở rộng: Tài năng của Thúy Kiều qua cách khắc họa của Nguyễn Du họa chăng chỉ có thể so sánh với tài thơ về xuất sắc của cung nữ trong tác phẩm “Cung oán ngâm khúc” của Nguyễn Gia Thiều:

Câu cầm tú đàn anh họ Lý

Nét đàn thanh bậc chị chàng Vương.

- Quả là “Sắc đành đòi một tài đành họa hai”! Lại thêm một lần nữa ta hiểu tại sao Nguyễn Du không miêu tả cái tài của Thúy Vân. Tạo hóa đã dành cả cho Thúy Kiều,²⁴¹ để rồi lại tỏ ra đố kỵ mà đàn tâm chơi trò nhỏ nhen:

Lạ gì bỉ sắc tư phong

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

Ông bà xưa cũng đã từng nói:

Một vừa hai phải ai ơi

Tài tình chi lắm cho trời đất ghen.

- Vậy mà, Thúy Kiều của Nguyễn Du tột đỉnh hơn người. Câu chữ, lời thơ chất chứa sự ngợi ca, ngưỡng mộ mà nổi bật khoắn, lo lắng cứ xôn xang trên mỗi chữ dùng của Tố Như. Nguyễn Du biết thế. Bởi, có lúc ông đã phải thốt lên rằng:

Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

- Nhưng làm sao khác được. “Thiên bạc mệnh” ai oán đã vận vào Kiều mất rồi. Trái tim yêu thương mệnh mông của Nguyễn Du cũng chẳng thể nào bảo vệ được điều trước vòng xoáy nghiệt ngã của định mệnh.

⇒ Khái quát: Bằng mười hai câu thơ với bút pháp ước lệ tượng trưng quen thuộc kết hợp với nghệ thuật miêu tả chấm phá, nhân hóa, so sánh... Đặc biệt là cách sử dụng một loạt các từ ngữ: “sắc sảo, phần hơn, nghiêng nước nghiêng thành” đã tạo nên một hệ thống ngôn ngữ cực tả tài sắc và cũng đã hé lộ dự báo số phận bạc mệnh của Kiều. Cực tả tài sắc của Kiều, Nguyễn Du cũng đề cao ngợi cái tâm đặc biệt của nàng. Có thể nói vẻ đẹp của Kiều là một vẻ đẹp hoàn hảo, lí tưởng. Với bức chân dung Thuý Kiều, nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Du đã đạt đến đỉnh cao trong nghệ thuật miêu tả chân dung nhân vật góp phần đưa ông trở thành đại thi hào dân tộc... Gửi vào mỗi câu, mỗi chữ là tấm lòng trân trọng ngợi ca của cụ

⇒ Tố Như dành cho nhân vật mà mình yêu quý. Đây là biểu hiện của cảm hứng nhân

văn cao cả của Nguyễn Du.

3. Tâm hồn

- Với những hình ảnh ước lệ tượng trưng, ngôn ngữ trang trọng, bút pháp gợi hơn là tả giúp Nguyễn Du làm tròn vẹn thêm vẻ đẹp của Kiều: nàng là đóa hoa vừa thẩm hương vừa đượm sắc, cốt cách của nàng cao quý tựa mai, tinh thần của nàng trắng trong²⁴² tuyết. Nàng là khuê nữ chốn khuê môn sống cảnh êm đềm màn che trướng rủ, không may may biết chuyện ong bướm đi về của người phụ nữ truyền thống.

⇒ Miêu tả cuộc sống của những cô con gái nhà họ Vương, câu thơ còn gợi ra vẻ đẹp tâm hồn, phẩm hạnh của những cô gái con nhà nề nếp, gia giáo trong các gia đình quý tộc xưa.

IV. Đánh giá khái quát tổng hợp

- Chỉ với hai mươi bốn câu thơ lục bát, chúng ta cũng đủ thấy tài năng, sáng tạo bậc thầy của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du trong đoạn trích.
- Ngôi bút của ông linh hoạt vô cùng, khi vẽ chi tiết, khi chỉ lướt qua; khi tả, khi gợi, kết hợp nhuần nhuyễn tính ước lệ của sách vở và cách nói dân gian và các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa ẩn dụ sáng tạo; vừa làm nghệ thuật, vừa gợi cảm tâm tư, tình cảm. Nguyễn Du đã vẽ lên bức chân dung vừa điển nh , vừa có sức gợi cảm mãnh liệt của hai kiêu nữ đặc biệt là Thúy Kiều trong trích đoạn bằng một thể giới ngôn ngữ phong phú, tinh tế, kỳ diệu, bằng một bút pháp điêu luyện, bằng một thiên tài khám phá tuyệt vời kết hợp với lòng thương yêu của con người , nhất là người phụ nữ.
- Có thể nói rằng, lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước nhà, hình ảnh người phụ nữ hoàn mỹ về hình thức lẫn tâm hồn được thể hiện dưới ngòi bút của thiên tài Nguyễn Du một cách say sưa, nồng nhiệt tập trung và trân trọng nhất. Càng nâng niu, quý trọng *truyện Kiều* chúng ta càng cảm phục tài năng và đức độ của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du. Đó là một cái nhìn của con người có tấm lòng nhân đạo mênh mông như ngọn nước.

C. Tham khảo một số đề bài sau

1. Có ý kiến cho rằng “Đoạn trích *Chị em Thuý Kiều* không chỉ miêu tả vẻ đẹp của nhân vật mà còn dự cảm về số phận của con người”. Qua đoạn trích hãy làm sáng tỏ luận điểm trên.

2. Đoạn trích *Chị em Thuý Kiều* thể hiện sâu sắc cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du. Qua đoạn trích, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

3. Cảm nhận về hình ảnh Thuý Kiều qua Đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*

4. Bàn về đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*, có ý kiến cho rằng “Đoạn trích *Chị em Thuý Kiều* đã thể hiện tài năng của Nguyễn Du trong nghệ thuật miêu tả chân dung nhân vật”.

Qua đoạn trích, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

243

5. Cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du trong đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*

6. “Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh là biểu hiện của cảm hứng nhân văn ở Nguyễn Du”. Qua đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*, em

hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

7. “Nghệ thuật chỉ làm ra những vần thơ khéo léo, còn trái tim mới làm nên tác phẩm thi ca” Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ đó, hãy phân tích đoạn trích *Chị em Thuý Kiều* để làm rõ ý kiến.

CẢNH NGÀY XUÂN

244

A. Kiến thức cơ bản

1. Xuất xứ: Đoạn trường tân thanh
2. Vị trí:
 - Phần 1 “Gặp gỡ và đính ước”, nằm ngay sau phần giới thiệu chị em Thuý Kiều

3. Chủ đề: Đoạn thơ là bức tranh cảnh ngày xuân. Mùa xuân và thiên nhiên trong đoạn thơ hiện lên tươi đẹp, trong sáng ở giai đoạn rực rỡ và viên mãn nhất của mùa xuân. Không chỉ miêu tả vẻ đẹp mùa xuân, Nguyễn Du còn làm sống lại những nét văn hoá qua không khí lễ hội mùa xuân. Và như thế ở đây vừa có vẻ đẹp thiên nhiên, vừa có vẻ đẹp con người.
4. Mùa xuân là mùa của hoa thơm cỏ lạ, mùa của lễ hội văn hoá dân gian, mùa xuân đã hơn một lần đi vào thơ cả Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông,... Đến với bức tranh mùa xuân xinh đẹp của Nguyễn Du trong Cảnh ngày xuân, mùa xuân của lễ hội góp thêm một hương sắc mới.

B. Luyện tập

Về đoạn trích “Cảnh ngày xuân”, có ý kiến cho rằng “Đoạn thơ là bức tranh thiên nhiên tạo vật lúc xuân sang”. Em có cho là như vậy không? Từ việc cảm hiểu về đoạn trích, hãy phân tích làm sáng tỏ ý kiến của em.

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận, trích ý kiến
- II. Giới thiệu chung về đoạn trích (A)
- III. Nêu ý kiến cá nhân: Cho rằng đoạn thơ miêu tả bức tranh thiên nhiên tạo vật lúc xuân sang theo tôi là ý kiến đúng nhưng chưa đủ bởi đoạn thơ còn miêu tả cảnh chị em Kiều du xuân trải hội và nỗi niềm tâm trạng họ lúc giã hội trở về.
- IV. Phân tích, chứng minh
 1. Đồng tình với ý kiến: Quả thật, đoạn thơ là bức tranh thiên nhiên tạo vật lúc xuân sang.

*Ngày xuân con én đưa thoi Thiều
quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

- Mở ra trong câu thơ là thời gian “ngày xuân”. Thời gian đẹp nhất trong bốn mùa vũ trụ khi đông giá qua mà hạ nồng chưa tới, khí trời ấm áp, tiết trời trong trẻo nên dễ hiểu vì sao mùa xuân là mùa của thi ca nghệ thuật muôn đời. Mùa xuân cũng là mùa “én” liệng “đưa thoi”.
- Cùng với hoa đào, làn mưa bụi, “con én” là sức giả báo tin xuân tới. Hai chữ “đưa thoi” gợi về một bầu trời rợp cánh én liệng trao gợi khung cảnh đông đúc không khí đông vui. Thiên nhiên như mở hội lung trời giục lòng người du xuân trải hội

Người xưa vẫn nói “tuế tuyệt như thoi” nghĩa là thời gian năm tháng trôi qua mau như thoi đưa. Câu thơ với cách sử dụng hình ảnh ẩn dụ “đưa thoi” là biểu tượng cho nhịp thời gian chảy trôi vô tận không ngừng: mùa xuân ba tháng, tiết xuân trôi qua đã ngoài 60 ngày, xuân đã sang tháng thứ ba, nòng xuân đương độ xuân thì.

Bước đi của mùa xuân còn cụ thể hơn ở câu thơ thứ hai:

“Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”

- Thiều quang là ánh sáng đẹp của mùa xuân bởi ánh sáng mùa xuân không nhợt nhạt như ánh sáng mùa đông, cũng không oi nồng gay gắt như ánh sáng của ngày hạ. Ánh sáng mùa xuân tươi mới, trong trẻo, dịu dàng nên có người gọi là ánh “lê minh” (Ai-ma-tốp), có người ví là cái chớp mi của người thiếu nữ “Và này đây ánh sáng chớp hàng mi” (Vội vàng - Xuân Diệu)
- Hai chữ “đã ngoài” đặt giữa câu thơ đầy dư vị băng khuâng, nuối tiếc. Cái nhìn của tuổi trẻ luôn nhạy cảm với bước đi của thời gian, tuổi xuân, cái nhìn của nhà thơ cũng thấm đẫm tâm lý của người trong cuộc. Nhớ mùa xuân ngay trong mùa xuân tưởng như đó là điều nghịch lý nhưng nó có thật trong tâm trạng của con người tuổi trẻ mọi thời. Sau này ý niệm về thời gian ấy được Xuân Diệu thể hiện rất rõ trong những vần thơ cách tân táo bạo của thơ mới:

Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân

Tôi muốn tắt nắng đi

Cho màu đừng nhạt mất

Tôi muốn buộc gió lại

Cho hương đừng bay đi

- Nhưng khoan hãy nói những điều chưa tới, bởi cảnh vật mùa xuân đã hiện diện trước mắt rồi:

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

246

- Viết về cỏ xuân, Nguyễn Du dung hai chữ “non xanh”. “Non xanh” gợi tả sắc màu vừa gợi ra sự sống non tơ, mơn mơn, bời bời. Đường như sức sống của mùa xuân đã đọng lại trong màu cỏ xanh rập rờn ấy? Sự sống như lên men làm say ngây ngất lòng người.
- Ba chữ “tận chân trời” vẽ ra một không gian mênh mông, khoáng đạt, thênh thang khiến cho lòng người thăng thời, nhẹ nhõm. Màu xanh nối tiếp nhau làm thành

phông nền tươi sáng cho bức tranh mùa xuân tươi đẹp. Cảnh được nhà thơ cảm nhận vừa có bề rộng vừa có chiều sâu. Trước Nguyễn Du, Nguyễn Trãi từng miêu tả:

Cỏ xanh như khói bến xuân tươi

Lại có mưa xuân nước vỗ trời

- Cách Nguyễn Du hơn trăm năm, thi sĩ Hàn Mặc Tử cũng từng viết:

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời

Bao cô thôn nữ hát trên đồi

- Thơ ca bao giờ cũng là quá trình tiếp nhận và sáng tạo. Ta bắt gặp một điểm chung của các thi khi miêu tả cảnh: miêu tả sức sống của cỏ làm nổi bật sức sống của mùa xuân. Nếu như Nguyễn Trãi chú ý đến tốc độ phát triển, độ lên của cỏ dưới mưa xuân thì Hàn Mặc Tử lại cho ta cái nhìn mở rộng về không gian và sự sống. Ở điểm này, có lẽ câu thơ của Nguyễn Du gần với Hàn Mặc Tử hơn chăng?
- Nổi bật trên nền không gian xanh tươi, bao la của cỏ là hình ảnh “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”
- “trắng”: Chẳng phải vô tình, Nguyễn Du không nói đến sắc hồng của loài chúa xuân: hoa đào mà lại chú ý đến sắc trắng hoa lê. Sắc trắng gợi cái đẹp tinh khôi, trinh bạch, thuần khiết, thanh tân bởi nó được nhìn qua cái nhìn của người con cái. Qua cái nhìn của người con gái, tuyệt tình thân đang sống những ngày êm đềm màn che trường rủ.
- “điểm một vài” kết hợp đảo ngữ cùng bút pháp chấm phá gợi hơn là tả giúp Nguyễn Du ghi được cái đẹp thanh thoát, thanh xơ, linh hồn của tạo vật lúc xuân về.
- Hai câu thơ của Nguyễn Du bắt nguồn từ hai câu thơ cổ của Trung Quốc:

Phương thảo liên thiên bích

Lê chi sổ điểm hoa

(Cỏ thơm liền với trời xanh

Trên cành lê có một vài bông hoa)

- Nhưng Tố Như vận cổ mà không hề nệ cổ, sử dụng công và sáng tạo của người viết đã tạo nên cái hồn cho thơ và cho cảnh. Câu thơ cổ là những nét vẽ tạo hình và cô đọng. Hay nói cách khác nhà thơ đã thổi một ngọn gió vô tình để làm thiên

nhiên tĩnh lại của thơ xưa trở nên sống động, xôn xao. Người Trung Quốc chú ý đến hương vị cỏ, Nguyễn Du chú ý đến màu sắc của cỏ. Người Trung Quốc chú ý đến sự giao thoa, tiếp giáp của cỏ với trời, Nguyễn Du chú ý đến cái mệnh mệnh của cỏ kéo dài đến tận chân trời.

⇒ Như vậy, bốn câu thơ với tài quan sát, chọn lọc chi tiết bút pháp miêu tả theo lối điểm xuyết chấm phá, bàn tay tài hoa của họa sĩ Nguyễn Du đã họa lên bức tranh mùa xuân tuyệt đẹp hữu sắc, hữu hương và hữu tình. Bức tranh xuân mang một vẻ đẹp riêng tràn trề nhựa sống, mới mẻ, tinh khôi, khoáng đạt, thanh khiết và có hồn. Bức tranh mở rộng trời và đất như nối liền một dải xanh non mơn mớn, căng tràn nhựa sống. Đằng sau bức tranh, ta cảm nhận được tình yêu thiên nhiên đắm say đang dâng trào trong tâm hồn người nghệ sĩ - tâm hồn nhạy cảm tha thiết với thiên nhiên với cái đẹp, tâm hồn luôn rộng mở đón nhận cảnh vật quê hương. Ta cảm như tình yêu thiên nhiên ấy chấp cánh cho tâm hồn nghệ sĩ thăng hoa, dường như tâm hồn đầy chất thơ ấy đang say với sóng cỏ, với hoa trắng.

⇒ Có thể thấy mùa xuân được họa với những nét vẽ độc đáo, nó gắn liền với niềm vui, niềm hạnh phúc của con người, của chị em Kiều đang ở độ tuổi thanh xuân. Phải chăng, bức tranh xuân đầy sức sống kia chính là phong nền cho sự xuất hiện của chị em Thuý Kiều trong ngày hội của mùa xuân.

2. Bổ sung ý kiến

a. Đoạn thơ còn tả cảnh chị em Kiều du xuân thấy hội (8 câu tiếp)

Thanh minh trong tiết tháng ba

Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh

Gần xa nô nức yến anh

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân

Dập dìu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước áo quần như nêm

Ngõn ngang gò đống kéo lên

Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay

- Thể thơ lục bát
- Nhịp thơ nhanh diễn tả nhịp sống, nhịp đời hối hả, rộn ràng; gợi nhịp tâm hồn rất hân hoan, rạo rực của những người xanh tuổi, trẻ hồn; giọng thơ sôi nổi, vui tươi.

- Ngôn ngữ
 - Từ Hán Việt: “thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, hội...” tạo sắc thái trang trọng, cổ kính phù hợp để diễn tả không khí quang cảnh lễ hội trang trọng và thiêng liêng.
 - Từ thuần việt: từ láy “dập dìu, sắm sửa, ngồn ngàng” gợi sự rộn ràng, náo nhiệt của ngày hội. Người đi dự lễ hội sắm sửa lễ vật để đi tảo mộ, chuẩn bị những bộ quần áo đẹp nhất để vui hội đạp thanh. Câu thơ đọc lên nghe ran một niềm vui nho nhỏ thầm kín trong lòng nhất là với những chị em như Thuý Kiều lần đầu tiên trong đời được đi dự hội. Niềm vui tíu tít, rộn ràng, hạnh phúc lớn lao chưa từng có. Chưa đến hội nhưng hai chị em đã mở hội trong lòng. Tưởng như không có âm thanh nào trong sự sắm sửa ấy nhưng kỳ thực tâm hồn họ đang cất tiếng hát ca. Xuân đến với thiên nhiên đất trời và xuân cũng đem đến những niềm vui bất tận cho con người khi đi dự hội. Những bước chân của nam thanh nữ tú “dập dìu” sóng bước bên nhau. Họ đi mà như lướt trên cỏ xanh. Trong cái dập dìu ấy không chỉ có cử chỉ, bước đi mà còn có những ánh mắt tình tứ trao nhau. Đằng sau những xiêm áo, ngựa xe là những rung động đầu đời cất cánh. Hội đạp thanh ấy như một cơ duyên để nam thanh nữ tú có thể tìm đến những sợi tơ hồng mai sau.
 - Tác giả còn sử dụng các tính từ “gần xa, nô nức” làm rõ hơn tâm trạng của người đi trải hội. “Gần xa” đối lập nhau về không gian địa lý nhưng cùng chung cái háo hức, rộn ràng khi đi trải hội mùa xuân. Người người từ khắp nơi đổ về hội, vui như tết. Còn “nô nức” là phấn chấn, hứng khởi, rộn ràng, niềm vui như nhảy trong lòng, hiển hiện trên nét mặt. Không rõ gương mặt ai nhưng ai cũng thấy mình trong đó, trong cái phấn khích mà không một ngày nào trong năm có được. Hội ấy thực ra năm nào cũng có nhưng với những con người tuổi trẻ nó chỉ háo hức đến cuồng nhiệt một lần. Thời gian như dòng nước chảy xuôi nhưng ấn tượng về ngày hôm ²⁴⁹ ấy sao quên được.
 - Hình ảnh: “tháng ba, yến anh, chị em, tài tử, giai nhân, ngựa xe...” gợi về cái đẹp trẻ trung, trẻ từ trời đất đến con người.
- Biện pháp tu từ: Các vế tiểu đối, ẩn dụ “yến anh”, hoán dụ, so sánh
 - ⇒ Giúp Nguyễn Du làm sống dậy cái đẹp trang trọng, linh thiêng của lễ tảo mộ khi âm dương, người còn kẻ khuất gần gũi nhau trong một mối tình; gợi ra sự vui say, tung bừng, rộn ràng của con người và cuộc sống trong hội đạp thanh, cả cuộc sống lẫn lòng người cũng hồi xuân cùng với thanh xuân đất trời.

b. Đoạn thơ còn tả cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về (6 câu cuối)

Tà tà bóng ngả về tây

Chị em thơ thẩn dan tay ra về

Bước lền theo ngọn tiểu khe

Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh

Nao nao dòng nước uốn quanh

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

- Nhịp thơ khoan thai, chậm rãi diễn tả nhịp sống, nhịp đời thông thả, bình yên; khiến tâm hồn con người lắng lại, suy tư pha niềm băng khuâng tha thiết, giọng thơ nhẹ nhàng, trầm lắng dịu dàng.
- Ngôn ngữ & hình ảnh: hệ thống từ Thuần Nôm sáng trong giản dị mà giàu sức gợi, hình ảnh vừa gần gũi vừa thơ mộng kết hợp với bút pháp tả cảnh ngụ tình mang đến một bức tâm cảnh đầy sức gợi.
- Tà tà: từ láy gợi hình, gợi ra bóng chiều buông nhẹ nhàng, thông thả khiến buổi hoàng hôn đến êm đềm, khiến chiều như không muốn đi, ngày như không muốn tắt, cả không gian và thời gian nhuốm màu vấn vương. Trong thơ trung đại, chiều tà gợi nỗi buồn man mác, băng khuâng, ý niệm nhớ nhung, hoài niệm hay tàn tạ thê lương. Ta đã từng bắt gặp hôm chiều tà và nỗi buồn muôn thuở ấy trong những câu thơ:

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn

(Chiều hôm nhớ nhà)

Quan thu phong đứng vũ tà huy

Ai đem nhân ảnh nhuộm màu tà dương

- Nguyễn Du cũng đã chọn khoảnh khắc ấy để miêu tả cảnh du xuân. Từ láy “tà tà”²⁵⁰ kết hợp với nghệ thuật ẩn dụ “bóng ngả về tây”, bóng ngả mà không phải xế, đổ, chiếu, hay rọi, gợi cái đẹp dịu dàng, tình tứ khiến cảnh vô tri mà hóa hữu tình.
- Và nỗi buồn man mác từ câu thơ đầu tiên hắt chiếu xuống những câu thơ tiếp theo khiến lòng người và cảnh vật hiện lên cũng đầy băng khuâng xao xuyến: “Chị em thơ thẩn dan tay ra về”. Lúc bóng ngả về tây là lúc chị em Kiều “thơ thẩn” dan tay ra về. Những bước chân buông chậm chậm như rừng rặng như lưu luyến, không rời xa, gợi tâm trạng một chút ngẩn ngơ, tiếc nuối khi “ngày vui ngắn chẳng tày gang”

- Bước chân thơ thần đưa chị em Kiều đến “ngọn tiểu Khê” lúc nào chẳng biết “Bước dần theo ngọn tiểu Khê”. Tiểu Khê là dòng suối nhỏ; gọn gọn ra một con đường xa thăm, xa tít khi chị em Kiều đã để lại rất xa ồn ào ngựa xe tấp nập hội hè.
- “Thanh thanh” gắn với “ngọn tiểu Khê”, nó là cái thanh thoát của dáng suối; thanh trong của dòng suối mùa xuân, thanh tĩnh của không gian khi cái náo nhiệt của lễ hội đã khuất xa bỏ lại, thanh thản của lòng người khi vui say đã lắng, hân hoan đã dịu, từng bừng đã nguôi.
- “Nao nao” – từ láy gợi hình gợi dáng trôi, dòng chảy thông thạt, khoan thai như quên trôi, như ngừng chảy bởi còn vẩn vương đôi bờ, cái nao nao của dòng nước vào thơ Nguyễn Du cũng thành nao buồn của lòng người khi ngày vui đã khép, hội vui đã tàn, đã đến lúc chị em Kiều phải giã hội, hồi gia.
- “Dịp” kết hợp với từ láy “nhỏ nhỏ” gợi dáng một nhịp cầu xinh xắn, duyên dáng, hài hòa cùng dòng suối nhỏ khiến cảnh thêm thơ và mộng. Đó chính là nhịp cầu duyên chứng kiến cuộc tao ngộ Kim - Kiều.

⇒ Cái nao nao của lòng người chẳng yên nó như dự báo một điều chẳng lành. Và quả thực ngay sau đó Thuý Kiều gặp nắm mồ của Đạm Tiên - người kỹ nữ “Sống làm vợ khắp người ta/ Hai thay thác xuống làm ma không chồng”, để rồi nó trở thành nỗi ám ảnh và định mệnh của cuộc đời nàng. Thuý Kiều còn gặp gỡ Kim Trọng - chàng thư sinh “phong tư tài mạo tót vời”, để rồi kẻ quốc sắc và người thiên tài nảy nở một mối tình tuyệt đẹp nhưng đầy sóng gió.

⇒ Tóm lại, 6 câu thơ với việc sử dụng một loạt các từ láy gợi hình, gợi cảm, nhịp thơ chậm rãi đã gợi lên khung cảnh buổi chiều đẹp, yên ả nhưng không tránh khỏi cảm giác buồn vắng. Cảnh đã nhuộm màu tâm trạng con người. Màu sắc tả cảnh ngụ tình thấm đẫm trong những vần thơ, quả đúng như ND đã từng nói “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”. Ẩn sau mỗi câu thơ là tấm lòng trân trọng nâng niu con người, tình yêu mến vạn vật, sự thấu hiểu lòng người của Nguyễn Du. Những câu thơ đọc lên ta thấy sự đồng cảm của ng viết với nhân vật.

V. Đánh giá tổng hợp.

1. Nghệ thuật: Bút pháp tả cảnh ngụ tình, bút pháp chấm phá quen thuộc trong thơ cổ, huy động vốn từ Hán Việt, vận dụng thi liệu cổ, sử dụng các biện pháp ẩn dụ, so sánh, tiểu đối, đặc biệt là các từ láy thuần Việt nội hàm đa nghĩa.

2. Nội dung: Cảnh ngày xuân là một trong những đoạn thơ tả cảnh hay nhất Truyện Kiều. Đọc đoạn trích, người đọc không chỉ trầm trồ, say mê trước bức tranh thiên nhiên mùa xuân diễm lệ mà trong sáng vô ngần mà còn cảm nhận được vẻ đẹp một lễ hội truyền thống đầy ý nghĩa của cha ông. Gửi vào trong cảnh là tình yêu thiên nhiên tạo vật, sự đồng cảm của tác giả 3. Mở rộng: “Cảnh ngày xuân” đã góp vào vườn thơ xuân của dân tộc những vần thơ tuyệt bút, góp phần làm cho bức tranh thiên nhiên trong Truyện Kiều trở nên phong phú hơn.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Cảm nhận của em về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân”
2. Cảm nhận của em về vẻ đẹp của bức tranh “Thanh minh trong tiết tháng ba” trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân”
3. Chỉ ra điểm chung của hai khổ đầu và cuối trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân”

KIỀU Ở LẦU NGŨNG BÍCH

252

A. Kiến thức cơ bản

1. Xuất xứ: Đoạn trường tân thanh (Truyện Kiều)
2. Vị trí: Phần “Gia biến và lưu lạc”
3. Chủ đề: Qua tâm trạng của Kiều, Nguyễn Du thể hiện niềm cảm thông thương cảm cho số phận khổ đau đồng thời trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người con gái bạc phận mà chẳng bạc lòng.
4. Hoàn cảnh
 - Gia đình gặp nạn, Kiều phải bán mình cho Mã Giám Sinh để chuộc cha và em.
 - Theo Mã Giám Sinh về làm vợ nhưng thực chất Kiều bị lừa vào lầu xanh làm ca

kỹ.

- Không chấp nhận cảnh nhuốc nhơ, Kiều đã quyết liệt quyên sinh.
- Sợ mất món hàng lớn, Tú Bà đã dụ nàng ra ở lầu Ngưng Bích hứa tìm nơi tử tế để nàng yên bề gia thất nhưng thực chất là rắp tâm đẩy nàng vào vòng tục lụy. Vì thế, tâm trạng Kiều ở lầu Ngưng Bích là tâm trạng bi kịch.

B. Luyện tập

Câu 1: Cảm nhận của em về tâm trạng của Kiều trong đoạn trích sau:

*Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ
Bên trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai
Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân lai cách mấy nắng mưa
Có khi góc tử đã vừa người ôm*

253

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận
- Giới thiệu chung về đoạn trích (A)
- Cảm nhận

1. Nỗi cô đơn, buồn tủi, bẽ bàng (6 câu đầu)

- “Lầu Ngưng Bích” có nghĩa là giọt biếc đọng lại. Lầu là nơi cao sang, quyền quý, nơi hứa hẹn một cuộc sống nhung lụa, ấm êm, “êm đềm trướng rủ màn che”.
- “Khóa xuân” là điển tích nói về nơi giam hãm tuổi xuân của những người con gái đẹp “Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều”. Ngưng Bích bỗng hóa thành địa ngục trần gian, thành ngục thất tinh thần, giam hãm tuổi xuân, giam cầm lòng xuân của người con gái.

⇒ Câu thơ đầu tưởng chỉ là một lời giới thiệu nhưng đã gợi ra một hoàn cảnh

bi kịch trở trêu của Kiều.

- Trong cảnh ngộ cô đơn éo le ấy, nàng chỉ còn biết trải lòng mình lên cảnh vật, gửi gắm tâm hồn vào thiên nhiên, lắng nghe tiếng thồn thức phát ra từ tận đáy con tim:

Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung

Bốn bề bát ngát xa trông

Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia

- Cảnh tượng nơi lầu Ngưng Bích này thật đẹp khoáng đạt như bức tranh được dệt gấm thêu hoa: có núi non xa, vàng trắng gần đều hút chung vào tầm mắt, xa xa có những cồn cát vàng, những nẻo đường bụi cuốn.
- Câu thơ thứ hai với hai vế tiểu đối, hai từ ngữ đối lập “xa - gần” cùng từ “ở chung” như góp phần hoàn thiện thêm cái cảnh tượng thật nên thơ nhưng cũng thật quạnh quẽ trước lầu đồng thời gợi lên hình ảnh lầu Ngưng Bích chơi vơi giữa mênh mông trời nước. Nhìn hút về phía chân trời, Kiều thấy vàng trắng như ngự trên đỉnh non, trắng và non như chung một khung trời.

⇒ Có thể nói, lầu Ngưng Bích giống như một ốc đảo và Kiều chính là người dạt vào ốc đảo ấy, bị tách biệt với thế giới xung quanh. Câu thơ không tả mà gợi đôi mắt xa xăm, vời vợi, một nỗi buồn căm lặng, không biết ngỏ cùng ai. Nơi quê người đất khách, Kiều chỉ có trăng và non, chỉ có thiên nhiên bầu bạn ở chung.

- Từ “tấm trăng” là một sáng tạo ngôn từ của một nghệ sĩ bậc thầy về ngôn ngữ. Vì sao tác giả không dùng từ ánh trăng, vàng trăng, hay minh trăng mà lại là tấm trăng²⁵⁴. “Tấm” vốn là từ để chỉ vật có mặt phẳng mỏng mà dài như tấm gỗ, tấm ván, tấm thảm...hay dùng để chỉ những vật nhỏ bé nhưng không đáng giá bao nhiêu nhưng lại được trân trọng như “tấm áo manh quần, đồng quà tấm bánh”; dùng để chỉ cá nhân hay tình cảm trân trọng như tấm thân, tấm lòng, tấm chồng, tấm thịnh tình.
- Trong cảnh ngộ của Kiều lúc này chất chứa bao nỗi cô đơn, nỗi buồn, Kiều muốn tìm một sự chia sẻ, đồng cảm. Nhìn ra xa bốn bề chỉ có vàng trắng kia là tri kỉ. Với Kiều trăng không chỉ là vật thể kỳ vĩ, xa xôi của tự nhiên mà trăng như vật thể nhỏ bé, như một tấm thân, tấm lòng, tấm tình, một người bạn thật gần gũi, thân thương chia sẻ nỗi lòng. Có lẽ lúc này chỉ có trăng mới hiểu nỗi cô đơn, bề bàng, nỗi sợ hãi của Kiều, hơn thế, trăng là người chứng giám cho đêm thề nguyện của Kiều và Kim Trọng:

Vàng trắng vắng vặc giữa trời

Đình ninh hai miệng một lời song song

- ⇒ Trăng là bạn, là yếu tố gợi nhắc kỷ niệm thiêng liêng là hình bóng chàng Kim nên trăng thật gần gũi, thân tình và xiết bao yêu mến. Có lẽ bởi thế mà phải là tấm trăng mới thật hợp lý với nội tâm nhân vật trong hoàn cảnh này. Từ lầu Ngưng Bích nhìn ra xa, Kiều chỉ thấy:

Bốn bề bát ngát xa trông

Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.

- Câu thơ sáu chữ “bốn bề bát ngát xa trông” mà chữ nào cũng gợi lên cái mênh mông, rộng ngợp của kg trước lầu Ngưng Bích. Các từ “bốn bề bát ngát” trong câu thơ ba gợi tả rõ nét sự mênh mông, rộng ngợp ấy. Cùng với nghệ thuật đảo ngữ, câu thơ làm ta cảm nhận rõ hơn cái rộng lớn, mênh mông của cảnh vật, cũng như cái trống trải của tâm hồn Thúy Kiều.
- Đặc biệt ở câu thơ “*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*” càng khắc họa rõ hơn tô đậm thêm cái mênh mông của khung cảnh xung quanh Kiều. Cảnh có đẹp, có rộng lớn nhưng thiếu vắng sự sống. Không một mái nhà, một dáng người hay một bóng cây, một tiếng chim để có thể cảm nhận thấy dấu hiệu của sự sống. Trong không gian ấy nhìn đến hút tầm mắt cũng chỉ thấy những cồn cát nối tiếp nhau trải dài đến vô tận và những lớp bụi đường bay theo gió cuốn. “bụi hồng” là bụi có sắc đỏ, theo gió mà bốc lên gợi không gian mờ mịt. Cái mờ mịt của không gian hay cũng là mờ nhạt của tương lai, cuộc đời Kiều. Nó còn xa xôi gợi về cõi hồng trần, tang thương khiến cho con người khổ đau muôn nỗi.
- Câu thơ với Các vế câu đối xứng nhau cùng những danh từ xen lẫn những chỉ từ “nọ - kia” gợi lên cảnh lầu ngưng bích tầng tầng lớp lớp, bốn bề đều mênh mông bát ngát, xa xôi mù mịt như đợt sóng dồi tầng tầng lớp lớp trong tâm trí, xô đẩy thêm nữa cái tâm trạng ngồn ngộn như trăm mối tơ vò của người con gái.

⇒ Như vậy, bốn câu thơ với những nét vẽ gợi nhiều hơn tả được miêu tả theo trình tự từ cao xuống thấp, từ xa đến gần đó khắc họa khung cảnh thiên nhiên ở lầu ngưng bích rất đẹp, rộng lớn, mênh mông nhưng hoang vắng, hoàn toàn không có dấu hiệu của sự sống, không có sự giao lưu giữa người với người. Lầu Ngưng Bích hiện lên chơi vơi giữa mênh mông trời nước, núi non và hình ảnh hiện lên nhỏ bé, cô đơn giữa không gian mênh mông

ấy. Những hình ảnh “non xa, trắng gần, cát vàng, bụi hồng có thể là những hình ảnh thực nhưng cũng có thể là hình ảnh mang tính ước lệ để gợi sự mênh mông rộng ngợp của không gian, qua đó diễn tả hoàn cảnh và tâm trạng cô đơn, lẻ loi của Kiều.

- Nếu như bốn câu trên, tác giả thể hiện nỗi lòng Kiều một cách gián tiếp thông qua miêu tả cảnh thiên nhiên thì đến hai câu thơ tiếp theo, Nguyễn Du diễn tả trực tiếp tâm trạng của nàng Kiều

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

- Hai câu thơ diễn tả chính xác cảnh ngộ của Kiều. Từ láy “Bẽ bàng” đặt đầu câu gợi nỗi tủi sầu, xót xa, ê chề của nàng Kiều khi hết ngày này qua ngày khác nàng phải thui thủi một mình ở lầu ngưng bích, nơi đất khách quê người. Trong hoàn cảnh ấy, Kiều chỉ cũng biết làm bạn với mây với đèn trong cõi vũng tuần hoàn ước lệ “mây sớm đèn khuya”.
- Cụm từ “Mây sớm, đèn khuya” với cặp từ trái nghĩa sớm, khuya gợi thời gian tuần hoàn khép kín, đơn điệu, tẻ nhạt. Hình ảnh “mây, đèn” chỉ không gian nơi nàng đang bị giam hãm. Thời gian cũng như không gian giam hãm con người. Sớm và khuya, ngày và đêm, giữa không gian nơi lầu Ngưng Bích, Kiều không có ai bầu bạn, Nàng chỉ biết làm bạn với mây sớm đèn khuya. Nàng rơi vào hoàn cảnh cô²⁵⁶ đơn tuyệt đối với một cuộc sống nhàm chán tẻ nhạt giam lỏng tuổi thanh xuân của nàng.
- Hơn thế, mây - đèn còn mang nghĩa biểu tượng: mây thanh sạch – đèn sáng tỏ. Nhìn mây, đèn, Kiều chạnh lòng nghĩ tới mình không còn trong trắng, tủi hổ với mây, với đèn.
- Trong nỗi cô đơn tuyệt đối ấy, lòng Kiều dồn tới lớp lớp những chua xót. Buồn vì cảnh hoang vu, rộng ngợp và buồn vì tình riêng khiến lòng như bị xé:

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng

- Câu thơ chỉ có tám chữ mà chữ nào cũng chứa tâm trạng của nàng Kiều. Điệp từ nửa cùng nghệ thuật so sánh khiến âm điệu câu thơ day dứt diễn tả tâm trạng ngổn ngang trăm mối tơ vò của Kiều.
- “Nửa tình” là tình cảm của nàng với chàng Kim với gia đình, nửa cảnh là cảnh ngộ gia đình, cảnh ngộ của chính nàng hay cũng chính là cảnh thiên nhiên nơi lầu

Ngưng Bích. Ngoại cảnh và tâm cảnh cùng một màu ảm đạm chất chứa vào trong lòng khiến cho lòng Kiều như bị xẻ chia đau đớn. (Một nửa phiêu diêu theo khung cảnh trống trải, một nửa ở lại với mảnh tình đơn côi) Tình cảnh đau buồn của nàng và thiên nhiên hoang vắng như phụ họa cùng nhau, đan xen nhau chia cắt lòng nàng, bào gột tâm hồn nàng khiến nàng đau đớn xót xa, tủi sầu hơn. Tình cảnh nàng Kiều lúc này thật chẳng khác gì sống trong địa ngục: thân xác bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, tâm hồn bị giam cầm trong vòng xoay khép kín của thời gian sớm - tối, và tình cảm thì bị giam hãm trong mớ tơ lòng rối bời. Phận nàng mới đáng thương làm sao!

⇒ Có thể nói, sáu câu đầu với những nét vẽ gợi nhiều hơn tả, cảnh được miêu tả theo trình tự từ cao xuống thấp, từ gần đến xa, sử dụng linh hoạt phép tiểu đối, hình ảnh ước lệ, từ láy gợi tâm trạng, là một không gian nghệ thuật và một tâm trạng nghệ thuật đồng hiện. Cảnh lầu Ngưng Bích không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà còn là bức tranh tâm trạng. Cảnh tuy đẹp nhưng hoang vắng, mênh mông. Đằng sau bức tranh thiên nhiên là hoàn cảnh cô đơn lẻ loi, là tâm trạng buồn tủi, sầu đau của Kiều. Tác giả đã mượn cảnh để giải bày tâm trạng tạo nên những câu thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc, lấy cái rợn ngợp của thiên nhiên để cực tả nỗi cô đơn trơ trọi của Kiều. 257

2. Nỗi nhớ nhung về Kim Trọng (4 câu tiếp)

- Trong cảnh ngộ đau đớn ấy, Kiều đối diện với chính mình, trong tim người con gái bỗng trào dâng một nỗi nhớ thương da diết. Từng trong ký ức của quãng thời gian yên bình, của một thời sống ấm êm bên gia đình, người thân được nàng Kiều chậm rãi lật lại, và cũng từ từ nhen nhóm trong lòng nàng niềm nhớ nhung man mác mà dai dẳng khôn nguôi.

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,

Tin sương luống những rày trông mai chờ.

Bên trời góc bể bơ vơ,

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.

- Theo trật tự trong xã hội phong kiến, chữ Hiếu bao giờ cũng được đặt lên hàng đầu. Khi gia đình gặp nạn Thuý Kiều cũng đã trăn trở “Bên tình, bên hiếu, bên nào nặng hơn”, nhưng rồi nàng đã chọn chữ Hiếu để báo đáp cha mẹ. Thế nhưng ở đây, Nguyễn Du lại để nàng Kiều nhớ tới Kim Trọng trước. Có lẽ bởi với cha mẹ hành

động bán mình chuộc cha của nàng đã phần nào báo đền được chữ hiếu, còn với Kim Trọng nàng luôn sống trong tâm trạng của một người yêu không giữ vẹn chữ tình, nàng vẫn nợ chàng một lời thề.

- Vì đây là mối tình đầu đời của Kiều, mà tình yêu đôi lứa thì thường nồng nàn mãnh liệt cho nên lúc nào Kiều cũng nhớ về Kim Trọng. Ngoại cảnh: Vầng trăng đang từ từ nhô lên gợi Kiều nhớ về đêm trăng mà hai người yêu nhau cùng nhau thề nguyện chung thủy.

⇒ Trong tâm cảnh và ngoại cảnh như thế, để Kiều Nhớ chàng Kim trước là phù hợp với lô gích tâm trạng của nhân vật đồng thời thể hiện sự tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du. Ý thơ cũng là tư tưởng tiến bộ đi ngược lại với trật tự của xã hội phong kiến, thể hiện một cách nhìn mới, một sự bứt phá của Nguyễn Du so với thời đại, muốn thoát khỏi vòng kiềm tỏa của lễ giáo phong kiến.

- Nguyễn Du đã khéo léo bày tỏ nỗi niềm của Kiều dành cho Kim Trọng qua từ “tưởng”. “Tưởng” không chỉ là nhớ mà là hình dung tưởng tượng, là luôn mơ tưởng tới, luôn nghĩ về. Nhớ về Kim Trọng là Kiều nhớ về mối tình đầu trong sáng ngày thơ, hạnh phúc, ngọt ngào chỉ vừa mới bắt đầu đã đột ngột kết thúc. Chính vì vậy²⁵⁸ mà Kiều tưởng tượng ra hình ảnh chàng Kim cùng mình uống chén rượu thề nguyện dưới ánh trăng.
- Đó là kỉ niệm của mối tình đầu trong sáng. Hình ảnh ẩn dụ người dưới nguyệt chén đồng” đã nói lên tất cả những chua xót trong lòng Thúy Kiều. Mới ngày nào cả hai còn cùng nhau nói lời thề nguyện dưới trăng, (đã “đinh ninh hai mặt một lời song song”, đã cùng nhau nhấp cạn chén rượu tình chung “Chén hà sánh giọng quỳnh hương” thế mà hôm nay mỗi người đã lẻ loi ở một nơi khác nhau) vầng trăng vắng vặc còn đây, chén rượu thề nguyện còn chưa ráo môi mà giờ đây mỗi người một ngã. Và cái cảm giác có lỗi với người yêu cứ lẫn vào nhau, quẩn lầy tâm trí nàng.
- Dường như lần nào nhớ về Kim Trọng nàng cũng tưởng tượng ra cảnh Kim Trọng cũng đang nghĩ về mình, chính bởi vậy, lòng nàng bỗng quặn đau khi nghĩ đến chàng Kim ở liêu dương xa xôi đang mỗi mòn ngóng chờ tin tức nàng mà vẫn chưa biết nàng bán mình, cũng như nàng lúc này nàng vẫn còn ngóng trông tin tức người yêu.
- Các động từ “trông chờ” kết hợp với từ chỉ thời gian “mai, này” cùng nhịp thơ đa

diết, thổn thức của một trái tim đang rỉ máu vừa khắc họa rõ sự ngóng trông của chàng Kim với Kiều (ngày cũng như đêm, lúc nào chàng cũng ngóng tin nàng) vừa thể hiện nỗi nhớ mãnh liệt đan xen cả sự ân hận xót xa của Kiều.

- Xót cho Kim Trọng mãi chờ đợi nàng nhưng nàng biết sự chờ đợi chỉ là tổng công vô ích, xót cho tình cảm ấm nồng mà sớm bị chia xa, Kiều càng xót hơn nữa cho cái thân phận bèo bọt nổi trôi, phải bắt đấng dĩ mà mang danh bội thề phụ nghĩa của mình. Bao nhiêu xót xa nhớ thương gửi cả vào hai chữ tưởng người. (Khi đã lỗi thề với Kim Trọng, nàng chỉ dám nghĩ đến chàng trong một chữ người. Bao nhiêu chia ly cách ngăn gửi vào chữ người ấy). Và có lẽ lúc này trong cuộc đời lưu lạc, trái tim của Kiều dường như vẫn đập những nhịp đập thổn thức của tình yêu năm nào. Trong nỗi nhớ về những kỉ niệm với chàng Kim, Kiều lại xót xa khi nghĩ đến cảnh ngộ của mình lúc này:

Bên trời góc bể bơ vơ

Tắm son gột rửa bao giờ cho phai

- Từ láy “bơ vơ” gợi cảnh ngộ của K lúc này: nàng đang trôi dạt bơ vơ, cô đơn nơi chân trời góc bể. Có lẽ ý thức được cảnh ngộ của mình nên nàng lại càng đau đớn²⁵⁹ khi: “Tắm son gột rửa bao giờ cho phai”.
- Câu thơ được viết dưới dạng câu hỏi tu từ thể hiện sự đau đớn xót xa của Kiều khi “tắm son” (tắm lòng son) của nàng bị vùi dập, hoen ố, không biết bao giờ mới gột rửa cho sạch được. Câu thơ với hình ảnh tắm son còn như một lời thề đinh ninh dù ở chân trời góc bể nào dù trải qua biến chuyển của thời gian thì tắm lòng son sắt thủy chung của nàng sẽ không bao giờ thay đổi, không bao giờ phai pha dù và dù rằng giờ đây nàng tự thấy mình không còn xứng với Kim Trọng nữa.
- Đặt vào trong cảnh ngộ của Kiều lúc này đang bơ vơ lưu lạc nơi đất khách quê người, vậy mà Kiều vẫn nhớ tới chàng Kim, vẫn nghĩ cho chàng chứng tỏ nàng là người thủy chung son sắt. Và sau này, trong suốt mười lăm năm lưu lạc, không lúc nào Kiều nguôi nỗi nhớ chàng Kim; ngay cả khi sống với Từ Hải - giữa cuộc sống vinh hoa phú quý - nhưng Kiều vẫn nhớ đến chàng Kim: “Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng”

⇒ Như vậy, bốn câu thơ với ngôn ngữ độc thoại nội tâm đó diễn tả một cách tinh tế và sâu sắc nỗi nhớ Kim Trọng. Đó là nỗi nhớ day dứt không nguôi, là nỗi ân hận xót xa cho mối tình đầu đã nặng lời thề mà tan vỡ. Càng nhớ

thương Kim Trọng bao nhiêu thì Kiều càng day dứt ân hận bấy nhiêu vì bản thân mình đã phụ lại Kim Trọng, không xứng đáng với chàng.

⇒ Đoạn thơ cũng cho thấy Nguyễn Du rất am hiểu tâm lý người đang yêu. Với Kiều, Kim Trọng là tất cả. Nàng đã yêu chàng bằng tất cả tâm hồn và trái tim, nàng yêu đắm đuối đến mức liều lĩnh, yêu ngay từ giây phút đầu khi thoáng gặp. Lúc Kim Trọng về Liêu Dương hộ tang chú, Kiều đã thề với chàng rằng “Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai”. Vậy mà chàng vừa bước chân ra đi hôm trước, hôm sau nàng đã phải làm vợ kẻ khác, bán mình cho Mã Giám Sinh rồi bị hấn lừa gạt vào lầu xanh. Nỗi đau này có lẽ chỉ Nguyễn Du thấu hiểu cho nàng. Giờ đây, bản thân đang ở hoàn cảnh cô đơn, đáng thương vậy mà K đó quên đi nỗi đau của mình để hóa thân vào Kim Trọng thương cho ng yêu bị mình phụ bạc rồi lại tự trách mình. Đó chẳng phải là biểu hiện của tấm lòng thủy chung, vị tha và giàu đức hi sinh đó sao.

3. Nỗi nhớ thương cha mẹ (Bốn câu sau)

- Sau nỗi nhớ chàng Kim, Kiều nhớ về gia đình, người thân. Mặc dù đã tự nguyện²⁶⁰ bản thân lấy tiền cứu cha và em, mặc dù gia đình đã thoát khỏi cảnh tù tội, bên trong lòng Kiều vẫn canh cánh một niềm thương khôn xiết, một nỗi nhớ cay đắng đến xót xa:

Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa,

Có khi gốc tử đó vừa người ôm.

- Nếu như khi nhớ về chàng Kim, nỗi nhớ của Thuý Kiều được dồn nén vào chữ “tưởng” thì tình cảm thương nhớ cha mẹ của Kiều được Nguyễn Du gửi gắm qua từ “xót”.
- Từ “xót” vừa nói lên được tình thương nỗi nhớ của Kiều dành cho cha mẹ, vừa cho ta thấy tình thương ấy đã hóa thành những cảm xúc thật cụ thể (xót xa đau đớn quặn thắt) luôn nhói buốt trong lòng đến tê dại.
- Nàng xót xa khi hình dung ra song thân đã già yếu mà vẫn “tựa cửa hôm mai” ngày ngày ngóng trông tin con trong nỗi cô đơn mà Kiều cứ biến biệt nơi xứ người.
- Thành ngữ quạt nồng ấp lạnh trong câu thơ “quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ” thể hiện sự xót xa, day dứt của Kiều khi không được tự tay chăm sóc, trông nom cha

mẹ lúc về già. Nàng băn khoăn không biết ai sẽ quan cho cha mẹ vào những ngày hè nóng nực, rồi vào những ngày lạnh giá, ai sẽ sưởi ấm cho cha mẹ mình ngủ.

- Nâng cao: Khi Kiều bước chân ra đi, sau nàng còn có Thúy Vân và Vương Quan chăm sóc cho cha mẹ nhưng bởi nhớ thương xót xa nên nàng vẫn lo lắng không yên. Chính vì vậy, câu hỏi tu từ “Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ” cứ còn lên trong lòng Kiều như những cơn sóng của những lo lắng day dứt băn khoăn không nguôi về cha mẹ mà nàng không biết phải làm thế nào. Mặc dù sa chân vào chốn gió bụi đoạn trường chưa lâu, vậy mà Kiều đã thấy:

Sân lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

- Những điển tích, điển cố “sân lai, gốc tử” đó thể hiện tấm lòng hiếu thảo của Kiều với cha mẹ. Dù ở nơi xa xôi chưa biết bao giờ mới trở lại đoàn tụ gia đình nhưng²⁶¹ Kiều vẫn muốn làm tròn chữ hiếu như lão Lai Tử múa cho cha mẹ vui và chăm sóc cha mẹ lúc già yếu. Nhưng trong cảnh ngộ này, Kiều chỉ biết xót xa nàng đành tự trách mình đã phục công sinh thành của cha mẹ. Chính nỗi nhớ nhung và sự đau đớn khiến cho nàng thấy thời gian như đằng đặc vô biên cách mấy nắng mưa”.
- Lối nói ẩn dụ cách mấy nắng mưa vừa nói được sức mạnh tàn phá của tự nhiên với cảnh vật và con người vừa nói được thời gian xa cách bao mùa mưa nắng của K với gả. Thực ra thời gian này, K mới xa gia đình có vài tháng nhưng K lại cảm thấy mình đã xa gia đình lâu lắm rồi, vì vậy về quê nhà. Nỗi nhớ da diết khiến nàng tưởng tượng cảnh nơi quê nhà đã đổi thay mà đổi thay lớn nhất là “gốc tử đã vừa người ôm” nghĩa là cha mẹ ngày càng già yếu.
- Mở rộng: Dường như lần nào khi nhớ về cha mẹ Kiều cũng nhớ ơn chín chữ cao sâu và luôn ân hận mình phụ công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Tấm lòng của Kiều không khỏi khiến cho chúng ta xúc động. Bởi đang trong cảnh bơ vơ nơi chân trời góc bể, không ai chia sẻ, chỉ biết làm bạn với thiên nhiên chưa biết tương lai ngày mai của mình ra sao, Kiều là người đáng thương hơn cả vậy mà nàng quên đi cảnh ngộ của bản thân để nghĩ tới cha mẹ, vẫn dằn vặt vì mình chưa làm tròn chữ hiếu.
 - ⇒ Đi trọn nỗi đau khổ ấy ta đến được với phẩm chất của người con gái hiếu thảo với cha mẹ. Dường như trong tiếng lòng thổn thức của Kiều có cả khát khao được đoàn tụ, được trở về quê hương. Nhưng chúng ta đều hiểu khát khao ấy

đối với Kiều lúc này có lẽ mãi chỉ là ảo vọng, bởi vậy mà càng đọc, càng lắng nghe tiếng lòng của Kiều ta lại càng thấy xót thương cho nàng.

⇒ Có thể nói, tám câu thơ, cảnh đã mờ đi để nỗi nhớ còn lên nồn nao trong lòng Kiều. Nàng dường như không còn sống chung với cảnh xung quanh nữa mà đã chìm vào những không gian khác (ở Liêu Dương, ở quê nhà), những thời gian khác (rày mai, hôm mai, bao giờ), Vượt lên đạo lí phong kiến thông thường, bằng sự tinh tế và cảm thông, thấu hiểu tâm lí nhân vật, bằng tài năng nghệ thuật trong việc khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm, Nguyễn Du đã thể hiện rất sinh động, rất chân thật nỗi nhớ thương day dứt, xót xa của Kiều về bên những người thân yêu. Nỗi nhớ ấy vừa tha thiết vừa lắng sâu mà cũng rất chân thành của người con gái tài sắc.

262

- Trong biến cố gia đình, Kiều là người thiệt thòi, đau khổ nhất, đáng thương nhất nhưng nàng quên cảnh ngộ bản thân để nghĩ tới người thân. Đó không chỉ là nỗi nhớ, tình yêu mà còn là tấm lòng vị tha, hi sinh đáng trân trọng, đáng ngưỡng mộ.
- Viết về điều này, ngòi bút của Nguyễn Du mới sâu sắc, thấm đẫm tính nhân văn nhân đạo làm sao. Đoạn thơ không chỉ thể hiện tình cảm yêu mến, trân trọng của Nguyễn Du dành cho Thuý Kiều mà còn giúp ta thấu hiểu hơn về công lao của cha mẹ cũng như nhắc nhở chúng ta phải biết kính trọng và hiếu thảo với cha mẹ, những người đã sinh thành ra mình.

Câu 2: Phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong 8 câu cuối

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận
- II. Giới thiệu chung về đoạn trích (A)
- III. Giải thích: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là một bút pháp tiêu biểu của thơ ca thời trung đại, lấy việc tả ngoại cảnh làm phương tiện để biểu đạt nội tâm con người. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình do đó làm cho thơ ca thêm sức gợi, khiến mỗi bức tranh thành bức tâm cảnh (bức họa tâm) đa nghĩa đa sầu.
- IV. Phân tích chứng minh
 1. Luận điểm 1: Qua bức tranh chiều hôm cửa bể, Nguyễn Du đã gợi tả nỗi buồn nhớ của Kiều.
 - Càng “tưởng” chàng Kim, càng “xót” cha mẹ, nàng Kiều càng buồn hơn cho số kiếp éo le, cho cảnh ngộ bi kịch của mình. Một lần nữa nàng lại gửi gắm tâm sự vào khung cảnh: 8 câu thơ cuối đoạn là tâm trạng đau buồn, lo âu của Kiều thể hiện

qua cách nhìn cảnh vật:

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu

Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

- Điệp ngữ “buồn trông” xuất hiện bốn lần đứng đầu câu sáu ở mỗi cặp lục bát. 263
“Buồn trông” là nỗi buồn đã có sẵn ở trong lòng, vì buồn mà trông ra bốn phía nhưng càng trông lại càng buồn. Kiều trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại, nhưng trông mà vô vọng.
- Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn, với nhiều tốc độ khác nhau. Điệp ngữ tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.
- Câu thơ đầu mở ra cả một thời gian và không gian nghệ thuật. Không gian là “cửa bể” - nơi muốn con sông đổ về biển lớn, nơi đây sóng cả, gió to, cảnh trí thật dữ dội. Không gian ấy ngày xưa đã từng khiến cho nhiều chàng trai vang lên nỗi băn khoăn vì tình duyên cách trở:

Thương em anh cũng muốn vô

Sợ chuông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.

- Còn Thuý Kiều trước không gian ấy sao tránh khỏi cô đơn lẻ loi nơi đất khách quê người.
- Nếu “cửa bể” là không gian thì “chiều hôm” là thời gian. Đây là thời điểm ngày tàn giờ tận, là thời khắc con chim về tổ, con thuyền neo về bến cũ, con người sum họp đoàn viên. Cảnh chiều hôm vì thế mỗi khi đổ bóng xuống thơ ca có mấy khi vui nên dễ chạnh lòng, kẻ tha hương, lữ thứ:

“Vẳng nghe chim vịt kêu chiều

Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.”

Hay:

“Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều

- Đặt trong tình cảnh của Thuý Kiều lúc này thì thời gian chiều hôm còn gọi ra cái buồn gấp bội bởi ấy là khoảng thời gian con chim tìm về tổ ấm, con người trở về với mái ấm đoàn tụ sum vầy. Vậy mà Kiều lại đang cô đơn một mình nơi đất khách quê người. Khát khao trở về, người ta thường tìm đến bóng dáng một con thuyền, một cánh buồm đưa đón. Nhìn ra xa, Kiều cũng thấy một con thuyền nhưng lại là “*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*”.
- Từ láy “thấp thoáng, xa xa” gợi hình ảnh con thuyền lúc ẩn, lúc hiện, khi tỏ, khi mờ, nhỏ nhoi cô đơn giữa mênh mông trời nước trong ánh sáng cuối cùng của ²⁶⁴ hoàng hôn khi mặt trời sắp tắt, Hình ảnh cánh buồm dễ gợi nên nỗi buồn nhớ của Kiều về gia đình về quê hương đồng thời thức dậy trong lòng niềm mong ước khát khao được trở về đoàn tụ gia đình.
- Hai chữ “thuyền ai” với đại từ phiếm chỉ ai đã đẩy con thuyền về một miền xa xôi lạnh lẽo, lênh đênh trên mặt nước không biết bao giờ mới tìm được bến neo đậu. Chính hình ảnh con thuyền nhỏ bé gợi cho Kiều nghĩ đến thân phận mình đang bơ vơ giữa dòng đời nơi đất khách quê người không biết đến bao giờ mới được trở về đoàn tụ gia đình.
 - ⇒ Như vậy, hai câu thơ tả cảnh nhưng cũng đầy ắp tâm trạng của con người được diễn tả một cách tự nhiên và sâu sắc nhờ nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

2. Luận điểm 2: Qua bức tranh hoa trôi mặt nước, Nguyễn Du miêu tả nỗi buồn thương của Kiều

- Từ lầu Ngưng Bích, đối trông theo sườn núi, Kiều thấy “ngọn nước mới sa”:

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu.

- Hai câu thơ gợi lên hình ảnh “ngọn nước mới sa”, “sa” là để ập là rơi từ trên cao xuống. Chỉ một từ “sa” nhưng cũng đã gợi lên một cảnh trí thật dữ dội, không còn cái vẻ êm đềm của dòng nước nao nao chảy trong buổi du xuân ngày trước
- “Ngọn nước mới sa” cuốn theo những cánh hoa. “Hoa” ở đây có thể là hình ảnh thực nhưng cũng có thể là hình ảnh ẩn dụ chỉ người con gái. Cánh hoa thân phận ấy trôi man mác mà không biết là về đâu.
- Từ láy “man mác” vừa gợi hình vừa gợi cảm, nó vừa gợi ra đàng hoa trôi lặng lẽ

giữa dòng nước người đọc (man mác vừa thấm đẫm nỗi buồn của người Nhìn thấy những cánh hoa đang trôi dập dề trên sóng nước, bị sóng nước vùi dập không biết tôi là phương, tranh đồng nghĩ đến phận mình đến bao giờ. Ngọn nước mới sa hay cũng chính là dòng đời đầy cạm bẫy đang xô đẩy Kiều.

- Cụm từ “biết là về đâu” kết thúc câu hỏi tu từ như một lời than, một tiếng thở dài càng trào dâng nỗi niềm xót xa thương cảm của Kiều cho chính thân phận mình hay cũng chính là nỗi lòng thương cảm của Nguyễn Du đối với nhân vật của mình. Câu hỏi ấy nhu nhĩ vào tâm người đọc về một kiếp người tài hoa niềm xót xa thương²⁶⁵ cảm của Kiều cho chính thân phận mình hay cũng chính là nỗi lòng thương cảm của gian truân.

3. Luận điểm 3: Qua bức tranh nội cỏ chân mây mặt đất, Nguyễn Du diễn tả nỗi buồn tủi của Kiều.

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

- Nàng chỉ thấy trên cái nền xanh mịt mờ bao la là màu sắc tàn úa. Từ láy “rầu rầu” gợi ra màu xanh héo úa, ủ rũ ảm đạm, màu xanh không còn sức sống, hoàn toàn khác với sắc xanh tràn ngập nhựa sống của tiết trời mùa xuân.

Tuyết in sắc ngựa câu giồn

Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

- Sự tàn úa đó lại trải dài đến tận chân mây mặt đất. Những hình ảnh ẩn dụ “chân mây mặt đất” kết hợp với cụm từ “một màu xanh xanh” gợi ra một không gian bao la, rộng lớn của nội cỏ; bầu trời, mặt đất và biển cả như nối liền không có đường đi. Bao trùm lên cánh đồng cỏ là sự đơn điệu, không một gò cao, không một bóng người, không một ngôi nhà. Cảnh tẻ nhạt, ảm đạm, màu sắc tê tái thê lương gợi về một tương lai mịt mờ, bế tắc, một mối bị thương vô vọng kéo dài.
- Cảnh nội cỏ rầu rầu kia phải chăng chính là hình ảnh của cuộc sống nhàm chán đơn điệu khép kín trong vòng tuần hoàn thời gian của K. Hình ảnh thơ gợi ra tâm trạng chán chường có đơn lẻ loi. Thực tế thì Kiều đang bị giam hãm ở lầu NB, quá khứ thì tủi nhục, tương lai lại mịt mờ.

4. Luận điểm 4: Qua bức tranh gió cuốn mặt duềnh, Nguyễn Du đã diễn tả nỗi buồn lo của người con gái.

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”.

- Hình ảnh “gió, sóng, mặt duềnh” là những hình ảnh thực bày ra trước mắt Kiều khi nàng ngồi trông ra biển đồng thời còn là hình ảnh biểu tượng cho những truân chuyên bất trắc, tai ương đang rình rập, trực chờ.
- Ngôn từ: động từ mạnh “cuồn, kêu” kết hợp từ láy tượng thanh “âm ầm” đã diễn tả một cảnh tượng dữ dội đến hãi hùng.
- Hình ảnh sóng gió “kêu quanh ghế ngồi” là hình ảnh thực gợi ra sóng gió tai ương đang bủa vây, không còn trong mơ hồ, lo lắng mà đã là hiện thực nhồn tiền.²⁶⁶
- Nghệ thuật nhân hóa qua động từ “kêu”: Sóng nơi này không vỗ, không xô, chẳng cuồn mà “kêu”. Động từ “kêu” đã khiến cho con sóng vô tri thiên địa mang cả một linh hồn, một tâm trạng, một thân phận rất Kiều. Ấy là tiếng kêu đau, kêu khổ, kêu thương, kêu hãi sợ, kêu cầu cứu. Đó là tiếng kêu của sóng hay cũng là tiếng lòng của người con gái khi xa vào miệng sói hang hùm/ khi xa chân xảy bước vào miệng sói hang hùm.
 - ⇒ Như vậy, ngay lúc này đây, trong lòng Kiều đầu chỉ buồn bã, cô đơn mà chính là sự lo lắng kinh hãi của Kiều về số phận bất hạnh của mình trong tương lai, Cảnh tượng thiên nhiên hãi hùng ấy như bao trước những tai họa sắp đổ xuống đầu Kiều. Qua thật sau đó Kiều bị Sở Khanh lừa gạt để rồi rơi vào cảnh khổ đau “Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần”.
 - ⇒ Như vậy, bức tranh thiên nhiên buổi chiều được hiện lên qua cái nhìn đầy tâm trạng của Kiều và được miêu tả theo một trình tự hợp lí. cùng cảnh vật, Kiều cũng từ những nỗi buồn man mác đến những nỗi lo âu, kinh sợ, mỗi lúc một Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, từ cao xuống thấp, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động. Tất cả gợi lên bức tranh thiên nhiên rất thực, rộng lớn và đa chiều và tất cả hiện lên đều buồn vắng lạnh lẽo. Từ đó tâm trạng Kiều cũng như đồng hành thêm nhức nhối, bế tắc.
- Tám câu thơ với âm hưởng trầm buồn kết hợp với một loạt từ láy gợi tả, gợi cảm cùng phép điệp ngữ liên hoàn “buồn trông”, hệ thống ngôn ngữ ước lệ đã mở ra một trường liên tưởng vô cùng bị thương của đời Kiều. Tám câu thơ này đã thể hiện ngòi bút tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhất của Nguyễn Du trong “Truyện Kiều mà ở đó tác giả đã thể hiện được sự hài hòa trong ngòi bút của mình khi đặt “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”.

- Đây là những câu thơ réo rắt bậc nhất trong nỗi buồn về cđ lưu lạc của Kiều, mỗi câu nào cũng vừa là tâm cảnh vừa là ngoại cảnh khắc họa nỗi buồn chùng chát, trùng điệp trong lòng người con gái tài hoa bạc mệnh”. Đằng sau bức tranh tâm trạng ấy là tấm lòng thương cảm của Nguyễn Du trước số phận của Kiều nói riêng và những người phụ nữ nói chung, gọi cho ta niềm xót xa thương cảm với kiếp người tài hoa bạc mệnh. Đó cũng là giá trị nhân đạo sâu xa trong tác phẩm “truyện Kiều”²⁶⁷.

V. Đánh giá tổng hợp

- Có thể nói rằng, lần đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc Việt Nam ta, bức tranh tâm tình thể lương của nhân vật lại được vẽ nên một cách trọn vẹn, gợi cảm và xúc động như vậy.
- Bằng ngòi bút thiên tài của mình, Nguyễn Du đã làm nổi bật lên nỗi buồn thương da diết đan xen cùng hàng bao niềm nhớ của nàng Kiều bằng một tấm lòng cảm thương thấu hiểu và một nhiệt huyết tràn đầy, sôi nổi, say sưa. Đó chính là biểu hiện của cảm hứng nhân văn nơi con người có tấm lòng nhân đạo to lớn, mệnh mông như đại dương biển cả, bao la như vòm trời xanh thẳm nhà đại thi hào của dân tộc Tố Như.
- Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” thể hiện sự tài tình không ai sánh bằng trong nghệ thuật tả cảnh tình của nhà thơ Tố Như, xuất phát từ vốn hiểu biết sâu rộng có được từ cuộc đời từng trải, đi nhiều, tiếp xúc nhiều, hiểu nhiều, và cũng gặp nhiều khó khăn của ông. Tất cả đã làm cho đoạn thơ “Kiều ở lầu Ngưng Bích” trở nên đặc sắc, tuyệt diệu. Các biện pháp nghệ thuật được lồng ghép khéo léo, kết hợp đan xen với nhau trong từng câu thơ. Từ ngữ được trau chuốt kỹ càng đến mức đạt trình độ cao nhất của sự điêu luyện. Nhờ đó mà đoạn trích như tỏa sáng hơn, và đọng lại nhiều hơn trong tâm trí, tư tưởng người đọc.
- Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn miêu tả nội tâm nhân vật đặc sắc nhất, thành công nhất trong “Truyện Kiều”, đặc biệt là bằng bút pháp tả cảnh tình. Đoạn thơ có giá trị nhân bản sâu sắc đồng thời thể hiện tấm lòng nhân hậu, cảm thương chia sẻ của Nguyễn Du với nỗi đau của Thúy Kiều.
- Nó đã góp phần đưa “Truyện Kiều” trở thành một trong những tác phẩm bất hủ trong nền văn học nước nhà, và nếu rộng ra hơn nữa, là của toàn nhân loại. Tác phẩm sẽ mãi như viên minh châu tỏa sáng lấp lánh trong lòng bao thế hệ độc giả

yêu thơ, như nhận định của Dương Quảng Hàm: *“Trên từ các bậc văn nhân thi sĩ, dưới đến các kẻ thường dân phụ nữ, ai cũng thích đọc, thích ngâm và thuộc được ít nhiều”*

- Đoạn trích như chứa đầy lệ, lệ của người người con gái lưu lạc, đau khổ vì cô đơn, lẻ loi, buồn thương chua xót về mối tình đầu tan vỡ, xót xa vì thương nhớ cha mẹ, lo sợ cho thân phận mình; lệ của nhà thơ, một trái tim nhân đạo bao la, đồng cảm thương xót cho người thiếu nữ tài sắc, hiếu thảo mà bạc mệnh.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Cảm nhận của em về tám câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”
2. Có ý kiến cho rằng: “Tám câu thơ cuối đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích đã thể hiện tài năng của Nguyễn Du bút pháp tả cảnh ngụ tình”. Em hãy phân tích tám câu thơ để làm sáng tỏ ý kiến trên.
3. Thơ là tiếng lòng”. Hãy lắng nghe tiếng lòng của Thuý Kiều qua tám câu thơ giữa đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.
4. “Thơ là tiếng lòng”. Hãy lắng nghe tiếng lòng của Thuý Kiều qua tám câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.
5. Nhà văn Anh, A.L. Huxley cho rằng: “Văn học giống như ánh sáng, nó có thể xuyên thấu mọi thứ”. Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến và bằng hiểu biết về kiệt tác Truyện Kiều của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du hãy làm sáng tỏ quan điểm của mình.

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả:

a. Cuộc đời:

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), tục gọi là Đồ Chiểu.
- Quê cha ở Thừa Thiên - Huế, ông được sinh tại quê mẹ ở Gia Định.
- Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu gặp nhiều khổ đau, bất hạnh:
- Ngay từ nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu đã theo cha chạy giặc. Từ một cậu ấm con quan, bỗng chốc trở thành một đứa trẻ thường dân sống trong cảnh chạy loạn, trả thù, chém giết.
- Năm 1843, Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài tại trường Gia Định. Năm 1846, ông ra Huế học, chuẩn bị thi tiếp tại quê cha, nhưng lúc sắp vào trường thi thì nhận được tin mẹ mất, phải bỏ thi trở về Nam chịu tang mẹ (1849). Dọc đường về, Nguyễn Đình Chiểu bị đau mắt nặng rồi bị mù. Ông bị người yêu bội ước, công danh dang dở.
- Không khuất phục trước số phận oan nghiệt, Nguyễn Đình Chiểu đã ngẩng cao đầu sống một cuộc sống có ích: mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân, và tiếng thơ Đồ Chiểu cũng bắt đầu vang khắp miền Lục tỉnh:
- Là một thầy giáo, ông đặt việc dạy người cao hơn dạy chữ, được nhiều thế hệ học trò kính yêu.
- Là thầy thuốc, ông xem trọng y đức, lấy việc cứu người làm trọng. Là nhà thơ, Nguyễn Đình Chiểu quan tâm đến việc dùng văn chương để hướng con người đến cái thiện, đến một lối sống cao đẹp, đúng đạo lý làm người. Khi quê hương bị thực dân Pháp xâm lược, ông dùng thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân.
- Nguyễn Đình Chiểu còn là tấm gương sáng ngời lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm:
- Ông là lá cờ đầu trong nền thơ ca yêu nước chống Pháp. (Lên lớp 11, các em sẽ được học hai tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu viết về nội dung yêu nước. Đó là “Chạy giặc” và “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”).

- Ngay từ những ngày đầu giặc Pháp xâm lược Nam Bộ (1858), Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm; kiên quyết giữ vững lập trường kháng chiến; cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc việc chống giặc và sáng tác thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của các nghĩa sĩ. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu có tác động tích cực đối với cuộc chiến đấu của nhân ta đương thời. Bởi vậy, mà ông được mệnh danh là “Thư sinh giết giặc bằng ngòi bút” (ý thơ Tùng Thiện Vương).
 - Khi triều đình nhà Nguyễn bại nhược, bất lực đến mức phải dâng cả Nam Kỳ lục tỉnh cho giặc Pháp, Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao khí tiết, giữ gìn lối sống trong sạch, cao cả, từ chối mọi cám dỗ của thực dân, không chịu hợp tác với kẻ thù.
- b. Sự nghiệp văn chương:
- Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn của dân tộc. Ông đã để lại nhiều áng văn chương có giá trị nhằm:
 - Truyền bá đạo lý làm người như “Truyện Lục Vân Tiên”, “Dương Từ - Hà Mậu”...
 - Cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước như “Chạy giặc”, “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”, “Thơ điếu Trương Định”...
 - Trong một bài viết của mình, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có những lời so sánh, ví von diệu vời để tưởng nhớ tới nhà thơ, người chiến sĩ yêu nước đầy tự hào của dân tộc ta ở thế kỷ 19 – Nguyễn Đình Chiểu:
 - “Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, thoạt nhìn thì chưa thấy sáng, song càng nhìn thì càng thấy sáng. Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ yêu nước vĩ đại của nhân dân Nam Bộ thế kỉ XIX là một trong những ngôi sao như thế!”.
 - “Một con người tận nguyên như vậy, nếu chỉ sống bình thường, trong sạch cũng là quý, không ai nở đòi hỏi phải gánh vác việc đời. Ấy mà cụ đã sống và đã làm việc với ba cương vị trí thức, luôn luôn có mặt ở phía trước, luôn luôn gương mẫu, cống hiến không kể mình, và như vậy cho đến ngày từ già cõi đời. Còn có tấm gương người mù nào đáng soi hơn cho người có đủ hai mắt” (Lê Trí Viễn).

2. Tác phẩm

2. Hoàn cảnh ra đời: “Truyện Lục Vân Tiên” là truyện thơ Nôm, được viết vào khoảng đầu những năm 50 của thế kỉ XIX. “Truyện Lục Vân Tiên” là sách gối đầu giường của người Nam Bộ, là tiếng lòng của người miền Nam.
3. Đặc điểm: Truyện có kết cấu theo kiểu truyền thống của truyện phương Đông, theo

chương hồi, xoay quanh diễn biến cuộc đời của nhân vật chính.

4. Chủ đề

- Ca ngợi tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội: tình nghĩa vợ chồng, tình cha con, mẹ con, tình cảm bạn bè, lòng yêu thương sẵn sàng cứu mang, đùm bọc những người gặp cơn hoạn nạn.
- Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy.
- Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời: thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà.
- Vị trí: Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” nằm ở phần đầu của truyện: Vân Tiên Trên đường lên Kinh Đô dự thi, chàng gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành. Chàng đã bỏ cây bên đường làm gậy. Xông thẳng vào những kẻ trong tay có vũ khí. Chàng đã đánh tan chúng, cứu được Kiều Nguyệt Nga và cô hầu Kim Liên.

B. Đọc hiểu chi tiết văn bản:

1. Tính chất tự truyện của tác phẩm:

- Tác phẩm có tính chất một thiên tự truyện. Đọc tác phẩm, ta thấy có nhiều chi tiết trùng hợp giữa cuộc đời tác giả Nguyễn Đình Chiểu và nhân vật Lục Vân Tiên: như việc bỏ thi về chịu tang mẹ, bị mù, bị bội hôn ước, và sau này họ đều có được cuộc hôn nhân tốt đẹp. Lục Vân Tiên là nhân vật tự truyện của Nguyễn Đình Chiểu.
- Nhưng Nguyễn Đình Chiểu không được như Lục Vân Tiên: được gặp tiên ông cứu cho sáng mắt để sau đó lại tiếp tục đi thi đỗ Trạng nguyên, được vua cử đi dẹp giặc Ô Qua thắng lợi. Những gì chưa làm được trong cuộc đời mình, Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm vào nhân vật Lục Vân Tiên. Cho nên Lục Vân Tiên cũng là nhân vật lý tưởng của Đồ Chiểu, là nơi nhà thơ gửi gắm ước mơ và khát vọng của mình.

1. Nhân vật Lục Vân Tiên:

- Hình ảnh Lục Vân Tiên được khắc họa theo mô típ quen thuộc của truyện Nôm truyền thống: một chàng trai tài giỏi cứu một cô gái thoát khỏi tình huống hiểm nghèo, rồi từ ân nghĩa đến tình yêu... như chàng Thạch Sanh đánh đại bàng, cứu công chúa Quỳnh Nga(Thạch Sanh”). Mô-típ này thể hiện niềm mong ước của tác giả và cũng là của nhân dân. Trong thời buổi nhiễu nhương hỗn loạn này, người ta trông mong ở những người tài đức, dám ra tay cứu nạn giúp đời.

a. Lục Vân Tiên đánh cướp:

- Lục Vân Tiên là nhân vật lý tưởng của tác phẩm (thể hiện lí tưởng thẩm mĩ của tác giả về con người trong cuộc sống đương thời...). Đây là một chàng trai vừa rời trường học, bước vào đời lòng đầy hăm hở, muốn lập công danh, thi thố tài năng, cứu người giúp đời. Trận đụng độ với bọn cướp Phong Lai hung dữ là thử thách đầu tiên, cũng là cơ hội hành động dành cho chàng.

Vân Tiên ghé lại bên đàng

Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô.

Kêu rằng: "Bớ đảng hung đồ!

Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân.

Phong Lai mặt đỏ phùng phùng:

Thằng nào dám tới lấy lừng vào đây.

Trước gây việc dữ tại mây,

Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng.

- Bốn câu thơ làm hiện lên hình ảnh một chàng trai giàu lòng nghĩa hiệp, giữa đường gặp chuyện bất bình thì sẵn sàng xả thân ra tay cứu giúp, không cần phải so đo tính toán. Vân Tiên chỉ có một mình với tay không đánh giặc, trong khi bọn cướp đông đảo, gươm giáo đầy đủ, thanh thế lẫy lừng: “Người đều sợ nó có tài khôn đương”. Vậy mà chàng không hề run sợ, vẫn “bẻ cây làm gậy” xông vào đánh cướp. Hành động mau lẹ đến thế phải của một người gan góc, quả cảm, coi việc cứu dân là trách nhiệm của bản thân.
- Hình ảnh Vân Tiên trong trận đánh được miêu tả thật đẹp, thật oai hùng. Bọn cướp “bốn phía bủa vây bịt bùng” nhưng Vân Tiên không chút nao núng:

Vân Tiên tả đột hữu xông,

Khắc nào Triệu Tử phá vòng Dương Dang.

- Không tả tỉ mỉ trận chiến, chỉ bằng mấy dòng thơ ngắn gọn mà đặc sắc cùng nghệ thuật so sánh, tác giả đã làm nổi bật một dũng tướng đánh nhanh, kín võ, sánh ngang Triệu Tử Long thời Tam Quốc trong trận phá vòng vây quân Tào bảo vệ ấu chúa. Sức mạnh của chàng là kết tinh sức mạnh của nhân dân, của điều thiện nên nó vô địch:

Lâu la bốn phía vỡ tan,

Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.

Phong Lai trở chẳng kịp tay,

Bị Tiên một cây thác rày thân vong.

- Lời thơ chân chất, mộc mạc song hồn thơ thì chan chứa dạt dào. Nó nêu bật một chân lý: kẻ bất nhân độc ác thì thảm bại, người anh hùng làm việc nghĩa tất yếu sẽ chiến thắng. Vân Tiên đã chiến thắng bởi sức mạnh của nhân nghĩa, của lẽ phải, sức mạnh của tình yêu thương và lòng dũng cảm kiên cường. Chàng chính là hiện thân của người anh hùng thượng võ, sẵn sàng cứu khốn phò nguy, dám bênh vực kẻ yếu, tiêu diệt mọi thế lực bạo tàn.

a. Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga:

- Cách cư xử của Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga sau khi đánh cướp bộc lộ tư cách con người chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài cũng rất từ tâm nhân hậu. Thấy hai cô gái còn chưa hết sợ hãi, Vân Tiên “động lòng thương xót, ân cần hỏi han, an ủi họ”

Vân Tiên nghe nói động lòng

Đáp rằng: “Ta đã trừ dòng lâu la.

- Khi nghe trong kiệu vọng ra tiếng nói muốn được tạ ơn, Vân Tiên vội gạt đi ngay:

Khoan khoan ngồi đó chớ ra,

Nàng là phận gái, ta là phận trai.

- Câu thơ này vừa chứa đựng sự câu nệ của lễ giáo phong kiến “nam nữ thụ thụ bất thân”, vừa thể hiện suy nghĩ trong sáng của Vân Tiên: “Làm ơn há dễ trông người trả ơn”. Chàng không muốn

nhận những cái lay tạ của hai cô gái và từ chối lời mời về thăm nhà của Nguyệt Nga. Sau đó, chàng không nhận chiếc trâm vàng nàng tặng mà chỉ cùng nàng xướng họa một bài thơ rồi thanh thản ra đi, không hề vương vấn. Dường như đối với Vân Tiên, làm việc nghĩa là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Con người trọng nghĩa khinh tài ấy không coi đó là công trạng.

Đó Là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán:

Vân Tiên nghe nói liền cười:

“Làm ơn há dễ trông người trả ơn.

Nay đà rõặng nguồn cơn,

Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.

- Với phẩm chất cao đẹp, Lục Vân Tiên đã trở thành một hình tượng lý tưởng để

Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm vào đó niềm tin và ước vọng của mình.

c. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga: hiện lên qua ngôn ngữ đối thoại với Vân Tiên.

c.1. Phẩm chất tốt đẹp của nhân vật Kiều Nguyệt Nga được tác giả thể hiện qua lời lẽ chân thành mà nàng giải bày với Lục Vân Tiên. Đó là lời lẽ của một tiểu thư khuê các, thùy mị, nết na và có học thức: Cách xưng hô của nàng vừa trân trọng, vừa khiêm nhường:

Trước xe quân tử tạm ngồi,

Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.

- Nói năng dịu dàng, mực thước: “*Làm con đâu dám cãi cha/ Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành.*”, “*Chút tôi liễu yếu đào thơ/ Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phân.*”
- Trình bày rõ ràng, khúc chiết, vừa đáp ứng đầy đủ những điều thăm hỏi ân cần của Lục Vân tiên, vừa thể hiện niềm cảm kích chân thành đối với ân nhân cứu mạng:

Thưa rằng: “Tôi Kiều Nguyệt Nga,

.....

Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng nguời”.

- Nguyệt Nga là người chịu ơn. Lục Vân Tiên không chỉ cứu mạng, mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng. Đối với người con gái, điều đó còn quý hơn tính mạng:

Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,

Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.

- Nàng băn khoăn tìm cách trả ơn chàng, dù hiểu rằng đền đáp bao nhiêu cũng là không đủ:

Gẫm câu báo đức thù công

Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng nguời”.

- Bởi thế, nàng đã tự nguyện gắn bó cuộc đời mình với chàng trai khảng khái, hào hiệp và sau này dám liều mình quyên sinh để giữ trọn ân nghĩa thủy chung. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga đã chinh phục được tình cảm yêu mến của nhân dân, những con người luôn đặt ân nghĩa lên hàng đầu, coi ân nghĩa là gốc rễ của đạo đức.

C. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Nguyễn Đình Chiểu sáng tác “Truyện Lục Vân Tiên” chủ yếu để kể, truyền miệng nên nhân vật được miêu tả thiên về lời nói, hành động hơn là ngoại hình, diễn biến nội tâm, qua đó nhân vật tự bộc lộ tính cách, phẩm chất.

- Bên cạnh đó là ngôn ngữ bình dị, mộc mạc gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày, đậm màu sắc Nam Bộ. Ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, ít trau chuốt, uyển chuyển nhưng lại dễ đi sâu vào tâm hồn quần chúng nhân dân.

2. Nội dung:

- Đoạn thơ trích thể hiện khát vọng hành động hành đạo giúp đời của tác giả và khắc họa những phẩm chất tốt đẹp của hai nhân vật chính: Lục Vân Tiên tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài; Kiều Nguyệt Nga hiền hậu, nét na, ân tình chung thủy.

ĐỒNG CHÍ

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Chính Hữu (1926 – 2007) quê ở huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
- Làm thơ từ năm 1947, là một nhà thơ quân đội hoạt động trong suốt hai cuộc kháng chiến của dân tộc.
- Thơ ông hầu hết chỉ viết về người lính trong suốt hai cuộc kháng chiến của dân tộc.
- Đặc biệt Chính Hữu đi sâu vào khai thác những tình cảm cao đẹp của người lính như tình đồng chí, đồng đội, tình yêu quê hương, sự gắn bó giữa tiền tuyến với quê hương. Thơ ông dồn nén cảm xúc, ngôn ngữ và hình ảnh chọn lọc, hàm súc như ông từng tâm sự: “Tôi thích những câu thơ hàm súc, cô đọng, nói rất ít nhưng gợi rất nhiều những tưởng tượng lan xa. Thơ phải ngắn ở câu chữ nhưng phải dài ở sự ngân vang...”

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Mùa xuân năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947).
- Sau chiến dịch Việt Bắc, Chính Hữu viết bài thơ Đồng chí tại nơi ông phải nằm điều trị bệnh. Cảm động trước sự chăm sóc của đồng đội, ông viết bài thơ để tặng người bạn đã chăm sóc mình. Bài thơ là sự thể hiện những tình cảm tha thiết, sâu sắc của tác giả với những người đồng chí, đồng đội.

⇒ Bài thơ được đánh giá là tiêu biểu của thơ ca kháng chiến giai đoạn 1946 – 1954. nó đã làm sang trọng một hồn thơ chiến sĩ của Chính Hữu

b. Xuất xứ: In trong tập “Đầu súng trăng treo” (1966)

c. Mạch cảm xúc

- Bài thơ theo thể thơ tự do, 20 dòng chia làm 3 đoạn. Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, nhưng ở mỗi đoạn có sức nặng của tư tưởng và cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào những dòng thơ gây ấn tượng sâu đậm, tiêu biểu là dòng 7, 17, 20.
- Sáu câu thơ đầu có thể xem là sự lý giải về tình đồng chí. Câu thơ thứ 7 có cấu trúc đặc biệt như một sự phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.

- Mùoi dùng tiếp theo, mạch cảm xúc sau khi dồn tụ ở dòng 7 lại tiếp tục khơi mở trong những hình ảnh, chi tiết, biểu hiện cụ thể, thấm thía tình đồng chí và sức mạnh của nó
- Ba dòng thơ cuối được tác giả tách ra thành một đoạn kết, đọng lại và ngân rung với hình ảnh đặc sắc “Đầu súng trăng treo” như là một biểu tượng giàu chất thơ về người lính.

B. Luyện đề

Cảm nhận của em về vẻ đẹp tình đồng chí qua bài thơ Đồng chí của Chính Hữu,

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm
- II. Giới thiệu khái quát về tác phẩm
- III. Cảm nhận

1. 7 câu đầu: Cơ sở hình thành tình đồng chí

1.1 Về đẹp của sự đồng cảnh

- Dẫn: Trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, những chiến sĩ dũng cảm, kiên cường chiến đấu bảo vệ tổ quốc không ai khác chính là những người nông dân mặc áo lính. Từ già quê hương, họ ra đi tình nguyện đứng trong đội ngũ những người chiến đấu cho một lý tưởng chung cao đẹp, đó là độc lập tự do cho dân tộc. Mở đầu bài thơ là những tâm sự chân tình về con người và cuộc sống rất bình dị mà rất quen thuộc:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

- C₁: Câu thơ đầu ấn tượng với ta bởi hình ảnh “Nước mặn đồng chua”: Cánh đồng chiêm trũng, cánh đồng ven biển, đất nhiễm mặn, ngập phèn với cái ám ảnh ngàn đời chiêm chua, mùa thối, sông ngâm da, chết ngâm xương, cuộc sống lam lũ, cơ hàn.
- C₂: Quê hương anh thì thế, làng tôi cũng không hơn “đất cày lên sỏi đá”: đưa ta về vùng trung du vùng bán sơn địa, sỏi đá lẫn vào đất đai làm cho đất bạc màu rửa trôi khiến cho cỏ cây cằn cỗi; cuộc sống vì thế cũng gieo neo, cơ cực trăm bề.
- C₁ + C₂: Tổ chức hình ảnh thơ sóng đôi “quê hương anh – làng tôi” khiến câu thơ vượt lên nỗi ôn nghèo, kể khổ thành mối đồng cảm của những người đồng cảnh ngộ.

⇒ Đó là cơ sở đầu tiên của tình đồng chí.

278

1.2. Về đẹp của sự đồng lí tưởng

*Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau
Súng bên súng đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!*

- Hai chữ “xa lạ” khẳng định trước đó anh với tôi vốn là người chưa hề quen biết nhau, vậy mà “tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”, họ cùng nhau hội tụ dưới mái nhà quân ngũ. “Tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo xô đẩy mà họ về đây đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lý tưởng chung, cùng chung một mục đích cao cả chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Có lẽ chính cuộc kháng chiến chống Pháp là điểm hẹn cho Cách mạng và đại đội đã thay cho gia đình. Bởi vậy cái xa lạ ban đầu đã trở thành quen nhau. Câu thơ gợi cho ta cảm nhận cái không khí của thời đại khi cả nước lên đường đi đánh giặc “xao xuyến bờ tre từng hồi trống giục”, đến tính chất toàn diện của cuộc kháng chiến.
- Đến đây hình ảnh “anh – tôi” đã mờ nhoà đi, mà đã trở thành một “đội” song hành thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lý tưởng chiến đấu:

Súng bên súng đầu sát bên đầu

- Những chữ “bên, sát bên” kết hợp với cách diễn đạt đầy ấn tượng “súng bên súng”, “đầu sát bên đầu” gợi sự gắn bó khăng khít của người lính trong cuộc sống quân ngũ. Đó là sự tâm đầu ý hợp, sự quyết tâm cao trong nhiệm vụ chiến đấu.
- Hình ảnh thơ vừa mang tính chất thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. “Súng” vừa là hình ảnh thực: vũ khí, vừa biểu tượng cho nhiệm vụ cao cả, sứ mệnh thiêng liêng của người lính ở nơi đầu trận chiến, còn “đầu” gắn kết “bên, sát bên” gợi tả chân thực về người lính giờ trực chiến những nòng súng cùng hướng về phía trước, những mái đầu xanh kề sát bên nhau; biểu tượng đẹp cho những người cùng lý tưởng, chung một chiến hào.
- Bên cạnh đó, chung lý tưởng, họ cùng nhau chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui của cuộc đời người lính:

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

279

- Câu thơ không đi vào miêu tả cụ thể mà mang tính chất khái quát, thu tóm, tổng kết. Chọn thời gian “đêm rét”, câu thơ không chỉ gợi mở ra thời gian mà còn khắc

hoa hoàn cảnh khắc nghiệt của thời tiết với cái rét cắt da cắt thịt của những đêm đông giá lạnh đồng thời gọi lên những khó khăn gian khổ của cuộc đời người lính trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến. Đó là thực tế mà ai cũng phải nếm trải trong những năm kháng chiến ấy.

- Có điều lạ là thơ ca Cách mạng Việt Nam nói tới gian khổ chỉ để khẳng định sự quyết tâm và để nhấn mạnh cái nghĩa tình. Những câu thơ nói tới cái rét mà ta không hề thấy rét ngược lại chỉ gọi cho người đọc thấy sự ấm cúng của tình đồng đội.
- Liên hệ: Ba anh bộ đội trong thơ Lê Kim chung nhau một cái chăn hẹp, đắp ngang, đắp dọc gì cũng rét, rét đến không ngủ được cứ nằm nghe tiếng lá chuối khô phật phật trong gió. Nhưng chính vào lúc giá lạnh nhất, câu thơ lại có bao nhiêu sự ấm áp:

Ba thằng quặp chặt gió lửa vào đầu

Nửa đêm sương gọi mái đầu

Chòi cao phật phật mấy tàu chuối khô

- Câu thơ của Chính Hữu cũng vậy. Cái rét tạo nên tình tri kỷ của hai người lính “chung chăn”. Hai tiếng “chung chăn” đặt giữa câu thơ nghe sao mà ấm áp tình người. Các anh “chung chăn” nghĩa là chung cái khó khăn gian khổ của cuộc đời người lính và họ chia sẻ cho nhau hơi ấm tình người. Chỉ một từ “chung” giản dị đã diễn tả một cách sâu sắc sự sẻ chia của người lính. Câu thơ nói về cái rét mà ấm áp tình người. Phía sau câu thơ nói về giá rét lạnh lẽo cháy một ngọn lửa ấm nồng của tình đồng chí, đồng đội. Tắm chăn ấy đắp lại, biết bao tâm tình mở ra: cảnh ngộ quê hương, niềm vui nỗi buồn được bộc bạch – các anh kể cho nhau nghe những niềm vui nỗi buồn cảnh ngộ bản thân. Đó chính là sự chia ngọt sẻ bùi.
- Không biết tự lúc nào họ trở thành “đôi tri kỉ”. Từ “đội” được dùng rất hay. Không phải hai mà là đôi. Người ta hay nói đôi dép, đôi đũa... nghĩa là đôi gọi một cái gì đó gắn bó không thể tách rời. Vậy thì tôi và anh, anh và tôi gắn bó với nhau, thấu hiểu nhau là hai mà dường như đã trở thành một. Ba chữ “đôi tri kỉ” đã gắn kết những người lính lại với nhau thành đôi bạn thân, hiểu bạn như hiểu mình, gọi tình bạn cao quý, thiêng liêng, gọi bạn là “tri kỉ” đủ cho thấy Chính Hữu trân trọng đến nhường nào môi tình đồng đội.

⇒ Như vậy, sáu câu thơ với kết cấu song hành, hình ảnh thơ chân thực..., tác giả đã

lý giải cơ sở làm nên tình đồng chí, đồng đội của những người lính: từ chỗ xa lạ các anh đã gặp nhau, quen nhau, họ tìm thấy mối duyên tình đồng đội từ đó làm nên “trị kỉ”. Đó là cả một quãng thời gian chia sẻ với nhau những thiếu thốn của cuộc đời quân ngũ. Tất cả kết đọng thành tình đồng chí thiêng liêng: Đồng chí!

- Nhịp thơ đang dần trải rộng cô đọng lại, giọng thơ trầm lắng thiết tha, câu thơ rút ngắn đột ngột bằng một từ hai tiếng “Đồng chí” được tách thành một dòng thơ đặc biệt.
- Câu thơ giống như một tiếng gọi của những người đồng chí cùng chiến đấu với một giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, thân thương thể hiện tình cảm gần gũi thân thương của những người lính.
- Đó là hai tiếng mà bộ đội ta hay gọi nhau từ những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Hai tiếng giống như một sự phát hiện, một lời khẳng định về vẻ đẹp của tình đồng chí, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình cảm mới mẻ này.
- Hai tiếng như một nốt nhạc ngân nga, một nốt nhấn rung lên trong bản đàn tình cảm của những người lính dành cho nhau. Và khi họ gọi nhau là đồng chí họ không chỉ còn là người nông dân nghèo đói lam lũ, mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lý tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên sự hồi sinh cho quê hương, cho dân tộc. Đồng chí là những người cùng chung chí hướng, lý tưởng, đồng chí vừa là tình chiến đấu, vừa là tình bạn bè thân thiết, đồng chí đánh dấu sự trưởng thành những người nông dân mặc áo lính. Đồng chí là đỉnh cao của tình bạn, tình người, tình đồng đội. Đó là hai tiếng thiêng liêng mà những người cùng chung chí hướng gọi nhau suốt chiều dài lịch sử và đến tận hôm nay. Hai tiếng đồng chí như là bản lề gắn kết đoạn thơ đầu với đoạn hai của bài thơ, khép mở khái quát cảm xúc của hai câu thơ đầu, đồng thời mở ra, khơi nguồn mạch cảm xúc của các câu thơ tiếp theo.

⇒ Tóm lại, bảy câu thơ đầu được viết với thể thơ tự do, nhịp 1, giọng thơ bình dị, tự nhiên thủ thỉ tâm tình, cấu trúc sóng đôi với những hình ảnh thơ chân thực gần gũi, gợi cảm, giàu ý nghĩa biểu tượng, cách viết câu linh hoạt và sáng tạo.²⁸¹

Đoạn thơ có thể xem là cách lý giải về tình đồng chí theo cách cảm, cách nghĩ của người lính nông dân. Quê hương của Chính Hữu không phải vùng nước mặn đồng chua, cũng chẳng phải vùng đất cày lên sỏi đá nhưng tâm tư của người lính trong bài thơ cũng chính là tâm tư, nỗi lòng của Chính Hữu. Viết từ

chính nỗi niềm của mình, từ kỉ niệm sống của chính mình với đồng đội nên những câu thơ chân chất giản dị mà vẫn có sức ngân rung. Chính Hữu đã chỉ cho ta thấy một cách cảm động những cơ sở hình thành tình đồng chí. Những câu thơ mở đầu có thể xem là những nốt nhạc dạo đầu trong bản nhạc, khúc ca về tình đồng chí đồng đội để từ đó người đọc cảm nhận sâu sắc hơn sức mạnh và biểu hiện cụ thể của tình đồng chí ở những câu thơ sau

2. 10 câu tiếp: Những biểu hiện của tình đồng chí

2.1. Vẻ đẹp của sự đồng cảm

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*

- Rời nhà đi kháng chiến, họ cùng chung nỗi nhớ quê hương da diết nhớ về “giếng nước, gốc đa, ruộng nương” – những tài sản hết sức quen thuộc gắn bó với người dân làng quê Việt Nam. Đối với họ, đó là những tài sản quý báu nhất vậy mà anh lính đã sẵn sàng “gửi” lại bạn thân cày” để lên đường đi đánh giặc theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc.
- Từ “gửi” đặt giữa dòng thơ cho ta thấy được sự tin tưởng gần như tuyệt đối của những chàng trai cày đối với hậu phương. “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” là hình ảnh thơ gây xúc động mạnh mẽ đến độc giả. “Gian nhà không” là gian nhà nghèo hay gian nhà vắng chủ, nó không đủ sức chống chọi với gió mưa, nên chỉ có thể “mặc kệ gió lung lay”. Từ “mặc kệ” đặt giữa dòng thơ thể hiện thái độ dứt khoát và đầy quyết tâm của người lính khi ra đi vì nghĩa lớn. Họ sẵn sàng hi sinh tình cảm vật chất và hạnh phúc cá nhân vì tình yêu tổ quốc. Đó là sự hy sinh thầm lặng mà cao cả. Tinh thần ấy phần nào giống hình ảnh của những người trượng phu ra đi đánh giặc cứu nước trong thi Nguyễn Đình Thi:

*Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy*

282

Hay hình ảnh của người lính trong thơ Thâm Tâm:

*Người đi ừ nhĩ người đi thật
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu say...*

(Tổng biệt hành)

- Song dù đứt khoát, mạnh mẽ ra đi, dù mặc kệ tất cả nhưng trong sâu thẳm tâm hồn những người nông dân chân thật ấy vẫn nặng lòng với quê hương. Các anh ra đi mang theo nỗi nhớ quê hương vào trong chiến đấu. Nỗi nhớ ấy kín đáo gửi gắm qua hình ảnh:

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

- Hình ảnh “giếng nước gốc đa” gợi ra hình ảnh mộc mạc, bình dị mà quen thuộc nơi làng quê. Giếng nước là không gian dân làng tụ họp sớm chiều, gốc đa đầu làng là nơi ta hẹn hò, điểm cuối cùng của cuộc tiễn đưa và cũng là điểm đầu tiên của ngày gặp lại. Có thể nói, “giếng nước gốc đa” là hình ảnh hoán dụ chỉ xóm làng, quê hương, hậu phương -những gì gần gũi, thân thương - nhớ các anh, tin cậy và truyền thêm sức mạnh cho các anh để các anh được “chân cứng đá mềm”.
- Bên cạnh đó, “giếng nước gốc đa” còn được nhân hóa qua từ “nhớ” gợi lên tình cảm hai chiều giữa người lính và quê hương: Quê hương nhớ người ra lính hay cũng chính là người ra lính không nguôi nhớ về quê hương. Câu thơ cho ta cảm nhận hình ảnh quê hương luôn sống trong trái tim người lính, là sức mạnh và động lực cho các anh chiến đấu. Lời thơ ngập tràn ngọn gió của nỗi nhớ thương quyến luyến, người chiến sĩ và quê hương có mối giao cảm tuyệt vời. Có phải vì tình yêu quê hương là biểu tượng cao nhất của tình yêu tổ quốc.

⇒ Như vậy, ba câu thơ với hình ảnh “ruộng nương, gian nhà, giếng nước gốc đa”, hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ấm áp một tình quê, một nỗi nhớ thương vui đầy. Nhắc tới nỗi nhớ da diết này, Chính Hữu đã nói đến sự hi sinh không mấy dễ dàng của người lính. Ở ba câu trên, Chính Hữu không viết về mình mà viết về bạn, không nói về tôi mà chỉ nói về anh, có lẽ bởi tôi và anh đã hòa cùng làm một, nỗi nhớ của anh cũng là của tôi, những người lính đã trở thành đồng chí của nhau, thực sự thấu hiểu tâm tư tình cảm của nhau. Cả hai đã hòa chung²⁸³ vào nỗi nhớ quê hương da diết, tình cảm đồng chí thật sâu nặng đậm thắm. Ta chợt hiểu thì ra nói nỗi lòng của bạn cũng là nỗi nhớ của chính bản thân mình. Do thương bạn mà quên mất bản thân mình hay bạn cũng chính là mình. Cả hai đã thực sự hoà làm một.

2.2. Vẻ đẹp của tinh thần đồng cam cộng khổ

a. Cộng khổ

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày*

- Khổ vì bệnh tật (2 câu đầu)

- “ớn lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi” diễn tả những trạng thái dữ dội kinh hoàng, tô đậm cái vất vả, hy sinh mà người lính phải trải qua trong những năm tháng dài chinh chiến.
- “anh, tôi” kết hợp không biết”: đã trải qua, mới dễ bề thông cảm, thương xót lẫn nhau.

⇒ Những câu thơ lẫn vào cơn sốt. Tình đồng chí đã hình thành và lớn lên từ những kỉ niệm sống như thế. Nghệ thuật sóng đôi vẫn tiếp tục được sử dụng, chạy dọc bài thơ. Không còn anh và tôi tách biệt đứng riêng ở hai dòng mà đã là anh và tôi khi hai người cùng chung cái thiếu thốn thuốc men và bệnh tật. Thế mới biết cuộc sống người lính gian khổ biết bao nhiêu.

- Khổ vì thiếu thốn (4 câu tiếp)

- Diễn xuôi ý thơ: Áo anh rách vai, quần tôi thì có vài mảnh vá, miệng cười buốt giá vì nổi chân không giày.
- Câu thơ ngắn, nhịp thơ nhanh, giọng thơ nhẹ nhõm, tràn đầy tinh thần lạc quan, khỏe khoắn.
- Hình ảnh chân thực
- Bút pháp tả thực
- Cách tổ chức hình ảnh sóng đôi

⇒ Giúp Chính Hữu diễn tả mối cộng khổ đồng cam đầy sinh động của người lính cụ Hồ.

⇒ Liên hệ: Những hình ảnh thơ chân thực khiến ta liên tưởng tới những câu thơ trong bài “Ngày về”, dù ít nhiều mang màu sắc lãng mạn nhưng Chính Hữu cũng đã từng viết về những anh lính với những khó khăn, thiếu thốn:

Rách tả tay rồi đôi giày vạn dặm

Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa

- Vậy mà vượt lên trên tất cả, các anh cùng trao nhau nụ cười: “Miệng cười buốt giá”. Câu thơ có kết cấu đối lập, tương (đối lập giữa nụ cười với sự khắc nghiệt của thời tiết, giữa sự lạc quan với khó khăn gian khổ) thể hiện sâu sắc tinh thần lạc quan vượt lên trên hoàn cảnh của người lính. Nụ cười bùng sáng lên trong giá rét, nụ cười của nghị lực, của lý trí của niềm tin chiến thắng, nụ cười làm ấm lòng người chiến sĩ, nụ cười động viên nhau vượt qua khó khăn.

b. Đồng cam

Thương nhau tay nắm bàn tay

- “Tay nắm bàn tay”: Thông thường, ở tình bằng hữu, người ta nắm tay nhau lúc chia li hoặc khi hội ngộ. Người lính của Chính Hữu lại nắm tay nhau ở bên nhau, họ nắm tay nhau không phải để tạm biệt, không phải để chào mừng mà nắm tay nhau để xua đi giá lạnh đêm rừng, truyền cho nhau hơi ấm, động viên nhau vượt qua thử thách, gian lao.

⇒ Cái nắm tay đồng đội đã nói giùm người lính những điều không phải giờ nói hết được bằng lời:

Phút chia tay, ta chỉ nắm tay mình

Điều chưa nói, thì bàn tay đã nói

(Lưu Quang Vũ)

⇒ Đánh giá luận điểm: Những câu thơ với những hình ảnh thơ chân thực trong phép liệt kê với những câu thơ kết cấu sóng đôi (nghệ thuật) đã thể hiện xúc động về đẹp của tình đồng chí trong hoàn cảnh gian lao thiếu thốn của cuộc kháng chiến chống Pháp (nội dung). Đồng chí không chỉ là hiểu tâm tư nỗi lòng của nhau, đồng chí còn là chia sẻ những giao lao cả những bệnh tật. Đoạn thơ²⁸⁵ gieo vào lòng độc giả niềm yêu thương cảm phục với anh bộ đội cụ Hồ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp. Chính cuộc đời người lính sống trong tình đồng chí đồng đội đã cho Chính Hữu một tâm hồn thi sĩ để biết rung động và biết yêu thương. Sự trải nghiệm thấm thía của bản thân đã giúp Chính Hữu viết nên những câu thơ hay và giàu sức gợi lấp lánh niềm tin, lạc quan, sự sẻ chia mà những người lính dành cho nhau.

⇒ Những con người “một thời và mãi mãi”

3. 3 câu cuối: Vẻ đẹp của đồng điệu tâm hồn

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo

- “Đêm nay” gợi thời gian chiến đấu, giáp mặt với kẻ thù đã là muôn vàn khó khăn, bây giờ lại giáp mặt với chúng trong cảnh đêm rừng. Bên nổi khó khó, các anh phải đối mặt với nguy hiểm rập rình.
- “Rừng hoang sương muối” gợi không gian lạnh lẽo thấu xương, không gian hoang vu của chốn núi thẳm rừng sâu của nơi ma thiêng nước độc của chốn hùm beo, thú dữ rập rình.
⇒ Câu thơ đầu giản dị như một lời kể nhưng đã dựng lên cả một hoàn cảnh chiến đấu vô cùng gian khổ, khó khăn để nhà thơ lấy đó làm điểm tựa cho vẻ đẹp của người lính tỏa sáng.

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

- Trãi ra cả bài thơ là hình ảnh “anh - tôi” có khi đứng trong một câu thơ, có khi tách ra làm hai dòng nhưng đến đây không còn “anh” cũng chẳng còn “tôi” mà “tôi” với “anh” đã hòa làm một. Không có bất kì đại từ xưng hô nào, tình đồng chí đồng đội trở nên gắn bó keo sơn trong chiến đấu.
- Họ lặng lẽ “đứng cạnh bên nhau” giữa đêm giá rét như để truyền cho nhau hơi ấm, sức mạnh đoàn kết để vượt qua gian khó. Từ “chờ” đã nói rõ cái tư thế, tinh thần chủ động sẵn sàng bình thản đánh giặc của họ. Cái chủ động trong dáng đứng. trong cái nhìn và cả trong tâm hồn.
- Hình ảnh người lính “đứng cạnh bên nhau” làm mờ đi cái gian khổ ác liệt tạo nên tư thế thành đồng vách sắt trước quân thù. Rõ ràng khi những người lính đứng cạnh²⁸⁶ bên nhau vững trải, truyền cho nhau hơi ấm thì tình đồng chí đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm để họ có sức mạnh vượt qua cái gian khổ, khốc liệt, giá rét ấy... Tầm vóc người chiến sĩ bỗng trở nên lớn lao anh hùng.
- Hai câu thơ đối nhau rất chính: Đối lập giữa khung cảnh lạnh lẽo buốt giá với tình cảm ấm nồng của người lính và đồng đội. Người lính đứng sừng sững trên nền cảnh thiên nhiên của rừng già như những nét khắc, nét tạc vào không gian. Người lính trở thành hình tượng trung tâm của bức tranh núi rừng. Câu thơ đã tạo dựng một bức tượng đài về anh bộ đội cụ Hồ hiên ngang và dũng cảm. Lời thơ ca ngợi sức mạnh đồng đội giúp người lính vượt lên trên gian khổ khó khăn khắc nghiệt của thời tiết

sưởi ấm lòng anh giữa rừng hoang mùa đông và sương muối buốt giá

- Và trong đêm phục kích chờ giặc ấy, người lính phát hiện vẻ đẹp bất ngờ của vầng trăng: “*Đầu súng trăng treo*”
- Đây là hình ảnh thực mà Chính Hữu cùng đồng đội nhận ra trong những đêm hành quân phục kích giặc như nhà thơ đã từng tâm sự: Đêm khuya, những người lính trong tư thế chờ giặc, họ hướng mũi súng về phía trước, trong giây phút ấy trăng trên vòm trời đã sà xuống thấp dần, ở vào một vị trí và tầm nhìn nào đó, vầng trăng như treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ
- Bốn chữ “Đầu súng trăng treo” chia làm hai vế làm nhịp thơ đột ngột thay đổi (2/2), dồn nén, như nhịp lắc của một cái gì đó chông chênh gây sự chú ý cho người đọc. Từ “treo” kết hợp với nghệ thuật đảo ngữ đã nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối liền hai sự vật vốn ở cách xa nhau – mặt đất và bầu trời, gợi những liên tưởng thú vị, bất ngờ.
- Hình ảnh thơ còn mang ý nghĩa biểu tượng gợi nhiều liên tưởng phong phú, “Súng” là biểu tượng của chiến tranh khói lửa, biểu tượng cho tinh thần quyết chiến bảo vệ hoà bình, còn “trăng” là biểu tượng cho cái đẹp, cho niềm vui lạc quan, cho sự bình yên của cuộc sống. Súng thuộc về người chiến sĩ, trăng thuộc về tâm hồn nghệ sĩ. Sự hoà hợp giữa súng và trăng làm toát lên vẻ đẹp tâm hồn người lính tổng lạc quan. Súng và trăng tưởng như trái ngược và tương phản nhưng lại hoà hợp với nhau kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn, chất chiến sĩ và thi sĩ trong tâm hồn người lính. Súng và trăng là “một cặp đồng chí tô đậm vẻ đẹp của những cặp đồng chí đang “đứng cạnh bên nhau. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy²⁸⁷ cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và chiến thắng. Họ tham gia chiến đấu là bảo vệ hoà bình, bảo vệ vầng trăng.
- Bình: Chỉ một khoảnh khắc thưởng thức ánh trăng thôi nhưng ta có thể thấy tâm hồn lãng mạn của những anh lính. Khi bước vào đời lính, có lẽ đây chính là những giây phút thanh bình làm cho tâm hồn người chiến sĩ dịu bớt đi những lo lắng đời thường, cho họ thêm sức mạnh để chiến đấu, chiến thắng kẻ thù, ước mơ về một ngày độc lập. Có thể nói câu thơ như nhãn tự của cả bài thơ, là biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.
- Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” ta đã bắt gặp nhiều trong thơ ca: “*Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan*” (Tố Hữu), “*Heo hút cồn mây súng ngửi trời*” (Quang

Dũng). Nhưng liên tưởng của tác giả vẫn khiến người đọc không khỏi bất ngờ, thú vị. Hình ảnh thơ là một sáng tạo thi ca mang vẻ đẹp lãng mạn của thơ ca kháng chiến được Chính Hữu đặt tên cho tập thơ đầu tay của mình. Hình ảnh này giúp người đọc hiểu được tâm hồn cao cả lấp lánh ánh lạc quan của cuộc đời người lính. Các anh xứng đáng là những con Người đẹp nhất trong cuộc kháng chiến trường trường kì.

⇒ Đoạn thơ kết thúc bài thơ là một bức tranh đẹp về tình đồng chí của người lính tráng lệ mộc mạc giản dị nhưng rất cao cả, thiêng liêng.

IV. Đánh giá tổng hợp

- Nghệ thuật Thể thơ tự do, giọng thơ thủ thỉ tâm tình kết hợp giữa tự sự, biểu cảm. hình ảnh thơ chân thực, giản dị, mộc mạc, ngôn ngữ thơ cô đọng, lần số, kết cấu bài thơ sáng tạo sử dụng nhiều hình ảnh sóng đôi,
- Nội dung: Ca ngợi vẻ đẹp của tình đồng chí giữa những người lính từng tham gia chiến đấu từng trải qua thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, trở thành một trong những trái tay đã sắc về hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ. Có thể nói chính cuộc kháng chiến chống Pháp, đã khiến cho tình đồng chí, đồng đội được tôi luyện và củng cố thêm vững chắc Tình đồng chí mãi là tình cảm thiêng liêng, là sự kết tinh của tình người, tình tre, tình tri kỷ.
- Nếu không phải là một người lính từng tham gia chiến đấu từng trải qua những gian khổ của cuộc kháng chiến thì có lẽ Chính Hữu sẽ không thể viết về tính cá đồng chí chân thực và cảm động đến vậy. Đặt tác phẩm trong hoàn cảnh ra đời và tình hình văn học hồi ấy ta càng thấy giá trị của nó. Trong những năm đầu của cuộc kháng²⁸⁸ chiến chống pháp, phần lớn các tác giả khi viết về người lính cách mạng thường chỉ khai thác cảm hứng lãng mạn anh hùng với những hình ảnh mang dáng dấp anh hùng trượng phu như Đèo cả - Hữu Loan, Tây Tiến - Quang Dũng, hay ngay bản thân Chính Hữu vào đầu năm 1947 cho ra tác phẩm mang tên “Ngày về” với những câu thơ mang đậm chất lãng mạn.
- “Đồng chí” của Chính Hữu đã góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của người lính, mở ra khuynh hướng khai thác viết về quần chúng kháng chiến, cảm hứng thơ hướng về chất thực của cuộc sống, khai thác chất thơ vẻ đẹp của người lính trong cái bình dị chân thật, đời thường. Có lẽ chính vì vậy mà bài thơ đã đi vào lòng bạn đọc một cách tự nhiên và đã được phổ nhạc thành bài hát “Tình đồng chí đã làm đắm say biết

bao thế hệ người nghe.

- Bài thơ gọi trong người đọc sự khâm phục, trân trọng và xúc động trước những tình cảm cao đẹp của người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp, giúp ta hiểu sâu sắc về cuộc sống kháng chiến đầy gian khổ của quân đội ta, biết ơn công lao của các thế hệ cha anh đi trước đã chiến đấu bền bỉ, gian khổ đem lại độc lập tự do cho dân tộc.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Phân tích bảy câu đầu bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.
2. Nêu ý nghĩa nhan đề của bài thơ “Đồng chí” - Chính Hữu.
3. Có ý kiến cho rằng: “Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu là một bức tranh tráng lệ, cao cả, thiêng liêng về người chiến sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp”. Em hãy phân tích bài thơ để làm sáng tỏ ý kiến trên.
4. Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để thấy bài thơ diễn tả sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.
5. “Trong muôn vàn nốt nhạc của tình cảm con người, phải chăng tình đồng chí là cung bậc tình cảm đẹp nhất, lý tưởng nhất?”. Em hãy phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để trả lời cho câu hỏi trên.
6. Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu là một bài thơ trữ tình tha thiết. Hãy cho biết ý kiến của em về bài thơ.
7. Cảm nhận hình tượng người lính trong khổ cuối bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.
8. “Thơ là thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp” (Sóng Hồng). Qua bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.
9. Cảm nhận của em về hình ảnh trăng trong những câu thơ sau

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo

(“Đồng chí” của Chính Hữu)

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giết mình

(“Ánh trăng” của Nguyễn Duy)

10. Vẻ đẹp bình dị, tự nhiên mà sâu sắc của bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.

11. Cảm nhận sức mạnh đoàn kết của tình đồng chí giữa những người nông dân mặc áo lính trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu. Từ đó nêu suy nghĩ của em về sức mạnh đoàn kết của thế hệ trẻ ngày nay. **12.** Phân tích hai đoạn thơ sau:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo

(“Đồng chí” của Chính Hữu)

Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới

Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến

Duật)

Từ đó, chỉ ra điểm gặp gỡ trong cách thể hiện hình tượng người lính của hai nhà thơ.

13.“...Nền tảng của bất kỳ tác phẩm nào phải là chân lý được khắc họa bằng tất cả tài nghệ của nhà văn. Cần phải hát đúng giai điệu về thời đại mình và phải miêu tả nó một cách trung thực bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo” (Ra-xun Gam-da-tốp)

290

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để làm sáng tỏ ý kiến ấy.

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Phạm Tiến Duật (1941) quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;
- Ông hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn và trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.
- Với quan niệm “chủ yếu tìm cái đẹp từ trong những diễn biến sôi động của cuộc sống”, Phạm Tiến Duật đưa tất cả những chất liệu hiện thực của đời sống chiến trường vào trong thơ. Cách tiếp cận hiện thực ấy đã đem lại cho thơ Phạm Tiến Duật một giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, hóm hỉnh, tinh nghịch mà sâu sắc.
- Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh thế hệ trẻ qua các hình tượng người lính và cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

2. Tác phẩm

- a) Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác năm 1969, thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra rất ác liệt trên con đường chiến lược Trường Sơn.
- b) Xuất xứ: Nằm trong chùm thơ của Phạm Tiến Duật được tặng giải Nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ 1969 – 1970. Chùm thơ khẳng định giọng thơ riêng của ông. Sau này được đưa vào tập thơ “Vàng trăng quầng lửa” (1970).
- c) Nội dung: Bài thơ đã sáng tạo một hình ảnh độc đáo – những chiếc xe không kính, qua đó làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, sôi nổi.

B. Luyện đề

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của người lính lái xe trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận
- II. Giới thiệu chung về tác phẩm (A)
- III. Vẻ đẹp người lính

1. Vẻ đẹp của phong thái ung dung, tư thế hiên ngang (Khổ 1)

- Xưa nay, những hình ảnh xe cộ, tàu thuyền nếu đưa vào thơ thì thường được “mĩ lệ hóa”, “lãng mạn hoá” chứ không được miêu tả cụ thể, thực tế đến trần trụi như cách tả của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Trong “Truyện Kiều”, Nguyễn Du từng viết: ²⁹²

Đùng đùng gió giục mây vần

Một xe trong cỏi hồng trần như bay

(Chiếc xe đưa Kiều ra đi với Mã Giám Sinh)

Tê Hanh trong bài “Quê hương” tả con thuyền rất lãng mạn:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang

Chính Phạm Tiến Duật trong bài thơ “Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây”:

Anh lên xe, trời đổ cơn mưa

Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ

- Với bút pháp hiện thực như bút pháp miêu tả anh bộ đội cụ Hồ thời chống Pháp của Chính Hữu trong bài Đồng chí, Phạm Tiến Duật đã ghi nhận, giải thích về những chiếc xe không kính thật đơn giản, tự nhiên:

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng.

- Câu thơ đầu như một lời phân bua của người lính lái xe. Câu thơ 10 chữ có tới 3 chữ “không” kết hợp với nhịp thơ 3/3/4 tạo nên một chất giọng hệt như lời tranh luận đậm chất khẩu ngữ với giọng điệu pha chút thản nhiên ngang tàng đã diễn tả chân thực hình ảnh những chiếc xe vận tải trên tuyến đường Trường Sơn. Để lý giải cho hiện tượng những chiếc xe không kính, tác giả đưa ra hình ảnh: “Bom giạt bom kính vỡ đi rồi”
- Vậy hoá ra là xe có kính, chỉ tại bom mà thành xe không có kính. Câu thơ với việc sử dụng những động từ mạnh “giạt, rung, vỡ” kết hợp điệp từ “bom” không chỉ lí giải nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của những chiếc xe không kính mà còn phản ánh sự khốc liệt của chiến tranh, gợi lên khung cảnh chiến trường: bom đạn dữ dội, những con đường gập ghềnh hố bom, những đoàn xe không kính vẫn cứ anh hùng tiến thẳng ra chiến trường. Nói đến hiện thực của bom đạn mà sao giọng điệu của người lính lái xe lại có thể bình thản đến vậy.
- Không tô vẽ, không cường điệu mà tả thực, nhưng chính cái thực đã làm người²⁹³ đọc suy nghĩ, hình dung mức độ ác liệt của chiến tranh, bom đạn giặc Mỹ. Mục đích miêu tả những chiếc xe không kính nhằm ca ngợi những chiến sĩ lái xe - con người của trẻ trung, của tư thế ung dung, coi thường gian khổ với lòng hy sinh cao cả.
⇒ Như vậy, hai câu đầu là lời giải thích vừa bất ngờ, vừa hợp lý, giản dị, dễ hiểu. Ngôn ngữ thơ rất gần với văn xuôi, giọng thơ ngắt ngừng, ngang tàng rất lính. Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn không hiếm trong chiến tranh nhưng phải là người có hồn thơ nhạy cảm với nét ngang tàng, tinh nghịch, thích cái lạ thì Phạm Tiến Duật mới nhận ra được và đưa nó trở thành hình tượng độc đáo.
- Tuy nhiên cái nhìn của Phạm Tiến Duật không nghiêng về phía miêu tả hiện thực khốc liệt của chiến tranh mà chủ yếu thể hiện vẻ đẹp của những con người mang trong mình dòng máu của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, dũng cảm, can trường, giàu lòng lạc quan thiết tha, yêu đời, yêu tổ quốc trong hoàn cảnh chiến đấu gian khổ ác liệt. Cái ác liệt của chiến tranh chỉ là phông nền làm nổi bật bức chân dung người lính. Bởi thế ngay sau hình ảnh những chiếc xe không kính, tác giả tập trung bút lực của mình khắc hoạ chất thơ của vẻ đẹp tâm hồn người lính:

*Ung dung buông lái ta ngồi
Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng.*

- Sự tài tình của nhà thơ là đặt từ “ung dung” lên đầu câu. Từ láy “ung dung” cùng nghệ thuật đảo ngữ không chỉ thể hiện tư thế hiên ngang, bình tĩnh, tinh thần bất chấp hiểm nguy gian khổ mà còn thể hiện được sự tự tin, kiêu hãnh của những con người rất đỗi tự hào về sứ mệnh vẻ vang của mình.
- Đảo ngữ, điệp từ “nhìn”, hình ảnh không gian “đất, trời, thẳng” tô đậm phong thái ung dung, tư thế hiên ngang. Cái nhìn tập trung cao độ, vừa khoáng đạt (phóng khoáng) của người lính trên đường ra trận bởi các anh phải nhìn đất để tránh hố tử thần, nhìn trời để tránh “Thần sấm con ma” – những loài điều quỷ hắc ám bầu trời Tổ quốc, nhìn thẳng để tiến ra tiền tuyến, để khỏi lạc lối lầm đường.
- Câu thơ ngắt thành 3 nhịp 2/2/2 chắc nịch giống nhịp thăng bằng của chiếc xe đang lao nhanh về phía trước đồng thời gọi ra tâm trạng phơi phới tự tin của người lính.
⇒ Đánh giá: Khổ thơ đầu với những câu thơ chứa nhiều khởi ngữ, giọng thơ ngang tàng, thản nhiên, kết hợp điệp từ như điểm nhấn cho câu chữ, tác giả không chỉ gọi về những chiếc xe không kính mà còn gọi ra tư thế bình tĩnh hiên ngang²⁹⁴, đường hoàng, ung dung của người lính. Khó khăn thiếu thốn của phương tiện, cái ác liệt nơi chiến trường như bị đẩy lùi không còn là trở ngại với người lính.

2. Vẻ đẹp của tâm hồn trẻ trung, lãng mạn (Khổ 2)

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái*

- Bốn câu thơ với nhịp thơ 2/2/2 nhịp nhàng đều đặn khiến cho người đọc liên tưởng đến nhịp bánh xe lăn đều trên đường ra trận. Tất cả những sự vật, hình ảnh, cảm xúc mà các chiến sĩ lái xe trực tiếp nhìn thấy, cảm nhận đã biểu hiện một thái độ bình tĩnh thản nhiên trước nguy hiểm của chiến tranh, vì có ung dung thì mới thấy đầy đủ như thế. Sau những điệp từ “nhìn thấy, nhìn” là những hình ảnh liệt kê hết sức chân thực cụ thể diễn tả tâm nhìn cũng như nhấn mạnh những cảm giác ấn tượng dồn dập liên tiếp của các anh khi ngồi trên những chiếc xe không kính. Vì xe không có kính bảo vệ nên bao nguy hiểm đến với các anh nào là gió phả làm cho cay mắt, rát mặt, nào là cảm giác rợn ngợp như con đường lao thẳng vào trái tim

mình, rồi đất đá, cành cây hay những cánh chim lạc bất cứ lúc nào cũng có thể quăng, ném, va đập vào trong buồng lái gây thương tích cho người lính lái xe.

- Thông thường viết về những gian) những hiểm nguy trong chiến tranh nếu không khéo người ta sẽ dễ bị sa vào những vần thơ lụy àm mất tình thần chiến đấu, nhưng Phạm Tiến Duật lại khác. Thực tế gió thổi làm mất người chiến sĩ bị cay, hứng bao nhiêu khó bụi của chiến tranh nhưng nhờ động từ “xoa” mà ta có cảm giác mất người chiến sĩ bớt bị đắng, bị cay. Động từ rất nhẹ “xoa” khiến cho hiện thực nặng nề bỗng nhẹ tênh, bao gian khổ hy sinh bỗng biến tan trong khoảnh khắc. Song không chỉ vậy, các anh còn thấy:

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

- Đọc câu thơ ta tưởng như mình đang ngồi trên buồng lái cảm nhận rõ những ấn tượng, cảm giác của người lính lái xe. Câu thơ xuất phát từ tình huống thật khi người lính cho xe đi trên đoạn đường dốc. Con đường như chạy lại về phía xe đang lao nhanh. Vượt lên ý nghĩa tả thực, hình ảnh thơ còn mang ý nghĩa biểu tượng gọi nhiều chiều liên tưởng sâu xa. Con đường Trường Sơn hay là con đường Cách²⁹⁵ mạng, con đường giải phóng miền Nam mà các anh theo đuổi và luôn thao thức trong tim? Bước lên xe, người lính bỏ lại tất cả phía sau tầm mắt, giờ chỉ còn lại con đường phía trước, trong trái tim các anh chỉ có nhiệm vụ thiêng liêng mà Tổ quốc giao phó. Cái “thấy” đây vừa là cảm nhận bằng mắt thường vừa được cảm nhận bằng lòng yêu nước, bằng ý chí chiến đấu, và bằng sứ mệnh của người chiến sĩ. Ngồi trên xe, các anh còn “Thấy sao trời và đột ngột cánh chim/ Như sa như ùa vào buồng lái”.
- Nhà thơ diễn tả chính xác cảm giác mạnh và đột ngột của người ngồi trong buồng lái. Hình ảnh thơ rất thực mà cũng đầy thi vị. Từ láy “đột ngột” được sử dụng rất ấn tượng. Cảm giác đột ngột là cảm giác thường trực của người lính khi ngồi trên xe không kính. Cái bất ngờ ấy có thể là nguy hiểm rập rình bất cứ lúc nào, cái bất ngờ ấy còn là những điều hết sức thi vị mà chiếc xe không kính đem lại.
- Nghệ thuật so sánh “cánh chim” và “sao trời” “như sa như ùa vào buồng lái” đã làm nổi bật lên không gian bao la, khoáng đạt, thơ mộng, rất đối bình yên – cái khoảnh khắc hiếm hoi giữa những ngày mưa bom bão đạn. Phạm Tiến Duật cho ta hiểu bom đạn, kẻ thù không thể tận diệt được cái đẹp vĩnh hằng của thiên nhiên. Chỉ có điều, chỉ có những ai có tâm hồn lãng mạn mới nhận ra được vẻ đẹp đó.

Người lính lái xe như biến thành lữ khách du ngoạn bình thản ung dung trên hành trình khám phá núi rừng Trường Sơn:

Xe ta bon bon trên chặng đường

Kìa làng quê ta băng qua núi đèo đồi nương

Xe ta băng qua chiến trường

⇒ Cách viết của nhà thơ đã tô đậm, làm đẹp hơn vẻ đẹp tinh thần của người lính lái xe lạc quan, yêu đời, lãng mạn.

- Liên hệ: Người chiến sĩ lái xe đã khám phá ra vẻ đẹp của thiên nhiên và chính trong khung cảnh thiên nhiên đẹp kì lạ đó tầm vóc của các anh được nâng bổng hoàn thiện hơn. Có thể dễ dàng nhận thấy nhà thơ Phạm Tiến Duật và Chính Hữu có điểm gặp gỡ nhau: họ đều phát hiện ra vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn của người chiến sĩ. Trong hoàn cảnh chiến đấu gian khổ ác liệt, tâm hồn các anh vẫn lãng mạn đầy chất thơ. Các anh không chỉ biết cảm sùng với tinh thần hiên ngang, dũng cảm, kiên cường mà các anh còn là những con người lạc quan yêu đời, gần gũi với thiên nhiên rất lãng mạn, thơ mộng.

⇒ Như vậy, hai khổ đầu với những hình ảnh thơ vừa chân thực vừa lãng mạn cùng các nghệ thuật điệp từ, liệt kê, so sánh, tác giả đã diễn tả thành công cảm giác của người lính về những khó khăn gian khổ mà họ gặp phải trên đường khi lái những chiếc xe không kính, qua đó ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn lấp lánh ánh lạc quan yêu đời và khí thế sôi đầy nhiệt huyết của những người lính thời kì chống Mỹ. Đoạn thơ cũng cho ta thấy hướng khai thác hiện thực chiến tranh của tác giả. Rõ ràng chiến tranh là khốc liệt nguy hiểm nhưng qua cái nhìn trẻ trung, lạc quan, Phạm Tiến Duật muốn thể hiện chất thơ của hiện thực ấy. Hiện thực là phong nền làm nổi bật sự dũng cảm, niềm lạc quan, tâm hồn trẻ trung yêu đời của những người lính vừa rời ghế nhà trường. Chính tinh thần ấy tạo nên sức mạnh chiến thắng, và làm nên vẻ đẹp cho thơ.

3. Vẻ đẹp tinh thần lạc quan trước khó khăn gian khổ (Khổ 3+4)

- a. Nghệ thuật điệp cấu trúc ở C_{1+3} mỗi khổ làm tô đậm gian khổ của người lính Trường Sơn, nối tiếp mùa khô với mùa mưa, giọng thơ thản nhiên coi gian khổ khó khăn là lẽ thường đời lính, làm hiện lên tư thế hiên ngang, khẩu khí ngang tàng, ngạo nghễ trước khó khăn.
- b. Khổ 3

- “Bụi”, động từ “phun”, kết hợp cùng nghệ thuật so sánh không chỉ diễn tả tốc độ bay nhanh và nhiều bụi, tả thực mái tóc nhuộm bị đường khiến người lính thêm vẻ phong sương, rầu rĩ, cách nói trẻ trung mà còn gợi ra tốc độ lao nhanh của chiếc xe, Đâu còn một Trường Sơn trong cảm hứng bay bổng như trong thơ Tố Hữu “Trường Sơn mây núi lô xô/ Quân đi sóng lượn nhấp nhô bụi hồng” mà là Trường Sơn hiện thực - một trong những tuyến đường ác liệt nhất, nguy hiểm nhất những năm tháng chống Mỹ.
- Cử chỉ “phì phèo châm điều thuốc” vừa diễn tả thái độ ung dung bình thản vừa thể hiện sự ngang tàng của người lính lái xe. Đi cùng cử chỉ rất lính ấy là “nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”, “ha ha” – tiếng cười là sứ giả của lạc quan (liên hệ: miệng cười buốt giá), từ láy tượng thanh gợi vẻ hồn nhiên, vô tư, sáng khoái, âm mở khiến tiếng cười vang xa trong không gian, vang vọng trong lòng, vang mãi trong thơ.
- Liên hệ: Cũng là miêu tả tiếng cười, Chính Hữu viết về anh bộ đội cụ Hồ trong²⁹⁷ kháng chiến chống Pháp đã chú ý đến hình ảnh “*miệng cười buốt giá*”, còn Lê Minh Khuê - một nhà văn nữ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ đã diễn tả miêu tả nụ cười của các cô thanh niên xung phong “Cười thì hàm răng loá lên, khuôn mặt nhem nhuốc”. Ta nhận ra ở các tác giả trên đều có chung một cái nhìn, một cảm hứng đó là phát hiện ra tinh thần lạc quan, yêu đời của người lính trong những hoàn cảnh gian nan thử thách hiểm nguy. Đúng là càng khó khăn thử thách, người lính càng có cơ hội để thể hiện bản lĩnh kiên cường, tinh thần dũng cảm của mình. Họ chính là những người anh hùng đóng góp bao mồ hôi xương máu cho tổ quốc.

c. Khổ 4

- Điệp từ “mưa”, động từ mạnh “tuôn, xối”, nghệ thuật so sánh “như ngoài trời” đậm tô cái dữ dội của những trận mưa đại ngàn Trường Sơn – những trận “mưa bạc trắng cả cây rừng” (Bằng Việt). Những cơn mưa hết đợt này đến đợt khác liên tiếp khiến người lính ngồi trong ca bin mà như đang ở ngoài trời vậy. Không chỉ ướt áo mà còn bao khó khăn nữa khi lái xe dưới trời mưa. Mưa xối vào mặt, tấp vào mắt khiến đôi mắt mờ đi cay xè, thế mà tay lái vẫn vững vàng, tâm thế vẫn phải ung dung. Câu thơ một lần nữa nhấn mạnh những khó khăn gian khổ mà người lính phải đối mặt khi ngồi trên những chiếc xe không kính. Gian khổ là thế vậy mà vượt lên tất cả vẫn là thái độ thản nhiên chấp nhận mọi khó khăn thử thách của người

lính:

Chưa cần thay lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi

- Câu thơ làm ngời sáng lên một tinh thần, một ý chí trách nhiệm cao cả. Những cơn mưa rừng, những bộ quần áo ướt... tất cả đã không thể làm người lính sờn lòng, nhụt chí. Số từ "trăm" gợi ra cả một quãng đường dài ng lính lái xe trong điều kiện khắc nghiệt ấy. Lời thơ thản nhiên nhưng lại khiến cho người đọc xúc động. Ta nhận ra lòng yêu nước, sự nhiệt tình của tuổi trẻ được đo bằng những cung đường cụ thể trăm cây số nữa". Từ câu nói bình dị của người lính, ta thấy sáng lên tinh thần khấn trương trên con đường ra trận.
- Thanh điệu: 6 trên 7 chữ thanh bằng, động từ nhẹ ngừng, lùa, khô", âm điệu thơ nhẹ nhõm, giọng thơ nhẹ nhàng, hiện thực nặng nề bỗng hóa nhẹ tênh khiến lời thơ²⁹⁸ như lời tự nhủ của người chiến sĩ lái xe. Người lính tự nhủ với lòng mình để củng cố ý chí, nghị lực vượt qua khó khăn, gian khổ. Câu thơ giống như lời động viên nhau của người lính, âm áp nghĩa tình. Câu thơ góp phần tô đậm vẻ đẹp lạc quan, cảm giác nhẹ nhõm ung dung thanh thản, sự hóm hỉnh trong người lính.

⇒ Đó là chứng tích của cái nhìn lạc quan khỏe khoắn của những người lính lái xe.

4. Vẻ đẹp của tình đồng chí đồng đội (Khổ 5+6)

4.1. Khổ 5

Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã vào đây họp thành tiểu đội

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới

Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi.

- Khổ thơ như là sự lí giải về việc hình thành tiểu đội xe không kính. Những chiếc xe đã băng qua chặng đường Trường Sơn đầy mưa bom bão đạn, nơi mà sự sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc, giờ đây trở về quây quần bên nhau tụ họp thành "tiểu đội xe không kính trong nghĩa tình đồng đội. Thì ra những chiếc xe không kính không phải là hiện tượng cá biệt mà người lái nó rất phổ biến và người ta dễ dàng bắt gặp trên con đường Trường Sơn "Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới". "Dọc đường đi tới" hay chính là con đường ra phía trước, đường tới chiến trường, con đường ấy còn rất nhiều gian khổ, ở đó, người lính gặp nhau trở thành bạn bè. Lời thơ của Phạm Tiến Duật gợi ta nhớ đến những vần thơ của Chính Hữu:

*Những buổi vui sao
Cả nước lên đường
Xao xuyên bờ tre
Những hồi trống giục*

- ⇒ Những lời thơ mộc mạc ấy gọi không khí ra trận của một thời, một thế hệ, một dân tộc đang hùng hực sức sôi lên đường cứu nước.
- Câu thơ cuối đoạn “Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi” là một hình ảnh thơ hết sức độc đáo.
 - “bắt tay” là hình ảnh thực: cái nắm tay đồng đội
 - “Cửa kính vỡ”: hình ảnh thực về chiến tranh, sức tàn phá của bom đạn
- ⇒ Câu thơ ghi lại một cách chân thực vì xe không kính nên trên những chặng ²⁹⁹ đường xuôi ngược chiến tranh, xe đổ sát xe, người lính có thể ngồi trong buồng lái mà chiêm cho nhau điều thuốc, mà bắt tay nhau qua ô cửa vỡ rồi. Câu thơ còn gợi sự hóm hỉnh, trẻ trung, gợi tình đồng chí đồng đội trở thành sức mạnh giúp người lính vượt khỏi gian khổ, thử thách. Bom đạn kẻ thù có thể tàn phá những giá trị vật chất nhưng không thể hủy diệt được những giá trị tinh thần.

4.2. Khổ 6

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi lại đi trời thêm xanh.*

- Phạm Tiến Duật đã đưa vào trong thơ những chi tiết rất thực của đời sống chiến tranh để dựng lên khung cảnh đã chiến. Trong số rất nhiều những chi tiết của hiện thực gian khổ ông đã chọn hình ảnh “Bếp hoàng cầm” hẳn là có dụng ý. Lúc đầu câu thơ Vồn là “Bếp lửa rừng ta dựng giữa trời”, về sau đổi cụm từ “Bếp lửa rừng” thành “bếp Hoàng Cầm”. Nói đến “Bếp Hoàng Cầm”, ta nghĩ ngay đến sản phẩm sáng tạo của anh hùng nuôi quân tên là Hoàng Cầm, loại bếp đã chiến khi đun khói tin vào lòng đất tránh được cặp mắt điều hâu cú vọ của kẻ thù.
- Phải chăng bếp lửa là một tín hiệu vui gợi sự ấm áp quây quần. Bên bếp lửa ấy, những người lính đến “từ trong bom rơi” đã chia sẻ với nhau bữa cơm đã chiến. Trong bữa cơm vội vàng, những người lính xa lạ bỗng chốc trở thành thành ruột thịt của nhau trong không khí gia đình ấm cúng khi họ cùng chung bát đũa, chung

bữa cơm.

⇒ Có thể nói hai câu thơ là một định nghĩa hết sức giản dị về gia đình. Khái niệm ấy được đo bằng sự trải nghiệm của những lần vào sinh ra tử, của biết bao lần cận kề cái chết. Chính tình cảm này đã giúp cho người lính lái xe thêm chắc tay lái vì miền Nam thân yêu.

- Sau những giờ phút nghỉ ngơi, người lính lái xe lại lên đường:

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi lại đi trời thêm xanh.

- Dù trong hoàn cảnh nào, những anh lính cụ Hồ vẫn mơ mộng, lạc quan, vẫn sáng lên vẻ đẹp tình đồng chí đồng đội thấm thiết. 300
- Câu thơ tái hiện một cách tinh tế gian khổ mà những người lính lái xe Trường Sơn phải trải qua. Đó là cuộc sống gian khổ, phải ăn, phải ngủ những giấc ngủ ngắn ngày trên xe giữa những làn mưa bom của giặc đang ngày đêm trút xuống nhằm huỷ diệt sự sống.
- “Chông chênh” là một từ láy giàu giá trị gợi tả, gợi cảm. Từ “chông chênh” gợi tả tư thế không thăng bằng, không chắc chắn, không vững chãi. Chông chênh gợi nhịp võng lắc trên chiếc xe gợi đến con đường Trường Sơn gập ghềnh khó khăn, nguy hiểm, giúp ta hình dung về những giây phút nghỉ ngơi không bình yên của người lính lái xe khi họ thay nhau làm nhiệm vụ. Đây là một nét vẽ hiện thực mà Phạm Tiến Duật tái hiện lại cuộc đời gian khổ của người lính lái xe Trường Sơn. Trong hoàn cảnh chiến đấu hết sức gian khổ, họ phải ăn, phải ngủ những giấc ngủ ngắn trên xe hoặc trên dọc đường đi giữa làn mưa bom của kẻ thù nhằm huỷ diệt sự sống.
- Song từ “chông chênh” còn gợi tả phong thái hiên ngang của người lính. Bom đạn của kẻ thù tưởng như có thể dùng sức mạnh để huỷ diệt sự sống con người nhưng không! Hình ảnh những chiếc võng mắc “chông chênh” trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa ấy đã chứng minh điều ngược lại sự sống không chỉ tồn tại mà còn tồn tại trong một tư thế kiêu hãnh, hiên ngang, tư thế của người chiến thắng.
- Nhưng vượt lên trên tất cả, họ luôn có tư thế tiến về phía trước:

Lại đi lại đi trời thêm xanh

- Câu thơ như tiếng hát nâng bước chân người ra trận. Điệp từ “lại đi” cùng nhịp thơ nhanh phớt phớt lãng mạn (2/2/3) tái hiện vòng bánh xe lăn tiến lên phía trước,

rộng hơn là đoàn xe vận tải lao nhanh ra mặt trận bỏ lại đằng sau tất cả đạn bom u ám để đến với bầu trời xanh phía trước. Hình ảnh ẩn dụ trời xanh thêm kết thúc đoạn thơ như vẽ ra một tương lai tươi sáng với cuộc sống thanh bình đang chờ đón người lính. Với hình ảnh này, ta thấy được niềm lạc quan, niềm tin bất diệt của người lính vào chiến thắng. Phải chăng đó là sức mạnh lớn lao để đoàn xe lăn bánh tới đích?

5. Vẻ đẹp lí tưởng chiến đấu vì miền Nam (khổ cuối)

Không có kính rồi xe không có đèn... ..

Chỉ cần trong xe có một trái tim

- Khổ thơ có kết cấu đối lập bất ngờ sâu sắc giữa hai câu đầu và hai câu cuối: Nếu³⁰¹ hai câu đầu tác giả sử dụng kết cấu câu phủ định để làm nổi bật hình ảnh những chiếc xe méo mó, biến dạng thì hai câu sau tác giả sử dụng kết cấu phủ định nhấn mạnh ý chí quyết tâm của những chiến sĩ lái xe vượt lên trên bom đạn thử thách. Vậy là trải qua mưa bom bão đạn, những chiếc xe ban đầu đã không có kính, bị bom Mỹ làm cho biến dạng đến trần bụi:

Không có kính rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước

- Với biện pháp liệt kê, điệp ngữ “không có” được nhắc lại 3 lần, 2 câu thơ nhấn mạnh sự thiếu thốn đến biến dạng của những chiếc xe: Không những không có kính mà xe còn không có đèn không có mui xe và thùng xe thì bị xước.
- Đằng sau sự biến dạng ấy của đoàn xe là sự khốc liệt của chiến tranh, mức độ ác liệt của chiến trường. Hai câu thơ như lời kể lời phân bua của người lính, mỗi dòng thơ ngắt nhịp 4/4 như những chặng đường gập ghềnh, khúc khuỷu đầy chông gai, bom đạn... Nhưng điều kỳ lạ là không có gì có thể cản trở được sự chuyển động kỳ diệu của những chiếc xe trợ trụ ấy, chúng như những chiến sĩ kiên cường vượt lên trên bom đạn, hăm hở lao băng ra chiến trường với một tình cảm thiêng liêng:

Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim

- Hai câu thơ đã khắc đậm hình ảnh đẹp đẽ của người chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn với tinh thần dũng cảm, ý chí quyết tâm chiến đấu giải phóng miền Nam. Đoàn xe dù đã bị bom đạn chiến tranh phá hủy nặng nề, mất đi cả những hệ số an toàn, tưởng như không thể lăn bánh nhưng vẫn chạy trong bom rơi đạn lửa

bờ phía trước là miền Nam đang vẫy gọi. Nghệ thuật nhân hóa “chạy vì miền Nam khiến cho những chiếc xe trở nên có hồn, đoàn xe đã chiến thắng, dũng cảm vượt lên bom đạn, hăm hở tiến ra phía trước, hướng ra tiền tuyến lớn với một tình cảm thiêng liêng vì Miền Nam”, vì cuộc chiến đấu giành độc lập thống nhất đất nước đang vẫy gọi. Câu thơ ca ngợi chiếc xe cũng là ca ngợi những ng lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn huyền thoại. Họ đã sống và chiến đấu cho 1 lý tưởng cao đẹp: giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước.

- “Miền Nam” là chiến trường, là tiền tuyến; là một nửa nước thương yêu đang chìm trong máu lửa; là đồng bào ruột thịt, chung dòng máu lạc hồng Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lý ấy không bao giờ thay đổi” (Hồ Chí Minh).
- Sức mạnh làm nên điều kì diệu ấy của đoàn xe đã được tác giả lí giải bất ngờ: “*Chỉ cần trong xe có một trái tim*”
- Tác giả đặt dấu hai chấm trước khi chuyển sang dòng thơ cuối. Câu thơ như lời lý giải cho những ý thơ ở những câu trước, kết tinh ý tình cả bài nâng cao và khắc sâu hơn ý nghĩa bài thơ. Mọi thứ của xe có thể không còn nguyên vẹn, chỉ cần vẹn nguyên trái tim người lính trái tim vì miền Nam - thì xe vẫn chạy, “tất cả cho tiền tuyến”.
- Đối lập với tất cả những cái “không có” ở trên là một cái “có”. Đó là trái tim - sức mạnh của người lính. Sức mạnh con người đã chiến thắng bom đạn kẻ thù. Trái tim ấy thay thế cho tất cả những thiếu thốn không kính, không đèn, không mũ”, hợp nhất với người chiến sĩ lái xe thành một cơ thể sống không gì tàn phá, ngăn trở được. Xe chạy bằng tim, bằng xương máu của người chiến sĩ. Những chiếc xe càng thêm độc đáo vì đó là những chiếc xe trái tim cầm lái.
- Hình ảnh trái tim kết thúc bài thơ là hình ảnh hoán dụ độc đáo gợi ra biết bao ý nghĩa: Trái tim trước hết là những người lính lái xe, chính họ đã làm nên điều kỳ diệu, phi thường trên, sâu sắc hơn, rung động hơn trái tim ấy còn là biểu tượng cho phẩm chất và tâm hồn tuyệt đẹp của người lính: sự kiên cường dũng cảm, là lòng yêu nước, căm thù giặc, là ý chí chiến đấu, khát vọng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, là ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ trước vận mệnh của dân tộc. Trái tim mang tinh thần lạc quan và một niềm tin mãnh liệt vào ngày thống nhất Bắc Nam.

- Ấn sâu ý nghĩa trái tim cảm lái, câu thơ còn muốn hướng người đọc về một chân lý của thời đại chúng ta: sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là vũ khí, là công cụ tối tân hiện đại... mà là con người – con người mang trái tim nồng nàn yêu thương, ý chí kiên cường dũng cảm, niềm lạc quan và một niềm tin vững chắc. Đến đây ta có thể hiểu vì sao một dân tộc nhỏ bé như Việt Nam lại có thể chiến thắng liên tiếp 2 đế quốc hùng mạnh như vậy. Như Tố Hữu đã từng ca ngợi:

*Thiếu tất cả, ta rất giàu dũng khí
Sống chẳng cúi đầu, chết vẫn ung dung
Giặc muốn ta nô lệ, ta lại hóa anh hùng
Sức nhân nghĩa mạnh hơn cường bạo*

303

- ⇒ Có thể nói hay nhất là câu thơ cuối cùng này. Nó là nhãn tự, là con mắt của bài thơ, bật sáng chủ đề, tỏa sáng vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trong thơ. Trái tim người lính tỏa sáng rực rỡ mãi đến muôn thế hệ mai sau khiến ta không quên một thế hệ thanh niên thời kỳ chống Mỹ oanh liệt của dân tộc.

IV. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật

- Thể thơ kết hợp linh hoạt giữa thể 7 chữ với thể 8 chữ, có chỗ 6 hay 10 chữ tạo cho bài thơ một điệu thơ gần với lời nói tự nhiên, sinh động, góp phần tạo nên chất thơ mới, giọng điệu mới của thơ ca chống Mỹ.
- Ngôn ngữ và giọng điệu bài thơ là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Phạm Tiến Duật, góp phần khắc họa hình ảnh người chiến sĩ lái xe: giọng điệu bài thơ ngang tàng có cả chất tinh nghịch phù hợp với đối tượng miêu tả - những chàng trai lái xe trên những chiếc xe không kính.
- Sáng tạo hình ảnh thơ độc đáo: những chiếc xe không kính, qua đó làm nổi bật hình tượng trung tâm của bài thơ.
- Ngôn ngữ bài thơ giản dị, ngôn ngữ chất sống, đời sống chiến trường, vừa làm giàu thêm chất điệu thơ ca vừa thể hiện chân thực hình ảnh người lính lái xe. Lời thơ gần với lời văn xuôi, lời đối thoại, lời nói thường nhưng vẫn giàu chất thơ. Chất thơ toát lên từ những hình ảnh độc đáo, từ vẻ hiên ngang, sôi nổi, trẻ trung của người lính, từ những ấn tượng cảm giác cụ thể của họ khi ngồi trên những chiếc xe không kính.

2. Nội dung: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật đã khắc họa một

hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính. Qua đó, tác giả khắc hoạ nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.

3. Mở rộng, nâng cao

- Các anh chính là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, một thế hệ: “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai*”³⁰⁴.
- Bài thơ cho ta thấy một biểu tượng đẹp về người lính Trường Sơn, từ đó giúp ta hiểu hơn về thời kỳ lịch sử gian khổ nhưng hào hùng của dân tộc, hiểu hơn về nhà thơ Phạm Tiến Duật. Ông cũng là một người lính từng trực tiếp tham gia chiến đấu trên tuyến đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại, có lẽ vì vậy mà tiếng nói của nhà thơ về mình và về đồng đội mình hết sức chân thực và sống động.
- Cùng với những tác phẩm “Khoảng trời hố bom” của Lâm Thị Mỹ Dạ, “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê, ... bài thơ đã nối dài những khúc ca về người lính trong cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.
- Cùng với một số bài thơ khác của tác giả: Trường sơn đông, Trường Sơn tây, Lửa đèn, Gửi em cô thanh niên xung phong thì “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” góp phần khẳng định Phạm Tiến Duật là một gương mặt xuất sắc nhất thời kì chống Mỹ.
- Bài thơ gợi trong người đọc sự khâm phục, trân trọng và xúc động trước những tình cảm cao đẹp của người lính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt, giúp ta hiểu sâu sắc về cuộc sống kháng chiến đầy gian khổ của quân đội ta, biết ơn công lao của các thế hệ cha anh đi trước đã chiến đấu bền bỉ, gian khổ đem lại độc lập tự do cho dân tộc.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Phân tích tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.
2. Cảm nhận của em về vẻ đẹp của người lính lái xe trong khổ thơ cuối của “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” - Phạm Tiến Duật.
3. Cảm nhận của em về hình tượng người chiến sĩ trong hai bài thơ: “Đồng chí” của Chính Hữu và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.
4. Tôi có thể đánh đổi những bài thơ lạnh lẽo dù có những triết lý cao siêu, uyên bác để

lấy một bài thơ có hơi ấm của cuộc đời này” (Phạm Tiến Duật, “Người của một thời, thơ của muôn đời...”)
Quan niệm trên của nhà thơ Phạm Tiến Duật thể hiện như thế nào qua “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.

5. Vẽ đẹp hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước qua hai khổ đầu bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.

305

6. Chất thơ – chất lính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.

7. Phân tích “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật để thấy được nét đặc sắc về ngôn ngữ và giọng điệu.

8. Phân tích “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Từ đó em hãy phát biểu suy nghĩ của mình về sự kế thừa của tuổi trẻ hôm nay với tuổi trẻ cha anh.

9. Cảm nhận của em về vẻ đẹp của người lính lái xe qua ba khổ thơ cuối bài thơ, từ đó liên hệ với lí tưởng sống của tuổi trẻ trong thời đại ngày nay.

10. Chiến trường nào cũng nhiều gian khổ, thử thách, trận chiến nào cũng có những mất mát, hy sinh. Nhưng những người chiến sĩ của dân tộc Việt Nam chưa bao giờ lùi bước và đã làm nên chiến thắng kì diệu. Đây là cội nguồn sức mạnh của họ? Câu trả lời có thể tìm được trong nhiều văn thơ kháng chiến.

Hãy trình bày cảm nhận của em về bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật để thấy được vẻ đẹp tâm hồn của những người chiến sĩ trong kháng chiến - cội nguồn làm nên sức mạnh chiến đấu và chiến thắng kì diệu.

11. Trong văn bản "Tiếng nói của văn nghệ", Nguyễn Đình Thi viết: *"Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Những nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình gộp vào đời sống chung quanh"*. Qua "Bài thơ về tiểu đội xe không kính", em hãy làm sáng tỏ "điều mới mẻ", "lời nhắn nhủ" mà nhà thơ Phạm Tiến Duật muốn đem "gộp vào đời sống".

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Huy Cận (1919 – 2005) tên khai sinh là Cù Huy Cận, sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo gốc nông dân, quê ở làng Ân Phú huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh).
- Huy Cận là một trong những nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ mới. Hồn thơ Huy Cận được hình thành và vun đắp bởi truyền thống văn hóa của gia đình, của quê hương. Huy Cận có năng lực cảm nhận cuộc sống đặc biệt và tinh tế, từ những mùi vị dân dã của đất đai đồng ruộng đến lời ru của gió, nhịp thở của biển để rồi nói lên linh hồn của cảnh sắc thiên nhiên bằng giai điệu trong trẻo, rung động lòng người.
- Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Huy Cận đã có những bài thơ đăng báo từ năm 1936 và cho in tập thơ Lửa thiêng năm 1940, trở thành một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của phong trào Thơ mới lúc bấy giờ. Bao trùm Lửa thiêng là một nỗi buồn da diết khôn nguôi. Thiên nhiên bao la nhưng hiu quạnh, đẹp nhưng buồn. Đó là những nỗi buồn về cuộc đời, về kiếp người, về quê hương đất nước.
- Từ sau Cách mạng tháng Tám, tiếng thơ trở nên đậm thắm, sâu nặng nghĩa tình, cảnh sắc thiên nhiên trở nên ấm áp, tươi vui hơn nhiều. Thiên nhiên, quê hương, đất nước là cảm hứng bất tận trong thơ của Huy Cận. Hồn thơ của ông luôn vận động giữa nhiều đối cực: vũ trụ - cuộc đời, sự sống - cái chết, nỗi buồn - niềm vui, hiện thực - lãng mạn. Tuy am hiểu nhiều nền văn minh, văn hóa khác nhau trên thế giới nhưng hồn thơ của ông luôn đậm đà bản sắc dân tộc với những hình ảnh thơ hết sức gần gũi quen thuộc, giọng thơ du dương dễ đi vào lòng người với bút pháp gợi nhiều hơn tả như ngấm sâu vào tâm hồn độc giả.

2. Tác phẩm

- a. Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1958 là kết quả của chuyến Huy Cận đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh, khi miền Bắc giải phóng được bốn năm bắt tay vào xây dựng cuộc sống

mới, chế độ xã hội mới.

b. Xuất xứ: “Trời mỗi ngày lại sáng”

c. Chủ đề: Qua hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá, Huy Cận ngợi ca vẻ đẹp của người lao động mới cũng như vẻ giàu đẹp của biển cả quê hương. 307

d. Mở rộng

- Bài Đoàn thuyền đánh cá là sự kết hợp hai cảm hứng của tác giả : cảm hứng lãng mạn tràn đầy niềm vui hào hứng về cuộc sống mới trong thời kỳ miền Bắc bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và cảm hứng thiên nhiên, vũ trụ vốn là một nét nổi bật của hồn thơ Huy Cận. Sự gặp gỡ, phối hợp của hai cảm hứng đó đã tạo ra những hình ảnh rộng lớn, tráng lệ lung linh như những bức tranh sơn mài của bài thơ này.
- Bài thơ là một khúc ca - một trang khúc về lao động và về thiên nhiên đất nước giàu đẹp. Khúc ca ấy vừa phơi phới, hào hứng vừa khoẻ khoắn, mạnh mẽ, kết hợp cả âm thanh, nhịp điệu và những động tác nhịp nhàng của con người với sự vận động, tuần hoàn của thiên nhiên, vũ trụ.

B. Luyện đề

Vẻ đẹp của người lao động trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận

II. Giới thiệu chung về tác phẩm (A)

III. Về đẹp

1. Hai khổ đầu: Vẻ đẹp người lao động hiện lên qua ảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi (Khổ 1+2)

1.1. Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi được tác giả vẽ lên giữa nền không gian và thời gian cụ thể:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

- Chi tiết “mặt trời xuống biển” là cách nói rất lạ có thể gây thắc mắc cho người đọc bởi vì ở vùng biển miền Bắc nước ta chỉ thấy cảnh mặt trời trên biển chứ không thấy cảnh mặt trời xuống biển. Phải chăng nhà thơ Huy Cận đã đặt điểm nhìn của mình vào điểm nhìn của người dân chài trên con đường ra khơi để có thể quan sát

tới phía tây bên bờ.

- Hình ảnh so sánh mặt trời với hòn lửa giúp chúng ta hình dung rõ đường nét, hình khối của mặt trời khi hoàng hôn buông xuống đồng thời gợi cảnh tượng lấp lánh, lung linh muôn màu sắc khung cảnh tráng lệ, rực rỡ, huy hoàng của hoàng hôn trên biển. Hình ảnh so sánh còn gợi cho người đọc cảm giác ấm áp không cô đơn, buồn bã như ta thường gặp trong thơ ca cổ khi viết về hoàng hôn.
- Nghệ thuật nhân hóa mặt trời cũng như một con người đang đi xuống biển nghĩa là mặt trời đang đi vào trạng thái nghỉ ngơi sau một ngày làm việc vất vả khiến cho mặt trời hiện lên thật sinh động, gần gũi, thân thiết với con người. Tại sao mặt trời xuống biển chứ không phải xuống núi? Có sự nhầm lẫn ở đây chăng? Bởi vì ở vùng biển miền Bắc nước ta chỉ thấy cảnh mặt trời trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời xuống biển. Phải chăng nhà thơ Huy Cận đã đặt điểm nhìn của mình vào điểm nhìn của người dân chài trên con đường ra khơi để có thể quan sát tới phía tây của bên bờ.
- Mặt trời đỏ rực ấy đi vào lòng đại dương tạo cho biển đêm một nguồn ánh sáng ấm áp. Và lúc này “Sóng đã cài then đêm sập cửa”.
- Hình ảnh thơ cho ta liên tưởng cả vũ trụ hiện lên như một ngôi nhà, màn đêm như một tấm cửa, sóng như những chiếc then cài vào màn đêm. Dường như thiên nhiên vũ trụ đang đi vào trạng thái nghỉ ngơi, thư giãn. Đêm sập cửa gọi ra màn đêm buông xuống rất nhanh, chỉ trong thoáng chốc, trong khoảnh khắc ngôi nhà biển đêm ấy đã ngừng hoạt động đi vào trạng thái nghỉ ngơi, cảnh màn đêm buông xuống đầy huyền bí, đầy thử thách đối với con người.
- Mở rộng: Từ xưa đến nay, hình ảnh hoàng hôn luôn là nguồn cảm hứng của thi ca, rất nhiều nhà thơ đã viết về hoàng hôn. Nhà thơ Thôi Hiệu - một lữ khách xa quê trong buổi chiều hoàng hôn lại thấm đẫm nỗi buồn nhớ về quê hương:

Quê hương khuất bóng hoàng hôn

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai

Còn nhà thơ Thâm Tâm trong bài “Tống biệt hành” lại thấm đẫm nỗi buồn man mác, một sự chia ly của chàng trai Hà Nội ra đi vì tổ quốc, làm xúc động lòng người trong buổi chiều hoàng hôn:

Đưa người ta không đưa qua sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng

Bóng chiều không thắm không vàng vọt

Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong

Có thể thấy, chiều hoàng hôn trong thơ xưa cũng như thơ mới thường đượm một nỗi buồn³⁰⁹ man mác, gợi sự chia lìa, gợi nỗi nhớ quê hương xứ sở của những người lữ khách xa quê.

- Nhưng hoàng hôn trong thơ Huy Cận lại hiện lên hoàn toàn khác, với những hình ảnh thật đẹp, mới lạ: cảnh chiều hoàng hôn đẹp, tráng lệ, rực rỡ, vô cùng ấm áp, đồng thời gợi sự huyền bí của thiên nhiên, vũ trụ từ đó gợi ra tâm trạng háo hức say mê khám phá.
- Màn đêm mở ra đã khép lại không gian của một ngày. Giữa lúc vũ trụ, đất trời như chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi thì ngược lại, con người bắt đầu hoạt động:

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

- Ra khơi không phải là một con thuyền mà là cả một đoàn thuyền. Hình ảnh “đoàn thuyền” đặt ở đầu câu gợi lên số lượng cả một đoàn thuyền nối tiếp nhau ra khơi. Đây còn là hình ảnh hoán dụ chỉ tập thể những người dân chài đang bước vào một ngày lao động mới mang theo sức mạnh của cả một tập thể tiến vào biển cả.
- Từ “lại” được tác giả sử dụng rất khéo léo. Không phải là lần đầu tiên đoàn thuyền ra khơi mà sự ra đi của đoàn thuyền đã trở thành thường xuyên, thành nếp quen thuộc. Từ “lại” kết hợp từ “đã” ở câu thơ trên cho ta thấy hoạt động ngược chiều giữa thiên nhiên và con người.
- Vậy là khi thiên nhiên vũ trụ đi vào trạng thái nghỉ ngơi thì lại cũng là lúc con người bắt tay vào buổi lao động mới. Công việc đánh cá trên biển vốn rất khó khăn vất vả nhưng chính lối viết của tác giả cho ta cảm nhận họ ra khơi đánh cá mà như đang trở về ngôi nhà của mình, hết sức gần gũi, thân thiết, có lẽ vì vậy mà họ ra khơi trong tâm trạng vui tươi, phấn khởi, câu hát lao động của họ vang lên làm căng cả cánh buồm

Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

- Trong câu thơ thứ 2, chữ “căng, cùng” nối liền ba sự vật hiện tượng vốn khác xa nhau “câu hát, cánh buồm, gió khơi” tạo nên một trường liên tưởng độc đáo: người ngư dân cất cao tiếng hát, tiếng hát vang khỏe của họ như hòa vào với gió khơi làm căng cánh buồm đẩy con thuyền ra khơi. Hình ảnh ẩn dụ cùng bút pháp khoa trương đã thể hiện niềm vui, phấn khởi, lạc quan, yêu đời của người dân chài với tư

thể làm chủ thiên nhiên, đất trời. Câu thơ giúp ta có quyền hy vọng về một mẻ lưới trĩu nặng.

⇒ Đánh giá: Khổ thơ mở đầu tiêu biểu cho phong cách thơ Huy Cận. Cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ hòa quyện với cảm hứng về cuộc sống mới, con người mới những năm đầu miền bắc đi lên chủ nghĩa xã hội tạo nên những hình ảnh thơ vừa kì vĩ, vừa tráng lệ. Đoạn thơ tái hiện cảnh đoàn thuyền ra khơi với khí thế phấn chấn hứng khởi say mê dự báo về một chuyến ra khơi gặt hái nhiều thành quả. Đoạn thơ cho ta thấy trí tưởng tượng phong phú, tình yêu thiên nhiên đất nước, yêu cuộc sống mới của nhà thơ.

1.2. Khổ 2: Khổ thơ là khúc hát ngợi ca biển đẹp, ân tình và giàu có

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng

Cá thu biển Đông như đoàn thoi

Đêm ngày dẹt biển muôn luồng sáng

Đến dẹt lưới ta đoàn cá ơi!

- Nghệ thuật liệt kê các loài cá “cá bạc, cá thu” giúp Huy Cận ca ngợi sự giàu có của biển khơi. Cá bạc là loại cá cỡ nhỏ, thân bầu dục dài, dẹt hai bên, còn gọi là cá mắm mỡ sống gần bờ tại độ sâu 30 - 60m. Có lẽ vì thế mà nhà thơ nhắc đến nó trước tiên và loài cá ấy làm mặt biển lặng chắng. Khác với cá bạc, cá thu là loại cá nổi điển hình của đại dương. Hàng năm chúng di cư vào gần bờ hàng đàn lớn để đẻ và vỗ béo. Chúng đi rào rào sát mặt nước như đoàn thoi, làm sóng biển chứa lân tinh nổi lên muôn luồng sáng. Hình ảnh so sánh liên tưởng cá thu với đoàn thoi - dẹt biển muôn luồng sáng đã gợi nên vẻ đẹp của cá thu.
- Sử dụng những từ ngữ độc đáo qua từ “dẹt, đoàn thoi, luồng sáng” gợi cho chúng ta những liên tưởng thú vị biển đêm như một tấm lưới được dẹt nên bởi màu sắc của các loài cá: ánh sáng trắng của đoàn cá bạc hòa quyện với đàn cá thu rẽ nước tỏa sáng lung linh
- ⇒ Liên tưởng phong phú, lãng mạn: khung cảnh với biển đêm là hình ảnh thơ độc đáo, ấn tượng, là kết quả của quan sát thực tế và hồn thơ bay bổng của tác giả.
- Kết thúc đoạn thơ là lời gọi “cá ơi” thân thiết, trìu mến thể hiện sự gắn bó mật thiết giữa con người và biển cả, họ cất tiếng hát không chỉ đem lại niềm vui trong lao động mà còn để gọi cá vào lưới. Điều này khiến cho công việc đánh cá trên biển đêm trở nên nhẹ nhàng.

- Nhịp thơ 2/2/3 với nhạc điệu thiết tha sâu lắng cùng trí tưởng tượng, cách sử dụng từ ngữ độc đáo, đoạn thơ không chỉ thể hiện sự giàu có của biển cả, gần gũi giữa con người và biển cả còn là chuyển ra khơi thuận lợi.
- ⇒ Như vậy, hai khổ thơ với yếu tố tả thực cùng một loạt các biện pháp tu từ, ngôn ngữ chọn lọc, tác giả đã khắc họa thành công cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi, tâm trạng say mê, háo hức, tràn đầy lạc quan. Từ đó còn thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu lao động, trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của con người lao động, vẻ đẹp của biển cả của Huy Cận.

2. Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển đêm

a. Cảnh thả lưới được tác giả khắc họa qua những hình ảnh thơ đầy lãng mạn:

❖ Khổ 3

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng*

- Những câu thơ là kết quả của trí tưởng tượng phong phú bay bổng và cảm hứng dào dạt của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên vũ trụ và tư thế làm chủ của người lao động trên vùng biển quê hương.
- Hai chữ “thuyền ta” vang lên đầy tự hào thể hiện niềm vui sướng kiêu hãnh, tư thế sẵn sàng của người ngư dân khi bắt tay vào công việc, khi làm chủ công việc của chính mình sau những năm tháng dài đất nước chìm trong nô lệ.
- Với bút pháp lãng mạn kết hợp với hình ảnh ẩn dụ “buồm trăng, lái gió” độc đáo mới lạ qua trí tưởng tượng phong phú. Câu thơ đầu tiên giúp chúng ta hình dung đoàn thuyền ra khơi vào một đêm có trăng soi gió thổi nên người lao động hình dung gió là cánh lái, trăng là cánh buồm; con thuyền đánh cá hóa thành thuyền gió trăng thơ mộng, thuyền của thi ca nghệ thuật, người lao động bỗng thành thi sĩ.
- “Lướt” là động từ gợi dáng trôi nhanh điệu lướt nhẹ của con thuyền trên mặt biển vì nó vướng vào ngọn gió trời, vì con người biết chung tay góp sức; gợi cảnh lao động nhẹ nhàng không còn mảy may đắng cay, mồ hôi, muối mặn.
- Hình ảnh “mây cao, biển bằng” gợi không gian bao la, khoáng đạt, cái cao vời của mây, vời vợi của mặt bể; con thuyền trở thành trung tâm vũ trụ, hình ảnh con người làm chủ thiên nhiên.

⇒ Hai câu thơ cho ta cảm nhận hình ảnh đoàn thuyền không hề nhỏ nhoi trước biển cả mênh mông mà kì vĩ, lung linh huyền ảo, hòa nhập với không gian rộng lớn của thiên nhiên vũ trụ. Công việc lao động đánh cá hài hòa với nhịp sống của thiên nhiên, đất trời. Lời thơ mở ra một không gian rộng lớn với cái cao của trời, cái sâu của nước, cái rộng dài của biển. Trong không gian ấy, hình ảnh con thuyền trở nên kì vĩ, đi giữa biển khơi mà như đang lướt giữa chốn tiên cảnh.

- Trên nền biển đêm, hình ảnh người lao động hiện lên với tư thế làm chủ:

Ra đàu dậm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng

- Với 1 loạt động từ “dàn, đan, vây, giăng” cùng nhịp thơ nhanh, dồn dập, đoạn thơ giúp chúng ta hình dung công việc đánh cá của người dân chài như trận đánh thực sự, người ngư dân bỗng chốc biến thành những chiến sĩ trên mặt trận sản xuất đang chinh phục thiên nhiên với vũ khí là lưới, thuyền là phương tiện, biển là mặt trận. Đặc biệt với các từ “đàu, dò”, câu thơ biến đoàn thuyền đánh cá giống như một đoàn thám hiểm đang đi dò tìm khai phá tài nguyên quý giá.
- Tầm vóc con người và đoàn thuyền được nâng lên hòa cùng vũ trụ khiến cho ta cảm giác con người hiện lên không còn nhỏ nhoi, bé nhỏ, cô đơn giữa thiên nhiên rộng lớn bao la như trong thơ Huy Cận trước cách mạng nữa mà con người hòa cùng thiên nhiên trong tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc sống. Hình ảnh người dân chài đẹp, hiên ngang. Hình ảnh thơ thật lãng mạn bay bổng và tâm hồn con người cũng thật vui vẻ, phơi phới. Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên.

❖ Khổ 4: Ca ngợi sự giàu đẹp của biển cả

- Nếu khổ thơ trên gợi ra tư thế làm chủ thiên nhiên, vũ trụ của con người thì khổ tiếp theo là lời ngợi ca sự giàu đẹp của biển cả:

Cá nhụ, cá chim cùng cá đé

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng

Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe

Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long

- Với nghệ thuật liệt kê, hai câu thơ đầu tác giả đã kể tên rất nhiều loài cá góp phần làm nên sự giàu có của quê hương với những loài cá rất nổi tiếng được liệt vào hàng: chim – thu – nhụ - đé. Ấn sâu đó là niềm tự hào, yêu mến của tác giả về biển

cả quê hương.

- Ấn tượng nhất trong đoạn thơ có lẽ là hình ảnh những con cá song: “*Cá song lấp lánh đuốc đen hồng Cái đuôi em quẫy trắng vào chóa*”
 - Những câu thơ tràn ngập ánh sáng. Những tính từ “vàng chóa, lấp lánh, đen hồng” khiến cho biển cả về đêm hiện lên với vẻ đẹp lộng lẫy kì vĩ như một bức tranh sơn mài. Cảnh biển thật sự biến thành đêm hội của các loài cá.
 - Cá song là loài cá sống gần bờ, thân hình dày và dài, có nhiều vạch dọc thân hoặc điểm những chấm tròn màu đen hồng. Màu sắc cá thường rực rỡ. Có lẽ từ vẻ đẹp ngoại hình ấy mà tác giả có So sánh liên tưởng thật thú vị “lấp lánh đuốc đen hồng”. Một liên tưởng thật đẹp và đầy sức sống, hư ảo trên cơ sở quan sát tinh tế của nhà thơ. Cá song đang bơi dưới mặt biển tràn ngập ánh trăng khiến tác giả liên tưởng như những ngọn đuốc lấp lánh giữa biển đêm.
 - Từ láy “lấp lánh” đặt giữa câu thơ tạo độ sáng lung linh hư ảo. Hình như cá song đã thu hết ánh sáng bàng bạc của ánh trăng của nước tạo nên cái lấp lánh ấy. Câu thơ giúp chúng ta hình dung vẻ đẹp mềm mại của con cá song đồng thời hình dung khung cảnh đẹp, rực rỡ của biển Hạ Long lúc về đêm.
 - Không chỉ quan sát thấy vẻ đẹp rực rỡ của các loài cá, nhà thơ còn cất tiếng gọi cá trêu mếu: “*Cá đuôi em quẫy trắng vàng chóa*”.
 - Nhà thơ đã gọi cá là “em”, cách nói nhân hóa khiến cho lời thơ thêm sâu lắng trữ tình. Cách gọi ngọt ngào tình tứ giống như chàng ngư phủ gọi nàng tiên cá trong vũ hội đêm trăng. Câu thơ thể hiện mối quan hệ thân thiết gắn bó giữa con người với thiên nhiên cho ta thấy được bao nhiêu yêu thương trêu mếu, trân trọng của tác giả với thiên nhiên biển cả quê hương.
- ⇒ Như vậy, dưới ngòi bút của tác giả biển trời Hạ Long hiện lên đầy màu sắc và lộng lẫy. Đặc biệt là câu thơ cuối “đêm thở sao lùa nước Hạ Long” là sự cảm nhận rất tinh của một tâm hồn họa sĩ và tâm hồn thi sĩ.
- Trước biển về đêm, nhà thơ nghe rõ từng nhịp thở của đêm. Nhà thơ đã thổi hồn vào thiên nhiên qua nghệ thuật nhân hóa “đêm thở, sao lùa” độc đáo cùng dấu hai chấm khiến câu thơ trở thành câu định nghĩa: Hạ Long không chỉ có trăng mà cả sao in mặt nước, mỗi khi gió lùa sóng thì sóng lùa sao. Nghe những âm thanh ấy rồi lại nhìn thấy những gợn sóng nhấp nhô khiến biển như một bộ ngực khổng lồ làm người lao động tưởng là tiếng đêm đang thở. Vũ trụ vô tri bỗng xôn xao một linh

hồn, một sự sống. Đó là chứng tích của một tâm hồn trẻ trung, một tình yêu thiết tha với biển cả của người lao động mới.

- Điều thú vị là tạo nên nhịp thở phập phồng ấy cho biển đêm là hình ảnh “sao lùa nước Hạ Long”. Câu thơ xuất phát từ hình ảnh thực: ánh sao in xuống mặt biển dập dềnh theo những con sóng thủy triều lên xuống khiến nhà thơ có cảm giác như sao đang lùa nước. Đây là một hình ảnh lạ - một sáng tạo nghệ thuật của Huy Cận khiến cho cảnh thiên nhiên thêm sinh động. Với nghệ thuật nhân hóa này tác giả đã kéo gần hơn mối quan hệ gắn bó giữa các sự vật hiện tượng vốn cách xa nhau “sao, màn đêm, sóng biển”.

⇒ Đánh giá: Khổ thơ tiêu biểu cho hồn thơ Huy Cận sau Cách mạng tháng Tám: sự kết hợp giữa cảm hứng thiên nhiên vũ trụ với cảm hứng về cuộc sống mới, con người mới. Bút pháp lãng mạn cùng những hình ảnh so sánh, nhân hóa, ẩn dụ... tạo nên vẻ đẹp kì ảo. Toàn khổ thơ cho thấy cảnh biển hiện lên lung linh huyền ảo, sống động. Biển không chỉ giàu đẹp mà còn gần gũi gắn bó thân thiết với con người. Ẩn sau lời thơ là một tâm hồn lãng mạn thơ mộng của Huy Cận với tình yêu thiên nhiên, yêu biển cả. Nếu bài thơ là một khúc tráng ca ngợi ca lao động sự giàu có của biển cả quê hương thì khổ thơ chính là một lời ca rất đẹp trong khúc ca ấy.

- b. Cảnh gọi cá vào lưới (Khổ 5): Biển không những giàu đẹp mà còn rất ân nghĩa thủy chung, bao la như lòng mẹ. Biển cho con người cá, nuôi lớn con người.

Những người dân chài đã hát bài ca gọi cá vào với họ:

*Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào*

- Đại từ “ta” vang lên đầy tự hào mở đầu đoạn thơ, “ta” – là người dân chài hay cũng chính là tác giả đang hòa mình cùng ngư dân để cất cao tiếng hát: tiếng hát như phá tan không khí yên tĩnh của biển đêm, phá tan khó nhọc, tiếp thêm sức mạnh cho con người biển công việc đánh cá khó nhọc thành bài ca lao động thể hiện niềm³¹⁵ vui.
- Cảnh đánh cá rất đặc biệt: Có tiếng hát con người, có nhịp gõ thuyền của trăng “Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao”. Không phải con người có thuyền để xua cá vào lưới

mà là “trăng cao gó”. Trong đêm trăng sáng, vầng trăng in xuống mặt nước, sóng xô bóng trăng dưới nước gõ vào mạn thuyền khiến tác giả liên tưởng trăng đang gõ nhịp vào mạn thuyền.

⇒ Có thể nói đây là hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ làm đẹp thêm công việc lao động đánh cá trên biển. Thiên nhiên đã cùng với con người hòa đồng trong lao động.

- Hòa trong khúc tráng ca lao động ca ngợi công việc lao động đánh cá trên biển đêm còn là những giai điệu chứa chan ân tình, ân nghĩa biển:

Biển cho ta cá như lòng mẹ

Nuôi lớn đời ta tự buổi nào

- Biển cả vốn là hiện tượng thiên nhiên vô cùng dữ dội nhưng nhờ nghệ thuật so sánh “biển như lòng mẹ” và nghệ thuật nhân hóa qua từ “nuôi”, biển trở nên hiền dịu, hào phóng, bao dung như lòng người mẹ cung cấp, nuôi lớn con người cả về thể xác và tâm hồn.
- Nghệ thuật so sánh không chỉ thể hiện mối quan hệ thân thiết giữa con người với biển cả mà còn gợi đến sự gắn bó thiêng liêng máu thịt của ngư dân với biển cả như tấm lòng của người con đối với bà mẹ của riêng mình.
- Ẩn sau 2 câu thơ là tấm lòng biết ơn sâu nặng của tất cả dân chài lưới trên biển Đông với biển cả đồng thời đó là niềm tin yêu mãnh liệt với quê hương.
- Mở rộng: Chúng ta đều biết công việc đánh cá là một công việc vô cùng nặng nhọc, vất vả nhưng trong lời thơ của Huy Cận ta lại thấy một niềm vui, niềm hạnh phúc, một sự gắn bó máu thịt của người ngư dân với biển. Nhà thơ Tế Hanh cũng đã từng sống ở làng chài ven biển, khi xa làng quê nghèo khó, từ biệt những chuyến ra khơi đầy sóng gió gian khổ vẫn nặng lòng với biển cả quê hương:

Nay xa cách, lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá

316

c. Cảnh kéo lưới: Khổ 6:

- Thời gian về sáng mỗi lúc một gần hơn, hòa cùng nhịp điệu của vũ trụ, công việc đánh cá mỗi lúc 1 khẩn trương hối hả hơn:

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng

- Câu thơ với nhịp thơ 2/2/3 gợi nhịp lao động khẩn trương chạy đua với thời gian của con người: ánh sao trên trời đang mờ dần, màn đêm nhường chỗ cho nắng mới ban mai. Đó cũng là lúc con người đang hoàn thành nốt những hoạt động cuối cùng trong công việc lao động.
- Và trong hoàn cảnh ấy nổi bật lên hình ảnh “*ta kéo xoăn tay chùm cá nặng*”. Cụm từ “*kéo xoăn tay*” đã vẽ nên trước mắt người đọc người dân chài với cơ thể cường tráng gân guốc đang thực hiện công việc kéo lưới cách bền bỉ. Đường như sức dẻo dai của họ đang dồn lại ở đôi vai để thu lại thành quả lao động.
- Hình ảnh thơ gợi cho ta nghĩ đến hình ảnh những chàng trai làng chài khỏe mạnh, trong nỗi nhớ của nhà thơ Tế Hanh:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thân hình nông thõ vạ xa xăm

⇒ Có thể nói hai câu thơ đã tạo nên bức tượng đài về người dân chài thật đẹp và khỏe khoắn. Đó là những con người ăn sóng, nói gió quanh năm gắn bó với biển khơi.

- Câu thơ gây ấn tượng với người đọc bởi hình ảnh “chùm cá nặng” gợi thành quả lao động sau một đêm vất vả và một lần nữa nhấn mạnh sự giàu có của biển cả. Ấn sau những lời thơ ấy là niềm vui, là nét mặt hồ hởi của người dân chài.
- Có thể nói đó chính là phần thưởng của biển cả thiên nhiên dành cho người ngư dân, nhà thơ đã cảm nhận thật tinh tế khi theo chân họ ra biển. Cũng theo bước chân của người lao động, nhà thơ Hoàng Trung Thông lại ca ngợi những người lao động trên núi với sức mạnh:

Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm

Thành quả lao động của họ thể hiện rõ hơn trong hai câu thơ cuối:

Vẩy bạc, đuôi vàng loé rạng đông

Lưới xếp, buồm lên đón nắng hồng

- Câu thơ xuất phát từ hình ảnh thực: dưới ánh nắng ban mai của buổi sớm những con cá tươi ngon vừa được kéo lên từ biển, vẩy cá được ánh bình minh chiếu rọi lung linh nhiều màu sắc làm lóe sáng cả rạng đông trên biển. Câu thơ còn giúp ta liên tưởng đến một cuộc sống tươi đẹp, tương lai mới của người lao động. Câu thơ vẽ nên một bức tranh tươi sáng ấm áp bởi sự hòa quyện của màu sắc đó là màu bạc

của vẩy cá, màu vàng của rặng đông.

- Khổ thơ kết thúc bằng hình ảnh thơ diễn tả những động tác cuối cùng của người lao động khi thu dọn ngư cụ. Hình ảnh thơ tạo một sự nhịp nhàng giữa sự lao động của con người với sự vận hành của vũ trụ. Con người muốn chia sẻ niềm vui với ánh bình minh. Nhịp thơ đến đây thông thả hơn diễn ra tâm trạng sảng khoái, trạng thái thư thái, thanh thoi của người dân sau một đêm chinh phục biển cả.

⇒ Với cảm hứng lãng mạn về thiên nhiên, vũ trụ con người, trí tưởng tượng phong phú kết hợp với các biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, liệt kê, tác giả giúp ta cảm nhận vẻ đẹp bình dị của con người lao động như hòa vào vẻ đẹp rực rỡ tươi sáng của thiên nhiên. Cảnh đánh cá trên biển của con thuyền diễn ra thật đẹp với hình ảnh con người trong tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ biển cả.

Đoạn thơ là cả những lời trầm trồ ngợi ca về vùng biển quê hương của tác giả.

3. Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về: Đoàn thuyền đánh cá đã ra đi vào lúc hoàng hôn trong tiếng hát và trở về vào lúc bình minh cũng trong tiếng hát:

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

- Câu thơ mở đầu có sự lặp lại câu thơ ở khổ đầu bài thơ tạo một cảm giác tuần hoàn: câu hát căng buồm đưa thuyền ra khơi thì nay vẫn câu hát ấy căng buồm đưa thuyền trở về. Sự lặp lại khiến cả bài thơ vang lên như một khúc tráng ca ngợi ca công việc đánh cá và sự tươi đẹp của biển cả quê hương. Âm hưởng khúc ca ấy vang lên ngân dài suốt bài thơ. Đoàn thuyền ra khơi trong câu hát “*Câu hát căng buồm cùng gió khơi*”, đoàn thuyền đánh cá trên biển cũng trong khúc hát ấy “*Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng*”, “*Ta hát bài ca gọi cá vào*”. Câu hát hòa cùng công việc lao động vất vả, gian nan như tiếp thêm sức mạnh cho con người. Vì giờ đây trong giây phút trở về, khúc ca ấy vang lên “*căng buồm với gió khơi*”. Nhưng nếu tiếng hát ở khổ một là tiếng hát của niềm tin, hy vọng lạc quan khí thế ra khơi đầy phấn chấn thì giờ tiếng hát cất cao khỏe khoắn với niềm vui phơi phơi trước thành quả đạt được. Đó là khúc ca khải hoàn trong niềm vui chiến thắng.
- Tiếng hát một lần nữa cùng với gió khơi thổi căng cánh buồm đưa đoàn thuyền lướt đi băng băng trên mặt biển xanh. Nhịp thơ phơi phơi tạo cảm giác lâng lâng niềm

vui khôn tả. Có thể nói trong tiếng hát ấy ta không hề thấy sự mệt nhọc vất vả nào sau một đêm lao động cực nhọc trên biển mà chỉ thấy cảm giác xốn xang, sáng khoái.

- Và có lẽ chính trong tâm trạng ấy, ngư dân tưởng như “*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*”.
- Nghệ thuật nhân hóa trong câu thơ vừa diễn tả tốc độ lướt đi rất nhanh của con thuyền trên đường trở về đất liền vừa khắc họa được tầm vóc lớn lao sánh ngang thiên nhiên, mặt trời của đoàn thuyền, nhấn mạnh tư thế chủ động của con người trước thiên nhiên. Hình ảnh nhân hoá khiến cho con thuyền trở nên sinh động hơn, đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời để kịp về bến bắt đầu cho một ngày mới. Dường như cuộc đua này đã âm thầm diễn ra từ khi đoàn thuyền bắt đầu ra khơi và bây giờ đang là lúc nước rút. Câu thơ chính là vẻ đẹp hùng tráng được cất lên từ niềm vui say lao động, từ cảm hứng dạt dào của tác giả trước vẻ đẹp thiên nhiên vũ trụ và người lao động mới.
- Khổ thơ kết thúc với cảnh bình minh hùng vĩ, tráng lệ, nên thơ trên vùng biển Hạ Long:

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

- Có một sự đối lập giữa khổ đầu và khổ cuối. Nếu như khổ thơ thứ nhất là hình ảnh mặt trời xuống biển thì giờ đây là “mặt trời đội biển”, nếu khổ đầu là ánh hoàng hôn thì khổ thơ khép lại bài thơ lại là ánh bình minh cha hòa thể hiện nhịp vận động tuần hoàn của thiên nhiên đất trời. Sự lặp lại hình ảnh mặt trời không chỉ gắn kết nối liền mạch thơ mà còn tạo ra sự âm áp, nồng hậu, rực rỡ, huy hoàng. 319
- Cách nói nhân hóa “mặt trời đội biển” khắc họa vẻ đẹp kì vĩ tráng lệ của biển Đông. Mặt trời như một sinh thể sống động có hồn và gần gũi gần bó biết bao với con người. Sau một đêm ngủ dậy, mặt trời đội biển từ từ nhô lên. Ánh sáng của một ngày mới đang chan hòa khắp biển khơi, khắp đất trời. Tác giả gọi ánh sáng ấy là “màu mới” bởi đó là màu của ánh sáng ban mai rực rỡ tinh khôi. Màu mới ấy còn gợi nhiều liên tưởng độc đáo. Đó là màu của ngày mới, của bình minh, của cuộc sống tươi đẹp đang trỗi dậy trên quê hương là màu của nhịp sống mới tràn ngập niềm vui. Màu mới là lời chào đón ân cần, thấm thiết của thiên nhiên đối với con người. Câu thơ chứa đựng một cái nhìn khỏe khoắn, đầy lạc quan của tác giả về

cuộc sống mới đang diễn ra trên miền Bắc nước ta lúc bấy giờ.

- Bài thơ khép lại với hình ảnh: “*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi*”
- Câu thơ bắt nguồn từ thực tế những con cá vừa được đánh lên từ lòng biển vẫn còn tươi nguyên được ánh mặt trời chiếu rọi khiến nó trở nên lộng lẫy huy hoàng. Muôn ngàn mắt cá lấp lánh là muôn ngàn mặt trời nhỏ bé tỏa ánh sáng huy hoàng trải dài muôn dặm.
- Hình ảnh thơ còn mang ý nghĩa biểu tượng về cuộc sống ấm no, về tương lai xán lạn, một tương lai tươi sáng hứa hẹn nhiều điều tốt lành từ chính đôi bàn tay của người lao động. Ẩn sau những câu thơ, ta không chỉ cảm nhận được sự giàu có phong phú của biển cả mà còn cảm nhận được niềm vui của ngư dân khi được làm chủ vùng biển trời tổ quốc, niềm vui phấn chấn vui say của tác giả khi đoàn thuyền trở về với khoang thuyền đầy cá.

⇒ Đánh giá: Khổ thơ kết tiêu biểu cho phong cách thơ Huy Cận cảm hứng thơ hướng về thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về cuộc sống mới đã tạo nên những hình ảnh thơ kì vĩ tráng lệ. Bút pháp lãng mạn với nghệ thuật... đã tạo ra hiệu quả thẩm mỹ đặc biệt. Bức tranh đoàn thuyền đánh cá trở về vừa giàu đường nét vừa lộng lẫy sắc màu không chỉ khắc họa vẻ đẹp biển Hạ Long khoáng khắc bình minh lên mà còn khắc họa tư thế làm chủ, tầm vóc, vị thế, vẻ đẹp, sức mạnh của người lao động. Thiên nhiên và con người có sự gắn bó hòa hợp. Đọc đoạn thơ ta cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu biển cả, niềm say mê hào hứng của tác giả trong cuộc sống mới đang lên.

320

IV. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật

- Thể thơ thất ngôn trường thiên, giọng điệu khỏe khoắn sôi nổi hào hứng, lúc thì phơi phới bay bổng, khi thì kéo dài, vang xa.
- Cảm hứng lãng mạn, cảm hứng về thiên nhiên, vũ trụ cùng với trí tưởng tượng phong phú, bay bổng, việc sử dụng một cách độc đáo những hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ, so sánh đã giúp nhà thơ sáng tạo được những hình ảnh độc đáo, mới lạ, giàu ý nghĩa.

2. Nội dung

- Bài thơ đã khắc họa được nhiều hình ảnh tráng lệ về thiên nhiên, vũ trụ và người lao động thể hiện sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên, từ đó làm nổi bật niềm

vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống mới.

- Bài thơ chính là khúc tráng ca ngợi ca người lao động trong tư thế làm chủ công việc, làm chủ thiên nhiên, đất trời, ca ngợi biển cả quê hương giàu đẹp.

3. Mở rộng, nâng cao

- Bài thơ đánh dấu một bước chuyển biến lớn trong thơ Huy Cận: trước Cách mạng, thơ ông thường mang một nỗi buồn u uất với hình ảnh con người cô đơn nhỏ bé trước thiên nhiên vũ trụ, sau Cách mạng hồn thơ sôi nổi, phơi phới lạc quan, yêu đời.
- Bài thơ đã góp phần phản ánh chân thực không khí làm ăn tập thể sôi nổi hào hứng say mê của người lao động miền Bắc nước ta vào cuối thập niên 50 của thế kỷ 20.
- Bài thơ không chỉ giúp ta hiểu hơn về không khí làm ăn tập thể trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc những năm đầu hòa bình mà còn cho ta thấy rõ hơn tài năng của Huy Cận, hiểu hơn hồn thơ Huy Cận, đồng thời gợi ở người đọc tình yêu cuộc sống, yêu lao động, tự hào về người dân đất nước.
- Bài thơ chính là một “món quà đặc biệt của vùng mỏ Hòn Gai - Cẩm Phả cho vào túi thơ Huy Cận” (Xuân Diệu). Cùng với một số tác phẩm cùng thời, bài thơ đã góp phần làm mới cho gương mặt văn học Việt Nam những năm đầu sau chiến thắng Điện Biên Phủ: tràn đầy niềm vui ca ngợi cuộc sống mới, khích lệ, động viên người dân hăng hái tham gia sản xuất, xây dựng đất nước.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Cảm nhận vẻ đẹp của người lao động mới qua khổ thơ thứ 3 và 4 trong bài “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận. 321
2. Cảm hứng về con người và vũ trụ qua bài “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.
3. “Trời đêm mà tràn đầy ánh sáng”. Cảm nhận khi đọc bài “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.
4. Hình ảnh con người và không khí lao động trong bài “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận
5. Những hình ảnh thơ tráng lệ và lãng mạn trong bài “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận
6. Trình bày cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên và lao động của con người qua khổ thơ thứ 3 và 4. Từ đó, nhận xét về vẻ đẹp thơ Huy Cận sau Cách mạng tháng Tám.

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Bằng Việt thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành thời kì chống Mỹ cứu nước.
- Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà, khai thác những kỉ niệm và ước mơ của tuổi trẻ nên rất gần gũi với bạn đọc.

2. Tác phẩm

- a. Xuất xứ: trích tập “Hương cây – Bếp lửa” cùng với Lưu Quang Vũ
- b. Hoàn cảnh sáng tác:
 - Sáng tác năm 1963
 - Khi tác giả đang là sinh viên ngành luật ở Liên Xô
- c. Chủ đề: Qua hình tượng bếp lửa, bài thơ góp phần gợi lại kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người

cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

d. Mạch cảm xúc

- Bài thơ là lời tâm sự của người cháu hiếu thảo ở phương xa gửi về bà
- Bài thơ được mở ra với hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi về những kỷ niệm tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh bà với sự chăm sóc, lo toan, vất vả và tình yêu thương trìu mến dành cho đứa cháu. Từ những kỷ niệm, đứa cháu nay đã trưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị mà cao quý của bà. Cuối cùng, người cháu muốn gửi niềm mong nhớ về với bà. Mạch cảm xúc bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỷ niệm đến suy ngẫm.

e. Mở rộng

- Lời nhận xét của Văn Giá: Các câu thơ như những làn ánh sáng hắt ra từ ngọn lửa ấm nóng, gợi nhắc, thấm thía tâm can người đọc

B. Luyện tập

Cảm nhận của em về hình ảnh bà cháu trong bài thơ “Bếp lửa” – Bằng Việt

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận

II. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (A)

III. Cảm nhận

1. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn dòng hồi tưởng (khổ 1)

- Câu thơ đưa ta ngược dòng thời gian trở về quá khứ trong những năm tháng tuổi thơ tác giả được sống bên bà. Điệp từ “một bếp lửa” được lặp lại hai lần trong hai câu đầu bài nhấn mạnh một dấu ấn rất sâu đậm không bao giờ phai mờ trong kí ức của tác giả làm nổi bật hình ảnh trung tâm khơi nguồn cảm xúc của bài thơ. Đó là hình ảnh rất đỗi quen thuộc hiện về trong nỗi nhớ của người cháu khi ở phương xa: hình ảnh bếp lửa nơi quê nhà từ thuở ấu thơ. Đằng sau hình ảnh ấy là cả một trời kí ức tươi đẹp về thời ấu thơ, về người bà kính yêu.
- Hình ảnh bếp lửa được gợi tả qua hai từ ngữ gợi hình, gợi cảm “chờn vờn, áp iu”. Từ láy “chờn vờn” gợi lên hình ảnh bếp lửa được nhóm lên trong sáng sớm với ngọn lửa không định hình lúc cao lúc thấp lúc to lúc nhỏ lúc ẩn lúc hiện, nó hiện lên trong kí ức của người cháu lúc rõ nét, lúc mờ nhạt. Một hình ảnh thực nhưng cũng rất đẹp.
- Từ tượng hình “áp iu” được tác giả sử dụng một cách sáng tạo, độc đáo, là sự kết hợp nghĩa của các từ “áp ủ, nâng niu, chắt chiu, chi chít”, đi liền sau là tính từ

“nồng đượm” không chỉ gợi lên hình ảnh bếp lửa hồng cháy âm ỉ không bao giờ tắt mà còn gợi đến hình ảnh bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chăm chút của người nhóm lửa để ngọn lửa ấy sáng mãi trong tâm hồn người cháu.

⇒

⇒ Hai câu thơ đầu hình ảnh bếp lửa đã được gợi về một cách tự nhiên chân thực và xúc động. Hiện tại mờ đi để quá khứ rõ nét hình thành để rồi thấp thoáng trong hình ảnh ngọn lửa buổi sương sớm ấy là bóng dáng quen thuộc của người nhóm lửa. Với người cháu khi ở phương xa, người nhóm lửa ấy chính là người bà. Khi nhớ về bà, nhớ về bếp lửa trong lòng người cháu lại trào dâng tình cảm yêu thương khi nhớ về bà: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

- Lắng đọng ở câu thơ là một chữ “thương” thể hiện tình cảm kính yêu của người cháu đối với bà. Tiếng “thương” cho cảm xúc lan tỏa thấm sâu hồn người, tiếng “thương” rất chân thật mà giản dị không chút hoa mỹ tấm lòng yêu mến bà của cháu. Chữ “thương” ấy đi với “bà” là hai thanh bằng đi liền nhau tạo ra âm vang như ngân dài xao xuyến, như nỗi nhớ trải dài của người cháu dành cho bà.
- Sau tiếng “thương” ấy là hình ảnh người bà lặng lẽ âm thầm trong khung cảnh “biết mấy tháng mưa”. Hình ảnh ẩn dụ “nắng mưa” không chỉ diễn tả sự biến thiên của thời gian mà còn gợi ra cuộc đời gian lao vất vả, nhọc nhằn đầy lo toan của người ³²⁴ bà để nhờ đó cháu lớn khôn trưởng thành. Có lẽ chính bởi vậy mà tình cảm cháu đối với bà càng thêm da diết sâu nặng.

⇒ Như vậy, ba câu thơ mở đầu bài thơ như những nốt nhạc dạo cho khúc ca về tuổi thơ, tình bà cháu. Câu thơ với việc sử dụng điệp từ cùng một loạt các từ ngữ gợi hình, gợi cảm, tác giả đã làm nổi bật hình ảnh người bà hiện ra song song cùng với hình ảnh thơ hòa quyện, quán quít giữa hình ảnh bếp lửa và hình ảnh người bà. Ba câu thơ hai lần nhắc tới hình ảnh bếp lửa, hình ảnh bếp lửa với hình ảnh bà. Như vậy bếp lửa chính là bà, bà chính là bếp lửa. Cũng từ hình ảnh bếp lửa, người cháu đã nhớ về bà với một tình thương sâu nặng. Cũng từ đây hình ảnh của bà và bếp lửa cùng song hành đan xen với nhau trở thành hình ảnh trung tâm của bài thơ suốt chiều dài nỗi nhớ thương của người cháu, để rồi từ đây trong tâm tưởng người cháu hiện về những kí ức tuổi thơ bên bà, bên bếp lửa.

2. Hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà. Hình ảnh bà gắn liền với hình bếp

lửa.

a. Kỉ niệm năm lên 4 tuổi (khổ 2)

- Kỉ niệm hiện về từ thuở ấu thơ rất sâu nặng trở thành nỗi ám ảnh cả đời người, đó là kỉ niệm về nạn đói năm 1945 những năm quê hương đất nước đang có chiến tranh, “cả dân tộc đói nghèo trong rơm rạ” (Chế Lan Viên), bóng đen ghê rợn của nạn đói đã đè nặng lên từng gian bếp của mỗi gia đình Việt Nam: Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
- “Bốn tuổi” là tuổi của cháu còn thơ bé, đại khờ thể mà cháu đã “quen” mùi khói bếp bà.
- Cách sử dụng từ vô cùng giản dị nhưng giàu sức gợi “quen” - quen thân, quen thuộc, gắn bó. Cháu đã gắn với bếp lửa của bà từ những năm tháng năm nô, như “củ khoai ủ giữa lòng bà” (Đồng Đức Bốn)
- Cuộc sống đói nghèo được tác giả tác hiện qua 2 câu thơ:

Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi

Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy

- “Năm ấy” là năm 1945, và cũng là năm cháu lên bốn tuổi. Khi nhớ về những ngày thơ ấu gian khổ bên bà, người cháu nhớ về năm đói kém mà cháu sống trong sự cứu³²⁵ mang, tình yêu thương sâu đậm của bà khi bố phải đi đánh xe, để cháu lại quê nhà cho bà chăm bẵm.
- Đi vào thơ Bằng Việt, nạn đói đó đã được diễn tả bằng các từ “đói mòn đói mỏi”. Từ “mòn mỏi” được tách ra làm hai tiếng đau đến xé lòng, nó như ăn sâu vào tâm trí đưa cháu sự ám ảnh không thể nào quên - cái đói kéo dài làm con người mệt mỏi, kiệt sức dần, như thể từ từ giết chết người ta vậy! Cái đói dai dẳng triền miên vắt kiệt sức lực của con người và được khắc họa rõ nét hơn qua hình ảnh “bố đi đánh giặc, khô rạc ngựa gầy”
- Trong những năm tháng đói nghèo ấy, người cha của tác giả lao đao kiếm sống bằng nghề kéo xe. Bốn chữ “khô rạc ngựa gầy” đã diễn tả hình hài còm cõi xác xơ tội nghiệp của con người nhưng sâu xa hơn nó đã gợi ra cái tàn phá của nạn đói, khắc họa sâu sắc về những năm tháng héo mòn sự sống của cả dân tộc cũng như của cả gia đình người cháu:

Con đói lả ôm lưng mẹ khóc

Mẹ đờ con đầu thóc cầm hơi

Kiếp người cơm vãi cơm rơi

Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi!

(Ba mươi năm đời ta có Đảng - Tố Hữu)

- Bình: Trong gia cảnh như thế, tuổi thơ của cháu cũng như tuổi già của bà sao tránh khỏi những cơ cực, xót đau? Bao nhiêu kỉ niệm năm xưa được nhớ lại, trong đó ấn tượng sâu đậm nhất có lẽ chính là mùi khói bếp bởi lẽ cháu đã quen mùi khói ngay từ khi lên bốn tuổi. Có thể thấy mùi khói bếp đã in thấm vào cháu để đến bây giờ dù đã trưởng thành đã xa cách nghìn trùng quê hương yêu dấu cháu vẫn cảm nhận:

Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay

- Cụm từ “hun nhèm” gợi hình ảnh làn khói dày đặc, mịt mù vì rơm ướt, củi ẩm, lá mục đồng thời tô đậm nỗi truân chuyên khó nhọc đời bà.
- Chính vì lẽ đó, trong cháu nghẹn ngào xúc động, “cay” nơi sống mũi. “Cay” là cảm giác cay xè sống mũi vì làn khói độc xộc vào, là cảm xúc rung rung nghẹn ngào khi nhớ về bà và bếp lửa. Cảm giác của quá khứ và cảm xúc ở hiện tại chan hoà vào nhau làm cho kỉ niệm của cháu về bà còn vẹn nguyên, tươi rói, không nhạt chẳng³²⁶ phai, không hao chẳng khuyết. Đó cũng là minh chứng cho lòng thủy chung của cháu với bà, cũng là với quê hương, đất nước, nguồn cội

⇒ Có thể thấy kỉ niệm năm lên bốn tuổi là quãng thời gian không thể quên về một thời thiếu thốn cả về vật chất và tinh thần nhưng lại đầy ắp tình yêu thương. Tất cả được thể hiện qua những nhớ thương, ngậm ngùi của người cháu nơi nước Nga xa xôi. Đó là tiếng lòng của cả một thời gian khổ cơ cực nên nó hiện về rất đời thân thương và chân thực.

⇒ Đọc đến câu thơ này chúng ta hoàn toàn không thấy có một vòm trời cổ tích màu hồng với những ước mơ, những hình ảnh đầy lãng mạn bay bổng của một thời ấu thơ. Tất cả chỉ còn lại những hình ảnh thương tâm, khốn khổ. Giọng thơ trĩu xuống, nao nao lòng người đọc. Những năm tháng ấy gây một ấn tượng sâu đậm lay động tâm hồn nhà thơ. Hình ảnh thơ như nốt nhấn, nhấn lại dòng kỷ niệm, xoáy sâu tiềm thức, lay mạnh cả thể xác con người.

- b. Kỉ niệm tám năm sống bên bà (khổ 3): Từ những ấn tượng về mùi khói bếp, những kỉ niệm 8 năm sống bên bà chợt ứa về:

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!
Mẹ cùng cha công tác bạn không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa

- Đoạn thơ với giọng điệu tâm tình thủ thi như một lời kể chuyện có thời gian, không gian và các nhân vật cụ thể: Đó là quãng thời gian “tám năm ròng” cháu sống cùng bà, nhận được sự yêu thương che chở của bà.
- Câu thơ mở đầu đoạn thơ với danh từ chỉ thời gian cụ thể “tám năm” cùng với cách sử dụng từ “ròng” rất giản dị đã gợi lên một quãng thời gian dài đằng dặc và trong khoảng thời gian ấy cháu cùng bà không phải là đốt lửa mà là “nhóm lửa”. Chính động từ “nhóm” đã gợi nên sự bền bỉ, khó khăn của người bà trong công việc. Nếu như kỉ niệm hồi bốn tuổi ấn tượng đậm nét nhất với đứa cháu là mùi khói bếp thì đến đây ấn tượng ấy lại là “tiếng chim tu hú”. Trong văn học nghệ thuật, tiếng chim tu hú là biểu tượng của một sự khắc khoải nhớ nhung da diết khôn nguôi. Trong thực tế, tu hú lại là một loài chim bất hạnh, không biết ấp trứng và làm tổ. Tiếng kêu của chúng phải chăng vì vậy mà trở nên khắc khoải, mòn mỏi, mong đợi, khát khao một điều gì đó tha thiết lắm. Mở rộng: Ta đã từng nghe thấy tiếng kêu ấy trong “Khi con tu hú” của Tố Hữu, làm sục sôi khao khát tự do mãnh liệt, bùng cháy mạnh mẽ nơi người tù cách: mạng, khiến anh phải thốt lên:

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết mất thôi!
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu

- Ta dễ dàng cảm nhận được trong “Bếp lửa”, tiếng chim tu hú khắc khoải làm cho dòng kỉ niệm của cháu trải dài hơn, rộng hơn và sâu hơn trong cái không gian xa vắng của nỗi nhớ thương.

- Có mười một câu thơ mà âm thanh vang vọng lên năm lần, khi thảng thốt, khắc khoải, có lúc lại mơ hồ văng vẳng từ những cánh đồng xa “Tu hú kêu trên từng cánh đồng xa”, khi thì lại rộn về rất gần gũi, tha thiết “Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế”. Rồi có lúc giống giả kêu hoài.
- Điệp ngữ và câu hỏi tu từ đã tạo nên những cung bậc khác nhau của âm thanh: “Tu hú ơi, chẳng đến ở cùng bà Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”. Tất cả gọi lên không gian mênh mông, bao la, buồn vắng đến lạnh lùng. Trong những cung bậc khác nhau của âm thanh tiếng chim tu hú, tâm trạng của người cháu mỗi lúc một trở nên da diết, mạnh mẽ hơn. Bên cạnh bếp lửa hồng, bên cạnh âm thanh của tiếng chim tu hú, hai bà cháu đã gắn bó chia sẻ, chắt chiu những tình cảm ấm nồng suốt tám năm ròng.
- Trong các cung bậc khác nhau của tiếng chim tu hú, hình ảnh người bị hiện rõ dần: (Trích thơ)
- Bên bếp lửa, “*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*”. Hai câu thơ “*Khi tu hú kêu*³²⁸
bà còn nhớ không bài Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế” như là lời trò chuyện trực tiếp của cháu với bà để cùng bà ôn lại những kỉ niệm năm xưa. Trong kỉ niệm ấy, bà hiện lên gắn liền với những câu chuyện mà bà hay kể cho cháu nghe, chuyện đời nay, đời xưa... có cả những câu chuyện về những ngày đồng khởi ở Huế. Qua từng câu chuyện. bên bếp lửa có lẽ bà muốn truyền cho cháu ý thức về tinh thần chiến đấu của cả dân tộc trong những năm tháng chiến tranh ác liệt.
- Bên bếp lửa, bà làm tất cả mọi việc để giúp cháu có cuộc sống đầy đủ cả về vật chất và tinh thần:

Mẹ cùng cha công tác bạn không về

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

- Các câu thơ là kể lại những công việc của người bà, diễn tả một cách sâu sắc tấm lòng đôn hậu, tình yêu thương, bao la, sự chăm chút của người bị đối với đứa cháu nhỏ.
- Điệp từ “bà” được lặp lại nhiều lần trong câu thơ gợi tả tình cảm bà cháu quấn quýt yêu thương. Hình ảnh người bà hiện lên âm ỉ, tần tảo, chịu thương chịu khó, bà luôn là chỗ dựa vững chắc cho cháu, thay thế và lấp đầy tất cả những thiếu thốn của người cháu. Có thể nói trong tâm tưởng của người cháu khi “Mẹ cùng cha công tác

bạn không về" thì bà đã làm thay công việc của cả cha mẹ thậm chí cả công việc của người thầy. Bà đã bồi đắp cho cháu cả về thể chất lẫn tinh thần, bà hiệu lên trong bài thơ là sự kết hợp cao quý giữa tình cha, nghĩa mẹ, ơn thầy.

⇒ Có thể thấy, xuất hiện song song cùng hình ảnh người bà là bếp lửa, là tiếng chim tu hú. Tất cả đã trở thành kỉ niệm đẹp, trĩu nặng ân tình. Hình ảnh bếp lửa, việc nhóm lửa, hình ảnh bà tần tảo bên ánh lửa trong tiếng chim tu hú cứ trở đi trở lại vắn vít xoắn quện vào nhau làm sáng lên bức tranh lung linh sáng ngời tình bà cháu.

- Được sống trong tình yêu thương của bà, tuy gặp muôn vàn khó khăn nhưng cháu vẫn cảm thấy hạnh phúc, có lẽ vì thế mà tình cảm cháu dành cho bà cũng thật thiết tha, nồng hậu:

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc

Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa

329

- Đến đây cảm xúc của người cháu được bộc lộ trực tiếp “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”. Lại một lần nữa tiếng thương gieo vào dòng thơ tình cảm kính yêu nhớ thương tha thiết cháu dành cho bà. Thương bà người cháu thấu hiểu những nhọc nhằn khó nhọc và sự cô đơn, trống vắng mà bà phải chịu đựng.
- Và trong tâm tưởng người cháu cất tiếng gọi chim tu hú như một lời trách cứ nhẹ nhàng “Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà”. Trách tu hú hay người cháu trách chính mình không ở bên bà khi tuổi già trái gió. Tự trách hay đó cũng chính là niềm mong mỏi của người cháu khi ở phương xa luôn mong cho người bà được sống vui vẻ. Niềm mong mỏi ấy cũng chính là nỗi lòng luôn nhớ về quê hương, về người bà của tác giả. Mở rộng: Cảm xúc này, thật giống với những cảm xúc của cô con gái xa bố, xa vườn ải, xa quê hương trong bài thơ “Tiếng chim tu hú” của Anh Thơ:

Con đi dài thương nhớ

Mười năm chưa về quê

Tu hú ơi tu hú!

Kêu hoài chi vườn xanh?

Ta còn đi đi nữa

Như dòng sông trôi nhanh

⇒ Đánh giá: Đoạn thơ có sự kết hợp giữa giọng điệu tự sự và trữ tình. Sự việc

trong kí ức được bao bọc bởi nỗi nhớ tâm tình. Các yếu tố nghệ thuật liệt kê, điệp ngữ, câu hỏi tu từ, nhân hóa... góp phần tái hiện một phần kỉ niệm tuổi thơ tám năm ròng giúp ta cảm nhận được tấm lòng của người bà dành cho cháu cũng như sự biết ơn của cháu với công lao sâu nặng của bà. Hình ảnh bếp lửa cùng hình ảnh người bà ân cần tần tảo trong tiếng chim tu hú kêu xa cứ trở đi trở lại tạo nên bức tranh tình người lung linh xao xuyến... Hình ảnh cụ thể đồng thời cũng là biểu tượng cho những người bà, người mẹ trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hi sinh tất cả vì con cháu.

c. Kỷ niệm năm giặc đốt làng (khổ 4)

- Theo dòng chảy cảm xúc, kỷ niệm một thời ấu thơ tiếp tục được gọi về trong tâm hồn người cháu. Kỉ niệm về một thời kháng chiến chống Pháp gian khổ:

330

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh
Bố ở chiến khu, bố còn việc bố
Mày có viết thư chớ kể này kể*

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên

- Hồi tưởng về những năm giặc đốt làng, tác giả đã sử dụng một loạt các phương thức tự sự, miêu tả để làm sống dậy những thiệt thòi, mất mát của hai bà cháu.
- Câu thơ đầu tiên “Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi” với các từ “đốt làng” và phép láy “cháy tàn cháy rụi” đã gợi về hoàn cảnh đau thương của dân làng khi giặc đến đồng thời cũng phần nào thể hiện tội ác của thực dân Pháp, Cùng với dân làng, hai bà cháu cùng chung cảnh khó khăn gian khổ khi giặc tới đốt phá làng. Trong khó khăn ấy, được sự giúp đỡ của xóm làng, bà đã dựng lại được túp lều tranh. Hai chữ “đỡ đần” gói trọn bao nhiêu sẻ chia, tình đoàn kết của người dân Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Pháp gian khổ.
- Vượt lên những khó khăn gian khổ ấy bà vẫn vững lòng dặn cháu đinh ninh:

*Bố ở chiến khu, bố còn việc bố
Mày có viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên*

- Dặn cháu như vậy là bà muốn nhận về mình biết bao khó nhọc để con cháu yên tâm công tác. Lời dặn của bà đâu chỉ gọi nên tình cảm suy nghĩ của bà mà còn làm sáng lên phẩm chất của người mẹ VN: đảm đang, ý chí, nghị lực, tần tảo, giàu đức hi sinh. đây hình ảnh bếp lửa ân cần, ấm cúng và nhẫn nại của bà hoàn toàn tương phản với ngọn lửa thù địch đối với sự sống : "Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi".

⇒ Có thể thấy đối lập với ngọn lửa thiêu rụi sự sống của bọn ngoại xâm là ngọn lửa của tình bà cao cả, của tấm lòng yêu thương gia đình, lo toan, gánh vác mọi công việc. Chúng ta thấy thấm thía vẻ đẹp tinh thần của người Việt Nam trong kháng chiến: tinh thần đoàn kết xóm làng, là ý chí, là nghị lực của những người mẹ ở hậu phương hướng ra tiền tuyến. Đẹp hơn, bất diệt hơn, lung linh hơn là tình bà cháu hòa trong tình yêu tổ quốc.

331

→ Như vậy có thể thấy đoạn thơ xen lẫn giữa lời kể là mạch cảm xúc hình ảnh thơ cứ lan tỏa giọng thơ chuyển từ trữ tình sang tự sự đã làm sáng lên những dấu ấn sâu đậm về hình ảnh người bà. Hình ảnh của bà tiêu biểu cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp. Với tình yêu thương của bà, với sự chăm chút, nâng niu của bà, cháu đã lớn không trưởng thành, để rồi khi nhớ về bà, trong lòng cháu lại trào dâng tình yêu thương, niềm biết ơn vô hạn.

d. Khổ 5: Sau muôn vàn khó khăn gian khổ người bà lat vòng vàng trong cuộc sống của mình với công việc nhóm lửa

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng

- Cụm từ “rồi sớm tới chiều” với điệp từ “rồi” cùng 2 từ chỉ thời gian “sớm, chiều” đã diễn tả dòng thời gian nối tiếp quen thuộc. Cùng với dòng thời gian ấy là hình ảnh bếp lửa bà nhen lên mỗi sớm mỗi chiều.
- Từ “lại” đặt giữa lòng thơ gọi cho người đọc nghĩ đến sự tần tảo, vất vả của bà trong công việc nhóm lửa.
- Đến đây hình ảnh bếp lửa đã được thay thế bằng hình ảnh ngọn lửa mang ý nghĩa ẩn dụ tượng trưng cho ánh sáng và hơi ấm của sự sống đó là ngọn lửa của tình yêu thương luôn ủ sẵn trong lòng bà là ngọn lửa của đức hi sinh cao cả, ngọn lửa của niềm tin của ý chí, nghị lực, niềm hy vọng, ngọn lửa ấy truyền cho người cháu niềm tin về tương lai tươi sáng.

- Điệp ngữ “một ngọn lửa” nhấn mạnh và khẳng định tình yêu thương ấm áp mà bà dành cho cháu và những điều kì diệu mà bà đã nhen lên trong tâm hồn người cháu. Hình ảnh ngọn lửa tỏa sáng câu thơ lung linh chân dung người bà, làm ấm lòng mỗi trái tim bạn đọc. Ngọn lửa ấy là sức sống, là tình thương của bà trong cuộc sống của hai bà cháu, của cả gia đình, rộng hơn với công cuộc kháng chiến lúc bấy giờ. Đó còn là ngọn lửa biểu tượng của sự sống muôn đời bất diệt không chỉ của riêng bà trong kỷ niệm của cháu ở bài thơ này mà còn là biểu tượng cho toàn dân tộc, đất nước ta trước kia thấp sáng đến bây giờ và mai sau.

⇒ Đó phải chăng là ý chí nghị lực, niềm tin của cả dân tộc trong thời kỳ lịch sử khó khăn hướng về ngày mai hòa bình, tươi sáng về một tương lai tốt đẹp. Qua đây có thể thấy hình ảnh người bà hiện lên không chỉ là người giữ lửa, người thắp lửa mà còn là người truyền lửa. Ngọn lửa ấy là niềm tin, là sức sống truyền đến các thế hệ mai sau.

→ Tóm lại, làm nên thành công của đoạn thơ hồi tưởng về bà. qua dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình chính là sự kết hợp, đan xen nhuần nhuyễn giữa các yếu tố biểu cảm, miêu tả và tự sự. Đây cũng là bút pháp quen thuộc của nhà thơ. Chính sự kết hợp nhuần nhị độc đáo đó khiến hình ảnh của bà thật gần gũi, nhưng mang tuổi thơ lại hiện về sống động, chân thành và giản dị. Qua đó, trong dòng hồi tưởng về quá khứ, người cháu thể hiện nỗi nhớ thương vô hạn và biết ơn bà sâu nặng.

3. Suy ngẫm về cuộc đời bà và công việc nhóm lửa:

- Dẫn: Kỷ niệm lắng dần, cảm xúc nhớ thương của người cháu đối với bà chuyển sang những suy ngẫm sâu sắc về cuộc đời bà, về bếp lửa:

Lặn dần đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!

- Câu thơ mở đầu đoạn với từ láy “lặn dần” như gọi ra trước mắt ta dáng hình người bà sớm hôm tần tảo bên bếp lửa. Bên cạnh đó câu thơ với cấu trúc đảo còn gọi sự

vất vả lam lũ của cuộc đời bà.

- Cụm từ “biết mấy nắng mưa” vốn được nhắc đến ở khổ đầu bài thơ được lặp lại ở khổ thơ này khắc sâu thêm những nhọc nhằn vất vả bà đã đi qua. “Biết mấy nắng mưa” ấy không chỉ là sự cách trở của thời gian mà còn là những gian truân vất vả của cuộc đời bà. Trong những năm tháng cả nước ngập chìm trong gian lao vất vả, đói nghèo chinh chiến, bà gánh vác những nhọc nhằn, những thiếu thốn, những lo toan để con cháu nơi xa được yên lòng. Đi qua những mưa nắng cuộc đời bằng ý chí nghị lực vững vàng, bằng tình yêu thương cháu, bằng niềm tin dai dẳng để nuôi cháu khôn.

333

⇒ Như vậy, cách lập cấu trúc câu cùng với cách điệp và đảo ngữ khiến giọng thơ tha thiết lắng siu tạo sự xúc động dạt dào trong tâm hồn cháu. Đó là sự biết ơn chân thành của cháu ẩn sâu trong nỗi nhớ thương với sự cảm thông sâu sắc, sự trân trọng của cháu với bà, cuộc đời vất vả, tần tảo của bà. Nhớ về bà là người cháu nhớ đến những thói quen công việc của bà:

Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

- Hai câu thơ như là sự khái quát cuộc đời bà từ quá khứ đến hiện tại. Đã mấy chục năm có biết bao sự thay đổi nhưng bà vẫn giữ thói quen dậy sớm để nhóm bếp nhóm lửa. Cách dùng số từ không xác định “mấy chục năm” cùng với mốc thời gian xác định “bây giờ” kết hợp với phó từ “vẫn”, hai câu thơ đã giúp chúng ta cảm nhận được thói quen công việc đã trở thành thường nhật của người bà trong suốt quãng thời gian dài. Thói quen ấy được đo bằng chiều dài thời gian của cả đời người “mấy chục năm rồi”.
- Bình: Thời gian thấm thoát trôi đi, có biết bao sự đổi thay, biến thiên thăng trầm vậy mà bà vẫn giữ thói quen nhóm bếp, nhóm lửa - hình ảnh đã trở nên quá đỗi quen thuộc, thành ấn tượng đặc biệt của tuổi thơ, niềm thương nỗi nhớ mỗi khi đi xa. Để rồi tháng Chín bèn này trời tây, buổi sáng ngủ dậy đi học, sương lạnh giăng mờ trên những ô cửa sổ, nhà thơ lại chạnh lòng nghĩ về bếp lửa nồng đượm nơi quê nhà vẫn được bà nhen lên mỗi sớm mai để luộc nôi khoai, nôi sắn, nấu cho cháu nôi xôi như Bằng Việt từng tâm sự “Mỗi buổi dậy sớm đi học, tôi hay nhớ đến khung cảnh một bếp lửa thân quen, nhớ lại hình ảnh bà nội lụi cùi dậy sớm nấu nôi xôi, luộc củ khoai củ sắn cho cả nhà”.

⇒ Nếp sống ấy lại càng tô đậm sự vất vả gian truân của cuộc đời bà. Hình ảnh của bà có lẽ chính là hình ảnh của bao người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh dù trải qua bao gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương đối với con cháu. Chính họ những con người bình dị mà vĩ đại ấy đã gánh cả cuộc kháng chiến trên đôi vai của mình.

- Càng thương bà bao nhiêu người cháu càng hiểu sâu sắc ý nghĩa công việc nhóm lửa của bà:

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

334

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

- Điệp từ “nhóm” lặp lại bốn lần ở đầu bốn câu thơ liên tiếp thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về bà, về bếp lửa, nhấn mạnh những ý nghĩa từ công việc nhóm lửa: Khởi dậy tình cảm tốt đẹp trong tâm hồn con người. Bên cạnh đó, việc điệp lại cấu trúc câu với hình ảnh bếp lửa ấm nóng trở đi trở lại hết sức thấm thía khắc sâu trong lòng người cháu những tình cảm yêu thương nồng nàn mà bà dành cho cháu.
- Từ "nhóm" đầu tiên: "Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm" nhóm là động từ thể hiện một hành động làm cho lửa bén, cháy lên ngọn lửa và một bếp lửa hoàn toàn có thật có thể cảm nhận bằng mắt thường để xua tan đi cái giá lạnh của mùa đông khắc nghiệt để nấu chín thức ăn và đó là một bếp lửa rất bình dị có ở mọi gian bếp của làng quê Việt Nam. Từ “nhóm” đi liền với cụm từ “bếp lửa ấp iu nồng đượm” vốn đã xuất hiện khổ thơ đầu đến đây trở lại một lần nữa gieo vào lòng người đọc niềm xúc động dạt dào trước hình ảnh người bà giàu kiên nhẫn luôn giữ cho ngọn lửa cháy sáng trong cuộc sống đầy khó khăn gian khổ.
- Thế nhưng trong những câu thơ sau, từ nhóm không còn gọi về hình ảnh thực nữa mà là hình ảnh ẩn dụ gợi đến những điều tốt đẹp bà nhen lên trong tâm hồn cháu:

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

- Nhóm bếp lửa là nhóm lên tình yêu thương. Bốn chữ “khoai sắn ngọt bùi” gợi đến hình ảnh thực của cuộc sống bình dị, mộc mạc, hơn thế, nó còn tượng trưng cho tình yêu thương thơm thảo mộc mạc của bà. Tình yêu thương đó không chỉ gửi vào

những món ăn dân dã mà đó còn là tình yêu thương gia đình mà muốn khơi dậy trong tâm hồn cháu.

- Bên bếp lửa, bà còn khơi dậy trong cháu tình làng nghĩa xóm, san sẻ, đoàn kết trong hương vị “nồi xôi gạo mới sẻ chung vui”. Ba chữ “sẻ chung vui” truyền đến sự gắn kết tình làng nghĩa xóm với niềm vui thuần hậu. Nồi xôi gạo mới kia hay chính là sự đền ơn đáp nghĩa của bà trước sự “đỡ dằn” của làng xóm trong cơn hoạn nạn? Đó là biểu hiện vẻ đẹp cao quý mà cũng vô cùng quen thuộc của con người Việt Nam, là cội nguồn của tình yêu thương đoàn kết của cả dân tộc.³³⁵
- Chính từ bếp lửa, từ lòng bà, bà còn khơi dậy trong tuổi thơ cháu những ước mơ khát vọng: “Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”. Hai tiếng “tâm tình” là sự kết hợp của tâm hồn và tình cảm. Bà với tình yêu thương không chỉ nuôi cháu lớn xác mà còn chăm cháu lớn hồn, không chỉ nuôi cho cháu lớn khôn mà còn dạy cho cháu lớn lên. Chính vì vậy dù đã khôn lớn trưởng thành, đã đi xa nhưng cháu vẫn nhớ về bếp lửa, nhớ về cội nguồn quê hương đất nước. Người bà kỳ diệu như vậy ấy, rất giản dị nhưng có một sức mạnh kì diệu từ trái tim.
- Mở rộng: Ta có thể bắt gặp người bà như vậy trong “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh:

Tiếng gà trưa

Mang bao nhiêu hạnh phúc

Đêm cháu về nằm mơ

Giấc ngủ hồng sắc trắng.

⇒ Như vậy, bốn câu thơ với điệp từ nhóm, tác giả đã thể hiện những suy ngẫm sâu sắc và thành kính, cùng với đó hình ảnh người bà hiện lên tràn đầy tình yêu thương với vai trò của ánh sáng niềm tin, của tình yêu thương ngọt ngào mà bà truyền cho cháu để rồi thấp sáng trong cháu ước mơ, hoài bão, khát vọng. Ngọn lửa nồng ấm, tình bà tỏa sáng, sự quan tâm chăm chút của bà chính là những điều kì diệu nâng đỡ cháu trong mọi hoàn cảnh. Có phải chăng vì vậy mà khi nghĩ về bà, cảm xúc trào dâng khiến cháu thốt lên đầy ngạc nhiên: “Ôi kì lạ và thiêng liêng– bếp lửa!”

- Câu cảm thán hài hòa trong cấu trúc đảo nhấn mạnh và thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng như một sự khám phá ra điều kì diệu của bếp lửa và sự thiêng liêng của tình bà cháu. Câu thơ như một sự khám phá của người cháu về điều kì diệu trong cuộc

đời bình dị: đó là bếp lửa bình thường, giản dị, quen thuộc trong mỗi gia đình Việt Nam nhưng với nhà thơ nó lại hiện lên vô cùng cao quý, kì lạ, thiêng liêng vì bếp lửa ấy luôn cháy lên trong mọi cảnh ngộ không chỉ cháy lên trong lòng bà mà còn cháy sáng trong tâm hồn người cháu vì bếp lửa ấy không chỉ được thắp lên tự nhiên liệu thông thường mà nó còn được nhen lên từ lòng bà, từ “niềm tin dai dẳng” của bà. Từ bếp lửa của bà, cháu có kí ức tuổi thơ tươi đẹp bên bà, từ bếp lửa của bà mà cháu lớn khôn. Kì diệu và thiêng liêng là thế, đến đây bếp lửa trở thành biểu tượng cho tình cảm quê hương, đất nước, cội nguồn.

- Cách sắp xếp khéo léo hình ảnh bếp lửa và hình ảnh người bà đi gần nhau nhà thơ muốn gửi đến người đọc một thông điệp: những gì thiêng liêng nhất của tuổi thơ bao giờ cũng có sức mạnh nâng đỡ tâm hồn và chấp cánh ước mơ cho mỗi con người trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Trong đó tình cảm bà cháu, tình cảm đối với gia đình, với quê hương sẽ giúp con lớn lên trưởng thành và luân cội nguồn cho tình yêu thương.

4. Suy nghĩ của cháu khi trong hiện tại khi ở xa (khổ cuối): Sau những suy ngẫm về bà, về cuộc đời bà, về công việc nhóm lửa, mạch cảm xúc bài thơ trở về hiện tại:

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở
Sớm mai này bà nhóm bếp lửa lên chưa?*

- Vậy là đứa cháu bé bỏng năm xưa giờ đã khôn lớn trưởng thành. Từ chỉ thời gian “giờ đặt đầu khô thơ kéo người đọc từ hồi ức quá khứ với những kỉ niệm êm đềm bên bà của người cháu trở về với thực tại.
- Câu gợi mở cả về thời gian và không gian xa cách “cháu đã đi xa”. Lời thơ như một lời thông báo cháu đã rời xa bà, rời xa bếp lửa. Liền sau lời thông báo ấy là dấu chấm giữa dòng thơ khiến nhịp thơ như mang lại lắng đọng bao cảm xúc như chưa thể nói tiếp thành lời. Dấu chấm như một cánh cửa vô hình khác với nhau nên đường đời của người cháu: quá khứ và hiện tại. Sau cảm xúc lắng đọng câu thơ ó ra cuộc sống của chúng trong hiện tại:

*... Có ngọn khói trăm tàu...
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả*

- Nghệ thuật liệt kê cùng điệp từ “trăm, có” được lặp lại trong 2 câu thơ đã mở ra

cuộc sống mới người cháu nơi xứ người. Người cháu nay đã trưởng thành đã lớn khôn từ nơi bếp lửa nhỏ bé ở chân đống gạch đã hết đến khói trăm tàu, lửa trăm nhà với cuộc sống đầy đủ tiện nghi vật chất khác hẳn cuộc sống của hai bà chúng lúc trước cũng như cuộc sống hiện tại của bà nơi quê nhà, cháu đã có cuộc sống mới với những niềm vui mong mở. Vẫn là hình ảnh khói, lửa nhưng lửa khói hôm nay khác xa khói, lửa ngày xưa bên bếp lửa của bà Hình ảnh thơ lặp lại những ý thơ lại khắc sâu hơn sự tương phản đối lập giữa hai cuộc sống khắc sâu để rồi tác giả đi đến khẳng định định mệnh một thái độ sống không thay đổi:

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở

Sớm mai này bà nhóm bếp lửa lên chưa?

- Từ “nhưng” đứng ở đầu câu thơ thứ ba khiến cho giọng thơ chuyển từ sôi nổi, vui tươi hồng ân xuống thể hiện sự đối lập tương phản giữa điều kiện sống và thái độ sống của người cháu.
- Từ “vẫn” khiến lời thơ mang tính khẳng định, liền sau ba chữ “chẳng lúc nào” đã khẳng định niềm thủy chung vẹn toàn, là lời tự nhắc lòng của người cháu: Dù xa cách nghìn trùng về thời gian, không gian, dù cuộc sống nơi xứ người có đa dạng sung sướng thì cháu vẫn không nguôi nhắc nhở: “Sớm mai này bà nhóm bếp lửa lên chưa?”
- Câu thơ có hình thức như một lời thoại, nhà thơ tự nói với lòng mình, tự hỏi mình. Câu hỏi tu từ ấy gợi cho người đọc cảm nhận như có một nỗi nhớ khắc khoải, thường trực, một ngời nhớ đau đớn khôn nguôi, Thuận nhớ về bà. Lời thơ khẳng định tấm lòng yêu thương biết ơn bà của người cháu, dù xa cách bà về thời gian và không gian nhưng hình bóng của bà và bếp lửa mai sẽ là những ký ức thiêng liêng sưởi ấm lòng cháu, nâng ô cháu suốt cả cuộc đời. Tình cảm ấy đồng hành cùng mỗi sớm mai. Cháu nhớ về bà cũng chính là nhớ về quê hương nhớ về cội nguồn.
- Câu hỏi tu từ cùng dấu chấm lửng kết thúc bài thơ như như xoáy sâu vào lòng người đọc bao cảm xúc, để lại trong ta âm vang tình bà cháu. Tình cảm ấy sẽ luôn là bệ phóng nâng đỡ cháu suốt chiều dài của cuộc đời. Mở rộng: Sau này, chúng ta lại bắt gặp tình cảm ấy trong “Đôi dòng trên đưa bà nội” mà tác giả viết khi bà nội qua đời, đó là những tình cảm kính trọng biết ơn, là tôi nhớ thương da diết của cháu dành cho người bà kính yêu của mình:

Đôi mắt càng già càng dùng thấm thía yêu thương

*Dù da dẻ khô đi, tấm lòng không hợp lại
Giàu kiên nhẫn, bà còn hy vọng mãi
Chỉ mỗi ngày rấn lại ít lời thêm*

338

IV. Tổng kết, đánh giá, mở rộng

1. Nghệ thuật

- Thể thơ 8 chữ biến thể, giọng điệu trầm lắng thiết tha, tâm tình phù hợp với lời tâm tình của người cháu với bà.
- Kết hợp hài hòa giữa biểu cảm, miêu tả, tự sự và bình luận sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật.
- Sáng tạo nên hình ảnh bếp lửa vừa mang ý nghĩa tả thực vừa giàu ý nghĩa biểu tượng. Trong bài thơ có tới 10 lần tác giả nhắc đến bếp lửa, song hành cùng đó là hình ảnh người bà. Hai hình ảnh gắn kết làm điểm tựa để khơi gợi mọi tình và cảm xúc về bà và tình bà cháu tha thiết. Bếp lửa chính là biểu tượng cho những tình cảm cao quý của tình bà, là phẩm chất cao đẹp của bà, bếp lửa cũng là gia đình, là quê hương, cội nguồn.

2. Nội dung

- Bài thơ đã thành công trong việc gợi lại những kỉ niệm đẹp của tình bà cháu, thể hiện sự kính yêu, nhớ nhung của cháu đi với bà. Đó cũng chính là tình cảm với gia đình, với quê hương, đất nước, với nguồn cội.
- Tình cảm của người cháu trong bài thơ chính là tình cảm của Bằng Việt, của tất cả những người con xa quê khi nhớ về người thân, nhớ về quê hương. Đó chính là cội nguồn yêu thương nâng đỡ họ vững bước trên cuộc đời.

3. Mở rộng, liên hệ, nâng cao

- Qua bài thơ, có thể thấy Bằng Việt là người giàu tình cảm, nặng tình trọng nghĩa với gia đình, quê hương, đất nước... Hơn nữa, nhà thơ còn muốn gửi đến thế hệ bạn đọc một triết lí thâm kín: “Những gì thân thiết của tuổi thơ đều có sức tỏa sáng và nâng đỡ con người trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời”.
- Cùng với một số tác phẩm khác ra đời cùng giai đoạn: Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng, Mẹ vắng nhà của Nguyễn Đình Thi, ... Bếp lửa đã góp phần làm phong phú thêm cho văn học Việt Nam về đề tài tình cảm gia đình trong chiến tranh, góp phần làm tên tuổi Bằng Việt sáng mãi trong làng văn học Việt Nam.

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Nguyễn Duy (1948) quê ở Thanh Hóa;
- Ông thuộc thế hệ nhà thơ quân đội trưởng thành trước cuộc chiến chống Mỹ cứu nước;
- Sau chiến tranh, Nguyễn Duy vẫn say sưa và tiếp tục con đường thơ của mình. Thơ ông ngày càng đậm đà, ổn định một phong cách, giàu chất triết lý, chiêm nghiệm, thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở, day dứt, suy tư, một giọng điệu “quen thuộc mà không nhàm chán”.

⇒ Chính vì thế mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã từng nói: “Hình hài Nguyễn Duy giống như một đám đất hoang, còn thơ Nguyễn Duy là thứ cây quý mọc trên đám đất hoang đó”.

2. Tác phẩm

- a. Xuất xứ: Tập thơ cùng tên “Ánh trăng”
- b. Hoàn cảnh sáng tác
 - Sáng tác năm 1978 khi đất nước đi qua khói lửa chiến tranh được ba năm.
 - Bước vào cuộc sống hòa bình, những gian khổ, hy sinh nhưng thấm tình đượm nghĩa của quá khứ dễ bị con người lãng quên phai nhạt.
- c. Chủ đề: Qua hình tượng ánh trăng, bài thơ là lời nhắn nhủ về một lẽ sống thủy chung, ân nghĩa với quá khứ, cội nguồn.
- d. Thể thơ: 5 chữ phù hợp với phương thức biểu đạt kết hợp hài hòa giữa biểu cảm (trữ tình) và tự sự.
- e. Mạch cảm xúc: Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại với cái mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng được bộc lộ theo mạch tự sự. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái “giật mình” cuối bài thơ.

B. Luyện tập

Cảm nhận của em về hình tượng ánh trăng trong bài thơ cùng tên của Nguyễn Duy

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

II. Giới thiệu chung về tác phẩm

III. Cảm nhận hình tượng ánh trăng

1. Trăng là hiện thân của quá khứ nghĩa tình (Khổ 1, 2)

a. Khổ 1

- Dẫn: Hẳn chúng ta chưa thể quên những lời thơ mộc mạc, giản dị mà chan chứa tình cảm trong bài thơ *Tre Việt Nam* của tác giả. Nếu *Tre Việt Nam* tựa như một khúc đồng dao ngân nga trong tâm hồn thì bước vào thế giới của Ánh trăng, ta lại gặp những lời thơ chân chính, ẩn chứa niềm băn khoăn, day dứt: (Trích K1)
- Điệp từ “hồi” được lặp lại ở câu thơ thứ nhất và thứ ba khiến giọng thơ như giọng kể, bài thơ thấm đẫm ý vị tự sự, tự tình đồng thời gợi nhắc quá khứ, dẫn ta nhập vào dòng kí ức thăm sâu vừa thiêng liêng lại vừa gần gũi được trải rộng trên một không gian bao la:

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể*

- Hai câu thơ chỉ có mười tiếng mà có tới ba lần lặp lại từ “với” cùng những hình ảnh liệt kê “đồng, sông, bể” giúp Nguyễn Duy gợi ra không gian bao la, rộng lớn mà gần gũi, thơ mộng: đây những cánh đồng bát ngát đã từng đi về trong cõi nhớ của Nguyễn Duy “Tuổi thơ tôi bát ngát cánh đồng/ Cỏ và lúa và hoa hoang cỏ dại”, những dòng sông trong xanh, những ngả rừng tím tắp, bao la bể biếc.
- Những câu thơ còn gợi về năm tháng xa xưa, kỷ niệm một thời chiến tranh ulla về:

*hồi chiến tranh ở rừng
vàng trăng thành tri kỉ*

- Cụm từ “hồi chiến tranh ở rừng” gợi về cuộc sống gian khổ, thiếu thốn hồi chiến tranh, cuộc sống gian khổ được rừng che chở và bảo vệ “rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”. Giữa cuộc sống gian khổ ấy người lính được đón nhận tình cảm của vàng trăng. Vàng trăng chiếm một vị trí

quan trọng trong lòng tác giả để rồi nhà thơ cảm nhận “vàng trắng thành tri kỷ”.

- “tri kỷ” là từ Hán Việt gọi một cách trang trọng những mối tình thăm sâu bên trăng thủy chung. Gọi vàng trắng là tri kỷ đủ cho thấy Nguyễn Duy trân trọng biết nhường nào vàng trắng quá khứ của mình.

b. Khổ 2

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
không bao giờ quên
cái vàng trắng tình nghĩa*

- Hai câu thơ mở đầu như sự lí giải về mối quan hệ gần gũi giữa con người với thiên nhiên. Hai câu thơ khuyết chủ ngữ kết hợp với từ láy “trần trụi” và nghệ thuật so sánh “hồn nhiên như cây cỏ”, giàu tính khôi ngô tự nhiên, sống động, chân thật như từ trang đời bước thẳng vào trang thơ bởi nó gắn với ký ức nhân vật trữ tình thuở còn chân đất đầu trần, chăn trâu cắt cỏ, tắm sông lội bùn đồng thời miêu tả vẻ đẹp của vàng trắng đó là vẻ đẹp của thiên nhiên hoang sơ mà gần gũi, hồn nhiên mà thơ mộng.
- Đối với người lính, có lẽ đây là quãng thời gian đẹp và hạnh phúc nhất. Trăng và người gắn bó keo sơn để rồi trong những năm tháng gian khổ mà đẹp để đó người lính còn cảm nhận được “vàng trắng tình nghĩa”. Hình ảnh thơ có ý nghĩa như tổng kết, khái quát về mối quan hệ giữa con người và vàng trắng từ lúc ấu thơ cho đến khi trưởng thành. Trăng đã đi theo con người trên từng chặng đường của đời người gắn bó chia sẻ tình nghĩa sâu nặng. Sự gắn bó thân thiết ấy khiến cho người lính đã tự nhủ với lòng mình:

ngỡ không bao giờ quên

- Từ “ngỡ” đặt ở đầu câu thơ không chỉ là sự ngạc nhiên mà là sự định ninh khẳng định con người không bao giờ quên trăng cũng không bao giờ quên những kỉ niệm ấu thơ, một thời chiến đấu gian khổ mà đầy tình nghĩa. Đặt trong mạch cảm xúc của bài thơ, chữ “ngỡ” giống như một câu nói ngôn từ khép lại mạch cảm xúc trong quá khứ và mở ra hình

ảnh vàng trắng trong hiện tại, một cuộc sống khác của con người khi chiến tranh kết thúc.

⇒ *Đánh giá: Như vậy, với giọng thơ tâm tình thủ thủ cùng các biện pháp tu từ: điệp từ, so sánh, nhân hóa, hai khổ thơ đã gợi về mối quan hệ thân thiết giữa trăng và người, gieo vào lòng người đọc liên tưởng thú vị. Trăng trở thành người bạn nâng bước chân người lính trên mọi nẻo đường. Trăng hiện diện cho hình ảnh quá khứ tươi đẹp, hiện thân của kỉ ức chan hòa tình nghĩa.*

2. Trăng gợi nhắc sự lãng quên (Khổ 3, 4)

a. Khổ 3

Từ hồi về thành phố

- Người đọc bị cuốn theo mạch cảm xúc của tác giả và cảm thấy có chút gì đó bàng hoàng như vừa nghe một lời thú tội. Xin đừng vội cho những lời thơ kia là những lời thanh minh. Đó chắc hẳn phải là những lời “thú tội” rất mực chân thành, và dũng cảm. Câu thơ giản dị như một lời kể những vai trò của nó không bé nhỏ chút nào, như một nhịp cầu nối đôi bờ thời gian quá khứ và hiện tại, đôi nẻo không gian làng quê và phố thị, hai miền tâm tư tình cảm nghĩa tình và vô tình, thờ ơ.

quen ánh điện, cửa gương

- “ánh điện, cửa gương” trước hết là hình ảnh thực: những ánh điện chói lòa khác xa với ngọn đèn hạt đỗ chôn quê xưa, những cửa gương lộng lẫy không giống với cửa liếp, cửa xoa tre mộc mạc chôn quê nghèo; đồng thời là hình ảnh hoán dụ giúp ta liên tưởng tới cuộc sống đầy đủ tiện nghi nơi phồn hoa đô thị, hay chính là những cám dỗ khiến con người thay dạ đổi lòng: *vàng trắng đi qua ngõ như người dung qua đường*
- Hình ảnh không gian gần “ngõ, đường” kết hợp hình ảnh so sánh “như người dung qua đường”, nghệ thuật nhân hóa “vàng trắng đi qua ngõ” khiến trăng hiện lên như hình bóng của một con người lẻ loi, âm thầm đi về trong sự thờ ơ, quên lãng của người đời. Không gian gần như trăng đi qua gợi sự đối lập với quá khứ: trong quá khứ trăng ở xa (đồng, sông, bể, rừng) mà lại hóa gần (nghĩa tình, tri kỷ), còn bây giờ trăng ở gần mà lại hóa xa. Hình ảnh thơ còn mang đến người đọc một ý nghĩa khác: gần

hay xa, đắm thắm hay nhạt phai, thủy chung hay vong bội không phải do khoảng cách mà chính tự lòng người.

- *Liên hệ: Đặt vào trong hoàn cảnh ra đời của bài thơ năm 1978 khi cuộc chiến tranh mới qua được ba năm vật mà con người lại coi trắng như người đưng, một sự thay đổi phủ phàng quá. Từ câu chuyện về người lính và vàng trắng ta bỗng nhận ra một hiện thực không phải xa lạ cũng không phải cá biệt trong cuộc sống: khi cuộc sống thay đổi, con người dễ lãng quên quá khứ, trước vinh hoa phú quý người ta dễ phản bội lại chính mình. Và trớ trêu thay điều đó lại xảy ra trong cuộc sống tình cảm của con người. Bởi vậy, cha ông ta từng nhắc nhở:*

“Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay

Qua sông nhớ suối có ngày nhớ đêm”

- ⇒ Nhà thơ nói về mối quan hệ giữa người và trăng hay cũng chính là để nói đến thể thái, nhân tình, sự lãng quên của người lính với vàng trắng hay cũng chính là sự lãng quên một thời gian khổ.

b. Khổ 4

Thình lình đèn điện tắt

phòng buyn đình tối om

vội bật tung cửa sổ đột

ngọt vàng trăng tròn

- Từ láy “thình lình” đặt ở đầu khổ thơ gợi tình huống bất ngờ xảy đến quá đột ngột khiến cho anh lính không thể ý thức được, không có sự chuẩn bị trước. Ta có thể hình dung cả căn phòng sáng trưng bởi ánh điện của gương bông vụt tắt trở nên tối om, bức bối, ngọt ngạt khiến con người rơi vào thế bị động và như một phản xạ tự nhiên, người lính “vội bật tung cửa sổ”.
- Cách sử dụng liên tiếp các động từ mạnh “vội bật tung” đã diễn tả hành động nhanh, khẩn trương hồi hã của con người để tìm đến nguồn sáng của tự nhiên. Có thể nói chỉ khi ánh sáng nhân tạo vụt tắt, cái chói lòa của cửa gương không còn nữa thì anh lính mới đi tìm ánh sáng ở bên³⁴⁴ ngoài, nguồn sáng tự nhiên. Thật bất ngờ trong khoảnh khắc từ bóng tối

bước ra ánh sáng, người lính đã gặp lại hình ảnh vàng trắng: “đột ngột vàng trắng tròn”

- Từ láy “đột ngột” đảo lên đầu câu nhấn mạnh trạng thái cảm xúc thăng thốt, bất ngờ, bàng hoàng, ngạc nhiên đến ngỡ ngàng khi gặp lại vàng trắng, khi nhận ra “vàng trắng tròn”
- Ba chữ “vàng trắng tròn” gợi về hình ảnh vàng trắng đang ở độ đẹp nhất của tự nhiên, lung linh sáng đẹp tỏa sáng cả thành phố, mọi con ngõ và cả căn phòng của con người. Câu thơ còn cho ta cảm nhận trăng vẫn nguyên sơ như thuở nào, vẫn tròn đầy của tình bạn, tình nghĩa thủy chung vẫn xuất hiện khi người lính cần, đồng hành cùng người lính, trăng hiện ra không chỉ chiếu sáng cho căn phòng tối om mà còn rơi vào sự vô tình bạc bẽo của con người khiến cho người lính trào dâng bao cảm xúc.

⇒ Có thể nói khổ thơ thứ tư chính là một nút thắt khơi gợi những tâm trạng suy nghĩ của con người tạo nên một sự thức tỉnh, sự nhận thức quý giá.

3. Trăng gợi nhắc sự thức tỉnh (Khổ 5, 6)

a. Khổ 5

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng như
là đồng là bể như là
sông là rừng*

- Điệp từ “mặt” gợi giây phút đối diện giữa con người và trăng. Giây phút ấy ta đã từng gặp trong câu thơ của Lý Bạch đời Đường: “Ngẩng đầu nhìn trăng sáng/ Cúi đầu nhớ cố hương”, sau này là những câu thơ của Bác “Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ/ Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”. Cũng là giây phút con người đối diện với trăng nhưng nếu câu thơ Lý Bạch thăm thẳm nỗi hoài hương của kẻ ly hương, còn câu thơ của Bác lại dạt dào niềm thi hứng của nhà thơ chiến sĩ trong cuộc vượt ngục tinh thần thì câu thơ của Nguyễn Duy là nỗi “rưng rưng”, xúc động khi gặp lại hình ảnh vàng trắng quá khứ.

- Từ láy “rưng rưng” diễn tả sự xúc động mãnh liệt nghẹn ngào trong tâm hồn con người muốn nói mà chẳng nói thành lời, muốn khóc mà không khóc được, nước mắt như sắp ứa nơi bờ mi. Giọt nước mắt chảy bên trong ấy là giọt nước mắt của niềm hạnh phúc ngày gặp lại? Hay giọt nước mắt của sự sám hối muộn màng, giọt nước mắt của sự xúc động nghẹn ngào? Của sự thức tỉnh lương tri? Dù hiểu theo cách nào thì cái rưng rưng ấy cũng biểu lộ một sự xáo động mạnh trong cảm xúc, tâm tư người lính.
- Càng nhìn vàng trắng, nhà thơ càng thấy những kỉ niệm ấu thơ, một thời chiến tranh ác liệt:

*như là đồng là bể như
là sông là rừng*

- Hai câu thơ với việc sử dụng điệp từ “như là”, điệp cấu trúc câu, hình ảnh so sánh qua từ “như là”, nghệ thuật liệt kê các hình ảnh quá khứ “đồng, bể, sông, rừng” khiến nhịp thơ nhanh, giọng thơ sôi nổi, thiết tha như nhân vật trữ tình đang sống lại những ngày xanh.

b. Khổ 6

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình ánh
trăng im phăng phắc đủ
cho ta giật mình*

- Ở hai câu thơ đầu, ta bắt gặp vàng trắng của thiên nhiên tròn đầy sáng đẹp qua cụm tính từ “tròn vành vạnh”. Từ láy “vành vạnh” kết hợp với phó từ “cứ” càng làm sáng rõ vàng trắng tròn đầy viên mãn lúc nào cũng sáng tỏ. Dù trải qua bao nhiêu thay đổi, bao sự biến thiên của thời gian nhưng trăng “vẫn” cứ thế bất kể sự vô tình quên lãng của con người. Điều đặc biệt là trăng trong thiên nhiên có khi tròn khi khuyết nhưng ở đây, trăng trong thơ Nguyễn Duy lúc nào cũng tròn đầy.
- Trăng thì thế còn con người thì sao? Người lại “vô tình” với trăng từ ngày về thành phố. Người đã thay đổi hoàn toàn coi tri kỷ là người
346
dưng. Sự vô tình ấy khiến lòng ta chua xót. Đặt hình ảnh “trăng cứ tròn vành vạnh” đối lập với thái độ “vô tình” của con người, tác giả còn

muốn nhấn mạnh tấm lòng bao dung độ lượng đầy vị tha của thiên nhiên, của quá khứ nghĩa tình đối với con người mà không đòi hỏi sự đền đáp.

- Phải chăng chính sự bao dung độ lượng của vàng trắng đã giúp con người nhận thức được:

*ánh trăng im phăng phắc đủ
cho ta giật mình*

- “im phăng phắc” là từ láy gợi chân thật trạng thái của “ánh trăng” bởi trăng không giống mây lúc tụ lúc tan, trăng không giống mưa lúc rơi lúc tạnh và trăng cũng không như gió khi ngừng khi thổi mà trăng muôn đời im lặng mà sáng, đồng thời còn gợi cái nhìn nghiêm khắc, gợi cái nhìn bao dung độ lượng, cao thượng.
- Chính điều đó khiến cho ta “giật mình”. Cái “giật mình” là sự thức tỉnh, là cảm giác ăn năn, sám hối tự vấn lương tri. Ăn năn là một trạng thái tinh thần mà trong đó người ta nghiêm khắc kiểm điểm mình, dừng cảm phán xét những tội lỗi, yếu kém của mình. Thực chất ăn năn là một cuộc đấu tranh âm thầm, một cuộc vật lộn không khoan nhượng: cái Tốt, cái Thiện tuyên chiến với cái Xấu, cái Ác; cái Cao cả phủ định sự Thấp hèn, lòng Vị tha vượt lên sự Vị kỷ... Và sự thức tỉnh ấy nhờ cái đẹp của ánh trăng. Cái đẹp có khả năng cảm hóa lay thức tâm hồn con người. Bởi thế bài thơ không chỉ ngợi ca cái đẹp, không chỉ nhấn nhủ lẽ sống ân tình mà còn nói về sức mạnh của cái đẹp. Đó chính là giá trị nhân văn của thi phẩm này.
- Nguyễn Duy đã diễn tả rất thành công những biến thái tinh vi của một tâm hồn trong quá trình ăn năn, hối hận. Nếu ai đã có lần đọc Hơi ẩm ở rơm của tác giả, sẽ nhận thấy cảm xúc của Nguyễn Duy rất dễ rung với những tình huống giản dị mà có lẽ ít nhà thơ có được:

Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm

Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng

Trong hơi ẩm hơn nhiều chấn đệm

Của những cọng rơm xơ xác, gầy gò

Hạt gạo nuôi hết thấy chúng ta no

*Riêng cái ấm nồng nàn như lửa
Cái mộc mạc lên hương của lúa
Đâu dễ chia cho tất cả mọi người.*

- Qua đoạn thơ, Nguyễn Duy đã khám phá ra vẻ đẹp không bao giờ kết thúc của con người. Hành trình đi tìm hạt ngọc ẩn dấu trong tâm hồn con người không bao giờ ngơi nghỉ và việc hoàn thiện mình của mỗi con người cũng không phải một sớm một chiều. Cuộc đấu tranh hướng thiện âm thầm mà khốc liệt. Nó đòi hỏi lòng dũng cảm của mỗi người. Người lính năm xưa đã nhìn lại quá khứ, soi mình trong hiện tại để đấu tranh loại bỏ sự vô tình của bản thân, hướng tới sự cao cả, tốt đẹp.
- Điều đáng chú ý là kết thúc bài thơ không phải tôi giật mình mà là “ta” giật mình. Đại từ “ta” xuất hiện duy nhất một lần ở cuối cùng của bài thơ giúp cho ta thấm thía bao điều: lời nhắc nhở trong bài thơ không chỉ có ý nghĩa với một người mà cái giật mình cũng không phải của riêng người lính, của riêng nhà thơ mà là của tất cả những người lính đã từng trải qua chiến tranh và cho tất cả chúng ta. Đó là lời nhắc nhở mà Nguyễn Duy muốn gửi tới mọi người về lẽ sống về bài học đạo lý làm người: lẽ sống ân tình, ân nghĩa thủy chung, trân trọng quá khứ, trân trọng giá trị truyền thống. Bài học ấy đâu chỉ tìm trong sách vở mà là sự bừng tỉnh tâm thức của con người, là tiếng nói của lương tâm mách bảo.
- Theo dõi toàn bộ bài thơ, đến đây ta mới bắt gặp hình ảnh “ánh trăng”. “Ánh trăng” chính là sự quy tụ, kết tinh đẹp nhất của vầng trăng tạo nên chiều sâu tư tưởng của tứ thơ đồng thời nâng vẻ đẹp của bài thơ lên đến đỉnh điểm. Ánh trăng là ánh sáng của triết lý về cuộc sống. Ánh sáng ấy có thể len lỏi vào những nơi khuất lấp trong tâm hồn con người để thức tỉnh họ giúp học nhận ra những điều sai trái, hướng con người đến những giá trị tốt đẹp.

IV. Đánh giá tổng hợp

348

- Khái quát nghệ thuật
 - Thể thơ ngũ ngôn kết hợp phương thức tự sự và biểu cảm
 - Giọng tâm tình thủ thỉ, nhịp thay đổi linh hoạt

- Bố cục độc đáo như một câu chuyện nhỏ của người lính kể theo trình tự thời gian
 - Biện pháp nghệ thuật: so sánh, nhân hóa, điệp từ, điệp cấu trúc, đảo ngữ... □ Xây dựng sáng tạo hình tượng vàng trắng giàu ý nghĩa biểu tượng.
- Khái quát nội dung: Từ một câu chuyện riêng, bài thơ cất lên lời nhắc nhở thấm thía về những năm tháng gian khổ đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước bình dị, hiền hậu. Từ đó có ý nghĩa gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân tình, thủy chung cùng quá khứ.
 - Mở rộng: Ánh trăng không chỉ là chuyện riêng của nhà thơ, chuyện của một người mà còn có ý nghĩa đối với cả một thế hệ đã từng trải qua những năm tháng dài gian khổ của chiến tranh, từng gắn bó với thiên nhiên, nhân dân nghĩa tình giờ được sống trong hòa bình... hơn nữa bài thơ còn có nghĩa với nhiều người bởi nó đặt ra vấn đề thái độ đối với quá khứ, với những người đã khuất, và với chính mình.
 - Đóng góp: Đặt bài thơ vào hoàn cảnh ra đời sau đại thắng của dân tộc ba năm, chúng ta cần hiểu càng thấy rõ hơn ý nghĩa cũng như giá trị của bài thơ đối với sự nghiệp văn học của tác giả cũng như đối với dòng văn học Việt Nam trong giai đoạn lúc bấy giờ. Cũng với những tác phẩm như “Bức tranh” của Nguyễn Minh Châu, “Mùa lá rụng trong vườn” của Ma Văn Kháng, bài thơ đã góp phần tạo nên hướng đi mới cho văn học lúc bấy giờ, giúp thu hẹp bớt khoảng cách giữa văn học và đời sống khi mà văn thơ lúc bấy giờ chủ yếu ca ngợi chiến thắng của dân tộc thì “Ánh trăng” đi sâu vào khai thác đời sống thế sự, đạo đức hàng ngày của con người, khám phá mọi mặt của cuộc sống con người.
 - Với Nguyễn Duy, vàng trắng trên bầu trời gợi cả một thời gian trong quá khứ và đặc biệt làm cho tâm hồn thi nhân bừng tỉnh và trở về với chính mình. Có bao giờ ta tự hỏi tại sao cũng chỉ là vàng trắng ấy thôi, con người lại có thể nhìn thấy nhiều điều khác nhau đến thế? Lúc ấy, hãy nhớ lại câu nói của Mác-xen Prut-xơ: “Thế giới được tạo lập không phải một

lần mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một thế giới được tạo lập”.

- “Ánh trăng” với sự thành công về nội dung và nghệ thuật xứng đáng nằm trong tập thơ đạt giải A của Hội nhà văn Việt Nam, là một sự thành công mới về đề tài vầng trăng trong thơ ca dân tộc, một vầng trăng mang giá trị nhân văn sâu sắc. Bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác của Nguyễn Duy: sáng tạo những hình ảnh mang ý nghĩa biểu trưng.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Cảm nhận của em về ba khổ cuối bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy
2. “Bằng hình ảnh trăng hiện ra đột ngột giữa khung cảnh thành phố, bài thơ như một lời nhắc nhở các tác giả về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hòa”. Em hãy phân tích bài thơ “Ánh trăng” (Nguyễn Duy) để làm rõ nhận định đó.

Gợi ý

- Đây là dạng bài phân tích tác phẩm. Tác phẩm phải phân tích là bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy.
- Người viết cần tìm hiểu kĩ nhận xét về bài thơ nêu ở phần thứ nhất của đề để nắm vững chủ đề của bài thơ. Có như vậy mới phân tích bài thơ đúng hướng, mới làm rõ được nhận xét đó như yêu cầu đã nêu ở phần thứ hai của đề. Để làm được điều này người viết không thể chỉ dựa vào những cảm nhận tự do mà cần căn cứ vào nhận xét, tiến hành phân tích bài thơ theo hướng ánh trăng gợi lại:
 - Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt thì quan hệ đôi bên, người lính và trăng, đều thủy chung son sắt.
 - Trong thanh bình hạnh phúc thì ngược lại, người ta dễ quên đi mối tình tri kỷ của một thời.
 - Khi ánh trăng xưa vẫn thủy chung, bình dị, khiêm nhường và im lặng³⁵⁰ hiện về đột ngột, người lính bỗng có nhiều suy nghĩ. Đặc biệt cần phân tích chiều sâu triết lí của khổ thơ cuối: vầng trăng – biểu tượng của sự bao dung, cái giạt mình chứa đựng không chỉ là sự ân hận mà còn biết bao điều nhà thơ suy ngẫm và muốn nhắn gửi tới người đời.

- Người viết còn phải luôn luôn bám vào ngôn ngữ thơ mà phân tích làm rõ từng ý trên đây. Lời văn của người phân tích bài thơ cũng nên chân thành, giản dị như lời tâm sự mộc mạc mà tha thiết, trầm tĩnh mà sâu lắng của bài thơ.

3. “Mỗi tác phẩm là một thông điệp mà người nghệ sĩ muốn gửi đến cho độc giả”. Em hãy cảm nhận ba khổ cuối bài thơ Ánh trăng, từ đó rút ra những thông điệp mà Nguyễn Duy muốn gửi gắm tới bạn đọc.
4. Những trăn trở, suy tư của người lính sau chiến tranh qua bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy.
5. Có ý kiến cho rằng: “Trăng không chỉ là ánh sáng của thiên nhiên mà trăng còn là người bạn gắn bó, sẻ chia với quãng đời của con người”. Em hãy chứng minh lời nhận định trên qua thi phẩm Ánh trăng của Nguyễn Duy.
6. Phân tích bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy. Bài thơ gợi cho em những suy nghĩ gì về cuộc sống? (Trả lời câu hỏi ở phần Đánh giá khái quát toàn bài)
7. “Thơ hay không chỉ làm ta xúc động mà còn giúp ta vỡ lẽ ra những điều sâu xa”. Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên. Bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy đã khiến em rung động và vỡ lẽ như thế nào?
8. Xuyên suốt bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy là hình tượng vầng trăng. Em hiểu thế nào về hình tượng đó?
9. Cảm nhận của em về hình tượng “ánh trăng” trong mối quan hệ với không gian, thời gian ở thi phẩm Ánh trăng của Nguyễn Duy.
10. Bàn về khả năng tác động của tác phẩm văn học đến tâm hồn con người, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã cho rằng: “Mỗi tác phẩm như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi...” (Tiếng nói của văn nghệ - SGK NV9, tập 2 trang 14)
Em hiểu thế nào về ý kiến trên? Từ bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy, hãy phân tích và làm rõ ánh sáng riêng mà tác phẩm này đã soi rọi vào tâm hồn em.
11. Trong buổi thảo luận về bài Ánh trăng của Nguyễn Duy, một bạn học sinh cho rằng: Bài thơ được người đọc yêu thích bởi Nguyễn Duy đã tìm về một đề tài thi vị, quen thuộc. Một bạn khác lại đưa ý kiến: Bài thơ sống trong lòng người đọc bởi Nguyễn Duy đã chọn cho mình một lối đi riêng. Em hãy bàn luận về các ý kiến.

VIẾNG LĂNG BÁC

352

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Viễn Phương (1928 – 2005) tên thật là Phan Thanh Viễn, quê ở An Giang.
- Ông là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam.
- Thơ Viễn Phương thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm, và chất mơ mộng ngay trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt của chiến trường.

2. Tác phẩm

- a. Hoàn cảnh sáng tác
 - Năm 1976 Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, lăng chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa khánh thành, tác giả ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ.
- b. Xuất xứ: in trong tập "Nh mây mùa xuân" (1978).
- c. Chủ đề: Bài thơ là niềm xúc động và lòng thành kính của Viễn Phương cũng là của Đồng bào miền Nam khi vào lăng viếng Bác.
- d. Cảm hứng bao trùm: là niềm xúc động thiêng liêng thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau khi tác giả từ miền Nam ra viếng lăng Bác. Cảm hứng ấy đã chi phối giọng điệu của bài thơ. Đó là giọng thành kính, trang nghiêm phù hợp với không khí thiêng liêng ở lăng, nơi vị lãnh tụ yên nghỉ. Cùng với giọng suy tư, trầm lắng là nỗi đau xót lẫn niềm tự hào.
- e. Mạch cảm xúc: đi theo trình tự của một cuộc vào lăng viếng Bác, từ khi đứng trước lăng đến khi bước vào Lăng và trở ra về. Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước. Tiếp đó là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bắt tận ngày ngày vào lăng viếng Bác. Xúc cảm và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, vàng trắng, trời xanh. Cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muốn tâm lòng mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác.

⇒ Mạch cảm xúc như trên đã tạo nên một bố cục khá đơn giản, tự nhiên và hợp lý của bài thơ à

353

B. Luyện đề

“Thơ là tiếng lòng” (Diệp Tiệp). Hãy phân tích bài thơ Viếng lăng Bác để thấy rõ tiếng lòng của Viễn Phương gửi qua đó.

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận, trích ý kiến
- II. Giải thích ý kiến
 - Khái quát: Ý kiến trên vô cùng sâu sắc...
 - “Thơ” là một thể loại văn học lấy cảm xúc làm nội dung biểu đạt.
 - “Tiếng lòng” là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ nghệ sĩ, người sáng tạo

⇒ Ý kiến trên đã khẳng định đặc trưng cơ bản của thơ.
- III. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (A)

IV. Cảm nhận

1. Niềm xúc động của tác giả khi đứng trước lăng Bác (khổ 1)

- Khổ thơ đầu tiên là những cảm xúc của VP khi đứng trước lăng Bác, từ đó thể hiện sự thành kính của nhà thơ với Bác.

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng*

- Từ mảnh đất miền nam mấy chục năm khói lửa, nhà thơ Viễn Phương mới hành hương ra thăm miền Bắc. Cầu dầu giản dị như một lời thông báo nhưng chất chứa biết bao nỗi niềm, đây là lời người con ở phương xa lâu ngày mới được về thăm người cha già kính yêu. Có lẽ bởi vậy mà trong niềm sâu thẳm dâng lên nỗi xúc động nghẹn ngào.
- Cách xưng hô “con- Bác”? quen thuộc mang đậm chất Nam Bộ gợi tình cảm ruột thịt gắn bó giữa nhà thơ với Bác, nhà thơ giống như một đứa con đi xa lâu ngày trở lại thăm người cha già. Chính cách xưng hô ấy đã kéo gần lại khoảng cách xa vời giữa Nam với Bắc xóa nhòa đi cách biệt giữa thời gian trước sau, địa vị thấp cao, sự cách biệt giữa âm dương cách trở. Và tình cảm ấy có lẽ không chỉ của riêng nhà thơ Viễn Phương mà là của bao người Việt Nam khi nghĩ về Bác, khi viết về Bác.
- Liên hệ: Nhà thơ Tố Hữu cũng từng viết:

Con nghe Bác tưởng nghe lời non nước

Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau.

354

(Sáng tháng năm – Tố Hữu)

- ⇒ Cách xưng hô của Viễn Phương mang một sắc thái xúc động và thành kính của một người con từ mảnh đất mấy chục năm trời chiến đấu gian khổ nay mới có dịp đến viếng Bác.
- Nhan đề bài thơ là “Viếng lăng Bác” nhưng ở câu thơ mở đầu tác giả lại viết “thăm lăng Bác”. Có lẽ chính nỗi xúc động nghẹn ngào khi vượt cả một quãng đường dài trở về thăm Bác khiến cho nhà thơ dùng từ “thăm” thay cho từ “viếng”. Chính cách nói giảm, nói tránh này đã làm vơi đi nỗi đau đớn, xót xa khi nghĩ về việc Bác đã mất, đồng thời cũng như một lời khẳng định Bác vẫn còn sống mãi trong lòng nhà thơ, trong lòng tất cả thế hệ người dân Việt Nam.

- Ấn tượng sau lời thơ giản dị âm điệu sâu lắng là nỗi xúc động nghẹn ngào của nhà thơ. Niềm xúc động ấy được thể hiện ở bản thân danh từ “miền Nam”. Danh từ này không chỉ là tên đất, tên vùng mà còn là đồng bào ruột thịt, là nỗi nhớ niềm thương canh cánh trong lòng Bác:

Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà

Miền Nam mong Bác nỗi mong cha

- Hơn thế, nhà thơ còn thấu hiểu cả nỗi lòng của những đứa con miền Nam luôn mong ngóng Bác:

Miền Nam đang thẳng ngày mở hội

Đón Bác vào thăm thấy Bác cười

- Thật vinh dự cho Viễn Phương khi ngày đất nước độc lập, lăng Bác vừa khánh thành, nhà thơ được đến với Bác. Trong niềm xúc động bồi hồi, nhà thơ đã xuất hiện trước lăng Người từ rất sớm và hình ảnh đầu tiên tác giả nhìn thấy là hàng tre:

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

- Cụm từ “đã thấy” diễn tả sự ngạc nhiên đến ngỡ ngàng của nhà thơ khi nhìn thấy hình ảnh hàng tre bên lăng Người. Hàng tre vốn là hình ảnh quen thuộc gần gũi của bao làng quê Việt Nam vậy mà lại có rất nhiều ở lăng Bác – nơi trang nghiêm nhất. Chính điều này khiến tác giả liên tưởng như lăng Bác đặt giữa làng quê Việt Nam. Phải chăng hàng tre là biểu tượng của cỏ cây mang bản sắc quê hương hội tụ về lăng Bác với lòng tôn kính. Tác giả đến với Bác mà như trở về với làng quê bình dị mà ấm áp nghĩa tình.

355

- Hình ảnh “hàng tre bát ngát” trong câu thơ giúp chúng ta cảm nhận được sự tỏa rộng của tre khắp lăng Người, làm tăng thêm không khí thiêng liêng, truyền thống của quảng trường Ba Đình lịch sử, đồng thời gợi lên cảm giác ấm áp khi đến lăng.
- Trong niềm xúc động ngỡ ngàng đến ngạc nhiên ấy, không nén nỗi xúc động, tác giả thốt lên:

Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

- Thán từ “ôi” đặt ở đầu câu thơ không chỉ thể hiện niềm xúc động trào dâng mà còn thể hiện niềm tự hào của nhà thơ bởi từ lâu hàng tre thân thuộc đã là biểu tượng ngàn đời cho phẩm chất của con người Việt Nam.
- Từ láy “xanh xanh” được đảo lên trước danh từ “Việt Nam” nhấn mạnh màu xanh

vĩnh cửu của tre Việt Nam đồng thời khẳng định sự trường tồn bất diệt, sức sống mãnh liệt, tương lai tương sáng của cả dân tộc Việt Nam.

- Thành ngữ “bão táp mưa sa” ở câu thơ cuối đầu chỉ tả thực thời tiết khắc nghiệt của đất nước Việt Nam nắng lắm mưa nhiều, thiên tai thường xuyên mà còn gợi ra những khó khăn, những thử thách gian nan, những thăng trầm lịch sử trong 4000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Và nếu như những cây tre luôn đứng thẳng hàng luôn vươn lên bất chấp bão giông thì con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam cũng luôn luôn kiên cường bất khuất trước mọi gian nan thử thách:

Bão bùng thân bọc lấy thân

Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm

Thương nhau tre chẳng ở riêng

Luỹ thành từ đó mà nên hỡi người

(Tre Việt Nam, Nguyễn Duy)

- Hơn thế nữa, hình ảnh hàng tre ở đây còn biểu trưng cho tấm lòng thủy chung son sắt của đồng bào ta, dân tộc ta dù hoàn cảnh nào cũng hướng về Bắc, luôn một lòng không thay đổi.
- Ý thơ còn cho ta liên tưởng phải chăng hình ảnh hàng tre còn tượng trưng cho những chiến sĩ cảnh vệ đang quây quần bên Bắc, canh cho bác giấc ngủ bình yên đầu kê chi mưa nắng, kê chi thời gian và không gian. Và chính bởi những phẩm chất cao quý ấy của con người Việt Nam cũng như là những cây tre Việt Nam bên³⁵⁶ lăng Bác, trong lòng nhà thơ đã trào dâng niềm xúc động, khâm phục và nỗi niềm xúc động ấy đã thốt lên qua câu cảm thán.
- Từ “ôi” đi liền với dấu chấm than thể hiện niềm xúc động tự hào ghen ngạo của tác giả khi nghĩ về đất nước, về dân tộc mình.

⇒ Như vậy, khổ thơ với những hình ảnh ẩn dụ độc đáo với sự xúc động ghen ngạo khi đến thăm lăng Bác thể hiện tình cảm chân thành của nhà thơ. Có thể nói bao trùm lên khổ thơ là nỗi xúc động rung rung, niềm băng khuâng xao xuyến của người con miền nam lần đầu đến thăm lăng Bác. Những tâm trạng ấy dễ khiến cho những cảm nhận của nhà thơ vừa có cái thực vừa có cái mộng và có lẽ để lại ấn tượng nhất cho người đọc chính là hình ảnh hàng tre giản dị, thân thuộc gần gũi với làng quê Việt Nam, là biểu tượng cho một đất nước kiên cường, bất khuất, anh dũng chiến đấu dựng xây bảo vệ

Tổ quốc.

1. Niềm trân trọng ngợi ca của tác giả khi hòa cùng dòng người vào lăng viếng Bác

- Hòa cùng dòng người vào lăng viếng Bác, trong niềm xúc động trào dâng, tứ thơ vút lên những hình ảnh đẹp đầy xúc cảm:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

- Ở hai câu thơ đầu, tác giả đã sáng tạo hai hình ảnh mặt trời đối xứng nhau rất đặc biệt:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

- Hình ảnh mặt trời trong câu đầu tiên là hình ảnh thực trong thiên nhiên tượng trưng cho thiên nhiên trường tồn bất diệt có vai trò quan trọng đối với vạn vật trên trái đất, đem lại sự sống cho muôn loài. Hình ảnh ấy lại được tác giả nhân hóa như con người biết “đi” qua lăng và “thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”. Chính từ “đi” và từ “thấy” đã cho ta cảm nhận hình dung mặt trời của tự nhiên giống như một người bạn thân thiết ngày này qua ngày khác đi qua lăng bầu bạn với Bác Hồ và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Người, thiên nhiên lúc nào cũng gần gũi thân thiết, quấn quýt bên người.
- Cái độc đáo trong câu thơ còn ở chỗ tác giả đã tạo ra phép đối xứng đầy ý nghĩa giữa mặt trời của thiên nhiên với mặt trời ở trong lòng. “Mặt trời” ở trong lăng chính là hình ảnh ẩn dụ chỉ Bác Hồ. Như vậy có thể thấy nếu vũ trụ có mặt trời mang lại ánh sáng cho thế gian thì dân tộc Việt Nam cũng có một mặt trời riêng đấy là Bác. Chính Bác đã mang đến ánh sáng cách mạng soi đường chỉ lối cho chúng ta đi mang lại cuộc sống ấm no tự do hạnh thay cho đời nô lệ lầm than. Chính sự đối xứng song hành của hai hình ảnh mặt trời đã đề cao và ngợi ca sự cao cả và vĩ đại của Bác Hồ cũng như tấm lòng kính yêu biết ơn vô hạn của đồng bào ta với Bác:

*Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa*

Tự do cho mỗi đời nô lệ

Sửa để em thơ, lụa tặng già

(Bác ơi, Tố Hữu)

- Liên hệ: Nhà thơ Chế Lan Viên cũng đã từng ca ngợi công lao của Bác trong bài thơ “Người đi tìm hình của nước”:

Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi

Những đất tự do, những trời nô lệ

Những con đường cách mạng đang tìm đi

- Có thể nói, Bác đã trải qua nhiều vất vả để đem lại ánh sáng của cuộc sống tự do cho dân tộc. Nhà thơ Tố Hữu đã từng cảm nhận về thứ ánh sáng ấm no hạnh phúc mà Bác Hồ mang lại cho dân tộc Việt Nam rất độc đáo:

Người rực rỡ một mặt trời cách mạng

Mà để quốc là loài rơi hốt hoảng

Đêm ngày bay chập choạng dưới chân Người.

(Sáng tháng năm)

- Có lẽ nhận ra Bác dù đã mất mà vẫn chỉ là “một mặt trời rất đỏ” chính là một cảm nhận một sự sáng tạo rất đáng trân trọng của nhà thơ Viễn Phương. Chính cụm từ “rất đỏ” khiến cho câu thơ trở nên đẹp hơn, ấn tượng sâu xa hơn. 358

- Liên hệ: Từ xưa đến nay, người ta thường ví những điều cao cả với mặt trời. Chế Lan Viên trong bài thơ “Người đi tìm hình của nước” đã ví Cách mạng tháng 10 Nga như mặt trời của phương Đông

Kìa mặt trời Nga bừng chói ở phương Đông

Cây cay đắng đã ra mùa quả ngọt

Người cay đắng đã chia phần hạnh phúc

Sao vàng bay theo liềm búa công nông.

- Trong bài thơ “Từ ấy” của Tố Hữu cũng từng ví chân lý cách mạng với mặt trời:

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lý chói qua tim.

- Nhưng ngẫm ví bác với “mặt trời” trong cái nhìn đầy chiêm ngưỡng hàng ngày của mặt trời tự nhiên lại là một so sánh rất sáng tạo, rất mới mẻ và độc đáo. Bởi nếu như mặt trời của tự nhiên vốn rực rỡ nhưng cũng có lúc bị khuất lấp bởi bóng mây, bởi lúc chiều tà thì Bác – mặt trời của dân tộc Việt Nam luôn tỏa sáng trong suy

ngẫm trong 1 tấm lòng người dân Việt Nam.

- Chính cụm từ “rất đỏ” đã tôn vinh sự vĩ đại của Bác đồng thời thể hiện niềm kính yêu sự biết ơn vô hạn của Viễn Phương hay chính là của toàn thể dân tộc Việt Nam đối với Bác.
- Hơn thế, từ láy “ngày này” đặt ở đầu câu thơ như bất tử hoá hình tượng Bác Hồ trong lòng mọi người. Trong niềm xúc động, tác giả lại tiếp tục có những liên tưởng độc đáo:

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

- Từ láy “ngày ngày” diễn tả một thời gian nối tiếp nhau trong vô tận, dòng người như không bao giờ hết cứ ngày ngày nối tiếp vào lăng Bác. Viễn Phương viết “dòng người” chứ không phải “đoàn người” bởi chỉ có “dòng” mới diễn tả được cái vô cùng, sự bất tận của nỗi nhớ thương, niềm xúc động, tri ân của những con người đến viếng lăng Bác.
- Câu thơ có sự kết hợp hài hoà giữa cái cụ thể và cái trừu tượng. Hình ảnh “dòng người” vào lăng viếng Bác là hình ảnh thực mang tính cụ thể còn “đi trong thương nhớ” là hình ảnh trừu tượng. Hai chữ “thương nhớ” đã gọi về biết bao tình cảm yêu thương triu mến, gần gũi, cả lòng thành kính tiếc thương vị cha già dân tộc của tác giả. Chính sự kết hợp này đã nhấn mạnh tấm lòng thương nhớ, sự thành kính của người dân Việt Nam khi đến với lăng Người.
- Mở rộng: Đọc những vần thơ đầy xúc cảm của Viễn Phương, ta lại liên tưởng đến những tiếng thơ nghẹn ngào xúc động của Tố Hữu khi ngẫm về Bác:

Bác để tình thương cho chúng con

Một đời thanh bạch chẳng vàng son

Mênh mông áo vải hồn muôn trượng

Hơn tượng đồng phơi những lối mòn

- Chỉ đơn giản thế thôi ta mới thấy kể sao cho xiết tình cảm của những dòng người vào lăng viếng Bác. Và trong nỗi niềm nhớ thương ấy, mọi người đã cùng nhau: Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.
- Hình ảnh “tràng hoa” là một hình ảnh ẩn dụ xuất phát từ hình ảnh thực dòng người vào lăng viếng Bác và mỗi người được ngẫm ví như một bông hoa đẹp kết thành một tràng hoa dâng Bác kính yêu. Đó là tràng hoa của những nhớ thương, là tràng

hoa gắn với những vinh quang, những thành quả tốt đẹp của những con người ưu tú trên khắp mọi miền đất nước. Tràng hoa ấy được dệt nên từ lòng thành kính và ngưỡng mộ đối với Bác.

- Chỉ một từ “dâng” giản dị nhưng lại chứa bao tình cảm thiêng liêng thành kính của người dân Việt Nam đối với Bác Hồ. Câu thơ còn cho ta cảm nhận một không khí yên lặng, thành kính của dòng người khi nối dài vào lăng viếng Bác như muốn giữ yên cho giấc ngủ của người.
- Cùng chung suy nghĩ của Viễn Phương, khi đến viếng lăng bác, nhà thơ Hải Như cũng từng viết:

*Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa
Trăng ơi trăng hãy yên lặng cúi đầu
Suốt cuộc đời bác có ngủ yên đâu
Nay bác ngủ, chúng ta con giấc ngủ*

⇒ Có lẽ đó là suy nghĩ chung của tất cả người con khi đến thăm lăng Bác.

- Hình ảnh “bảy mươi chín mùa xuân” là hình ảnh hoán dụ cho bảy mươi chín tuổi đời của Bác với bảy mươi chín năm Bác sống trên cuộc đời. Mỗi năm xuân đến,³⁶⁰ con người lại thêm một tuổi, mỗi mùa xuân tượng trưng cho một tuổi của con người. Qua hình ảnh hoán dụ này tác giả khẳng định cả cuộc đời Bác là một mùa xuân lớn và Bác đã đem lại mùa xuân vĩnh hằng cho dân tộc Việt Nam.
- Mở rộng: Có thể nói suốt cả cuộc đời Bác đã sống vì dân vì nước và lí tưởng của Bác là: “*Cả cuộc đời tôi chỉ có một ham muốn, một ham muốn tột bậc là làm sao cho nước nhà được độc lập, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*”. Và lí tưởng cách mạng ấy đã được Bác thể hiện bằng những việc làm để biến ước mơ thành hiện thực, chính mùa xuân trong cuộc đời Bác đã trở thành mùa xuân vĩnh hằng của toàn dân tộc.
- Trở lại với câu thơ, ta có thể thấy đặt tràng hoa bên cạnh bảy mươi chín mùa xuân tự đã thể hiện sự gắn bó mật thiết giữa tràng hoa của dân tộc với mùa xuân của Hồ Chí Minh: Chính mùa xuân mà Bác đã đem lại cho dân tộc đã góp phần làm nên tràng hoa của lòng thành kính hôm nay và giờ đây tràng hoa ấy lại như đang tô điểm thêm cho mùa xuân của Bác.
- Hai câu cuối đoạn thơ với nhịp thơ chậm rãi trải dài từ tám đến chín tiếng một dòng góp phần diễn tả không khí thiêng liêng thành kính trong lăng, gọi bước đi chậm

chậm của dòng người cùng với tấm lòng thành kính biết ơn.

2. Niềm thành kính của tác giả khi vào lăng viếng Bác (Khổ 3)

- Hòa trong dòng người vào lăng viếng Bác, khi nhìn thấy di hài của Người, niềm xúc động trào dâng trong lòng khiến tác giả tưởng như không phải gác chòm trong giấc ngủ vĩnh viễn mà người mới chỉ chớp mắt trong ánh trăng dịu hiền:

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền

- Với hình ảnh thơ “Bác nằm trong giấc ngủ bình yên”, nhà thơ đã gọi cho chúng ta thấy vẻ đẹp ung dung thanh thản của Người trong giấc ngủ bình yên sau bao lo toan vì dân, vì nước. Nếu ai đã từng một lần đến thăm lăng Bác, chắc hẳn lúc này cũng cùng nhà thơ cảm nhận được không khí trong lăng thật trang nghiêm, tĩnh mịch; cảm như thời gian, không gian như ngưng lại, tất cả dòng người, trong đó có nhà thơ đang lặng đi trong niềm thành kính trang nghiêm.
- Ngắm nhìn gương mặt Bác trong ánh sáng dịu nhẹ của ánh đèn nhà thơ tưởng như Bác đang nằm ngủ dưới ánh trăng. Trăng như đang canh giấc ngủ cho Người, ³⁶¹ làm đẹp thêm cho giấc ngủ của Bác. Sự liên tưởng tinh tế ấy phải chăng xuất phát từ thực tế khi Người còn sống người rất yêu trăng và tình cảm của Bác đối với trăng như là tình cảm của đôi tri kỉ. Câu thơ của Viễn Phương cũng gợi nhắc trong lòng người đọc những câu thơ của Bác về trăng:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

(Ngắm trăng)

Giữa dòng bàn bạc việc quân

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền

(Rằm tháng giêng)

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

(Cảnh khuya)

- Có thể thấy, khi còn sống, trăng luôn là người bạn tâm giao tri kỉ với Bác, chia sẻ buồn vui, khó khăn cùng bác. Có lẽ vì vậy mà sự liên tưởng của Viễn Phương ở đây một lần nữa khẳng định cuộc đời cũng như tâm hồn của Bác mãi đẹp sáng như vầng trăng với một tâm hồn nhân hậu, thanh cao, với một tấm lòng yêu thiên nhiên,

yêu trắng.

- Âm điệu câu thơ nhẹ nhàng, chậm rãi một loạt những tiếng có thanh bằng khiến cho ta cảm nhận được khung cảnh cũng như không khí trang nghiêm tĩnh lặng nơi Bác yên nghỉ. Ấn tượng sau hình ảnh thơ đầy xúc động, thiêng liêng ấy ta như cảm nhận được lời nhắc nhở khe khẽ: mỗi người hãy cùng nhẹ bước khi vào trong lòng để Bác yên giấc.
- Dẫn: Bác vĩ đại nhưng Bác cũng là một con người bình thường như bao người khác, cũng phải tuân theo quy luật của tự nhiên. Vậy nên dù nhà thơ không muốn, dù hàng triệu con tim Việt Nam không muốn nhưng vẫn phải đối mặt với một sự thật là Bác không còn:

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim

- Ngầm ví Bác với “trời xanh” kết hợp từ láy “mãi mãi” tác giả muốn khẳng định sự bất tử của Người trong trái tim của cả dân tộc Việt Nam. Bác đã hóa thân vào thiên nhiên đất nước bình dị mà vĩnh hằng. Hình ảnh “trời xanh” cùng với hệ thống hình ảnh “vàng trắng, mặt trời” ở những câu thơ trên tạo thành những hình ảnh ẩn dụ độc đáo để ca ngợi sự vĩ đại của Bác đồng thời thể hiện niềm tự hào, kính yêu Bác của tác giả. Dù lý trí vẫn tin là như vậy xong nhà thơ vẫn không kìm nổi nỗi đau đớn xót xa “Mà sao nghe nhói ở trong tim”.
- Câu thơ với nhịp 3/4 từ “nghe, nhói” đặt giữa câu thơ diễn tả sự đau đớn xót xa rất đột ngột của tác giả trước sự thật Bác đã ra đi mãi mãi. Nỗi đau ấy nhà thơ như lắng nghe được từ trong trái tim mình. Có lẽ đó không chỉ là nỗi của riêng nhà thơ mà còn là của triệu triệu con tim Việt Nam trước ngày định mệnh Bác ra đi. Nhà thơ Tố Hữu cũng đã từng rơi lệ khi nghĩ về sự thật bác không còn nữa:

Bác đã đi rồi sao bác ơi

Đời tuôn nước mắt trời tuôn mưa.

- Hai câu thơ kết cấu theo kiểu câu ghép chính phụ với cặp quan hệ từ “vẫn biết – mà sao” tạo nên sự đối lập giữa lý trí và tình cảm, giữa thực và ảo nhấn mạnh 1 sự thật bất biến nhưng đồng thời khẳng định sự bất tử của Bác trong lòng người.

⇒ Đoạn thơ với sự xuất hiện của các hình ảnh ẩn dụ, biện pháp nói giảm, nói tránh đã diễn tả thành công tâm trạng đau đớn, xót xa nhớ thương của tác giả khi Bác đi xa. Đằng sau nỗi niềm ấy là sự tự hào, tấm lòng biết ơn của

người con ở phương xa dành cho vị cha già kính yêu. Đoạn thơ góp vào nén tâm hương dâng lên Bác kính yêu.

3. Nỗi niềm lưu luyến của tác giả trước khi rời khỏi lăng Bác (Khổ 4)

- Cuộc hội ngộ cũng đến lúc phải chia tay, đã đến lúc nhà thơ phải rời lăng Bác, nghĩ đến giây phút rời lăng mà lòng tác giả chứa chan bao cảm xúc:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

- Khổ thơ diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn ở mãi bên lăng Bác. Danh từ “mai” đứng ở đầu câu diễn tả thời gian tuy chưa đến, chưa đi, chưa bắt đầu mà lòng người đã trào dâng những lưu luyến, nhớ thương, những nuối tiếc, xót xa.
- Mở đầu bài thơ là “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”, kết thúc bài thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt”, mở đầu và kết thúc bài thơ với sự lặp lại của danh từ miền Nam” như một dụng ý hoàn tất cuộc hành hương của tác giả. Câu thơ như một lời chân thành tha thiết thể hiện sự tiếc thương lưu luyến của Viễn Phương khi nghĩ về ngày mai xa Bác.
- Mới nghĩ thôi mà tác giả không kìm được lòng mình “thương trào nước mắt”. Đó là những giọt nước mắt nhớ thương, là tình cảm của đứa con thương cha, người đã hy sinh cả đời mình cho hạnh phúc của mọi người như có nhiều nhà thơ ca ngợi:

Bác ơi tim Bác mênh mông thế

Ôm cả non sông trọn kiếp người.

- Đó là những con sóng của tình cảm trào dâng mãnh liệt. Tình cảm ấy đã hóa thành ước nguyện:

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

- Nhà thơ muốn ở lại và hóa thân vào các sự vật quanh lăng: muốn làm con chim cất cao tiếng hát ca ngợi công lao của Bác, muốn làm đoá hoa tỏa hương khoe sắc. Hình ảnh con chim, đoá hoa, cây tre là hình ảnh vô cùng giản dị đã trở thành nơi gửi gắm ước mơ khát vọng của tác giả, ước muốn rất khiêm nhường nhưng lại thể hiện được sự dạt dào của tình cảm. Có lẽ đó cũng là khát vọng của rất nhiều người,

nhiều thế hệ.

- Điệp từ “muốn làm” mở đầu lặp lại ba lần ở đầu ba câu thơ cùng cách điệp cấu trúc câu tạo cho ý thơ, lời thơ trở nên da diết, nhịp thơ trở nên dồn dập hơn, đồng thời nhấn mạnh ước nguyện chân thành đến cháy bỏng cảm xúc lưu luyến không muốn rời xa lãng của Viễn Phương, ước nguyện được ở lại bên bác, canh cho giấc ngủ của người, được làm đẹp cho nơi yên nghỉ của Bác.
- Hình ảnh cây tre trung hiếu”: Mở đầu bài thơ là hình ảnh tre xanh xanh Việt Nam, kết thúc bài thơ cũng là hình ảnh cây tre, điều này tạo cho bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng, vừa khép lại bài thơ vừa như một lời thề sắt son của Viễn Phương nguyện trung thành với sự nghiệp cách mạng của Bác, đồng thời mở ra ý tưởng mới: cây tre trung hiếu là hình ảnh ẩn dụ đầy sáng tạo thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của con người Việt Nam luôn luôn tận trung với nước, tận hiếu với dân,³⁶⁴ đời đời trung thành với sự nghiệp cách mạng của Bác. Hình ảnh cây tre vừa thể hiện được nỗi niềm riêng vừa thể hiện nỗi niềm chung của mọi người.
- Có thể nói bài thơ kết thúc tưởng như xa cách về không gian nhưng lại tạo nên sự liên kết về tình cảm, tấm lòng. Lòng người bước chân ra đi nhưng tấm lòng tình cảm vẫn còn mãi đâu đây quanh năng chốn này. Cái không khí cuối cùng tỏa ra là hơi ấm tình người qua những hình tượng thơ thật nồng hậu như có tiếng chim hót, có hương thơm của hoa và vẫn là cây tre tượng trưng cho hồn dân tộc ở quanh lăng Bác. Đó là âm hưởng cuộc viếng lăng Bác mà Viễn Phương để lại cho chúng ta.

V. Đánh giá tổng hợp

1. Lời nhận định vô cùng xác đáng.
2. Nghệ thuật
 - Thể thơ: tám chữ biến thể nhịp chậm, giọng điệu bài thơ phù hợp với tình cảm, cảm xúc vừa trang nghiêm sâu lắng, vừa đau xót, vừa tự hào, vừa trầm lắng, thiết tha xen lẫn niềm tự hào thể hiện đúng tâm trạng xúc động khi vào lăng viếng Bác.
 - Cách gieo vần linh hoạt vần liền và dãn cách góp phần tạo nên nhịp điệu của bài thơ, hình ảnh thì có nhiều sáng tạo kết hợp giữa thực và ảo nhờ ý nghĩa biểu tượng với những hình ảnh ẩn dụ, nhân hóa rất độc đáo.
3. Nội dung: Bài thơ thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.
4. Mở rộng, liên hệ Bài thơ giàu chất suy tưởng và chất trữ tình đậm thấm, diễn tả

niềm xúc động, thành kính. Cảm xúc của bài thơ được cộng hưởng với tình cảm thiêng liêng Bác dành cho nhân dân miền Nam và tình cảm của dân tộc đối với người. Nhà thơ đã nói hộ những tình cảm của chúng ta, của dân tộc gửi tới vị cha già kính yêu. Đó không phải là nỗi đau xót mềm yếu, trái lại cho ta thêm nghị lực đi tiếp con đường của Bác.

Xin nguyện cùng Người vươn tới mãi

Vững như muôn ngọn dải Trường Sơn

- Bài thơ đã góp phần làm phong phú thêm sự nghiệp sáng tác của Viễn Phương, góp thêm một tiếng nói chân thành, tình cảm thành kính, nén hương lòng dâng lên Bác kính yêu - vị cha già của dân tộc Việt Nam.
- Bác đã đi xa, bài thơ ra đời khá lâu nhưng dư âm còn đọng lại mãi trong lòng người³⁶⁵ đọc hôm qua và hôm nay và mai sau. Có lẽ chính vì vậy mà bài thơ đã trở thành nguồn cảm hứng để nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc thành bài hát.

⇒ Viếng lăng Bác của Viễn Phương là một tác phẩm thơ hay, đặc sắc, giàu sức biểu cảm, giàu sức gợi. Một lần viếng lăng Bác, nhớ đến Bác là một lần lòng ta sáng hơn. Bài thơ như một khúc hát ngân vang ca ngợi những công lao, hy sinh to lớn của Bác Hồ đối với dân tộc, đất nước Việt Nam, qua đó thể hiện được tấm lòng biết ơn, kính yêu Bác của nhà thơ cũng như của mọi người dân Việt Nam dành cho vị lãnh tụ vĩ đại của toàn dân tộc. Bác sẽ sống mãi trong trái tim nhân dân, trong muôn ngàn núi non, Bác sẽ mãi là ánh hào quang soi sáng cho dân tộc không chỉ hôm nay mà còn là cả tương lai.

C. Tham khảo một số đề bài sau

1. Cảm nhận của em về hai khổ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác” – Viễn Phương.
2. Cảm nhận của em về hai khổ cuối bài thơ “Viếng lăng Bác” – Viễn Phương.
3. Có ý kiến cho rằng: “Thơ là tiếng lòng”. Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ đó làm sáng tỏ tiếng lòng của Thanh Hải và Viễn Phương qua hai đoạn thơ sau:

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một nốt trầm xao xuyến

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

(Viếng lăng Bác – Viễn Phương)

4. Đọc bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương, có ý kiến cho rằng: “Bài thơ là một nén hương thơm mà Viễn Phương thành kính dâng lên Bác Hồ kính yêu”. Em hãy phân tích hai khổ thơ đầu để làm sáng tỏ ý kiến trên
5. Sự thiêng liêng và thành kính là cảm nhận chung của người đọc khi đến với Viếng lăng Bác của Viễn Phương. Em hãy làm sáng tỏ điều đó qua bài thơ. 366
6. Viếng lăng Bác của Viễn Phương là “Bài thơ có giọng điệu trang trọng và tha thiết, nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp mà gợi cảm, ngôn ngữ bình dị, mà cô đúc”. Em hãy làm rõ nhận định qua hai khổ thơ đầu của bài thơ

A. Kiến thức cơ bản**1. Tác giả**

- Hữu Thỉnh (1942) tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thỉnh, quê ở Tam Dương, Vĩnh Phúc. Ông thuộc thế hệ nhà thơ thời kì kháng chiến chống Mỹ. Từ năm 2000, ông là tổng thư ký hội nhà văn Việt Nam.
- Ông là một nhà thơ viết nhiều, viết hay về những con người và cuộc sống ở nông thôn và mùa thu.
- Nhiều vần thơ thu của ông mang cảm xúc vẫn vương trước đất trời trong treo đang chuyển biến nhẹ nhàng.
- Thơ ông nhẹ nhàng, đầm thắm tinh tế nhưng cũng giàu tính triết lý mang nặng những suy ngẫm chiêm nghiệm.

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ: Trích trong “Từ chiến hào đến thành phố”

b. Hoàn cảnh

- Viết năm 1977, khi đất nước đi qua khói lửa chiến tranh được hai năm.
- Bài thơ là cảm nhận của người lính trước mùa thu thanh bình đầu tiên của dân tộc và cũng là suy tư của một người đi qua biến động dữ dội nhất của thời đại nên không còn bất ngờ trước những biến động bất thường của đời sống.

“Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi”

c. Chủ đề: Bài thơ là những cảm nhận tinh tế mới mẻ của nhà thơ trước khoảnh khắc giao mùa, cuối hạ đầu thu. Đồng thời cũng là những suy tư của con người khi bước vào mùa thu tuổi tác.

d. Mạch cảm xúc: Sang thu là một bức thông điệp lúc giao mùa. Mùa hạ dần qua, mùa thu tới, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, sự trải nghiệm sâu sắc của nhà thơ. Mạch cảm xúc xuyên suốt với hai nội dung nổi bật: cảm nhận về thiên nhiên lúc sang thu và suy ngẫm về đời người khi chớm thu.

B. Luyện tập

Cảm nhận của em về vẻ đẹp bức tranh chuyển mùa trong bài thơ “Sang thu”, Hữu Thỉnh

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận (Về đẹp bức tranh chuyển mùa)

368

II. Giới thiệu chung về tác phẩm (A)

III. Cảm nhận

1. Đề tài: Mùa thu

- Trong bốn mùa vũ trụ, mùa thu là mùa gợi cảm nhất. Vì thế, thơ ca viết về mùa thu cũng phong phú từ cổ chí kim.
- Ta đã từng gặp một mùa thu sang trọng lộng lẫy trong những câu Kiều:

“Long lay đáy nước in trời

Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng”

- Ta cũng từng gặp một mùa thu thanh bình, yên tĩnh chốn làng quê trong thơ Tam Nguyên Yên Đỗ:

“Tầng mây lơ lửng, trời xanh ngắt

Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo”

- “Sang thu” của Hữu Thỉnh đã khơi thêm vào mạch nguồn thi hứng không bao giờ vơi cạn về mùa thu muôn thuở.

2. Cảm nhận

a. Khổ 1: Mùa thu nơi làng quê

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

- Tin thu đến từ hương vị mùa thu: “Hương ổi”. Nhắc đến hương vị mùa thu, thơ ca thường nhắc đến hương sen thơm mát, hương hoa sữa thơm nồng, hương các thanh tao, hương cốm tỏa hương trong gió. Nhắc đến “hương ổi” – mùi hương của nội cỏ, đồng quê, gợi không gian gần gũi, thân thương rất đời yên bình.
- Để miêu tả hương ổi, tác giả không dùng từ lan, tỏa hay bay mà khéo léo sử dụng

từ “phả”. Nếu dùng từ lan, toả hay bay thì mới chỉ diễn tả được khoảng rộng của không gian và mùi hương ấy cũng chỉ thoang thoảng, mờ nhạt. Chỉ có từ “phả” mới gọi được chiều sâu của không gian và hương vị ấy mới đậm đặc, nồng nàn, mới sánh lại và lan tỏa trong không gian làm cho không gian thêm phần thi vị.

- Hương ổi ấy một sớm mai kia “bổng” phả vào trong ngọn gió se của một mùa thu vừa chớm. “Bổng” đứng đầu câu gọi ra cái đột ngột, bất ngờ của một tin thu không hẹn trước, đồng thời thể hiện tâm trạng ngỡ ngàng, xao xuyến của nhà thơ trước một mùa thu không lỗi hẹn.
- Hình ảnh “gió se” không giống gió nồm nam tươi mát của hạ nồng, không giống gió bắc hanh hao của mùa đông buốt giá. Gió thu se lạnh làm cho không khí nhẹ nhõm, không gian thanh thoáng, đất trời thêm mộng và thơ. Và điều thú vị là ngọn gió ấy lại thấm đượm hương ổi mang thứ hương thơm bình dị tràn vào ngõ nhỏ lẫn cả vào làn sương:

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

- Sương thu là một hình ảnh thơ vô cùng quen thuộc mà các thi nhân thường dùng để viết về mùa thu. Ta từng bắt gặp “Sương thu dày giậu hoa cúc vàng” trong thơ của Nguyễn Công Trứ hay “Đỏ au sương lạnh vật vờ phấn sen” trong thơ Lý Bạch đời Đường Trung Quốc. Nhưng viết về sương thu, Hữu Thỉnh lại làm sống dậy hình ảnh thơ một cách khác lạ, ông khoác cho làn sương thu vóc dáng của con người qua từ láy “chùng chình”. Sương trong thơ Hữu Thỉnh không bay không buông, không phủ mà “chùng chình” qua ngõ. Từ láy “chùng chình” cùng với nghệ thuật nhân hóa đã biến làn sương vô tri trời đất thành một sinh thể có tâm hồn, linh thể. Tâm trạng nấn ná, vấn vương, lưu luyến, giăng giăng nơi ngõ xóm đường thôn khiến làng quê thêm vẻ mơ màng.
- Đằng sau làn sương đất trời chính là nỗi niềm tâm trạng của nhà thơ: lưu luyến với mùa hạ trẻ trung sôi nổi của đất trời. Đó là một tâm hồn không già với tháng năm tuổi tác.
- Cái ngõ mà sương đang giăng chính là cái ngõ thực của làng quê hay cũng là cái ngõ thông thương giữa hai mùa, thông thương giữa những mảng, những phần của cuộc đời con người, hay phải chăng đó cũng là ngưỡng cửa khép mở hai thời kỳ của đất nước: chiến tranh và hòa bình. Có gió thu, có sương thu, hương thu nhưng

nhà thơ vẫn hoài nghi về sự xuất hiện của mùa thu “hình như”. Hai từ “hình như” đặt ở đầu câu thơ như cái giạt mình của thi nhân xen một chút bối rối, một chút bồi hồi, xúc động vẫn chưa dám tin chưa dám chắc thu đã về. Đối với nhân vật trữ tình tình tế nhạy cảm mà nói tin thu đến mơ hồ mong manh như một nghi ngờ.

⇒ Như vậy, khổ thơ với việc sử dụng những từ ngữ gợi tả, gợi cảm đã thể hiện một cách tinh tế quang cảnh thiên nhiên, tín hiệu sang thu của đất trời. Có thể thấy, tác giả đã mở căng tất cả các giác quan để đón nhận hương thu, dáng thu đến nhẹ nhàng. Ẩn sau từng lời thơ là tấm lòng yêu thiên nhiên, bất ngờ trước bước đi của thiên nhiên.

b. Khổ 2: Mùa thu của đất trời

- Dẫn dắt: Vẫn là bức tranh chuyển mùa nhưng không gian gần gũi nơi thôn xóm thì khổ 2 mở ra với chiều dài của sông, chiều rộng của trời. Nếu khổ 1 tin thu còn mơ hồ, mong manh thì khổ 2 tín hiệu của cuộc chuyển mùa đã bắt đầu rõ rệt.

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa

Vắt nửa mình sang thu.

- Bức tranh thu mở ra với một không gian rộng lớn nhiều tầng bậc. Nếu như ở khổ một, mùa thu là những gì vô hình, mờ ảo, nhỏ hẹp thì đến đây nó đã hữu hình với sự xuất hiện của dòng sông, cánh chim, đám mây”
- Bốn câu thơ là bốn bức tranh thu tuyệt đẹp được vẽ lên bằng bút pháp cổ điển bởi trong bức tranh, Hữu Thỉnh đã sử dụng những hình ảnh quen thuộc viết về mùa thu: dòng sông, cánh chim, đám mây. Bút pháp cổ điển trong thơ ca phương Đông còn được thể hiện trong phép đối rất chỉnh cả về thanh điệu, hình ảnh, ý nghĩa: sông - chim, được lúc – bắt đầu, dềnh dàng – vội vã, nghệ thuật đối khiến cho câu thơ cân đối, hài hoà, giọng thơ nhẹ nhàng gợi ra một không gian rộng lớn với nhiều tầng bậc, có chiều rộng, chiều dài, chiều sâu.
- Sông sang thu cũng “dềnh dàng” đến lạ. Từ láy gợi hình cùng nghệ thuật nhân hoá cho thấy cái dáng trôi chậm rãi, thong thả, hiền hoà, buông mình giữa đôi bờ thôn xóm. Đúng là con sông đã vượt qua mùa thác lũ của mùa hè và dường như nó đang trạng thái nghỉ ngơi thư thái. Sự xuất hiện của dòng sông đã làm nên nét êm dịu của mùa thu. Có thể nói, Hữu Thỉnh đã tạo cho con sông vô tri một tâm hồn, một trạng

thái thanh thoi như con người bước vào thu.

- Xa xa trên nền trời, những cánh chim cũng “bắt đầu vội vã” bay về phương Nam tránh rét bởi gió đã se, sương đã giăng và không gian đã bắt đầu chớm lạnh. Cánh chim là hình ảnh vô cùng quen thuộc trong thơ ca xưa: 371

Ngàn mây gió cuốn chim bay mới

Dặm liễu sương xa khách bước dồn

- Nếu cánh chim trong thơ của bà Huyện Thanh Quan gắn với không gian trời chiều thu vãn, thì cánh chim trong thơ Hữu Thỉnh lại chỉ mới “bắt đầu”. Cái hay của câu thơ là tác giả đã sử dụng từ “bắt đầu”. Vì mới chớm thu nên đàn chim bắt đầu đi tránh rét, bắt đầu nên đôi cánh mang một chút gì đó vội vàng, gấp gáp. Phải là người thật tinh tế thì nhà thơ mới nhận ra được sự bắt đầu ấy.
- Đối lập với “bắt đầu” là “được lúc”. Tác giả đã cụ thể hoá chuyển động của mùa thu thành sự vận động của tạo vật. Hai nét vẽ, hai hình ảnh, hai trạng thái nhau tạo nên sự cân xứng của những vần thơ, dường như Hữu Thỉnh còn muốn gọi lên trong lòng người đọc những suy ngẫm sâu xa.
- Trong cái bay vội vã của cánh chim, trong trạng thái “dềnh dàng” của dòng sông, có lẽ thấp thoáng bóng dáng tâm trạng của con người: ấy là cái hồi hã khi đã bước sang mùa thu vội vã. Con người khi bước vào tuổi xế chiều dù đã đến lúc nghỉ ngơi thư thái nhưng nhịp sống vẫn không tránh khỏi sự vội vã, vội vã hoàn thiện nốt những công việc, những ước mơ hoài bão. Đây chỉ con người mà đất nước sau hai năm hoà bình không tiếng súng cũng là lúc bắt đầu trong công cuộc dựng xây và phát triển cuộc sống mới.
- Viết về mùa thu không mấy ai nhớ quên áng mây trời. Ta đã từng gặp “tầng mây lơ lửng” trong thơ Nguyễn Khuyến, nhưng “mây” trong thơ Nguyễn Khuyến gọi cái tĩnh thì “mây” trong thơ Hữu Thỉnh gọi cái động, “mây” trong thơ Nguyễn Khuyến gọi không gian thì “mây” trong thơ Hữu Thỉnh gọi thời gian, “mây” trong thơ Nguyễn Khuyến “lơ lửng” thì “mây” trong thơ Hữu Thỉnh “vất nửa mình”; khiến đám mây tựa như dải lụa mềm mà ai đó bỏ quên, gọi cái đẹp mềm mại, duyên dáng, trẻ trung, biến đám mây tựa một nhịp cầu nối đôi bờ thời gian: thu và hạ.

⇒ Có thể nói, bốn câu thơ mang đậm hồn thơ mộc mạc bình dị. Ta nhận ra sự độc đáo trong ngòi bút của Hữu Thỉnh khi ông vận dụng linh hoạt chất đường thi mà vẫn thấm đậm chất hiện đại. Từng chi tiết trong thơ ông

mặc dù đều bắt nguồn từ thực tế nhưng không vụn vặt, tầm thường.

Chính vì vậy, ta nhận ra cái hay trong thơ của Hữu Thỉnh không phải là khi mùa thu đã định hình mà tác giả đã nhạy cảm đón biết những biến đổi của đất trời khi chuyển mùa. Đó chính là nét sáng tạo độc đáo trong thơ ông. Và trong nghệ thuật, sự mới mẻ đẹp đẽ ấy người ta gọi là sự cách tân của tâm hồn nghệ sĩ. Đó chính là lý do tồn tại của thơ ca nói riêng và nghệ thuật nói chung.

Khổ 3: Mùa thu của lòng người gọi ra bức tranh cuối hạ đầu thu vô cùng sống động

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.

- Sang thu nắng vẫn còn chan chứa một màu vàng mật ong mới rót nhưng những cơn mưa xối xả của mùa hạ đã vơi dần, trả cho đất trời của mùa hạ vẻ tươi sáng, ấm áp, dịu dàng.
- Vì mưa đã vơi nên sấm cũng không còn vang động bất ngờ trên hàng cây đứng tuổi khiến không gian thêm vẻ yên tĩnh, êm đềm.
- Không gian tươi sáng, không khí ấm áp dịu dàng, khung cảnh bình yên. Đó chính là linh hồn của mùa thu muôn thuở.
- Nghệ thuật nhân hóa và ẩn dụ được sử dụng tài tình qua sự cách tân của tâm hồn Hữu Thỉnh. “Sấm” không chỉ là tiếng động của đất trời mà ẩn dụ cho biến động bất thường của cuộc đời. “Hàng cây đứng tuổi” không chỉ là hàng cây lưu mùa năm tháng mà còn ẩn dụ cho những người từng trải, cho nên không còn nghiêng ngả, chệnh trảo trước biến động thử thách của cuộc đời.
- Vẻ chín chắn, điềm tĩnh của hàng cây đứng thẳng trước bão giông lúc sang thu hay đó cũng chính là sự chín chắn từng trải của con người sau những giông bão cuộc đời.
- Hình ảnh “hàng cây” đặt ở vị trí cuối bài thơ rất quan trọng, nó mở ra một cánh cửa khác dẫn ta từ thế giới của thiên nhiên sang thế giới của con người, bởi vậy mà hai câu thơ kết của bài thơ cho chúng ta thấy được những suy ngẫm chiêm nghiệm của nhà thơ trong cách ông cảm nhận về khung cảnh thiên nhiên đất trời và con người, cuộc đời.

- Nhìn lại toàn bộ bài thơ, ta chợt nhận ra không phải chỉ đến câu thơ kết mà dường như mỗi cảnh vật được miêu tả trong bài thơ đều thấp thoáng hồn người sang thu. Ta cũng hiểu vì sao thu đến rồi mà tác giả vẫn còn hoài nghi, vì sao lại có sự bịn rịn lúc sang thu và cũng hiểu tại sao lại có cái chùng chình, dềnh dàng, vội vã. Chính là bởi khi ở độ tuổi sang thu, con người không còn bông bột, sôi nổi, ồn ào, ào ạt như thanh niên mà đã trở nên chín chắn, sâu sắc, trưởng thành hơn ở cả cảm xúc và cách thể hiện. Sang thu con người thâm trầm, điềm đạm nhưng cũng thấy cần phải gấp gáp, khẩn trương để thực hiện nốt những ước mơ hoài bão. Có lẽ vì vậy mà sự vội vã của loài chim bay cũng chính là sự vội vã của con người, của cả đất nước đang chuyển mình bước sang một thời kỳ mới cùng thiên nhiên và đất trời bước vào thu.

IV. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật
 - Thể thơ 5 chữ
 - Ngôn ngữ trong sáng, hình ảnh tinh tế, giàu sức biểu cảm
 - Giọng thơ nhỏ nhẹ, sâu lắng nhờ cách sử dụng đa số tiếng có thanh bằng.
 - Các biện pháp tu từ: nhân hoá, so sánh, ẩn dụ, liên tưởng.
 - Vẫn là những hình ảnh quen thuộc của mùa thu trong thơ xưa nay nhưng trong cảm nhận riêng của Hữu Thỉnh, cảnh vật đang chuyển động nhẹ nhàng tựa bước đi của mùa thu.
2. Nội dung: Bài thơ là sự cảm nhận tinh tế về vẻ đẹp thiên nhiên của bước chuyển mùa từ hạ sang thu, đồng thời nói lên sự xúc động của lòng người trong khoảnh khắc giao mùa.
3. Mở rộng
 - Miêu tả mùa thu bằng những bước chuyển mình của vạn vật, Sang thu góp thêm một tiếng nói riêng về mùa thu trong kho tàng thơ thu Việt Nam. Nó thể hiện một tâm hồn nhạy cảm, gắn bó với thiên nhiên, quê hương đồng bằng Bắc Bộ của nhà thơ.
 - Sang thu của Hữu Thỉnh đã không chỉ mang đến cho người đọc những cảm nhận mới về mùa thu quê hương mà còn làm sâu sắc hơn tình cảm quê hương trong trái tim mọi người.
 - Bài thơ đã khẳng định rõ nét hơn nhận xét “Thu là thơ của lòng người, thu là thơ

của cuộc đời”. Có thể nói, “Sang thu” là nốt nhạc góp vào bản giao hưởng của mùa thu.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Cảm nhận của em về bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh.
2. Bàn về thơ, Nguyễn Đình Thi cho rằng: “Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm tới cuộc sống”. Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên. Qua bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh, hãy làm sáng tỏ điều đó.
3. Những biến đổi của đất trời trong thời khắc giao mùa qua Sang thu của Hữu Thỉnh.
4. Cảm nhận về mùa thu trong khổ thơ đầu bài thơ Sang thu – Hữu Thỉnh.
5. Thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa ở Sang thu - Hữu Thỉnh qua hai khổ thơ cuối.
6. Một góc quê hương sang thu qua hai đoạn thơ đầu trong bài Sang thu - Hữu Thỉnh.
7. 7. Hữu Thỉnh là một nhà thơ viết nhiều và hay về nông thôn và mùa thu. Hãy trình bày cảm nhận của em về nông thôn và mùa thu trong hai đoạn thơ cuối bài thơ Sang thu của ông và đoạn thơ sau: Nắng thu đã trải đầy

Đã trắng non múi bưởi

Bên cầu con ghé đợi

Cả chiều thu sang sông

(Chiều sông Thương)

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Thanh Hải (1930 – 1980) tên khai sinh là Phạm Bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Ông hoạt động cách mạng từ cuối những năm kháng chiến chống Pháp. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Thanh Hải ở lại quê hương hoạt động và là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học Cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu.
- Những tác phẩm của ông ra đời trong những ngày tháng ác liệt nhất của chiến tranh vừa thể hiện tình yêu đất nước, vừa ngợi ca sự dũng cảm của nhân dân, vừa khẳng định niềm tin chiến thắng của dân tộc trong hai cuộc chiến tranh trường kỳ. Ngay cả khi đất nước được độc lập và cả những lúc đau đớn trên giường bệnh, ông vẫn miệt mài sáng tác. Thơ ông nhỏ nhẹ, tha thiết giàu tình cảm.
- Có thể nói cả cuộc đời Thanh Hải đã cống hiến trọn vẹn cho thơ ca và đất nước trong đó phải kể đến những tác phẩm tiêu biểu: Những đồng chí kiên trung (1962), Dấu võng Trường Sơn (1977).

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Bài thơ được viết vào tháng 11/1980 khi đang nằm trên giường bệnh, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời, thể hiện niềm yêu mến cuộc sống đất nước thiết tha và ước nguyện của tác giả.
- Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước còn đang gặp nhiều khó khăn: toàn quốc đang trong quá trình xây dựng kiến thiết đất nước sau hai cuộc kháng chiến trường kì, thêm nữa, chiến trường biên giới đang diễn ra hết sức phức tạp, nền kinh tế chưa thoát khỏi bao cấp.
 - Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ có thể coi là bản di chúc của nhà thơ với cuộc đời trước lúc đi xa. Bài thơ như lời tâm nguyện chân thành, lời gửi gắm thiết tha của nhà thơ trước cuộc đời.

b. Mạch cảm xúc

- Mạch cảm xúc được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mở rộng ra những cảm xúc tự hào về mùa xuân đất nước, cách mạng
- Cảm xúc lắng đọng dần vào suy tư và ước nguyện: nhà thơ muốn nhập vào bản hòa

ca vĩ đại của cuộc đời bằng một nốt trầm xao xuyến của riêng mình, góp vào mùa xuân chung lớn lao “mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ khép lại với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

C. Bố cục (3 phần)

- P1: Khổ đầu - Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời
- P2: Khổ 2 + 3 – Cảm xúc mùa xuân của đất trời, con người
- P3: Còn lại - Ước nguyện chân thành của nhà thơ

B. Luyện đề

Câu 1: Cảm nhận của em về vẻ đẹp mùa xuân xứ Huế trong khổ thơ đầu

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận (bức tranh mùa xuân xứ Huế)

II. Giới thiệu chung về tác phẩm (A)

III. Cảm nhận

1. Nội dung đoạn thơ: Đoạn thơ là bức tranh mùa xuân xứ Huế. Qua đó, Thanh Hải thể hiện tâm hồn tinh tế và lòng yêu đời, đất nước, quê hương.
2. Nghệ thuật
 - a. Thể thơ: 5 chữ, câu thơ ngắn, nhịp thơ nhanh, giọng thơ vui tươi, nhạc thơ trong sáng thiết tha.
 - b. Ngôn ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ
 - Diễn xuôi ý thơ: Bức tranh đất trời xứ Huế vào mùa xuân được mở ra với hình ảnh dòng sông xanh, bông hoa tím và tiếng chim chiền chiện vang trời.
3. Hình thức thể hiện

3.1. Khổ đầu: Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời

- Sau những ngày đông lạnh lẽo, thiên nhiên lại được khoác một tấm áo tươi non, ấm áp của mùa xuân. Đất trời như rộng thêm ra, cao hơn, được Thanh Hải phác họa bằng ba nét chấm phá:

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Oi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

- Dòng sông đã đi nhiều trong thơ ca. Ta bắt gặp “dòng sông đỏ nặng phù sa” của

Nguyễn Đình Thi, hay “dòng sông trong mát” trong tác phẩm “Vàm Cỏ Đông” của Hoài Vũ. Còn với Thanh Hải là một “dòng sông xanh”. Ba chữ “dòng sông xanh” gợi về dòng sông trong trẻo, êm đềm, phẳng lặng tựa gương. Màu xanh gợi về vẻ đẹp thanh bình, gợi cảm giác yên ả, hiền hòa, đó có thể là dòng sông Hương huyền ảo, một vẻ đẹp lắng đọng của xứ Huế thơ mộng. Dường như bất ngờ, một bông hoa tím biếc mọc giữa dòng sông xanh.

- Nói đến hoa xuân, thơ ca thường nhắc đến sắc hồng phớt của hoa đào, sắc trắng tinh khôi của hoa lê, sắc vàng độc đáo của hoa mai... còn với Thanh Hải lại riêng một góc trời cổ đô Huế với sắc tím đặc trưng. Nghệ thuật đảo ngữ đưa động từ “mọc” lên đầu câu nhấn mạnh sự xuất hiện bất ngờ của bông hoa, đồng thời giúp người đọc cảm nhận sức sống mãnh liệt trào dâng trên từng cánh hoa. Sắc tím đặc trưng của bông hoa như tỏa ra vẻ ấm áp. Dường như những cánh hoa tỏa ra một nguồn sáng kì diệu. Nguồn sáng lung linh ấy làm cho bức tranh hiện lên với vẻ đẹp vừa thực vừa ảo. Đây là bông hoa thực hay bông hoa của niềm tin? Hay là ẩn tượng ban đầu của tác giả về bông hoa còn lưu lại trong tâm trí nhà thơ. Nhưng dù là gì đi chăng nữa, thì đằng sau câu thơ vẫn là cảm xúc ngạc nhiên bất ngờ, và có cả niềm hân hoan vui mừng của tác giả khi mùa xuân.
- Cách sử dụng số từ “một” đặt ở đầu câu thơ không phải là sự đơn lẻ, cô độc của bông hoa, mà thể hiện sức sống mãnh liệt, sự kiêu hãnh của bông hoa vươn lên đón khí xuân của thiên nhiên, đất trời.
- Bức tranh xứ Huế không chỉ có sắc màu mà còn vang lên của “tiếng chim chiền chiện”. Mùa xuân cũng là mùa én liệng oanh bay, nhưng tiếng chim trong thơ thường là chim yến, chim oanh nơi bóng liễu thềm hoa, lầu son gác tía, đẹp mà xa lạ. Trong thơ Thanh Hải là tiếng chim chiền chiện - là sứ giả của đồng quê nội cỏ nên nó đẹp mà gần gũi, thân thương, bình dị. Tiếng gọi tha thiết được mở đầu bằng từ “ơi” và khép lại với hai tiếng “hót chi” mang đậm âm sắc xứ Huế khiến cho âm điệu câu thơ trở nên ngọt ngào êm ái, lắng sâu đồng thời gợi sự gắn bó mật thiết giữa thiên nhiên đất trời và con người.

⇒ Câu thơ cho ta hiểu Thanh Hải thiết tha biết mấy với âm thanh thân thuộc của mùa xuân. Khi nghe âm thanh tiếng chim ấy tác giả dường như bàng hoàng ngỡ ngàng và dường như bị cuốn hút vào không khí rộn ràng của mùa xuân.

- Ngây ngất trước cảnh xứ Huế vào mùa xuân cảm xúc của nhà thơ trào dâng khi xuất hiện hành động:

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

- Trong thơ ca thường có những chi tiết rất khó lý giải. Ta đã từng bắt gặp cái vị xa xăm trong “Quê hương” (Tế Hanh), một tiếng huyền trong thơ Xuân Diệu (Thu đến nơi nơi động tiếng huyền), và đến bài thơ này là “giọt long lanh”. Giọt long lanh ấy là gì vậy? Giọt nắng, giọt sương hay giọt mưa đang rơi xuống? Liên kết với những câu thơ trên thì giọt long lanh có lẽ còn là giọt âm thanh của tiếng chim. Phải chăng trong cảm xúc của tác giả có chuyển đổi từ thính giác sang thị giác đến xúc giác. Trong sự chuyển đổi cảm giác của nhà thơ ta nhận thấy tiếng chim chiền chiện hót vang trời nhưng không tan biến vào không gian mà đọng lại thành từng giọt. Và phải chăng âm thanh của tiếng chim thật sự là kết tinh những gì đẹp đẽ nhất mà đất trời mùa xuân ban tặng cho con người hay phải chăng những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất của mùa xuân như đang đọng lại trong từng giọt âm thanh. Trước vẻ đẹp của đất trời mùa xuân ấy nhà thơ đã có cử chỉ “*Tôi đưa tay tôi hứng*”.
- Động từ “hứng” đặt cuối khổ thơ thể hiện thái độ nâng niu trân trọng của tác giả, thể hiện sự say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp của thiên nhiên là sự đồng cảm với thiên nhiên đất trời, là sự giao hòa giữa con người và thiên nhiên.
- Mở rộng: Trước Thanh Hải, Khương Hữu Dụng cũng từng có một câu thơ viết về tiếng chim thật đặc sắc: “Một tiếng chim kêu sáng cả rừng”. Tiếng chim gọi buổi bình minh trong cảm nhận của nhà thơ như vỡ òa ra ánh sáng, đem ánh sáng đến cho muôn loài. Hai nhà thơ ở hai tâm trạng khác nhau, hai hoàn cảnh khác nhau nhưng cùng đem đến cho người đọc những cảm nhận thật mới lạ về tiếng chim vốn đã rất quen thuộc với mọi người để yêu hơn cuộc sống này.

⇒ Điều này càng cho ta khẳng định thêm nhận định của ai đó cho rằng “Người nghệ sĩ là sứ giả của tình yêu”. Thanh Hải là một người nghệ sĩ như thế. Một bông hoa, một dòng sông, một tiếng chim, những sự vật³⁷⁹ tưởng xưa như trái đất đã được làm mới lại qua bàn tay và tâm hồn tài hoa của Thanh Hải.

⇒ Như vậy với sáu câu thơ ngắn gọn cùng với những nét vẽ phác họa với biện pháp nghệ thuật và cách phối sắc hài hòa tác giả Thanh Hải đã làm

sống dậy trước mắt người đọc bức tranh thiên nhiên mùa xuân xứ Huế trong trẻo khoáng đạt mà hài hòa âm thanh vui nhộn. Cả sáu câu thơ nói về mùa xuân không một từ “xuân” nhưng lại tràn ngập sắc xuân, xuân của đất trời với xuân trong lòng người ẩn sau bức tranh xuân ấy là lời ngợi ca cuộc sống thanh bình thơ mộng tràn đầy sức sống, là niềm lạc quan yêu đời với tâm hồn phơi phới vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn của bệnh tật. Có thể thấy tâm hồn nhà thơ như đang rộng mở mọi giác quan để thưởng thức để cảm nhận vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế quê hương

Câu 2: Cảm nhận của em về vẻ đẹp sức xuân đất nước trong khổ 2 và 3

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận (Sức xuân đất nước)
- II. Giới thiệu chung về tác phẩm (A)
- III. Cảm nhận
 1. Nội dung: Đoạn thơ là bức tranh đất nước vào mùa xuân, qua đó Thanh Hải thể hiện tâm hồn yêu đời yêu sống, yêu đất nước quê hương.
 2. Nghệ thuật
 - a. Thể thơ: 5 chữ, câu thơ ngắn, nhịp thơ nhanh, giọng thơ vui tươi, nhạc thơ trong sáng thiết tha.
 - b. Nghệ thuật điệp từ “mùa xuân”, “lộc”, “tất cả”, “đất nước”. Nghệ thuật điệp cấu trúc câu làm cho lời thơ liền mạch, giọng thơ sôi nổi vui tươi.
 - c. Ngôn ngữ, hình ảnh
 3. Hình thức thể hiện
 - a. **Khổ 2: Cảm xúc mùa xuân của đất nước, con người**
 - Dẫn: Từ cảm hứng yêu mến trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời nhà thơ đã mở lòng mình ra với mùa xuân của quê hương, đất nước:

Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hối hả

Tất cả như xô xao

- Hình ảnh mùa xuân được cảm nhận qua hình ảnh “người cầm súng” và “người ra

đồng”. Đây là hình ảnh tượng trưng cho hai nhiệm vụ chính của đất nước lúc bấy giờ đó là chiến đấu và xây dựng đất nước

- Đặt vào hoàn cảnh đất nước ta những năm 1980 nhân dân ta vừa phải có nhiệm vụ chiến đấu chống chiến tranh biên giới bảo vệ Tổ quốc vừa lao động phục vụ cho tiền tuyến và xây dựng đất nước sau những năm dài chiến tranh. Có thể nói đây là hai nhiệm vụ lớn lao và vô cùng cần thiết của đất nước ta lúc bấy giờ.
- Nhắc đến hình ảnh người chiến sĩ tác giả viết “Mùa xuân người cầm súng/ Lộc giắt đầy trên lưng”. Hai câu thơ cho ta cảm nhận mùa xuân của những người chiến sĩ ra trận trên lưng họ thường mang theo những cành lá ngụy trang, họ đem theo sức sống mùa xuân vào trận chiến báo hiệu niềm tin chiến thắng. Còn người ra đồng họ gieo những hạt mầm cây những mạ non như đang thêu dệt nên mùa xuân của đất nước bởi những hạt mầm ấy sinh sôi nảy nở báo hiệu một vụ mùa bội thu.
- Bốn câu thơ với việc sử dụng điệp từ “lộc”, điệp từ “mùa xuân” và điệp cấu trúc câu đã khẳng định dù người chiến sĩ ra trận hay người nông dân ra đồng họ đều mang “lộc” về cho đất nước. Cách sử dụng từ “lộc” của tác giả rất độc đáo, từ “lộc” vốn có nghĩa là chồi non lộc biếc, cành non, cây non còn ở trong bốn câu thơ này từ “lộc” chỉ sức sống trào dâng mãnh liệt của mùa xuân và những người chiến sĩ, những người nông dân đã mang về mùa xuân cho đất nước, chính họ đã gieo mầm sự sống trên khắp đất nước ta.
- Tất cả những công việc ấy đang diễn ra 1 không khí hối hả xôn xao:

Tất cả như hối hả

Tất cả như xôn xao

- Với việc sử dụng các từ láy “hối hả, xôn xao” cách điệp từ, điệp cấu trúc câu và hai hình ảnh so sánh liên tiếp, âm điệu câu thơ bỗng trở nên nhanh dồn dập hơn từ đó diễn tả nhấn mạnh không khí lao động và chiến đấu khẩn trương sôi nổi tươi vui của con người. Dấu chấm lửng kết thúc khổ thơ là những nốt luyến láy ngân vang³⁸¹ trong lòng người khi mùa xuân đang trải dài bất tận trên mọi nẻo đường quê hương đất nước.

⇒ Có thể thấy, hai câu thơ cho ta cảm nhận sức xuân đang bùng lên trong mỗi con người, tất cả đang khẩn trương thêu dệt nên mùa xuân cho toàn dân tộc. Ẩn sau những câu thơ đó chính là cái náo nức trong tâm hồn tác giả là tiếng lòng của nhà thơ reo vui.

- Nâng cao: Bản thân Thanh Hải khi con trai trẻ đã cống hiến hết mình cho đất nước, nay đã về già sống trong đau đớn bệnh tật nhưng ông vẫn gửi trọn lòng mình cho quê hương. Thơ viết trên giường bệnh nhưng không hề bị lụy mà vẫn thiết tha yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, con người, đất nước. Tâm lòng nhà thơ vẫn đang rộng mở để đón lấy bao hương thơm và thanh sắc của cuộc đời. Nếu thơ là tiếng lòng thì những câu thơ trên chính là cảm xúc thiết tha say sưa trù mẫn của nhtơ trước vẻ đẹp mùa xuân thiên nhiên, đất nước. Lời thơ ngắn gọn nhưng ý thơ, tình thơ dạt dào, lai láng.

b. Khổ 3: Từ cảm xúc về mùa xuân đất nước tác giả ngược dòng thời gian suy tư về quê hương đất nước mình:

Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước

- Tác giả suy tư về 4000 năm lịch sử dựng xây và bảo vệ đất nước. Hai tính từ “vất vả và gian lao” đã gọi về lịch sử của dân tộc ta trải qua bao biến cố thăng trầm, bao đau thương nhưng rất đỗi hào hùng từ những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm từ thuở Hùng Vương dựng nước đến những cuộc chiến tranh chống quân xâm lược phương Bắc, sau này là cuộc chiến tranh chống lại hai đế quốc hùng cường nhất của thế giới đó là Pháp và Mỹ
- Mở rộng: “Như nước Đại Việt từ trước/ Vốn xưng nền văn hiến đã lâu” (Bình Ngô đại cáo) Nhưng không chỉ gọi về lịch sử, hai câu thơ phải chăng cũng là những suy tư của tác giả với những vất vả gian lao của đất nước khi phải đấu tranh với sự lạc hậu, với những khó khăn về thiên nhiên, thời tiết.

⇒ Như vậy có thể thấy lịch sử 4000 năm trải qua bao vất vả gian lao nhưng³⁸² bài thơ lại lấp lánh một niềm tự hào cảm thông sẻ chia của tác giả hay mọi con người Việt Nam với những khó khăn của dân tộc.

- Từ đó, tác giả nghĩ về tương lai, về thiên hướng của dân tộc qua hình ảnh:

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước

- Viết về đất nước có nhà thơ đã ví đất nước như “bà mẹ suốt đời nhẫn nại, biết yêu thương nên chẳng nhiều lời”, hay theo Trần Mạnh Hảo “đất nước hình tia chớp”, có

người lại thấy “đất nước nghìn núi trăm sông đều diễm lệ”, lại cũng có người lại ví đất nước như giọt đàn bầu” (Phạm Minh Tuấn), hay như nhà thơ Tố Hữu khi viết về đất nước cũng lại ngợi ca “Có rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt” nhưng nhà thơ Thanh Hải lại so sánh đất nước với “vì sao”.

- ⇒ Khi so sánh như vậy là tác giả muốn nói đến ánh sáng trong đêm nói đến vẻ đẹp diệu kỳ vĩnh hằng mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Nói đến vì sao cũng là nói đến sự bất diệt của đất nước. Từ “cứ” ở câu thơ tiếp theo đi liền với động từ “đi lên” đã thể hiện quyết tâm cao độ và hiên ngang, tiến lên phía trước vượt qua mọi khó khăn gian khổ của dân tộc. Lấp lánh sau những lời thơ là niềm tin tưởng mãnh liệt của tác giả vào hướng đi lên của dân tộc mình.
- ⇒ Có thể nói, với biện pháp nghệ thuật so sánh cùng một loạt từ ngữ giàu sắc thái gợi hình, gợi cảm, khổ thơ đã góp phần thể hiện sâu sắc tình cảm yêu mến với mùa xuân đất nước, mùa xuân dân tộc, cảm xúc ấy như sôi động vô hình gắn kết tâm hồn nhà thơ với cuộc đời vẫn rất bền chặt cho dù tác giả đang phải đối mặt với bệnh tật. Bên cạnh những vần thơ ca ngợi đất nước của Tố Hữu, Chế Lan Viên, lời thơ của Thanh Hải góp vào bản đồng ca những âm sắc mới thể hiện niềm tự hào, tin tưởng vào đất nước muôn quý, ngàn yêu.

Câu 3: “Thơ là tiếng lòng”. Cảm nhận của em về tiếng lòng Thanh Hải trong 3 khổ thơ cuối

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, tiếng lòng Thanh Hải

II. Giải thích

- “Thơ” là một thể loại văn học lấy cảm xúc làm nội dung biểu đạt.
- “Tiếng lòng” là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ nghệ sĩ, người sáng tạo
- Ý kiến trên đã khẳng định đặc trưng cơ bản của thơ.

III. Giới thiệu chung về tác phẩm (có thể gộp vào II)

IV. Cảm nhận

1. Nội dung: Đoạn thơ là nguyện ước chân thành tha thiết của nhà thơ, mới làm một mùa xuân nho nhỏ để dâng đời. Qua đó, nhà thơ trao gửi lòng yêu đời, yêu quê hương đất nước.
2. Nghệ thuật

- a. Thể thơ: 5 chữ, câu thơ ngắn, nhịp thơ nhanh, giọng thơ vui tươi, nhạc thơ trong sáng thiết tha.
- b. Nghệ thuật điệp từ “ta làm”, “dù là”; điệp cấu trúc câu -> thiết tha
- c. Ngôn ngữ & hình ảnh

3. Hình thức thể hiện

a. Khổ 4: Từ dòng cảm xúc yêu mến tự hào trước mùa xuân của thiên nhiên đất nước tác giả đã bày tỏ ước nguyện chân thành nhất của cuộc đời mình:

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một nốt trầm xao xuyến

- Với việc sử dụng điệp từ “Ta làm, ta nhập” cùng với điệp cấu trúc câu lặp đi lặp lại ba lần, đoạn thơ đã khẳng định và nhấn mạnh rất nhiều ước nguyện của nhà thơ, ước nguyện chân thành tha thiết. Ước nguyện ấy thể hiện qua những hình ảnh vô cùng giản dị, gần gũi quen thuộc với đời sống đó là nhà thơ muốn làm một con chim hót lên những tiếng mang lại âm thanh vui nhộn cho cuộc đời, muốn làm một cành hoa khoe sắc điểm tô cho ... Đặc biệt tác giả muốn làm một nốt trầm chứ không phải một nốt cao nhưng cũng góp phần làm nên bản hoà ca ca ngợi cuộc đời.
⇒ Tất cả những ước nguyện ấy chỉ đều muốn làm thể hiện sự khiêm tốn ước muốn được cống hiến.
- Bằng một loạt những hình ảnh ẩn dụ con chim, cành hoa cùng nghệ thuật điệp từ nhịp thơ 2/3 nhanh dồn dập đã thể hiện và nhấn mạnh ước nguyện được cống hiến³⁸⁴ những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất của cuộc đời mình cho cuộc đời chung và cho cách mạng. Sự cống hiến ấy tuy nhỏ bé nhưng lại rất chân thành tha thiết bắt nguồn từ tình yêu dạt dào và thái độ sống có trách nhiệm của tác giả với cuộc đời.
- Mượn hình ảnh con chim, cành hoa, nốt nhạc là những hình ảnh đã được nói đến khổ thơ đầu, tác giả đã tạo ra được đối xứng chặt chẽ cho bài thơ đồng thời cũng nâng lên 1 bậc ý nghĩa khác cho toàn bộ khổ thơ: đó là ước nguyện được cống hiến cho cuộc đời của tác gia nói riêng và của tất cả mọi người nói chung.
- Nếu như ở đoạn thơ đầu tác giả xưng hô là “tôi” cách xưng thể hiện cảm xúc của riêng cá nhân nhà thơ với quê hương, đất nước thì đến đoạn thơ này cảm xúc của nhà thơ đã không chỉ ở riêng cá nhân nhà thơ nữa mà đã chuyển sang xưng hô “ta”.

Sự chuyển đổi này cho thấy nhà thơ đã hóa thân vào cuộc sống chung của mọi người khi đất trời đang tràn ngập hơi xuân. Vì sự chuyển đổi này còn cho chúng ta thấy ước nguyện của tác giả cũng có thể là trước nguyện của mọi người muốn được thưởng thức tận hưởng vẻ đẹp mùa xuân, muốn được cống hiến sức mình góp phần đem lại niềm vui cho cuộc đời. Như vậy có thể thấy cái tôi nhỏ bé của hòa trong cái ta lớn lao vĩ đại.

b. Khổ 5

- Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” là hình ảnh ẩn dụ giàu tính sáng tạo của nhà thơ. Trong nền thơ ca Việt Nam, cũng đã từng có rất nhiều bài thơ viết về mùa xuân: với Hàn Mặc Tử là “Mùa xuân chín”, với Nguyễn Bính là mùa xuân xanh (Mùa xuân là cả một mùa xanh), với Xuân Diệu là mùa xuân hồng (Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi) còn với Thanh Hải lại là “một mùa xuân nho nhỏ”.
- Mùa xuân vốn là khái niệm chỉ thời gian rất rộng, nói đến mùa xuân là ta nghĩ ngay đến mùa đẹp nhất trong năm, mùa của tuổi trẻ, tình yêu, hạnh phúc, khát vọng. Nhưng đi liền sau là định ngữ “nho nhỏ” cho ta cảm nhận mỗi con người là một mùa xuân nhỏ trong mùa xuân lớn của dân tộc. Tác giả muốn làm một mùa xuân nho nhỏ hay chính là muốn cống hiến những gì đẹp đẽ nhất của cuộc đời mình để góp phần làm đẹp thêm cho quê hương, đất nước.
- Nhưng sự cống hiến ấy là “lặng lẽ” cống hiến âm thầm, không phô trương, ồn ào. Suy nghĩ của nhà thơ về sự cống hiến âm thầm cũng là suy nghĩ chung của biết bao con người mọi độ tuổi, thế hệ lúc bấy giờ. Họ đã sống, chiến đấu và dựng xây ³⁸⁵đất nước mà chưa từng đòi hỏi, thậm chí có người còn chưa biết đến hạnh phúc, như lời của một nhà thơ đã từng viết:

Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt

Như mẹ cha ta, như vợ như chồng

Ôi Tổ quốc, nếu cần, ta chết

Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông.

- Liên hệ: Những lời thơ của Thanh Hải cũng gọi cho ta nhớ đến những con người trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thanh Long, họ đã lặng lẽ cống hiến cho đời mà chọn nơi vắng vẻ để làm việc thậm chí quên đi thân mình.
⇒ Có thể thấy, sự đóng góp của họ chỉ là nho nhỏ nhưng những cống hiến của họ lại rất đáng trân trọng tự hào, chính những con người như họ đã làm nên đất

nước bởi họ cống hiến một cách bền bỉ âm thầm:

Dù là tuổi hai mươi

Dì là khi tóc bạc

- Hình ảnh “tuổi hai mươi” là hình ảnh hoán dụ tượng trưng cho tuổi trẻ độ tuổi đẹp để sung sức nhất của cuộc đời con người, còn hình ảnh “tóc bạc” tượng trưng cho con người khi đã về già. Sự xuất hiện liên tiếp của hai hình ảnh hoán dụ này có ý nghĩa tương phản đối lập đồng thời có ý nghĩa bổ sung khắc sâu nhấn mạnh ước nguyện được cống hiến cho cuộc đời chung rất mãnh liệt, dù cho năm tháng có qua đi, dù cho con người thay đổi nhưng lẽ sống của nhà thơ thì tài nguyên vẹn, suốt đời cống hiến không mệt mỏi.
- Điệp ngữ “dù là” đứng đầu hai câu thơ khiến đoạn thơ vang lên như điệp khúc đồng thời thêm một lần nữa biểu thị một sự khẳng định dứt khoát trong sự sống hiến dù ở bất cứ đâu và bất cứ lứa tuổi nào. Dù là như lời tự dặn lòng, lời tự nhủ với chính mình của nhà thơ bất chấp thời gian, thách thức cả những đau đớn bệnh tật. Và vì thế nó thấm sâu vào lòng người.
- Lời tâm niệm của nhà thơ Thanh Hải đã trở thành một lẽ sống đẹp: Sống là cống hiến. Càng đáng quý hơn nữa khi Thanh Hải đã dành trọn cuộc đời mình để cống hiến cho tổ quốc. Cả cuộc đời mình Thanh Hải đã cống hiến hết mình cho văn học và cách mạng Việt nam. Cuộc đời nhà thơ đã là một mùa xuân nho nhỏ góp vào mùa xuân đất nước, Ngay cả giây phút đau đớn vì bệnh tật, những tháng ngày cuối đời khi đang nằm trên giường bệnh, tâm hồn ấy vẫn thiết tha với cuộc đời, vẫn khát khao làm một mùa xuân nho nhỏ.
⇒ Có thể nói, hai câu thơ là lời tâm sự chân thành tha thiết nhất của một con người đã từng trải qua hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc được cống hiến hết mình cho đất nước chính vì thế lời thơ đã gây xúc động lên trái tim người đọc.
- Liên hệ: Từ ý thơ của Thanh Hải nhớ đến ý thơ của Nguyễn Trãi – một con người suốt đời sống vì đất nước, vì nhân dân:

Bụi một tác lòng tu ái cũ

Đêm ngày cuộn cuộn nước triều Đông

(Thuật hứng số 5)

- Bản thân nhà thơ Thanh Hải cũng vậy, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng

hoạt động nghệ thuật của mình ông đã cống hiến hết mình cho nền văn học, cho cách mạng Việt Nam.

- Ta còn nhận thấy đằng sau những lời thơ tâm huyết ấy là một tâm hồn lạc quan, mạnh mẽ, tràn ngập tinh thần yêu đời, yêu cuộc sống và vẫn khát khao được sống, cống hiến cho đất nước. Bình về lời thơ này, Giáo sư Trần Đình Sử từng nhận xét: “Lời thơ chuyển sang tổng kết cuộc đời: Dù ở tuổi 20, khi nhà thơ bắt đầu tham gia cách mạng, công bố những bài thơ đầu tiên hay trong thời điểm hiện tại khi tóc đã bạc, sức đã yếu vẫn lặng lẽ dâng cho đời. và bài thơ có thể xem là quà tặng cuối cùng mà Thanh Hải dành cho chúng ta”.
- ⇒ Như vậy, đoạn thơ bằng cách sử dụng tài tình hai hình ảnh hoán dụ cùng điệp từ đã làm nổi bật ước nguyện cống hiến chân thành, tha thiết mà khiêm nhường đồng thời tô đậm tinh thần lạc quan, yêu đời của nhà thơ.
- Bình: Thơ hay không chỉ ở nhạc điệu ở hình tượng mà còn ở sự chân thành của cảm xúc. Những tư tưởng “suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có những vang âm” trong tâm hồn người. Lẽ sống cao đẹp của nhà thơ cứ nhẹ nhàng thấm thía lan tỏa trong mỗi chúng ta gọi mở cho người đọc về một vấn đề lớn của nhân sinh quan: đó là mối hệ giữa cá nhân với cộng đồng, giữa cái tôi nhỏ bé với cái ta chung rộng lớn, mỗi cá nhân phải đem cái tôi của riêng mình hòa nhập với cái ta chung thì cuộc đời mới có ý nghĩa. Đến đây có thể thấy tâm niệm của nhà thơ Thanh Hải là một tâm³⁸⁷ niệm đẹp mang lại hạnh phúc lớn lao cho con người vì khi mình biết vì mọi người thì mọi người cũng sẽ vì mình. Điều này cũng thể hiện sâu sắc những dòng thơ của Tố Hữu:

Nếu là con chim, chiếc lá

Con chim phải hót, chiếc lá phải xanh

Lẽ nào vay mà không trả

Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình

- Nét riêng trong thơ Thanh Hải là ở chỗ khi đề cập đến những vấn đề lớn của nhân sinh quan lại vô cùng tha thiết nhỏ nhẹ như điều tâm niệm chân thành của nhà thơ, được thể hiện qua những lời thơ vừa trong sáng, thiết tha, vừa mạnh mẽ, dứt khoát, sử dụng một loạt các biện pháp nghệ thuật, ... đoạn thơ góp phần thể hiện ước nguyện cống hiến chân thành tha thiết nhưng cũng rất khiêm nhường của nhà thơ đồng thời khơi dậy trong mỗi chúng ta những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống

của chính mình. Mỗi chúng ta phải sống như thế nào để cuộc sống không hoài không phí, để cuộc sống có ý nghĩa? Những câu thơ của Thanh Hải chính là câu trả lời : Sống có ích, sống là dâng hiến tất cả sức lực trí tuệ, nhiệt huyết...

c. Khổ 6 :Kết thúc bài thơ, nhà thơ cất cao điệu dân ca xứ Huế mệnh mang da diết:

Mùa xuân ta xin hát

Câu Nam ai, Nam bình

Nước non ngàn dặm mình

Nước non ngàn dặm tình

Nhịp phách tiền xứ Huế

- Cách gieo vần, phối âm rất độc đáo, câu đầu câu cuối gieo vần trắc, ba câu giữa với danh từ “nước non” kết thúc liên tiếp là vần bằng như chất nhạc dân ca nhịp nhàng man mác của những câu Nam ai Nam bình hòa những nhịp gõ phách nhịp nhàng. Câu “Nam ai, Nam bình” là hai điệu ca nổi tiếng của Huế: Nam ai giai điệu buồn thương, Nam bình dịu dàng, trù mến.
- “Nước non ngàn dặm” gợi không gian bao la, rộng lớn của gấm vóc non sông. Dùng câu hát quê hương để ca ngợi quê hương, bao nhiêu ngàn dặm nước non là bấy nhiêu dặm ngàn tình yêu non nước. Thanh Hải đã lấy cái vô tận của nước non để diễn tả cái vô cùng của tình yêu quê hương đất nước. 388
- Đại từ nhân xưng “ta” lại một lần nữa khẳng định niềm vui chung của tất cả mọi người không chỉ riêng nhà thơ Thanh Hải. Cách điệp trúc câu, cách gieo vần bằng ở cuối câu khiến câu thơ ngân dài và âm vang diễn tả niềm vui phơi phới của nhà thơ đến quê hương đất nước con người và xã hội, cá nhân và tập thể cùng chan hòa trong khát vọng được cống hiến. Bài thơ đi từ tình yêu quê hương mở rộng ra tình yêu đất nước mượn câu hát xứ sở má gửi trao vào đó tất cả lòng yêu mến tự hào gắn bó và nguyện hiến dâng cho Tổ quốc

V. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật

- Thể thơ năm chữ gần với âm hưởng dân ca xứ Huế nhẹ nhàng, tha thiết sử dụng cách gieo vần liền tạo nên sự liền mạch cho cảm xúc.
- Có sự kết hợp giữa các hình ảnh thiên nhiên bình dị với những hình ảnh mang ý nghĩa biểu trưng, những hình ảnh biểu trưng thường được phát triển từ những hình ảnh thực tạo sự lặp lại và nâng cao của hình.

- Cấu trúc của bài thơ chặt chẽ, hình ảnh mùa xuân có sự vận động và phát triển từ mùa xuân cuộc đời sang mùa xuân của đất nước và mùa xuân của mỗi người đóng góp cho mùa xuân lớn của cả dân tộc.
- 2. Nội dung: Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.
- 3. Mở rộng
 - Cùng với biết bao bài thơ khác, “Mùa xuân nho nhỏ” đã góp phần làm nên bản anh hùng ca về một dân tộc gian lao vất vả nhưng cũng hết sức anh dũng, kiên cường mà thấm đẫm tình người.
 - Với bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”, Thanh Hải đã nói được “những điều sâu thẳm trong trái tim mình nhưng đó là những điều cao thượng của cả nhân loại vô danh” (Vũ Quần Phương)
 - Cùng với bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, Thanh Hải đã góp cho mùa xuân nho nhỏ những hương sắc mới, ông đã góp một tiếng nói riêng, một khoảng trời xinh xắn cho tình yêu, niềm tin và nghị lực phi thường trong cuộc sống.
 - Bài thơ ra đời cách xa chúng ta 30 năm Thanh Hải đã đi xa nhưng nhưng đến nay³⁸⁹ “Mùa xuân nho nhỏ” vẫn làm rung động trái tim bao người, là lời nhắc nhở đầy ý nghĩa mỗi con người chúng ta hãy sống đẹp, sống có ích, sống vì quê hương, đất nước.
 - Có lẽ với tất cả những ý nghĩa đó mà bài thơ đã được nhạc sĩ trần Hoàn phổ nhạc và được thể hiện ngay trong lễ truy điệu nhà thơ Thanh Hải về nơi an nghỉ cuối cùng, để rồi đến mỗi khi tết đến xuân về, giai điệu “Mùa xuân nho nhỏ” cất lên như lời nhắc nhở nhẹ nhàng mà thấm thía gửi tới tất cả mọi người niềm tin yêu và khát vọng cống hiến hòa nhập.

C. Tham khảo một số đề bài sau

1. Cảm nhận của em về ba khổ đầu bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải.
2. Cảm nhận của em về ba khổ thơ cuối bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải.
3. Có ý kiến cho rằng: “Thơ là tiếng lòng”. Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ đó, làm sáng tỏ “tiếng lòng” của Thanh Hải và Viễn Phương qua hai đoạn thơ sau:

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

*Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến*

(bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh
Hải)

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

(bài thơ “Viếng lăng Bác” - Viễn Phương)

4. Cảm nhận của em về vẻ đẹp mùa xuân qua hai đoạn thơ sau

*Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

(Cảnh ngày xuân - Nguyễn Du)

390

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng*

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

LÀNG

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Kim Lân (1920 – 2007) tên thật là Nguyễn Văn Tài, quê ở tỉnh Bắc Ninh.
- Ông chuyên viết truyện ngắn, đề tài chủ yếu về làng quê Việt Nam hoặc cuộc sống của người nông dân, trước Cách mạng là “Vợ nhặt”, sau cách mạng là “Làng”.
- Nhà văn Nguyên Hồng từng nhận xét: “Một lòng đi về với đất, với người với thuần hậu nguyên thủy của cuộc sống nông thôn”.
- Kim Lân là người am hiểu cuộc sống ở nông thôn và cuộc sống của người nông dân. Ông có cuộc sống gắn bó với đồng ruộng, với người nông dân ở nông thôn.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh ra đời

- Năm 1948
- Thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, nhân dân cùng tạm chiến vào những nơi có chiến sự xảy ra, cùng với làng tản cư để phục vụ cuộc kháng chiến lâu dài. Gia đình ông Hai trong tác phẩm là ở làng chợ Dầu cũng chính là làng Phù Lưu – quê hương tác giả.

b. Chủ đề: Qua câu chuyện về nhân vật ông Hai, Kim Lân đã ngợi ca tình yêu làng, yêu nước của người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.

c. Tình huống truyện: Ông Hai vốn là người nông dân yêu làng, yêu nước, trung thành với Cách mạng nhưng tác giả để ông tình cờ nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây.

□ Ý nghĩa: Về nghệ thuật: Tình huống truyện tạo nên các nút thắt của câu chuyện gây ra mâu thuẫn, giằng xé nội tâm của nhân vật ông Hai, tạo cho câu chuyện phát triển một cách tự nhiên, hợp lý, đem đến sự hấp dẫn, tò mò cho người đọc.

- Về nội dung:

- Với tình huống truyện này, tác giả đã thể hiện một cách sâu sắc diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai, từ đó làm nổi bật phẩm chất và tính chất nhân vật.
- Góp phần tỏa sáng chủ đề của tác phẩm: phản ánh, ngợi ca tình yêu làng, yêu nước chân thành giản dị mà sâu sắc của người nông dân Việt Nam: Tình yêu làng hòa quyện thống nhất với tình yêu nước.

B. Luyện tập

Truyện ngắn “Làng” của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp?

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận

II. Giải thích

- Giải thích “chuyển biến mới” trong tình cảm của người nông dân tình cảm yêu làng, yêu nước của người dân quê Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp đã có những nét mới mẻ so với những tình cảm truyền thống (yêu làng gắn với yêu nước, tích cực tham gia kháng chiến, theo Cụ Hồ, đánh đuổi bọn Tây, tiêu diệt bọn Việt gian bán nước – đó là biểu hiện sâu sắc của lòng yêu nước)
- Giới thiệu chung về tác phẩm (A)
- Giới thiệu về ông Hai:
 - Ông Hai là nhân vật chính trong truyện ngắn Làng mà theo như lời nhà văn Kim Lân kể “nhân vật này cũng là sự hóa thân của tôi. Trong những ngày đi tản cư, cũng giống như nhân vật ông Hai trong tác phẩm, tôi nghe tin làng mình theo Tây với bao đau đớn, xấu hổ, tủi nhục để rồi niềm vui, hạnh phúc vỡ òa khi nghe tin cải chính làng mình không theo giặc”.
 - Có thể thấy, ông Hai được xây dựng bằng chính trải nghiệm của nhà văn Kim Lân. Phải chăng đó cũng chính là lý do tại sao tác giả lại thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai.
 - Câu chuyện đã xuôi chảy theo dòng tâm trạng của nhân vật ông Hai với những tình huống khi đi tản cư đến khi nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây và tin làng được cải chính.
 - Qua những tình huống đó, ông Hai hiện lên là một người nông dân với tg tâm hồn mộc mạc đồng thời là người có tình yêu làng gắn liền thống nhất với tình yêu đất nước - một tình cảm mang tính chất phổ biến và mới mẻ của những người dân trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

III. Phân tích, chứng minh

1. Những biểu hiện của những chuyển biến mới” trong tình cảm của người nông dân

1.1. Ở nhân vật ông Hai: (tình yêu làng quê gắn với tình yêu đất nước)

a. Luận điểm 1: Trước hết ta thấy ông Hai là một người nông dân chịu thương chịu khó.

- Cũng giống như bao người dân yêu nước khác ông Hai gắn bó với ruộng vườn làng quê cả đời chăm chỉ làm ăn gây dựng cuộc sống, khi sống ở làng đã vậy ngay cả khi đi tản cư ông và những người trong gia đình vẫn chăm chỉ làm lụng
- “Ông Hai hì hục vỡ một vạt đất rậm ngoài bờ suối từ sáng đến giờ ông tính để trồng thêm vài trăm gốc sắn ăn vào những tháng đói sang năm”. “Bà Hai và đứa con gái gánh khoai đi bán”.
⇒ Chỉ bằng một vài lời dẫn chứng ngắn gọn tác giả giúp chúng ta hình dung cuộc sống của ông Hai và gia đình nơi tản cư họ là những người nông dân lao động cần cù, chăm chỉ, lam lũ. Thậm chí ông Hai còn lo xa cho việc dành đồ ăn đến cái đói sang năm. Có thể nhận thấy, trong bất kì hoàn cảnh nào ông và gia đình vẫn chăm chỉ lao động để duy trì cuộc sống trong khi hoàn cảnh chung của đất nước đang gặp nhiều khó khăn. Có lẽ trong lòng ông luôn có một suy nghĩ chăm chỉ lao động không chỉ để tồn tại mà còn để thực hiện mong mỏi có ngày được trở về quê hương tạo dựng một cuộc sống mới.
- Phẩm chất của ông Hai còn là của rất nhiều người nông dân thời đó họ quen với cuộc sống một nắng hai sương, chính phẩm chất đó của ông đã bắt nguồn cho tình cảm cao đẹp hơn của con người đó là tình yêu xóm, yêu làng rộng hơn là tình yêu quê hương.

b. Luận điểm 2: Tình yêu làng yêu nước của ông Hai

- Khái quát chung về tình yêu làng yêu nước của người nông dân
 - Đối với người nông dân làng có một vài trò đặc biệt quan trọng đối với đời sống vật chất và tinh thần. Đó là nơi chôn rau cắt rốn, nơi mỗi con người sinh ra và cũng là nơi họ sống một đời và mãi mãi. Đó còn là nơi có phần mộ của tổ tiên ông bà, là nơi gắn kết những sinh hoạt của người dân làng quê với những phong tục tập quán tốt đẹp truyền từ đời này sang đời khác.
 - Trong thơ ca rất nhiều các câu thơ, đoạn thơ đã ca ngợi sự gắn bó giữa con người với làng quê:

-Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người

-Ta về ta tắm ao ta

Dù trong dạ đục ao nhà vẫn hơn

⇒ Cũng như bao nhiêu người dân quê khác ông Hai gắn bó sâu sắc với làng quê của mình ở làng CD thân yêu nơi ông đã gắn bó phần lớn cuộc đời và cách ông thể hiện tình yêu làng của mình rất đặc biệt.

 **Tình yêu làng thể hiện ở tính hay khoe về làng:** Khi còn ở làng kể cả khi đã đi tản cư đi đâu ông cũng khoe về làng mình. Nhưng trước Cách mạng và sau Cách mạng tính khoe của ông có sự khác nhau

- Trước Cách mạng ông hay khoe về làng của ông với sự giàu có trù phú có những gian nhà ngói san sát, những đường làng lát toàn đá xanh trời mưa trời gió bùn không dính đến gót chân. Thậm chí ông còn khoe về làng mình có cái dinh phần của ông tổng đốc vừa to vừa đẹp.

⇒ Chỉ những điều đơn giản vậy thôi nhưng ta nhận ra ông Hai vô cùng yêu làng, tự hào về làng nhưng ta cũng nhận thấy tình yêu làng của ông mang tính cục bộ địa phương. Đó cũng là tâm lý chung của người nông dân lúc bấy giờ khi nhận thức của họ còn bị hạn chế. Họ chỉ yêu làng là cái gì cũng yêu không có sự phân biệt rạch ròi ngay cả cái dinh phần của ông tổng đốc đáng lẽ ra ông Hai phải căm thù nó bởi chính nó đã khiến cả dân làng ông phải đổ bao mồ hôi nước mắt, bao sự bóc lột của bọn Tây đàng này ông lại thấy tự hào. Viết về điều này nhà văn Kim Lân muốn nói với chúng ta rằng trong nhận thức của người nông dân như ông Hai vẫn còn hạn chế, tuy vậy ta vẫn trân trọng.

- Sau Cách mạng nhận thức của ông Hai đã thay đổi hẳn tình yêu làng quê của ông Hai không chỉ đơn giản là yêu đường làng ngõ xóm, tự hào về dinh phần của ông tổng đốc nữa mà đã gắn với tình yêu nước yêu Cách mạng gắn bó với cuộc kháng chiến của dân tộc. Đây chính là nét mới trong tình yêu làng.
- Người ta không còn thấy ông Hai còn khoe hay tự hào về cái dinh phần của ông tổng đốc nữa mà ngược lại cứ nghĩ đến nó ông lại cảm thấy căm thù. Giờ khi khoe về làng, Ông khoe làng ông có phòng thông tin rộng rãi, sáng sủa, có chòi phát thanh cao nhất vùng, có phong trào cách mạng “từ thời kỳ còn bóng tối”, lúc này ông đã hiểu được cái dinh phần ấy là tàn tích của chế độ phong kiến, là sự áp bức bóc lột của bọn cường hào đối với người dân làng ông và vì nó mà bao người dân quê ông phải chịu đói khổ. Như vậy chính Cách mạng đã làm thay đổi nhận thức

của ông Hai nhận thức đó chứng tỏ làng quê của ông Hai luôn gắn với sự biến đổi của dân tộc, của Cách mạng.

Nỗi nhớ làng

- Yêu làng, gắn bó với kháng chiến nên ông không hề muốn đi tản cư. Những người ở trong làng có hoàn cảnh gia đình đặc biệt phải di tản cư ở nơi khác và gia đình ông cũng thuộc diện phải đi sơ tán. Mặc dù trong thâm tâm ông rất muốn ở lại cùng anh em chống Pháp nhưng ông cũng hiểu được chính sách của cụ Hồ tản cư cũng có nghĩa là yêu làng quê, cũng là biểu hiện của lòng yêu nước, yêu kháng chiến. Bởi vậy dù rất buồn khi phải đi tản cư nhưng ông tự an ủi mình tản cư đâu cũng là kháng chiến.
- Sống ở nơi tản cư ông Hai vẫn luôn nhớ về làng quê của mình. Chính nỗi nhớ làng giúp ông vui đi sự mệt mỏi trong cuộc sống mưu sinh. Viết về nỗi nhớ làng quê của người đi xa thơ ca xưa nay không hiếm. Anh con trai trong ca dao xưa khi nhớ về làng là nhớ về những món ăn quen thuộc dân dã, nhớ về những người thân thương :

Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương

Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao

- Nhà thơ Tế Hanh khi xa làng chài yêu dấu, nỗi nhớ của ông lại gửi vào những cánh buồm no gió, những con người qh ra khơi đánh cá:

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc chiếc buồm vôi

Những con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá

⇒ Như vậy, nỗi nhớ làng trong thơ ca từ xưa đến nay chủ yếu hướng về những con người, cuộc sống ở quê hương. Cũng viết về nỗi nhớ làng của người nông dân, ngòi bút của Kim Lân lại rất khác biệt.

- Nhà văn để cho ông Hai nhớ về phong trào kháng chiến ở làng. Ông nhớ những ngày làm việc cùng anh em “hát hồng, bông phòng, cũng đào cũng quất mê man suốt ngày” ông nhớ cái không khí sôi nổi vui tươi, khỏe khoắn của những ngày³⁹⁶ kháng chiến, nỗi nhớ ấy khiến cho ông lão cảm thấy mình như trẻ lại, tâm trạng ông lại vui và háo hức hẳn lên. Càng nhớ về làng bao nhiêu ông càng khao khát được trở về làng bấy nhiêu để có thể cùng tham gia kháng chiến ở làng để cùng

được anh em “xẻ hào, đắp ụ, khuôn đá, đào đường”.

- Ông đã từng bắn khoăn “cái chòi gác đầu làng đã xong chưa”. Thậm chí nhiều lúc nhớ làng ông lão thốt lên “Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá!”. Nỗi nhớ không tên đã gọi thành tên.
- Câu văn cảm thán đã thể hiện nỗi nhớ da diết của ông Hai đối với ngôi làng yêu dấu của mình. Rõ ràng cách mạng đã thổi một luồng sinh khí mới vào cuộc sống ông Hai, biến ông từ một người quanh năm đầu tắt mặt tối thành một ng chiến sĩ Cách mạng gắn với phong trào kháng chiến ở làng.

⇒ Như vậy có thể thấy tình yêu làng của ông Hai không phải là cái gì xa xôi trừu tượng mà là tất cả những gì gần gũi, thân quen là tình cảm hồn nhiên đơn giản nhưng vô cùng sâu sắc, mới mẻ mà KL đã phát hiện ra trong những năm đầu của kháng chiến chống Pháp.

⇒ Ông luôn theo dõi tin tức kháng chiến

- Yêu làng yêu nước nên dù sống ở nơi tản cư cuộc sống vất vả nhiều lo toan nhưng ông Hai luôn luôn quan tâm đến tình hình của làng tới tin tức kháng chiến của toàn quốc với 1 tình cảm chân thành và mộc mạc
- Ông hả hê trước những khó khăn của kẻ thù: ở nơi tản cư ông không chịu ngồi bó gối 1 chỗ mà vẫn nghe ngóng tin tức xa gần, nỗi nóng lòng ấy giục bước chân ông ra đường, khi thấy trời nắng ông có cử chỉ luôn níu mọi người lại cười cười mà nói “nắng này thì bỏ mẹ chúng nó”. chúng nó ở đây là quân Tây và hành động níu mọi người lại của ông Hai chính là biểu hiện của việc ông không chỉ vui riêng mình mà còn muốn chia sẻ niềm vui ấy với mọi người.
- Vui mừng, sung sướng trước tin vui chiến thắng giặc: ngày nào ông Hai cũng đến phòng thông tin để nghe tin tức ông nghe một cách chăm chú, say mê và lấy làm hả hê trước nhưng tin vui thắng trận: hai bé thiếu nhi bơi ra giữa hồ Hoàn kiếm cắm quốc kỳ... Chính những tin vui ấy khiến ông lão vui mừng thốt lên “Khiếp thật! Tinh những người giỏi cả”. Và ông tin tưởng rằng: “tích tiểu thành đại gì mà thằng Tây không cút sớm”.
397
- Có thể thấy qua những suy nghĩ của ông Hai niềm vui dân tộc là niềm vui chung nhưng trong tâm trạng của ông Hai nó lại chân thành, gắn bó như thể niềm vui của chính ông vậy. Ông nghe tin tức chiến thắng mà “ruột gan ông lão cứ múa cả lên vui quá!”.

⇒ Đoạn văn với những ngôn ngữ giản dị đậm chất nông dân như chính lời ăn tiếng nói hàng ngày đã diễn tả sự thán phục vui sướng tự hào của ông Hai trước những tin tức thắng lợi của cuộc kháng chiến. Chỉ một chi tiết đó thôi cũng đủ cho chúng ta thấy ông Hai chưa bao giờ đứng ngoài cuộc kháng chiến, chưa bao giờ đứng bên lề của cuộc Cách mạng.

⇒ Đặc biệt tình yêu làng yêu nước của ông Hai thể hiện một cách sâu sắc nhất qua tâm trạng đau đớn, xót xa, dằn vặt khi ông trực tiếp nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

- “Tình huống là một loại sự kiện đặc biệt của đời sống, được sáng tạo ra theo hướng lạ hoá. Tại đó, vẻ đẹp nhân vật hiện ra sắc nét, ý nghĩa tư tưởng phát lộ toàn diện” (Nguyễn Minh Châu). Nhà văn Kim Lân đã khéo léo tạo dựng tình huống truyện để ông Hai nghe tin đồn từ đó làm sáng lên tính cách, phẩm chất của người nông dân yêu làng, yêu nước.
- Có thể nói, đây là một chi tiết bất ngờ, là nút thắt khiến cho câu chuyện trở nên kịch tính để thể hiện một cách sâu sắc tình yêu của ông Hai đối với làng với quê hương. Nếu như trước đó niềm vui niềm tự hào về làng Chợ Dầu lớn bao nhiêu thì bây giờ ông càng trở nên đau đớn tủi hổ trước tin dữ ấy bấy nhiêu.
- Khi mới nghe tin: tin làng Chợ Dầu theo Tây đã tạo nên một cú sốc lớn trong ông Hai “Cổ họng ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rần rần ông lão lặng đi tưởng như đến không thở được”. Như vậy, bằng một loạt những từ ngữ đặc tả tâm trạng qua việc miêu tả hình dáng bên ngoài, nhà văn Kim Lân đã khắc họa thành công sự bàng hoàng, hoảng hốt đến bất ngờ của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc từ miệng người đàn bà tản cư. Cái khéo của nhà văn Kim Lân là khi ông Hai đang trong tâm trạng phấn chấn thì cái tin đó đến đột ngột như một gáo nước lạnh dội xuống đầu ông. Nó khiến ông hụt hẫng tưởng như đến không trụ vững nữa. Vậy là bao nhiêu niềm hy vọng, niềm tự hào về làng bỗng nhiên tan biến hết chỉ còn cái uất ức nghẹn ngào trong tâm tư khiến cho ông cảm thấy xấu hổ đến tê tái cả da mặt.³⁹⁸
- o Nhưng điều bất ngờ ấy chưa làm ông tin hẳn sau một hồi lâu trấn tĩnh ông lão mới ngờ vực hỏi lại với hi vọng mong manh cái tin sét đánh ấy là sai sự thật “liệu có thật không hả bác? Hay là chỉ lại”. Những người đàn bà tản cư khẳng định rành rọt quá khiến cho ông không thể không tin “Thì chúng

tôi ...”. Vậy là không còn nghi ngờ gì nữa rồi. Đúng là làng ông theo giặc thật rồi. Trời đất lúc này như tối sầm trước mắt ông.

- Có thể thấy lúc này cảm giác tủi hổ, xót xa đã lan khắp cơ thể và ông đã cố giấu mình là người làng Chợ Dầu với hành động đứng dậy trả tiền nước chèm chẹp miệng cười nhạt một tiếng nói to “Hà nắng gớm về nào”. Nụ cười nhạt cũng là lời độc thoại của ông lúc này càng chứng tỏ nỗi thất vọng tâm trạng buồn chán đến tột độ, ông cười đầy nhưng lòng ông như xát muối.
- Có thể nói, bằng một vài câu văn ngắn gọn và chi tiết nhà văn Kim Lân đã diễn tả một cách sinh động tâm trạng người nông dân yêu làng khi bất ngờ nghe tin đồn không hay về làng. Phải là một người có óc quan sát tinh tế Kim Lân mới chớp ngay được cái thần của nhân vật để diễn tả một cách chân thực tâm trạng của ông Hai như vật để rồi từ đó cái tin sét đánh cứ mãi ám ảnh, dai dẳng theo ông.
- Trên đường về nhà nỗi tủi hổ đã khiến ông cúi gằm mặt xuống mà đi, cái cúi đầu như chứa trở cả tâm tư trĩu nặng không thể nói thành lời. Ông đi thật nhanh vậy mà tiếng người đàn bà tản cư cứ văng vẳng bên tai. Cả một cơn bão lòng ghê gớm đang dâng lên trong ông. Đó là những lo lắng xót xa cho gia đình mình, cho người người đồng hương, đồng cảnh ngộ.
- Về đến nhà ông Hai “nằm vật ra giường tủi thân”, nước mắt ông cứ trào ra. Đó là những giọt nước mắt xót xa mà ông đã cố kìm nén cho thấy nỗi đau lặng thầm trong tim ông khiến lòng ông trĩu nặng.
 - Ông nhìn con và thương chúng rất nhiều “chúng nó cũng là trẻ con...đầu”.
Lẽ thường người cha thương con khi chúng đói khổ, vất vả còn ông Hai lại thương con vì chúng nó mang tiếng là trẻ con làng bán nước, tình thương của ông dành cho con lớn lao vô cùng bởi vì ông thương cho tư cách làm người của chúng, cho tương lai của chúng, cho danh dự của chúng. 399
 - Nhưng càng thương con bao nhiêu ông càng căm giận những người ở làng bấy nhiêu. Nỗi căm giận ấy khiến ông rít lên “Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”. Nhưng ngay lúc đó khi trấn tĩnh ông lại thay lời nói của mình hình như không đúng lắm.
 - Cùng lúc này trong ông có hai con người lại lên tiếng, một con người yêu

làng gắn bó với làng lên tiếng đề biện bạch cho sự trong sạch của làng Chợ Dầu, một người lại phản biện “Nhưng không có lửa làm sao có khói”, rồi ông cảm thấy nhục nhã vô cùng “chao ôi, cực nhục chưa, cả làng viêt gian”

- Ông còn lo lắng cho những người ở làng đi tản cư: không biết họ sẽ làm ăn sinh sống ra sao ở cái đất Việt Nam này (cái mới) (trích dẫn chứng)

⇒ Như vậy đoạn văn với việc sử dụng ngôn ngữ độc thoại, độc thoại nội tâm cùng một loạt câu hỏi tu từ, câu cảm thán đã giúp chúng ta cảm nhận lớp lớp tâm trạng của ông Hai: đó là những nghi ngại, băn khoăn, trăn trở, lo lắng, tủi nhục, bằng ấy tâm trạng cứ đan xen, giằng xé, bào gọt tâm can ông lúc này ông đang bế tắc trong suy nghĩ về làng Chợ Dầu. Rõ ràng với ông Hai đây là lần đầu tiên ông phải dùng lý trí để kiểm điểm lại tình yêu làng bởi với ông tình yêu làng quê dù có lớn lao đến đâu cũng không thể đối lập với tình yêu nước.

- Buổi chiều tối hôm ấy: Để làm rõ tâm trạng ông Hai tác giả còn dành một đoạn văn miêu tả thành công không khí nặng nề trong gia đình ông Hai ngay buổi chiều tối khi nghe tin dữ về làng. Cả gia đình ông đang bế tắc không lối thoát, không khí nặng nề trong gia đình ẩn chứa trong từng bước đi uể oải của bà Hai, trong từng câu nói gắt gỏng của ông Hai “...”. Thông thường ng ta câu gắt với nhau những chuyện riêng tư gia đình, còn ông hai lại gắt với vợ vì chuyện làng, chuyện nước. Ở đây, ta khám phá ra được một nét mới ở người nông dân sau cách mạng chuyện nhà, chuyện nước, . chuyện riêng, chuyện chung đã hòa làm một và cũng đêm hôm ấy cái tin làng Chợ Dầu theo Tây khiến ông trăn trở không ngủ được, ông nằm im ”không dám nhúc nhích” chỉ sợ bên gian bác Thứ và mẹ chủ nhà nghe thấy biết được.

- ⁴⁰⁰Mấy ngày sau đó, nỗi tủi nhục khiến ông không dám đi đâu cả đến gian bác Thứ ông cũng không dám suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở nhà để nghe ngóng bình tình, một đám đông xúm lại ông cũng để ý, lúc nào ông cũng nơm nớp lo sợ tưởng người ta bàn tán về cái chuyện ấy, cứ nghe thấy hai từ “Việt gian, cam – nhông” là ông lại chột dạ

⇒ Dường như nỗi đau về làng theo Tây đã trở thành nỗi ám ảnh chi phối mọi hành vi suy nghĩ của ông, tin làng theo Tây khiến ông trở thành một người khác, từ một người xởi lởi vui tính trở thành một cái bóng,

tìm một người chán ghét không gian từ tưng giờ ông lại quần quanh bên bốn bức tường. Cùng với nỗi đau tủi hổ là những cơn nóng giận đang tụ lại vò xé tâm can ông, với ông làng không chỉ đơn thuần là đường thôn ngõ xóm mà lớn lao hơn làng chính là danh dự, là chỗ đứng, là lẽ sống làm người.

- Đặc biệt truyện thắt thêm một nút thắt nữa vào nỗi khổ tâm đau đớn của ông Hai khi chủ nhà có ý đuổi gia đình ông đi khiến ông lâm vào tình trạng bế tắc tuyệt vọng “Thật là tuyệt đường sinh sống” để rồi buộc ông phải lựa chọn một bên là tình yêu làng, một bên là tình yêu nước. Đã có lúc ông có ý nghĩ “Hay là quay về làng”, rồi ông lại tự nhủ “Về làm gì cái làng ấy nữa, chúng nó theo Tây cả rồi”. Với ông về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ về làng tức là chấp nhận làm nô lệ cho Pháp và từ bỏ tự do, độc lập. Có thể nói nhận thức của ông Hai thật giản dị nhưng cũng vô cùng sâu sắc và trong xung đột nội tâm gay gắt ấy ông Hai đã đi đến quyết định “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.

⇒ Có thể nói đây là một quyết định hết sức đau đớn khó khăn nhưng cũng vô cùng dứt khoát của ông Hai bởi từ trước đến nay có bao giờ ông phải nghi ngờ về tình cảm của mình đối với làng đâu. Ông Hai yêu làng bằng tất cả tâm hồn, cái làng trở thành một phần máu thịt của ông. Giờ đây phải đoạn tuyệt với nó làm sao ông không đau, không xót. Đây cũng là ý nghĩ hết sức mộc mạc, chân thành thể hiện thái độ yêu ghét rõ ràng của ông Hai.

⇒ Có thể nói trong cuộc giằng co quyết liệt đầy thử thách giữa tình yêu làng và yêu nước, ông Hai đã biết đặt tình yêu nước lên trên, tình yêu⁴⁰¹ nước bao trùm rộng lớn hơn tình yêu làng, tình yêu làng hòa quyện trong tình yêu nước. Đây chính là nét mới mẻ trong tình yêu làng quê của nhân dân sau Cách mạng tháng Tám mà Kim Lân đã phát hiện ra. Trước đây tình yêu đó chỉ đơn thuần ở niềm tự hào về làng còn với ông Hai tình yêu làng gắn liền với kháng chiến, với Cách mạng, đây chính là điều mới mẻ làm nên thành công cho truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

- Dù xác định như vậy nhưng ông vẫn không vứt bỏ được tình cảm với làng khiến

cho ông rơi vào tâm trạng đau đớn bế tắc đến tuyệt vọng. Trong tâm trạng ấy ông chỉ biết trải lòng mình tâm sự cùng đứa con út. Đây là đoạn văn hết sức xúc động thể hiện sâu sắc tình yêu với làng của ông Hai cùng tấm lòng chung thủy một lòng đi theo kháng chiến, theo cụ Hồ. Khi ông hỏi con “nhà ta ở đâu” là ông muốn khắc sâu trong tim con nơi sinh ra và lớn lên đồng thời muốn truyền cho con tình yêu làng. Ông hỏi con có muốn về làng không nhưng thực tâm ông muốn tìm ở nơi con nỗi nhớ làng và niềm khao khát được trở lại làng. Và khi được nghe con nói “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm” thì nước mắt ông lão “dàn ra chảy ròng ròng trên hai má” giọng ông như nghẹn lại: “ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ”?

⇒ Phải chăng, trong tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn không phút nào nguôi ngoai nỗi nhớ quê hương, yêu quê hương và nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương rời xa công việc chiến đấu chung của đất nước bấy giờ? Có thể nói đây là giọt nước mắt sung sướng của người cha khi đứa con nói hộ lòng mình về tình cảm, cụ về quyết định trung thành với kháng chiến, với cụ Hồ, đây cũng là giọt nước mắt của một người có làng mang tiếng là làng Việt gian đã được minh oan.

- Sau những giọt nước mắt sung sướng ông đã tự nhủ với lòng mình cái lòng của bố con ông là như thế đấy, chết thì chết có bao giờ dám đơn sai. Những lời tự nhủ này đã khẳng định tấm lòng thủy chung chân thành của ông với Cách mạng, là lời thề sắt son trung thành với Cách mạng với cụ Hồ. Mặt khác, nó cũng khẳng định được tầm quan trọng của Cách mạng, của cụ Hồ với nhân dân trong hoàn cảnh này. Ánh sáng của Cách mạng của đường lối Hồ vẽ ra thật sự là ⁴⁰² nguồn động viên tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân để họ vượt qua khó khăn.

⇒ Như vậy, bằng việc xây dựng tình huống truyện độc đáo, bằng lối kể chuyện mộc mạc, giản dị, qua việc sử dụng ngôn ngữ độc thoại và độc thoại nội tâm, đặc biệt là nhờ sự am hiểu tâm lý của người nông dân, nhà văn Kim Lân đã diễn tả thành công tâm trạng đau xót, dằn vặt cũng như tình yêu làng, yêu nước sâu sắc của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây. Có thể nói những suy nghĩ, những dằn vặt đau khổ của ông Hai là biểu hiện một cách sâu sắc và chân thành nhất tình yêu làng gắn bó, hòa quyện với tình yêu nước của người nông dân trong thời

kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

⇒ Tình yêu làng của ông Hai còn được thể hiện ở tâm trạng vui náo nức khi ông nghe tin làng Chợ Dầu theo lấy được cải chính.

- Đang sống trong nỗi đau khổ tủi cực dần vật thì ông Hai bất ngờ được nghe tin cải chính về làng mình. Tâm trạng ông lúc này có sự thay đổi hoàn toàn ngòi bút của Kim Lân đã chú ý miêu tả cụ thể sự thay đổi trên khuôn mặt cử chỉ điệu bộ của ông Hai “Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng rạng rỡ hẳn lên” “mồm bồm bẻm nhai trầu”, “cặp mắt hung hung đỏ hấp háy”.
 - Qua một loạt những từ ngữ miêu tả cử chỉ dáng điệu bên ngoài: tươi vui, rạng rỡ, bồm bẻm, hung hung đỏ, hấp háy... tác giả đã làm sống lại hình ảnh ông Hai vui vẻ như ngày nào. Đọc đoạn văn, ta có thể hình dung ra tâm trạng ông Hai lúc này thật vui tươi, hạnh phúc, đâu còn hình ảnh ủ rũ, vật vờ đau đớn của Ông Hai mấy ngày hôm trước nữa, thay vào đó, từng cử chỉ, hành động của ông Hai lúc này đều toát lên niềm vui khôn tả. Bao nhiêu tình cảm với làng quê tưởng đã trở thành nỗi căm thù thì giờ đây lại ulla về sống đây.
 - Khi đi cùng ông chủ tịch về ông Hai còn chia quà cho các con ông muốn chia sẻ niềm vui với các con, nếu mấy ngày trước đó ông thương lũ trẻ bao nhiêu thì bây giờ ông vui cho chúng bấy nhiêu. Đó là niềm vui của những người đã được minh oan.
 - Trong niềm vui khôn tả ông lại trở lại với tính hay khoe. Ông cứ múa tay lên mà khóc rồi ông lật đật đi sang gian nhà bác Thứ, tất cả những cử chỉ đó đều thể hiện niềm vui sướng hả hê của ông. Ông chia sẻ niềm vui sướng của mình với mọi người bằng sự kiện “Tây nó đốt nhà tôi rồi các bác ạ. Đốt nhẵn”.⁴⁰³
- ⇒ Có thể thấy, việc khoe của ông Hai rất lạ. Với người nông dân ngôi nhà là tài sản lớn nhất mà cả đời chắt chiu mới xây dựng được. Vậy mà ông Hai không hề cảm thấy luyến tiếc đau xót khi căn nhà ấy mất đi trái lại ông cảm thấy mãn nguyện bởi đây là minh chứng rõ nét nhất cho làng ông là làng kháng chiến. Ông mất nhà nhưng ông còn làng, còn nước, mất của những con cái kiêu hãnh là con dân làng kháng chiến.
- Có thể thấy, ông Hai đã đặt danh dự và quyền lợi chung lên trên hết và chính trong sự cháy tàn cháy rụi của ngôi nhà ta bắt gặp sự hồi sinh của lòng tự hào niềm kiêu hãnh về làng Chợ Dầu của ông lai. Ngôi làng ấy xứng đáng cho tình yêu ông dành

cho nó Chi tiết này cũng chứng tỏ tình yêu nước của ông Hai đã vượt lên trên tất cả những mất mát thiệt thòi cá nhân Liên hệ đồng chí: Đó cũng là suy nghĩ chung của tất cả những người nông dân lúc bấy giờ, họ sẵn sàng bỏ lại sau lưng quê nhà, ruộng vườn để nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc. Những người lính nông dân vào quân ngũ để chiến đấu vì quê hương:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

- Người nông dân sau cách mạng đã biết đặt lợi ích nước lên trên lợi ích nhà, đặt việc chung lên trên việc riêng, đặt cộng đồng lên trên cá nhân nhỏ bé. Đó là phát hiện mới của Kim Lân về người nông dân mà trước cách mạng ta chưa gặp được.
- Niềm vui khiến ông như mở cờ trong bụng đến nỗi nói sai lúc nào mà không hay “Toàn là sai sự mở cờ”. Và buổi tối hôm ấy ông lại trở lại với con người vui tính trước kia, ông kể chuyện Tây càn quét làng như chính ông được tham gia.
- Mở rộng: So với lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao trước cách mạng tháng Tám, rõ ràng ta thấy ông Hai có những điểm tiến bộ vượt bậc trong nhận thức, tâm hồn, tình cảm và tính cách. Đó chính là nhờ vào đường lối giác ngộ cách mạng của Đảng, Bác Hồ mà học có được. Lão Hạc và ông Hai có những điểm tính cách khác nhau nhưng họ vẫn có những phẩm chất của những người nông dân giống nhau, đều hiền lành, chất phác, lương thiện. Khi cách mạng⁴⁰⁴ tháng Tám thành công đã đem đến sự đổi đời cho mỗi người nông dân. Từ một thân phận nô lệ phụ thuộc họ trở thành một người tự do làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước. Từ đó đã củng cố và làm nền tảng vững chắc cho tình yêu quê hương, đất nước, trở thành một tình cảm vững bền, thiêng liêng sâu nặng, nồng cháy.
- Trong hoàn cảnh toàn dân đang hướng tới cuộc kháng chiến chống pháp, bảo vệ độc lập dân tộc, ông Hai đã biết đặt tình yêu đất nước lên trên tình yêu cá nhân của mình với làng chợ Dầu, ông dành tất cả cho cách mạng. Đó chính là nét đẹp trong con người ông Hai nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung.
- Nâng cao: Văn hào I-li-a, E-ren-bua có nói: “*Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu tổ quốc*”. Ông Hai đúng là một con người như thế. Niềm vui, nỗi buồn của ông đều gắn bó với làng. Lòng yêu làng của ông chính là cội nguồn

của lòng yêu nước.

1.2. Ở những nhân vật phụ:

- Những người phụ nữ tản cư: khinh bỉ những kẻ theo giặc “cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát”.
- Thằng cu Húc dù còn nhỏ đã có tinh thần kháng chiến “ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm”.
- Mụ chủ nhà khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc thì đuối khéo gia đình ông Hai, khi nghe tin cải chính thì vui vẻ, thân thiện, cởi mở, mời mọc. Ta có thể thấy thấp thoáng trong chi tiết khi Kim Lân miêu tả hành động lời nói của mụ chủ nhà cũng đã nói lên sự ác ôn, thâm độc của bọn thực dân Pháp. Chúng đã xô đẩy nhân dân, dân tộc của ta phần nào bị chia rẽ, xa nhau. Thế nhưng chúng sẽ không thể nào làm mất đi lòng yêu nước, sự thủy chung, nhiệt huyết với cách mạng và sự căm thù giặc thù trời xanh của đồng bào Việt Nam.

2. Suy nghĩ những “chuyển biến mới” trong tình cảm của người nông dân

- Chuyển biến tình cảm phù hợp với nhận thức, với chuyển biến của thời đại, với yêu cầu của công cuộc giữ nước (tình cảm yêu nước rộng lớn hơn, bao trùm tình yêu làng quê, yêu nước gắn với yêu kháng chiến, ủng hộ kháng chiến...)
- Cảm động trước tình cảm yêu làng, yêu nước chân thành của những người nông dân chất phác, hồn hậu.
- Trân trọng lòng trung thành tuyệt đối với Cách mạng, với Cụ Hồ, với kháng chiến.⁴⁰⁵ Yêu làng, yêu quê hương, đất nước – đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi con người. Trong hoàn cảnh chiến tranh, tình yêu làng, yêu nước càng trở nên sâu sắc và cảm động hơn.
- Tình yêu làng, yêu nước, yêu cách mạng tạo nên sức mạnh, nghị lực, niềm tin để con người vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

IV. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật ông Hai:

- Xây dựng nhân vật ông Hai nhà văn đã đưa vào trong văn học một bức chân dung sống động đẹp, một vẻ đẹp riêng của người nông dân Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp.
- Tác giả đã rất thành công khi khai thác nét phổ biến trong tình cảm con người lúc bấy giờ đó là tình yêu làng quê hòa quyện và gắn bó với tình yêu đất nước đặc biệt

nhà văn đã rất thành công khi đặt nhân vật ông Hai vào tình huống thử thách: ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây. Chính tình huống này đã làm nổi bật phẩm chất tốt đẹp trong ông.

- Lối kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ kể chuyện mộc mạc giản dị. Ngôn ngữ nhân vật vừa mang tính chất chung của người nông dân vừa mang nét cá tính riêng sỏi lòi, thích chơi chữ.
 - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật với những diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.
2. Nội dung, mở rộng
- Tất cả những nét thành công nghệ thuật trên đã làm nổi bật tình yêu làng yêu nước của nhân vật ông Hai nét đẹp mang tính phổ biến của người nông dân thời kì đầu kháng chiến chống Pháp. Cái tài của nhà văn Kim Lân là đặt ông Hai trong hai trạng thái tâm lý đối lập: khi nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây và nghe tin đó được cải chính. Đó chính là hai cánh cửa nghệ thuật mở ra tình yêu làng, yêu nước của ông Hai. Tình yêu làng là cội nguồn của tình yêu nước và ngược lại tình yêu nước lại định hướng cho tình yêu làng, từ đó làm cho tình yêu làng trở nên đẹp đẽ hơn.
 - Qua nhân vật ông Hai nhà văn Kim Lân biểu hiện một cách thấm thía xúc động tình yêu làng, yêu nước trong treo của người nông dân Việt Nam – đội quân chủ lực trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Hình ảnh ông Hai và suy nghĩ của ông Hai⁴⁰⁶ không chỉ mang tính chất điển hình cho hình ảnh chung của người nông dân Việt Nam lúc bấy giờ mà đó cũng là những suy nghĩ rất thật của nhà văn Kim Lân:
 - “Cái ngày đầu kháng chiến tôi đã đưa vào “Làng” một bức chân dung sống động về người nông dân lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống, tôi về chơi mấy lần thấy tận mắt thế nào là làng kháng chiến trong khí thế ấy cùng với dư luận bán tín bán nghi về làng Chợ Dầu Việt gian tôi đã viết nên truyện ngắn này. Ông lão Hai chính là tôi đó là tâm lý rất thật của người tản cư”.
 - Xây dựng thành công nhân vật ông Hai còn nhờ vào sự am hiểu ss đời sống cũng như tâm lí người nông dân của nhà văn. Qua đó có thể thấy Kim Lân là một nhà văn yêu làng, yêu nước sâu sắc. Nhân vật ông Hai đã thể hiện rõ chủ đề của văn bản và góp phần làm nên giá trị của tác phẩm trở thành một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất viết về người nông dân bên cạnh một loạt các tác phẩm cùng thời như: Đồng chí, Nhớ - Hồng Nguyên. Tác phẩm xứng đáng là một truyện ngắn

hay của văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám góp phần ghi danh Kim Lân vào làng văn Việt Nam.

C. Tham khảo một số đề bài sau

1. Cảm nhận của em về tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai qua truyện ngắn “Làng” – Kim Lân.
2. Văn hào I-li-a, E-ren-bua có nói: “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu tổ quốc”. Ý kiến trên thể hiện như thế nào qua nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” – Kim Lân.
3. Nhận xét về truyện ngắn “Làng” có ý kiến cho rằng: “Đọc truyện ngắn, ta thấy những điều mới mẻ trên trang văn viết về người nông dân sau Cách mạng tháng Tám”. Qua truyện ngắn Làng, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
4. Vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân Việt Nam qua truyện ngắn Làng của Kim Lân.
5. Câu chuyện về một người yêu làng của mình. Đọc truyện Làng của Kim Lân.
6. Em hãy phân tích tình huống truyện trong truyện ngắn Làng - Kim Lân, từ đó làm sáng tỏ nhận định: “Kim Lân tuy chỉ viết về những chuyện đời thường song nhà văn đất Kinh Bắc này lại rất tinh tế trong việc sáng tạo tình huống để tạo dấu ấn riêng cho mình (Đặng Thị Lam). 407
7. “Một tác phẩm để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc chính là xây dựng thành công tình huống truyện và nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật”. Bằng những hiểu biết của em về văn bản Làng của Kim Lân, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.
8. Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng - Kim Lân. Từ đó em rút ra bài học gì để phát huy lòng yêu nước trong thời đại ngày nay.
9. Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng - Kim Lân.
10. Trong tác phẩm “Tiếng nói văn nghệ”, Nguyễn Đình Thi cho rằng: “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều mới mẻ”. Em hãy phân tích điều mới mẻ trong tác phẩm “Làng” của Kim Lân.
11. “Nhân vật là linh hồn của truyện ngắn”. Em hiểu như thế nào về ý kiến trên qua việc phân tích nhân vật ông Hai (Làng - Kim Lân).
12. Nhà văn Kim Lân có lần từng tâm sự “Đó là người nông dân nghèo khổ có những

nét rất mới không giống bất kỳ người nông dân nào trong các truyện ngắn, truyện dài trước kia”. Em hãy làm sáng tỏ điều mới mẻ ở nhân vật ông Hai trong tác phẩm “Làng” (Kim Lân).

13. Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai qua đoạn văn sau: “Húc kia... (hết)”

LẶNG LỄ SA PA

408

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Nguyễn Thành Long (1925 – 1991), quê ở Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.
- Ông đã từng tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp
- Là cây bút chuyên viết truyện ngắn và ký Phong cách: Văn ông trong sáng, nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình, có khả năng thanh lọc tâm hồn con người.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Mùa hè năm 1970 Trong một chuyến đi thực tế lên Lào Cai
- Đây là thời điểm miền Bắc vừa tham gia sản xuất xây dựng đất nước để làm hậu phương vững chắc cho miền Nam vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

b. Xuất xứ: trích “Giữa trong xanh”

- c. Chủ đề: Qua câu chuyện về nhân vật anh thanh niên và những người lao động ở Sa Pa, Nguyễn Thành Long đã trân trọng ngợi ca con người vô danh bình dị, lặng

thăm công hiến sức mình trong công cuộc dựng xây và bảo vệ Tổ quốc.

d. Cốt truyện: Xoay quanh cuộc gặp gỡ 30 phút ngắn ngủi, từ đó vẻ đẹp của nhân vật chính dần dần được bộc lộ.

e. Ngôi kể

- Ngôi thứ 3: Đặt điểm nhìn trần thuật chủ yếu ở ông họa sĩ
- Ý nghĩa (tác dụng)
 - Giúp câu chuyện hiện lên một cách chân thực, khách quan
 - Giúp nhà văn có thể bày tỏ một cách sâu sắc những suy nghĩ, quan điểm của mình về nghệ thuật, đồng thời kể chuyện một cách linh hoạt.
 - Nhân vật chính hiện lên một cách khách quan, chân thực.
 - Dụng ý nghệ thuật của nhân vật bởi ông họa sĩ là người làm nghệ thuật mà người làm nghệ thuật bao giờ cũng có cái nhìn tinh tế, sâu sắc.

B. Luyện đề

Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của anh thanh niên.

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận

II. Giới thiệu chung về tác phẩm (A)

409

- Giới thiệu nhân vật anh thanh niên

- Anh thanh niên là nhân vật chính, linh hồn của tác phẩm. Thông qua nhân vật, nhà văn gửi gắm chủ đề, tư tưởng của truyện ca ngợi những con người lao động bình thường và ý nghĩa của những công việc thầm lặng. Dù không xuất hiện ngay từ đầu mà chỉ xuất hiện trong chốc lát, trong 30 của cuộc gặp gỡ ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn nhưng anh vẫn là điểm sáng nổi bật nhất của bức tranh mà tác giả tập trung thể hiện.
- Anh thanh niên không xuất hiện ngay từ phần đầu tác phẩm mà xuất hiện gián tiếp qua lời kể của bác lái xe: hai mươi bảy tuổi, người cô độc nhất thế gian, làm một mình trên trạm khí tượng ở đỉnh cao 2600m, rất “thèm người”.
⇒ Cách giới thiệu ấy đã gây hứng thú và chuẩn bị tâm thế cho người đọc, cho ông họa sĩ và cô kĩ sư trước cuộc gặp gỡ. Anh còn hiện ra qua sự nhìn nhận suy nghĩ đg của những nhân vật khác ô họa sĩ, cô kĩ sư. Đây là một dụng ý nghệ thuật của tác giả để từ đó hình ảnh anh hiện lên sẽ rõ hơn qua cái nhìn nhiều chiều,
 - Hoàn cảnh sống và làm việc (khó khăn) Anh thanh niên có hoàn cảnh sống và

làm việc thật đặc biệt. Qua lời giới thiệu của bác lái xe: một anh thanh niên 27 tuổi sống ở trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu, “Cách đây bốn năm anh đã từng lấy gốc cây chắn ngang đường chắn xe nói chuyện với mọi người”

- ⇒ Như vậy chỉ qua một vài lời giới thiệu ngắn gọn từ bác lái xe nhưng cũng đủ giúp ta hình dung Anh thanh niên còn rất trẻ nhưng lại phải làm việc ở vùng đất vắng lặng quanh năm chỉ có cây cối mây mù sương phủ cô đơn, buồn tẻ. Điều kiện sống và làm việc của Anh thanh niên cũng là điều kiện sống và làm việc khó khăn nói chung của đất nước ta lúc bấy giờ
- Tác giả còn để Anh thanh niên tự giới thiệu về công việc của mình: đo gió, đo mưa, tính mây, đo chấn động mặt đất. Anh làm việc bằng máy móc và chỉ làm vào những giờ “ốp” nhất định 1h sáng, 4h sáng, 11h trưa, 7h tối. Đặc biệt anh làm việc trong điều kiện thời tiết hết sức khắc nghiệt. Gian khổ nhất là lặn ghi và báo về lúc 1h sáng.... (d/c)
 - ⇒ Qua lời kể của Anh thanh niên, ta thấy công việc của Anh thanh niên không vất vả, không tốn sức lực, thời lượng làm việc cũng rất ít, thậm chí có phần nhàm chán, đơn điệu nhưng nó lại đòi hỏi sự chính xác, kiên trì đặc biệt là tinh thần trách nhiệm cao vượt qua thời tiết khắc nghiệt.
 - Nhưng khó khăn, thách thức lớn nhất đối với anh là sự cô đơn giữa núi rừng heo hút. Nỗi buồn, sự “thèm người” những ngày mới lên trạm khí tượng khiến anh từng đẩy một thân cây chắn ngang đường cho xe dừng để được trò chuyện với mọi người.
 - ⇒ Rõ ràng cuộc sống này của anh thanh niên đối lập hẳn với cuộc sống của những người ở độ tuổi như anh, bởi ở độ tuổi ấy người ta thường tìm đến những nơi “phồn hoa đô thị” để sống thì anh lại chọn cho mình nơi làm việc âm thầm, cống hiến lặng lẽ cho Tổ quốc. Có lẽ chính vì vậy mà anh được bác lái xe đặt cho cái tên rất đặc biệt “người cô độc nhất thế gian”

III. Phân tích vẻ đẹp của nhân vật

- Luận điểm 1: Trước hết, ta nhận ra ở Anh thanh niên lòng yêu nghề, làm việc một cách tỉ mỉ, chính xác đầy tinh thần trách nhiệm và có những suy nghĩ đẹp, đúng đắn.
- ❖ *Luận cứ 1: Trước hết tình yêu nghề, tinh thần trách nhiệm của anh với công việc*

thể hiện qua cách kể của anh về công việc của mình

- Anh thanh niên giới thiệu một cách say sưa với những vị khách đến Sa Pa về công việc của mình “Cháu nói qua công việc của cháu... công việc của cháu chỉ quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn, cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, dự báo thời tiết hàng ngày, cái thùng đo mưa, cái máy nằm sâu dưới lòng đất là máy đo chấn động mặt đất”.
- ⇒ Qua lời kể nhẹ nhàng, tự nhiên, tỉ mỉ của anh, ta có thể thấy anh có một lòng say mê với công việc và chỉ có lòng say mê với công việc anh mới có thể kể một cách chính xác từng loại máy móc thiết bị.
- Cũng chỉ có tình yêu lòng say mê với công việc thì anh thanh niên mới có thể tìm sự khó khăn một cách thản nhiên, nhẹ nhàng “Cháu lấy những con số mỗi ngày và báo về bằng máy bộ đàm. Gian khổ nhất là lúc 1h sáng, rét bác ạ. ở đây có cả mưa tuyết”. Rõ ràng công việc này đối với anh vô cùng quen thuộc vì vậy mà khi kể về nó anh không hề có một câu than phiền, hơn thế anh còn tạo cho lời kể của mình có nhiều hình ảnh sinh động vừa đề thi vị hóa công việc vừa để cho người nghe hình dung rõ

❖ *Luận cứ 2: Anh làm việc rất đúng giờ*

- Tuy công việc lúc 1h sáng vất vả nhưng anh vẫn dậy rất đúng giờ và ngày nào cũng vậy anh lại báo cáo kết quả về nhà bằng máy bộ đàm. Có lẽ khó khăn nhất với anh là phải chui ra khỏi chăn đi ra vườn đo gió, tính mây khi bóng tối đã bao trùm dày đặc như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vút lung tung. Đêm tối như muốn nuốt chửng con người vậy mà đúng lúc ấy con người lại phải làm việc. Công việc không phải trong một ngày, hai ngày hay một tháng, hai tháng mà kéo dài quanh năm suốt tháng, hết năm này qua năm khác; sự vất vả kéo dài triền miên, đòi hỏi con người phải có một nghị lực phi thường, lòng say mê công việc.
- Anh còn cảm nhận “Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy”. Cái hùng hực ấy phải chăng là tấm lòng nhiệt huyết là sự say mê yêu nghề dũng cảm đã thôi thúc anh, giúp anh vượt qua tất cả để hoàn thành nhiệm vụ.
- Bên cạnh đó anh còn tuân thủ giờ giấc chính xác mà không cần người đôn đốc kiểm tra. Khi chia tay ông họa sĩ già và cô kĩ sư anh cũng không kịp tiễn họ với lí do sắp đến giờ ốp”. Rất có thể đó chỉ là lí do để anh không phải chứng

kiến cảnh chia tay nhưng điều đó cũng khẳng định mặc dù anh rất “thèm người rất mong được tiếp đón các vị khách ấy nhưng nó vẫn không thể lấn át tình yêu công việc của anh.

- Đặc biệt hơn nữa, anh có thể nhìn trời, nhìn mây, làm việc đúng giờ và làm việc với máy móc thường xuyên, anh nói có thể chỉ nhìn thời tiết mà đoán biết được thời tiết mưa hay nắng, nhiều mây hay ít mây...điều này thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của anh thanh niên.
- ❖ *Luận cứ 3: Đặc biệt, lòng yêu nghề ở anh thể hiện một cách sâu sắc ở việc anh hiểu được ý nghĩa công việc của mình, có những suy nghĩ vô cùng đúng đắn về công việc mình làm.*
 - Quan niệm về công việc
 - Anh đã từng tâm sự “khi ta làm việc ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được”. Đối với anh, công việc là người bạn để sẻ chia, đồng hành, với ⁴¹²bớt nỗi cô đơn.
 - “Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”. Công việc với anh là niềm vui, lẽ sống ở đời.
 - “Huống chi công việc của cháu còn gắn liền với anh em, đồng chí dưới kia”. Có thể nói, công việc với anh là chất keo, là sợi dây vô hình, là nhịp cầu kết nối anh với đồng nghiệp.
 - Những suy nghĩ của anh thanh niên giúp ta nhận thấy anh đã tự nhận thức được ý nghĩa trong công việc mình làm, thấy được sự lớn lao cao cả khi công việc mình làm có ích cho mọi người bởi việc lao động sản xuất, chiến đấu của con người đều phụ thuộc vào những gì anh đang làm, mỗi bản tin dự báo thời tiết là trách nhiệm vô cùng to lớn của anh. Đặt trong hoàn cảnh đất nước ta những năm 1970 Miền Bắc vừa sản xuất, chiến đấu, vừa chi viện cho tiền tuyến Miền Nam, việc anh hiểu ý nghĩa công việc của mình rất quan trọng trong việc bảo vệ đất nước.
 - Những suy nghĩ ấy cũng chứng tỏ anh đã tìm thấy niềm vui trong công việc. Phải chăng vì suy nghĩ đơn giản ấy mà anh không bao giờ cảm thấy cô đơn, không bao giờ thấy nhàn rỗi dù rằng anh rất thèm người, muốn nghe chuyện dưới xuôi.
 - Chính vì lẽ đó mà ta thấy anh đã vui sướng biết bao khi biết rằng một lần do

anh phát hiện chính xác đám mây khô đã góp phần giúp không quân ta bắn rơi máy bay Mỹ trên cầu Hàm Rồng.

⇒ Chỉ một chi tiết cũng đủ thấy niềm vui mừng khôn xiết vì trong chiến thắng ấy có một phần công sức của anh. Có lẽ bởi vậy mà anh làm việc rất hăng say với một niềm vui niềm phấn khởi lớn, anh lao động nghiêm túc và say mê nghề nghiệp. Phải chăng đó chính là một lý do để anh nhận thấy được công việc không hề nhàm chán mà còn là niềm vui. Nó không chỉ có ý nghĩa với riêng anh mà còn với tất cả mọi người. Đây cũng chính là một trong những động lực khích lệ anh trong công việc.

- Cách anh lý giải về việc thêm người của mình cũng vô cùng dí dỏm, đáng yêu làm nổi bật lên lí tưởng sống cao đẹp của anh “Người thì ai mà chẳng “thèm” hả bác. Mình sinh ra làm gì? Mình để ở đâu? Mình vì ai làm việc?... Cháu⁴¹³ bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thực ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng”

⇒ Những câu hỏi tu từ đã khắc ghi trong lòng ta lí tưởng sống của anh thanh niên sống cống hiến thầm lặng cho đất nước vì mọi người, vì cộng đồng. Sự cống hiến ấy không phô trương mà chỉ cần âm thầm lặng lẽ, góp sức mình cùng biết bao con người trên mọi miền đất nước để góp phần dựng xây quê hương miền Bắc. Có lẽ vì vậy mà những suy nghĩ của anh thanh niên đã tác động mạnh mẽ đến ông họa sĩ và cô kĩ sư. Hơn thế, nó còn có sức âm vang khơi gợi trong lòng người đọc những điều họ chưa nghĩ tới hoặc chưa nghĩ ra.

⇒ Qua suy nghĩ của anh thanh niên về công việc tác giả còn muốn gửi gắm tới mọi người một triết lý về lao động “lao động là vinh quang”, lao động đem lại cho mọi người niềm vui dù trong hoàn cảnh đơn độc nhất. Chính suy nghĩ ấy đã khiến cho bất cứ ai khi đọc tác phẩm khó có thể quên được nhân vật anh thanh niên Suy nghĩ của anh thanh niên về vị trí làm việc: khi tâm sự về vị trí làm việc anh cho rằng làm việc trên đỉnh Phan xi păng mới là lý tưởng. Chính lời tâm sự ấy càng khẳng định được tinh thần dũng cảm cũng như tình yêu nghề của anh thanh niên.

→ Đánh giá: Như vậy, qua những suy nghĩ của anh thanh niên về công việc, qua cách anh kể chuyện và qua những lời tâm sự của anh ta nhận thấy anh thanh niên là một người

có trách nhiệm cao trong công việc, là một người vô cùng yêu nghề đến mức mê nghề, say nghề. Những suy nghĩ của anh về cuộc sống về công việc thật đẹp thật đúng đắn đáng trân trọng. Có lẽ tất cả những điều đó đã khiến cho ông họa sĩ, cô kĩ sư cảm mến anh, để rồi họ nhận thấy ý nghĩa công việc mình làm.

- Liên hệ: Từ tình yêu công việc, say mê công việc của anh thanh niên cho ta thấy lí tưởng sống của anh rất đẹp, sống có ích, sống để cống hiến. Đó cũng chính là lí tưởng sống của một bộ phận lớn thanh niên trí thức thời đó thời kỳ đất nước ta đang trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Anh chính là hình ảnh của những thanh niên trong phong trào ba sẵn sàng: Sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm, sẵn sàng gia nhập lực lượng vũ trang, sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ điều gì mà Tổ Quốc cần. Mỗi con người họ⁴¹⁴ đều mang trong mình một trái tim rực lửa nhiệt tình cách mạng, lòng hăng say lao động ngày đêm miệt mài để cống hiến sức lực, tuổi trẻ, trí tuệ cho đất nước. Chính nhờ họ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, miền Bắc đã trở thành hậu phương vững chắc để tiến tuyến miền Nam đánh thắng giặc Mỹ. Nói như một nhà thơ:

Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt

Như mẹ cha ta, như vợ, như chồng

Ôi Tổ quốc nếu cần ta sẽ chết

Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông

- Luận điểm 2: Ở anh thanh niên ta còn thấy hiện lên một vẻ đẹp nữa là tình yêu quê hương đất nước, yêu người, yêu cuộc sống.

- Luận cứ 1: Hãy lắng nghe những suy nghĩ của anh thanh niên về vấn đề thèm người: Anh tự hỏi “mình sinh ra là gì, mình đẻ ra ở đâu. Cháu bỗng dưng tự hỏi cái nhớ xe, nhớ người ấy thực ra là cái gì vậy, nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng”.

⇒ Một loạt những câu hỏi tu từ qua cách nói chuyện tự nhiên của anh đủ để ta nhận ra ở anh tình yêu cuộc sống, yêu quê hương, yêu con người sâu sắc, anh sẵn sàng vì quê hương, vì đất nước mà chọn một nơi vắng vẻ cô đơn để làm việc. Dù vậy anh vẫn luôn luôn nhớ tới họ, lấy họ ra làm động lực giúp anh hoàn thành nhiệm vụ tốt.

- Luận cứ 2: Những suy nghĩ của anh về mảnh đất Sa Pa “Trong cái im lặng của Sapa dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên người ta đã

nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người lo nghĩ như vậy cho đất nước” cũng đủ cho chúng ta thấy anh yêu Sapa đến nhường nào. Tình yêu của anh dành cho Sapa không chỉ dành cho cái đẹp thiên nhiên Sa Pa mà còn dành cho những người sống và làm việc thầm lặng như ông kĩ sư vườn sau, cán bộ đo sét

⇒ Suy nghĩ ấy thể hiện chủ đề tác phẩm

- Luận cứ 3: Vẻ đẹp ấy còn được thể hiện ở việc anh và bố cùng xung phong ra mặt trận, ở quan niệm của anh về hạnh phúc. Hạnh phúc của anh chỉ đơn giản là biết mình có góp một phần nhỏ trong chiến thắng ở cầu Hàm Rồng. ⁴¹⁵

⇒ Qua đó có thể thấy hạnh phúc của anh chính là được cống hiến cho đất nước, là tình yêu quê hương.

- Luận cứ 4: Suy nghĩ của anh thanh niên về những người khác: cán bộ nghiên cứu sét, anh kĩ sư vườn rau, cảm phục và yêu quý họ. Anh thấy họ thật đẹp, công việc họ làm thật cao cả.

- Luận điểm 3: Anh thanh niên còn là người rất đáng mến, cởi mở, chân thành yêu người hiếu khách. Anh biết quý trọng tình cảm của mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người

❖ Luận cứ 1: Anh có mối quan hệ rất thân thiết với bác lái xe

- Từ một lần lấy thân gỗ chặn ngang đường để xe dừng lại thế là anh quen bác lái xe. Sự cởi mở và quan tâm chu đáo của anh khiến cho mối quan hệ ấy trở nên thân thiết.
- Cứ mỗi lần đi qua bác lái xe lại dừng xe lại 30 phút để tạo cơ hội cho anh trò chuyện với những người ở dưới xuôi.
- Biết vợ bác lái xe mới ốm dậy, anh gửi biếu bác gái củ tam thất “củ tam thất cháu vừa đào đấy. Cháu gửi bác gái ngâm rượu. Hôm nọ bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì”, bác lái xe mua cho anh mấy quyển sách.

⇒ Có thể thấy, anh rất quan tâm đến người khác, giúp đỡ họ

❖ Luận cứ 2: Mối quan hệ giữa anh thanh niên và hai vị khách lạ

- Đối với những vị khách lên Sa Pa - ông họa sĩ và cô kĩ sư - anh đón tiếp họ với sự chân thành, thân thiết, gần gũi không hề xã giao kiểu cách.
- Anh vui mừng đến luống cuống, hấp tấp khi biết họ sẽ lên thăm nơi ở của mình. Anh bộc lộ tình cảm hồn nhiên chân thành đến cảm động. Anh hái hoa

tặng cô gái với cử chỉ thân mật, gần gũi tự nhiên như trao cho người bạn đã khi chia tay anh còn tặng bác họa sĩ một làn trứng ăn dọc đường khiến bác họa sĩ như thấy người thanh niên này thật đáng mến, cô kỹ sư bàng hoàng. Thậm chí anh còn chia nhỏ thời gian nói chuyện: 5 phút hái hoa, 5 phút kể chuyện công việc cả mình, 20 phút tiếp theo anh muốn nghe chuyện dưới xuôi, 5 phút cuối dành cho chia tay

⇒ Có thể thấy anh thanh niên tiết kiệm từng giây phút để được trò chuyện với mọi người. Trong cuộc trò chuyện cách nói của anh rất thân tình cởi mở thậm chí anh còn nói cả những điều người ta chỉ nghĩ “Trời! Chỉ còn có 5 phút, cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên nhà tôi từ bốn năm nay”

- Mở rộng: Có thể nói, tình cảm ấy giữa nơi Sa Pa lạnh lẽo, hắt hiu thật đáng quý, đáng trân trọng, ấm áp tràn đầy tình người. Hình ảnh của anh hay cũng chính là hình ảnh của những con người Việt Nam từ bao đời nay vốn thân thiện, mến khách và trọng tình người. Anh còn là hình ảnh rất đáng quý, đáng trân trọng tự vươn lên trong cuộc sống nhưng luôn biết nghĩ đến người khác. Chính anh đã khiến cho người họa sĩ cảm thấy mình “bối rối”, khơi gợi trong ông một ý sáng tác.

▪ Luận điểm 4: Ở anh thanh niên thật thà khiêm tốn giản dị: Ở anh, ta còn thấy anh là một chàng trai khiêm tốn thật thà, giản dị.

- Anh là người khiêm tốn hết mức: Khi ông họa sĩ định về anh anh đã từ chối và giới thiệu với ông họa sĩ nhiều người đáng vẽ hơn “không bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu sẽ giới thiệu với bác những người đáng vẽ hơn” rồi anh kể về họ: ông kỹ sư vườn rau dưới Sa Pa hay anh cán bộ nghiên cứu sét mười một năm không một ngày xa cơ quan.
- Từ những lời chân thành của anh và lời kể về những con người đang làm việc cùng anh ở Sa Pa ta thấy anh thanh niên tự cảm thấy mình chưa xứng đáng để ông họa sĩ vẽ. Anh chỉ là con người bình thường như muôn người khác, xung quanh anh có rất nhiều người họ cũng yêu nghề và hy sinh thầm lặng vì công việc, họ xứng đáng được ngợi ca hơn anh rất nhiều.

⇒ Chỉ những suy nghĩ đơn giản như vậy của anh thanh niên nhưng cũng đủ cho ta thấy đó là những suy nghĩ đẹp, một vẻ đẹp bình dị và hết sức lớn lao giúp chúng ta nhận thức được ý nghĩa của cuộc sống. Với anh sống là để làm việc

cống hiến cho đất nước chứ không phải đòi hỏi quyền lợi.

- Liên hệ: Suy nghĩ của anh thanh niên gợi cho ta nghĩ tới cả lớp thế hệ thanh niên lúc bấy giờ, họ sống khiêm nhường giản dị, coi sự đóng góp của mình là không đáng kể như trong cuốn nhật ký Đặng Thùy Trâm chứng kiến biết bao người đồng đội hy sinh, một người đồng chí đứng cạnh Đặng Thùy Trâm đã hỏi: “Không biết mai này đất nước hòa bình có ai còn biết đến cảnh này chẳng”. Và chị đã trả lời rằng “Cũng chẳng cần mong ai nhớ, chẳng cần sự đền⁴¹⁷ đáp, chỉ mong ngày đất nước được hòa bình để trở về với gia đình là hạnh phúc lắm rồi”. Đó là những suy nghĩ của cả một thế hệ giúp ta nhận thức được giá trị của con người là sống cống hiến một cách khiêm nhường, sự hy sinh của họ thầm lặng không phô trương nhưng lại khiến cho ta cảm phục để từ đó giúp ta trân trọng hơn cuộc sống hiện nay ta đang có.
- Luận điểm 5: Anh biết tổ chức, sắp xếp cuộc sống của mình nên thơ phong phú, ngăn nắp thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời yêu cuộc sống.
 - Cuộc sống một mình trên núi cao người ta có thể cho phép mình sống xuề xòa, tạm bợ. Nhưng không, thật bất ngờ khi mọi người đến thăm anh lại thấy ngôi nhà anh thật ngăn nắp gọn gàng, trái ngược với điều ông họa sĩ đã nghĩ “Khách tới bất ngờ chắc cu cậu chưa kịp quét tước, dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn màn chẳng hạn”. Cuộc sống của anh thanh niên hiện ra với một căn nhà ba gian sạch sẽ với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ thống kê, máy bộ đàm. Đời riêng của anh thanh niên thu gọi lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, giá sách.
 - ⇒ Những chi tiết tác giả liệt kê về đời sống của anh thanh niên ta thấy cuộc sống của anh thanh niên tuy chỉ có một mình nhưng lại để lại trong lòng các vị khách lên Sa Pa nhiều ấn tượng khó phai. Anh đã sắp xếp cuộc sống của mình thật ngăn nắp, gọn gàng, hợp lý, khoa học.
 - Điều khiến ông họa sĩ ấn tượng là trong căn nhà nhỏ có rất nhiều sách. Chỉ một chi tiết ấy thôi cũng đủ nói với ta rất nhiều về đời sống tinh thần phong phú của anh thanh niên. Anh đọc sách để giải trí để nâng cao trình độ, để có người trò chuyện. Với anh, sách là người bạn tinh thần của anh giúp anh vượt đi sự cô đơn.
 - ⇒ Có lẽ vì vậy mà khó có thể diễn hết cảm xúc “mừng quýnh” của anh khi

nhận sách từ bác lái xe những quyển sách mà anh nhờ bác mua hộ dưới xuôi lên. E Có thể thấy anh thanh niên rất coi trọng sách và qua việc đọc sách của anh chúng ta nhận thấy anh tự mình vươn lên để chiếm lĩnh tri thức bởi cuộc sống trên núi cao của anh khó có điều kiện để tiếp xúc với khoa học kĩ thuật nên anh xác định rằng đọc sách là cách tốt nhất để mình khỏi lạc hậu không rời xa với thế giới dưới xuôi.

- Giữa nơi Sa Pa lạnh giá vắng vẻ nhưng anh không sống tạm bợ mà tự tạo cho mình cuộc sống phong phú nên thơ. Anh trồng hoa, nuôi gà. Khi thăm nơi ở của anh, bước lên bậc thang ông họa sĩ đã thấy anh đang hái hoa.

⇒ Chi tiết này cho thấy cuộc sống của anh thanh niên gần gũi với thiên nhiên đầy đủ về cả vật chất lẫn tinh thần – một cuộc sống lãng mạn, tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống. Cuộc sống của anh cũng năng động, hởi hả, khắ trương như bao thanh niên khác trên mọi miền Tổ quốc. Hình ảnh của anh dường như chỉ xuất hiện trong cuộc sống nhưng anh lại là con người thực tế. Đó là hình ảnh những con người lao động mới những thanh niên trí thức trẻ đã từ bỏ cuộc sống nơi phồn hoa đô thị để đến với vùng núi hẻo lánh, giá lạnh đang ngày đêm bám trụ sống, chiến đấu vươn lên để xây dựng đất nước.

- Mở rộng: Có ai đó đã ví anh thanh niên như chàng mai An Tiêm giữa đảo hoang, nhưng nếu Mai An Tiêm là hình ảnh xuất hiện trong cổ tích để khích lệ ý chí, tinh thần lao động của con người thì với anh thanh niên lại khác, anh là một hình ảnh thực rất gần gũi với chúng ta, là hình ảnh của những thanh niên trí thức trẻ đã từ bỏ cuộc sống nơi phồn hoa đô thị để sống, làm việc, cống hiến cho đất nước. Những con người ấy đã để lại cho chúng ta tình cảm yêu mến, trân trọng.

→ Nguyễn Thành Long có nói rằng truyện “Lặng lẽ Sa Pa” của ông là một bức chân dung. Nói cho đúng thì đó là bức phác họa chân dung anh thanh niên làm công tác khí tượng. Nhân vật ấy chỉ xuất hiện trong chốc lát của cuộc gặp gỡ tình cờ nhưng để lại trong lòng mỗi ny trong truyện và ng đọc một ấn tượng khó quên. Đó là một con ng say mê công việc, sống có lí tưởng, trái tim nhân ái biết quan tâm đến người khác, khiêm tốn giản dị, có một tâm hồn trẻ trung, hồn nhiên, đáng yêu... Anh như vẽ đẹp bị lãng quên và chuyến xe là cuộc hành trình khám phá con người anh, thế giới nội tâm

tinh tế, say mê lý tưởng mà anh sở hữu. Vẻ đẹp ấy có sức lan tỏa, âm vang.

- Luận điểm 6: Sự ảnh hưởng của anh thanh niên đến các nhân vật khác trong câu chuyện: Chính những vẻ đẹp ở anh thanh niên đã có sự ảnh hưởng rất lớn tới các nhân vật khác trong câu chuyện.

- Với ông họa sĩ khi gặp anh thanh niên, được tiếp xúc trò chuyện với anh, ông⁴¹⁹ thấy ngòi bút của mình bất lực bởi chân dung đó quá đẹp về tinh thần, tình cảm và lối sống, hành động. Ông thấy rung lên trong lồng ngực già nua của mình dường như có một quả tim nữa đập rộn lên đưa ông về thời trai trẻ, ông thấy càng thêm yêu cuộc sống. Ông đã nhận thấy ý nghĩa công việc của mình và vai trò của nghệ thuật. Anh thanh niên đã khiến ông thấy rằng “Người thanh niên ấy đáng yêu thật nhưng khiến ông nhọc quá”.
- Với cô kĩ sư, chính vẻ đẹp của anh thanh niên khiến cô cảm thấy quyết định lên Lai Châu công tác là hoàn toàn đúng đắn. Cô không còn cảm thấy sợ hãi hay lo lắng như lúc mới đầu, Chính anh thanh niên và những suy nghĩ của anh đã tiếp thêm cho cô nghị lực mang đến những hào hứng tuổi trẻ - Như vậy anh thanh niên đã được lọc qua ánh sáng tâm hồn của ông họa sĩ và cô kĩ sư đã khiến cho anh trở nên lung linh hơn trong suy nghĩ và cái nhìn của họ.

III. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật anh thanh niên

- Đặt nhân vật anh thanh niên vào trong tình huống truyện rất tự nhiên và hợp lí đó là cuộc gặp gỡ với những người khách lạ trong 30 phút ngắn ngủi nhưng chính cuộc gặp gỡ ấy đã giúp những người khách lạ dần dần nhận ra vẻ đẹp tâm hồn cao quý của anh thanh niên.
- Nhân vật anh thanh niên không hiện lên trực tiếp từ đầu tác phẩm mà qua điểm nhìn của các nhân vật khác: đầu tiên anh thanh niên hiện lên qua lời giới thiệu của bác lái xe là một người cô độc nhất thế gian và rất thèm người. Sau đó tác giả chủ yếu đặt điểm nhìn vào ông họa sĩ cũng có lúc điểm nhìn được đặt vào cô kĩ sư để họ đi hết từ bất ngờ này đến bất ngờ khác dần dần phát hiện ra vẻ đẹp tâm hồn của anh. Anh còn hiện lên trực tiếp từ chính những suy nghĩ của bản thân anh khi anh tâm sự với ông họa sĩ và cô kĩ sư về hoàn cảnh của anh. Chính từ điểm nhìn ấy mà vẻ đẹp của anh thanh niên càng lúc càng hiện lên rõ nét hơn.

- Đặc biệt một thành công nữa trong nghệ thuật xây dựng anh thanh niên là giọng văn khi tác giả viết về anh thanh niên rất nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình và chất thơ, chất lãng mạn. Nguyễn Thành Long đã kết hợp hài hòa giữa các yếu tố tự sự, trữ tình và bình luận thể hiện qua lời nói suy nghĩ của các nhân vật⁴²⁰ đặc biệt là của anh thanh niên và của ông họa sĩ. Những suy nghĩ ấy như những triết lý khiến mọi người phải suy nghĩ về nhân vật chính.
- Ngôn ngữ nhân vật: anh thanh niên giản dị, khiêm tốn, chân thành

2. Khái quát lại đặc điểm nhân vật

- Tuy chỉ được phác họa qua một vài nét chấm phá về ngoại hình, không đi sâu miêu tả tâm trạng, tính cách của nhân vật chủ yếu thể hiện qua những cử chỉ, hành động lời nói và qua sự nhìn nhận của các nhân vật khác nhưng anh thanh niên hiện lên như một bức chân dung tuyệt đẹp của một người yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, yêu quê hương đất nước, có lí tưởng sống cao đẹp; đồng thời anh cũng là người khiêm tốn, thật thà, giản dị hiếu khách, lạc quan, yêu đời.
- Tuy anh chỉ hiện ra trong 30 phút gặp gỡ ngắn ngủi nhưng cũng đủ để người đọc ghi nhận bức ký họa chân dung của người lao động mới. Hình ảnh của anh cùng với những người lao động trên mảnh đất Sa Pa đã góp phần tạo nên một tập thể những con người lao động tiêu biểu cho cả một thế hệ người lao động đã sống cống hiến, hy sinh thầm lặng cho đất nước. Đó là những con người luôn mang trong mình ngọn lửa nhiệt tình cách mạng.
- Cũng giống như các nhân vật khác trong tác phẩm, anh thanh niên hiện lên trong văn bản không có tên. Phải chăng đó cũng là dụng ý nghệ thuật của tác giả muốn nói tới những con người giản dị bình thường mà ta có thể gặp ở bất cứ đâu trên đất nước Việt Nam trong những năm cả nước đang ra sức chiến đấu, dựng xây và bảo vệ tổ quốc. Có thể nói chính anh và những người như anh đã xua đi cái lạnh giá của Sa Pa, mang đến cái ấm áp, khí thế sôi động và ấm áp tình người, góp phần xây dựng đất nước tạo nên những âm vang trong lòng người và khiến cho Sa Pa không còn lạnh lẽo nữa như nhà văn đã từng khẳng định trong tác phẩm: “Trong cái im lặng của Sa Pa dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người lo nghĩ như vậy cho đất nước”. Anh thanh niên có vai trò

quan trọng trong việc làm tỏa sáng chủ đề của tác phẩm: ngợi ca những con người có lí tưởng sống cao đẹp: sống cống hiến, cống hiến âm thầm, cống hiến bền bỉ cho mục đích cao cả: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Qua nhân vật anh thanh niên, ta có thể nhận thấy tình cảm, thái độ của nhà văn với nhân vật: yêu mến, trân trọng, ngợi ca những con người lặng thầm cống hiến bền bỉ góp phần dựng xây và bảo vệ tổ quốc.
- Nhân vật anh thanh niên góp phần làm nên thành công cho tác phẩm. Với tác phẩm này, Nguyễn Thành Long đã góp thêm một bản nhạc trong bản hòa ca ngợi ca người lao động của văn học lúc bấy giờ.
- Đặt tác phẩm vào hoàn cảnh ra đời lúc bấy giờ thì vẻ đẹp của nhân vật như một tấm gương sáng động viên, khích lệ, cổ vũ cho cả thế hệ trẻ miền bắc lúc bấy giờ cùng chung tay hoàn thành nhiệm vụ là hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam.
- Tác động của nhân vật tới người đọc: Yêu mến cảm phục, khơi gợi trong mỗi người lí tưởng sống.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Phân tích truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.
2. Trong “Một khúc ca xuân”, nhà thơ Tố Hữu từng đặt ra câu hỏi “Ôi! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn?”. Em hãy tìm câu trả lời qua nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.
3. Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp” (Pau-tốp-xki). Em hãy phân tích “xứ sở của cái đẹp trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.
4. “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều mới mẻ” (Nguyễn Đình Thi). Em hãy phân truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long để thấy rõ điều mới mẻ trong việc khám phá vẻ đẹp thế hệ trẻ Việt Nam.
5. Những âm vang trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long. Cảm xúc khi đọc tác phẩm ấy.
6. Anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long đã gây rất nhiều thiện cảm cho người đọc. Em có cảm nhận gì về nhân vật này?

7. Phân tích truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long để thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sa Pa.
8. Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn văn sau: “Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa... ngủ được”. Từ đó, em có suy nghĩ gì về ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với công việc.
9. “Điều quan trọng hơn cả là sau mỗi cách kết thúc, tác giả phải gieo vào lòng người đọc những nhận thức sâu sắc về quy luật đời sống và những dự cảm về tương lai, về cái đẹp tất yếu sẽ chiến thắng”. (Bùi Việt Thắng). Em hiểu như thế nào về ý kiến trên. Qua truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” - Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
10. Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn văn sau: “Hồi chưa vào nghề... đáng vẽ hơn”. Từ đó, em có suy nghĩ gì về lí tưởng sống của thanh niên trong xã hội ngày nay.
11. Nhận xét về giá trị của những trang miêu tả thiên nhiên miền núi của Tô Hoài, Nguyễn Thành Long,... có ý kiến cho rằng: “Cái đẹp của bản thân cuộc sống có giá trị riêng, cái đẹp của bản thân nghệ thuật có giá trị riêng, dù cái nọ bắt nguồn từ cái kia. Cảnh thiên nhiên trong văn đã được đẹp lên ở cấp độ thứ hai, cấp độ thứ nhất chính là thiên nhiên, cấp độ thứ hai là nghệ thuật, ở đây là ngôn ngữ văn học, là rung cảm của tâm hồn nhà văn” (Phạm Đình Ân). Em hãy làm rõ ý kiến trên qua tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Nguyễn Quang Sáng (1932 – 2014) là cây bút truyện ngắn xuất sắc, một nhà văn của vùng đất Nam Bộ mến thương.
- Ông chủ yếu hướng ngòi bút đến cuộc sống và con người Nam Bộ trong chiến tranh và sau hoà bình.
- Truyện của ông thường có cốt truyện hấp dẫn, xoay quanh những tình huống khá bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lý.
- Nghệ thuật kể chuyện, dẫn chuyện của tác giả thường thoải mái, tự nhiên với giọng thân mật, dân dã.
- Ngôn ngữ truyện rất gần với khẩu ngữ và đậm màu sắc Nam Bộ.

2. Tác phẩm

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Năm 1966
- Thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra cam go, quyết liệt.
- Những năm 1966 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra vô cùng ác liệt lúc bấy giờ, tất cả mọi người đều nêu cao chủ nghĩa anh hùng, đều nhiệt tình tham gia kháng chiến
- Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” mặc dù được viết năm 1966 nhưng thời gian của các sự kiện được kể trong câu chuyện trải dài từ cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) và những ngày sau hiệp định giơ-ne-vơ cho đến cuộc kháng chiến chống Mỹ.

2. Chủ đề: Qua tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, truyện đã thể hiện một cách cảm động tình cha con cao đẹp, sâu nặng. Tình cảm của người cha đối với con được khắc họa qua nhân vật ông Sáu.

3. Tình huống truyện

- ◆ Tình huống 1: Sau tám năm, anh Sáu về phép thăm nhà, bé Thu không chịu nhận ra anh là cha. Đến lúc nhận ra thì anh Sáu phải lên đường trở lại chiến khu.
- ◆ Tình huống 2: Ở nơi chiến khu, anh Sáu dồn hết tâm sức làm chiếc lược ngà để tặng con gái nhưng đã hy sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con.

4. Ý nghĩa tình huống truyện

- ◆ Về nghệ thuật: Giúp cho câu chuyện diễn ra một cách tự nhiên và hợp lý nhưng

cũng đầy kịch tính, đầy yếu tố bất ngờ, thể hiện một cách rõ nét diễn biến tâm trạng cũng như tính cách của nhân vật.

- ◆ Về nội dung: Nếu tình huống thứ nhất thể hiện sâu sắc tình cảm mãnh liệt của bé Thu dành cho ba thì tình huống thứ hai đã giúp Nguyễn Quang Sáng làm nổi bật tình yêu thương con thấm thiết của người cha.

5. Ngôi kể

- ◆ Ngôi thứ nhất - xưng tôi, người kể chuyện là bác Ba - một nhân vật tham gia và chứng kiến toàn bộ câu chuyện cha con giữa ông Sáu và bé Thu, đồng thời là một người bạn, người hàng xóm, người bạn chiến đấu, đồng chí đồng đội của ông Sáu.
- ◆ Tác dụng
 - Tạo cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy, lời kể khách quan, chân thực giúp người kể bộc lộ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật khác trong truyện
 - Giúp người kể chuyện chủ động điều khiển nhịp kể theo cảm xúc cá nhân, và có thể xen vào những ý kiến bình luận, suy nghĩ để dẫn dắt sự tiếp nhận của người đọc.
 - Qua ý nghĩ và cảm xúc của người kể chuyện, các chi tiết sự việc, các nhân vật trong truyện hiện lên một cách rõ nét hơn, và bộc lộ rõ hơn những ý nghĩa và tư tưởng của truyện giúp cho câu chuyện trở nên thuyết phục, hấp dẫn.

B. Luyện đề

B.1. Cảm nhận về tình yêu thương con của nhân vật ông Sáu.

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận

II. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (A)

- Cuộc chiến tranh tàn khốc đã gây ra bao cuộc sinh li tử biệt, vợ xa chồng, cha xa con, cả gia đình ly tán... Chiến tranh đã cướp đi sinh mạng, xương máu của biết bao người con Việt Nam, nhưng cũng trong chiến tranh, những tình cảm thiêng liêng nhất của con người đã được bộc lộ một cách mãnh liệt nhất: tình yêu đôi lứa, tình đồng chí đồng đội, tình yêu quê hương, và đặc biệt là tình cảm gia đình. “Chiếc lược ngà”⁴²⁵ là một tác phẩm tiêu biểu cho tình cảm thiêng liêng ấy: tình cha con mãnh liệt.
- Giới thiệu chung về nhân vật: Ông Sáu là nhân vật chính, linh hồn của tác phẩm,

góp phần thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Ông Sáu là một người chiến sĩ cách mạng kiên trung, chiến đấu ngoan cường, trung thành với cách mạng, gắn bó với quê hương. Nhưng viết về ông Sáu, nhà văn không đi sâu khai thác khía cạnh ấy mà chủ yếu tô đậm và làm nổi bật tình phụ tử trong hoàn cảnh éo le của cuộc chiến tranh.

III. Phân tích, chứng minh *tình thương con của ông Sáu*

a. Nỗi khao khát được gặp con

- Chiến tranh xảy ra, cũng giống như bao người con của quê hương, ông Sáu cũng từ giã gia đình đi chiến đấu. Khi ông đi đưa con gái đầu lòng và cũng là đứa con duy nhất của ông chưa đầy một tuổi. Rồi nhà đi kháng chiến từ năm 1946 và suốt cả tám năm ông chưa một lần được về thăm nhà.
- Người vợ có vài lần lặn lội lên tận chiến khu miền Đông thăm chồng. Lần nào vợ lên, ông cũng bảo vợ đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông không đơn giản. Người vợ không dám đưa con qua rừng. Nghe vợ nói có lí ông Sáu không trách được dù rất nhớ con. Ông chỉ có thể nhìn thấy con qua tấm ảnh vợ mang đến. Vậy là, suốt ngần ấy năm người cha ấy chưa một lần được gặp con.
- Có hiểu sự xa cách dài đằng đẵng ấy ta mới cảm nhận hết được nỗi lòng ông Sáu khi ông được trở về. Kháng chiến chống Pháp kết thúc, hoà bình lập lại, lúc này ông Sáu mới có dịp về thăm vợ con nhưng chỉ là vài ngày ngắn ngủi. Giây phút trở về tình người cha cứ nôn nao”. Đó là sự hồi hộp xen lẫn niềm vui sướng khi niềm mơ ước gặp con đã sắp thành hiện thực.
- Xuống vào bến “thấy một đứa bé đó tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước nhà. Linh tính của người cha đã mách bảo ông đó chính là con gái mình”.
- Đoán biết là con “không chờ xuống cập bến”, ông “nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra”, “bước vội những bước dài, rồi dừng lại kêu to”. Một loạt những hành động cuống quýt, vội vã cho thấy sự nóng lòng muốn được gặp con⁴²⁶ của ông Sáu. Người cha có thể chờ đợi tám năm nhưng khi thấy con ông không thể chờ thêm phút giây nào nữa. Lúc này ta cảm nhận được ông Sáu đang khao khát được ôm con biết nhường nào?
- Cái tiếng gọi “Thu! Con xiết bao thân thương triu mến biểu lộ bao niềm yêu thương,

khao khát, đợi chờ sau bao năm chờ đợi. Đó là tiếng gọi của tình phụ tử, tiếng gọi chứa đựng niềm xúc động và hạnh phúc của một người cha sau bao nhiêu năm xa cách mới được gặp đứa con yêu.

- Cùng với tiếng gọi của tình phụ tử là những cử chỉ đón đợi của người cha “vừa bước vừa khom người đưa tay đón chờ con”. Niềm xúc động dâng trào trong phút giây gặp mặt khiến cho vết sẹo trên mặt ông đỏ lên, giàn giụa. Vẫn với vẻ xúc động ấy, hai tay vẫn đưa về phía trước, ông chậm chậm bước tới, giọng lập bập run run “Ba đây con! Ba đây con!”. Cánh tay mở rộng chờ đợi được ôm cái hình hài máu mủ, tiếng gọi lập bập run run của người cha trước đứa con thơ. Một loạt cử chỉ, hành động miêu tả diễn biến tâm trạng ông Sáu hết sức tinh tế khiến người đọc xúc động.
- Trớ trêu thay, con bé đã không nhận ra ông là cha nó. Nó kêu thét lên và bỏ chạy. Nếu như lúc trước ông mong mỏi, xúc động bao nhiêu thì giờ đây ông đau đớn bấy nhiêu. Cái cánh tay đưa ra đợi chờ đón nhận tình yêu thương thì giờ đây “buông thõng xuống như bị gãy”. Nỗi đau tinh thần được cụ thể hoá bằng nỗi đau thể xác thật khéo léo và tinh tế. Ta có thể hình dung ra sự sầu khổ, đau buồn trong lòng ông Sáu lúc này. Nó đã dập tắt đi nỗi nhớ thương khao khát suốt tám năm đằng đẵng.
 - ⇒ Ông rơi vào trạng thái hụt hẫng, thất vọng. Một nỗi buồn tê tái như xé nát cõi lòng ông. Một nỗi đau ngoài sức tưởng tượng. Ông không thể ngờ rằng chính bom đạn chiến tranh vừa là nguyên nhân gián tiếp vừa là nguyên nhân trực tiếp của nỗi đau đớn ấy.

b. Nỗi niềm trong những ngày ở nhà

- -Dẫn: Tám năm xa vợ xa con nhưng ông chỉ được ở nhà có ba ngày rồi lại lên đường, và ra đi mãi mãi. Bởi thế những ngày nghỉ phép là giây phút quý giá vô ngần.
- Ông Sáu “suốt ngày chẳng đi đâu xa”, ông luôn tìm cách gần gũi vỗ về để bù đắp⁴²⁷ những ngày xa con. Ông “mong được nghe một tiếng gọi ba” từ con bé. Nhưng con bé kiên quyết không chịu gọi. Lòng người cha đau đớn biết nhường nào khi đứa con là máu mủ của mình gọi mình bằng “người ta”. Đau khổ nhưng phải kìm nén, ông chỉ biết cười vì “khổ tâm đến nỗi không khóc được”.
- Ông Sáu quan tâm săn sóc con từng li từng tí. Trong bữa cơm, ông gấp cho nó một cái trứng cá to vàng bỏ vào chén. Nhưng con bé so đĩa vào bát, bất ngờ hất tung cái

trúng ấy ra, cơm văng tung toé cả mâm. Giận quá ông đã vung tay đánh con. Đôi bàn tay giang ra đón đợi tình yêu thương, đôi bàn tay mong chờ được ôm con vào lòng. Giờ đây phải vùng lên đánh đứa con ấy.

⇒ Hành động thể hiện sự bất lực của người cha trước thái độ ương ngạnh của bé Thu. Đứa con gái đã hoàn toàn lạnh lùng trước mọi tình cảm vỗ vạ của người cha. Ông càng xích lại gần, nó càng lùi xa. Ông càng chiều thương, nó càng lảng tránh. Ông càng khao khát được nghe tiếng gọi ba từ lòng con, nó càng cố tình cự nự. Ngọn lửa nồng nàn của lòng cha cứ bị những đôi xử xa lánh, ương ngạnh của con giội xuống những gáo nước lạnh.

- Có những tình huống tưởng chừng như con bé không thể tương xứng được nữa, ấy thế mà nó vẫn quyết liệt. (lúc cơm sôi một mình nó không thể nhắc nồi để chất nước). Nó không chịu nhượng bộ, không chịu thua cuộc. Điều ấy đã làm cho ông Sáu đau khổ hết sức. Còn gì đau lòng cho bằng một người cha yêu thương con mà lại bị chính đứa con ấy kiên quyết chối bỏ.

⇒ Đi qua bao năm tháng chiến tranh, người cha ấy đã phải chịu bao nỗi đau về thể xác. Những nỗi đau đó có thấm gì so với nỗi đau tinh thần mà ông đang phải chịu.

c. Giây phút ông Sáu lên đường

- Một ngày nghỉ phép rồi cũng trôi qua, ông Sáu phải lên đường trở lại chiến trường Nam Bộ. Ông cũng muốn ôm con, hôn con nhưng sợ con bỏ chạy nên thôi. Trái tim yêu thương, bao dung, độ lượng, sâu khổ của người cha thể hiện thật rõ đôi mắt “Ông chỉ còn biết đứng nhìn con với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu”. Chao ôi hình ảnh đôi mắt hai cha con trong giờ khắc chia xa có lẽ sẽ ám ảnh lòng người.
- Đúng giây phút ông không ngờ tới nhất thì con bé đã nhận ra cha. Ông hạnh phúc sung sướng đến rơi nước mắt khi nghe một tiếng gọi ba của con bé “Ba...a...a...⁴²⁸ba”. Tiếng gọi ba đầu tiên và ông cũng không thể ngờ rằng đó cũng là tiếng gọi ba cuối cùng mà ông được nghe. Chỉ giây phút cuối cùng ông mới được hưởng hạnh phúc làm cha. Hạnh phúc được nghe tiếng con gọi, được ôm con đã xoa dịu tất cả những nỗi đau và sâu khổ của ông những ngày trước. Hạnh phúc khiến ông không cảm được nước mắt. Trong khoảng cách giữa hy vọng và tuyệt vọng, ông đón nhận được tình cảm thiêng liêng. Là một con người đã từng trải qua lúc đắng cay, khó khăn của cuộc chiến.

⇒ Tất cả bom đạn, khói lửa của chiến tranh không bao giờ khiến ông khuất phục. Vậy mà trước con ông đã khóc. Đó là giọt nước mắt của niềm hạnh phúc, vui sướng vô bờ. Giọt nước mắt yêu thương của tình phụ tử trong hoàn cảnh éo le của cuộc chiến tranh khi hạnh phúc đến với người ta quá đột ngột.

- Giây phút ngắn ngủi, vì nhiệm vụ ông phải từ biệt đưa con gái yêu dấu của mình cùng lời hẹn ước “ba về ba mua cho con cây lược nghe ba”. Ông đã mang lời hứa ấy với con gái vào chiến.

d. Khi ông Sáu trở lại chiến khu

- Những đêm ở rừng, nằm trên võng mắt chỉ thấy tấm ni lông nóc, lúc nhớ con ông ân hận vì đã đánh con. “Nỗi khổ tâm đó cứ giày vò anh”.
- “Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba!”. Đó là mong ước đơn sơ của đứa con gái bé bỏng trong giây phút cha con từ biệt. Nhưng đối với người cha ấy, đó là mong ước đầu tiên và cũng là duy nhất. Cho nên, nó cứ thôi thúc trong lòng.
- Kiếm cho con cây lược trở thành bổn phận của người cha, thành tiếng gọi cầu khẩn của tình phụ tử trong lòng. Ông đã làm công việc ấy bằng tất cả sức mạnh và sự cố gắng của tình phụ tử. Ông đã ngồi bật dậy như loé lên một sáng kiến lớn: làm lược cho con bằng ngà voi. Có lẽ không đơn thuần vì ở rừng rú chiến khu, ông không thể mua sắm được lược cho con. Làm lược từ ngà voi là một cách khắc phục khó khăn? Mà cao hơn thế và sâu hơn thế, ngà voi là thứ quý hiếm – chiếc lược cho con của ông phải được làm bằng thứ quý giá ấy. Và ông không muốn muốn tự tay mình làm ra. Và ông sẽ đặt vào đấy tất cả tình cha con của mình.
- Kiếm được ngà voi “mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà”. Vậy đấy “khi người ta hoá thành con trẻ thì lại chính là lúc người ta đang hiện lên cái tư cách⁴²⁹ người cha cao quý của mình” (Chu Văn Sơn)
- Rất sáng tạo, ông lấy vỏ đạn hai mươi li của Mỹ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, ca khúc ngà thành từng miếng nhỏ. “Những lúc rỗi, ông cưa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc”. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài. Cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà ông đã gò lưng tận tâm khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân nghệ nhân chỉ sáng tạo

ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Cho nên cây lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm sâu xa, đơn sơ mà kì diệu làm sao!

- Chiếc lược làm xong, lời hứa với con ông đã thực hiện được. Chiếc lược đã làm dịu đi phần nào nỗi ân hận, “như gỡ rối được phần nào tâm trạng anh” và là nơi trao gửi nỗi nhớ con của ông Sáu. Những đêm nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt”.
- Khi bị đạn trúng ngực vẫn nghĩ đến mong ước của con. Ông Sáu hy sinh khi chưa kịp trao món quà cho cô con gái. Trong giờ phút cuối cùng, không đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết. Ông “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu thân thiết và nhìn bạn một hồi lâu. Ánh mắt, cái nhìn của ông trong giây phút cuối cùng đã nói lên tình yêu thương của ông dành cho con. Ánh mắt ấy khiến cho người bạn “không đủ lời lẽ ta lại và cho đến bây giờ vẫn “cứ nhớ lại đôi mắt” ấy.

⇒ Đó là điều trăng trối không lời, nó rõ ràng và thiêng liêng hơn cả một lời di chúc. Bởi đó là sự uỷ thác, ước nguyện cuối cùng của người bạn thân: ước nguyện của tình phụ tử. Khi người bạn – bác Ba hứa hoàn thành tâm nguyện ấy đến lúc bấy giờ ông mới nhắm mắt đi xuôi. Bắt đầu từ giây phút ấy, cây lược ngà của tình phụ tử đã biến người đồng đội thành người cha – người cha thứ hai của bé Thu.

IV. Đánh giá

- Trong văn chương, viết về tình mẫu tử dường như phổ biến hơn và dễ dàng đi vào trái tim người đọc. Bởi thế chúng ta đã có không ít những câu ca dao đẹp, những bài thơ hay và những thiên truyện cảm động viết về người mẹ và tình mẫu tử. ⁴³⁰ Còn với tình cha con, không phải là không có những tác phẩm thành công nhưng dường như vẫn ít hơn và khó khăn hơn. Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng thuộc trong số không nhiều những tác phẩm thể hiện thành công và cảm động về tình cha con trong những éo le và trắc trở của chiến tranh. Chính tình cảm ấy, chính sự gắn bó ấy của các thế hệ là cội nguồn của sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, kiên cường mà cũng rất đổi nhuần nhị, nhân hậu, thiết tha của những con người trên mảnh đất Nam Bộ. Tình cảm đó là một vẻ đẹp mang giá trị nhân bản sâu sắc, được nhà văn viết bằng tất cả thái độ ngợi ca, trân trọng.
- Vẻ đẹp của tình cha con được thể hiện qua nghệ thuật xây dựng tình huống bất ngờ

mà tự nhiên hợp lý. Ngòi bút miêu tả tâm lý và tính cách nhân vật khéo léo. Từng diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Sáu được thể hiện một cách rất tinh tế qua các yếu tố ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói... Cách chọn người kể chuyện thích hợp cũng góp phần thể hiện một cách cảm động tình phụ tử. Người kể chuyện là bác Ba – một người bạn thân thiết của ông Sáu, người chứng kiến toàn bộ câu chuyện tạo sự chân thực. Hơn nữa người kể dễ dàng bộc lộ cảm xúc, ý nghĩ, điều khiến nhịp kể theo trạng thái cảm xúc của mình.

B.2 Đề 2: Cảm nhận về tình yêu thương ba của bé Thu

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận

II. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (A)

- Cuộc chiến tranh tàn khốc đã gây ra bao cuộc sinh li tử biệt, vợ xa chồng, cha xa con, cả gia đình ly tán... Chiến tranh đã cướp đi sinh mạng, xương máu của biết bao người con Việt Nam, nhưng cũng trong chiến tranh, những tình cảm thiêng liêng nhất của con người đã được bộc lộ một cách mãnh liệt nhất: tình yêu đôi lứa, tình đồng chí đồng đội, tình yêu quê hương, và đặc biệt là tình cảm gia đình. “Chiếc lược ngà” là một tác phẩm tiêu biểu cho tình cảm thiêng liêng ấy: tình cha con mãnh liệt.
- Giới thiệu chung: Bé Thu là nhân vật chính, có vai trò quan trọng trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của câu chuyện. Sinh ra trong thời buổi chiến tranh loạn lạc cũng giống như bao đứa trẻ khác của vùng đất Nam Bộ mến thương, Thu lớn lên trong sự thiếu thốn tình yêu thương của cha. Người cha xa nhà đi chiến đấu khi chưa tròn một tuổi. Tám năm trời, người con chưa một lần được gặp cha. Tất cả⁴³¹ những gì Thu biết về ba chỉ qua một tấm hình ba chụp với má ngày cưới. Xây dựng nhân vật bé Thu tác giả đi sâu vào khắc họa một cô bé cá tính, yêu thương ba tha thiết.

III. Phân tích, chứng minh tình yêu thương ba của bé Thu

❖ LD1: Tình yêu thương ba và sự hồn nhiên cá tính của bé Thu được thể hiện rõ nét trước khi nhận ra ông Sáu là Ba.

- Giây phút hai cha con gặp nhau ở bến xuồng

- Tám năm ba đi kháng chiến xa nhà, bé Thu lưu trong hình ảnh người cha thân yêu trong trái tim non nớt ngây thơ của bé. Bởi vậy nên khi ông Sáu bất ngờ xuất hiện bến xuồng với vết sẹo dài, “giàn giật”, “đỏ ửng”, “dễ sợ” cùng lời gọi

“Thu! Ba đây con”, con bé đã giật mình, tròn mắt nhìn “ngơ ngác, lạ lùng”. Sau đó, có lẽ do sợ quá, nó đã bỏ chạy và kêu thét lên: “Má! Má.”

⇒ Bằng một loạt những chi tiết chân thực, sống động, nhà văn đã miêu tả tâm trạng, thái độ của nhân vật qua ánh mắt, hành động và lời nói. Tất cả những chi tiết ấy đã diễn tả sự ngỡ ngàng ngạc nhiên hoảng hốt sợ sệt của bé Thu.

- Lý giải: Đây là một phản ứng rất tự nhiên, hợp lý của một đứa trẻ khi nhìn thấy người lạ, với em người đàn ông đứng trước mặt chỉ là một người xa lạ. Chiến tranh đã khiến cho ông Sáu quá khác so với bức hình chụp ngày cưới nên ngày trở về đứa con chẳng thể nhận ra cha. Nhà văn đã vô cùng tinh tế khi miêu tả tâm lí của bé Thu với sự am hiểu tâm lý trẻ thơ.

⇒ Tất cả những hành động cử chỉ ấy vừa cho ta thấy sự ngây thơ con trẻ, đồng thời khẳng định trong trái tim non nớt của bé chỉ có hình ảnh người ba nên không thể thay thế bằng một người khác.

- Tình cảm đối với ba của bé Thu và cá tính hồn nhiên ương ngạnh của bé thể hiện qua những phản ứng dữ dội quyết liệt trước người đàn ông lạ trong suốt ba ngày ông Sáu nhà.

- Những ngày nghỉ phép ở nhà, đáp lại sự vô vậ của người cha, con bé tỏ ra vô cùng ương ngạnh và bướng bỉnh. Ông S càng xích lại gần, nó càng đẩy ông ra xa. Ông càng chiều thương, nó càng lảng tránh. Ông càng khao khát nghe một tiếng gọi ba từ con bé, nó lại càng không chịu gọi. Tác giả khéo léo đặt bé Thu trong những tình huống khác nhau, tình huống mỗi lúc một khó khăn để Thu cất tiếng gọi ba nhưng ở tình huống nào nó cũng cự tuyệt - cả trong thái độ, lời nói và hành động - không chấp nhận sự quan tâm của ông Sáu.

- Trong lời nói: Theo dõi toàn truyện ta thấy bé Thu luôn nói trống không với mẹ sai nó gọi ba vào ăn cơm “Vô ăn cơm”; khi bị đẩy vào tình huống chất nước nồi cơm, nó nhất định không gọi ba “Cơm sôi rồi, chắt nước ông Sáu: khi dùm cái, nhão bây giờ. Khi nói với người lớn, trẻ con nói trống không là hết sức vô lễ nhưng đặt trong hoàn cảnh của bé Thu, ta hoàn toàn có thể cảm thông bởi đó chỉ là cách phản ứng quyết liệt, trẻ con với người đàn ông nó không biết là cha. Nhưng có lẽ, càng né tránh tiếng gọi ba bao nhiêu, tình cảm bé Thu dành cho ba sâu sắc bấy nhiêu. Đặc biệt, bé Thu còn gọi ông Sáu là “người ta” – hai tiếng đầy xa lạ càng tạo khoảng cách với với ngăn

cách tình cảm cha con. Nó không chịu gọi ba bởi đối với nó đó không chỉ là tiếng gọi bình thường mà là tất cả tình yêu thương trọn vẹn dành cho một người. Nó không dễ gì chia sẻ tiếng gọi ấy cho bất kì người nào khác ngoài ba nó.

- Trong thái độ: Đi liền với lời nói, phản ứng của bé Thu còn thông qua thái độ. Nó tỏ ra lạnh lùng, thờ ơ đến khó chịu trước sự quan tâm của ông Sáu. Ông càng quan tâm vỗ về thì con bé lại càng đẩy ra. Thông thường, trẻ con rất thích được quan tâm và khi đó thì rất dễ mềm lòng nhưng với Thu, nó vẫn cứng cỏi, quyết liệt đến đáng sợ. Sự đáng sợ ấy nó dành để bảo vệ tình cảm thiêng liêng nó dành cho ba.
 - Trong hành động: Có lẽ phản ứng quyết liệt nhất là ở hành động cự tuyệt trước mọi sự quan tâm chăm sóc. Khi không nhờ được ông Sáu chặt nước nôi cơm, dù sợ bị mẹ đánh nhưng nó kiên quyết không gọi ba mà tự mình làm lấy. Nó nghĩ ra cách lấy vá múc từng gáo nước. Hành động đó không chỉ thể hiện sự ương ngạnh đáng sợ đầy bản lĩnh mà còn cho ta thấy sự thông minh nhanh trí để thoát khỏi khó khăn.
 - Tình huống thể hiện rõ nhất tình cảm bé dành cho ba và cũng là đẩy câu chuyện lên đỉnh điểm đó là việc bé Thu cự tuyệt những cử chỉ quan tâm chăm sóc của ông Sáu trong bữa ăn. Đối với tâm lý của một đứa trẻ, khi được quan tâm chăm sóc, chúng rất dễ mềm lòng, đặc biệt là miếng ăn ngon. Nhưng với bé Thu, cử chỉ quan tâm dù 433 ấm áp đến đâu cũng không làm thay đổi được nó. Có thể nói, phản ứng của bé Thu thể hiện sự căm ghét tột độ về người đàn ông lạ. Trong suy nghĩ của nó lúc này, không ai có thể thay thế người cha nó lưu giữ trong tâm trí. Thậm chí khi bị đánh, nó cũng không khóc mà lẳng lặng bỏ về nhà bà. Khi xuống xuống, nó cố ý làm cho dây cột xuống kêu thật to. Những hành động ấy không chỉ khẳng định thái độ lạnh nhạt thờ ơ, thể hiện sự tức giận với ông Sáu mà còn làm rõ cá tính bướng bỉnh nhưng cũng rất trẻ con của trẻ thơ.
- ➔ Đánh giá: Như vậy, có thể thấy tất cả những hành động của bé Thu cho ta cảm nhận về một cô bé hồn nhiên, ngây thơ, có cá tính. Phản ứng của Thu hoàn toàn phù hợp với tâm lý một đứa trẻ, hợp với hoàn cảnh xa cách éo le của chiến tranh. Những cử chỉ ấy không hoàn toàn đáng trách. Thu còn quá nhỏ có thể hiểu hết những éo le khắc nghiệt của cuộc sống trong hoàn cảnh xa cách của chiến tranh. Hơn nữa, người lớn cũng chưa

kip chuẩn bị cho những bất ngờ xảy đến nên nó không tin ông Sáu là ba chỉ vì vết sẹo đã làm biến dạng mặt ông. Phản ứng tâm lý ấy còn thể hiện tình cảm sâu sắc em dành cho ba. Có lẽ trong cái cứng đầu ương bướng ẩn chứa sự kiêu hãnh trẻ thơ về tình cảm dành cho người ba chụp chung với má. Đó cũng chính là cái mầm của một cá tính mạnh mẽ, bản lĩnh cứng cỏi của cô giao liên tên Thu sau này.

❖ LD2. Tình yêu thương ba của bé Thu được thể hiện sâu sắc mãnh liệt nhất trong giờ phút ông Sáu trở lại chiến trường.

- Trong buổi sáng hôm ấy, trước lúc ông Sáu lên đường, thái độ của bé Thu hoàn toàn thay đổi.
 - Trong lúc mọi người đang chuẩn bị cho ông Sáu, bé Thu như bị bỏ rơi, nó đứng góc nhà, nhìn mọi người vây quanh ba nó. Bác Ba quan sát thấy “đôi mắt nó to hơn”, cái nhìn không ngờ ngạc, vẻ mặt “sầm lại buồn rầu”, nhìn ba với vẻ “ngỡ ngời sâu sa”.
 - ⇒ Những dòng miêu tả ngoại hình của Thu đã thể hiện rõ tâm trạng của bé lúc này. Không còn vẻ ngờ ngạc như mới đầu gặp ông Sáu, không còn thái độ xa lánh, lạnh lùng, nghi ngờ, bướng bỉnh như mọi ngày. Ngược lại, trong nó rất buồn. Phải chăng đó là sự nuối tiếc ân hận khi trong ba ngày qua nó đã không gọi ông Sáu là ba.
 - ⇒ Ta nhận ra trong ánh mắt “xôn xao” của cô bé bao ý nghĩ, suy tư như xáo⁴³⁴ trộn trong lòng nó lúc này. Có lẽ nó muốn nói một điều gì với ba nhưng lại sợ bởi vì nó đã trót có những hành động vô lễ với ba trong những ngày trước.
- Đến khi ông Sáu nhìn con trệu mến, buồn rầu và khẽ nói: “Thôi! Ba đi nghe con” thì thật bất ngờ, tình yêu thương, sự nuối tiếc của con bé bị dồn nén bấy lâu nay bỗng như vỡ tung trong lòng. Trong lúc không ai ngờ đến, nó thét lên: “Ba...a...a... Ba!”.
 - ⇒ Tiếng “ba” với những âm “a” kéo dài đứt quãng là bao nhiêu nỗi niềm xúc động nghẹn ngào của con bé. Vậy là tình yêu thương và nỗi mong nhớ đã được bật ra thành tiếng gọi thiêng liêng tiếng gọi bình dị như ẩn chứa cả một trời yêu thương sâu sắc và có cả sự ân hận. Tiếng gọi ba như cơn mưa mát lành trải xuống tâm hồn đang khát khao tình cảm của ông Sáu. Đó là giây phút vô cùng thiêng liêng xúc động, bất ngờ với ông Sáu và tất cả mọi người. Đó là giây phút

trở về với cội, sông trở về với nguồn, máu thịt trở về với máu thịt.

⇒ Có lẽ vì thế, Bác Ba đã cảm nhận “tiếng kêu của nó như xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa”. Lời bình luận trữ tình của tg càng cho ta cảm nhận sâu sắc hơn tình cảm Thu dành cho ba.

- Đằng sau tiếng gọi ba là một loạt những hành động “chạy xô tới”, “nhanh như một con sóc, nó “dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba”, nó gọi ba gấp gáp trong tiếng khóc “Ba! Không cho ba đi nữa. Ba ở nhà với con!” Rồi sau đó “nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”. Đặc biệt, bác Ba còn nhận thấy làn tóc tơ.

⇒ Bằng một đoạn văn với việc sử dụng một loạt các điệp từ, tính từ liên tiếp, liệt kê một loạt cử chỉ hành động của bé Thu, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã cho ta thấy những hành động rất nhanh đến cuồng quýt hồi hả của bé Thu trong giây phút nhận ra ba. Dường như cô bé đang chạy đua cùng thời gian để có thể bày tỏ hết mọi tình cảm yêu thương dồn nén chờ đợi cất giấu trong tám năm. Tất cả đã minh chứng cho tình yêu thương cha sâu sắc, cho những khao khát mong chờ cháy bỏng những giây phút được ở bên cha.

⇒ Đặc biệt, chi tiết “làn tóc tơ sau ót của nó như dựng đứng lên” cho ta cảm nhận được rõ hơn sự xúc động mãnh liệt của Thu khi được sống trong tình yêu thương⁴³⁵ của ba. Tiếng gọi ba gấp gáp, dồn dập càng thể hiện sâu đậm nỗi mong chờ cũng như sự sung sướng hạnh phúc của bé Thu lúc này. Có lẽ, bé Thu đã thấu hiểu được tình yêu thương ba dành cho mình. Bởi vậy mà trong một loạt những hành động của Thu, người đọc đặc biệt chú ý, xúc động trước chi tiết bé Thu “hôn lên vết thẹo” trên má ông Sáu.

- Một cử chỉ đơn giản nhưng lại thể hiện được nhiều tự hào kiêu hãnh của bé Thu về người cha cách mạng kiên trung. Phải chăng đó cũng là lời xin lỗi, niềm ân hận day dứt của Thu vì đã có thái độ không phải với ba những ngày trước. Hôn lên vết thẹo có phải chăng cũng là sự chia sẻ những mất mát hy sinh gian khổ của Thu với ba. Người đọc có lẽ không cảm được nước mắt trước cử chỉ của Thu khi ông Sáu nói “Ba đi, ba sẽ về”. Con bé hét lên, “hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ chặt được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy nó”.

⇒ Những cử chỉ hành động ấy không chỉ là sự vội vã, cuồng quýt mà còn thể hiện tình yêu ba cháy bỏng. Trong đó chứa đựng cả những lo sợ, sợ ba sẽ đi mất. Chỉ

khi bé nhận được lời hứa khi ba về mua cho nó cây lược thì nó mới chịu để anh Sáu về chiến trường.

- Thái độ của mọi người trước cảnh chia tay: Chứng kiến cảnh đó, có người đã không cầm được nước mắt. Nhân vật bác Ba như có cảm giác “bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim”. Rõ ràng tình yêu thương của bé Thu đã chạm đến chỗ cao sâu của lòng người khiến ai nấy đều xúc động.

→ Như vậy, đoạn văn tả cảnh chia tay xúc động với lối viết tự sự xen lẫn bình luận, miêu tả đã thực sự gây xúc động, không chỉ giúp ta cảm nhận rõ tình yêu ba của Thu mà còn chứng tỏ tình cảm yêu quý nhân vật của tác giả, thái độ trân trọng tình cảm cha con của ông Sáu. Phải là một nhà văn có sự am hiểu, đồng cảm với nhân vật thì Nguyễn Quang Sáng mới có thể.

- (Đoạn trích kết thúc trong ánh mắt thiết tha của ông Sáu trước lúc hi sinh nhờ bác Ba trao cây lược ngà cho Thu. Với bé Thu, cây lược nhỏ mang dòng chữ đầy yêu thương “Yêu nhớ tặng Thu con của ba” là kỉ vật chứa đựng tình yêu thương, nỗi nhớ, hình bóng, tấm lòng người cha. Chiếc lược ngà đã động viên em vững vàng trong cuộc chiến đấu. Khi bác Ba tình cờ gặp lại Thu và trao cây lược, thì cô bé bừng tỉnh, cá tính ngày nào đã trở thành cô giao liên dũng cảm. Cô đã quyết tâm⁴³⁶ bước tiếp con đường cha cô đã đi để đánh đuổi kẻ thù của gia đình, kẻ thù của dân tộc.

❖ LĐ3: Lý giải sự thay đổi thái độ, hành động của bé Thu

- Hành động của bé Thu trước khi nhận ba và sau khi nhận ba tuy trái ngược nhau nhưng có sự thống nhất trong tình yêu thương ba mãnh liệt. Nguyễn Quang Sáng khéo léo lý giải sự thay đổi đó một cách hợp lý.
- Tác giả để bé Thu nhận ra ba không phải do một phép màu nhiệm mà là do bà ngoại - người rất gần gũi bé, giúp Thu tháo bỏ tất cả những khúc mắc trong lòng. Bà ngoại đã lý giải được nguyên nhân vì sao bé không nhận ba. Khi được nghe giải thích về vết sẹo, bé Thu “nằm im, lẩn lộn, thở dài như người lớn”. Có lẽ trong cử chỉ lẩn lộn, trong tiếng thở dài là những ân hận day dứt, dằn vặt, là sự thông cảm đối với những mất mát đau đớn ba phải chịu ngoài chiến trường.
- Qua đoạn trích, ta nhận thấy tình cảm cha con rất đẹp nhưng hết sức éo le bởi lúc em nhận ra ba thì cũng là lúc chia tay ba vĩnh viễn. Tình cảm của bé Thu mang tố cáo chiến tranh bởi nó khiến gia đình bé Thu phải sống trong xa cách.

IV. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

- Tác giả đặt bé Thu vào những tình huống khác nhau, từ đó làm sáng ngời lên tình yêu thương ba sâu sắc của bé Thu trong hoàn cảnh éo le cũng như cá tính倔强 bình, hồn nhiên, ngây thơ của con bé.
- Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật phù hợp với tâm lí của một đứa trẻ hồn nhiên ngây thơ qua những lời văn miêu tả từ ngoại hình, hành động, lời nói và cả những bình luận trữ tình.
- Ngôn ngữ nhân vật: mang đậm màu sắc địa phương, phù hợp với đứa bé tám tuổi, thể hiện cá tính倔强 bình, ương ngạnh.
- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất ở vai nhân vật bác Ba là người trực tiếp chứng kiến, tham gia câu chuyện, vì vậy dễ dàng giúp tác giả quan sát cụ thể khách quan tất cả những thay đổi của nhân vật.

2. Khái quát toàn bộ đặc điểm nhân vật

- Bằng sự am hiểu tâm lí trẻ thơ, tấm lòng yêu quý cảm thông, bằng tài năng trong ⁴³⁷việc xây dựng tình huống truyện, diễn biến tâm lí nhân vật, nhà văn Nguyễn Quang Sáng thành công trong việc khắc họa hình ảnh bé Thu với sự hồn nhiên ngây thơ, cá tính mạnh mẽ cứng cỏi, đặc biệt là tình cảm chân thật bé dành cho ba.
- Hình ảnh bé Thu gợi cho người đọc về những mất mát đau thương mà bao trẻ thơ như bé Thu, bao gia đình phải chịu đựng trong chiến tranh, nhận rõ tình yêu thương của tình phụ tử, giá trị nhân văn sâu sắc của tác phẩm.
- Ta nhận ra một chân lý chiến tranh có thể gây nên bao mất mát đau thương về tinh thần, tình cảm, tính mạng con người nhưng bom đạn chiến tranh không thể nào hủy diệt được tình cảm cao quý thiêng liêng của con người – tình cha con.
- Hình ảnh Thu, tình cảm hai cha con và toàn bộ truyện ngắn đã thể hiện rõ phong cách văn chương của Nguyễn Văn Sáng, khẳng định vai trò vị trí của tác phẩm trong dòng văn học Việt Nam làm phong phú thêm cho nền văn học kháng chiến với cách nhìn nhận mới về tình cảm của con người trong chiến tranh.
- Qua nhân vật Thu, ta cảm nhận được tình yêu thương tác giả dành cho trẻ thơ đồng thời gợi trong lòng người đọc thái độ trân trọng tình cảm gia đình, hạnh phúc. Tác phẩm đã đề cập đến một thứ tình cảm muôn thuở mang tính nhân bản bền vững nên

đã chạm đến những chỗ cao, chỗ sâu nhất của lòng người, khơi gợi trong mỗi chúng ta tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng chính là bài ca về tình phụ tử. Hãy phân tích Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng để thấy rõ bài ca thiêng liêng ấy.
2. Ông Sáu và tình cha con bất diệt. Cảm nhận về nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng
3. Bé Thu và tình thương cha đằm thắm. Cảm nhận về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng
4. Có ý kiến cho rằng: *Nhà văn sáng tạo nhân vật để gửi gắm tư tưởng, tình cảm và quan niệm của mình về cuộc sống*. Em hãy phân tích nhân vật Nhĩ qua tác phẩm “Chiếc lược ngà” – Nguyễn Quang Sáng để làm sáng tỏ ý kiến trên.
5. Trong văn bản Chiếc lược ngà, nhân vật bác Ba từng nói: “Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần này”. Dựa vào văn bản Chiếc lược ngà, em hãy làm rõ⁴³⁸ lời nhận xét của nhân vật bác Ba.
6. Truyện ngắn Chiếc lược ngà đã thể hiện thật cảm động tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua việc phân tích văn bản Chiếc lược ngà, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
7. “*Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng câu chuyện do chính cuộc sống viết ra*” (An-đéc-xen). Chúng ta có thể nhận thấy rằng tác phẩm Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng chính là một câu chuyện cổ tích giữa đời thường, một câu chuyện cổ tích hiện đại. Từ câu nói của An-đéc-xen và những hiểu biết của em về tác phẩm, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
8. “*Trong Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng, vẻ đẹp tình cảm cha con là nét nổi bật và tình cảm gia đình hoà quyện với tình yêu đất nước*”. Qua việc phân tích truyện ngắn, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.
9. Phân tích tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích tác phẩm Chiếc lược ngà. Từ câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì?
10. “Chi tiết nghệ thuật trong truyện ngắn là những người tí hon mang nhiệm vụ khổng lồ”. Bằng việc phân tích một vài chi tiết tiêu biểu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

11. “Điều quan trọng hơn cả là sau mỗi cách kết thúc, tác giả phải gieo vào lòng người đọc những nhận thức sâu sắc về quy luật đời sống và những dự cảm về tương lai, về cái đẹp tất yếu sẽ chiến thắng”. (Bùi Việt Thắng). Em hiểu như thế nào về ý kiến trên. Qua truyện ngắn “Chiếc lược ngà” - Nguyễn Quang Sáng, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Lê Minh Khuê (1949) quê ở Nông Cống, Thanh Hoá
- Năm 1965, bà tham gia lực lượng thanh niên xung phong chống Mỹ
- Nhà văn có sở trường viết truyện ngắn với ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế, sắc sảo, đặc biệt là tâm lí nhân vật phụ nữ là cây bút nữ viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Tác phẩm của bà có một giọng kể nhẹ nhàng, day dứt, xa xôi và đầy khắc khoải.
- Những câu chuyện nhà văn Lê Minh Khuê kể, viết ra trong năm tháng chiến tranh, hay kể về một con người, khoảnh khắc bình dị vẫn chứa đựng một vẻ đẹp, giá trị bình dị nhất.
- Văn chương của nhà văn xứ Thanh mang một đặc trưng riêng, giọng kể như một người mẹ, người chị, sau này như một người bà ngồi kể chuyện cho cháu đều giản dị, đẹp đẽ, mơ hồ và ám áp.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Năm 1971
- Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra vô cùng ác liệt

b. Chủ đề: Qua câu chuyện về cuộc sống chiến đấu của tổ nữ trinh sát mặt đường trên cao điểm suốt ngày đêm lo đếm bom và phá bom, Lê Minh Khuê đã thể hiện và ca ngợi tâm hồn trong sáng, nhiều mơ mộng, dũng cảm và lạc quan yêu đời của những người con gái Việt Nam trên con đường huyết mạch Trường Sơn thời kháng Mỹ.

c. Ý nghĩa nhan đề “Những ngôi sao xa xôi”

- Những ngôi sao xa xôi là một nhan đề rất lãng mạn, rất đặc trưng của văn học thời kháng chiến chống Mỹ.
- Nghĩa đen: Những ngôi sao là hình ảnh của thiên nhiên bất diệt vĩnh hằng thường xuất hiện và tỏa sáng trong đêm đêm vẻ đẹp thiên nhiên đến với cuộc sống con người.
- Truyện gợi ra một hình ảnh xuất hiện thoáng qua trong ký ức Phương Định trong một lần bất chợt gặp cơn mưa đá: Những ngôi sao trên bầu trời thành phố, những ngọn điện trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong những câu chuyện cổ tích. Nhan đề gợi lên vẻ đẹp êm đềm thơ mộng của ký ức tuổi thơ, ký ức về thành phố thân yêu. Những ký ức ấy luôn xuất hiện trong tâm trí Phương Định, là động lực cho cô chiến đấu.
- Nhan đề những ngôi sao xa xôi gợi lên đôi mắt Phương Định với “cái nhìn xa xăm”, đến vẻ đẹp trẻ trung mơ mộng, nhạy cảm trong tâm hồn Phương Định.
- Hình ảnh xuất hiện nhiều lần trong tác phẩm là hình ảnh biểu tượng cho những cô gái trong truyện - biểu tượng về sự ngời sáng của phẩm chất cách mạng trong những cô gái thanh niên xung phong Trường Sơn.
- "Những ngôi sao xa xôi" là một nhan đề thể hiện cảm hứng lãng mạn, góp phần thể hiện tư tưởng, chủ đề của truyện: chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là vẻ đẹp trong tâm hồn, tư tưởng và những phẩm chất cao cả của con người Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ.

d. Ngôi kể

- Ngôi thứ nhất – người kể chuyện là nhân vật chính – Phương Định
- Ý nghĩa
 - Sự lựa chọn ngôi kể như vậy phù hợp với nội dung tác phẩm và tạo thuận lợi để tác giả miêu tả, biểu hiện thế giới tâm hồn, những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật.
 - Để cho nhân vật là người trong cuộc kể lại thì mọi sự kiện trong câu chuyện sẽ thật hơn, cụ thể và sinh động hơn, tạo cho người đọc cảm giác tin vào câu chuyện hơn.
 - Là một thử thách với tác giả vì người viết phải thực sự am hiểu nhân vật và có khả

năng hóa thân vào nhân vật, từ đó bày tỏ trực tiếp những suy nghĩ tâm của nhân vật và điều khiển nhịp kể linh hoạt.

B. Luyện đề

Vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trong truyện

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận
- II. Giới thiệu khái quát tác phẩm (A)
- III. Cảm nhận

 Giới thiệu khái quát

- Nhẹ nhàng như tâm hồn phụ nữ của mình, Lê Minh Khuê đi tìm những vẻ đẹp ẩn khuất và phát hiện ra vẻ đẹp đậm sâu ở những nữ thanh niên xung phong trong cuộc sống đời thường và trong chiến đấu. Câu chuyện kể về ba nữ thanh niên xung phong⁴⁴⁰ làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường gồm Thao, Phương Định và Nho, có vai trò quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm.
- Họ hiện lên qua cái nhìn cảm mến của nhân vật chính Phương Định với những nét đẹp rất tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống mỹ dũng cảm, có ý thức trách nhiệm cao với công việc, gắn bó với đồng chí trong tình đồng đội ấm áp, có vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng và mơ mộng.

 1 Phân tích

- **Luận điểm 1: Hoàn cảnh sống, chiến đấu và làm việc**
 - o Phương Định cùng những người đồng đội hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn và sống trong một hoang dưới chân cao điểm. Con đường qua trước hang, kéo lên đồi... bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lẫn lộn. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất"
 - ⇒ Qua những lời giới thiệu ngắn gọn tác giả đã cho ta thấy cuộc sống của các nữ thanh niên xung phong cũng như của PD rất khó khăn, gian khổ trong sự tàn khốc khắc nghiệt của chiến tranh khiến ta cảm giác như sự sống ở nơi mà các nữ thanh niên xung phong đang sống chỉ là sự hủy diệt chết chóc. Vậy mà nó vẫn trở thành nơi con người sống và chiến đấu mỗi ngày
 - o Không chỉ khó khăn trong cuộc sống mà công việc của các nữ thanh niên xung phong cũng nguy hiểm hơn rất nhiều: “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”, “công việc chẳng

đơn giản, có khi bị bom vùi luôn”, “thần kinh cũng như chảo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa, nhưng nhất định sẽ nổ”

- ⇒ Bảng 1 ngòi bút đậm chất hiện thực nhà văn Lê Minh Khuê đã tái hiện lại công việc của các nữ thanh niên xung phong diễn ra thường xuyên, bắt buộc và làm với 1 cường độ chuẩn chỉ, chính xác, tỉ mỉ, khéo léo, tập trung cao độ, đối mặt với nguy hiểm, thậm chí cái chết. Nhưng đó là công việc, là nhiệm vụ mà người nữ thanh niên xung phong phải hoàn thành và hoàn thành tốt.
- Rõ ràng ta nhận thấy dưới ngòi bút của nhà văn cũng là một nữ thanh niên xung phong thì cuộc sống chiến đấu của các nữ thanh niên xung phong nói chung và⁴⁴¹ Phương Định nói riêng vô cùng gian khổ và tàn khốc. Bom đạn có thể cướp đi tính mạng của họ bất cứ lúc nào.
 - Qua những dòng văn của tác giả, ta cũng cảm nhận cuộc sống của quân đội ta nói chung trên tuyến đường Trường Sơn. Hình ảnh ba cô gái cũng là hình ảnh của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nhưng chính trong hoàn cảnh gian khó nguy hiểm ấy đã làm sáng lên những phẩm chất đáng quý của các cô. Toát lên ở họ là tinh thần chiến đấu dũng cảm hết mình, sự mộng mơ, lạc quan, yêu đời, vô tư, hồn nhiên và đặc biệt là tình đồng chí đồng đội thấm thiết.

- **Luận điểm 2: Những phẩm chất cao đẹp**

a. Vẻ đẹp chung

- Dẫn: Họ là những cô gái còn rất trẻ, tuổi đời mười tám đôi mươi. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc, họ rời xa gia đình, xa mái trường, xa thành phố tự nguyện đi chiến đấu nơi chiến trường đầy bom đạn và chết chóc. Họ hi sinh tuổi thanh xuân và không tiếc máu xương thực hiện lí tưởng cao đẹp.
 - Qua thực tế chiến đấu, cả ba cô gái đều có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, gan dạ, dũng cảm, không sợ hy sinh, sẵn sàng đối mặt với hiểm nguy. Sự dũng cảm của họ được thể hiện ngay trong tên gọi “Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường, cái tên gọi sự khát khao làm nên những sự tích anh hùng
- ⇒ Họ chỉ có ba cô gái nhưng cái tên gọi của họ đã thể hiện một ý chí quyết tâm trong công việc họ đang làm rà soát bom mìn, phá bom. Cái tên gọi của họ còn thể hiện một niềm khát khao của những nữ thanh niên xung phong được góp sức mình vào những công việc hệ trọng mà họ đang làm giải phóng miền Nam, thống nhất đất

nước. Nói như lời của một cựu chiến binh Mỹ trong cuốn nhật ký Đặng Thùy Trâm “Ở nước tôi những con người như thế đều được coi là anh hùng”.

- Với mỗi nữ thanh niên xung phong đến với đường Trường Sơn là đến với lòng dũng cảm và tình yêu Tổ quốc. Đó chẳng phải là cái gì xa xôi mà chính là những công việc hàng ngày họ đang làm công việc hàng ngày của các chị là “ngồi ở cửa hang quan sát bom nổ. Nếu thấy thì chạy lên trên cao điểm, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và phá bom”.
- Rõ ràng phải có lòng dũng cảm và tình yêu công việc thì các cô gái mới có thể hoàn⁴⁴² thành tốt công việc. Ngay cả chạy trên cao điểm nghĩa là không có sự che chắn của những vách núi, rừng cây, đối diện với những quả bom, những máy bay địch, họ đang đối diện trực tiếp với cái chết. Vậy mà với lòng dũng cảm và tình yêu công việc chị và các đồng đội vẫn thường xuyên làm việc và hoàn thành nhiệm vụ của người chiến sĩ mở đường.
- Thật khó có thể diễn tả hết niềm vui của các cô khi đã xong công việc “Rồi khi xong việc quay lại nhìn cảnh đoạn đường một lần nữa, thở phào, chạy về hang” trong một cảm giác vui mừng và sung sướng.
- ⇒ Vậy có thể nói lòng dũng cảm vừa giúp cho con người làm được những việc tưởng chừng như khó khăn, gian khổ, không thể hoàn thành và đem đến cho con người niềm vui biết bao khi đã xong công việc. Các cô gái ấy không sợ cái chết, họ chỉ sợ bom không nổ, đường không được lấp nguyên vẹn, họ đã hy sinh cả tuổi thanh xuân tươi đẹp để giữ cho tuyến đường Trường Sơn huyết mạch được thông suốt. Họ làm việc tự nguyện, luôn nhận khó khăn gian khổ về phía mình.
- Sống với nhau, cùng nhau làm việc, giữa họ còn hình thành tình đồng đội keo Sơn, gắn bó, cùng nhau vào sinh ra tử trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn và đầy hiểm nguy đã giúp họ ngày càng gắn kết với nhau và dần trở thành các chị em vô cùng thân thiết với nhau. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi được nghỉ ngơi, họ luôn vui đùa cùng nhau. Nhưng khi ra chiến trường thì họ luôn tương trợ lẫn nhau và luôn liều mình giúp đỡ và động viên nhau. Tình cảm đáng quý ấy nằm trong sự chân thành, dứt khoát khi ai cũng muốn giành phần nguy hiểm, gian khổ về mình. Phương Định lo lắng, bồn chồn khi chờ Thao và Nho đi trinh sát trên cao điểm với nỗi lo lắng hai bạn không về. Tình cảm ấy nằm trong sự lo lắng, cử chỉ chăm sóc khi Nho bị thương, Phương Định tận tình cứu chữa, chị Thao luống cuống không

cầm được nước mắt...

- Đó là trong chiến đấu, còn trong cuộc sống thường ngày họ cũng có những nét chung giản dị và đáng yêu. Cả Phương Định, chị Thao và Nho đều là những cô gái Hà Thành, rời quê hương đến với lý tưởng cách mạng ở cái tuổi đẹp nhất đời người, dấn thân vào nguy hiểm, sống cuộc sống sinh tử chỉ cách nhau một bức màn thế nhưng ở họ vẫn hiện lên những nét đẹp hồn nhiên và trong sáng. Họ đều là những cô gái ham vui, ham sống, tâm hồn nhạy cảm, mau vui mau buồn như nhiều⁴⁴³ cô gái khác, có thể mới trước đó họ còn đang sợ hãi, xúc động và đồng đội bị bom vùi, người đầy thương tích. Thế nhưng ngay sau đó chỉ bằng một cơn mưa đá bất chợt, cả ba cô gái, người quên đau, người quên sợ lại bắt đầu hò reo sung sướng như những đứa trẻ, nhặt nhanh từng hòn nước đá để nghịch ngợm. Cả ba đều chưa có người yêu, đều sống hồn nhiên tươi trẻ. Không lúc nào họ không nhớ về Hà Nội. Một trận mưa đá bất ngờ trở thành nỗi nhớ : "mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố". Nỗi nhớ ấy chính là sự nỗi dài, quá khứ, hôm nay và khát vọng mai sau.
- Những kỉ niệm sống dậy như những khoảng sáng trong tâm hồn trong trẻo, ngây thơ, dịu dàng. Những xúc cảm hồn nhiên như nguồn sống, điểm tựa, giúp họ thêm vững vàng, sức mạnh vượt qua những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua nổi. "Khoảng trời xanh" trong thơ "Phạm Tiến Duật" và khoảng trời xanh của kí ức như có sức mạnh vô hình đặc biệt là trong tâm hồn những trí thức trên đường ra trận.
- Không chỉ hồn nhiên, tươi sáng mà họ còn là những cô gái mang nét đẹp dịu dàng, sự mơ mộng, tâm hồn thiếu nữ như nhiều các cô gái phố thị khác, chị Thao yêu âm nhạc, thích chép lời bài hát, thích mặc áo ngực có thêu chỉ màu sắc sỡ, Nho ưng làm công việc tinh tế tỉ mỉ như thêu thùa, lại thích ăn ngọt, còn Phương Định thì thích ngắm mình trong gương, thích hát hò,... Điềm chung lại, có thể thấy rằng dẫu chiến trường ác liệt, cuộc sống muôn ngàn khó khăn vất vả thế nhưng các cô gái vẫn giữ cho mình những nét đẹp tâm hồn nguyên thủy và đời thường nhất, bộc lộ khao khát mãnh liệt về một cuộc sống hòa bình, tự do, không còn bom đạn, chiến tranh, niềm mơ ước về cuộc sống tươi sáng, bình yên trên quê hương.
- ⇒ Quả thực, đó là những cô gái mang trong mình những tính cách tưởng như không thể cùng tồn tại: vô cùng gan dạ, dũng cảm trong chiến đấu mà vẫn hồn nhiên, vô

tư trong cuộc sống. Ba cô gái ấy như một mùa xuân rực rỡ, trong lành, tràn trề sức sống, khiến cho ai cũng say đắm. Họ đẹp ở hình thức và đẹp cả trong tâm hồn. Tuy sống mỗi ngày trong hang đá, sống giữa khói bụi và những lần mặt đất rung chuyển dữ dội nhưng những cô gái này lại có tâm hồn rất đẹp, rất hồn nhiên, mơ mộng và lạc quan về tương lai. Như thể những tâm hồn ấy chưa từng bị chiến tranh làm bắn dù chỉ một chút thôi. Ngoài Nho, Thao, Phương Định, dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù, trên tuyến đường Trường Sơn ấy vẫn có rất nhiều những tâm hồn trong như những giọt sương đầu ngày và đẹp như những cánh hoa đầu xuân. Những người như họ thật đáng trân trọng biết bao!

b. Về đẹp riêng: Mỗi người thể hiện cái chung đó theo cách riêng của mình.

- Chị Thao - tổ trưởng - ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu những khát khao và rung động của tuổi trẻ.
 - o Áo lót của chị cái nào cũng thấm chỉ màu
 - o Chị lại hay tĩa đôi lông mày của mình, tĩa nhỏ như cái tăm.
 - o Nhưng trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. Đặc biệt là sự "bình tĩnh đến phát bực": máy bay địch đến nhưng chị vẫn "móc bánh quy trong túi, thong thả nhai".
 - o Có ai ngờ con người dày dạn trước sự sống và cái chết hàng ngày như thế lại sợ máu, sợ vắt: "thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét".
 - o Và không ai có thể quên được chị hát - nhạc sai bét, giọng thì chua, chị chăm chép bài hát dù chẳng thuộc nhạc, giọng lại chua, chị không hát trôi chảy được bài nào nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rồi là chị ngồi chép bài hát.
- Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn,
 - o “Trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng”, có "cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắn" rất dễ thương khiến Phương Định "muốn bế nó lên tay". o Nho rất thích tắm suối ngay cả khi khúc suối đó đang chứa bom nổ chậm và rất hồn nhiên – cái hồn nhiên của trẻ thơ: "vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo".
 - o Hồn nhiên là thế nhưng cô lại bình thản vô cùng khi bị thương: "Không chết đâu. Đơn vị đang làm đường kia mà. Việc gì phải khiến cho nhiều người lo lắng". Ngay cả lúc đau đớn như vậy nhưng gặp mưa đá, Nho vẫn nhồm dậy, môi hé mở:

"Nào, mày cho tao mấy viên nữa".

- Đặc biệt, khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn : "Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi", Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu"... Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người. Có lẽ với những người con gái ấy, sự sống luôn cao hơn cái chết.⁴⁴⁵

- Phương Định là nhân vật chính, là linh hồn của tác phẩm, là người kể chuyện, có vai trò quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm. Phương Định vốn là một cô gái Hà Nội, vào chiến trường được 3 năm. Cô từng có một cuộc sống bình yên bên người mẹ trong một căn buồng nó lại nơi phố xá yên tĩnh vào những ngày yên bình trước chiến tranh. Những kỉ niệm đó luôn sống dậy với cô trong những năm tháng ở chiến trường. Vào chiến trường, tuy sống và làm việc trong hoàn cảnh khắc nghiệt nguy hiểm nhưng ở Phương Định vẫn ngời lên những nét đáng yêu của tuổi trẻ với vẻ đẹp tâm hồn tiêu biểu cho thế hệ thanh niên xung phong trong thời kỳ cả nước kháng chiến gian khổ.

➤ ***Vì đây là nhân vật trọng tâm, nên chúng ta sẽ phân tích cụ thể, chi tiết như sau:***

- Dẫn: Dù cuộc sống chiến đấu nơi chiến trường gian khổ ác liệt nhưng ở Phương Định ta vẫn thấy lung linh, tỏa sáng vẻ đẹp của một cô gái tuổi mới đôi mươi trẻ trung, xinh đẹp với những phẩm chất cao đẹp như những vì sao trên trời xa mà lại rất gần. Vì đó là hình ảnh của những con người thực 1 thời trên tuyến đường Trường Sơn

✚ ***Vẻ đẹp ngoại hình: Trước hết, Phương Định hiện lên là một cô gái trẻ trung xinh đẹp:***

- Qua lời tự giới thiệu, ta thấy Phương Định là một cô gái ưa nhìn, cô không ngần ngại khi tự nhận xét về mình: "Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá, hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo "Cô có cái nhìn sao mà xăm".

⇒ Có thể thấy qua lời tự giới thiệu Phương Định hiện lên là một cô gái trẻ trung, xinh đẹp, rất nhạy cảm và luôn quan tâm đến ngoại hình của mình. Đặc biệt cô rất thích ngắm đôi mắt của mình trong gương. Có thể nói, vẻ đẹp của Phương Định là vẻ đẹp giản dị, duyên dáng đầy nữ tính.

- Vẻ đẹp của Phương Định là một vẻ đẹp đậm chất mang một nét riêng khác hẳn với các cô gái khác, tuy không nói ra nhưng chắc hẳn Phương Định rất tự hào về

vẻ đẹp của mình “Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi” nhưng không hay biểu lộ tình cảm của mình mà thường tỏ ra kín đáo giữa đám đông. Lê Minh Khuê rất tinh tế khi phát hiện ra cái nét tâm lý kiến ngầm ấy của Phương Định. Đó là cái kiêu ngạo của một cô gái trẻ có ý thức sâu sắc về vẻ đẹp của cuộc sống. Chính nét tâm lý rất đời thường, rất con cái này khiến nhân vật Phương Định càng trở nên gần gũi chân thực và đáng yêu.

⇒ Phải chăng chính vẻ đẹp ngoại hình góp phần khiến cho hình ảnh

Phương Định hiện lên như những ánh sao lấp lánh trên bầu trời đêm.

Vẻ đẹp tâm hồn: Phương Định không chỉ đẹp ở ngoại hình mà còn đẹp ở tâm hồn

- **Luận cứ 1: Trước hết, đó là vẻ đẹp của tinh thần dũng cảm, gan dạ, không sợ hy sinh chiến đấu hết mình vì tổ quốc của Phương Định**
 - Cuộc sống nguy hiểm nơi chiến trường rèn cho Phương Định bản lĩnh kiên cường gan dạ, Phương Định xác định rất rõ: “Nước mắt đứa nào chảy trong khi cần sự cứng cỏi của nhau bị xem như bằng chứng của sự tự nhục mạ”
 - Lòng dũng cảm, tình yêu công việc của Phương Định được thể hiện chi tiết, sống động trong một lần Phương Định cùng chị Thao, Nho phá bom và chôn bom nổ.
 - Lúc đó 3 nữ thanh niên xung phong đều tham gia phá bom “Tôi, một quả bom trên đồi. Nho, hai quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ”. Và trong lần phá bom này Phương Định phải đối diện với một khung cảnh “vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vạt vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa” gợi khung cảnh rừng Trường Sơn lặng lẽ, tan hoang, rừng rợn, sợ hãi, đầy chết chóc sau những đợt bắn phá của địch và sự bắn trả của quân ta. Cảm nhận khung cảnh này bất cứ một con người bình thường nào cũng sẽ thấy sợ hãi, nản chí và không muốn làm việc tiếp.
 - Nhưng cô không hề sợ hãi, cô tự nhủ với chính mình “Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không ? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới”.

- ⇒ Bằng những lời tự nhủ chân thực với chính bản thân mình tác giả đã cho ta thấy trong lúc phải đối diện với khung cảnh rừng rợn và cả tâm lý đời thường của con người, nhưng ngay lúc đó cô đã nghĩ đến đồng đội - những anh lính pháo cao xạ đang dũng cảm chiến đấu ngoài kia, cô thấy họ như đang động viên, thúc giục cô hãy cố gắng, dũng cảm để phá bom loạn thành nhiệm vụ bởi cái việc mà Phương Định đang làm không phải chỉ cho riêng có mà nó còn ảnh hưởng đến bao người và cả cuộc chiến đấu.
- ⇒ Như vậy, trong lời tự nhủ của cô ta thấy lòng dũng cảm của cô được tiếp sức bởi những người đồng đội. Hơn thế nữa nó còn là sự ý thức về lòng tự trọng của một cô gái trẻ bởi cô không muốn người khác nhất là đồng đội coi thường mình. Nghĩ như vậy Phương Định đã không còn sợ hãi nữa. Từ hình ảnh của Phương Định – một trí thức đã từ bỏ cuộc sống nơi phồn hoa đô thị” để đến với chiến trường. Ta nhiều cô đã phải dũng cảm, kiên cường đến thế nào trước những hoàn cảnh như thế.
- Hình ảnh Phương Định hiện lên thật rõ ràng, đậm nét khi cô đối diện với quả bom “Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người,ứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”
 - ⇒ Bằng ngòi bút miêu tả chân thực Lê Minh Khuê đã ghi lại khoảnh khắc vô cùng nguy hiểm trong công việc của mình nhưng lại cho ta thấy sự dũng cảm đến tuyệt vời của cô. Ta có cảm nhận lúc làm việc Phương Định trở thành một con người nhanh nhẹn, chính xác, thận trọng, bình tĩnh. Rõ ràng ta thấy khi đối diện với nguy hiểm con người ta trở nên gai góc, sắc nhọn hơn. Cái chết có thể rình rập Phương Định nhưng nó càng khiến cô bình tĩnh hơn, toàn tâm toàn ý hơn trong công việc để có thể phá được những trái bom mìn một cách an toàn nhất.
 - Mở rộng: Hình ảnh Phương Định phá bom lúc này khiến ta khó có thể ngờ chỉ một thời gian trước đó khi còn ngồi trên ghế nhà trường, ở nhà còn bày biện sách vở bị

mẹ mắng, làm nũng mẹ, thì đến đây ta lại thấy hình ảnh của một cô gái hoàn toàn khác. Chính chiến tranh với một khát vọng về một nền độc lập, tự do cho đất nước đã khiến cho những chàng trai cô gái tưởng như yếu mềm trở thành những con người dũng cảm.

- Và Phương Định còn căng thẳng hơn khi chờ bom nổ “Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ ...

⇒ Có thể nói đó là một cảm giác hồi hộp của Phương Định khi đón chờ thành quả làm việc của mình và thật may chính sự dũng cảm toàn tâm toàn ý trong công việc đã giúp cô hoàn thành công việc. Dù cho lần ấy Nho bị thương.

→ Như vậy lòng dũng cảm đã trở thành một phẩm chất không thể thiếu của con người trong chiến tranh. Chiến tranh với sự tàn khốc của nó chính là nơi tôi luyện, thử thách ý chí của con người, trong đó có Phương Định. Xây dựng nhân vật Phương Định với lòng dũng cảm và gan dạ như thế, phải chăng Lê Minh Khuê muốn hướng người đọc tới cả một thế hệ Việt Nam bước vào cuộc chiến tranh rất sớm, mang theo những khát khao lí tưởng cao đẹp.

● **Luận cứ 2: Bên cạnh lòng dũng cảm, Phương Định là một người có tinh thần trách nhiệm cao với công việc.**

- Dù còn vết thương chưa lành miệng ở đùi nhưng Phương Định không vào viện quân y mà ở lại chiến đấu, cùng chia lửa với đồng đội của mình.

⇒ Chỉ một chi tiết rất nhỏ ấy thôi nhưng ta nhận ra ở cô ý thức trách nhiệm với công việc mình làm, chính ý thức đó đã thôi thúc cô vượt lên trên đau đớn của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ.

- Ý thức trách nhiệm còn được thể hiện trong 1 lần chị trực điện thoại. Lần đó Phương Định được chị Thao phân công ở lại trực điện thoại còn chị Thao và Nho thì ra ngoài trinh sát, dù rất muốn đi nhưng Phương Định chấp hành lệnh phân công bởi “quyền hạn phân công là ở chị Thao”.
- Rồi khi ở trong hang trực điện thoại, Phương Định đã vô cùng lo lắng cho đồng đội, cho công việc của họ liệu có giúp ích nhiều cho cuộc kháng chiến. Sự căng thẳng của cô càng chứng tỏ cô toàn tâm toàn ý biết bao với công việc.

⇒ Rõ ràng, trong lần trực điện thoại Phương Định không trực tiếp

tham gia vào công việc nhưng nỗi lo lắng của chị cho thấy chị yêu công việc biết bao và muốn góp sức mình cùng đồng đội hoàn thành công việc.

- Nơi chiến trường khốc liệt, giặc Mỹ điên cuồng bắn phá, bom bị vùi ngày càng nhiều, công việc ngày một vất vả và nguy hiểm, nhưng khi đại đội trưởng hỏi có cần người không thì Phương Định trả lời là không cần.

⇒ Điều này cho thấy cô không ỷ lại vào khó khăn mà sẵn sàng nhận gian khổ về mình để hoàn thành nhiệm vụ để ưu tiên lực lượng cho công việc khác cần người hơn.

- Đặc biệt trong khi phá bom, Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng chỉ là cái chết rất mờ nhạt, điều mà có quan tâm, day dứt và trăn trở hơn là “liệu mình có nổ không, không thì làm cách nào để chậm lại mìn lần thứ hai”.

⇒ Tất cả diễn biến tâm lí này cho thấy Phương Định có ý thức trách nhiệm cao với công việc.

- Tóm lại bằng một ngòi bút miêu tả chân thực, chi tiết, cụ thể, sống động, nhất là tâm lí nhân vật Phương Định nhà văn đã cho ta thấy sự dũng cảm, sự hết mình vì công việc của chị. Trong bom đạn ác liệt của kẻ thù, hình ảnh Phương Định vẫn sáng lên, cho thấy kẻ thù chỉ có thể uy hiếp dùng bom đạn để tàn phá nhưng không thể dập tắt được ý chí và lòng dũng cảm của con người. Có lẽ Phương Định cũng như bao nữ thanh niên xung phong khác đến với Trường Sơn là họ đến với tình yêu tổ quốc, tình yêu tự do khát vọng về một ngày đất nước độc lập. Họ đã cống hiến hết mình vì tổ quốc.

- Liên hệ: Nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ cũng từng là một nữ thanh niên xung phong đã ca ngợi những người đồng chí đồng đội của mình trong bài thơ “Khoảng trời hồ bom”:

Chuyện kể rằng em cô gái mở đường

Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương

Cho đoàn xe kịp giờ ra trận

Em đã lấy tình yêu Tổ quốc mình

Đánh lạc hướng thù hứng lấy làn bom

⇒ Như vậy hình ảnh của Phương Định hay của những nữ thanh niên xung phong chính là hình ảnh của những con người “Một thời ⁴⁵⁰ và

mãi mãi”. Dù trong hoàn cảnh nào vẫn gan dạ, dũng cảm, chiến đấu hết mình vì tổ quốc.

- **Luận cứ 3: Sống chiến đấu trong hoàn cảnh gian khổ, ác liệt các nữ thanh niên xung phong nói chung, Phương Định nói riêng không chỉ có lòng dũng cảm, tình yêu công việc mà ở họ có tình cảm đồng chí, đồng đội vô cùng thấm thiết.**
 - Trong suy nghĩ của Phương Định, cô luôn tình cảm đặc biệt cho các anh lính “Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ”
 - ⇒ Với những suy nghĩ của Phương Định như vậy về người lính ta thấy cô có một tình cảm đặc biệt với người lính. Cô rất ngưỡng mộ, cảm phục, tự hào về họ. Có thể nói tình yêu người lính nơi chiến trường đã làm cho Phương Định có thêm sức mạnh, tình yêu, niềm tin, mơ ước vào cuộc sống.
 - Trong lúc ở lại hàng trực điện thoại, Phương Định cảm thấy sốt ruột, lo lắng cho đồng đội của mình trên cao điểm. Sự lo lắng ấy được bộc lộ trực tiếp qua ý nghĩa có gì lý thú đâu nếu các bạn tôi chưa quay về.
 - ⇒ Điều này chứng tỏ Phương Định là người giàu tình cảm, cô luôn coi sự an toàn của các bạn sau mỗi lần làm nhiệm vụ là niềm vui sống của cô.
 - Tình cảm đồng chí đồng đội của Phương Định được thể hiện sâu sắc, chân thành trong một lần phá bom, Nho bị thương, chị Thao vô cùng lo lắng sốt ruột, còn Phương Định “mọi đất, bể Nho đặt lên đùi mình. Máu tứa ra từ cánh tay Nho, ngấm vào đất”. Bằng những hiểu biết của mình, bằng những gì được huấn luyện trước khi vào chiến trường Phương Định đã chăm sóc cho Nho “Tôi rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than. Bông băng trắng. Vết thương không sâu lắm, vào phần mềm. Nhưng vì bom nổ gần, Nho bị choáng. Tôi tiêm cho Nho. Nho lim dim mắt, dễ chịu, có lẽ không đau lắm rồi cô đặt “Nho nằm tinh tươm, sạch sẽ trên chiếc giường ghép bằng những thanh gỗ to”.
 - ⇒ Bằng cách liệt kê một loạt những hành động, cử chỉ của Phương Định khi chăm sóc, băng bó vết thương cho Nho Ở nơi chiến trường đã cho ta thấy Phương Định là một người yêu thương, quan tâm,⁴⁵¹ chăm sóc, lo lắng, gắn bó với đồng đội. Cô xử lý tình huống một

cách nhanh nhẹn, bình tĩnh, cố gắng hết mình để cứu chữa cho đồng đội.

- Bình: Có thể nói, Phương Định đã chăm sóc cho đồng đội bằng tình yêu thương không chỉ của người cùng chung chiến hào mà còn bằng tình cảm của những người thân thiết, ruột thịt trong gia đình. Tình đồng chí đồng đội của Phương Định giữa nội chiến trường gian khổ, ác liệt ta thấy thật đáng quý, đáng trân trọng. Vì vậy mà có ai đó đã nói “Tình đồng đội đồng chí là tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng nhất mà con người có được”
- Mở rộng: Tình cảm của Phương Định gợi cho ta nhớ đến biết bao câu chuyện cảm động về tình đồng chí đồng đội trong chiến tranh. Đó là nhà thơ Chính Hữu đã cảm động biết bao khi viết về đồng đội của mình. Nhà thơ Phạm Tiến Duật, tình cảm đồng đội đồng chí gắn liền với sự vui tươi, dí dỏm của những chàng thanh niên trí thức vừa rời ghế nhà trường.
- ➔ Tóm lại, tình cảm đồng chí đồng đội là một tình cảm vô cùng thiêng liêng, cao đẹp của những người đồng chí đồng đội trong chiến trường. Tình cảm ấy đã là điểm tựa, là nơi nâng đỡ người chiến sĩ giúp họ có thêm nhiều sức mạnh chiến đấu, chiến thắng kẻ thù vững tin về một ngày đất nước độc lập.
- **Luận cứ 4: Sở dĩ nhân vật để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc bởi vẻ đẹp trong sáng mơ mộng lạc quan, yêu đời, hồn nhiên, vô tư. Đây có lẽ là nét nổi bật nhất và cũng là điểm hấp dẫn nhất của nhân vật với người đọc.**
 - Phương Định luôn quan tâm đến hình thức của mình, cô tự giới thiệu về mình “Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo “Cô có cái nhìn xa xăm”
 - ⇒ Bằng những lời tự thuật Phương Định đã ý thức được cô có một vẻ đẹp về hình thức và cô cũng luôn chú ý đến hình thức của mình giữa nơi chiến trường ác liệt mà Phương Định vẫn ý thức được vẻ đẹp của mình giúp cô có thêm niềm vui nho nhỏ để át đi những khó khăn, gian khổ.
 - Chính Phương Định đã tự tế nhị, bộc lộ về tình cảm của mình “Không hiểu sao⁴⁵² các anh pháo thủ và lái xe lại hay hỏi thăm tôi. Tôi không, sẵn sàng, vồn vã. Khi bọn con gái xúm lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào lấy tôi thường đứng

ra xa, khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, nuôi mím chặt”

⇒ Tự nghĩ về mình như vậy ta cảm tưởng như vẻ đẹp của Phương Định đem đến cho cô một sự kiêu kỳ nhưng thực ra lại rất dịu dàng, đầm thắm, giản dị và khiêm nhường.

- Và ở nơi đây trong khói bom của kẻ thù, cái chết thật gần Phương Định vẫn có những sở thích của con gái, của tuổi trẻ: Tôi mê hát, bịa ra lời mà hát “. Tôi thích nhiều bài. Những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngả lưng mặt trận. Tôi thích dân ca quê họ mềm mại, dịu dàng. Thích Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô. Thích ngồi bó gối mơ màng. Về đây khi mái tóc còn xanh xanh... đó là dân ca Ý trữ tình giàu có, phải lấy giọng thật trầm... Thích ngắm mắt trong gương”

⇒ Tác giả liệt kê những sở thích của Phương Định nơi chiến trường giúp ta thấy ở nơi chiến trường cô vẫn hồn nhiên, trẻ trung, yêu đời, yêu cuộc sống. Tiếng hát và sự mơ màng của cô sau những giờ phút chiến đấu căng thẳng ta cảm giác như nó át đi tiếng bom rơi đạn nổ, chỉ còn sự yên bình. Tiếng hát bộc lộ một thế giới nội tâm phong phú, giàu có, một tâm hồn lạc quan yêu đời của nữ thanh niên xung phong. Ta cảm tưởng như chiến tranh đã không còn. Thì ra chiến tranh có thể hủy diệt nhiều thứ nhưng không thể hủy diệt được đời sống tâm hồn phong phú của tuổi trẻ, càng không là cho họ mất đi sự mơ mộng, lạc quan. Có thể nói, những sở thích của Phương Định đã làm sáng lên những khoảng tối nhất trong đêm đen của chiến tranh, tạo nên sức mạnh của lòng yêu nước, tạo nên cái mà Lê Minh Khuê gọi là “Những ngôi sao xa xôi”

- Sự vô tư, hồn nhiên, lạc quan của Phương Định còn được tác giả thể hiện sâu sắc, tinh tế khi cô và đồng đội vừa trải qua những giờ phút căng thẳng của công việc phá bom thì gặp cơn mưa đá. Nếu như chị Thao và Nho... thì Phương Định đã bắt ngờ reo lên “Mưa đá! Cha mẹ ơi! Mưa đá! Tôi chạy vào bờ trên bàn tay đang xòe ra của Nho mấy viên đá nhỏ, lại chạy ra, vui thích cuống cuống... Những niềm vui con trẻ của tôi lại nở tung ra, say sưa, tràn đầy

453

⇒ Những lời văn như những tiếng reo vui. Có thể nói đây là những câu văn sôi nổi, vui tươi nhất của tác phẩm. Tác giả đã giúp cho ta hình dung ra hình ảnh Phương Định lúc này thật tươi trẻ, nhí nhảnh.

Cô đang cùng đồng đội nghịch giỡn, vui đùa cùng thiên nhiên. Ta có cảm giác các cô lúc này giống như những đứa trẻ, những cô cậu học trò vô tư, tinh nghịch thuở còn ngồi trên ghế nhà trường.

- Từ cơn mưa đá đã gợi cho Phương Định nhớ về thuở học trò, nhớ gia đình và quê hương miền Bắc. Đó là “Lúc tôi còn thơ bé. Mà tôi nhớ 1 cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố... trên đầu”

⇒ Bằng cách liệt kê một loạt những kỉ niệm trong kí ức, nỗi nhớ của Phương Định tác giả cho ta thấy từ một cơn mưa đá mà biết bao kỉ niệm đã sống dậy, ùa về trong lòng Phương Định đưa cô trở về những năm tháng tuổi thơ thanh bình êm đềm, yên ả và hạnh phúc nhất. Giờ đây những kỉ niệm đó sống dậy nơi chiến trường làm thức dậy trong lòng cô, khơi dậy trong cô bao niềm mơ ước, khát khao làm dịu mát tâm hồn cô, làm dịu mát những phút giây căng thẳng khốc liệt của chiến tranh. Và chính những giây phút này đã cho ta thấy tuổi trẻ nói chung, Phương Định nói riêng, tâm hồn họ thật sôi nổi, phong phú và luôn khao khát ước mơ.

- Đến đây thì ng đọc đã cảm nhận được trọn vẹn vẻ đẹp của “Những ngôi sao xa xôi- vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tâm hồn trong sáng của những nữ thanh niên xung phong nơi trọng điểm ác liệt của tuyến đường Trường Sơn. Những ngôi sao lấp lánh thứ ánh sáng không rực rỡ mà sáng trong, tưởng như xa mà lại rất gần.

→ Đánh giá: Bằng ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, tinh tế, tác giả đã làm hiện lên thế giới nội tâm phong phú của Phương Định, nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn những năm tháng chống Mỹ. Qua đó giúp ta hiểu hơn về thế hệ trẻ những năm tháng hào hùng ấy. Chính những vẻ đẹp ấy giúp thế hệ trẻ Việt Nam vượt qua khó khăn gian khổ của chiến tranh làm nên những chiến tích anh hùng.

454

IV. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

- Ngôi kể: Truyện được trần thuật theo Phương Định, nhân vật xưng tôi và cũng là nhân vật chính là Phương Định, mọi sự kiện hiện lên một cách sinh động. Cách kể ấy đồng thời cũng tạo điều kiện để tác giả thuận lợi trong việc miêu tả nội tâm. Đồng

thời lựa chọn cách kể này cũng là một thử thách với bản thân tác giả vì người viết phải thực sự am hiểu nhân vật của mình và có khả năng hóa thân vào nhân vật. Lê Minh Khuê có thể làm điều đó một cách thành công có lẽ bởi vì bản thân nhà văn đã từng sống như vậy.

- Nghệ thuật trần thuật của truyện: Mạch truyện được triển khai theo dòng tâm trạng của nhân vật không theo trình tự thời gian mà thường đan xen giữa hiện tại và hồi tưởng quá khứ. Có thể coi đó là cốt truyện tâm lý. Nhà văn đã xây dựng các nhân vật qua cả hành động, ngoại hình, tâm trạng và suy nghĩ.
- Nhà văn đã rất chú ý trong việc sử dụng ngôn ngữ trần thuật và giọng điệu trần thuật phù hợp với nhân vật, ngôn ngữ kể chuyện cũng như ngôn ngữ của nhân vật rất tự nhiên gần gũi với đời thường từ đó thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật giúp người đọc hình dung rõ nét ấn tượng sâu đậm hơn về nhân vật
- Lê Minh Khuê đã tái hiện lại hình ảnh 3 nữ thanh niên xung phong nói chung, hình ảnh Phương Định nói riêng là những hình ảnh đẹp, lí tưởng với những phẩm chất vô cùng tốt đẹp của tuổi trẻ trong chiến tranh. Lòng dũng cảm, tình yêu công việc, tình đồng chí đồng đội thấm thiết, sự mơ mộng lạc quan. Hình ảnh của họ là hình ảnh của biết bao chàng trai cô gái thuở nào “Xếp bút nghiên lên đường chiến đấu” với tinh thần:

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước

Mà lòng phơi phới dậy tương lai

- Họ là hình ảnh của nữ bác sĩ Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, mười nữ thanh niên xung phong ở ngã ba Đồng Lộc, họ đã chiến đấu, hy sinh khi tuổi đời còn rất trẻ để đất nước Việt Nam mãi trường tồn.
- Ngược dòng thời gian trở về những năm tháng đó nếu ở miền Bắc có biết bao con người như anh thanh niên thì ở miền Nam còn có biết bao chàng trai cô gái lên đường bảo vệ tổ quốc. Họ là những con người thật đáng quý, đáng trân trọng, là những người “Một thời và mãi mãi”. Họ là những con người tưởng như xa xôi mà rất gần⁴⁵⁵, là ánh sáng của những ngôi sao nhỏ bé góp phần làm cho đất nước Việt Nam sáng bừng lên từ đêm tối, họ là những con người thấm nhuần tư tưởng trong “Thép đã tôi thế đấy” của nước Nga “Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa ân hận những năm tháng sống hoài sống phí”
- Vai trò, vị trí của nhân vật: Cùng với Nho, Thao nhân vật Phương Định góp phần làm

đề của văn bản qua đó thể hiện rõ tình cảm yêu mến, ngợi ca, trân trọng vẻ đẹp của các cô gái thanh niên xung phong của nhà văn Lê Minh Khuê. Qua hình ảnh ba cô gái, chúng ta cũng hiểu hơn về tác giả người đã trực tiếp tham gia chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn. Vốn làm một cây bút truyện ngắn xuất sắc, từng là chiến sĩ thanh niên xung phong, Lê Minh Khuê không mấy khó khăn để nhập thân vào nhân vật, sống với đời sống của nhân vật. Sự am hiểu về nhân vật, hiện thực cuộc sống tạo nên những trang viết đặc sắc, sinh động và chân thực. Cũng như các tác giả cùng thời, nhà văn có cách nhìn và cách thể hiện con người trong chiến tranh thiên về cái tốt đẹp, trong sáng, anh hùng, cao cả. Cái bị chỉ là điểm xuyết, thoáng qua. Nhưng truyện của Lê Minh Khuê không rơi vào đơn điệu, công thức, dễ dãi mà vẫn miêu tả được đời sống nội tâm với những nét tâm lý thể đời thường.

- Cùng với hình ảnh cô thanh niên xung phong trong thơ Lâm Thị Mỹ Dạ hay trong thơ của Phạm Tiến Duật, truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê giúp chúng ta hiểu thêm về một giai đoạn lịch sử đầy gian khổ hy sinh nhưng cũng vô cùng oanh liệt của dân tộc ta. Từ đó cũng giúp chúng ta hiểu thêm về những phẩm chất truyền thống cao đẹp của cha ông để từ đó mỗi chúng ta biết trân trọng hơn sự độc lập của ngày hôm nay.
- Hình ảnh ba nữ thanh niên xung phong góp thêm vào giai đoạn Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước về hình tượng con người quen thuộc. Truyện làm nổi bật chủ nghĩa anh hùng và vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam làm phong phú thêm cho đề tài chiến tranh. Cùng một loạt những tác phẩm khác Lê Minh Khuê đã góp một phần nhỏ bé vào nền văn học cách mạng và xây dựng bức tượng đài bất diệt về các nữ thanh niên xung phong. Chính vì những thành công đó, “Những ngôi sao xa xôi” của chị đã được đưa vào tuyển tập “Nghệ thuật truyện ngắn thế giới?”
- Vì đây là dàn bài cả cho phân tích riêng nhân vật Phương Định. Cho nên, khi phân tích ba cô gái, các em cần lược bỏ những chi tiết không cần thiết. 456
- Liên hệ thêm (tuỳ): “Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng Những vì sao ngời chói lung linh.”(Khoảng trời hố bom – Lâm Thị Mỹ Dạ)

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê.
2. Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” - Lê Minh Khuê là vẻ đẹp tâm hồn của tuổi trẻ

Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vừa có những nét chung đáng quý, vừa mang những nét riêng của những ngôi sao xa xôi. Em hãy phân tích nhân vật Phương Định để làm sáng tỏ ý kiến trên.

3. “Càng từng trải chiến tranh, càng chứng kiến nhiều hơn sức mạnh huỷ diệt, sức mạnh biến tất cả thành tro bụi của nó, Kiên càng tin rằng chiến tranh không thể tiêu diệt được cái gì hết. Tất cả vẫn còn lại đó, y nguyên (Nỗi buồn chiến tranh, Bảo Ninh) Từ những chiêm nghiệm trên, hãy nói về những điều “chiến tranh không thể tiêu diệt được” trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê.

4. Vẽ đẹp thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước qua hai nhân vật: Anh thanh niên (Lặng lẽ Sa Pa Nguyễn Thành Long) và Phương Định (truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê)

5. Từ truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”. Lê Minh Khuê, hãy viết bài văn có tiêu đề “Tình yêu đất nước và chiến tranh chống Mỹ”.

6. Có ý kiến cho rằng: “Nhân vật là linh hồn của truyện ngắn”. Hãy cảm nhận nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê để làm sáng tỏ nhận định trên.

7. Vẽ đẹp thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà văn Lê Minh Khuê tái hiện một cách chân thực, sinh động qua truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê. Phân tích nhân vật Phương Định để làm sáng tỏ ý kiến trên.

8. Phân tích hai nhân vật Thao và Nho trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê.

9. Phân tích nhân vật Phương Định trong đoạn văn sau: “Tôi một quả bom trên đồi... nhưng không giật nổi”

10. Vẽ đẹp thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước qua văn bản “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” – Phạm⁴⁵⁷ Tiến Duật

11. Vẽ đẹp thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước qua ba cô gái thanh niên xung phong qua văn bản “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê.

12. Nhận xét về truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê có ý kiến cho rằng: “Nhân vật Phương Định mang tất cả vẻ đẹp của những nữ thanh niên xung phong thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa nhưng cũng có những nét cá tính riêng của cô gái trẻ vừa rời ghế nhà trường tham gia kháng chiến”. Em

hãy phân tích nhân vật Phương Định để làm rõ ý kiến trên.

13. Cảm nhận về vẻ đẹp của ba nữ thanh niên xung phong trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê. Từ đó nêu suy nghĩ của em về thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

14. “Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp” (Pau-tốp-xki). Em hãy phân tích xứ sở của cái đẹp trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” - Lê Minh Khuê.

15. Có ý kiến cho rằng: “Chiến tranh như một thứ lửa thử vàng làm sáng lên chất vàng mười trong tâm hồn con người Việt Nam”. Em hiểu như thế nào về ý kiến trên. Hãy tìm chất vàng mười của con người Việt Nam trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê/ qua nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” - Lê Minh Khuê.

BẾN QUÊ

458

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Nguyễn Minh Châu (1930 - 1989) quê ở Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
- Ông là nhà văn Quân đội, từng tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ông là cây bút xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại, một cây bút đi tiên phong trong đổi mới tư tưởng và nghệ thuật sau năm 1975.
- "Dấu chân người lính" (tiểu thuyết), "Những vùng trời khác nhau" (tập truyện ngắn) được xem là những bài ca chiến trận thấm đượm chất sử thi và màu sắc lãng

mạn.

- Sau năm 1975, các tác phẩm: “Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành”, “Bến quê”, “Cỏ lau” là những thành công về tìm tòi đổi mới trong tư tưởng và nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu.
- Thân phận, số phận con người, những mơ ước bình dị, cuộc sống quanh ta, những vui buồn, ánh sáng và bóng đen, vv... được ông nói đến với bao khơi gợi, rất nhân văn, đầy tình người. Trong văn Nguyễn Minh Châu giàu ý vị triết lý và đa nghĩa.

2. Tác phẩm

- a. Xuất xứ: Truyện ngắn “Bến quê” in trong tập truyện cùng tên của Nguyễn Minh Châu.
- b. Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1985 c. Chủ đề: Qua nhân vật Nhĩ, một người từng trải đang ốm nặng, sắp lìa đời, tác giả gửi gắm bao suy ngẫm cảm động về con người về cuộc đời, thức tỉnh lương tri đồng loại không nên sống dửng dưng, hờ hững mà phải biết trân trọng những vẻ đẹp và giá trị thân thuộc bình dị của cuộc sống, của gia đình và quê hương.

B. Luyện đề

Có ý kiến cho rằng: “Ngòi bút miêu tả tâm lí của Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn Bến quê rất tinh tế và thấm đượm tinh thần nhân đạo”. Em hãy phân tích tâm trạng nhân vật Nhĩ để làm sáng tỏ ý kiến trên.

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận, trích ý kiến
- II. Giải thích ý kiến

- Khái quát: Lời nhận xét “Ngòi bút miêu tả tâm lí của Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn Bến quê rất tinh tế và thấm đượm tinh thần nhân đạo” vô cùng xác đáng⁴⁵⁹.
- Sau năm 1975, các tác phẩm của Nguyễn Minh Châu ra đời đã được đổi mới về tư tưởng và tư duy nghệ thuật. Vượt thoát lên cách nhìn, cách nghĩ đơn giản, một chiều trước đây của văn học nói chung và chính bản thân nhà văn nói riêng, Nguyễn Minh Châu đã hướng ngòi bút của mình vào đời sống thế sự nhân sinh thường ngày, để phát hiện chiều sâu cuộc sống và cả những nghịch lý.
- Chính vì vậy, khi xây dựng nhân vật Nhĩ trong Bến quê, để tác phẩm không đơn thuần tự sự về một cuộc đời con người, tác giả kết hợp khéo léo giữa tự sự, trữ tình và triết lý. Tài tình đan cài giữa kể và miêu tả bức tranh thiên nhiên, bức tranh tâm

trạng và những lời bình. Đặc biệt, ông đi sâu vào thế giới nội tâm nhân vật Nhĩ để diễn tả những cảm xúc, trạng thái, tâm tư cả nhân vật trong những ngày cuối đời.

- Ngôi bút của nhà văn thấm đẫm niềm cảm thông với hoàn cảnh éo lé, nghiệt ngã của nhân vật cùng những triết lý giản dị, tinh tế, sâu sắc, thấm đượm tinh thần nhân đạo

III. Giới thiệu khái quát tác phẩm (A)

IV. Phân tích, chứng minh ngôi bút miêu tả tâm lí

1. Cảm nhận về thiên nhiên của nhân vật Nhĩ

- Vào buổi sáng đầu thu, nằm trên giường bệnh, cảnh vật thiên nhiên lên cao qua ô cửa sổ hiện ra trước mắt anh đẹp biết bao. Nhĩ đưa mắt nhìn từ gần ra xa, từ thấp lên cao qua ô cửa sổ nhà mình: “Mấy bông hoa bằng lăng như đậm hơn. Thấp thoáng phía xa là con sông Hồng với những tia nắng chiếu xuống, nước sông có màu vàng thau đẹp lạ thường”.
- ⇒ Những bông hoa bằng lăng cuối thu màu sắc như “đậm hơn”, một màu tím thẫm như bóng tối. Đó phải là những màu sắc tươi tắn mà dấu hiệu của sự tàn phai, tiêu biến. Cái tàn lụi đó bỗng trở nên gấp gáp, nhấn tâm khi nó gắn với tâm trạng và cảnh ngộ của Nhĩ. Cảnh vật đẹp quá làm Nhĩ cứ ngắm hoài một cách say mê.
- Bỗng Nhĩ thấy “vòm trời như cao hơn, dòng sông như rộng ra”. Cảnh vật vẫn hiện hữu bao lâu nay như thế đấy chứ! Đó chỉ là cái nhìn của một con người có dự cảm sắp phải đi xa, đến một nơi nào đó rất xa, xa lắm... Phải chăng Nhĩ đã nhận ra bằng trực giác của mình một điều mình không còn sống được bao lâu nữa?
- Nhĩ nhận ra vẻ đẹp của các bãi bồi bên kia sông Hồng, ngay trước khung cửa sổ⁴⁶⁰ “Cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi ở bên kia sông Hồng, lúc này đang phô ra trước khuôn cửa sổ của gác nhà Nhĩ một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non – những sáng màu quen thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ”.
- ⇒ Hình ảnh của bãi bồi bên kia sông, hàng năm vẫn bồi đắp phù sa màu mỡ nuôi cây lá xanh tươi. Hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng: vẻ đẹp của cuộc sống quê hương, những cái thật gần gũi, quen thuộc. Bãi bồi cũng như đức hi sinh thầm lặng của Liên suốt đời bồi đắp, chăm chút cho chồng con. Và thật trớ trêu thay: dòng sông bên lở, bên bồi, Nhĩ vô tình quên lãng thì Liên lại là người bồi đắp.
- Còn nữa, tiếng những tảng đất lở bên này sông, khi cơn lũ đầu nguồn đã dồn về, đổ ụp vào giấc ngủ của Nhĩ lúc gần sáng, gợi ra sự sống của Nhĩ đang bị thời gian

khoét dần đi, lở lói, xót xa...

⇒ Mỗi cảnh vật thiên nhiên mang một màu sắc quen thuộc mà rất riêng, riêng đến nỗi khiến Nhĩ phải xúc động trước vẻ đẹp bình dị, thân thương của quê hương, xứ sở... (nêu tâm trạng Nhĩ)

2. Cảm xúc và suy nghĩ của Nhĩ về người vợ

- Nếu thiên nhiên khiến Nhĩ mê say và thất vọng thì những người thân gọi lên trong anh nỗi buồn xen lẫn những mặc cảm, xót xa tê tái.
- Liên như là hiện thân của bến quê mà Nhĩ đã từng không nhận ra. “Lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá” đó cũng là lần đầu tiên nỗi buồn về gia đình quặn lên trong anh. Cái nghèo khó của gia đình không giấu được qua mảnh vá trên chiếc áo Liên đang mặc, trên đôi tay gầy gò của Liên. Nhĩ đã thấu hiểu sự vất vả, hy sinh thầm lặng của người vợ hiền thảo. Như vậy, những ngày cuối đời trên giường bệnh, Nhĩ mới cảm nhận được vẻ đẹp của Liên – vợ anh: một người vợ tần tảo, chịu thương chịu khó khiến anh không kìm nổi sự xót xa, đau đớn nơi trái tim.
- Trong câu nói của anh với Liên có sự bỏ lửng như sự tắc nghẽn của cảm xúc, của trái tim: “Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm... mà em vẫn nín thinh”, Nhĩ không nói mà cũng không dám nói. Cái ngắt quãng ấy là bao vất vả, khó khăn Liên lặng lẽ gánh vác để lo cho gia đình. Nó âm thầm như cái âm điệu trầm lặng của dấu ba chấm. Trong đó dường như còn chứa cả mồ hôi, nước mắt đắng cay Liên đã nuốt chầm, đã chịu đựng. Nhĩ không dám nói điều đó, vì nó là lưỡi dao cứa vào lòng anh⁴⁶¹, chứa cả vào lòng vợ. Anh là trụ cột trong gia đình mà chưa một lần nào anh làm cho mái nhà ấy được sung sướng.
- Qua những lời dịu dàng của Liên, anh đã hiểu tình yêu Liên dành cho mình nhưng điều đó càng khiến anh day dứt vì trách nhiệm của người chồng, người cha chưa bao giờ trọn vẹn. Ở nơi anh trào dâng bao cảm xúc. Đó là sự thương cảm với cuộc đời tần tảo, lặng lẽ của vợ, “suốt cả một đời người đàn bà trên những bậc gỗ mòn lõm”. Đó là sự xúc động khi anh tìm được cho mình nơi nương tựa là gia đình, là người vợ tần tảo, giàu đức hi sinh, mãi mãi vẹn nguyên phẩm chất: “Cũng như bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tần tảo và chịu đựng hy sinh từ bao đời xưa”.

3. Cảm xúc và suy nghĩ về khát vọng bình dị cuối đời.

- Vào cái buổi sáng đầu thu ấy, khi đã nhận ra vẻ đẹp rất đỗi bình dị gần gũi của cảnh

vật, trong tâm hồn Nhĩ cháy lên một cái gì đó mơ hồ như một dự cảm, một điều gì đó như là khát khao. Dường như bằng trực giác, Nhĩ đã nhận ra thời gian của đời mình chẳng còn bao lâu nữa. Câu hỏi anh bất chợt hỏi vợ như một sự tính toán thời gian về cái ngày anh biết chắc sẽ đến nay mai.

- Nhà văn Jack London từng viết: “Thiên nhiên có nhiều cái nhắc nhở con người về cái chết”. Với Nhĩ có lẽ cũng vậy. Có lẽ anh cũng hiểu rằng màu sắc của những chùm bằng lăng bỗng trở nên đậm hơn, những tảng đất đỏ ào vào giấc ngủ, chúng cũng như cuộc đời anh, tàn tạ, héo hắt dần, chuẩn bị cho sự đứt lìa khỏi cuộc sống. Cảm giác về cái chết treo lơ lửng dường như thôi thúc cái khát khao trong anh cháy bỏng hơn, gấp gáp hơn trước khi những đốm tàn của ngọn lửa sự sống tắt lịm hẳn.
- Những ngày cuối cùng này, anh chỉ có một khát khao duy nhất “được đặt chân lên bờ đất phía bên kia sông”. Mới đây thôi anh đã khám phá ra vẻ đẹp kì diệu của bãi bồi bên kia sông - một miền đất của trù phú và mơ ước. Cái tưởng chừng dễ dàng nhất người ta thường hay bỏ qua và rồi sau này lại phải hối tiếc về điều đó. Anh như một nhà thám hiểm, thèm khát khám phá chân trời mới như con tàu đi tới thì đã mãi mãi ở lại với biển khơi. Mơ ước rồi cũng thành vô vọng. Tuy khoảng trời kia chỉ cách ô cửa sổ của Nhĩ thôi nhưng dường như mãi mãi xa vô cùng tận. Có lẽ trong những lần khắc khoải hướng ánh mắt sang bãi bồi bên kia sông, không ít lần Nhĩ mang trong lòng những suy ngẫm, những trải nghiệm về chính bản thân mình.⁴⁶²
- Anh đã nhờ con trai – Tuấn thực hiện ước nguyện này giúp mình. Nhưng nghịch lý thay! Con anh cũng không làm được điều mà cha mong muốn. Tuấn chưa hiểu được ý muốn của cha và ra đi một cách miễn cưỡng. Rồi cậu sa vào đám phá cờ thè trên đường phố để thỏa mãn nhu cầu ham chơi, thích khám phá của mình. Nhĩ không trách Tuấn bởi lẽ anh cũng từng như thế. Họ chẳng chỉ có anh đã từng trải, đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy hết sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của một cái bãi bồi sông Hồng ngay bên bờ bên kia, cả trong những nét tiêu sơ, và cái điều riêng anh khám phá thấy giống như một niềm say mê pha lẫn với nỗi ân hận đau đớn, lời lẽ không bao giờ giải thích hết. Người ta khó có thể làm lại được những gì thuộc về quá khứ, không thể đi lại những chuyến đi đã lỡ. Cái bến quê rất gần, và không khó khăn gì để đến đó, nhưng nếu cứ mắc vào cái mớ “chùng chình” thế cuộc rất có thể ta sẽ không bao giờ đến được.
- Chính lúc này, Nhĩ đã nhận ra một triết lý: Con người khó tránh khỏi “cái điều

vòng vèo hoặc chùng chình” trên đường đời để hướng tới những giá trị đích thực của cuộc sống. Những nghịch lí trong cuộc đời mỗi người không ai có thể lường hết được. Và hai tình huống nghịch lí trong truyện này cũng là một minh chứng để mỗi người biết cách sống tốt hơn, sống đẹp hơn.

V. Đánh giá tổng hợp

1. Khẳng định lại lời nhận định: Hoàn toàn đúng đắn/ sâu sắc/ để lại ấn tượng trong lòng người đọc. Qua việc miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật Nhĩ một cách tinh tế và sâu sắc, Nguyễn Minh Châu đã thể hiện niềm cảm thông với bi kịch của nhân vật

2. Khái quát nghệ thuật, nội dung

3. Mở rộng, bàn luận

- Bến quê – nơi neo đậu cuối cùng của mỗi người. Nhĩ sẽ mãi mãi vào cõi vĩnh hằng nhưng trong anh còn chứa bao niềm tiếc nuối. Hoàn cảnh đặc biệt đã đánh thức Nhĩ để anh nhận ra được những giá trị gần gũi, bình dị của quê hương, để anh thêm yêu quê hương mình. Con người ta ai cũng thế, bao lần vấp ngã trên đường đời nhưng họ có vực dậy mà tiếp không mới là điều quan trọng. Nhân vật Nhĩ trong truyện đã theo đuổi những ước mơ xa vời nơi chân trời tươi đẹp nhưng anh lại đánh mất hình ảnh của quê hương, của người thân. Đến lúc Nhĩ nhận ra thì mọi việc đã quá muộn⁴⁶³ màng. Cuộc sống đối với Nhĩ chỉ toàn là vô vị, chỉ khi cuối đời thì phần người chan chứa thi vị trong anh mới thực sự rõ nét.
- Bài học: Trân trọng sự thức tỉnh và khát vọng của con người luôn hướng tới những điều bình dị nhưng có giá trị đích thực, vĩnh hằng trong cuộc sống. Đồng thời gửi tới người đọc bức thông điệp giàu giá trị nhân văn về con người, cuộc đời, về gia đình, quê hương, đất nước. Đó là sự hài hoà, gắn bó bền chặt cuộc đời mỗi người.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Cảm nhận tình yêu quê hương của nhân vật Nhĩ qua tác phẩm “Bến quê” – Nguyễn Minh Châu. 2. Bình phẩm về tác phẩm Bến quê - Nguyễn Minh Châu

3. Bến quê - Bản di chúc nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu

4. Ý kiến của em về nghệ thuật sử dụng hình ảnh, chi tiết mang tính biểu tượng qua tác phẩm “Bến quê” – Nguyễn Minh Châu. Từ đó lý giải nhan đề Bến quê của tác phẩm
Giải thích nhan đề:

- Nghĩa thực: bến sông quê nhà của Nhĩ

- Nghĩa biểu tượng: Là gia đình, quê hương xứ sở gần gũi, thân thương và bền vững, nơi

nương tựa, bến đỗ, bến đợi, bến lòng của đời người sau mỗi cuộc hành trình, nơi cội nguồn mang giá trị đích thực, bền vững. Nhan đề không chỉ là đề tài mà còn mang sức chứa chủ đề, tư tưởng tác phẩm: thức tỉnh con người về tình yêu gia đình, quê hương, cội nguồn; trân trọng những giá trị bình dị, gần gũi mà lớn lao, bền vững.

5. Có ý kiến cho rằng: Nhà văn sáng tạo nhân vật để gửi gắm tư tưởng, tình cảm và niềm của mình về cuộc sống. Em hãy phân tích nhân vật Nhĩ qua tác phẩm “Bến quê” - Nguyễn Minh Châu để làm sáng tỏ nhận định trên.

BÀN VỀ ĐỌC SÁCH

464

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả: Chu Quang Tiềm (1897-1986) là nhà mỹ học, lí luận văn học nổi tiếng Trung Quốc.
2. Tác phẩm:
 - Văn bản là kết quả của quá trình tích lũy kinh nghiệm, dày công suy nghĩ, là những lời tâm huyết của người đi trước muốn truyền lại cho các thế hệ sau.
 - Tác phẩm được in trong “Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui, nỗi buồn của việc đọc sách”, giáo sư Trần Đình Sử dịch.
 - Phương thức biểu đạt: Nghị luận
 - Vấn đề nghị luận: Tầm quan trọng của sách và phương pháp đọc sách.
 - Hệ thống luận điểm: (Bố cục) 3 luận điểm
 - Luận điểm 1: Từ đầu...đến... “nhằm phát hiện thế giới mới”: Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.
 - Luận điểm 2: Tiếp...đến... “tự tiêu hao lực lượng”: Những khó khăn, thiên hướng sai lệch dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay.
 - Luận điểm 3: Phần còn lại: Bàn về phương pháp chọn sách và đọc sách.

II. Đọc - hiểu văn bản:

1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách:

a. Tầm quan trọng:

- Sách đã cô đúc, ghi chép và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người đã tìm tòi, tích lũy qua từng thời đại.
- Sách là kho tàng quý báu của di sản tinh thần mà loài người thu lượm, suy ngẫm suốt mấy ngàn năm.
- Những cuốn sách có giá trị được coi là những cột mốc trên con đường phát triển học thuật của nhân loại.

b. Ý nghĩa:

- Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn- con đường tích lũy và nâng cao tri thức cho bản thân.
- Coi thường không đọc sách là xóa bỏ quá khứ, lạc hậu, làm cho xã hội thụt lùi.
- “Đọc sách là trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức...”⁴⁶⁵
- Mỗi cuốn sách đã tích tụ kinh nghiệm và tư tưởng của cha ông hàng nghìn năm để lại. Đọc sách, lắng nghe và làm theo những lời dạy đó, rút kinh nghiệm và tiếp nối con đường của thế hệ trước là cách đền ơn đáp nghĩa đối với thành quả nhân loại trong quá khứ.
- Đọc sách là có thể chuẩn bị cho cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới. Tác giả đã so sánh ngầm ẩn ý nghĩa, tác dụng của việc đọc sách giống như “ làm được cuộc trường chinh vạn dặm”. Việc đọc sách nhằm nâng cao nhận thức, bồi dưỡng trí tuệ, phát triển tâm hồn, tình cảm... để lớn lên, thành công trong cuộc sống vốn là ý niệm trừu tượng, trở nên cụ thể, dễ hiểu, hấp dẫn.

2. Những khó khăn, thiên hướng sai lệch dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay.

a. Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu, dễ sa vào lối ăn tươi, nuốt sống:

- Để chứng minh cho cái hại này, tác giả đã so sánh cách đọc sách của người xưa và học giả ngày nay. Đó là đọc kỹ, nghiền ngẫm, đọc ít mà thậm chí còn hơn đọc nhiều mà rỏi; còn lối đọc của ngày nay không chỉ vô bổ mà còn lãng phí thời gian công

sức, thậm chí còn có hại.

- Cách so sánh đọc sách với ăn uống vô tội vạ đã đem đến cho lời bàn thật trí lý sâu sắc.
- b. Sách nhiều khiến người ta khó chọn lựa, dẫn đến lãng phí thời gian và sức lực với những cuốn sách không có ích:
 - Để chỉ ra cái hại thứ hai, tác giả đã có so sánh rất đặc biệt – So sánh việc đọc sách với việc đánh trận, làm tự tiêu hao lực lượng của mình. Đây là cách so sánh khá mới mà vẫn quen thuộc và lí thú.
 - Bằng những so sánh cụ thể, xác thực, tác giả vừa chỉ ra những nguy hại do lối đọc sai lệch; vừa phân tích, lý giải những nguy hại đó một cách thuyết phục.

3. Bàn về phương pháp chọn sách và đọc sách.

a. Cách chọn sách:

Chọn cho tinh, không cốt lấy nhiều.

Tìm đọc những cuốn sách thật sự có giá trị và có ích cho bản thân.

466

Chọn sách phải có mục đích, có định hướng rõ ràng, không nhất thời tùy hứng.

Chọn sách nên hướng vào hai loại:

- Kiến thức phổ thông
- Kiến thức chuyên sâu.

b. Phương pháp đọc sách:

- Đọc cho kỹ, đọc đi, đọc lại nhiều lần cho đến thuộc lòng.
- Đọc với sự say mê, ngẫm nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy và kiên định mục đích.
- Đọc có kế hoạch, hệ thống, không đọc tràn lan. Đọc về kiến thức phổ thông và kiến thức chuyên sâu.
- Đọc sách không chỉ là việc tích lũy tri thức mà còn là việc rèn luyện tư cách, chuyện học làm người, rèn đức tính kiên trì, nhẫn nại.
 - Để nêu bật việc đọc sách hời hợt, tác giả so sánh với việc cưỡi ngựa qua chợ như “trọc phú khoe của”... Cách đọc ấy thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém...

III. Tổng kết: Ghi nhớ, sgk, trang 7.

IV. Luyện tập:

1. Phát biểu điều mà em thấm thía nhất khi học bài “Bàn về đọc sách”.
2. Suy nghĩ về câu nói: “Đọc sách là mở cái cửa để nhìn vào thế giới thần tiên”

(Mori ax).

TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ

467

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003) quê ở Hà Nội.
- Ông hoạt động cách văn học đa dạng: làm thơ, viết văn, sáng tác nhạc, Soạn kịch, viết lý luận phê bình.

2. Tác phẩm

- a. Xuất xứ: In trong cuốn “Mấy vấn đề về văn học” (1956)
- b. Hoàn cảnh sáng tác
 - Năm 1948
 - Thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp
 - Đọc hiểu chú thích Phương thức biểu đạt: Nghị luận Vấn đề nghị luận: Vai trò của văn nghệ đối với đời sống con người
 - Bố cục gồm 2 phần.
 - Phần 1: Từ đầu đến tâm hồn: Nội dung phản ánh của văn nghệ
 - Phần 2: Còn lại: Vai trò và sức mạnh của văn nghệ
 - Nhan đề vừa mang tính khái quát vừa gợi sự gần gũi bao hàm cả nội dung, cách thức, giọng điệu của văn nghệ.

B. Đọc hiểu chi tiết văn bản

1. Nội dung phản ánh của văn nghệ

- “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại” thể hiện nội dung phản ánh hiện thực của tác phẩm. Bất kỳ tác phẩm nào cũng phản ánh hiện thực khách quan của cuộc sống: con người, cảnh vật, con vật, thiên nhiên và đời sống xã hội.
- “Những nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều mới mẻ”. Mỗi tác phẩm nghệ thuật không sao chép một cách máy móc hiện thực cuộc sống mà thông qua đó người nghệ sĩ bày tỏ tư tưởng, tình cảm, cách nhìn, đánh giá mang tính cá nhân thể hiện những suy nghĩ chủ quan về đời sống chung quanh.
- Thông qua tác phẩm nghệ thuật, người nghệ sĩ “gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình gộp vào đời sống chung quanh” đó là những thông điệp, quan điểm, tư tưởng của mình đến người đọc.
- Tác giả đưa ra hai dẫn chứng, đó là hai câu thơ viết về cảnh ngày xuân trong 468
Truyện Kiều, và cuộc đời của nhân vật Thuý Kiều và nàng Anna Caênhia. Tác giả cho chúng ta nhận biết được văn nghệ giúp ta nhận thức được vẻ đẹp của mùa xuân, của cuộc đời đầy những nỗi đau khổ của Kiều và Anna đồng thời thể hiện thái độ của tác giả. Hai dẫn chứng ấy góp phần giúp ta biết rung động trước cái đẹp, tái sinh trong lòng ta những cảm xúc mới mẻ, tươi trẻ và khơi gợi trong ta những cảm thông, thương cảm, sẻ chia trước cuộc đời 15 năm lưu lạc của Kiều, cái chết của nàng Anna Carenhia.
- Gấp trang sách lại, tác phẩm còn để lại trong lòng người đọc những bông khuâng, nghĩ suy trong lòng, vương vấn một nỗi buồn..
 - ⇒ Như vậy, tác phẩm nghệ thuật sống mãi trong lòng người đọc là nhờ tác giả đã gửi gắm những tư tưởng, tình cảm của cá nhân vào trong tác phẩm. Từ đó, khơi gợi trong độc giả những vui buồn, những rung cảm để giúp ta biết yêu cái đẹp, biết cảm thông với những khổ đau.
- Tác giả đưa ra kết luận “lời gửi của nghệ thuật không những là một bài học luân lý hay triết lý về đời người” mà mang đến “tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét... phấn khích”, đồng thời “rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi, ánh sáng ấy bây giờ biến thành của ta, và chiếu toả lên mọi việc chúng ta sống, mọi con người ta gặp, làm cho thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”. Như vậy, tác phẩm nghệ thuật gợi đến trong người đọc những tình cảm, cảm xúc khác nhau.

2. Vai trò/ ý nghĩa của văn nghệ trong cuộc sống

- Văn nghệ luôn nuôi dưỡng làm cho đời sống tâm hồn con người phong phú giúp con người lạc quan hơn, biết rung cảm và ước mơ.
- Tác giả đưa ra dẫn chứng cụ thể để làm sáng rõ vai trò của văn nghệ trong đời sống.
 - Những con người bị ngăn cách với cuộc sống bên ngoài, chính tiếng nói văn nghệ đã nối họ với cuộc sống bên ngoài “bị tù chung thân... được mắt”
 - Những người sống lam lũ, vất vả, chính tiếng nói văn nghệ khiến cho họ quên đi nỗi cơ cực hàng ngày “những người đàn bà nhà quê... buổi chèo”
- Văn nghệ là tiếng nói của tình cảm chứa đựng niềm yêu ghét, niềm vui nỗi buồn của người nghệ sĩ trước hiện thực khách quan và tiếng nói tình cảm của tác giả tác động đến tâm hồn và tình cảm của người đọc giúp người đọc cũng có được tư tưởng và tình cảm ấy.

3. Sức mạnh kì diệu của văn nghệ

- Nghệ thuật chứa đựng tư tưởng không khô khan, không trừu tượng, cũng không công thức mà thấm dần vào lòng người những cảm xúc, nỗi niềm để từ đó khiến cho chúng ta phải suy nghĩ. Một câu thơ hay, một trang truyện ngoài việc giúp ta nhận thức, khơi gợi trong ta những rung động, những cảm xúc còn khiến cho ta phải bộc lộ những suy nghĩ, rút ra những thông điệp, những tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm, nhắn nhủ.
 - “Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng”. Tác phẩm thể hiện tư tưởng, tình cảm của người nghệ sĩ, người sáng tác đồng thời tác phẩm như là một chiếc cầu nối để truyền những tư tưởng, tình cảm ấy của người nghệ sĩ đến với bạn đọc làm cho tâm hồn của bạn đọc trở nên phong phú hơn để từ đó người đọc có ý thức trân trọng những vẻ đẹp và giá trị trong cuộc sống.
 - “Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi... đường ấy”. Nghệ thuật làm cho đời sống tâm hồn của chúng ta trở nên phong phú hơn, chúng ta biết yêu ghét hờn giận và mở rộng khả năng tâm hồn của con người, mài sắc các giác quan,
 - khiến “mắt ta nhìn, óc ta nghĩ làm thay cách nghĩ, cách nhìn của ta về cuộc sống.
 - Nghệ thuật giải phóng con người khỏi biên giới của chính mình giúp con người sống tốt hơn, hoàn thành những phẩm chất tốt, loại bỏ những nét tính cách xấu.
- ⇒ Tóm lại, Nguyễn Đình Thi khẳng định văn nghệ có sức mạnh vô cùng kì diệu:

nó có sức mạnh cảm hoá to lớn, dễ đi vào lòng người.

C. Tổng kết (sgk)

D. Luyện tập: *Viết đoạn văn giải thích nội dung các câu văn sau:*

1. “Tác phẩm nghệ thuật nào xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình gộp vào đời sống chung quanh”
2. “Bắt rễ ở cuộc đời hằng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người”
3. Theo em, khi khẳng định: “Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy”, Nguyễn Đình Thi muốn nói về điều gì? Em hãy viết về một tác phẩm trong chương trình Ngữ văn THCS đã tác động khiến em “tự phải bước lên” như thế.

CHUYÊN ĐỀ 6: MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO

Những điều cần ghi nhớ lại trong quá trình làm văn:

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ TIẾNG VIỆT

1. Bảng tóm tắt kiến thức cơ bản về từ vựng

Đơn vị bài học	Khái niệm	Ví dụ
Từ đơn	Là từ chỉ gồm một tiếng	Sông, núi, học, ăn
Từ phức	Là từ gồm hai hay nhiều tiếng	Quần áo, sông núi
Từ ghép	Là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa	Quần áo, mỗi một
Từ láy	Là những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng	mù mờ, lao xao
Thành ngữ	Là loại từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh (tương đương như một từ)	Trắng như trứng gà bóc, đen như củ sừng
Nghĩa của từ	Là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ...) mà từ biểu thị	
Từ nhiều nghĩa	Là từ mang những sắc thái ý nghĩa khác nhau do hiện tượng chuyển nghĩa	"lá phổi" của thành phố
Hiện tượng chuyển nghĩa của từ	Là hiện tượng đổi nghĩa của từ tạo ra những từ nhiều nghĩa (nghĩa gốc --> nghĩa chuyển, nghĩa đen, nghĩa bóng)	
Từ đồng âm	Là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì tới nhau	Ruồi đậu mâm xôi mâm xôi đậu.
Từ đồng nghĩa	Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau	Quả - trái, mất – chết

Từ trái nghĩa	Là những từ có nghĩa trái ngược nhau	xấu - tốt, cao - thấp
Từ Hán Việt	Là những từ gốc Hán được phát âm theo cách của người Việt	Phi cơ, hoả xa
Từ tượng hình	Là từ gợi tả hình dáng, dáng vẻ, trạng thái của sự vật	lom khom, lả lướt
Từ tượng thanh	Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người	róc rách, ầm ầm
So sánh	Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt	Im như thóc
Ẩn dụ	Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.	Uống nước nhớ nguồn
Hoán dụ	Là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác giữa chúng có nét tương cận nhằm tăng sức gợi cảm, gợi hình cho sự diễn đạt	Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính
Nhân hoá	Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.	Chú mèo, chim ri là dì sáo sậu
Nói quá	Là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm	Nở từng khúc ruột

Nói giảm nói tránh	Là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự	Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Liệt kê	Là sắp xếp, nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế, tư tưởng, tình cảm	Chiều chiều lại nhớ chiều chiều – Nhớ người thực nữ khăn điều vắt vai
Điệp ngữ	Là biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.	Vì lòng yêu Tổ Quốc – Vì xóm làng thân thuộc
Chơi chữ	Là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.	Con hươu đi chợ Đồng Nai - Đi qua ghé lại nhai thịt bò

2. Bảng tóm tắt kiến thức cơ bản về ngữ pháp

Đơn vị bài học	Khái niệm	Ví dụ
Danh từ	Là những từ chỉ người, vật, khái niệm...	Bác sĩ, học trò, gà con
Động từ	Là những từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật	Học tập, nghiên cứu...
Tính từ	Là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hành động, trạng thái	Xấu, đẹp, vui, buồn
Số từ	Là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật	Một, hai, thứ nhất, thứ nhì...
Đại từ	Là những từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi	Tôi, kia, thế, đó, ai, gì, nào, ấy...

Quan hệ từ	Là những từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả... giữa các bộ phận của câu hay giữa các câu với câu trong đoạn văn	Của, như, vì.. nên
Trợ từ	Là những từ chuyên đi kèm với một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó	Cô cho những ba bài tập
Tình thái từ	Là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói	A! Ôi!
Thán từ	Là những từ ngữ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp	Than ôi ! Trời ơi !
Phương châm hội thoại	Phương châm về lượng: khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.	Gà là loại gia cầm nuôi ở nhà rất phổ biến ở nước ta
	Phương châm về chất, khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.	Con vịt muối để ra trứng vịt muối
	Phương châm quan hệ: khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.	Ăn không nói có
	Phương châm cách thức: khi giao tiếp, cần chú ý nói mạch lạc, ngắn gọn, tránh cách nói mơ hồ.	Cái ấy sáng rồi,cái đấy ấy!
	Phương châm lịch sự: khi giao tiếp cần tế nhị và thể hiện sự tôn trọng người khác	Tớ <u>đéo</u> thích cậu

Thành phần chính của câu	Là những thành phần bắt buộc phải có mặt để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được ý trọn vẹn (CN – VN)	Mưa rơi . Gió thổi.
Thành phần phụ của câu	Là những thành phần không bắt buộc có mặt trong câu (Khởi ngữ, thành phần biệt lập, trạng ngữ...)	
Thành phần biệt lập	Là thành phần không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu (tình thái, cảm thán, gọi đáp, phụ chú)	
	Thành phần tình thái: được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói tới trong câu	Thường có những từ: hình như,có lẽ,có thể,có khả năng,chắc là, có vẻ như....
	Thành phần cảm thán: được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói(vui,buồn,mừng,giận...)	Chao ôi, trời ơi....
	Thành phần gọi đáp: được dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp	Này, vâng,ơi...
	Thành phần phụ chú: dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu (thường đặt giữa hai dấu gạch ngang với một dấu phẩy,đôi khi đứng sau dấu hai chấm)	Minh – Lớp trưởng lớp 9B, đạt giải nhất môn Sinh
Khởi ngữ	Là thành phần câu đứng trước CN để nêu lên đề tài được nói đến trong câu	Ông giáo ấy, rượu không uống
Câu đặc biệt	Là loại câu không cấu thành theo mô hình C-V	Mưa. Gió. Lửa
Câu rút gọn	Là câu mà khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành phần của câu nhằm thông tin nhanh, tránh lặp lại từ ngữ	- ăn cơm chưa ? - rồi

Câu ghép	Là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu. + Nói bằng một quan hệ từ + Nói bằng một cặp quan hệ từ + Nói bằng phó từ, đại từ + Không dùng từ nối, dùng dấu phẩy, hai chấm...	Nếu các em chăm chỉ học, các em sẽ đạt kết quả cao
Mở rộng câu	Là khi nói hoặc viết có thể dùng cụm C – V làm thành phần câu □ CN là một cụm C - V; Trạng ngữ là một cụm C – V...	Quyển sách hay □ Quyển sách mẹ mua rất hay
Chuyển đổi câu	Là chuyển đổi câu chủ động làm thành câu bị động (và ngược lại) ở mỗi đoạn văn đều nhằm liên kết các câu trong đoạn thành một mạch văn thống nhất.	Mèo đuổi chuột □ Chuột bị mèo đuổi
Câu cảm thán	Là câu có những từ ngữ cảm thán dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói (người viết); xuất hiện trong ngôn ngữ giao tiếp và ngôn ngữ văn chương.	Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu
Câu nghi vấn	Là câu có những từ nghi vấn, những từ nối các vế có quan hệ lựa chọn. Chức năng chính là để hỏi, ngoài ra còn dùng để khẳng định, bác bỏ, đe dọa...	Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?
Câu cầu khiến	Là câu có những từ cầu khiến hay ngữ điệu cầu khiến; dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo...	Xin đừng hút thuốc !
Câu phủ định	Là câu có những từ phủ định dùng để thông báo, phản bác...	Con chưa làm bài tập.

Liên kết câu và liên kết đoạn văn	- Các câu (đoạn văn) trong một văn bản phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung: tập trung làm rõ chủ đề, sắp xếp theo trình tự hợp lí. - Sử dụng các phương tiện liên kết (từ ngữ, câu) khi chuyển từ câu này (đoạn văn này) sang câu khác (đoạn văn khác) để nội dung, ý nghĩa của chúng liên kết chặt chẽ.	Kế đó... Mặt khác... Ngoài ra... Nhưng.. Và....
Nghĩa tường minh và hàm ý	- Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu. - Hàm ý là phần thông báo tuy không diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.	Trời ơi ! Chỉ còn có năm phút.
Cách dẫn trực tiếp	Là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của một người hoặc nhân vật, đặt trong dấu ngoặc kép, sau dấu hai chấm...	Nó bảo: “Con không về”
Cách dẫn gián tiếp	Là nhắc lại lời nói hay ý nghĩ của một người hoặc nhân vật, có điều chỉnh hợp lí, thường đặt sau từ “rằng”, “là”...	Mơ ước của Bác là cho nhân dân no ấm, được học hành.
Hành động nói	Là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định (hỏi, trình bày, điều khiển, báo tin, bộc lộ cảm xúc...)	

Bảng nhận diện các phép liên kết hình thức:

STT	Phép liên kết	Đặc điểm
1	Phép lặp	Lặp lại các yếu tố từ ngữ để tạo liên kết
2	Phép nối	Dùng các quan hệ từ để tạo liên kết
3	Phép thế	Sử dụng các đại từ thay thế cho từ, cụm từ ở câu trước đó để tạo liên kết

4	Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng	Dùng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa, các từ cùng trường nghĩa để tạo liên kết
---	---	--

Bảng phương thức biểu đạt

Số TT	Phương thức biểu đạt	Mục đích
1	Tự sự	Trình bày diễn biến sự việc
2	Miêu tả	Tái hiện trạng thái sự vật, con người
3	Thuyết minh	Giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp
4	Biểu cảm	Bày tỏ tình cảm, cảm xúc
5	Nghị luận	Nêu ý kiến đánh giá, bình luận
6	Hành chính - công vụ	Trình bày yêu cầu, thông báo, đề nghị,... thể hiện quyền hạn, trách nhiệm của người viết

Đến đây phần tổng ôn kiến thức Tiếng Việt trọng tâm đã hết bây giờ là phần mẹo và lưu ý quan trọng các em cần chú ý nhé !

Ba bước đọc “thông minh”

- **Đọc lướt- nắm bắt thông tin quan trọng (bước 1)**
- **Đọc kỹ- hiểu nội dung (bước 2)**
- **Đọc câu hỏi kết hợp tìm ý trả lời (Bước 3)**

3. Công thức trả lời các câu hỏi đọc hiểu

3.1 Dạng câu hỏi xác định nội dung chính của văn bản

Công thức: Bước 1: Tóm tắt ngắn gọn nội dung của văn bản (Bằng 1-2 câu văn) Bước 2: Nêu bài học/ ý nghĩa văn bản (ngắn gọn)
Mẫu câu: Câu chuyện kể về....Qua câu chuyện, tác giả gửi gắm thông điệp về.....Đồng thời, tác giả cũng khẳng định....

3.2. Dạng câu hỏi anh chị hiểu câu nói “...” như thế nào?

Công thức:

Bước 1: Khẳng định câu nói “...” ẩn chứa nhiều ý nghĩa sâu xa

Bước 2: Giải thích câu nói (giải thích từ khóa/ cụm từ/ cả câu)

Bước 3: Nêu bài học/ ý nghĩa câu nói.

Mẫu câu: Câu nói “.....” ẩn chứa/ để lại cho chúng ta nhiều suy nghĩ/ ý nghĩa sâu xa. Trong câu nói “...” có nghĩa là....Câu nói đã gửi gắm thông điệp/ bài học về....

3.3 Dạng câu hỏi tại sao tác giả lại cho rằng “...”?**Công thức:**

Bước 1: Dẫn dắt: “Sở dĩ tác giả cho rằng “...” là vì...

Bước 2: Nêu các lý do, dẫn dắt bằng các cụm từ “Thứ nhất”, “Thứ 2”...

Bước 3: Nêu bài học/ ý nghĩa câu nói

Mẫu câu: Sở dĩ tác giả cho rằng “...” là vì...Thứ nhất,...Thứ hai....Vậy nên,....

3.4 Dạng câu hỏi xác định và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ?**Công thức:**

Bước 1: Khẳng định “Tác giả....đã sử dụng hiệu quả và thành công biện pháp

nghệ thuật....

Bước 2: Chỉ ra cụ thể tác giả đã sử dụng biện pháp đó như thế nào? Ví dụ: Nhân hóa thì nhân hóa ở đâu? Ẩn dụ thì ẩn dụ cái gì?

Bước 3: Nêu tác dụng của biện pháp với câu thơ, câu văn nói riêng, đoạn trích văn bản nói chung

Mẫu câu: Trong câu thơ/ câu văn “...” tác giả đã sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật...Tác giả đã....(chỉ cụ thể). Việc sử dụng biện pháp nghệ

thuật...đã giúp tác giả.....Việc sử dụng biện pháp....quả là một thành công của tác giả.

3.5 Dạng câu hỏi nêu bài học rút ra?

Công thức

Bước 1: Khẳng định “Văn bản/ câu chuyện ẩn chứa rất nhiều thông điệp/ bài học ý nghĩa. Bài học/ thông điệp mà tôi thích nhất/ tâm đắc nhất là...”

Bước 2: Nêu lý do chọn: “Sở dĩ, tôi chọn/ thích thông điệp/ bài học này là vì...”

Mẫu câu: Văn bản/ câu chuyện ẩn chứa rất nhiều thông điệp/ bài học ý nghĩa. Bài học/ thông điệp mà tôi thích nhất/ tâm đắc nhất là....Sở dĩ, tôi chọn/ thích thông điệp/ bài học này là vì...

3.6 Dạng câu hỏi xác định phong cách ngôn ngữ/ phương thức biểu đạt/ thao tác lập luận/ thể thơ/...

Trả lời ngắn gọn đáp án, không cần nêu lý do.(**mẹo:**đếm chữ của 1-2 câu thơ là ra.Ví dụ: Một mùa xuân nho nhỏ/lặng lẽ dâng cho đời: đều có 5 chữ trên 1 câu→thể thơ 5 chữ)

❖ **Mẹo phần đọc hiểu** (*tham khảo thêm*)

Mẹo ghi nhớ hoàn cảnh sáng tác	Lưu ý: khi làm đọc hiểu
Bài “Làng” tác giả Kim Lân Viết năm 48 (1948) gian truân bão bùng “Đồng chí”, những vị anh hùng Chính Hữu 48(1948) sống cùng chúng ta “Đoàn thuyền đánh cá” khơi xa	• Trình bày trang đầu sạch đẹp • Trả lời câu hỏi có chủ vị rõ ràng • Không dài dòng văn tự • Căn chỉnh thời gian hợp lý (khoảng 15 -25 phút là căng nhất) • Chú ý phân biệt giữa văn bản và tác phẩm

58 (1958) - Huy Cận,ngợi ca sức người 63 (1963) “Bếp lửa” sáng ngời Bà của Bằng Việt sáng người trong tim 66 (1966) Quang Sáng đi tìm Lược ngà báu vật , trái tim cha hiền Xe không có kính triền miên 69 (1969) Tiến Duật tới miền lửa bom Sapa lạnh lẽ mọi hôm Thành Long nghệ sĩ chằm còm 70 (1970) Những ngôi sao sáng giữa trời Một chín bảy một(1971) tuyệt vời Minh Khuê Viễn Phương 76 (1976) đi về Thăm nơi Bác ở(mất) bọn về nhớ thương 77 (1977) Hữu Thỉnh vấn vương “Sang thu” cảnh sắc muôn phương xoay vần “Ánh trăng” soi tỏ nhân trần Nguyễn Duy 78 (1978) muôn phần nghĩ suy 80 (1980) Thanh Hải sống vì Cuộc đời một đóa tường vi dâng đời Y Phương cảm xúc đầy vơi “ Nói với con đó” những lời thiết tha	• Chú ý phân biệt <u>biện pháp tu từ</u> khác biện pháp nghệ thuật • Chú ý trong phần đọc hiểu,nếu nêu nội dung chính của đoạn văn chỉ cần nêu dưới 4 dòng là được,tránh lạc văn và tốn thời gian • Chú ý trong phần đọc hiểu yêu cầu cảm nhận đoạn đoạn văn hay 1 đoạn thơ vẫn cần chỉ ra nghệ thuật mới có thể đạt điểm cao • Chú ý từ câu hỏi đọc hiểu số 3 trở đi không được viết đầu dòng • Mẹo trả lời phương thức biểu đạt - Thơ ⇒ biểu cảm - Truyện ⇒ tự sự - Nhiều thông tin số liệu ⇒ thuyết minh - Tác phẩm của tác giả lớn ⇒ Nghị luận (ví dụ: Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng) • Mẹo trả lời thể thơ - Đếm chữ trong 1 câu,có bao nhiêu chữ thì thể thơ ứng với số chữ trong 1 câu ấy - Trên 6 chữ dưới 8 là thể thơ 68(lục bát). - Nếu trong bài thơ có câu 4 chữ,có câu 2 chữ, có câu 1 chữ...viết lung tung thì là thể thơ tự do. - Mẹo: bao giờ ngôi kể thứ nhất cũng làm cho sự vật,sự việc chân thực hơn. Ngôi
---	---

Con là nguồn sáng của cha 80 (1980) năm ấy, dễ mà đừng quên	thứ 3 sự vật sự việc được chân thực, tự nhiên, khách quan hơn
--	---

Đề số 1

482

I. Tiếng việt (2 điểm)

1. Câu 1: Em hãy phân tích giá trị biện pháp tu từ trong những câu thơ trên.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

(Viếng lăng Bác – Viễn Phương)

2. Câu 2: Tìm và gọi tên thành phần biệt lập trong các câu sau:

a. *Sương chùng chình qua ngõ*

Hình như thu đã về

(Sang thu - Hữu Thỉnh)

b. Trời ơi, chỉ còn có năm phút! (Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long)

c. Bác ơi, cho cháu hỏi chợ Đông Ba ở đâu? (Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long)

d. *Ôi kì lạ và thiêng liêng - Bếp lửa* (Bếp lửa - Bằng Việt)

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

“Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi tất cả vật cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.”

(Trích *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*... - Phạm Lữ Ân)

Câu 1. Gọi tên phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Xác định câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn.

Câu 3. Thông điệp tác giả muốn gửi gắm qua đoạn văn là gì?

III. Làm văn (5,5 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn

(khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về giá trị bản thân trong cuộc sống.

Câu 2: (4,0 điểm) Bàn về thơ, Nguyễn Đình Thi cho rằng: “Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm tới cuộc sống”. Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên. Qua bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh, hãy làm sáng tỏ điều đó.

483

Đề số 2

I. Tiếng Việt (2 điểm)

Câu 1: Hãy chỉ ra câu sử dụng hàm ý và cho biết nội dung của hàm ý đó.

Thầy giáo đang giảng bài thì một học sinh bước vào

Học sinh: Thưa thầy, em xin vào lớp ạ!

Thầy giáo: Bây giờ là mấy giờ rồi?

Học sinh: Em xin lỗi thầy, xe của em bị hỏng

Câu 2: Viết một câu có sử dụng hàm ý và nêu rõ hàm ý đó.

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

... Người ta thường ngủ nhiều hơn mức cần thiết. Đúng, tôi biết rằng giấc ngủ rất cần thiết để giúp ta tiếp tục phát huy, đổi mới và khỏe mạnh. Tôi chỉ sợ ta ngủ quá nhiều. Đó chính là điều đã giới hạn một cuộc sống đầy tiềm năng, điều đã khiến một người vĩ đại cứ mãi tầm thường. Điều đã hút mọi nguồn sống ra khỏi một con người từng được tạo ra để vượt trội và bạn biết đó là ai). Chuyện ngủ quá nhiều xảy ra cho rất nhiều người trong chúng ta, bởi vì ta quá yêu chán mền gối.

Có rất nhiều việc quan trọng phải làm, rất nhiều vùng đất vĩ đại cần khám phá, rất nhiều mục tiêu huy hoàng cần đạt tới cho mọi người đến nỗi ko thể ngủ nhiều được. Cuộc đời là để sống. Tôi xin nhắc lại: cuộc đời là để sống. Hôm nay cả bạn và tôi đều được trao tặng món quà: một cơ hội tạo sự khác biệt và phát huy tài năng, cùng một niềm vui tuyệt vời trong quá trình đó. Vậy hãy ngủ ít hơn để sống nhiều hơn. Benjamin Franklin từng nhận xét rằng: "Sau khi chết rồi, bạn sẽ có dư thời gian để ngủ".

(Trích "Đời ngắn đừng ngủ dài" - Robin Sharma- NXB Trẻ 2014 - trang 168)

Câu 1: Chỉ ra các lý do khiến người viết sợ khi ngủ quá nhiều?

Câu 2: Em hiểu như thế nào về câu văn sau: *Chuyện ngủ quá nhiều xảy ra cho rất nhiều người trong chúng ta, bởi vì ta quá yêu chán mền gối.*

Câu 3: Theo em, mục đích của người viết trong văn bản là gì?

Câu 4: Em hãy đề xuất một biện pháp hữu hiệu để khắc phục việc ngủ quá nhiều của bản thân. Lý giải ngắn gọn vì sao em lại chọn biện pháp đó?

IV. Làm văn (5,5 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 tờ giấy thi trả lời câu hỏi: con người đánh mất những món quà gì khi ngủ quá mức cần thiết?

Câu 2. (4,0 điểm) Phân tích tâm lí nhân vật Phương Định trong một lần đi phá bom qua đoạn trích “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê

Đề số 3

I. Tiếng việt (2,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Gia đình là ngôi thánh đường đầu tiên cho tuổi thơ những điều hay lẽ phải, niềm tin và lí tưởng sống. Đó là nơi chúng ta tìm về để được an ủi, nâng đỡ. Đó là những món ăn đơn sơ cũng là mỹ vị. Đó là nơi tiền bạc không quý bằng tình yêu. Đó là nơi ngay cả nước sôi cũng reo lên niềm hạnh phúc.

a. Câu: “Đó là nơi ngay cả nước sôi cũng reo lên niềm hạnh phúc” sử dụng biện pháp tu từ gì?

b. Chỉ ra các phép liên kết trong đoạn văn.

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

“Có phải chúng ta đang ngày càng ít nói với nhau hơn. Chúng ta gặp nhau qua YM, tin nhắn, chúng ta đọc blog hay những câu status trên Facebook của nhau mỗi ngày, chúng ta dường như đã hiểu hết, hiểu hết về nhau mà không cần thốt lên lời. Có phải vậy chăng? Có phải chúng ta cũng như loài cá heo có thể giao tiếp với nhau bằng sóng siêu âm. Tiếng nói của con người dùng để làm gì nếu không phải để thổ lộ, để giải bày, để xoa dịu. Nếu muốn được hiểu thì phải được lắng nghe. Nếu muốn được lắng nghe thì phải nói trước đã. Vậy thì còn ngần ngại chi nữa, hãy nói với nhau đi. Nói với ba, với mẹ, với anh chị, với em, với bạn bè... Đừng chat, đừng email, đừng post lên Facebook của nhau, hãy chạy đến gặp nhau, hay ít nhất hãy nhấc điện thoại lên, thậm chí chỉ để gọi nhau một tiếng “...oi!” dịu dàng!”.

(Phạm Lữ Ân, Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội Nhà văn, tr.48-49)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên.

Câu 2: Tìm câu hỏi tu từ trong ngữ liệu trên. Dụng ý của tác giả khi sử dụng câu hỏi đó?

Câu 3: Chỉ ra 02 phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu.

Câu 4: Theo em, qua ngữ liệu trên, nhà văn muốn nhắn gửi đến chúng ta điều gì?

III. Làm văn (5,5 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Từ ý văn trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 – 20 câu) bàn về sự cần thiết của sự đồng cảm và chia sẻ giữa người với người trong cuộc sống,

Câu 2. (4,0 điểm) “Truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lân đã diễn tả một cách chân thực và cảm động tình yêu làng xóm, quê hương, đất nước của người nông dân Việt Nam”. Em hãy phân tích nhân vật ông Hai để làm sáng tỏ nhận định trên.

Đề số 4

I. Tiếng việt (1,5 điểm)

Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong ngữ liệu sau

Bây giờ em đã có chồng,

Như chim vào lồng, như cá cắn câu.

Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,

Chim vào lồng biết thuở nào ra.

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

Khoảng cách thế hệ trong nhiều gia đình, giữa học trò tuổi teen và bố mẹ, thậm chí bố mẹ cũng còn rất trẻ, giờ có thêm một tác nhân từ thế giới mạng, hay đúng hơn là sự cám dỗ của việc kết nối. Nhiều ông bố bà mẹ không tài nào ngủ được khi thấy đèn của chiếc modem nhấp nháy liên hồi. Có ông bố cứ 23 giờ là tắt nguồn modem. Lập tức nghe thấy một tiếng “á” kinh dị từ tầng trên, và đôi khi cả tiếng làu bàu hồn nhiên không giấu giếm của mấy anh chàng sinh viên thuê nhà bên cạnh, đêm đêm vẫn “hứng” sóng wifi “chùa”. Nhưng tắt modem rồi vẫn không ngắt được kết nối, khi sóng 3G trên điện thoại vẫn chạy và vù.

Sống là kết nối. Nhưng sống cũng cần có những khoảng lặng ngắt kết nối, Đọc tin và tương tác với mạng xã hội trên Ipad, nhưng đọc sách thì phải trên một thiết bị cầm tay ngắt kết nối kiểu Kindle Fire. Luyện được cách ngắt kết nối trong thời đại số quả là

khó khăn, nhưng làm được thì bạn mới có thể sống mà không bị cuốn đi theo vòng xoáy thông tin hỗn độn.

Con người khao khát sự kết nối. Rồi một ngày, con người sẽ lại khao khát khoảng lặng ngắt kết nối. Đó không phải là vòng luẩn quẩn nếu nhìn vào những thử thách mà con người cần phải trải qua để trở nên “Người” hơn. Bạn có nhận thấy, thực ra đó đâu phải chỉ là luyện tập để đọc, hay viết lách. Đó còn là cách “tu luyện” để giữ tâm hồn mình trong lặng trong bất kì hoàn cảnh nhiễu nhương xao động nào, ở bất cứ nơi đâu. (Trích Kết nối và ngắt kết nối, Hà Nhân theo Sống như cây rừng, NXB Văn học, 2016)

Câu 1: Thao tác lập luận chủ yếu nào được sử dụng trong văn bản?

Câu 2: Theo tác giả bài viết, do đâu lại có khoảng cách giữa các thế hệ trong nhiều gia đình, giữa học trò tuổi teen và bố mẹ?

Câu 3: Phản ứng của các nhân vật trong văn bản khi ông bố tắt nguồn modem nói lên điều gì?

Câu 4: Anh/chị hãy đề xuất 02 giải pháp để “ngắt kết nối” hiệu quả trong thời đại số.

III. Làm văn (6,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Từ văn bản trên, hãy viết một đoạn văn trình bày những suy nghĩ của em về quan điểm “sống là kết nối”.

Câu 2. (4,5 điểm) Cảm xúc trữ tình trong 8 câu đầu bài thơ “Bếp lửa” – Bằng Việt

Đề số 5

I. Tiếng việt (2,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)

Làn thu thủy nét xuân sơn (Nguyễn Du)

1. Xác định từ Hán Việt được sử dụng trong câu thơ trên

2. Nêu tác dụng của việc sử dụng từ Hán Việt đó

Câu 2. (1,0 điểm)

- **Muối** là một hợp chất tan trong nước

- Tay nâng chén **muối** đĩa gừng

Gừng cay **muối** mặn xin đừng quên nhau

1. Chỉ ra từ muối được dùng làm thuật ngữ

2. Nêu ý nghĩa biểu cảm của muối không phải là thuật ngữ

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

Trung thực rất tinh tế và khó phân biệt qua lời nói hay hành động. Đôi khi đức tính trung thực bị xem là đã “lỗi thời”, chỉ còn trên sách vở, không thực tế hoặc chẳng hay họ gì để ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên, trung thực là yếu tố cần ⁴⁸⁷ để có sự bình an trong tâm trí, là nền tảng cho sự tự do nội tâm và mối quan hệ lành mạnh. Trước đây, tôi từng cho rằng bình an là giá trị quan trọng nhất, nhưng giờ tôi thấy trung thực mới chính là nền tảng của tất cả giá trị khác.

Gần đây tôi có gặp một phụ nữ trẻ, xinh đẹp, có ba người con rất đáng yêu. Giải giang, thông minh và giàu có nhưng chị tâm sự chị không hài lòng chút nào về bản thân. Chị luôn so sánh mình với hai người chị dâu, là những nữ doanh nhân cực kì sắc sảo và thành đạt. Chị đánh giá mình chỉ là một người phụ nữ vô tích sự, chẳng làm được trò trống gì, đã thế lại còn thất nghiệp. Thực ra, chị đã không trung thực với chính mình khi chỉ nhìn vào những điểm mạnh của những người chị dâu, và đánh giá họ hoàn toàn dựa trên những cái mình không có. Trung thực trong lòng giúp ta đánh giá lại mình một cách chính xác và thực tế: biết và đánh giá cao ưu điểm của mình bên cạnh việc nhận ra nhược điểm của bản thân.

(Trích Lăng kính tâm hồn- Trish Summerfield, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. Trong văn bản, tác giả đã chỉ ra sai lầm nào của người phụ nữ khi nhận thức về bản thân?

Câu 3. Em có đồng tình với quan niệm: Thiếu sự trung thực với chính mình sẽ đồng nghĩa với việc nhận thức sai về bản thân không? Vì sao?

III. Làm văn (5,5 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Từ ý nghĩa của đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn (15 - 20 câu) trình suy nghĩ về giá trị của lòng trung thực trong mối quan hệ với chính mình và với người khác.

Câu 2. (4,5 điểm) Có ý kiến cho rằng: “Tám câu cuối đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích đã kết tinh tâm lòng và tài năng của người sáng tạo. Em có cho là như vậy hay không?

Đề số 6

I. Tiếng việt (2,0 điểm)

Phân tích tác dụng của việc sử dụng thành ngữ trong các câu sau:

*Vợ chàng quý quái tinh ma
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau
Kiến bò miệng chén chưa lâu
Mưa sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa*

488

(Thuý Kiều báo ân, báo oán – Nguyễn Du)

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

Giữa lúc dịch Covid-19 căng thẳng ở Pháp, một dòng tin nhắn xuất hiện trong nhóm người Việt tại Pháp: "Mến chào các anh chị và các bạn. Nếu nhóm mình có ai nấu cơm cho các y bác sĩ thì cho em góp chút sức...".

Nước Pháp đang thực hiện lệnh phong tỏa, số người nhiễm Covid-19 và tử vong tăng cao mỗi ngày. Người dân hoang mang, thận trọng. Khắp nơi, không khí chùng xuống nặng nề. Các y bác sĩ ở bệnh viện vắt hết sức chạy đua với khối công việc khổng lồ vì... quá tải.

Và dòng tin nhắn khiêm tốn ấy, nguyện vọng nhỏ bé ấy đã đánh thức lòng nhân ái vốn có của người Việt Nam.

Họ là những người Việt đang sinh sống tại Pháp. Họ chưa từng gặp nhau ngoài đời hoặc là bạn bè của nhau trước đó. Họ đơn giản chỉ muốn góp chút công sức của mình, cổ vũ, động viên các bác sĩ, y tá ở tuyến đầu chống dịch Covid-19. Sau dòng tin nhắn hôm đó, một người, hai người, rồi nhiều người hưởng ứng. "Trái tim Việt" gồm một nhóm người Việt đi đến các bệnh viện ở Paris và vùng ngoại ô trao những phần quà đến các bác sĩ, y tá Pháp. Họ gặp gỡ, trao đổi, phân bổ công việc cho nhau qua mạng internet.

Thắc mắc của vị bác sĩ Pháp: “sao người Việt Nam nào cũng dễ thương và tử tế?”. Câu trả lời đơn giản nhất: “Bởi chúng tôi là người Việt Nam”.

(Trích Giữa dịch Covid, bác sĩ Pháp đặt câu hỏi: Sao người Việt Nam luôn tử tế - Báo Thanh niên)

Câu 1. Nêu phong cách ngôn ngữ của văn trên.

Câu 2. Theo tác giả, trái tim Việt là những ai?

Câu 3. Em hiểu như thế nào về câu trả lời “Bởi chúng tôi là người Việt Nam” trước thắc mắc của vị bác sĩ người Pháp?

Câu 4. Điều gì khiến em tâm đắc nhất qua văn bản trên? Vì sao?

III. Làm văn (5,5 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Từ ý nghĩa của đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn (15 – 20 câu) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng nhân ái.

Câu 2. (4,0 điểm) Cảm nhận tình yêu thương cha của nhân vật bé Thu trong “Chiếc lược ngà” – Nguyễn Quang Sáng.

489

Đề số 7

I. Tiếng việt (2,0 điểm)

*Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

(Cảnh ngày xuân – Nguyễn Du)

1. Liệt kê những từ láy trong đoạn thơ trên
2. Cho biết hiệu quả nghệ thuật của các từ láy trong việc miêu tả cảnh thiên nhiên.

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

Xã hội chúng ta được xây dựng trên một khái niệm rất hạn hẹp về quyền lực, đó là giàu có, sung túc, thành công nghề nghiệp, danh tiếng, sức khỏe, sức mạnh quân sự và quyền năng chính trị. Tôi xin đề nghị với bạn một thứ quyền lực vượt bậc: quyền lực giúp ta thoát khỏi sự ám ảnh của mê đắm, sợ hãi, tuyệt vọng, sự trăn trở của kì thị, sân hận, ngu dốt; quyền lực giúp ta đạt được hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại. Đây là một thứ quyền lực mà bất cứ ai sinh ra cũng đều có quyền hưởng, không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, mạnh yếu... Tất cả chúng ta ai cũng muốn quyền lực và thành công. Nhưng nếu vì cố sức tranh đấu để có được quyền lực, rồi lại có sức tranh đấu để bảo vệ quyền lực mà bị hao mòn, mệt mỏi, bị chia cách tình nghĩa thì đâu còn có thể vui hưởng quyền lực và thành công? Quyền lực và thành công như vậy thật chẳng có ý nghĩa gì. Sống một cuộc sống sâu sắc và hạnh phúc, có thì giờ chăm sóc người thương là một thành công khác, một quyền lực khác, một thứ thành công và quyền lực hơn nhiều. Chỉ có một thành công đáng kể đó là thành công khi chuyển hoá tự thân, vượt thắng phiền

não, sợ hãi và sân hận. Đây là thứ thành công, thức quyền lực đem lợi lạc cho chính ta và cho những người khác mà không gây ra một tác hại nào.

Muốn có quyền lực, muốn được danh tiếng hay giàu sang không phải là điều xấu. Nhưng phải nhớ rằng chúng ta theo đuổi quyền lực, danh tiếng hay tiền tài là để được hạnh phúc.

490

(Trích Quyền lực đích thực - Thích Nhất Hạnh, Nhà sách Phương Nam)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2. Ghi lại câu chủ đề của đoạn trích trên.

Câu 3. Theo tác giả, chúng ta theo đuổi quyền lực là để có được điều gì?

Câu 4. Em rút ra được thông điệp nào cho mình qua việc đọc đoạn trích trên? (Trả lời trong khoảng 3- 5 dòng.)

III. Làm văn (5,5 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Viết đoạn văn nghị luận khoảng 10 – 12 câu trả lời câu hỏi: để có quyền lực đích thực, theo em cần làm gì?

Câu 2. (4,0 điểm) Có ý kiến cho rằng: “Đóng góp của Kim Lân trong Làng đã phản ánh vẻ đẹp mới mẻ của người nông dân sau Cách mạng”. Phân tích vẻ đẹp mới mẻ đó trong đoạn văn sau: “Ông Hai đi nghênh ngang giữa đường vắng... vui quá!”

Đề số 8

I. Tiếng việt (2 điểm)

Tìm và gọi tên thành phần biệt lập trong các câu sau đây và nêu tác dụng:

a. Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. (Làng - Kim Lân)

b. Lan – bạn thân của tôi - học giỏi nhất lớp

c. Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

d. Quê hương ơi! Lòng tôi cũng như sông

Tình Bắc Nam chung chảy một dòng.

(Nhớ con sông quê hương - Tế Hanh)

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

Có mấy ai nhận ra rằng khoảng thời gian hạnh phúc nhất chính là những giây phút hiện tại mà chúng ta đang sống? Cuộc sống vốn chứa đựng nhiều thử thách, khó khăn và

ngịch cảnh. Cách thích ứng tốt nhất với cuộc sống này là chấp nhận thực tế và tin vào chính mình. Tự bản thân mỗi chúng ta, trong bất kì hoàn cảnh nào, phải biết cảm nhận và tự tìm lấy niềm hạnh phúc cho riêng mình. Đừng trông đợi một phép màu hay một ai đó sẽ mang hạnh phúc đến cho bạn. Đừng đợi đến khi bạn thật rảnh rỗi hay đến lúc tốt nghiệp ra trường, đừng đợi đến khi kiếm được thật nhiều tiền, thành đạt, có gia đình, hoặc đến khi được nghỉ hưu mới thấy đó là lúc bạn được hạnh phúc. Đừng đợi đến mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, hay mùa đông rồi mới cảm thấy hạnh phúc. Đừng đợi tia nắng ban mai hay ánh hoàng hôn buông xuống mới nghĩ là hạnh phúc. Đừng đợi đến những chiều thứ bảy, những ngày cuối tuần, ngày nghỉ, ngày sinh nhật hay một ngày đặc biệt nào mới thấy đó là ngày hạnh phúc của bạn. Tại sao không phải lúc này? Hạnh phúc là một con đường đi, một hành trình. Hãy trân trọng từng khoảnh khắc quý giá trên chuyến hành trình ấy. Hãy dành thời gian quan tâm đến người khác và luôn nhớ rằng, thời gian không chờ đợi một ai!

(Trích Hạt giống tâm hồn, NXB Văn học, 2012)

Câu 1. Xác định thao tác lập luận chủ yếu được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. Em hiểu thế nào về câu nói: “Hạnh phúc là một con đường đi, một hành trình.”?

Câu 3. Theo em, vì sao tác giả cho rằng: “khoảng thời gian hạnh phúc nhất chính là những giây phút hiện tại mà chúng ta đang sống”?

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với em?

III. Làm văn (5,5 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Viết đoạn văn nghị luận khoảng 15 - 20 câu trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong đoạn trích trên: “Cách thích ứng tốt nhất với cuộc sống này là chấp nhận thực tế và tin vào chính mình.”

Câu 2: (4,0 điểm) Phân tích bài thơ Đồng chí - Chính Hữu để thấy bài thơ đã diễn tả sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

Đề số 9

I. Tiếng việt (2,0 điểm)

Mẹ đang tía bắp trên núi Ka lai

*Lưng núi thì to mà **lưng** mẹ nhỏ*

1. Trong từ **lưng** ở câu trên, từ nào dùng theo nghĩa gốc, từ nào dùng theo nghĩa chuyển, chuyển theo phương thức nào?

2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu trên?

3. Viết một câu văn có dùng từ chuyển nghĩa. Gạch chân từ đó.

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

VẾT NÚT VÀ CON KIẾN

492

Khi ngồi ở bậc thềm trước nhà, tôi nhìn thấy một con kiến đang tha chiếc lá trên lưng. Chiếc lá lớn hơn con kiến gấp nhiều lần.

Bò được một lúc, con kiến chạm phải một vết nứt khá lớn trên nền xi măng. Nó dừng lại giây lát. Tôi tưởng con kiến hoặc là quay lại, hoặc là sẽ một mình bỏ qua vết nứt đó. Nhưng không. Con kiến đặt chiếc lá ngang qua vết nứt trước, sau đó đến lượt nó vượt qua bằng cách vượt lên trên chiếc lá. Đến bờ bên kia, con kiến lại tha chiếc lá và tiếp tục cuộc hành trình.

Hình ảnh đó bất chợt làm tôi nghĩ rằng tại sao mình không thể học loài kiến nhỏ bé kia, biến những trở ngại, khó khăn của ngày hôm nay thành hành trang quý giá cho ngày mai tươi sáng hơn!

(Theo Hạt giống tâm hồn, tập 5, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2013)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2: Ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh “vết nứt”?

Câu 3: Vì sao tác giả cho rằng: “tại sao mình không thể học loài kiến nhỏ bé kia, biến những trở ngại, khó khăn của ngày hôm nay thành hành trang quý giá cho ngày mai tươi sáng hơn!”?

Câu 4: Từ văn bản trên, hãy rút ra cho mình một bài học mà anh/chị tâm đắc nhất?

III. Làm văn (5,5 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Từ nội dung phần Đọc hiểu, viết đoạn văn nghị luận khoảng 12 – 15 câu trả lời câu hỏi: để vượt qua nghịch cảnh, theo em cần làm gì?

Câu 2. (4,0 điểm) Có ý kiến cho rằng: “Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm” (Lép-tôn-xtoi). Phân tích tình cảm Nguyễn Dữ đối với vẻ đẹp nhân vật Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương.

Đề số 10

I. Tiếng việt (2,0 điểm)

Trong Mã Giám Sinh mua Kiều, Nguyễn Du viết:

Hỏi tên, rằng: “Mã Giám Sinh”

Hỏi quê, rằng: “Huyện Lâm Thanh cũng gần”

1. Câu thơ trên được tác giả sử dụng loại dẫn nào?
2. Tác giả đã để cho nhân vật vì phạm phương châm hội thoại nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng lời dẫn và phương châm hội thoại đó.
3. Dùng lời dẫn đã xác định ở câu 1, viết một câu giới thiệu câu tục ngữ: “Lời nói gói vàng”

493

II. Đọc hiểu (2,5 điểm)

Mỗi người đều phải leo lên những bậc thang đời mình. Có những mơ ước xa: đến đỉnh cao nhất. Có người ước mơ gần: một hai bậc, rồi sau đó, một hai bậc tiếp theo. Có người cứ lặng lẽ tiến bước theo mục tiêu của mình, gạt bỏ mọi thị phi. Có người đi chu du một vòng thiên hạ, ném đủ đắng cay rồi mới chịu trở về với ước mơ ban đầu. Nhưng cũng có người lơ bay xa quá và không thể điều khiển đời mình được nữa, chỉ còn buông xuôi và tiếc nuối. Tôi nhận ra rằng, ước mơ chẳng đưa ta đến đâu cả, chỉ có cách thức mà bạn thực hiện ước mơ mới đưa bạn đến nơi bạn muốn.

Có lẽ chúng ta cần một cái nhìn khác. Rằng chẳng có ước mơ nào tầm thường. Và chúng ta học không phải để thoát khỏi nghề rẽ rúng này, để được làm nghề danh giá kia. Mà học để có thể làm điều mình yêu thích một cách tốt nhất và từ đó mang về cho bản thân thu nhập cao nhất có thể, một cách xứng đáng và tự hào.

Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận. Đó là lí do để chúng ta không thêm khát vị thế cao sang này mà rẽ rúng công việc bình thường khác. (...)

Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường. Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày. Bởi luôn có một đỉnh cao cho mỗi nghề bình thường.

(Trích Nếu biết trăm năm là hữu hạn; Phạm Lữ Ân, NXB Hội nhà văn, 2017)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Nêu tác dụng của việc điệp cấu trúc câu “Có người...” trong khổ một

Câu 3: Theo tác giả, vì sao chúng ta không thêm khát vị thế cao sang này rẽ rúng công việc bình thường khác”?

Câu 4: Em hiểu thế nào về ý kiến: học để có thể làm điều mình yêu thích một cách tốt nhất và từ đó mang về cho bản thân thu nhập cao nhất có thể, một cách xứng đáng và tự hào?

III. Làm văn (5,5 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Từ nội dung phần Đọc hiểu, viết đoạn văn nghị luận khoảng 12 - 15 trình bày suy nghĩ của em về: Chỉ có cách thức mà bạn thực hiện ước mơ mới đưa bạn đến nơi bạn muốn.

Câu 2. (4,0 điểm) Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong đoạn văn sau: “Công việc của cháu... chuyển đi dài.”⁴⁹⁴

MỤC LỤC

495

CHUYÊN ĐỀ 1: PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH, VIẾT VĂN

NLVH.....1

STT	Các chủ đề	Nội dung biên soạn	Số trang
1	Đoạn văn phần 1	Phân tích đề, xác định vấn đề nghị luận Tìm ý bám sát vấn đề nghị luận Mở đoạn, kết đoạn	1
2	Đoạn văn phần 2	Mẹo, phương pháp viết thân đoạn phân tích thơ	13
3	Đoạn văn phần 3	Mẹo, phương pháp viết thân đoạn phân tích văn xuôi	24
4	Đoạn văn phần 4	Bí kíp viết đoạn văn đúng – đủ - sâu – hay	32
5	Bài văn phần 1	Phân tích đề, tìm ý Mẹo, phương pháp viết mở bài Mẹo, phương pháp viết kết bài	41
6	Bài văn phần 2	Xác lập luận điểm trong thân bài Phương pháp viết luận điểm khái quát tác giả, tác phẩm Phương pháp viết luận điểm đánh giá	64
7	Bài văn phần 3	Phương pháp phân tích thơ Phương pháp phân tích văn xuôi	77
8	Bài văn phần 4	Phương pháp viết các dạng đề nâng cao, liên hệ-mở rộng tạo điểm nhấn cho bài viết	86

CHUYÊN ĐỀ II: NHỮNG NHẬN ĐỊNH LIÊN HỆ BẮM SÁT TÁC

PHẨM.....104

CHUYÊN ĐỀ III: LÝ LUẬN VĂN HỌC CHUYÊN SÂU112

CHUYÊN ĐỀ IV: TUYỂN TẬP NHỮNG NHẬN ĐỊNH LLVH

HAY.....180

CHUYÊN ĐỀ V: PHÂN TÍCH CHUYÊN SÂU CÁC TÁC

PHẨM.....212

Hoàng lê nhất thống

chí.....212

Chuyện người con gái Nam

Xương.....216

Truyện Kiều.....232

Chị em Thúy Kiều.....235

Cảnh ngày xuân.....245

Kiều ở lầu Ngưng Bích

.....253

Lục Vân tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

.....270

Đồng chí.....277

Bài thơ về tiểu đội xe không kính

.....292

Đoàn thuyền đánh cá307

Bếp lửa.....323

Ánh

trắng.....340

Viếng lăng Bác.....353

Sang thu

.....368

Mùa xuân nho

nhỏ.....376

Làng.....392

Lặng lẽ

SaPa.....409

Chiếc lược

ngà.....424

Những ngôi sao xa

xôi.....439

Bến

quê.....459

Bàn về đọc sách

.....465

Tiếng nói văn nghệ.....468

CHUYÊN ĐỀ VI: MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO

.....472

ĐÔI LỜI TÂM SỰ

Các thầy cô giáo, các em học sinh yêu quý!

Như vậy chặng đường chinh phục kỳ thi tuyển sinh vào 10, kì thi ôn luyện nâng cao môn Ngữ Văn 9 tôi cùng các bạn đồng hành đến đây là kết thúc. Trong quá trình biên soạn tài liệu mặc dù đã cố gắng hết sức nhưng cũng không thể tránh được những sai lầm về hình thức cũng như nội dung, vì vậy rất mong các quý thầy cô và các em thông cảm, chỉnh sửa và góp ý cho tôi để cùng nhau sở hữu một bộ tài liệu hay nhất có thể.

Thân ái ! Chào tạm biệt.

